

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TẬP : BẢN VẼ THIẾT KẾ

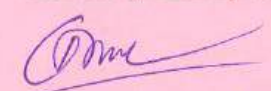
CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

CHỦ ĐẦU TƯ:

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐT XD & PT QĐ LỆ THỦY**

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

Hoàng Ngọc Long

HOÀN THÀNH NĂM 2026

DANH MỤC BẢN VẼ



STT	SỐ TRANG-KHỔ GIẤY	KÝ HIỆU	TÊN BẢN VẼ
I	12 TỜ A0	CÁC BẢN VẼ MẶT BẰNG	
1	1-A0	BDSN-01	ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC THIẾT KẾ SAN NỀN
2	1-A0	BDSN-02	Ô LƯỚI TÍNH TOÁN VÀ KHỐI LƯỢNG SAN NỀN
3	1-A0	BDGT-01	BÌNH ĐỒ GIAO THÔNG
4	1-A0	BDBV-01	BÌNH ĐỒ BỎ VỈA - AN TOÀN GIAO THÔNG
6	1-A0	BDTT-01	BÌNH ĐỒ CẮM MỐC PHÂN LÔ
7	1-A0	BDCN-01	BÌNH ĐỒ CẤP NƯỚC
8	1-A0	BDNM: 01	BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA
9	1-A0	BDNT: 01	BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC THẢI
10	1-A0	CĐ, TT	MẶT BẰNG THIẾT KẾ CẤP ĐIỆN
11	1-A0	CS.TT	MẶT BẰNG THIẾT KẾ CHIẾU SÁNG
II	100 TỜ A3	HẠNG MỤC GIAO THÔNG	
1	1-A3	THKL-1	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG GIAO THÔNG
2	4-A3	ĐH 1-4	TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN
3	1-A3	CTBV	CHI TIẾT BỎ VỈA
4	1-A3	CTBB	CHI TIẾT BIỂN BÁO
5	2-A3	KHE CD 1,2	KHE CỎ GIẢN
6	7-A3	BTXM	BÌNH ĐỒ DUỖI THẲNG TẮM BTXM CÁC TUYẾN
7	4-A3	CTNG 1-4	CHI TIẾT NÚT GIAO
8	1-A3	CTM	CHI TIẾT MỐC PHÂN LÔ
9	16-A3	TDTK, TNTK, KL CT T1	TRẮC DỌC, TRẮC NGANG THIẾT KẾ, KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT TRỤC 1
10	8-A3	TDTK, TNTK, KL CT T2	TRẮC DỌC, TRẮC NGANG THIẾT KẾ, KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT TRỤC 2
11	5-A3	TDTK, TNTK, KL CT T3	TRẮC DỌC, TRẮC NGANG THIẾT KẾ, KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT TRỤC 3
12	5-A3	TDTK, TNTK, KL CT T4	TRẮC DỌC, TRẮC NGANG THIẾT KẾ, KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT TRỤC 4
13	6-A3	TDTK, TNTK, KL CT T5	TRẮC DỌC, TRẮC NGANG THIẾT KẾ, KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT TRỤC 5
14	29-A3	TDTK, TNTK, KL CT T6	TRẮC DỌC, TRẮC NGANG THIẾT KẾ, KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT TRỤC 6
15	10-A3	TDTK, TNTK, KL CT T7	TRẮC DỌC, TRẮC NGANG THIẾT KẾ, KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT TRỤC 7
III	37 TỜ A3	HẠNG MỤC THOÁT NƯỚC MƯA	
1	1-A3	THKL	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC MƯA
2	17-A3	CTNM 02-18	CHI TIẾT CÁC HỐ GA
3	1-A3	CTNM 19	CHI TIẾT MIỆNG THU NƯỚC; LƯỚI CHẮN RÁC
4	10-A3	CTNM 20-29	CHI TIẾT CÁC ỐNG CỐNG
5	1-A3	CTNM-30	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT HỐ GA, ỐNG CỐNG
6	7-A3	TD 01-06	TRẮC DỌC THOÁT NƯỚC MƯA
IV	10 TỜ A3	HẠNG MỤC THOÁT NƯỚC THẢI	

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SKD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

DANH MỤC BẢN VẼ



STT	SỐ TRANG-KHỔ GIẤY	KÝ HIỆU	TÊN BẢN VẼ
1	1-A3	NT-01	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HỒ GA; TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI
2	6-A3	NT 02-07	CHI TIẾT CÁC HỒ GA
3	3-A3	TD: 01-03	TRẮC DỌC THOÁT NƯỚC THẢI
V	9 TỜ A3	HẠNG MỤC CẤP NƯỚC	
1	1-A3	CNKL-01	KHỐI LƯỢNG CẤP NƯỚC
2	5-A3	CNHV: 02-06	CHI TIẾT HỒ VAN; GỐI ĐỖ
3	1-A3	CN: 07	MẶT CẮT Rãnh CHỖN ỐNG; KHỐI LƯỢNG CẤP NƯỚC ĐẦU NGUỒN
4	1-A3	CN: 08	CHI TIẾT TRỤ CỨU HOẢ
5	1-A3	CN: 09	SƠ ĐỒ LẮP ĐẶT HỒ VAN
VI	35 TỜ A3	HẠNG MỤC CẤP ĐIỆN - CHIẾU SÁNG	
1	1-A3	CĐ-01	CHI TIẾT CỘT ĐẦU NỐI, XÀ NÉO
2	1-A3	CĐ-02	XÀ NÉO LỆCH CỘT ĐÔI DỌC TUYẾN
3	1-A3	CĐ-03	XÀ ĐỖ LỆCH KÉP 2 PHA
4	1-A3	CĐ-04	CỔ DÈ CỘT ĐÔI
5	1-A3	CĐ-05	MÓNG TRỤ ĐÔI MTĐ4
6	1-A3	CĐ-06	MÓNG MT4
7	1-A3	CĐ-07	TIẾP ĐỊA ĐƯỜNG DÂY LR6
8	1-A3	CĐ-08	MẶT TRƯỚC MÁY BIẾN ÁP, THỐNG KÊ MBA
9	1-A3	CĐ-09	MẶT BÊN MÁY BIẾN ÁP, NGUYÊN LÝ TIẾP ĐỊA TRẠM
10	1-A3	CĐ-10	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TBA 320 KVA
11	1-A3	CĐ-11	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ TỰ BÙ 120 KVA
12	1-A3	CĐ-12	XÀ ĐỖ MBA
13	1-A3	CĐ-13	XÀ CẦU CHỈ TỰ RƠI
14	1-A3	CĐ-14	XÀ SỬ ĐỖ
15	1-A3	CĐ-15	TIẾP ĐỊA TRẠM
16	1-A3	CĐ-16	SÀN THAO TÁC
17	1-A3	CĐ-17	CỘT SẮT 12,1M
18	1-A3	CĐ-18	MÓNG CỘT SẮT
19	1-A3	CĐ-19	TIẾP ĐỊA ĐƯỜNG DÂY
20	1-A3	CĐ-20	MÓNG MT-1
21	1-A3	CĐ-21	MÓNG MTĐ-1
22	1-A3	CĐ-22	CHI TIẾT TREO CÁP ABC TRÊN CỘT HẠ THỂ
22	1-A3	CĐ-23	CHI TIẾT NGỪNG CÁP ABC TRÊN CỘT HẠ THỂ
22	1-A3	CĐ-24	CHI TIẾT DỪNG CHO CÁP VẠN XOẮN
22	1-A3	CĐ-25	TAY BẮT CẦN ĐÈN TRÊN CỘT ĐƠN HẠ THỂ
22	1-A3	CĐ-26	TAY BẮT CẦN ĐÈN TRÊN CỘT ĐÔI NGANG HẠ THỂ

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
 Theo văn bản số:/.....
 Ngày tháng năm
 Chủ trì bộ môn ký tên

DANH MỤC BẢN VẼ

STT	SỐ TRANG-KHỔ GIẤY	KÝ HIỆU	TÊN BẢN VẼ
22	1-A3	CĐ-27	TAY BẮT CẦN ĐÈN TRÊN CỘT ĐƠN TRUNG THỂ
22	1-A3	CĐ-28	BỐ TRÍ TỦ ĐKCS TRÊN CỘT SẮT
22	1-A3	CĐ-29	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ ĐKCS
22	1-A3	CĐ-30	CHI TIẾT TIẾP ĐỊA RL-6
22	1-A3	CĐ-31	CHI TIẾT ĐÈN ĐƯỜNG
22	1-A3	CĐ-32	THỐNG KÊ VẬT TƯ TRUNG THỂ
22	1-A3	CĐ-33	THỐNG KÊ VẬT TƯ TRẠM BIỂN ÁP
22	1-A3	CĐ-34	THỐNG KÊ VẬT TƯ HẠ THỂ
22	1-A3	CĐ-35	THỐNG KÊ VẬT TƯ CHIẾU SÁNG



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên



HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NỀN MẶT ĐƯỜNG

STT	Hạng mục công tác	Đơn vị	Khối lượng							Chiếm chỗ, đắp bù	Tổng cộng
			Trục 1	Trục 2	Trục 3	Trục 4	Trục 5	Trục 6	Trục 7		
	Chiều dài tuyến	m	447,33	99,64	69,50	76,19	74,66	655,00	145,15		1567,47
	Diện tích nút giao	m2								5219,64	5219,64
I	Nền đường										
1	Vết hữu cơ đất C1	m3	2749,07	666,01	355,89	188,89	308,69	3411,64	710,07	2609,82	11000,08
2	Đánh cấp đất C1	m3						400,32	45,15		445,47
3	Đào nền đất C1	m3						134,15			134,15
4	Đào khuôn đất C1	m3	0,00			60,55	0,00	1174,49	0,00		1235,04
5	Đắp cát K90	m3	2749,07	666,01	355,89	188,89	308,69	3811,71	755,21	2609,82	11445,29
6	Đắp nền K95	m3	6591,47	1305,58	739,41	466,02	1008,13	8246,30	1877,53	3451,50	24564,82
7	Đắp đất K98	m3	1258,00	264,86	159,25	132,86	144,06	2380,79	306,81	1822,49	6469,12
II	Mặt đường bê tông										
1	Diện tích mặt đường	m2	2300,30	484,34	291,19	242,95	263,44		561,01	1646,85	5790,08
2	Bê tông M300 đá 1x2 dày 18cm	m3	414,05	87,18	52,41	43,73	47,42		100,98	296,43	1042,21
3	Lót 02 lớp giấy dầu	m2	4600,60	968,68	582,38	485,90	526,88		1122,02	3293,70	11590,16
4	Ván khuôn mặt đường	m2	258,78	54,49	32,76	27,33	29,64		63,12	199,35	655,46
5	Chiều dài khe co không có thanh truyền lực	m	192,00	64,00	19,20	6,40	12,80		38,40		332,80
6	Chiều dài khe co có thanh truyền lực	m	332,80	38,40	38,40	38,40	38,40		76,80		563,20
7	Chiều dài khe giãn	m	70,40	12,80	12,80	12,80	12,80		25,60		147,20
8	Chiều dài khe dọc	m	359,41	75,68	45,50	37,96	41,16		87,67		647,36
9	Cáp phối đá dăm loại 2	m3	377,40	79,46	47,78	39,86	43,21		92,05	247,03	926,79
III	Mặt đường láng nhựa										
1	Diện tích mặt đường	m2									
2	Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm TC nhựa 4,5 kg/m2	m2									
3	Đá 4x6 chèn đá dăm lớp trên dày 15cm	m3									
4	Đá 4x6 lớp dưới dày 18cm	m3									
5	Bù vênh đá 4x6	m3									
IV	Gia cố mái taluy										
1	Đá hộc xây gia cố mái taluy	m3	232,75	57,97	33,63				33,24	66,02	423,61
2	Bê tông chân khay M150 đá 1x2	m3	141,74	37,82	22,76				22,70	47,90	272,92
3	Ván khuôn chân khay	m2	566,96	151,28	91,04				90,80	191,00	1091,68
4	Đệm dăm sạn	m3	108,07	27,09	15,80				15,60	31,20	197,76
5	Đào hố móng chân khay	m3	332,51	87,80	52,79				52,65		525,75
6	Đắp tra chân khay	m3	211,63	55,25	33,22				33,13		333,23
V	Bố vĩa										
1	Tổng chiều dài bố vĩa	m	718,82	151,36	91,00	75,92	82,32	369,35	175,34	525,97	2190,08
a	Bố vĩa trên đoạn thẳng (L = 1m)	m	718,82	151,36	91,00	75,92	82,32	369,35	175,34	525,97	2190,08
b	Bố vĩa trên đoạn cong (L = 0,25m)	m									
2	Bê tông bố vĩa M250	m3	23,36	4,92	2,96	2,47	2,68	12,00	5,70	17,09	71,18
3	Ván khuôn bố vĩa	m2	568,71	123,96	74,53	62,18	67,42	302,50	143,60	430,77	1793,68
3	Cốt thép bố vĩa D6mm (đoạn qua hàng thu nước)	kg	8,84	2,72	1,36	1,36	2,04	4,76	3,06		24,14
4	Cốt thép bố vĩa D10mm (đoạn qua hàng thu nước)	kg	60,32	18,56	9,28	9,28	13,92	32,48	20,88		164,72
VI	Đan rãnh										
1	Chiều dài đan rãnh	m	718,82	151,36	91,00	75,92	82,32	369,35	175,34	525,97	2190,08
2	Bê tông đan rãnh M250	m3	67,93	14,30	8,60	7,17	7,78	34,90	16,57	49,70	206,96
3	Ván khuôn đan rãnh	m2	237,21	49,95	30,03	25,05	27,17	121,89	57,86	173,57	722,73
4	Lót 01 lớp giấy dầu	m2	431,29	90,82	54,60	45,55	49,39	221,61	105,20	315,58	1314,05
VII	Bố hè										
1	Chiều dài bố hè	m	718,82	151,36	91,00	75,92	82,32	369,35	175,34	525,97	2190,08
2	Bê tông bố hè	m3	43,13	9,08	5,46	4,56	4,94	22,16	10,52	31,56	131,40
3	Ván khuôn bố hè	m2	431,29	90,82	54,60	45,55	49,39	221,61	105,20	315,58	1314,05
VIII	Vĩa hè										
1	Diện tích vĩa hè	m2	2156,46	605,44	273,00	303,68	329,28	1477,40	701,36	1574,67	6236,71
2	Bê tông M150 lót móng	m3	215,65	60,54	27,30	30,37	32,93	147,74	70,14	157,47	623,67
3	Lót 1 lớp giấy dầu	m2	2156,46	605,44	273,00	303,68	329,28	1477,40	701,36	1574,67	6236,71
IX	Biên báo giao thông										
1	Biên báo giao thông	cái									20,00
X											
1	Khối lượng đất đào hố ga, hố thu còn dư	m3									233,44
2	Khối lượng đào móng ống cống thoát nước mặt còn dư	m3									1584,37
3	Khối lượng đào móng ống cống thoát nước thải còn dư	m3									713,32
A	Tổng khối lượng đất đào còn dư tận dụng đắp đất K85 phần san nền	m2									2531,13
1	Khối lượng bố vĩa chiếm chỗ vĩa hè	m2	215,65	45,41	27,30	22,78	24,70	110,81	52,60	157,79	657,02
2	Khối lượng bố hè chiếm chỗ vĩa hè	m2	143,76	30,27	18,20	15,18	16,46	73,87	35,07	105,19	438,02
3	Khối lượng hố ga, hố thu nước chiếm chỗ vĩa hè	m2	32,67	9,68	6,05	4,84	7,28	16,94	12,10		89,54
B	Tổng khối lượng chiếm chỗ vĩa hè	m2									1184,58
C	Khối lượng đắp bù mái taluy	m3	326,54	56,76	34,13	56,94	61,74	277,01	65,75		878,87

SỞ QUẢN LÝ QUẢN TRỊ THẨM ĐỊNH
Thao Văn bản số...../SKD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

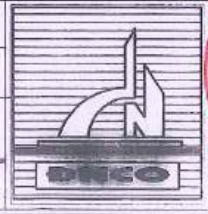
Lấy theo bảng tổng hợp khối lượng thoát nước mưa, thoát nước thải
Thao văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ phận kỹ thuật

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUẢN LÝ
DỰNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY
ĐỊA ĐIỂM
XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

C.N.Đ.A
CHỦ TRÌ
THIẾT KẾ
KIỂM TRA
BÙI MINH PHÚC
TRẦN CHÍ HÒA
TRẦN CHÍ HÒA
HOÀNG CÔNG VŨ



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
CHẤM DẤU
ĐÔNG NAM
ĐƯỜNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH

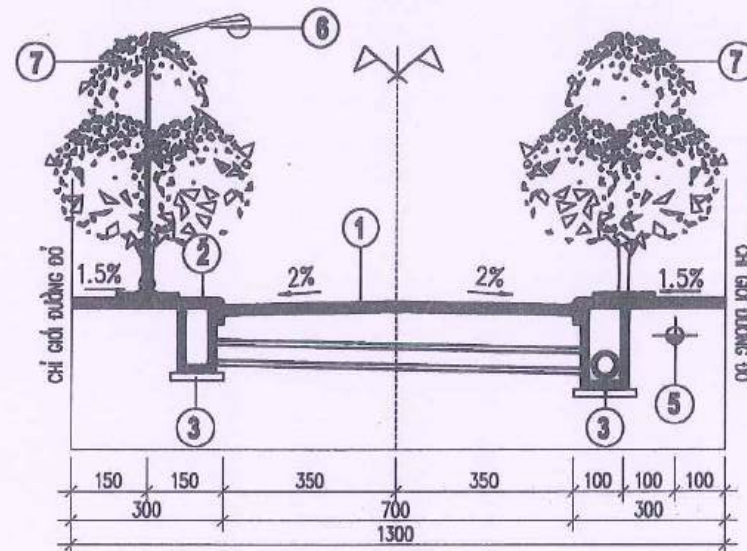
Thao K8, Bùi Minh Phúc

10/2/2026
KHBY: 1002-01

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN
(TRỤC ĐƯỜNG 01&03)

QUY MÔ MẶT CẮT NGANG HOÀN THIÊN THEO QUY HOẠCH

TỶ LỆ: 1/200

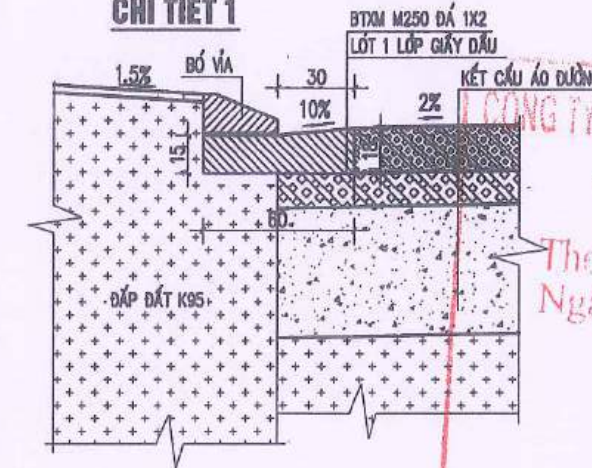


SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CHI TIẾT 1

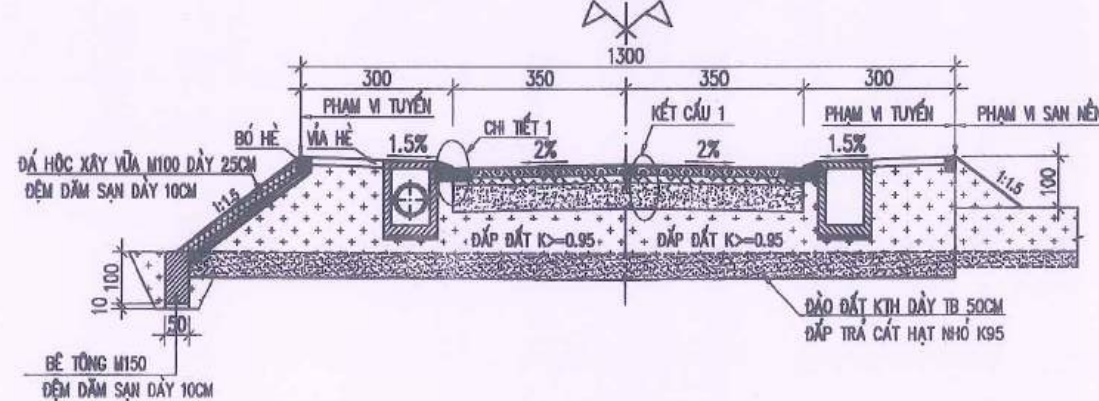


THẨM TRA

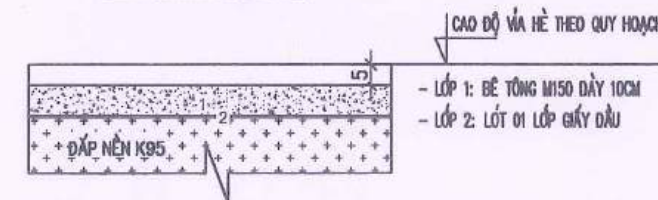
Theo văn bản số:
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN

TỶ LỆ: 1/200



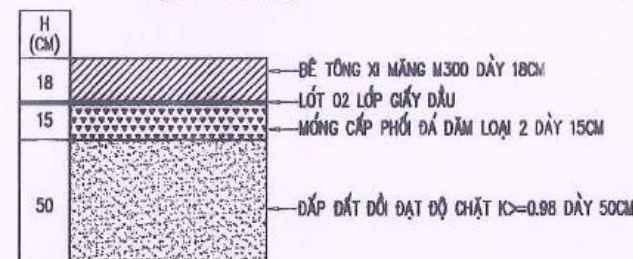
KẾT CẤU VỈA HÈ



CHÚ THÍCH:

- 1 MẶT ĐƯỜNG
- 2 VỈA HÈ
- 3 THOÁT NƯỚC MƯA
- 4 CẤP NƯỚC
- 5 THOÁT NƯỚC THẢI
- 6 CỘT ĐIỆN
- 7 CÂY XANH
- 8 HÀO KỸ THUẬT

KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG
(KẾT CẤU 1)



THUYẾT MINH

- 1- TRỤC ĐƯỜNG 01 THUỘC DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TUÂN THỦ THEO "DƯƠNG ĐỒ THỊ - YÊU CẦU THIẾT KẾ: TCVN 13592-2022" VÀ THAM KHẢO "TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ ĐƯỜNG ÔTÔ: TCVN 4054-2005".
- 2- TRẮC NGANG ĐƯỢC THIẾT KẾ VỚI QUY MÔ NHƯ SAU:
 - + BỀ RỘNG NỀN ĐƯỜNG: 13.0M.
 - + BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG: 2X3.5=7.0M.
 - + BỀ RỘNG VỈA HÈ: 2X3.0=6.0M.
- 3- NỀN ĐƯỜNG:
 - + ĐÀO ĐẤT KHÔNG THÍCH HỢP TRUNG BÌNH TRÊN TOÀN TUYẾN DÀY 50CM (NHỮNG ĐOẠN QUÁ ĐỀ, ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG,...ĐÀO ĐẾN CAO ĐỘ TƯƠNG ỨNG XUNG QUANH), ĐÁP TRẢ ĐĂNG CÁT HẠT NHỎ ĐẠT ĐỘ CHẬT $K \geq 0.90$. ĐỐI VỚI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ NỀN ĐỘ DỐC TỰ NHIÊN $\geq 20\%$ TRƯỚC KHI ĐÁP PHẢI ĐÁNH CẤP BMIN=1.0M.
 - + ĐÁP ĐẤT CẤP PHỐI ĐỒI ĐẠT $K \geq 0.98$ DÀY 50CM DƯỚI ĐÁY ÁO ĐƯỜNG; ĐÁP ĐẤT CẤP PHỐI ĐỒI ĐẠT ĐỘ CHẬT $K \geq 0.95$ TỪ CAO ĐỘ TỰ NHIÊN TRỞ LÊN ĐẾN ĐÁY LỚP ĐẤT K95.
- 4- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG:
 - + BÊ TÔNG XI MĂNG M300 DÁ 1X2 DÀY 18CM
 - + LỚT 02 LỚP GIẤY DẦU
 - + MÓNG CẤP PHỐI ĐÁ DẦM LOẠI 2 DÀY 15CM
- 5- LỀ ĐƯỜNG ĐƯỢC ĐÁP BẰNG ĐẤT CẤP PHỐI $K \geq 0.95$.
- 6- TALUY NỀN ĐÁP 1/1.5; NỀN ĐÀO 1/1.0 VỚI NỀN ĐẤT VÀ 1/2.0 VỚI NỀN CÁT.
- 7- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ DÙNG ĐƠN VỊ CM.

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

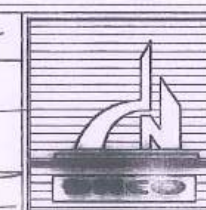
CÔNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁ QUYỀN SỬ
DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY
ĐỊA ĐIỂM
XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN
TRỤC ĐƯỜNG 01&03

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

C.N.Đ.A
CHỦ TRÌ
THIẾT KẾ
KIỂM TRA

BÙI MINH PHÚC
TRẦN CHÍ HÒA
TRẦN CHÍ HÒA
HOÀNG CÔNG VŨ



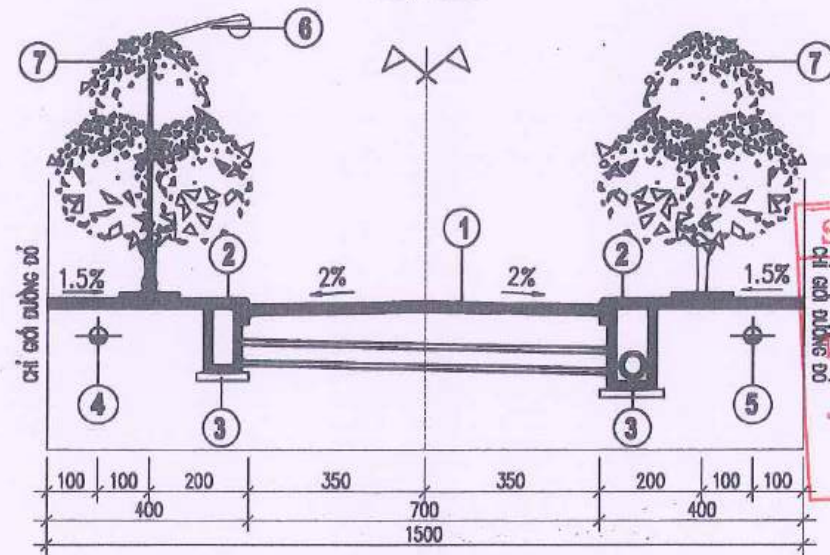
Ths. KS. Bùi Minh Phúc

10/2/2026
KHBV: BH-01

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN
(TRỤC ĐƯỜNG 02, 07)

QUY MÔ MẶT CẮT NGANG HOÀN THIỆN THEO QUY HOẠCH

TỶ LỆ: 1/200

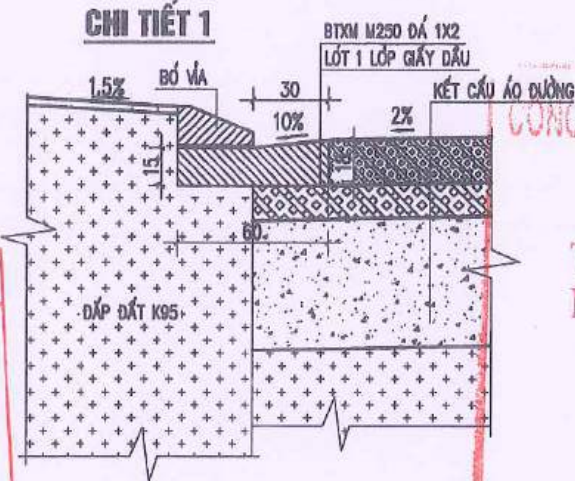


SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CHI TIẾT 1



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

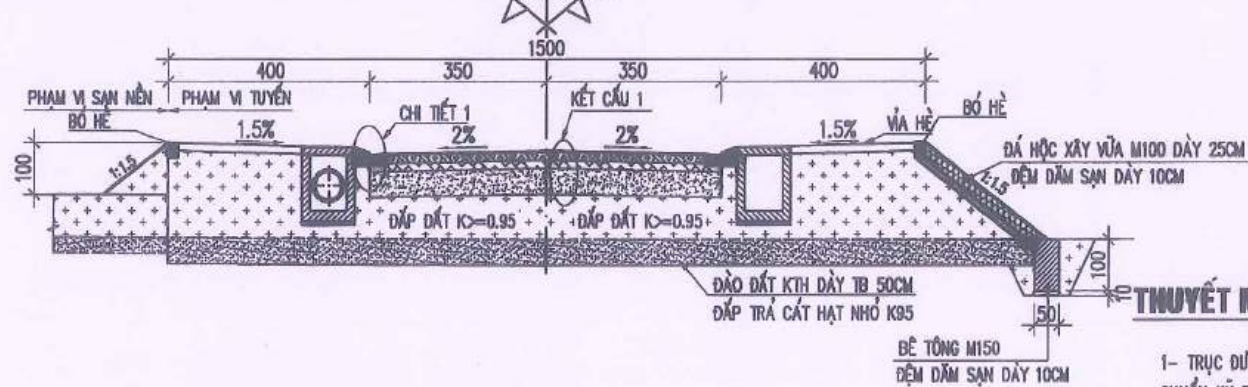
THAM TRA

Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm

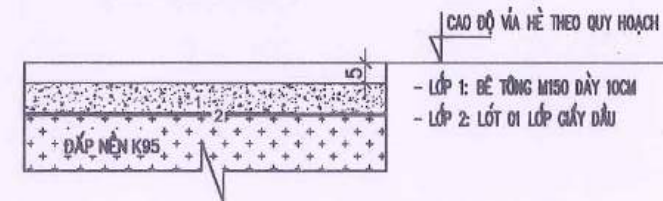
Chủ trì bộ môn ký tên

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN

TỶ LỆ: 1/200



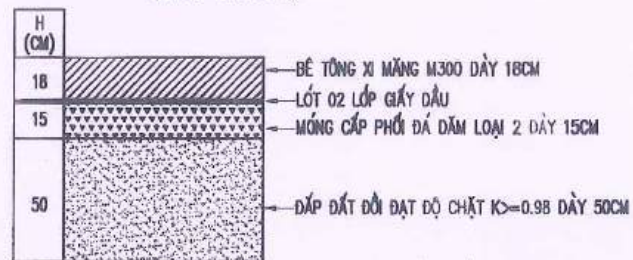
KẾT CẤU VĨA HÈ



CHÚ TNÍCH:

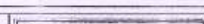
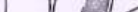
- ① MẶT ĐƯỜNG
- ② VỈA HÈ
- ③ THOÁT NƯỚC MƯA
- ④ CẤP NƯỚC
- ⑤ THOÁT NƯỚC THẢI
- ⑥ CỘT ĐIỆN
- ⑦ CÂY XANH
- ⑧ HÀO KỸ THUẬT

KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG (KẾT CẤU 1)



10 THUYẾT MINH

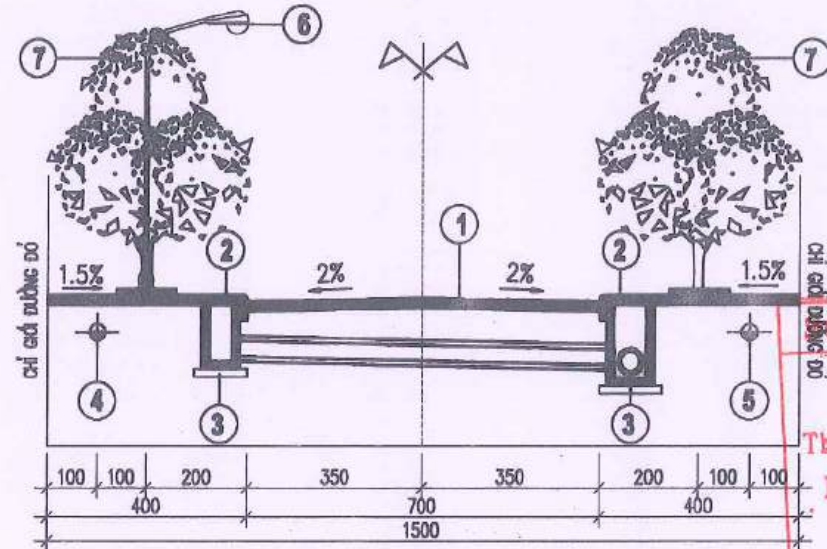
- 1- TRỤC ĐƯỜNG 02, 03, 04, 05 VÀ 07 THUỘC DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỀ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THUY ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TUẦN THỨ THEO ĐƯỜNG ĐÔ THỊ - YÊU CẦU THIẾT KẾ: TCVN 13592-2022* VÀ THAM KHẢO "TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ ĐƯỜNG ÔTÔ: TCVN 4054-2005".
- 2- TRẮC NGANG ĐƯỢC THIẾT KẾ VỚI QUY MÔ NHƯ SAU:
- | | |
|----------------------|-------------|
| + BỀ RỘNG NỀN ĐƯỜNG: | 15.0M. |
| + BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG: | 2X3.5=7.0M. |
| + BỀ RỘNG VΙΑ HÈ: | 2X4.0=8.0M. |
- 3- NỀN ĐƯỜNG:
- + ĐÀO ĐẤT KHÔNG THÍCH HỢP TRUNG BÌNH TRÊN TOÀN TUYẾN DÀY 50CM (NHỮNG ĐOẠN QUA ĐÈ, ĐƯỜNG NỘI ĐỘNG,...ĐÀO BỎ ĐẾN CAO ĐỘ TƯƠNG ỨNG XUNG QUANH).
- + ĐẬP TRÁ BẰNG CÁT HẠT NHỎ ĐẠT ĐỘ CHẶT $K \geq 0.90$. ĐỐI VỚI NHỮNG VỊ TRÍ CÒ NỀN ĐỘ DỐC TỰ NHIÊN $> 20\%$ TRƯỚC KHI ĐẬP PHẢI ĐÁNH CẤP BMIN=1.0M.
- + ĐẬP ĐẤT CẤP PHỐI ĐỐI ĐẠT $K \geq 0.98$ DÀY 50CM DƯỚI DẦY ÁO ĐƯỜNG; ĐẬP ĐẤT CẤP PHỐI ĐỐI ĐẠT ĐỘ CHẶT $K \geq 0.95$ TỪ CAO ĐỘ TỰ NHIÊN TRỞ LÊN ĐẾN DẦY LỚP ĐẤT K98.
- 4- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG:
- + BỀ TÔNG XI MĂNG M300 ĐÁ 1X2 DÀY 18CM
- + LỚT 02 LỚP GIẤY DẦU
- + MÓNG CẤP PHỐI ĐÁ DẪM LOẠI 2 DÀY 15CM
- 5- LỀ ĐƯỜNG ĐƯỢC ĐẬP BẰNG ĐẤT CẤP PHỐI $K \geq 0.95$.
- 6- TALUY NỀN ĐẬP 1/1.5; NỀN ĐÀO 1/1.0 VỚI NỀN ĐẤT VÀ 1/2.0 VỚI NỀN CÁT.
- 7- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ DÙNG ĐƠN VỊ CM.

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQL LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	CẮT NGANG ĐẠI DIỆN TRỤC ĐƯỜNG 02 VÀ 07	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM TỈNH QUẢNG TRỊ CHI NHÁNH H. LÊ THỦY - T. QUẢNG TRỊ 	10/2/2026	
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA				KHIẾM BÁC ĐÔNG NAM H. LÊ THỦY - T. QUẢNG TRỊ	KHBV : GH-02
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA					
		KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ						

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN
(TRỤC ĐƯỜNG 04, 05)

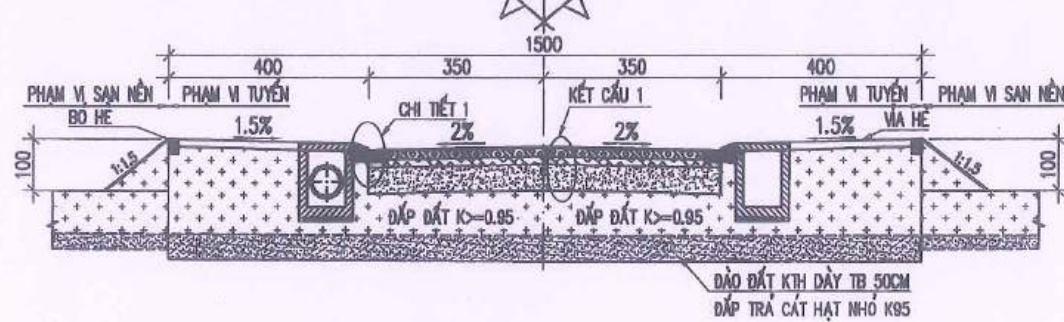
QUY MÔ MẶT CẮT NGANG HOÀN THIỆN THEO QUY HOẠCH

TỶ LỆ: 1/200

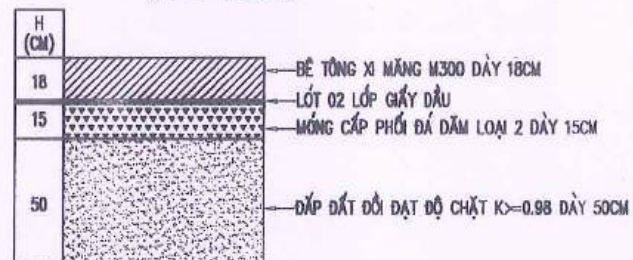


CẮT NGANG ĐẠI DIỆN

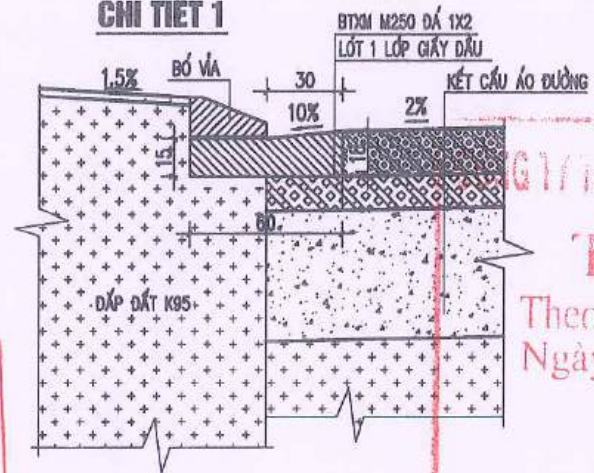
TỶ LỆ: 1/200



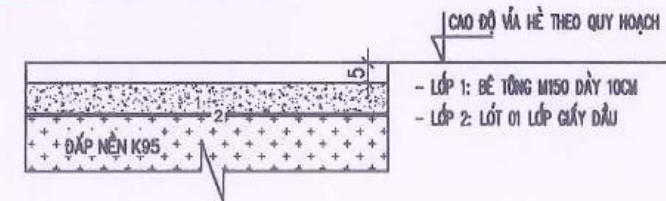
KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG (KẾT CẤU 1)



CHI TIẾT 1



KẾT CẤU VÀ NỀN

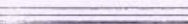
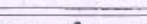


CHÚ TNÍCH:

- ① MẶT ĐƯỜNG
- ② VỈA HÈ
- ③ THOÁT NƯỚC MƯA
- ④ CẤP NƯỚC
- ⑤ THOÁT NƯỚC THẢI
- ⑥ CỘT ĐIỆN
- ⑦ CÂY XANH
- ⑧ HÀO KỸ THUẬT

THUYẾT MINH

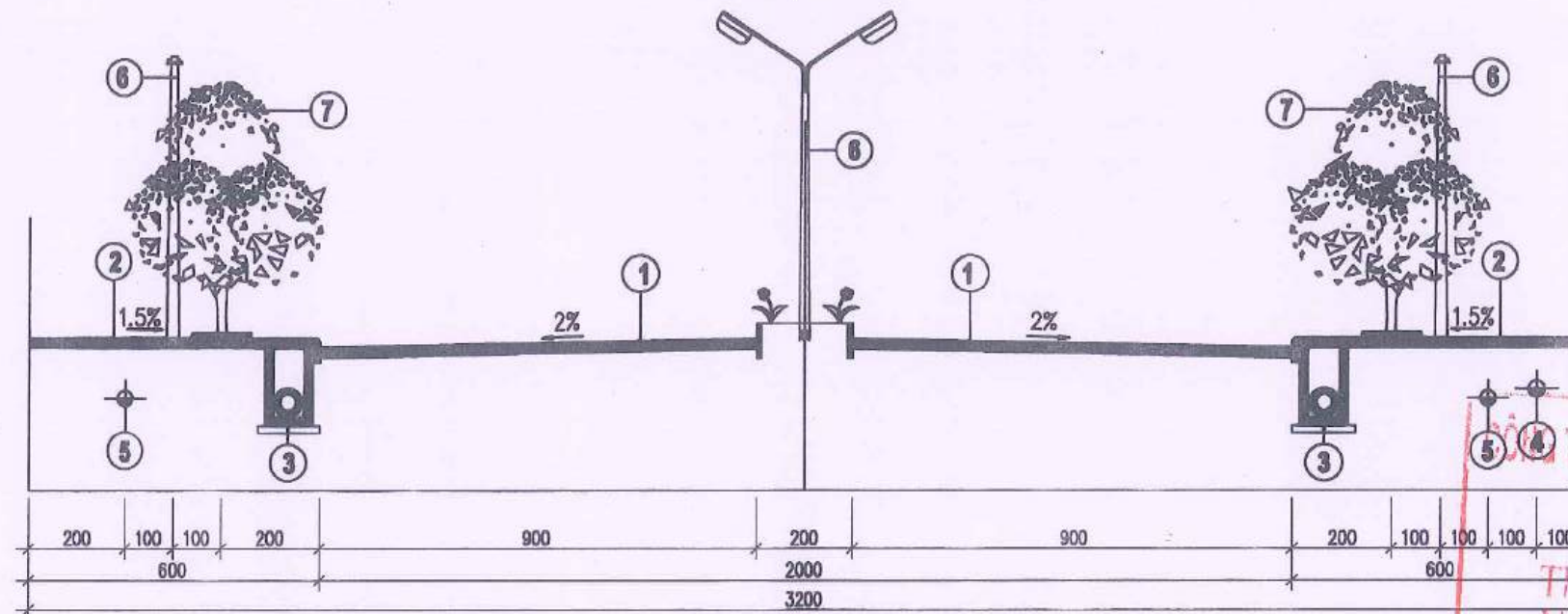
- 1- TRỤC ĐƯỜNG 02, 03, 04, 05 VÀ 07 THUỘC DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TUẦN THỦ THEO ĐƯỜNG ĐÔ THỊ – YÊU CẦU THIẾT KẾ: TCVN 13592-2022* VÀ THAM KHẢO TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ ĐƯỜNG ÔTÔ: TCVN 4054-2005*.
- 2- TRẮC NGANG ĐƯỢC THIẾT KẾ VỚI QUY MÔ NHƯ SAU:
- | | |
|----------------------|-------------|
| + BỀ RỘNG NỀN ĐƯỜNG: | 15.0M. |
| + BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG: | 2X3.5=7.0M. |
| + BỀ RỘNG VỈA HÈ: | 2X4.0=8.0M. |
- 3- NỀN ĐƯỜNG:
- + ĐÁO ĐẤT KHÔNG THÍCH HỢP TRUNG BÌNH TRÊN TOÀN TUYẾN DÀY 50CM (NHỮNG ĐOẠN QUA ĐE, ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG,...ĐÀO BỎ ĐẾN CAO ĐỘ TƯƠNG ỨNG XUNG QUANH), ĐẬP TRÁ ĐẲNG CÁT HẠT NHỎ ĐẠT ĐỘ CHẬT $K_z=0.90$. ĐỐI VỚI NHỮNG VỊ TRÍ CỎ NỀN ĐỘ ĐỐC TỰ NHIÊN $\geq 20\%$ TRƯỚC KHI ĐẬP PHẢI ĐÁNH CẤP BWIN=1.0M.
- + ĐẬP ĐẤT CẤP PHỐI ĐỐI ĐẠT $K_z=0.98$ DÀY 50CM DƯỚI ĐÁY ÁO ĐƯỜNG; ĐẬP ĐẤT CẤP PHỐI ĐỐI ĐẠT ĐỘ CHẬT $K_z=0.95$ TỪ CAO ĐỘ TỰ NHIÊN TRỞ LÊN ĐẾN ĐÁY LỚP ĐẤT K98.
- 4- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG:
- + BÊ TÔNG XI MĂNG M300 ĐÁ 1X2 DÀY 18CM
- + LỚT 02 LỚP GIẤY DẦU
- + MÓNG CẤP PHỐI ĐÁ ĐAM LOẠI 2 DÀY 15CM
- 5- LỀ ĐƯỜNG ĐƯỢC ĐẬP BẰNG ĐẤT CẤP PHỐI $K_z=0.95$.
- 6- TALUY NỀN ĐẬP 1/1.5; NỀN ĐÀO 1/1.0 VỚI NỀN ĐẤT VÀ 1/2.0 VỚI NỀN CÁT.
- 7- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ DÙNG ĐƠN VỊ CM.

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT THIÊN CỤT ĐẤT ĐỂ ĐẦU CHÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	CẮT NGANG ĐẠI DIỆN TRỤC ĐƯỜNG 04 VÀ 05	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM GIÁM ĐỐC  	10/2/2026
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA				
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ				
							Thủ. Ks. Bùi Minh Phúc	KHBV: ĐH-03

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN
(TRỤC ĐƯỜNG 06)

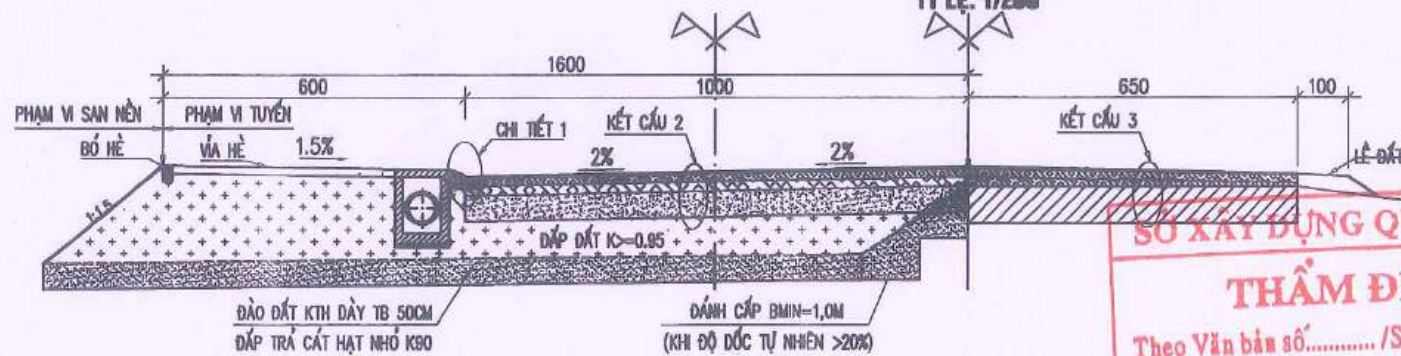
QUY MÔ MẶT CẮT NGANG HOÀN THIỆN THEO QUY HOẠCH

TỶ LỆ: 1/200

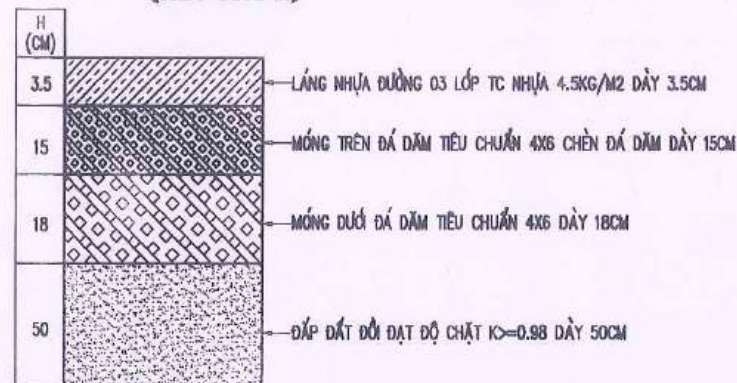


TRỤC ĐƯỜNG 06

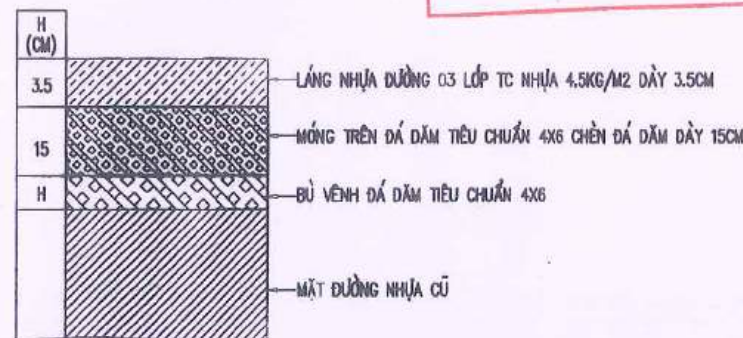
TỶ LỆ: 1/200



KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG
(KẾT CẤU 2)



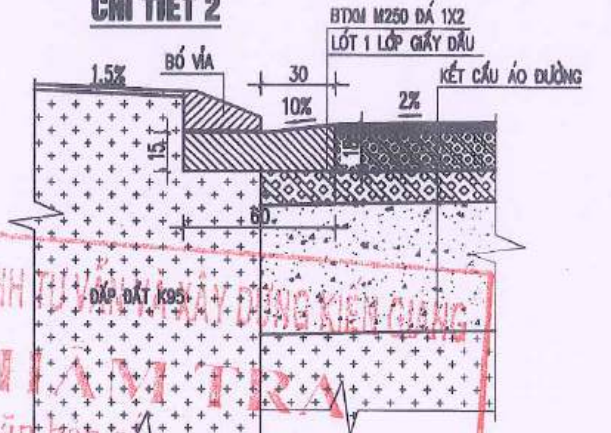
KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG
(KẾT CẤU 3)



CHÚ THÍCH:

- 1 MẶT ĐƯỜNG
- 2 VỈA HÈ
- 3 THOÁT NƯỚC MƯA
- 4 CẤP NƯỚC
- 5 THOÁT NƯỚC THẢI
- 6 CỘT ĐIỆN
- 7 CÂY XANH
- 8 HÀO KỸ THUẬT

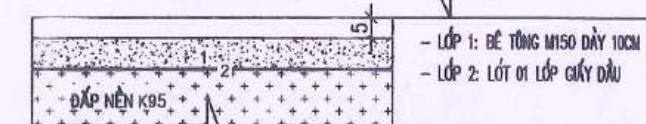
CHI TIẾT 2



THUYẾT MINH

- 1- TRỤC ĐƯỜNG 01 THUỘC DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THUY ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TUÂN THỦ THEO "ĐƯỜNG ĐỒ THỊ - YÊU CẦU THIẾT KẾ: TCVN 13592-2022" VÀ THAM KHẢO TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ ĐƯỜNG ÔTÔ: TCVN 4054-2005.
- 2- TRẮC NGANG ĐƯỢC THIẾT KẾ VỚI QUY MÔ NHƯ SAU:
 - + BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG: 23.5M
 - + BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG: (10+6.5)=16.5M
 - + BỀ RỘNG VỈA HÈ TRÁI: 6.0M
 - + BỀ RỘNG LÊ PHẢI: 1.0M
- 3- NỀN ĐƯỜNG:
 - + ĐÀO ĐẤT KHÔNG THÍCH HỢP TRUNG BÌNH TRÊN TOÀN TUYẾN DÀY 50CM (NHỮNG ĐOẠN QUA ĐÈ, ĐƯỜNG HỘI ĐỒNG...ĐÀO BỎ ĐẾN CAO ĐỘ TƯƠNG ỨNG XUNG QUANH), ĐẬP TRÁ BẰNG CÁT HẠT NHỎ ĐẠT ĐỘ CHẬT K=0.90. ĐỐI VỚI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ NỀN ĐỘ ĐỐC TỰ NHIÊN >20% TRƯỚC KHI ĐẬP PHẢI ĐÁNH CẤP BMIN=1.0M.
 - + ĐẬP ĐẤT CẤP PHỐI ĐỐI ĐẠT K=0.98 DÀY 50CM DƯỚI DẦY ÁO ĐƯỜNG ĐẬP ĐẤT CẤP PHỐI ĐỐI ĐẠT ĐỘ CHẬT K=0.95 TỪ CAO ĐỘ TỰ NHIÊN TRỞ LÊN ĐẾN DẦY LỚP ĐẤT K98.
- 4- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG:
 - + LÁNG NHỰA ĐƯỜNG 03 LỚP TC NHỰA 4.5KG/M2 DÀY 3.5CM.
 - + MÓNG TRÊN ĐÁ DẦM TIÊU CHUẨN 4X6 CHÈN ĐÁ DẦM DÀY 15CM.
 - + MÓNG DƯỚI ĐÁ DẦM TIÊU CHUẨN 4X6 DÀY 18CM.
- 5- LÊ ĐƯỜNG ĐƯỢC ĐẬP BẰNG ĐẤT CẤP PHỐI K=0.95.
- 6- TALUY NỀN ĐẬP 1/1.5, NỀN ĐÀO 1/1.0 VỚI NỀN ĐẤT VÀ 1/2.0 VỚI NỀN CÁT.
- 7- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ DÙNG ĐƠN VỊ CM.

KẾT CẤU VỈA HÈ



CHỦ ĐẦU TƯ BAN QUA ĐT&D PT&QD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	CẮT NGANG ĐẠI DIỆN TRỤC ĐƯỜNG 06 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KIỂM TRA	BÙI MINH PHÚC TRẦN CHÍ HÒA TRẦN CHÍ HÒA HOÀNG CÔNG VŨ		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM THÀNH LẬP: 200421102-C.T. QUẢNG TRỊ ĐƠN VỊ: T. QUẢNG TRỊ	10/2/2026 KHBY: EIR-04
---	---	---	--	--	--	---	---------------------------

TẤM THÉP HÀN BỊT ĐẦU
BU LÔNG INOX #10
 $L=3\text{cm}$
THÉP HỘP (10X20)mm, DÀY 0.8
THANH SỐ 1, L=250mm
BU LÔNG INOX #10
 $L=12\text{cm}$
THÉP HỘP (10X20)mm, DÀY 0.8
THANH SỐ 2, L=500mm
BIỂN TAM GIÁC $\alpha=70\text{mm}$
TÔN DÀY 2mm
TRỤ DỖ BIỂN BẢO
 $\varnothing 90, L=2.80\text{m}$
CAO ĐỘ VỈA HÈ
THANH CHỐNG XOAY
A $\varnothing 14, L=50\text{cm}$
BÊ TÔNG MỎNG
M200 ĐÁ 2X4
DẦM SÀN ĐÊM

Dimensions (mm): 176, 400, 50, 250, 100, 1800, 250, 250, 620, 100, 20, 240, 100, 600.

THANH CHỐNG XOAY
 $\phi 14$, L=50cm

TRỤ DỖ BIÊN BẢO $\phi 90$

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THAM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

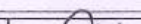
Chủ trì bộ môn kỹ thuật

The diagram shows a triangular truss structure. It consists of three main members forming the triangle, and a vertical member connecting the top vertex to the base. The top-left member is labeled 'ĐEN' (Black), the top-right member is labeled 'VÀNG' (Yellow), and the vertical member is labeled 'T'. The base is a horizontal member. The entire structure is enclosed in a triangular frame.

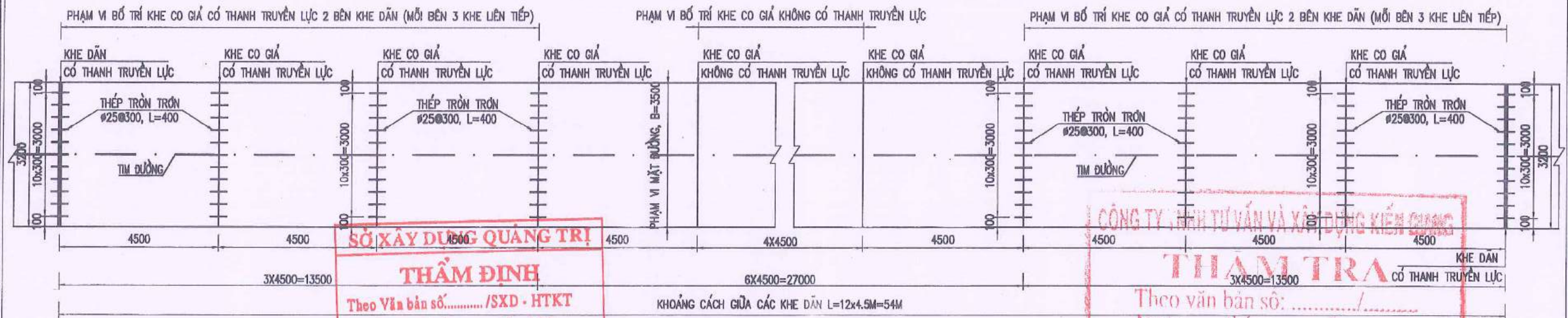
KHỐI LƯỢNG 01 BIÊN BÁO

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI
1	Bê tông móng biển báo M150, đá 2x4	m3	0.22	0.6*0.6*0.62
2	Đá dăm lót móng biển báo	m3	0.04	0.6*0.6*0.1
3	Đào đất xây móng biển báo	m3	0.26	0.6*0.6*0.72

- KÍCH THƯỚC VÀ ĐIỀU LỆ VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC PHẢI TUÂN THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẢO HIỆU ĐƯỜNG BỘ: QCVN41:2024/BGTVT
- BIỂN ĐƯỢC ĐẶT VỀ PHÍA TAY PHẢI THEO CHIỀU ĐI
- BIỂN PHẢI ĐẶT THẲNG ĐÚNG, MẶT BIỂN VUÔNG GÓC VỚI CHIỀU ĐI
- MÉP NGOÀI CÙNG CỦA BIỂN PHÍA CHIỀU ĐI CÁCH MÉP PHẢN XE CHẠY TỐI THIỂU LÀ 0.5M
- CỘT BIỂN ĐƯỢC SƠN TỪNG ĐOẠN TRẮNG, ĐỎ XEN KẼ NHAU. BỀ RỘNG MỖI VẾT SƠN LÀ 25CM
- TẤT CẢ CÁC LOẠI BIỂN PHẢI ĐƯỢC MẠ KẼM
- BU LÔNG - DAI ỐC SỬ DỤNG LOẠI INOX, REN LỪNG
- THÉP HỘP LÀ LOẠI ĐƯỢC MẠ KẼM ĐỂ CHỐNG HẠN RỈ
- VỊ TRÍ ĐẶT VÀ SỐ LƯỢNG BIỂN BÁO, CỌC TIÊU XEM BẢN VẼ THI CÔNG
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI CM, KÍCH THƯỚC THÉP GHI MM

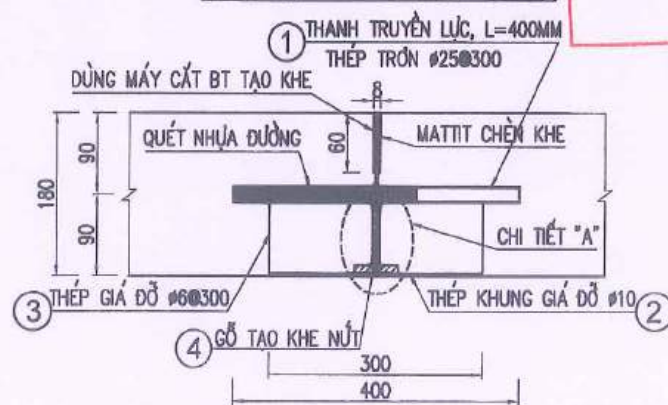
CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT THIÊN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	CHI TIẾT DIỄN BÁO	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC				10/2/2026
			CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA				
		THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA					
		KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ					TỶ LỆ : BẢN VẼ
							Thủ. Ks. Bùi Minh Phúc	KHBV : CTBB

MẶT BẰNG BỐ TRÍ KHE CO CÓ THANH TRUYỀN LỰC, KHE DẪN TẮM BÊ TÔNG MẶT ĐƯỜNG, BM=3.2M (TL: 1/100)

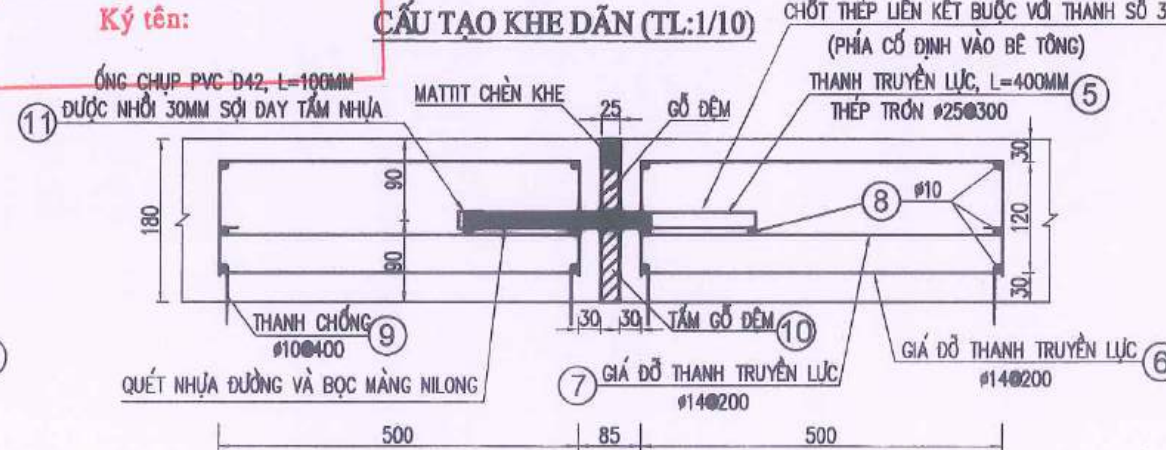


SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

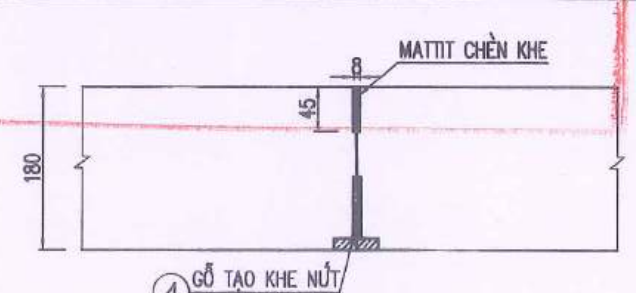
CẤU TẠO KHE CO (TL:1/10)



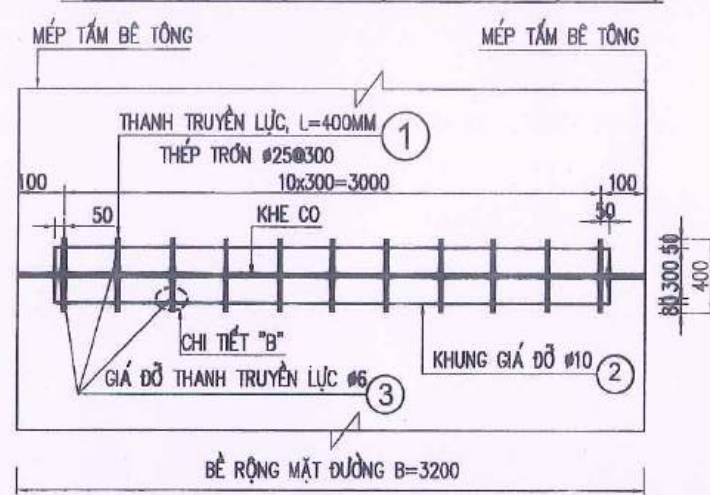
CẤU TẠO KHE DẪN (TL:1/10)



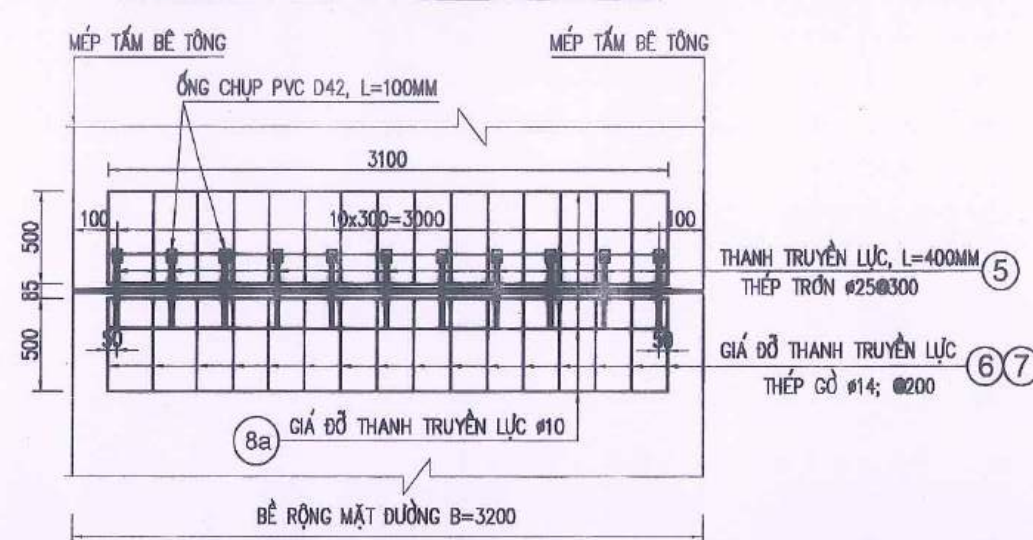
CẤU TẠO KHE CO KHÔNG CÓ THANH TRUYỀN LỰC



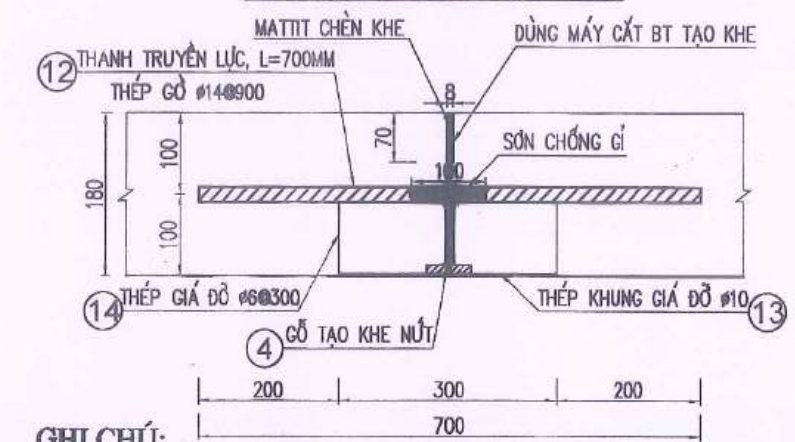
MẶT BẰNG KHE CO ĐOẠN BM=3.5M (TL:1/40)



MẶT BẰNG KHE DẪN BM=3.5M (TL:1/40)



CẤU TẠO KHE DỌC (TL:1/10)

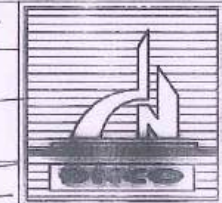


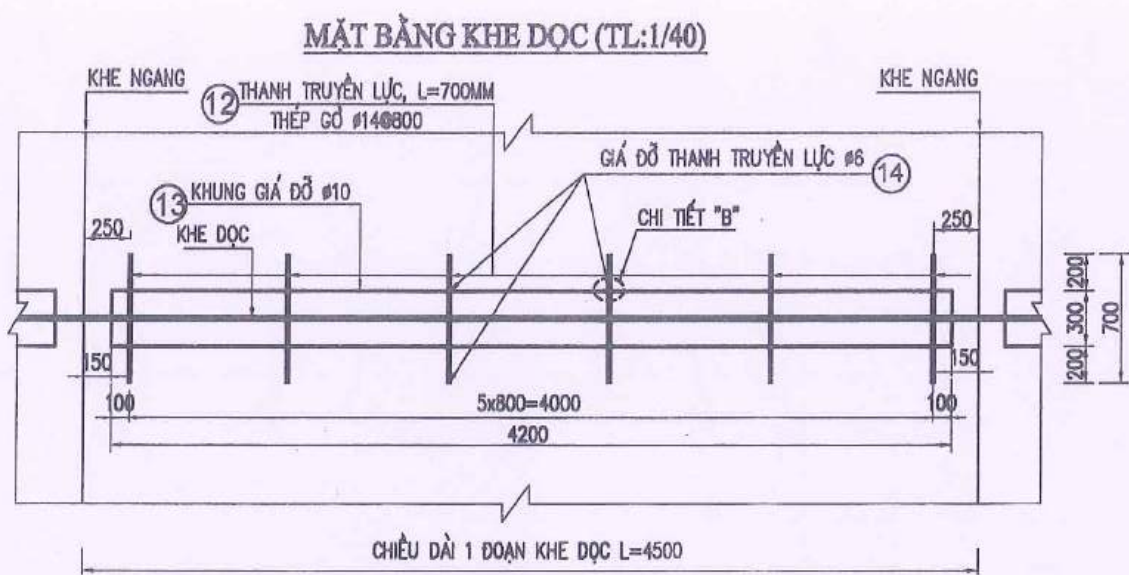
GHI CHÚ:

- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG VÀ CẤU TẠO CÁC KHE CO, KHE DẪN MẶT ĐƯỜNG ĐƯỢC ÁP DỤNG THEO TIÊU CHUẨN CƠ SỞ TCCS 38:2022/TCBNH.
- KHE CO CÓ THANH TRUYỀN LỰC ĐƯỢC BỐ TRÍ TẠI 3 KHE CO LIÊN TIẾP TRƯỚC VÀ SAU KHE DẪN.
- SAU KHI BƠM MẶT ĐƯỜNG ĐỒNG CỨNG ĐẢM BẢO 25% CƯỜNG ĐỘ THIẾT KẾ TIẾN HÀNH ĐỊNH VỊ VÀ CẮT KHE NỨT MẶT ĐƯỜNG.
- ĐƠN VỊ BÀN VẼ LÀ NHÌ TRƯỞNG CÁC KÍCH THUỘC CÓ CHỮ CHỮ RIÊNG.

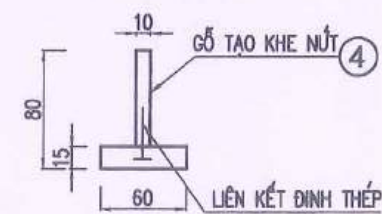
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
THÀNH LẬP TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
CHỖ ĐÓNG HỒI - T. QUẢNG TRỊ
Ths. Ks. Bùi Minh Phước

10/2/2026
KHE CD 1

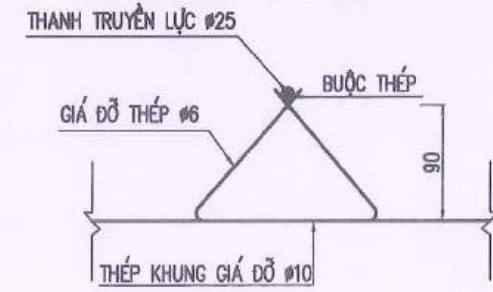
CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	CẤU TẠO KHE CO, KHE DẪN VÀ KHE DỌC THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KIỂM TRA	BÙI MINH PHÚC TRẦN CHÍ HÒA TRẦN CHÍ HÒA HOÀNG CÔNG VŨ		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM THÀNH LẬP TẠI TP. HỒ CHÍ MINH CHỖ ĐÓNG HỒI - T. QUẢNG TRỊ Ths. Ks. Bùi Minh Phước
--	--	--	--	--	---	--



CHI TIẾT A (TỶ LỆ: 1/5)

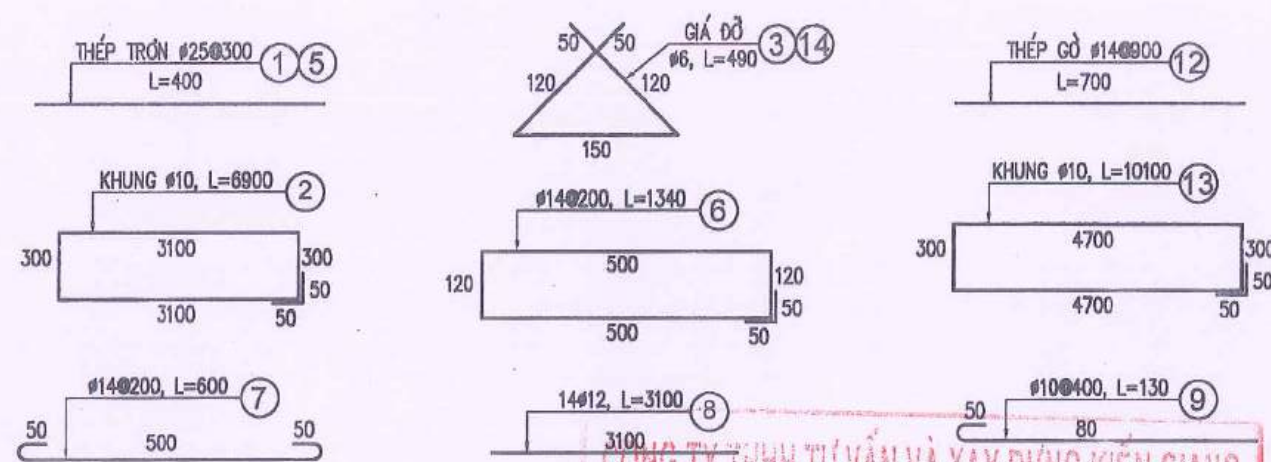


CHI TIẾT B (TỶ LỆ: 1/5)



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

KÍCH THƯỚC, HÌNH DÁNG CỐT THÉP



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
 Theo văn bản số:/
 Ngày tháng năm

THỐNG KÊ THÉP 1 KHE CO, KHE DẪN MẶT ĐƯỜNG BTXM (CHIỀU DÀI TẦM BTXM L=4,5M)

Hạng mục	Số thanh	Đường kính (mm)	Trọng lượng (kg/m)	Chiều dài thanh (m)	Số cốt thép 1 khe (thanh)	Chiều dài cốt thép (m)	Trọng lượng 1 (kg)	Trọng lượng cho 1m (kg)
Khe co (dài 3,2m)	Thép truyền lực	1	25	3.851	400	11.00	4.40	16.95
	Thép giá đỡ	3	6	0.222	490	22.00	10.78	2.39
	Khung thép định vị	2	10	0.616	6900	1.00	6.90	4.25
	Gỗ giá đỡ (m3)							0.005
Khe co giá không có thanh truyền lực (dài 3,2m)	Gỗ tạo khe nứt (n 4.000)				3500.000	1.000	3.50	0.00
	Thép truyền lực	5	25	3.851	400	11.00	4.40	16.95
	Khung thép giá đỡ	6	14	1.208	1340	32.00	42.88	51.79
	Thép giá đỡ	7	14	1.208	600	32.00	19.20	23.19
	Thép ngang	8a	10	0.616	3100	14.00	43.40	26.74
Khe dẫn (dài 3,5m)	Thanh chống	9	10	0.616	130	32.00	4.16	2.56
	Gỗ đệm (m3)							0.015
	Thép truyền lực	12	14	1.208	700	6.00	4.20	5.07
	Thép giá đỡ	14	6	0.222	490	12.00	5.88	1.30
Khe dọc (dài 4,5m)	Khung thép định vị	13	10	0.616	10100	1.00	10.10	6.22
								1.38

GHI CHÚ:

- KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG VÀ CẤU TẠO CÁC KHE CO, KHE DẪN MẶT ĐƯỜNG ĐƯỢC ÁP DỤNG THEO HIỆU CHUẨN CƠ SỞ TCCS 39:2022/TCDVN.
- KHE CO CÓ THANH TRUYỀN LỰC ĐƯỢC BỐ TRÍ TẠI 3 KHE CO LIÊN TIẾP TRƯỚC VÀ SAU KHE DẪN.
- BỐ TRÍ TẦM BTXM CÓ CHIỀU DÀI 4.5M
- SAU KHI BTXM MẶT ĐƯỜNG ĐỒNG CƯỜNG ĐẢM BẢO 25% CƯỜNG ĐỘ THIẾT KẾ TIẾN HÀNH ĐỊNH VỊ VÀ CẮT KHE NỐI MẶT ĐƯỜNG
- ĐƠN VỊ BẢN VẼ LÀ MM TRỪ CÁC KÍCH THƯỚC CÓ GHI CHÚ RIÊNG

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY	CẤU TẠO KHE CO, KHE DẪN VÀ KHE DỌC	C.N.Đ.A BÙI MINH PHÚC	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	10/2/2026
	ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ TRẦN CHÍ HÒA	TRẦN CHÍ HÒA			
			THIẾT KẾ TRẦN CHÍ HÒA				
			KIỂM TRA HOÀNG CÔNG VŨ	HOÀNG CÔNG VŨ			

BÌNH ĐỒ DUỐI THẮNG TẮM BTXM TRỤC 01

GHI CHÚ:

- Khe loại 1: Khe có giá có thanh truyền lực
- Khe loại 2: Khe có giá không có thanh truyền lực
- Khe loại 3: Khe dẫn

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRÁ

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

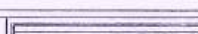
Km 0+0.00

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 2

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 4

Km 0+318,06

[illegible]

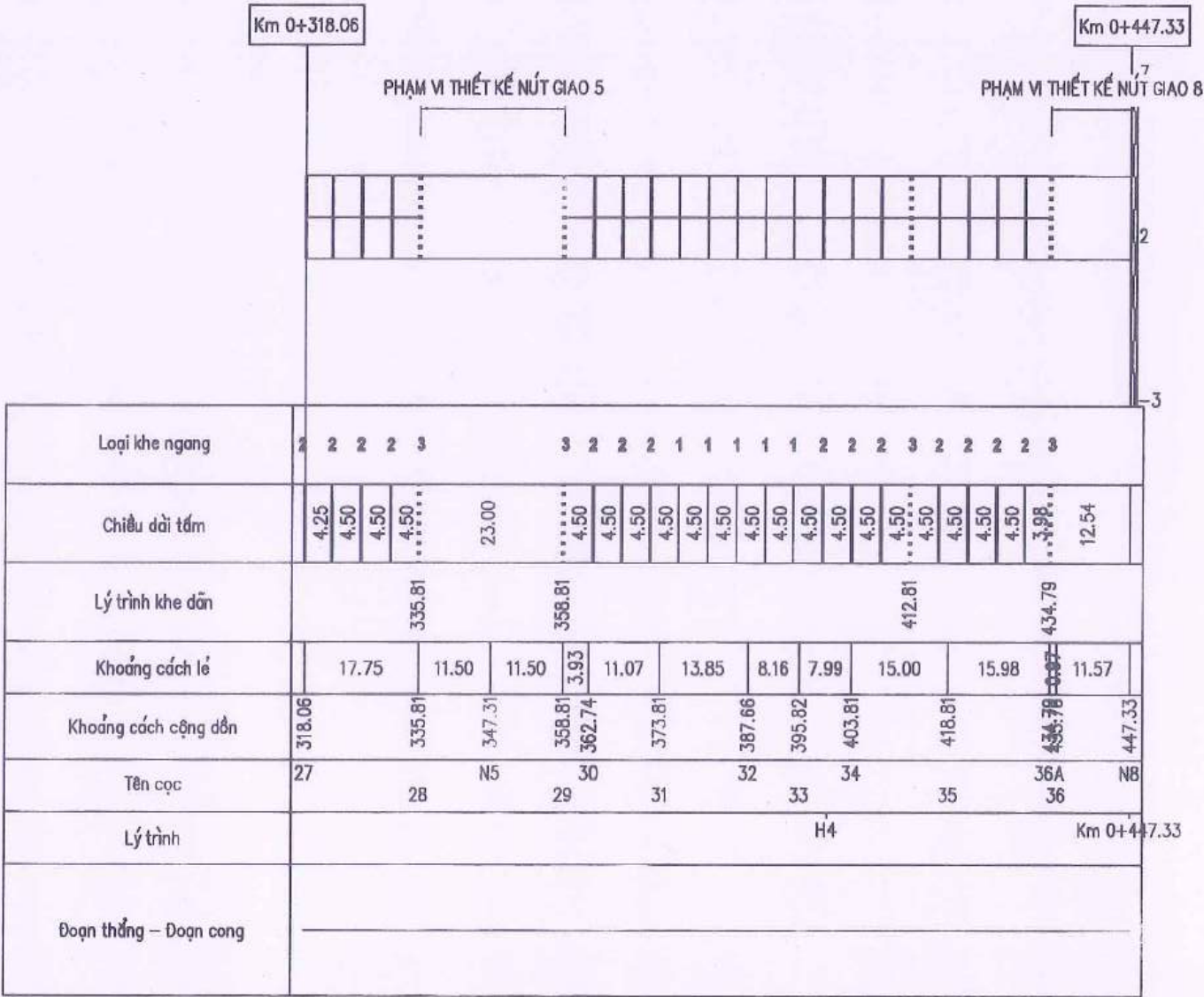
CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT SẾ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	BÌNH ĐỒ DƯỚI THẲNG TẦM BTXM TRỤC 01	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	10/2/2026
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA			CHỨC VỤ: GIÁM ĐỐC	  Thủ. Kế. Bùi Minh Phúc
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA				
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ				

BÌNH ĐỒ DƯỚI THẲNG TẮM BTXM TRỤC 01

GHI CHÚ:

- Khe loại 1: Khe co giá có thanh truyền lực
- Khe loại 2: Khe co giá không có thanh truyền lực
- Khe loại 3: Khe dẫn

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ CHÁ QUYỀN SỬ DỰNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	BÌNH ĐỒ DƯỚI THẲNG TẮM BTXM TRỤC 01 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KIỂM TRA	BÙI MINH PHÚC TRẦN CHÍ HÒA TRẦN CHÍ HÒA HOÀNG CÔNG VŨ		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM TỈNH CÁNG ĐỐC ĐÔNG NAM T.P. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH	10/2/2026 KHBY: BTXM-2/2
---	---	---	--	--	---	---	-----------------------------

BÌNH ĐỒ DƯỚI THẲNG TẮM BTXM TRỤC 02

GHI CHÚ:

- Khe loại 1: Khe co giá cố thanh truyền lực
- Khe loại 2: Khe co giá không cố thanh truyền lực
- Khe loại 3: Khe dẫn

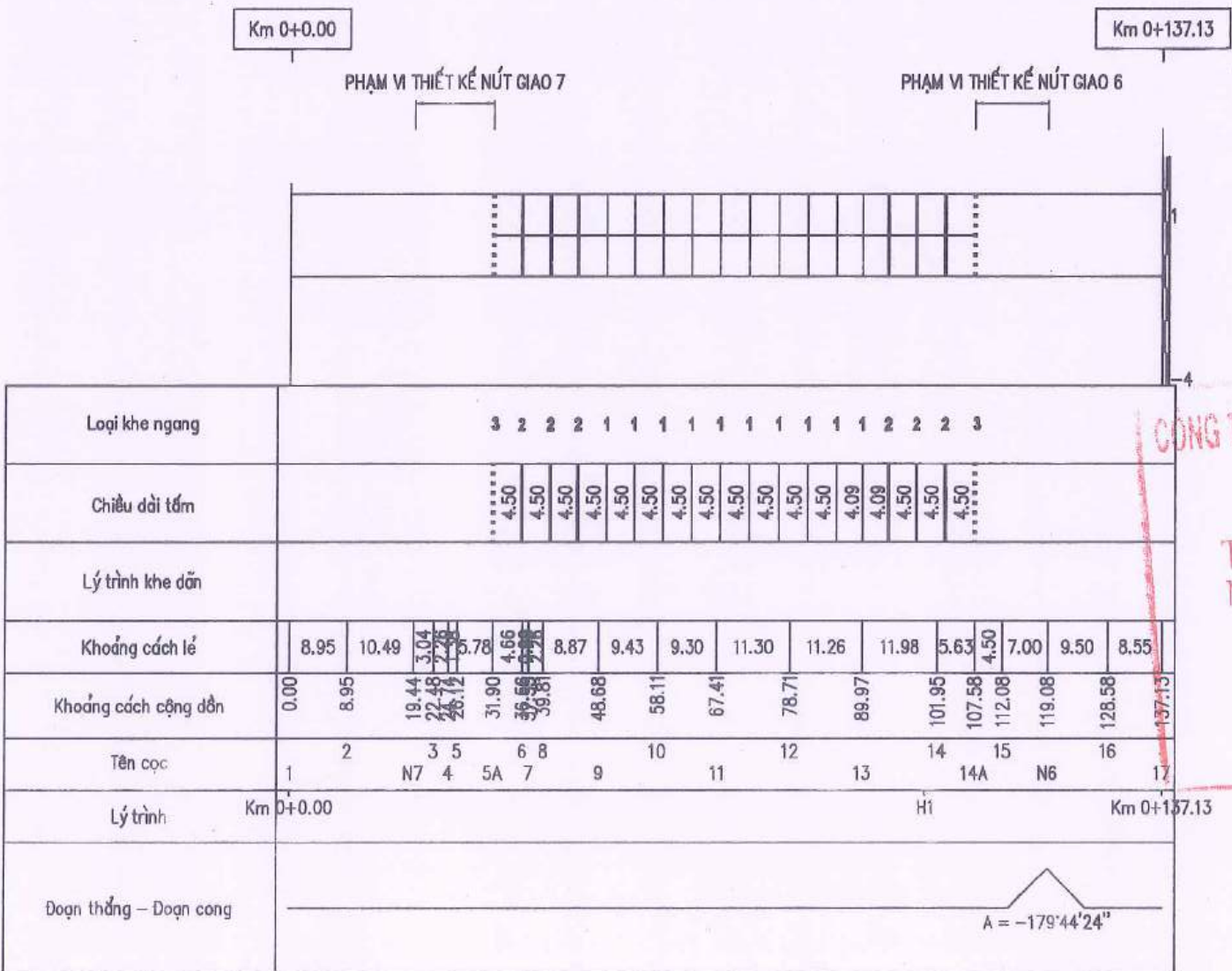
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:

Ngày tháng năm

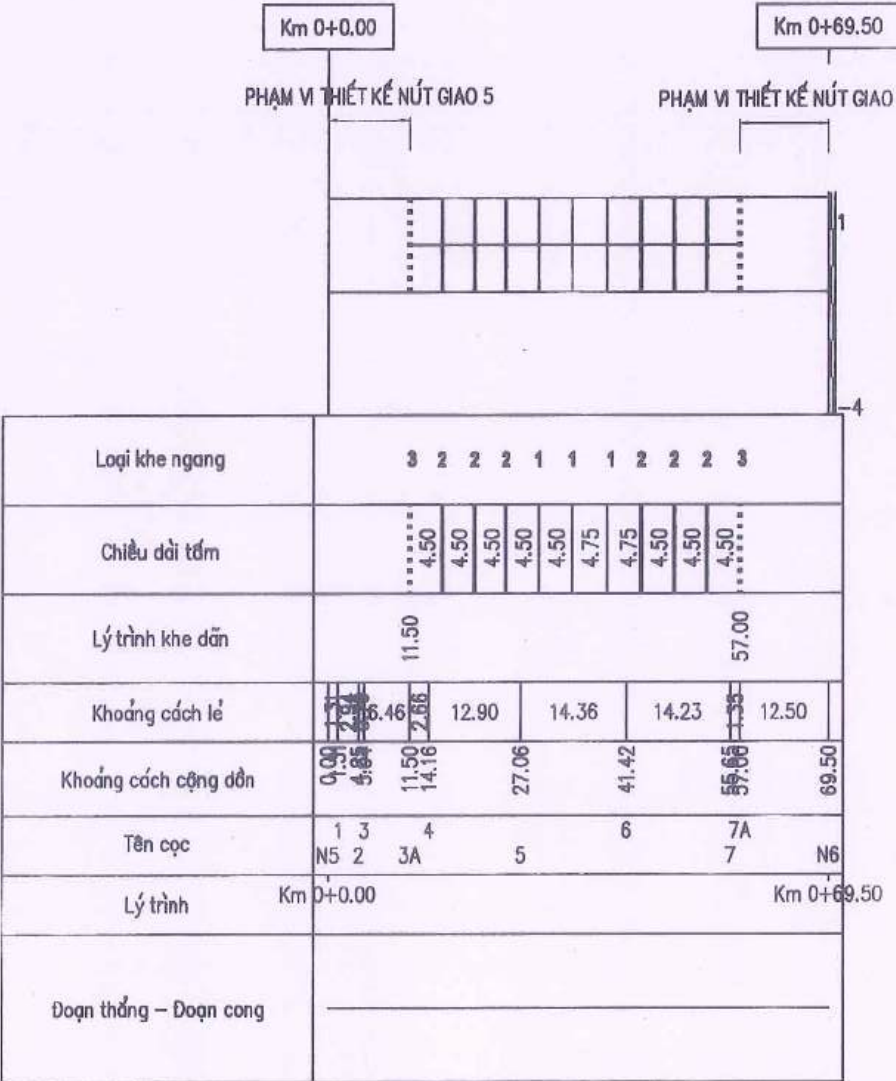
Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUYỀN ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	BÌNH ĐỒ DƯỚI THẲNG TẮM BTXM TRỤC 02	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	10/2/2026
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA			
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA			
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ		THÀNH LẬP 200421102 - CT TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM TH. ĐÔNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH Ths. Bui Minh Phuc	KHBY: BTXMT2-1/1

BÌNH ĐỒ DƯỚI THANG TẮM BTXM TRỤC 03

GHI CHÚ:

- Khe loại 1: Khe có giá cố thanh truyền lực
- Khe loại 2: Khe có giá không cố thanh truyền lực
- Khe loại 3: Khe dẫn



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

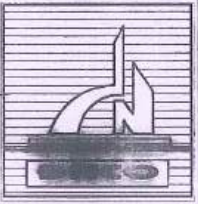
CÔNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ
DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY
ĐỊA ĐIỂM
XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ

BÌNH ĐỒ DƯỚI THANG TẮM BTXM TRỤC 03

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

C.N.Đ.A
CHỦ TRÌ
THIẾT KẾ
KIỂM TRA

BÙI MINH PHÚC
TRẦN CHÍ HÒA
TRẦN CHÍ HÒA
HOÀNG CÔNG VŨ



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ
XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM
T. QUẢNG BÌNH
T. QUẢNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH

10/2/2026

KHBY: BTXMT3-1/1

BÌNH ĐỒ DƯỚI THẲNG TẮM BTXM TRỤC 04

GHI CHÚ:

- Khe loại 1: Khe co giá cố thanh truyền lực
- Khe loại 2: Khe co giá không cố thanh truyền lực
- Khe loại 3: Khe dẫn

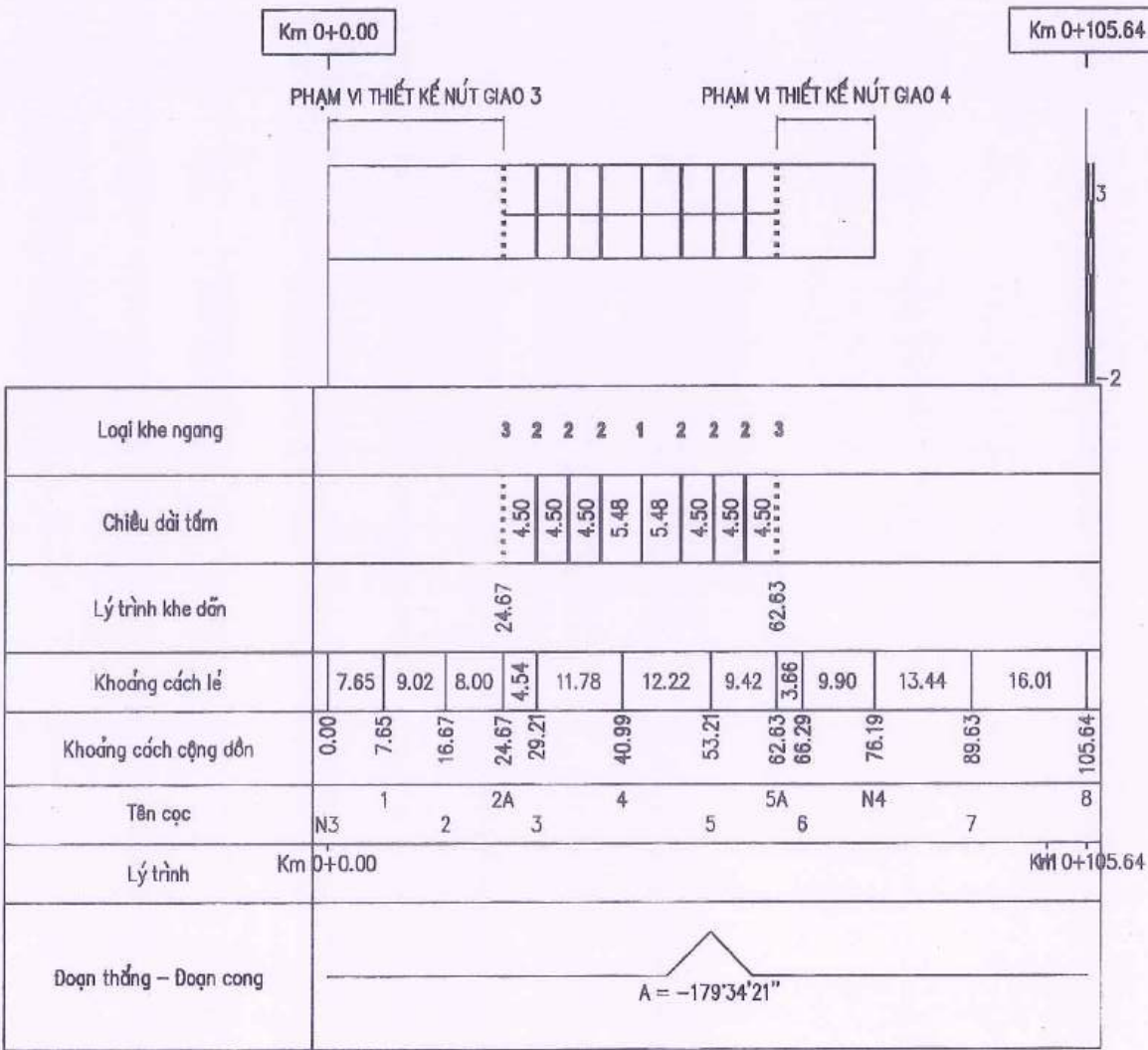
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

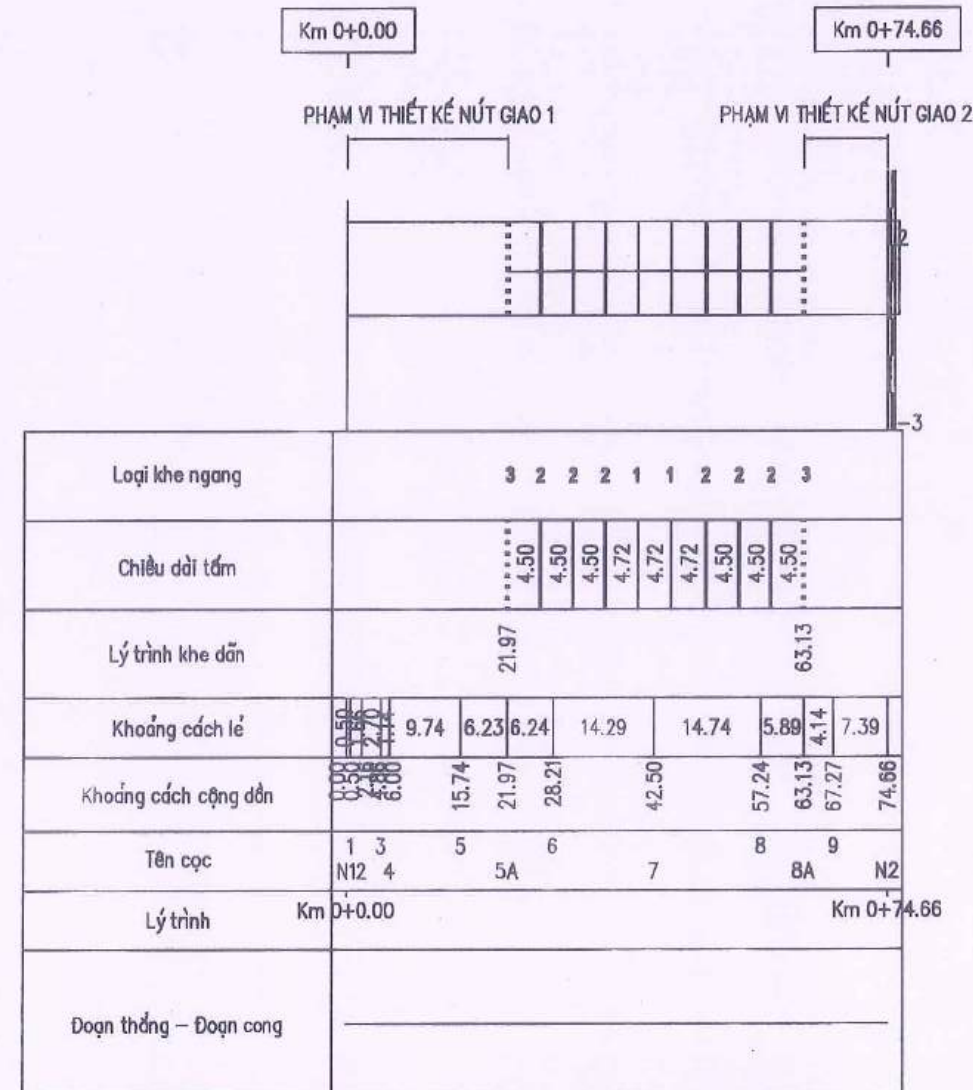
CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TRÌNH	BÌNH ĐỒ DƯỚI THẲNG TẮM BTXM TRỤC 04	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	10/2/2026
BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA			CHỦ TRÌ	
	ĐỊA ĐIỂM		THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA			CHỦ TRÌ	
	XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ		KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ			CHỦ TRÌ	

BÌNH ĐỒ DƯỚI THẲNG TẮM BTXM TRỤC 05

GHI CHÚ:

- Khe loại 1: Khe co giá có thanh truyền lực
- Khe loại 2: Khe co giá không có thanh truyền lực
- Khe loại 3: Khe dẫn

ĐU XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
 Theo văn bản số:/.....
 Ngày tháng năm
 Chủ trì bộ môn ký tên

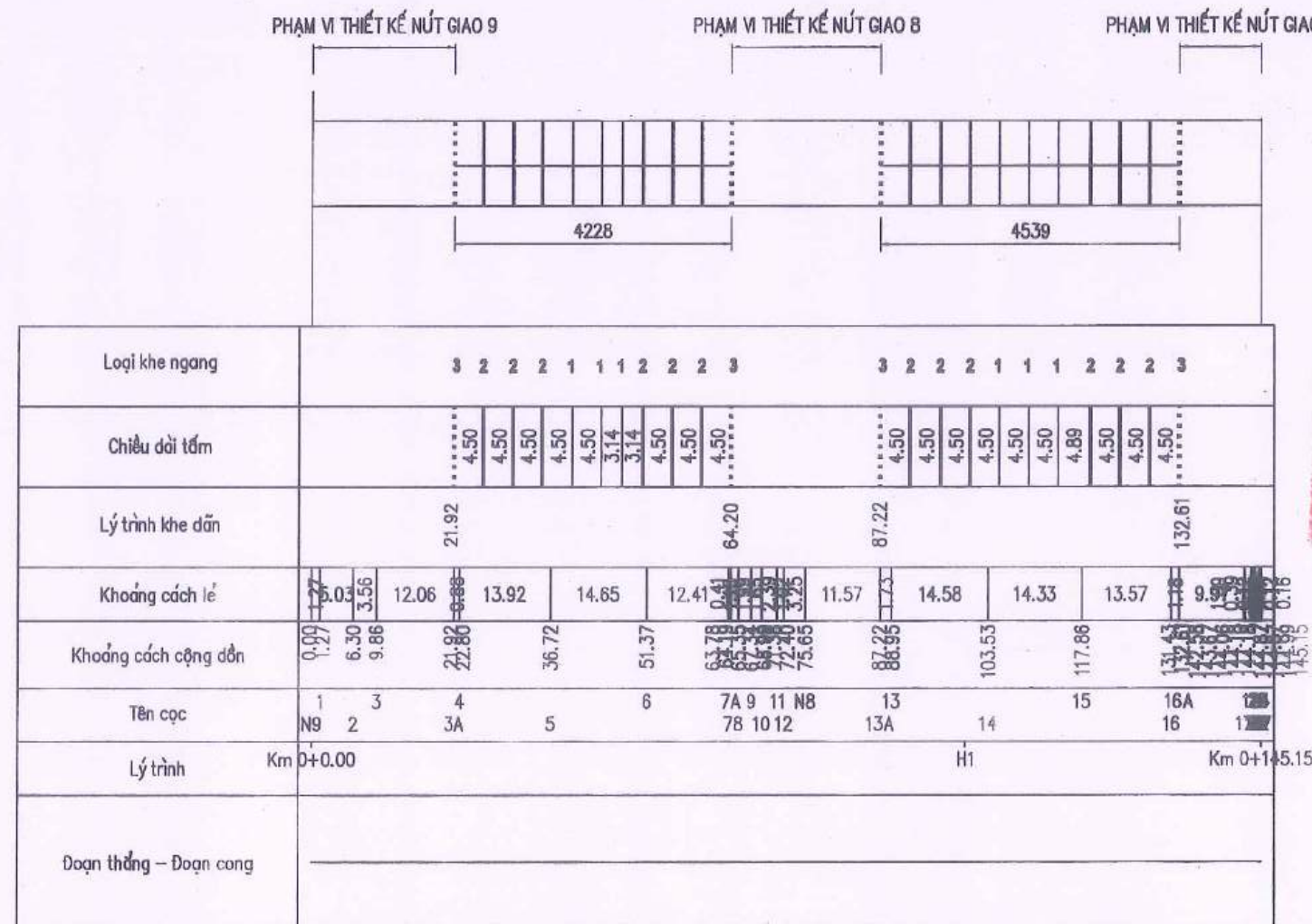
CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	BÌNH ĐỒ DƯỚI THẲNG TẮM BTXM TRỤC 05 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM P. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH	10/2/2026
			CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA			
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA			
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ		Thủ Kế Bùi Minh Phúc	KHBY :BTXMT5-1/1

BÌNH ĐỒ DƯỚI THANG TẤM BTXM TRỤC 07

GHI CHÚ:

- Khe loại 1: Khe co giá có thanh truyền lực
- Khe loại 2: Khe co giá không có thanh truyền lực
- Khe loại 3: Khe dẫn

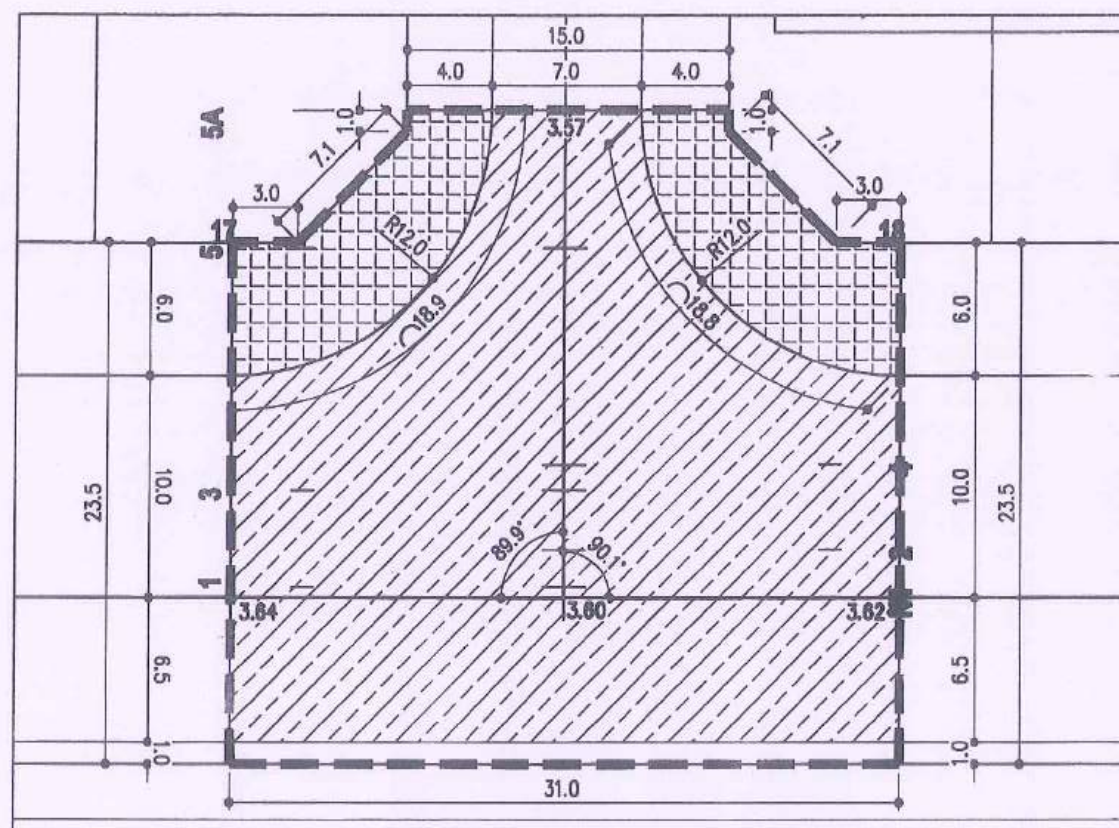
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:



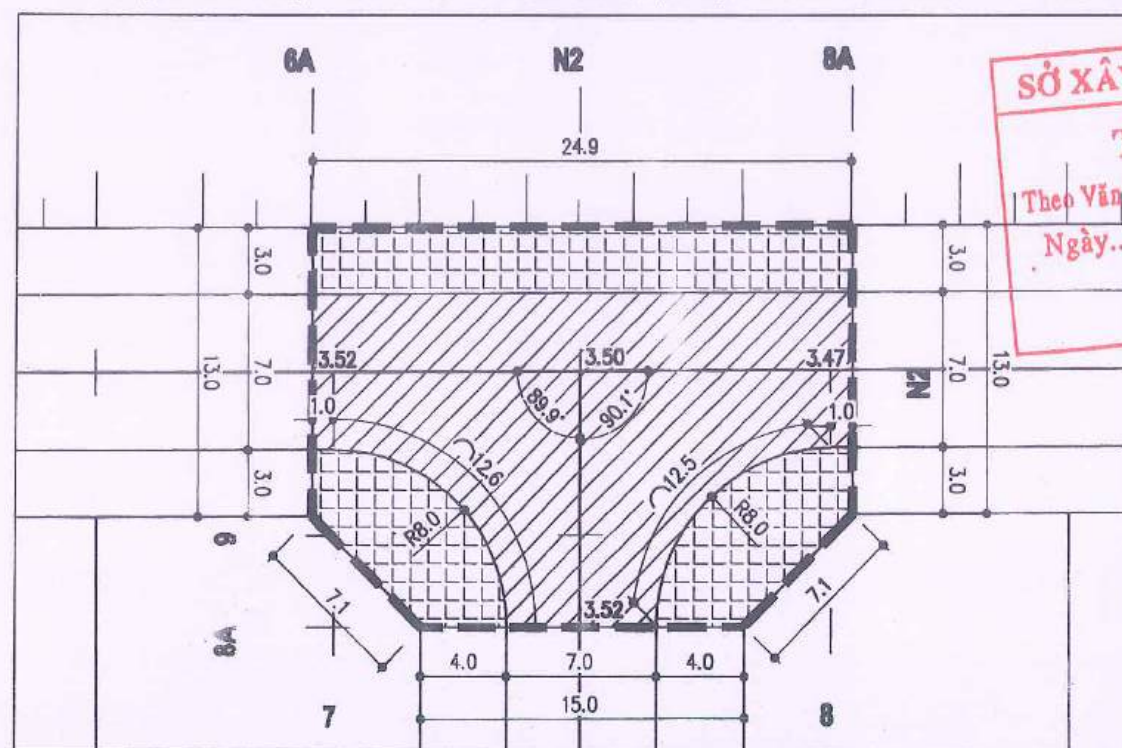
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
 Theo văn bản số:/
 Ngày tháng năm
 Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT BẾ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	BÌNH ĐỒ DƯỚI THANG TẤM BTXM TRỤC 07 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM 000421102-C TỈNH QUẢNG TRỊ TP. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH	10/2/2026 KHBV: BTXMT7-1/1
			CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA			
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA			
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ			

DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG S = 656.95 M², DIỆN TÍCH VỈA HÈ S = 154.95 M²

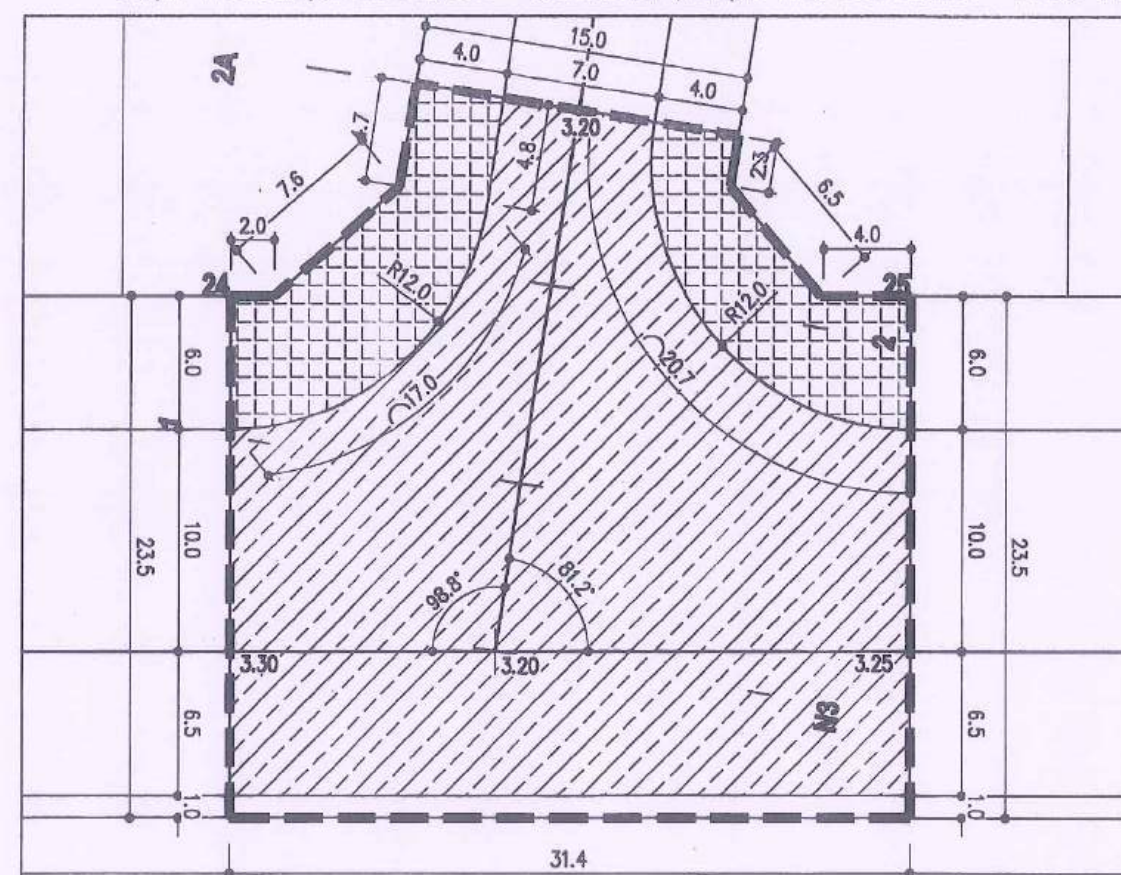


DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG S = 258.62 M², DIỆN TÍCH VỈA HÈ S = 161.78 M²



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

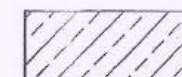
DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG S = 684.48 M², DIỆN TÍCH VỈA HÈ S = 173.34 M²



GHI CHÚ:



MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG



MẶT ĐƯỜNG LẮNG NHỰA



VIA HÈ

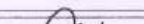
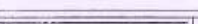
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRÁ

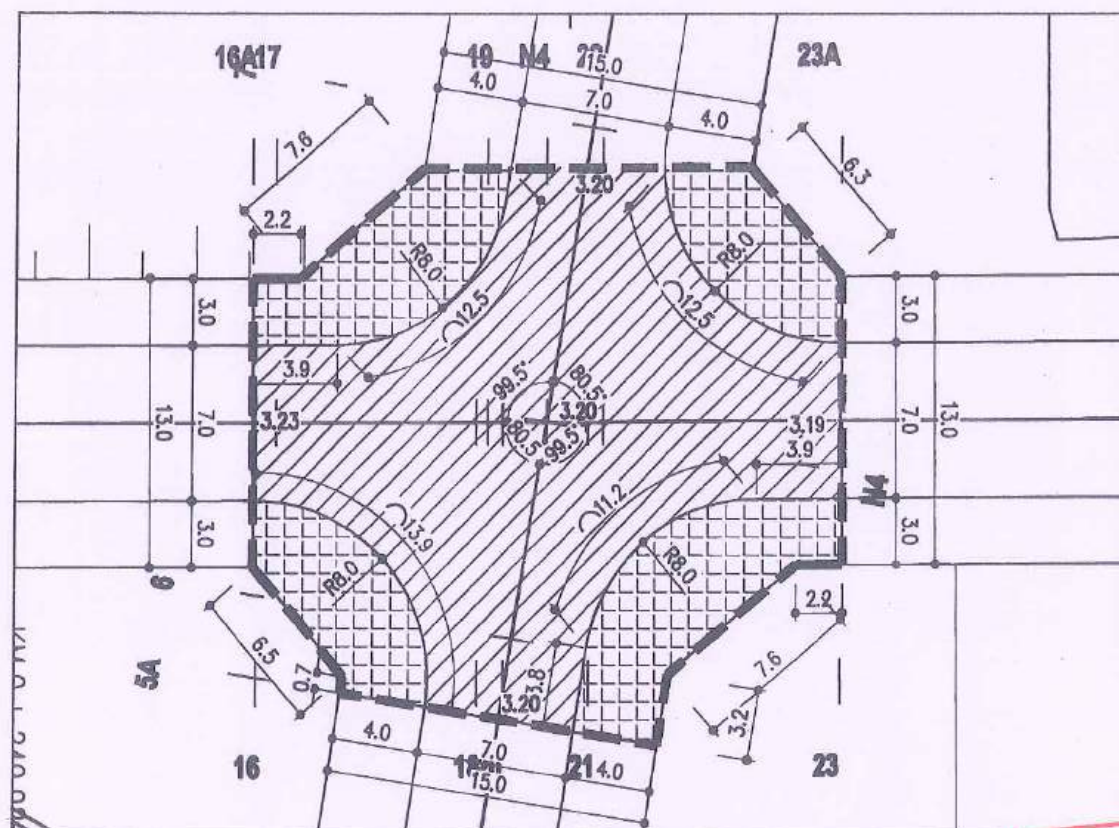
Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

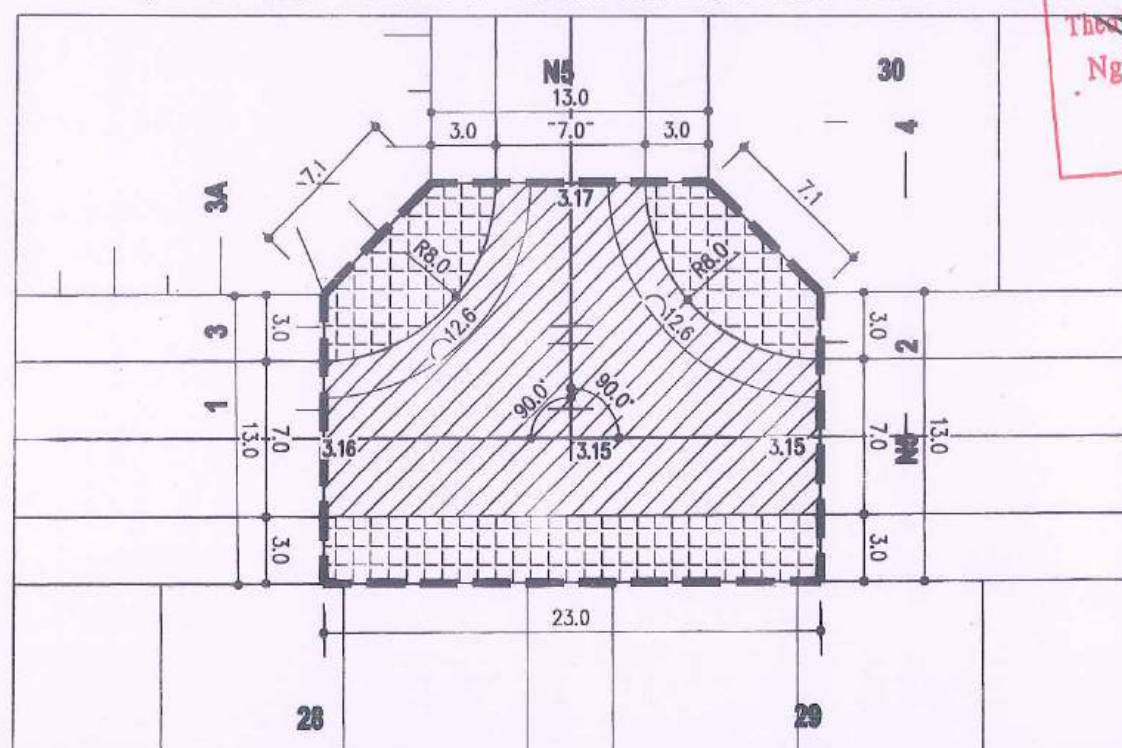
Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QIDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT THIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠ XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	CHI TIẾT NÚT GIAO	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM GIÁM ĐỐC ĐÔNG NAM QUẢNG HẢI - T. QUẢNG TRỊ The TS. Bùi Minh Phúc	10/2/2026
			CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA				
		THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA					
		KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ		KHBY : NG-14			

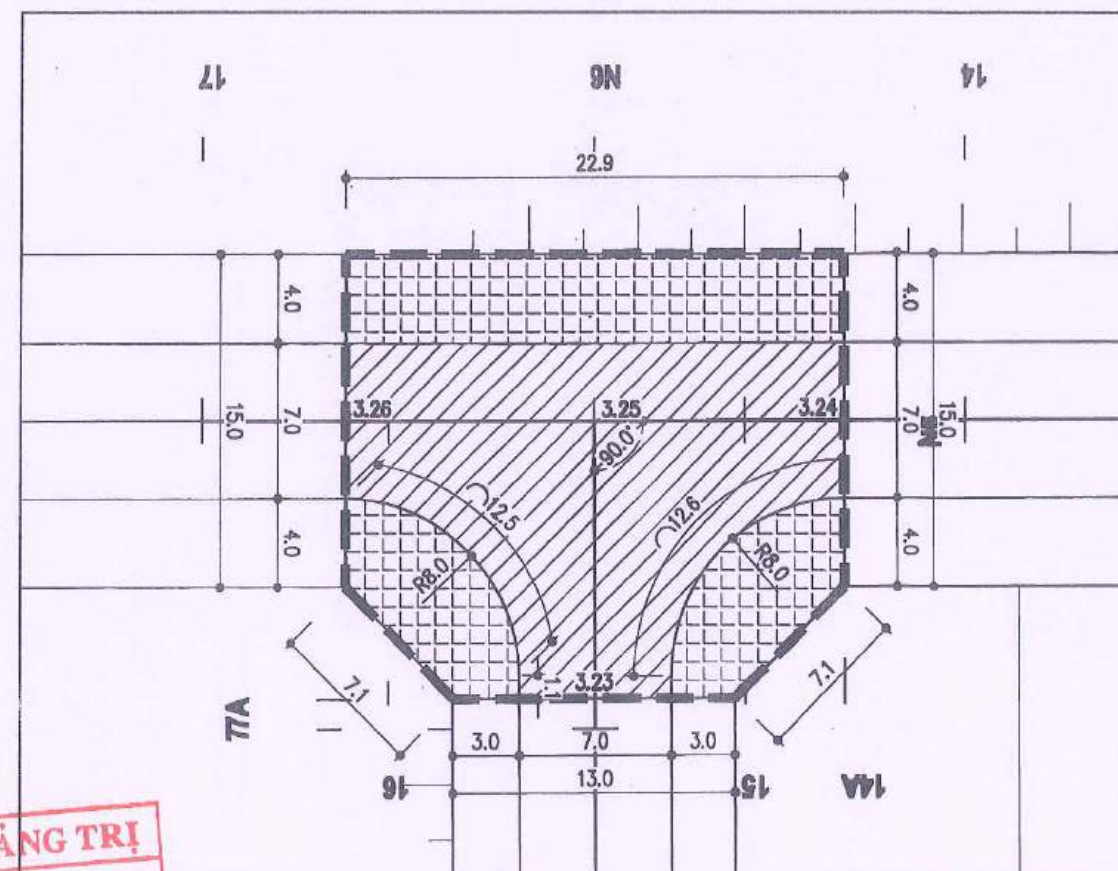
DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG S = 376.24 M², DIỆN TÍCH VỈA HÈ S = 208.38 M²



DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG S = 244.46 M², DIỆN TÍCH VỈA HÈ S = 144.53 M²



DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG S = 250.99 M², DIỆN TÍCH VỈA HÈ S = 183.51 M²



THẨM ĐỊNH

5.3 M2

Theo bản số...../XSD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

GHI CHÚ:



MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG



MẶT ĐƯỜNG LÁNG NHỰA



VIA HÈ

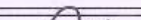
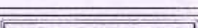
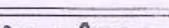
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

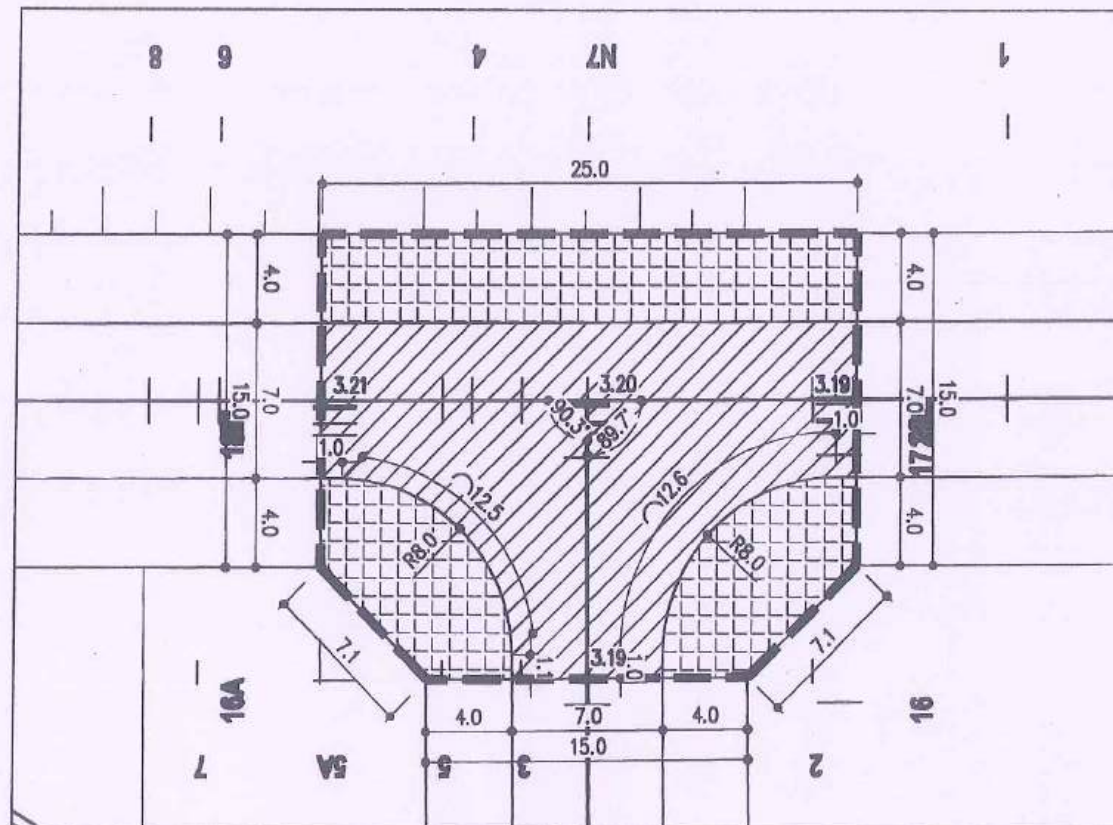
Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

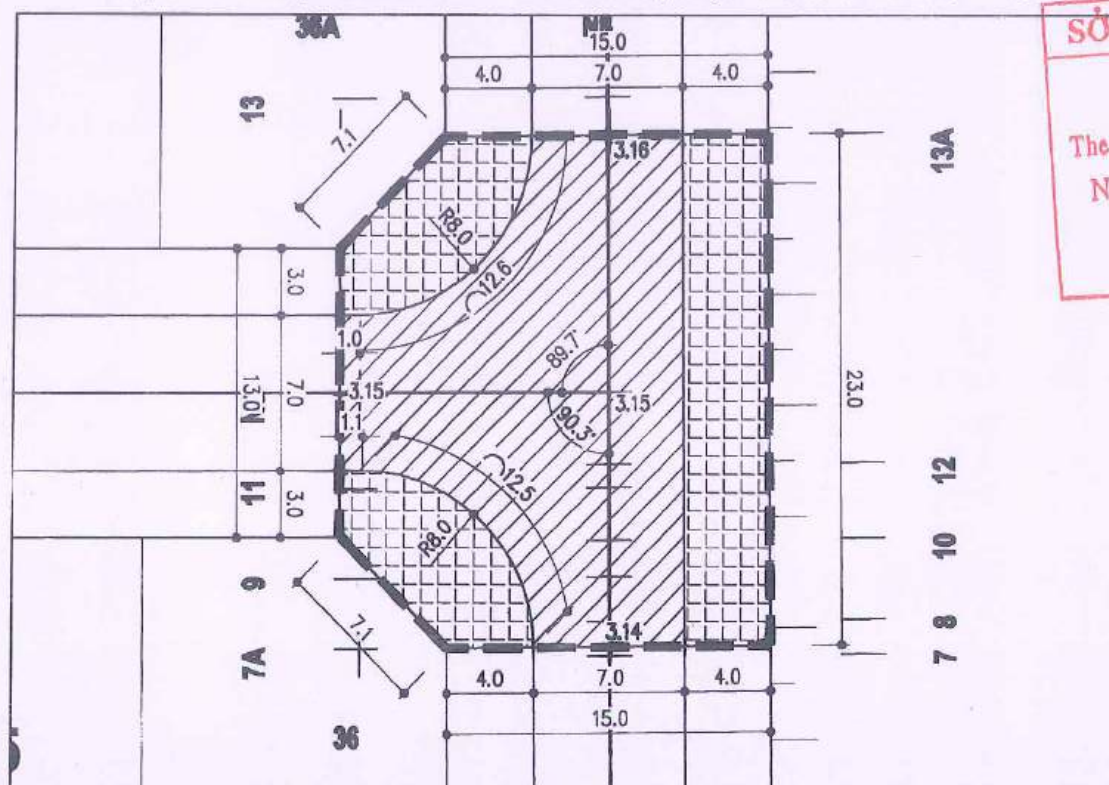
Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	CHI TIẾT NÚT GIAO	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM TỈNH QUẢNG TRỊ TP. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH  Giám đốc:  Thủ. KS. Bùi Minh Phúc	10/2/2026
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA				
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA				
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ				
								KHBY : NG-24

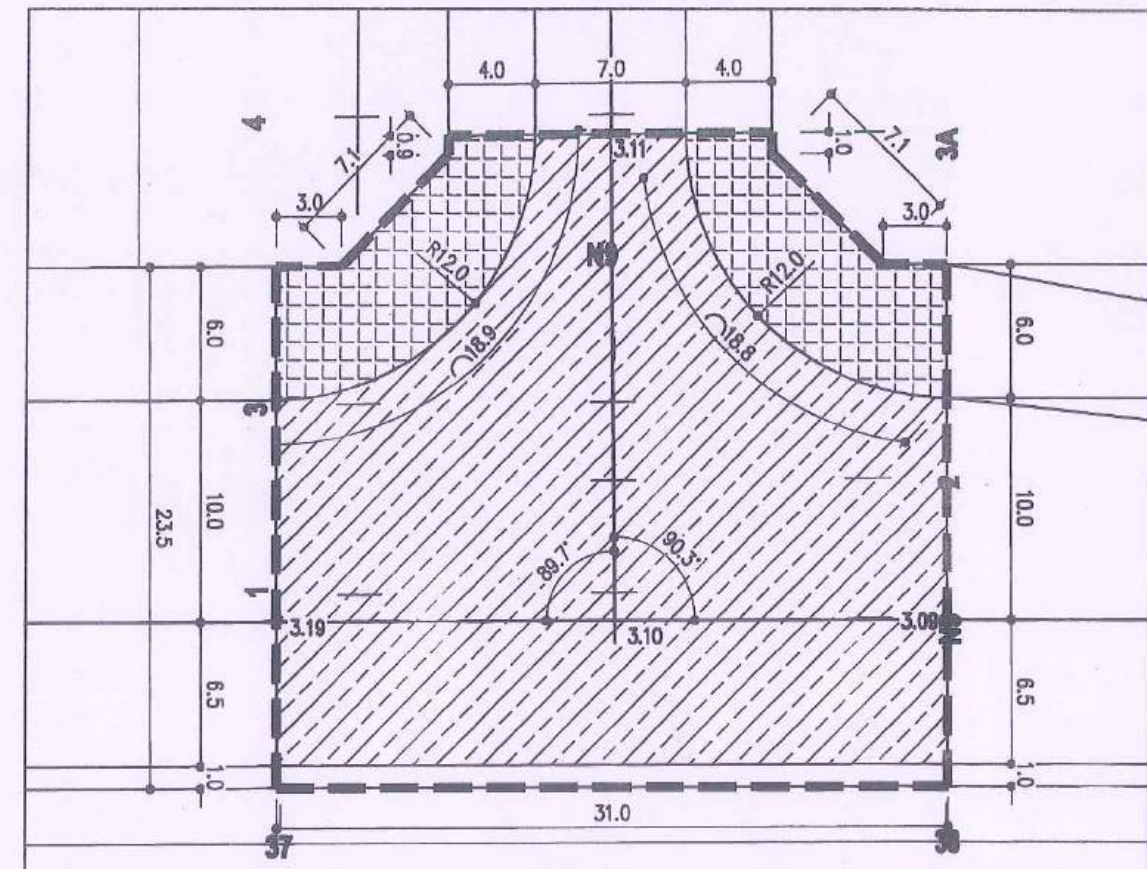
DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG S = 265.19 M², DIỆN TÍCH VỈA HÈ S = 209.84 M²



DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG S = 251.35 M², DIỆN TÍCH VỈA HÈ S = 183.92 M²



DIỆN TÍCH MẶT ĐƯỜNG S = 656.69 M², DIỆN TÍCH VỈA HÈ S = 154.42 M²



Theo Văn bản số...../XSD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG

MẶT ĐƯỜNG LÁNG NHỰA

VIA HÈ

**BAN QLDA ĐTXD &
PTCQ LÊ THỦY**

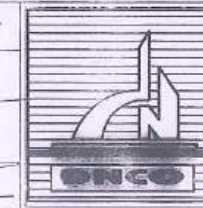
PHÁT THIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

XÃ LỆ THUYỀN, TỈNH QUẢNG TRỊ

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

KIỂM TRA

HOÀNG CÔNG VŨ



CHUYÊN ĐỀ XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM

Ths. Ks. Bùi Minh Phước

10/2/2026

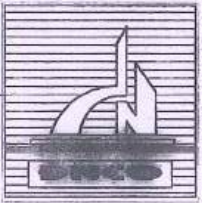
KHBV: NG-3/4

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO

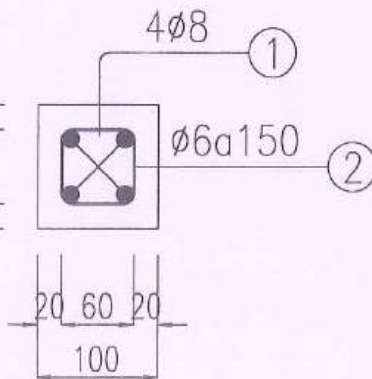
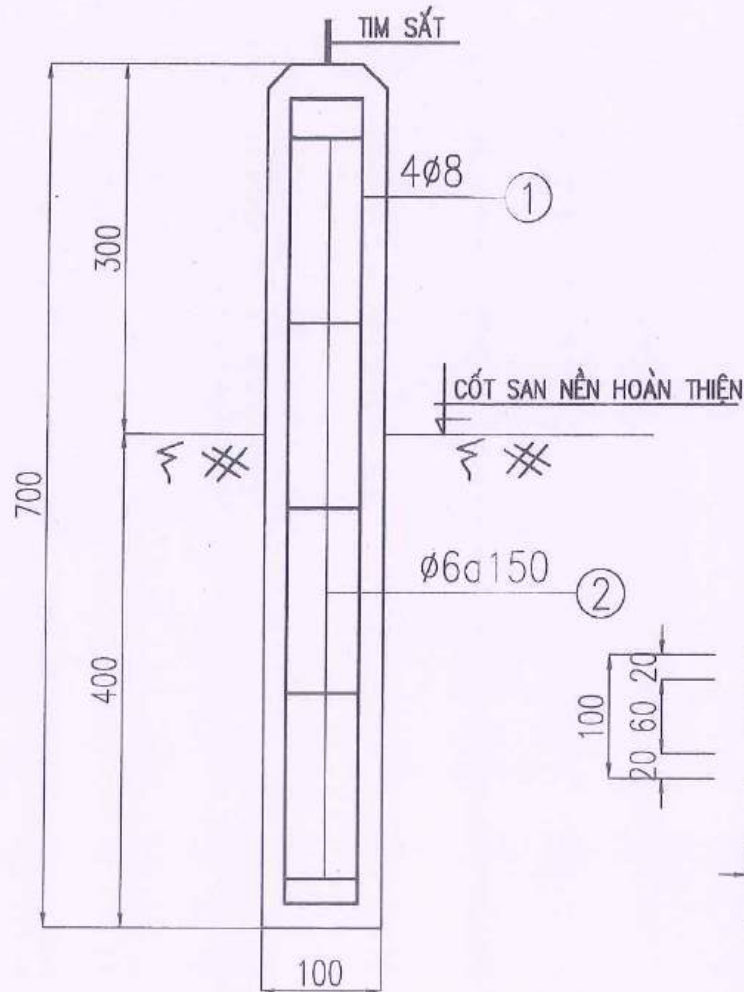
STT	Tên nút giao	Vết hữu cơ	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Cấp phối đá dăm loại 2	Đá 4x6 chèn đá dăm lớp trên	Đá 4x6 lớp dưới	Mặt đường bê tông	Mặt đường láng nhựa	Diện tích vỉa hè
		m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2	m2	m2
1	Nút giao 1	405,95	405,95	642,82	328,48	0,00	98,54	118,25		656,95	154,95
2	Nút giao 2	210,20	210,20	636,24	129,31	38,79	0,00	0,00	258,62		161,78
3	Nút giao 3	428,91	428,91	57,90	342,24	0,00	102,67	123,21		684,48	173,34
4	Nút giao 4	292,31	292,31	438,96	188,12	56,44	0,00	0,00	376,24		208,38
5	Nút giao 5	194,50	194,50	389,34	122,23	36,67	0,00	0,00	244,46		144,53
6	Nút giao 6	217,25	217,25	508,60	125,50	37,65	0,00	0,00	250,99		183,51
7	Nút giao 7	237,52	237,52	188,42	132,60	39,78	0,00	0,00	265,19		209,84
8	Nút giao 8	217,64	217,64	492,16	125,68	37,70	0,00	0,00	251,35		183,92
9	Nút giao 9	405,56	405,56	97,07	328,35	0,00	98,50	118,20		656,69	154,42
	Tổng cộng	2609,82	2609,82	3451,50	1822,49	247,03	299,72	359,66	1646,85	1998,12	1574,67

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	CHI TIẾT NÚT GIAO THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM THÀNH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM T.P. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH	10/2/2026
			CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA			
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA			
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ			

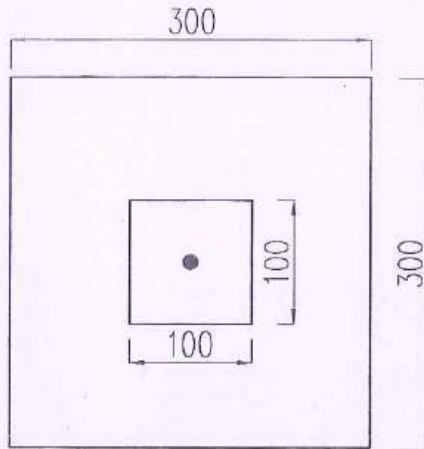
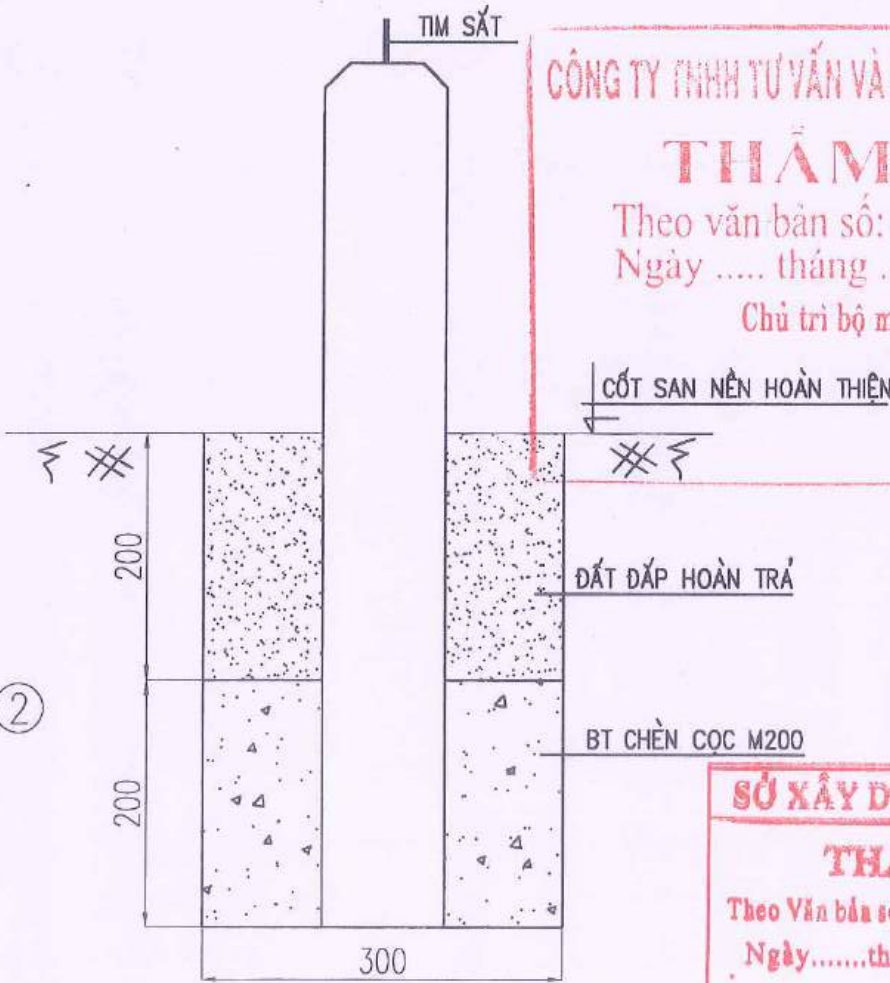
CẤU TẠO CỘT MỐC PHÂN LÔ



CHI TIẾT CỌC

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP							
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)
CỌC SỐ LƯỢNG: 1	1	600	8	600	4	4	2.4
	2	60 60 20	6	260	5	5	1.3
TỔNG T.LƯỢNG (Kg)							
- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 0.29 kg; Chiều dài = 1.3 mét							
- Trọng lượng thép có đường kính Ø8 = 0.95 kg; Chiều dài = 2.4 mét							

GHI CHÚ: CỌC MỐC ĐÚC SẴN BẰNG BÊ TÔNG MẮC 200 DÃ 1X2
MẶT MỐC CÓ GẮN TIM SẮT KHẮC CHÌM KÝ HIỆU VÀ SỐ HIỆU MỐC



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

CỐT SAN NỀN HOÀN THIÊN

ĐẤT ĐÁP HOÀN TRẢ

BT CHÈN CỌC M200

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/SXD - HTKT

Ngày tháng năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH

PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ
DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY

ĐỊA ĐIỂM

XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ

CHI TIẾT CỘT MỐC

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

C.N.Đ.A

CHỦ TRÌ

THIẾT KẾ

KIỂM TRA

BÙI MINH PHÚC

TRẦN CHÍ HÒA

TRẦN CHÍ HÒA

HOÀNG CÔNG VŨ

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

ĐÔNG HỒI - T. QUẢNG TRỊ

Ths.Ks. Bùi Minh Đức

10/2/2026

KHBY:

Ký tên:

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 4



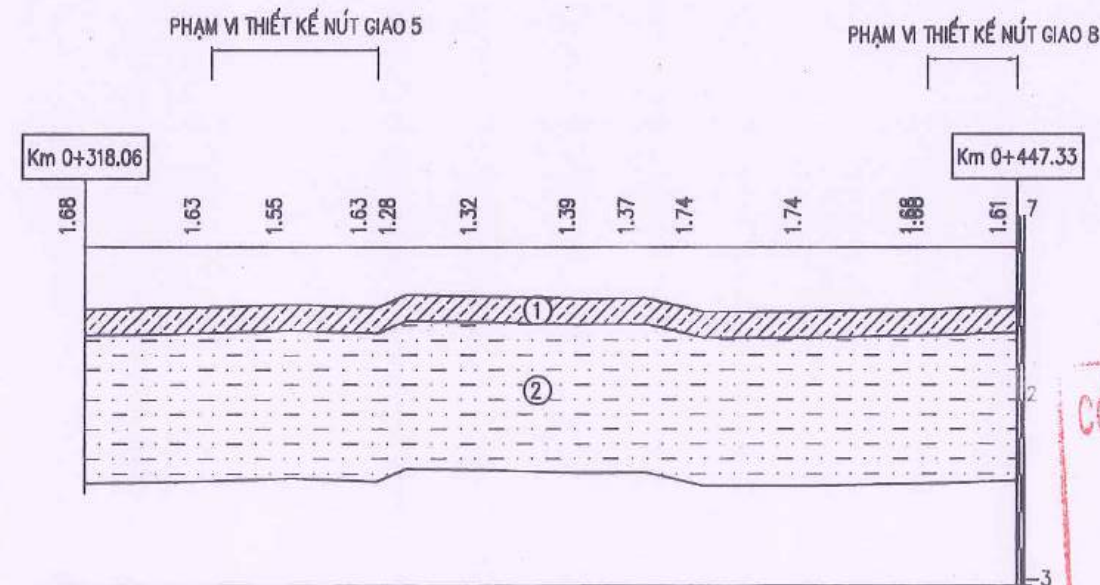
Ngày ... tháng ... năm

Chủ trì bộ môn ký tên

KHBV: TDTL1/2

TRẮC DỤC THIẾT KẾ TRỤC 01

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:



Mô tả địa chất	-LỚP 1: ĐẤT Á SÉT MÀU XÁM NÀU, TRẠNG THÁI ĐỂ MỀM, DÀY TRUNG BÌNH 0.7M -LỚP 2: ĐẤT Á CÁT MÀU XÁM VÀNG, TRẠNG THÁI ĐỂ MỀM, DÀY TRUNG BÌNH 4.3M											
Cao độ thiết kế	3.16	3.16	3.15	3.15	3.15	3.15	3.15	3.15	3.15	3.15	3.15	3.15
Dốc dọc thiết kế	0.05% 29.25											
Cao độ tự nhiên	1.48	1.53	1.60	1.52	1.87	1.83	1.76	1.78	1.41	1.41	1.47	1.54
Khoảng cách lề	17.75	11.50	11.50	3.93	11.07	13.85	8.16	7.99	15.00	15.98	11.57	
Khoảng cách cộng dồn	318.06	335.81	347.31	358.81	362.74	373.81	387.66	395.82	403.81	418.81	434.78	447.33
Tên cọc	27	28	N5	30	29	31	32	33	34	35	36A	N8
Lý trình	H4 Km 0+447.33											
Đoạn thẳng – Đoạn cong												

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
 Theo văn bản số:/.....
 Ngày tháng năm
 Chủ trì bộ môn ký tên

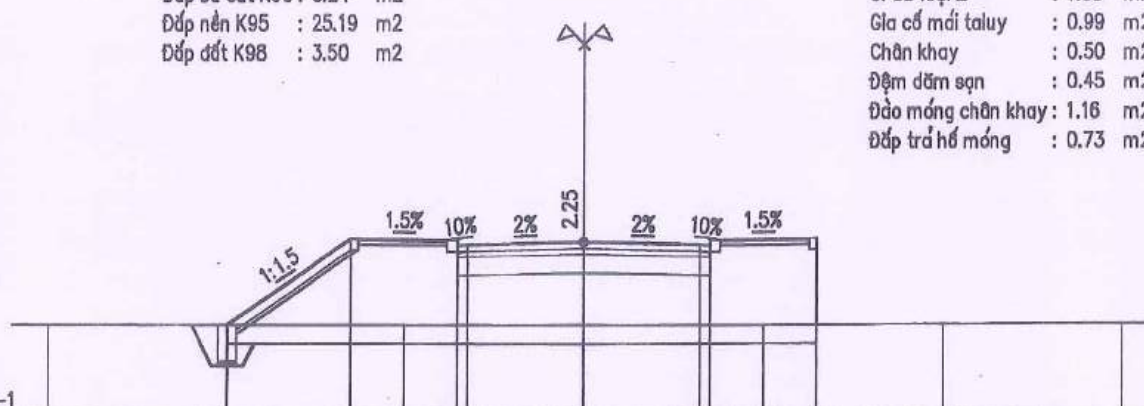
CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THUY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THUY, HUYỆN LÊ THUY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊ THUY, TỈNH QUẢNG TRỊ	TRẮC DỤC THIẾT KẾ TRỤC 1 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM TỈNH QUẢNG TRỊ CÁI LẬP ĐÔNG NAM T. QUẢNG TRỊ	10/2/2026
			CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA			
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA			
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ			

Vết hữu cơ : 8.24 m2
Đắp bù cát K90 : 8.24 m2
Đắp nền K95 : 25.19 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc N2'
Km 0 + 0.00

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Già cổ mái taluy : 0.99 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.45 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1



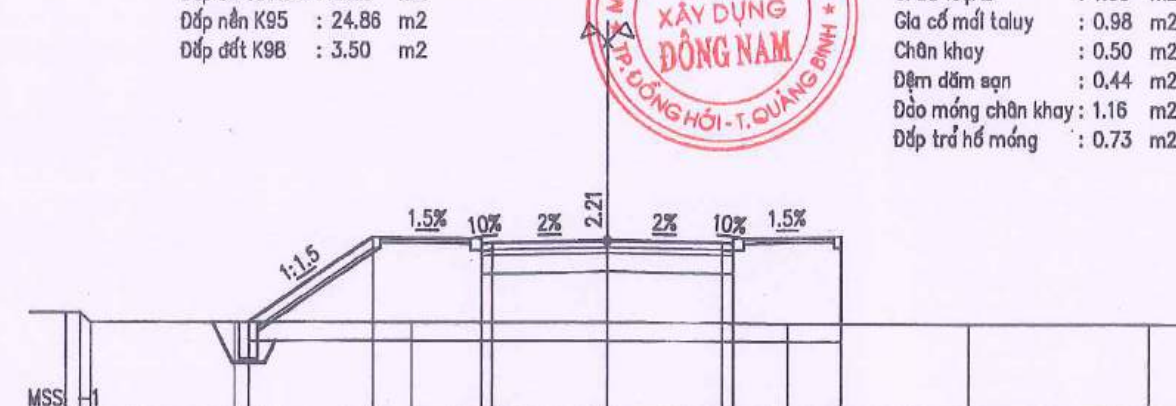
Cao độ thiết kế	1.43	3.75	3.71	3.65	3.59	3.42
Khoảng cách lề thiết kế		3.48	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	1.44	1.43	1.42	1.40	1.42	1.43
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00

Vết hữu cơ : 8.22 m2
Đắp bù cát K90 : 8.22 m2
Đắp nền K95 : 24.86 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 1
Km 0 + 35.00

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Già cổ mái taluy : 0.98 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.44 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1



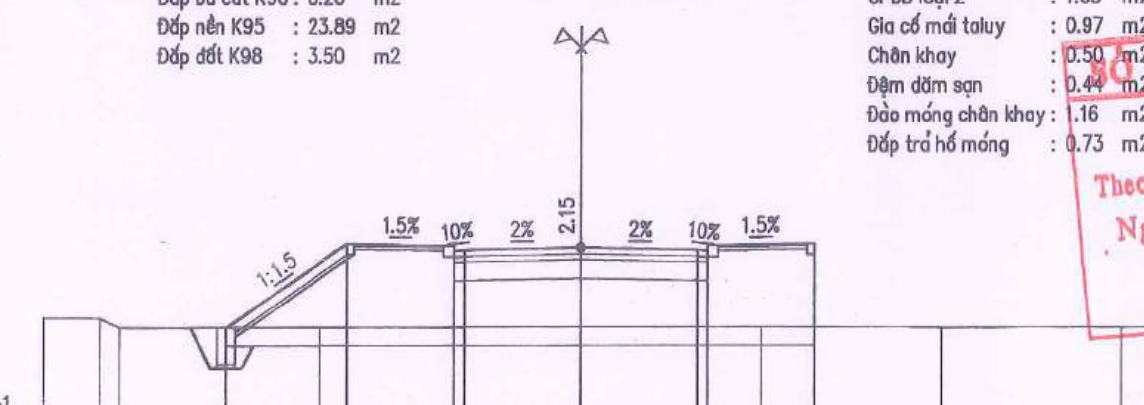
Cao độ thiết kế	1.44	3.73	3.69	3.63	3.57	3.42
Khoảng cách lề thiết kế		3.44	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	1.44	1.43	1.42	1.38	1.37	1.38
Khoảng cách mìa	3.99	4.90	5.43	5.00	5.00	5.00

Vết hữu cơ : 8.20 m2
Đắp bù cát K90 : 8.20 m2
Đắp nền K95 : 23.89 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 2
Km 0 + 30.00

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Già cổ mái taluy : 0.97 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.44 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1



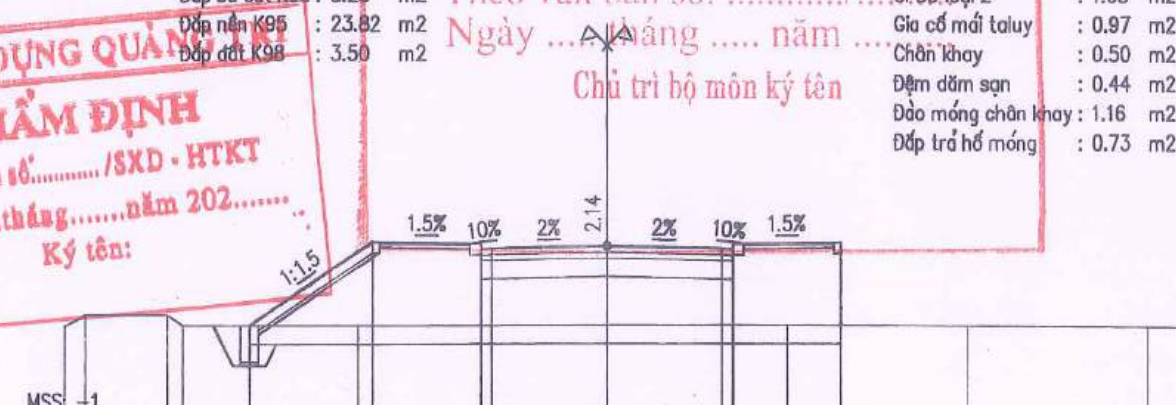
Cao độ thiết kế	1.44	3.71	3.66	3.61	3.54	3.42
Khoảng cách lề thiết kế		3.40	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	1.70	1.70	1.45	1.46	1.46	1.43
Khoảng cách mìa	1.59	5.62	7.26	5.00	5.00	5.00

Vết hữu cơ : 8.20 m2
Đắp bù cát K90 : 8.20 m2
Đắp nền K95 : 23.82 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 3
Km 0 + 45.00

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Già cổ mái taluy : 0.97 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.44 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1



Cao độ thiết kế	1.43	3.69	3.64	3.59	3.52	3.42
Khoảng cách lề thiết kế		3.39	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	1.42	1.43	1.42	1.45	1.45	1.41
Khoảng cách mìa	2.27	4.85	6.89	5.00	5.00	5.00

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

THẨM TRA
Theo Văn bản số:/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ môn ký tên



**CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**

**CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY**

CÔNG TRÌNH:
**PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY**

TRẮC NGANG CHI TIẾT THỰC 1
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 **SỐ : 1/12**
KHBY : TNCTT01

Vết hữu cơ : 8.23 m²
Đắp bù cát K90 : 8.23 m²
Đắp nền K95 : 24.41 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 4
Km 0 + 60.00

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.99 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.45 m²
Đào móng chân khay : 1.28 m²
Đắp trả hố móng : 0.86 m²

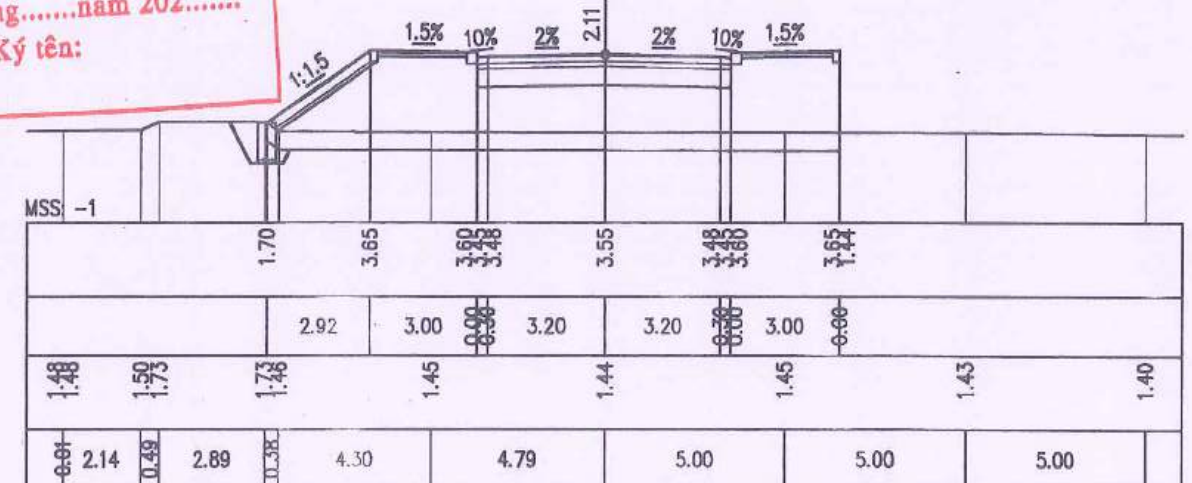
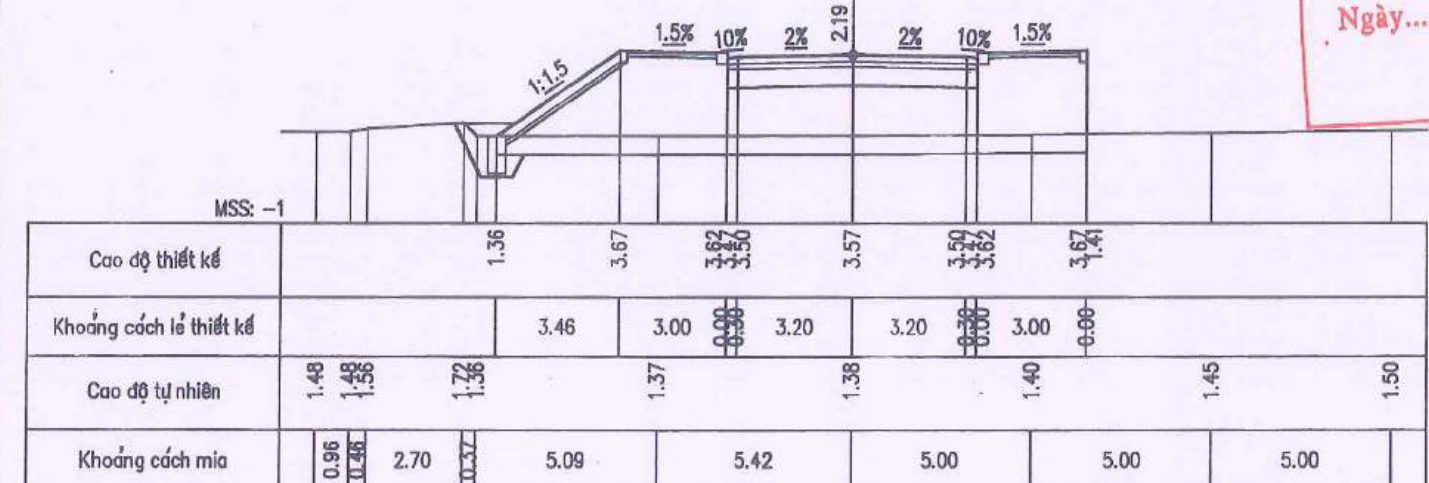
SƠ XÂY DỰNG QUẢNG TRẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 7.96 m²
Đắp bù cát K90 : 7.96 m²
Đắp nền K95 : 22.97 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 5
Km 0 + 75.00

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
Mô hình: 300421102 - C.T. LƯU

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.82 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.38 m²
Đào móng chân khay : 1.07 m²
Đắp trả hố móng : 0.66 m²



Vết hữu cơ : 7.94 m²
Đắp bù cát K90 : 7.94 m²
Đắp nền K95 : 22.47 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 6
Km 0 + 84.97

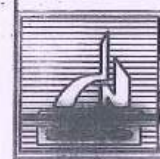
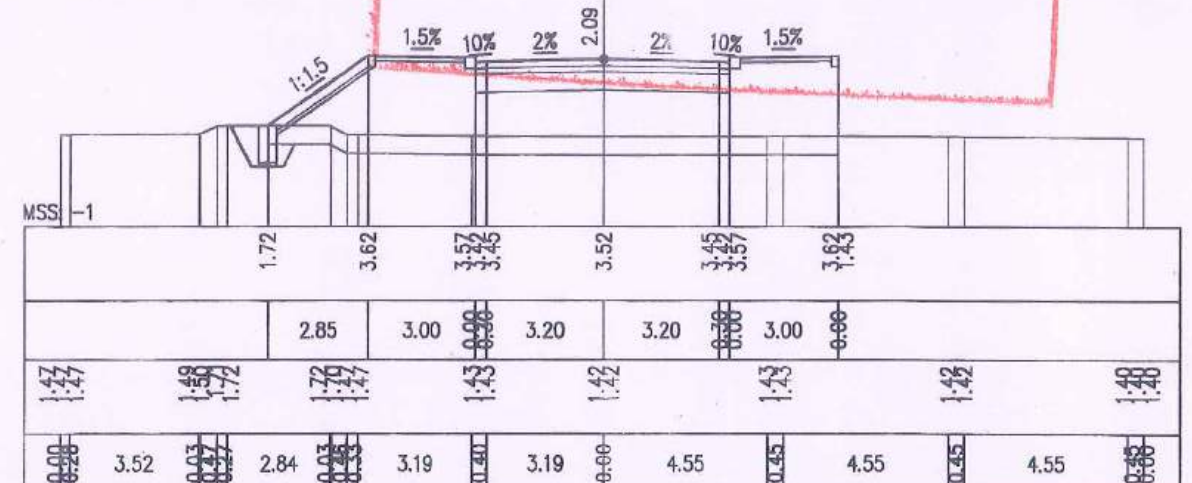
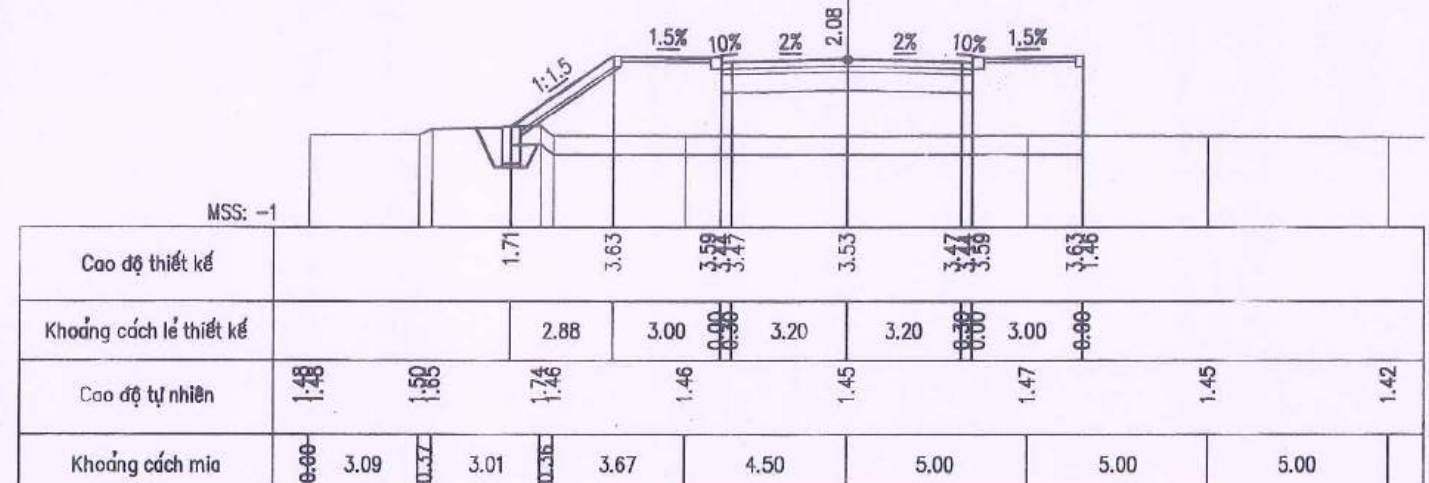
Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.81 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.38 m²
Đào móng chân khay : 1.15 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

Vết hữu cơ : 7.92 m²
Đắp bù cát K90 : 7.92 m²
Đắp nền K95 : 22.33 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 6A
Km 0 + 95.07

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ môn ký tên

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.80 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.37 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²



Vết hữu cơ : 7.92 m²
Đắp bù cát K90 : 7.92 m²
Đắp nền K95 : 22.32 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 7
Km 0 + 96.06

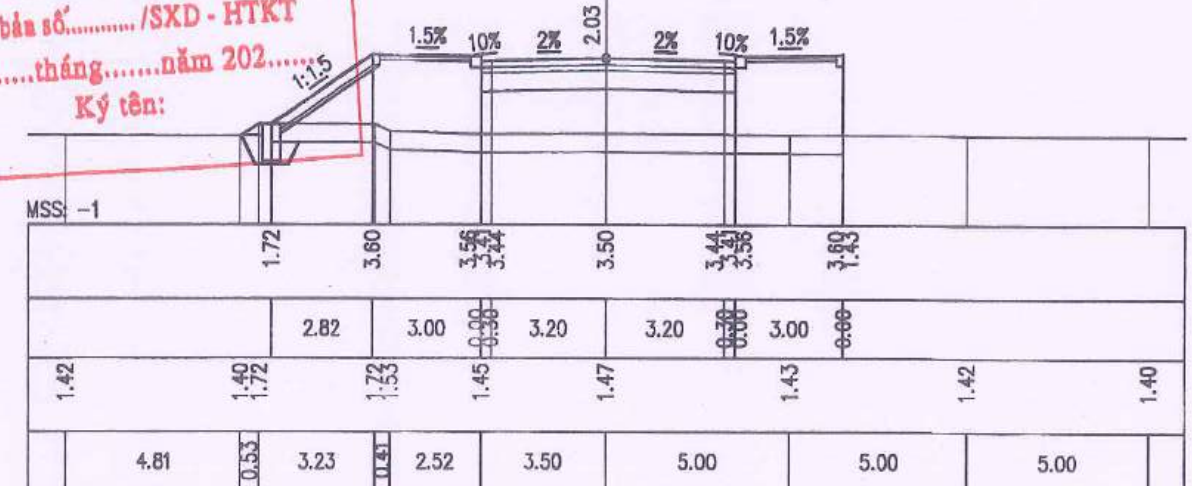
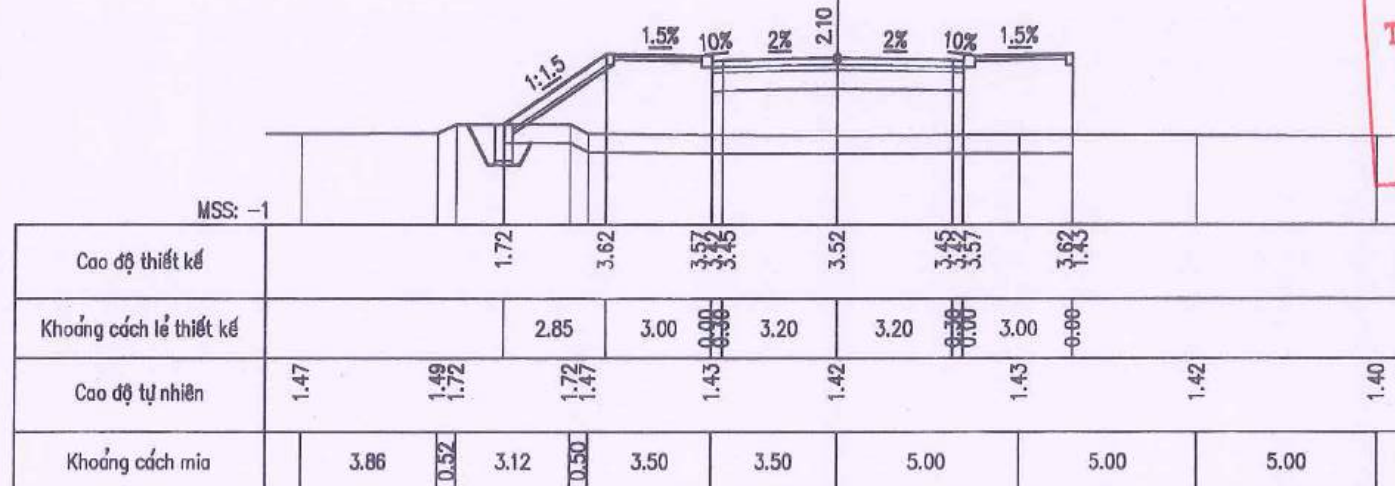
Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.80 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.37 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

Vết hữu cơ : 7.91 m²
Đắp bù cát K90 : 7.91 m²
Đắp nền K95 : 21.44 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc N2
Km 0 + 107.59

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.79 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.37 m²
Đào móng chân khay : 1.08 m²
Đắp trả hố móng : 0.63 m²

BO XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



Vết hữu cơ : 8.09 m²
Đắp bù cát K90 : 8.09 m²
Đắp nền K95 : 19.66 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 8
Km 0 + 119.06

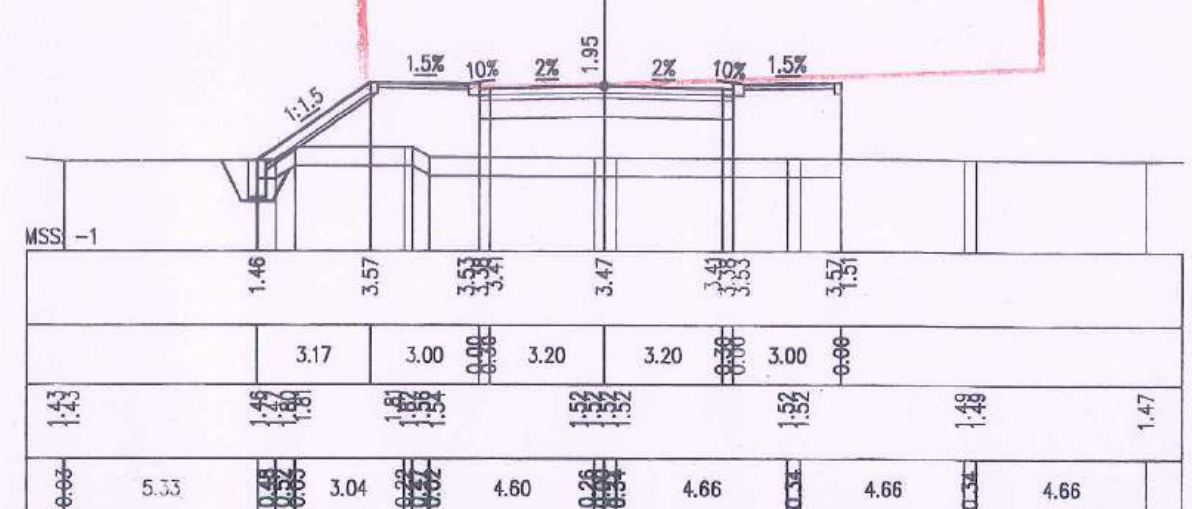
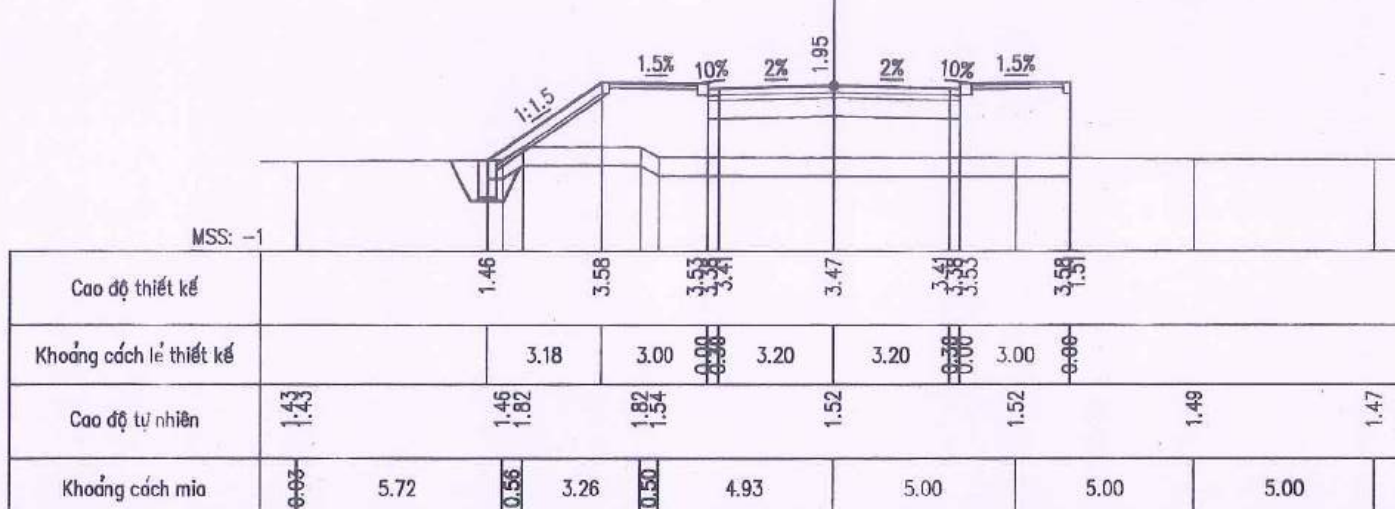
Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.90 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.41 m²
Đào móng chân khay : 1.21 m²
Đắp trả hố móng : 0.78 m²

Vết hữu cơ : 8.09 m²
Đắp bù cát K90 : 8.09 m²
Đắp nền K95 : 19.64 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 8A
Km 0 + 120.07

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.90 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.41 m²
Đào móng chân khay : 1.19 m²
Đắp trả hố móng : 0.76 m²

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ môn ký tên



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 1
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 SỐ : 7/12
KH BV : TNCTT01

Vết hữu cơ : 8.01 m²
Đắp bù cát K90 : 8.01 m²
Đắp nền K95 : 19.35 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 9
Km 0 + 134.06

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Già cổ mái taluy : 0.85 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sgn : 0.39 m²
Đào móng chân khay : 1.15 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.53	3.54	3.50	3.38	3.44	3.38	3.50	3.54
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.02	3.00	0.90	3.20	3.20	0.90	3.00
Cao độ tự nhiên	1.45	1.55	1.86	1.50	1.50	1.51	1.49	1.47
Khoảng cách mia	7.08	0.47	3.29	0.35	3.86	5.00	5.00	5.00

Vết hữu cơ : 8.02 m²
Đắp bù cát K90 : 8.02 m²
Đắp nền K95 : 19.25 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 10
Km 0 + 149.06

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Già cổ mái taluy : 0.86 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sgn : 0.40 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.48	3.51	3.46	3.34	3.41	3.34	3.46	3.51
Khoảng cách lẻ thiết kế		3.04	3.00	0.90	3.20	3.20	0.90	3.00
Cao độ tự nhiên	1.47	1.49	1.79	1.48	1.48	1.48	1.45	1.43
Khoảng cách mia	8.01	0.45	3.65	0.35	2.50	5.00	5.00	5.00

Vết hữu cơ : 7.99 m²
Đắp bù cát K90 : 7.99 m²
Đắp nền K95 : 19.28 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 11
Km 0 + 164.06

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Già cổ mái taluy : 0.84 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sgn : 0.39 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.48	3.47	3.43	3.37	3.28	3.43	3.47
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.98	3.00	0.90	3.20	3.20	0.90
Cao độ tự nhiên	1.48	1.48	1.50	1.66	1.63	1.45	1.46
Khoảng cách mia	4.49	4.39	0.55	3.98	0.35	1.23	5.00

Vết hữu cơ : 7.98 m²
Đắp bù cát K90 : 7.98 m²
Đắp nền K95 : 16.69 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 12
Km 0 + 179.06

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Già cổ mái taluy : 0.83 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sgn : 0.39 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.47	3.44	3.40	3.34	3.28	3.40	3.44
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.96	3.00	0.90	3.20	3.20	0.90
Cao độ tự nhiên	1.45	1.47	1.61	1.88	1.62	1.66	1.67
Khoảng cách mia	5.47	5.19	0.31	3.28	0.64	5.00	5.00



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGẠNG CHI TIẾT THỰC 1
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 4/12

KHBY : TNCYT01

Vết hữu cơ : 7.97 m²
Đắp bù cát K90 : 7.97 m²
Đắp nền K95 : 16.80 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 13
Km 0 + 187.04

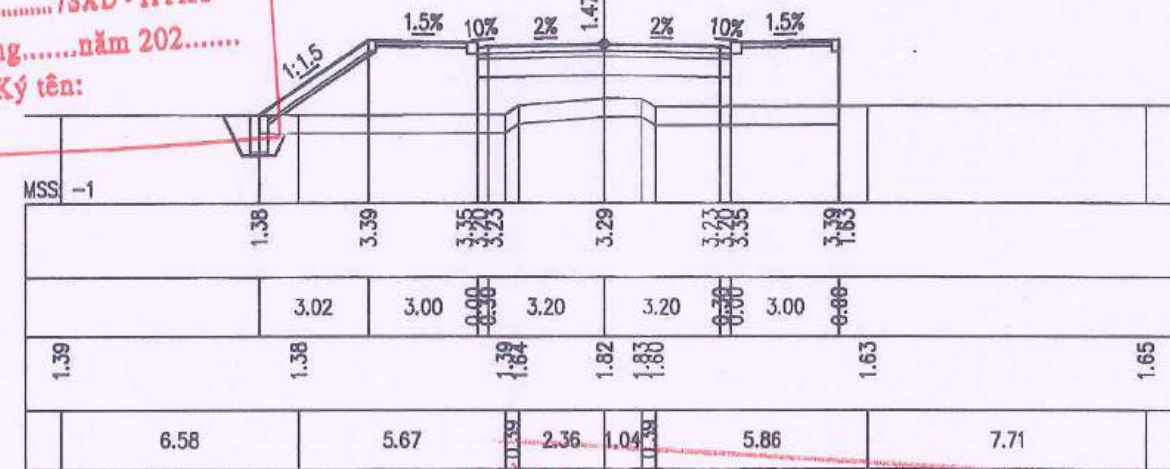
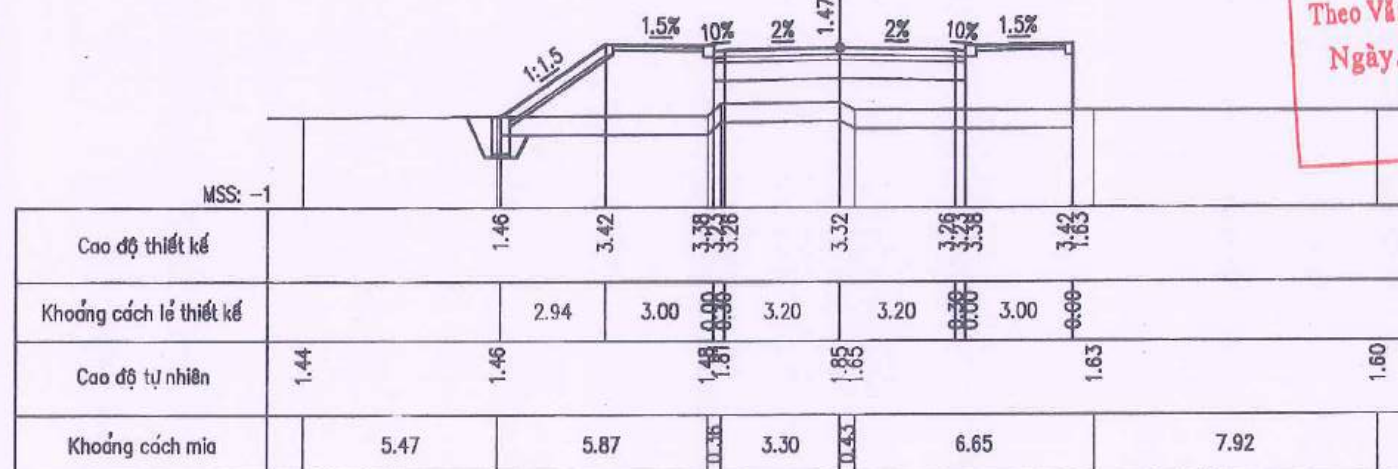
Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.83 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sgn : 0.38 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: /SXD - HTKT
Ngày tháng năm 202.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 8.01 m²
Đắp bù cát K90 : 8.01 m²
Đắp nền K95 : 17.48 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 14
Km 0 + 199.76

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.85 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sgn : 0.39 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²



Vết hữu cơ : 7.94 m²
Đắp bù cát K90 : 7.94 m²
Đắp nền K95 : 17.32 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

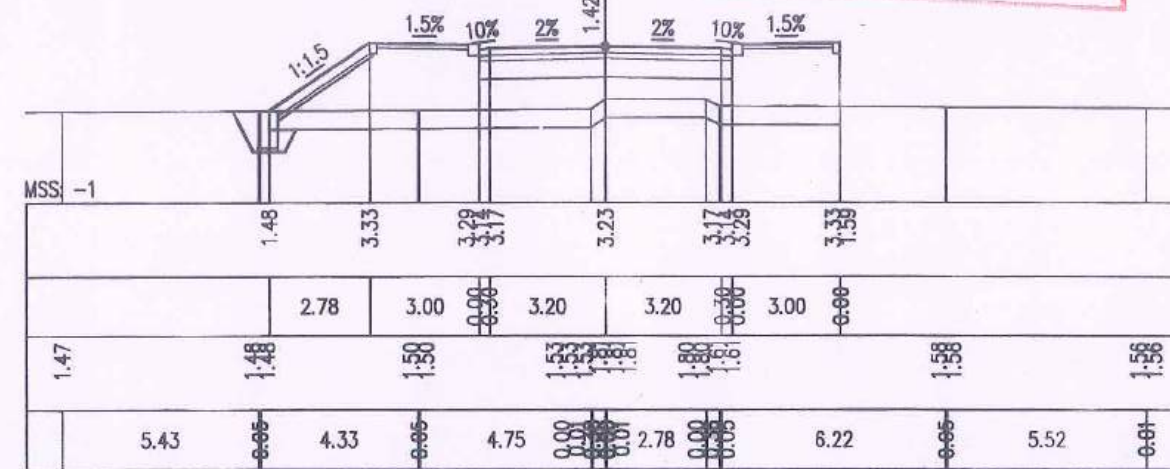
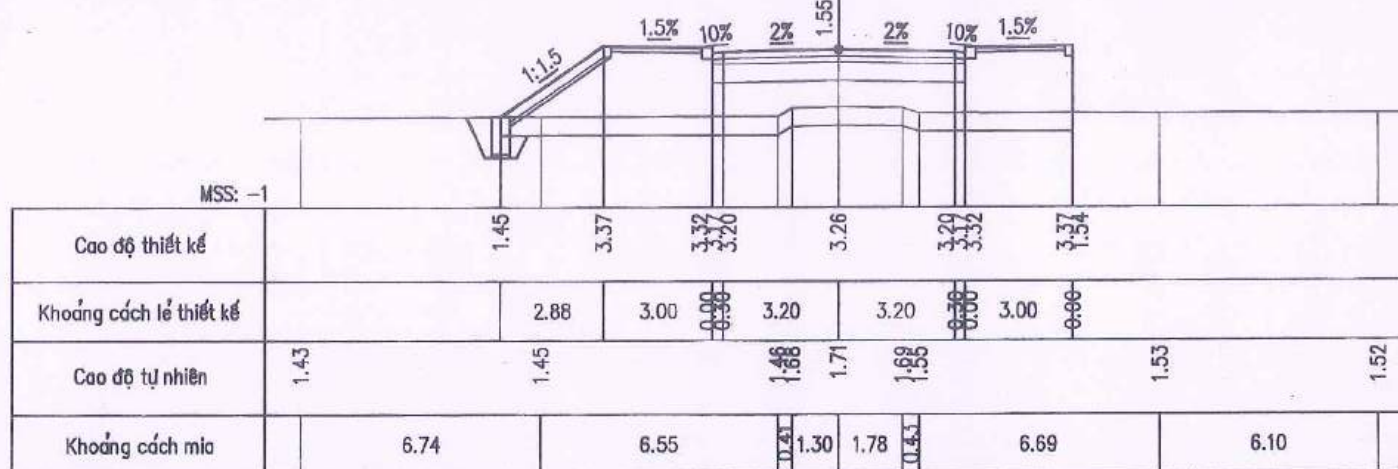
Cọc 15
Km 0 + 212.80

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.81 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sgn : 0.38 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

Vết hữu cơ : 7.89 m²
Đắp bù cát K90 : 7.89 m²
Đắp nền K95 : 16.01 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 16A
Km 0 + 227.68

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.78 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sgn : 0.36 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo Văn bản số:
Ngày tháng năm 202.....
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 1
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2026
Số : 7/12
KHBV : TNCIT01

Vết hữu cơ : 7.89 m²
Đắp bù cát K90 : 7.89 m²
Đắp nền K95 : 16.00 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 16
Km 0 + 227.80

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.78 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.36 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.48	3.33	3.29	3.23	3.17	3.29	1.58
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.78	3.00	3.20	3.20	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.47	1.48	1.50	1.53	1.50	1.58	1.56
Khoảng cách mìa		5.47	4.36	4.79	2.80	6.27	5.56

Vết hữu cơ : 7.88 m²
Đắp bù cát K90 : 7.88 m²
Đắp nền K95 : 16.04 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 17
Km 0 + 228.74

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.78 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.36 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.48	3.33	3.28	3.23	3.16	3.28	1.58
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.77	3.00	3.20	3.20	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.47	1.48	1.50	1.53	1.50	1.58	1.55
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	5.00	2.62	5.57	6.18

Vết hữu cơ : 7.73 m²
Đắp bù cát K90 : 7.73 m²
Đắp nền K95 : 16.99 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 18
Km 0 + 238.09

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.69 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.33 m²
Đào móng chân khay : 1.27 m²
Đắp trả hố móng : 0.85 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.66	3.31	3.26	3.21	3.14	3.26	1.58
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.47	3.00	3.20	3.20	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.43	1.43	1.92	1.92	1.50	1.47	1.64
Khoảng cách mìa		0.78	1.11	3.53	1.01	3.57	5.00

Vết hữu cơ : 6.06 m²
Đắp bù cát K90 : 6.06 m²
Đắp nền K95 : 10.13 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 19
Km 0 + 238.61

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.78 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.37 m²
Đào móng chân khay : 1.18 m²
Đắp trả hố móng : 0.76 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.45	3.31	3.26	3.21	3.14	3.26	2.64
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.79	3.00	3.20	3.20	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.92	1.92	1.44	1.48	1.50	2.47	2.58
Khoảng cách mìa		3.20	1.96	3.88	4.27	1.69	4.40

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ môn ký tên.....

THẨM ĐỊNH
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:.....



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 1

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 6/12

KHBY : TNCIT01

Vết hữu cơ : 4.34 m²
Đào khuôn : 1.73 m²
Đắp bù cát K90 : 4.34 m²
Đắp nền K95 : 4.33 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 20
Km 0 + 239.33

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giá cố mái taluy : 0.75 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sụn : 0.35 m²
Đào móng chân khay : 1.17 m²
Đắp trả hố móng : 0.74 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.52	3.31	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.31	2.84
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.68	3.00	0.00	3.20	3.20	0.00	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.44	1.44	2.45		2.61		2.64	2.65	2.66
Khoảng cách mìa	5.47	4.61	4.92		5.00		5.00		5.00

Vết hữu cơ : 3.53 m²
Đào khuôn : 1.94 m²
Đắp bù cát K90 : 3.53 m²
Đắp nền K95 : 3.12 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 14
Km 0 + 241.37

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giá cố mái taluy : 0.27 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sụn : 0.16 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	2.59	3.30	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.30	2.58
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.07	3.00	0.00	3.20	3.20	0.00	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	2.52	2.58	2.60		2.62		2.59	2.45	1.56
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00		6.13		5.95		2.92

Vết hữu cơ : 5.21 m²
Đào khuôn : 0.49 m²
Đắp bù cát K90 : 5.21 m²
Đắp nền K95 : 8.26 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 21
Km 0 + 243.33

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giá cố mái taluy : 0.27 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sụn : 0.16 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	2.57	3.30	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.30	3.36
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.09	3.00	0.00	3.20	3.20	0.00	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	2.54	2.54	2.59		2.42		1.46	1.46	2.04
Khoảng cách mìa	4.48	4.81	5.71		2.99		6.68	2.69	2.64

Vết hữu cơ : 7.10 m²
Đắp bù cát K90 : 7.10 m²
Đắp nền K95 : 12.31 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 22
Km 0 + 244.01

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giá cố mái taluy : 0.31 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sụn : 0.18 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.74 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	2.50	3.30	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.30	3.32
Khoảng cách lẻ thiết kế		1.20	3.00	0.00	3.20	3.20	0.00	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	2.54	2.54	2.42		1.46		1.46	2.02	2.02
Khoảng cách mìa	5.22	5.98	2.20		1.59		5.74	2.61	3.39



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQĐ LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 1

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 7/12

KHBY : TNCT01

Vết hữu cơ : 7.66 m²
Đắp bù cát K90 : 7.66 m²
Đắp nền K95 : 16.90 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 23
Km 0 + 254.94

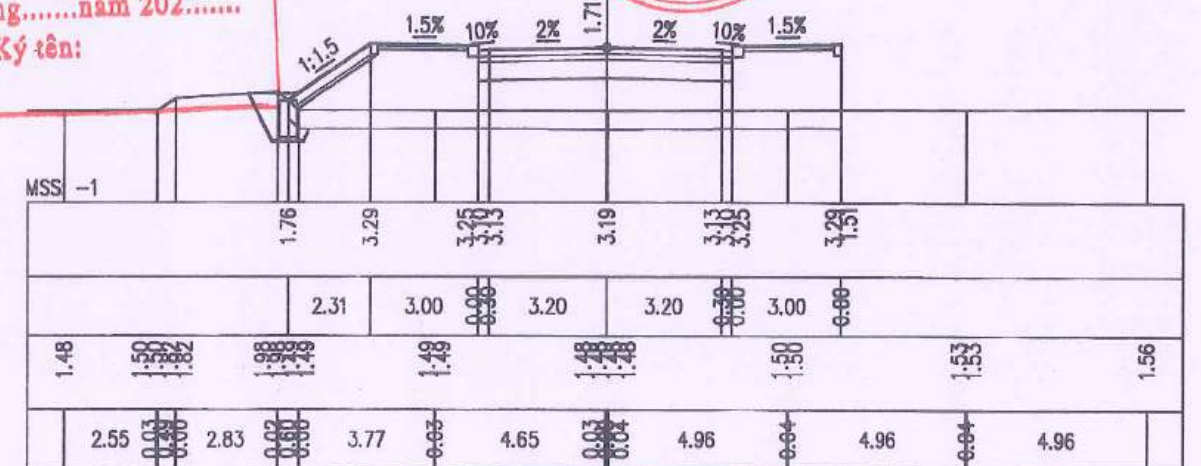
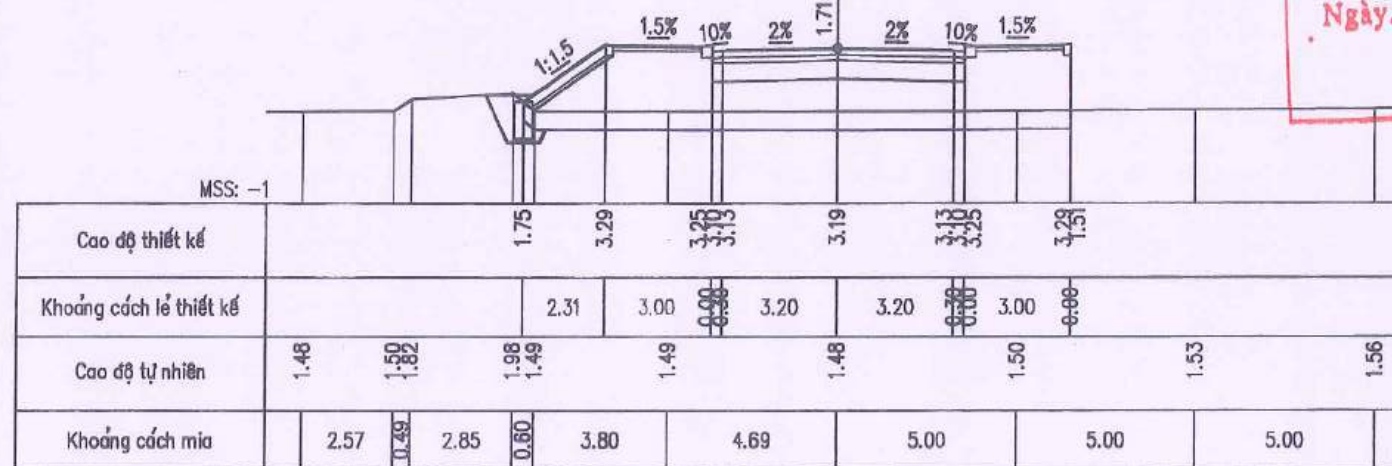
Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.64 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.31 m²
Đào móng chân khay : 1.21 m²
Đắp trả hố móng : 0.81 m²

SƠ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 7.65 m²
Đắp bù cát K90 : 7.65 m²
Đắp nền K95 : 16.90 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 23A
Km 0 + 255.05

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.64 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.31 m²
Đào móng chân khay : 1.21 m²
Đắp trả hố móng : 0.81 m²



Vết hữu cơ : 7.44 m²
Đắp bù cát K90 : 7.44 m²
Đắp nền K95 : 16.85 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 24
Km 0 + 269.94

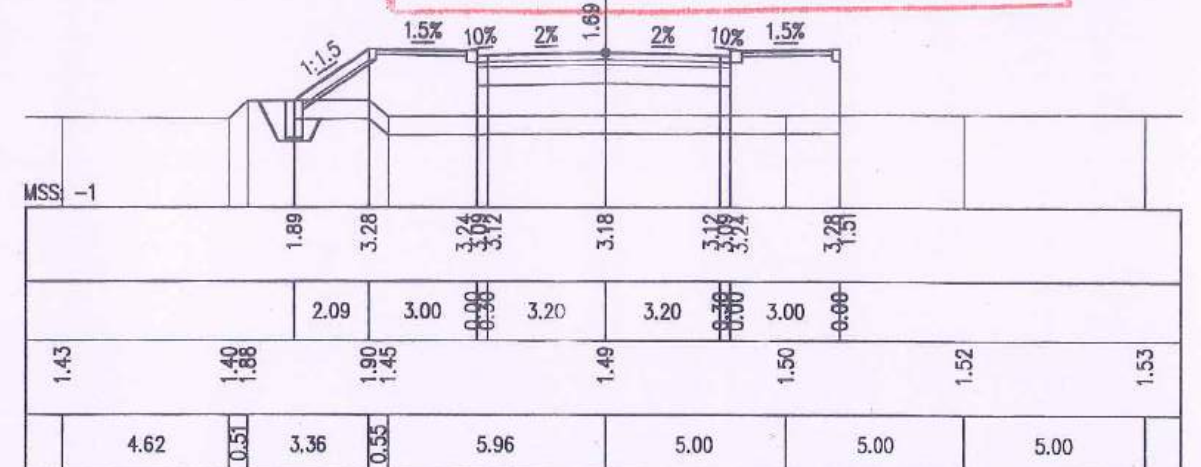
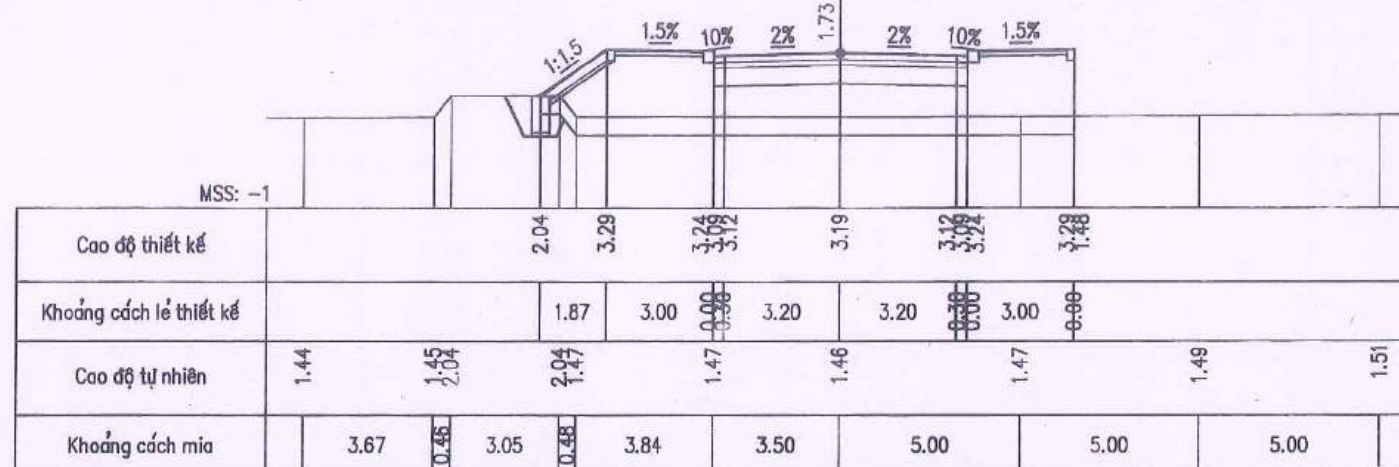
Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.51 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.26 m²
Đào móng chân khay : 1.14 m²
Đắp trả hố móng : 0.72 m²

Vết hữu cơ : 7.54 m²
Đắp bù cát K90 : 7.54 m²
Đắp nền K95 : 16.02 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 25
Km 0 + 284.94

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.57 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.28 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm.....
Chữ và họ tên:



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐỒNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQB LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 1
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 SỐ : 8/12
KHBY : TNCTT01

Vết hữu cơ : 7.87 m²
Đắp bù cát K90 : 7.87 m²
Đắp nền K95 : 15.64 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 26
Km 0 + 299.94

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.77 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.36 m²
Đào móng chân khay : 1.34 m²
Đắp trả hố móng : 0.91 m²

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 7.85 m²
Đắp bù cát K90 : 7.85 m²
Đắp nền K95 : 15.28 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 27
Km 0 + 318.06

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.76 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.36 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²



MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.44	3.27	3.23	3.11	3.17	3.11	3.23	3.27	
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.75	3.00	0.00	3.20	3.20	0.00	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.47	1.44	1.85	1.85	1.47	1.48	1.47	1.45	
Khoảng cách mica	5.93	0.48	3.47	0.47	4.69	5.00	5.00	5.00	

MSS: -1

1.46	3.26	3.22	3.10	3.16	3.10	3.22	3.26	
	2.71	3.00	0.00	3.20	3.20	0.00	3.00	0.00
1.43	1.45	1.86	1.86	1.48	1.46	1.45	1.47	
3.59	4.07	0.37	3.40	0.47	3.10	5.00	5.00	5.00

Vết hữu cơ : 7.83 m²
Đắp bù cát K90 : 7.83 m²
Đắp nền K95 : 14.85 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 28
Km 0 + 335.81

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.75 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.35 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

Vết hữu cơ : 6.50 m²
Đắp bù cát K90 : 6.50 m²
Đắp nền K95 : 12.96 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo Văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ môn ký tên

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.48	3.26	3.21	3.08	3.16	3.08	3.21	3.26	
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.67	3.00	0.00	3.20	3.20	0.00	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.51	1.49	1.48	1.91	1.93	1.53	1.47	1.48	1.50
Khoảng cách mica	3.96	5.24	0.46	3.15	0.36	1.83	5.00	5.00	5.00

MSS: -1

			1.62						



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC I

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2026 **SỐ : 9/12**

KHVB : TNCTT01

Vết hữu cơ : 6.50 m2
Đắp bù cát K90 : 6.50 m2
Đắp nền K95 : 13.77 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 29
Km 0 + 358.81

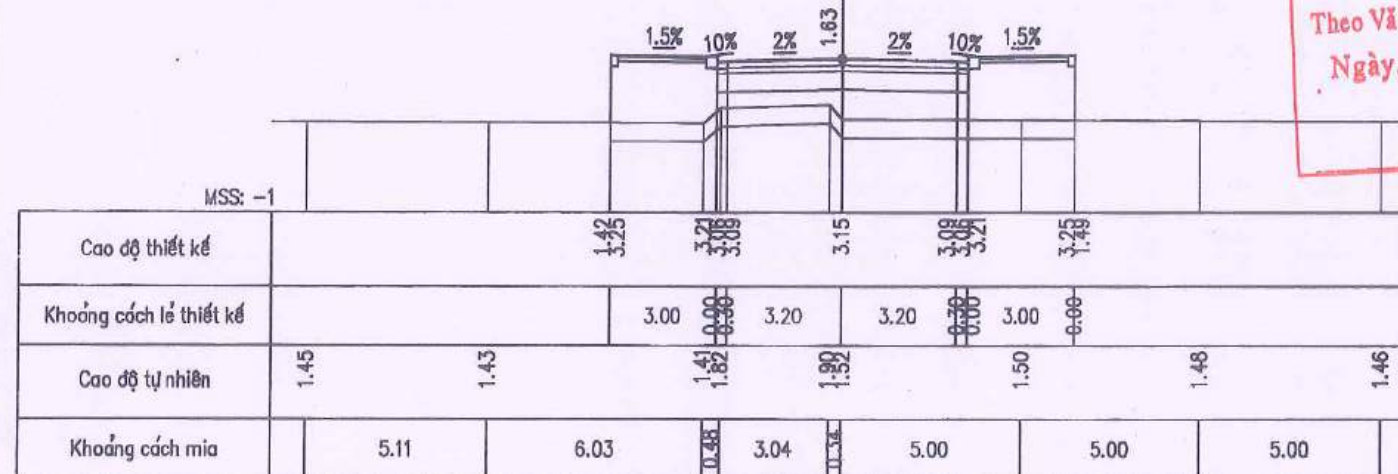
Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 6.50 m2
Đắp bù cát K90 : 6.50 m2
Đắp nền K95 : 13.93 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 30
Km 0 + 362.74

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2



Vết hữu cơ : 6.50 m2
Đắp bù cát K90 : 6.50 m2
Đắp nền K95 : 14.46 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 33
Km 0 + 395.82

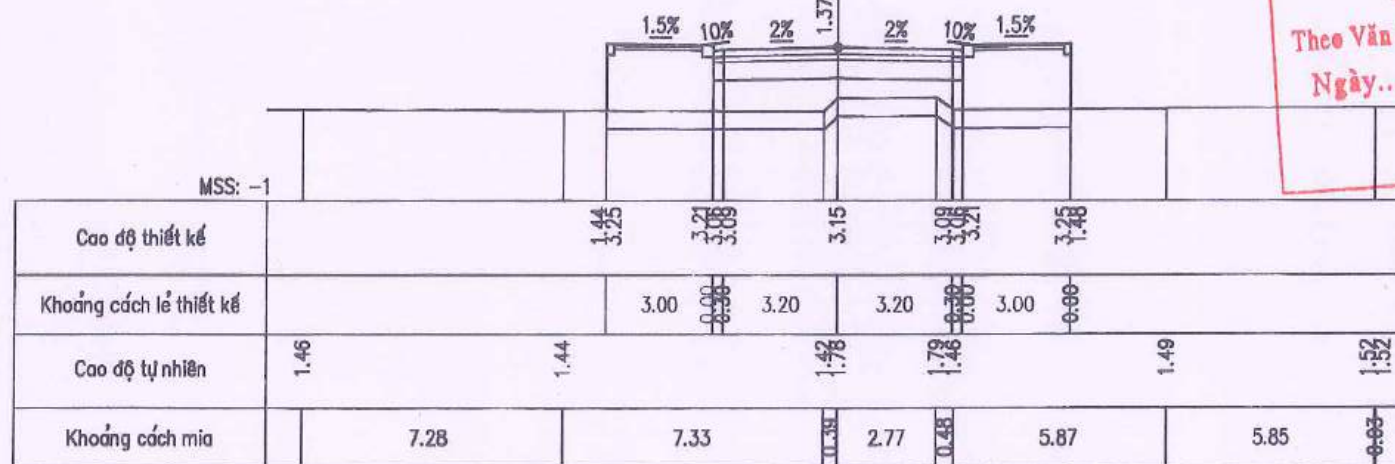
Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 6.50 m2
Đắp bù cát K90 : 6.50 m2
Đắp nền K95 : 14.56 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 34
Km 0 + 403.81

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2



Vết hữu cơ : 6.50 m2
Đắp bù cốt K90 : 6.50 m2
Đắp nền K95 : 14.20 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 36
Km 0 + 435.76

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.49	3.21	3.08	3.15	3.09	3.21	3.25	
Khoảng cách lẻ thiết kế			3.00	0.00	3.20	3.20	0.00	3.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.52	1.50	1.49		1.47	1.48	1.70	2.47	2.69
Khoảng cách mìa		5.00	5.00	5.00	3.00	2.22	1.56	7.82	

Vết hữu cơ : 6.50 m2
Đắp bù cốt K90 : 6.50 m2
Đắp nền K95 : 14.02 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc N8
Km 0 + 447.53

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2



MSS: -2

		1.48	3.21	3.08	3.15	3.09	3.21	3.25	
			3.00	0.00	3.20	3.20	0.00	3.00	0.00
1.51	1.49	1.47		1.54	1.45	1.80	1.85	2.65	2.65
	5.00	5.00	5.00	3.54	0.73	2.10	1.94	1.98	2.54

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT THỰC T
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025
SỐ : 12/12
KHBV : TNCCT01

BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN MẶT ĐƯỜNG

Đoạn: Trục 1

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



STT	Tên cọc	K.clẻ	Diện tích												Khối lượng												
			Vết hữu cơ	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dầm sạn	Đào móng chân khay	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông	Vết hữu cơ	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dầm sạn	Đào móng chân khay	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông	
			m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2
1	N2'		8,24	0	8,24	25,19	3,5	0,99	0,5	0,45	1,16	0,73	1,05	6,4													
		15													123,45	0	123,45	375,38	52,5	14,78	7,5	6,67	17,4	10,95	15,75	96	
2	1		8,22	0	8,22	24,86	3,5	0,98	0,5	0,44	1,16	0,73	1,05	6,4													
		15													123,15	0	123,15	365,63	52,5	14,63	7,5	6,6	17,4	10,95	15,75	96	
3	2		8,2	0	8,2	23,89	3,5	0,97	0,5	0,44	1,16	0,73	1,05	6,4													
		15													123	0	123	357,82	52,5	14,55	7,5	6,6	17,4	10,95	15,75	96	
4	3		8,2	0	8,2	23,82	3,5	0,97	0,5	0,44	1,16	0,73	1,05	6,4													
		15													123,22	0	123,22	361,73	52,5	14,7	7,5	6,67	18,3	11,92	15,75	96	
5	4		8,23	0	8,23	24,41	3,5	0,99	0,5	0,45	1,28	0,86	1,05	6,4													
		15													121,43	0	121,43	355,35	52,5	13,58	7,5	6,23	17,63	11,4	15,75	96	
6	5		7,96	0	7,96	22,97	3,5	0,82	0,5	0,38	1,07	0,66	1,05	6,4													
		9,97													79,26	0	79,26	226,52	34,9	8,13	4,99	3,79	11,07	6,93	10,47	63,81	
7	6		7,94	0	7,94	22,47	3,5	0,81	0,5	0,38	1,15	0,73	1,05	6,4													
		10,1													80,09	0	80,09	226,24	35,35	8,13	5,05	3,79	11,67	7,37	10,61	64,64	
8	6A		7,92	0	7,92	22,33	3,5	0,8	0,5	0,37	1,16	0,73	1,05	6,4													
		0,99																									
9	7		7,92	0	7,92	22,32	3,5	0,8	0,5	0,37	1,16	0,73	1,05	6,4													
		11,53																									
10	N2		7,91	0	7,91	21,44	3,5	0,79	0,5	0,37	1,06	0,63	1,05	6,4													
		11,47																									
11	8		8,09	0	8,09	19,66	3,5	0,9	0,5	0,41	1,21	0,78	1,05	6,4													
		1,01																									
12	8A		8,09	0	8,09	19,64	3,5	0,9	0,5	0,41	1,19	0,76	1,05	6,4													
		13,99													112,62	0	112,62	272,74	48,97	12,24	7	5,6	16,37	10,42	14,69	89,54	
13	9		8,01	0	8,01	19,35	3,5	0,85	0,5	0,39	1,15	0,73	1,05	6,4													
		15													120,23	0	120,23	289,5	52,5	12,82	7,5	5,93	17,32	10,95	15,75	96	
14	10		8,02	0	8,02	19,25	3,5	0,86	0,5	0,4	1,16	0,73	1,05	6,4													
		15													120,07	0	120,07	288,98	52,5	12,75	7,5	5,93	17,4	10,95	15,75	96	
15	11		7,99	0	7,99	19,28	3,5	0,84	0,5	0,39	1,16	0,73	1,05	6,4													
		15													119,78	0	119,78	269,77	52,5	12,52	7,5	5,85	17,4	10,95	15,75	96	
16	12		7,98	0	7,98	16,69	3,5	0,83	0,5	0,39	1,16	0,73	1,05	6,4													
		7,98													63,64	0	63,64	133,63	27,93	6,62	3,99	3,07	9,26	5,83	8,38	51,07	
17	13		7,97	0	7,97	16,8	3,5	0,83	0,5	0,38	1,16	0,73	1,05	6,4													
		12,72													101,63	0	101,63	218,02	44,52	10,68	6,36	4,9	14,76	9,29	13,36	81,41	
18	14		8,01	0	8,01	17,48	3,5	0,85	0,5	0,39	1,16	0,73	1,05	6,4													
		13,04													103,99	0	103,99	226,9	45,64	10,82	6,52	5,02	15,13	9,52	13,69	83,46	
19	15		7,94	0	7,94	17,32	3,5	0,81	0,5	0,38	1,16	0,73	1,05	6,4													
		14,88													117,78	0	117,78	247,98	52,08	11,83	7,44	5,51	17,26	10,86	15,62	95,23	
20	16A		7,89	0	7,89	16,01	3,5	0,78	0,5	0,36	1,16	0,73	1,05	6,4													
		0,12																									
21	16		7,89	0	7,89	16	3,5	0,78	0,5	0,36	1,16	0,73	1,05	6,4													
		0,94																									
22	17		7,88	0	7,88	16,04	3,5	0,78	0,5	0,36	1,16	0,73	1,05	6,4													
		9,35																									
23	18		7,73	0	7,73	16,99	3,5	0,69	0,5	0,33	1,27	0,85	1,05	6,4													
		0,52																									
24	19		6,06	0,61	6,06	10,13	3,5	0,78	0,5	0,37	1,18	0,76	1,05	6,4													
		0,72																									
25	20		4,34	1,73	4,34	4,33	3,5	0,75	0,5	0,35	1,17	0,74	1,05	6,4													
		2,04																									
26	N4		3,53	1,94	3,53	3,12	3,5	0,27	0,5	0,16	1,16	0,73	1,05	6,4													
		1,96																									
27	21		5,21	0,49	5,21	8,26	3,5	0,27	0,5	0,16	1,16	0,73	1,05	6,4													
		0,88																									

PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 2

PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 4

THẨM ĐỊNH

Ngày.....tháng.....năm 202.....

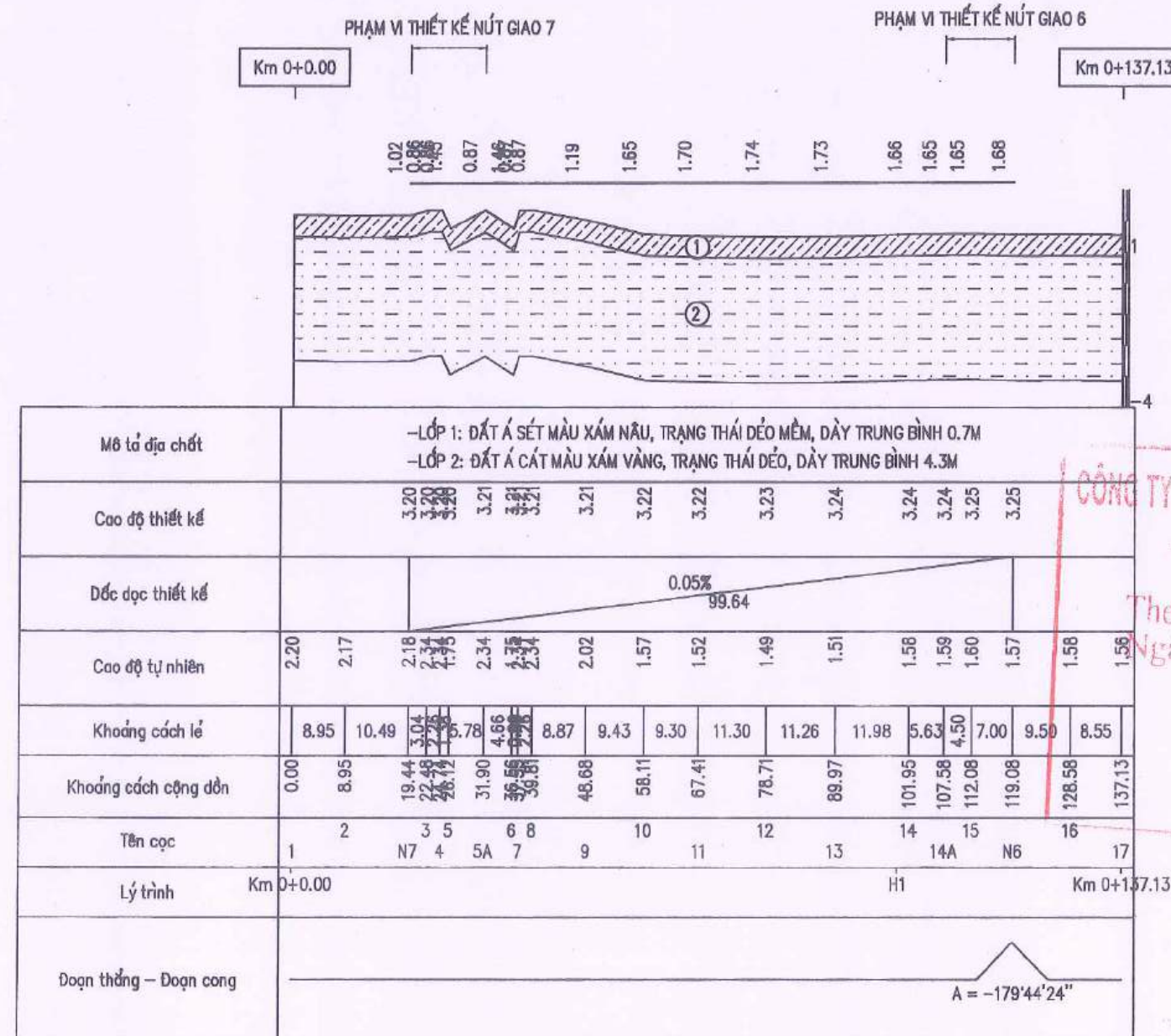
Ký tên:

[illegible]

TỔNG CỘNG

Vết hữu cơ	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dăm sạn	Đào móng chân khay	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
2749,07	0,00	2749,07	6591,47	1258,00	232,75	141,74	108,07	332,51	211,63	377,40	2300,30

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TRỤC 02



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ DỰNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	TRẮC DỌC THIẾT KẾ TRỤC 02 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG	10/2/2026
			CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA				
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA				
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ				

Cọc 1
Km 0+ 0.00

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Cọc 2
Km 0+ 8.95



MSS: -2

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ tự nhiên	1.56	1.58	1.60	1.69	2.03	2.20	2.18	1.62	1.61	1.59
Khoảng cách mìa	1.93	5.00	5.00	0.50	1.15	1.57	0.50	4.00	4.00	4.93

MSS: -2

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ tự nhiên	1.57	1.60	1.64	2.03	2.17	2.11	1.64	1.60	1.62	1.61
Khoảng cách mìa	5.98	6.50	1.50	0.50	1.99	0.50	5.00	5.00	2.51	

Vết hữu cơ : 8.75 m2
Đắp bù cát K90 : 8.75 m2
Đắp nền K95 : 15.84 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc N7
Km 0+ 19.44

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.70 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.33 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ tự nhiên	1.58	1.58	1.61	1.62	1.68	2.06	1.67	1.66	1.64	1.66
Khoảng cách mìa	1.43	6.00	5.00	0.60	0.50	2.56	0.55	5.00	3.00	3.89

Vết hữu cơ : 8.75 m2
Đắp bù cát K90 : 8.75 m2
Đắp nền K95 : 15.82 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 3
Km 0+ 22.48

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.70 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.33 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lẻ thiết kế										
Cao độ tự nhiên	1.56	1.57	1.58	1.60	2.03	2.03	1.66	1.68	1.65	1.66
Khoảng cách mìa	4.08	5.00	4.00	0.60	2.77	0.60	3.00	4.00	4.63	



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 02

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 **SỐ : 1/6**

KHBY : TNCIT02

Vết hữu cơ : 8.76 m²
Đắp bù cát K90 : 8.76 m²
Đắp nền K95 : 15.75 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 4
Km 0 + 24.74

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giã cổ mái taluy : 0.70 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sụn : 0.33 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.62	3.74	3.20	3.46	3.32	1.64			
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	3.20	3.20	4.00	2.51			
Cao độ tự nhiên	1.57	1.58	1.60	1.62	1.65	1.64	1.63		
Khoảng cách mìa	3.20	5.00	5.00	2.81	3.00	5.50	2.97		

Vết hữu cơ : 8.74 m²
Đắp bù cát K90 : 8.74 m²
Đắp nền K95 : 15.85 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 5
Km 0 + 26.12

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giã cổ mái taluy : 0.69 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sụn : 0.33 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.58	3.74	3.20	3.46	3.32	1.67			
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	3.20	3.20	4.00	2.48			
Cao độ tự nhiên	1.55	1.58	1.59	1.66	1.68	1.66	1.65		
Khoảng cách mìa	1.65	5.00	3.50	3.00	2.83	3.00	5.00	3.30	

Vết hữu cơ : 8.76 m²
Đắp bù cát K90 : 8.76 m²
Đắp nền K95 : 15.76 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 5A
Km 0 + 31.90

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giã cổ mái taluy : 0.70 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sụn : 0.33 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.58	3.74	3.21	3.46	3.32	1.64			
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	3.20	3.20	4.00	2.52			
Cao độ tự nhiên	1.55	1.54	1.55	1.56	1.59	1.60	1.62	1.65	1.65
Khoảng cách mìa	1.17	3.05	2.23	1.56	2.49	1.34	1.66	2.26	1.66

Vết hữu cơ : 8.78 m²
Đắp bù cát K90 : 8.78 m²
Đắp nền K95 : 16.11 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 6
Km 0 + 36.56

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giã cổ mái taluy : 0.71 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm sụn : 0.34 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.58	3.74	3.21	3.46	3.32	1.62			
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	3.20	3.20	4.00	2.55			
Cao độ tự nhiên	1.53	1.53	1.55	1.60	1.59	1.98	1.65	1.62	1.65
Khoảng cách mìa	0.78	5.50	4.50	3.00	0.70	3.00	0.80	5.00	5.00



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTOĐ LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT THỰC 02
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 SỐ : 2/6
KHBY : TNCTT02

Vết hữu cơ : 8.76 m²
Đắp bù cát K90 : 8.76 m²
Đắp nền K95 : 16.16 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 7
Km 0 + 37.55

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.70 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.33 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.56	3.73	3.21	3.42	3.33	1.85
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	2.52	
Cao độ tự nhiên	1.54	1.53	1.55	1.59	1.66	1.62
Khoảng cách mia	3.78	5.00	5.00	3.00	5.00	5.00

Vết hữu cơ : 8.80 m²
Đắp bù cát K90 : 8.80 m²
Đắp nền K95 : 16.27 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 8
Km 0 + 39.81

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.72 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.34 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.56	3.73	3.21	3.42	3.33	1.60
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	2.59	
Cao độ tự nhiên	1.54	1.52	1.58	1.60	1.63	1.59
Khoảng cách mia	3.98	5.00	5.00	3.05	5.00	5.00

Vết hữu cơ : 8.82 m²
Đắp bù cát K90 : 8.82 m²
Đắp nền K95 : 16.68 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 9
Km 0 + 48.68

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.74 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.35 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.56	3.73	3.21	3.42	3.33	1.57
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	2.64	
Cao độ tự nhiên	1.53	1.55	1.56	1.58	1.60	1.56
Khoảng cách mia	4.40	5.00	5.00	3.07	5.00	4.83

Vết hữu cơ : 8.74 m²
Đắp bù cát K90 : 8.74 m²
Đắp nền K95 : 16.90 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 10
Km 0 + 58.11

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.75 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.35 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.56	3.73	3.22	3.46	3.34	1.55
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	2.67	
Cao độ tự nhiên	1.54	1.56	1.55	1.57	1.57	1.54
Khoảng cách mia	5.00	5.00	5.00	3.13	5.00	4.00



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTOD LÊ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 02

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 3/6

KHBY : TNCTT02

Vết hữu cơ : 8.77 m2
Đắp bù cát K90 : 8.77 m2
Đắp nền K95 : 17.51 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 11
Km 0+ 67.41

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.78 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.36 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.38	3.28	3.22	3.16	3.34	1.50
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	2.77	
Cao độ tự nhiên	1.53	1.52	1.50	1.52	1.90	1.47
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	3.06	5.50	3.27

Vết hữu cơ : 8.89 m2
Đắp bù cát K90 : 8.89 m2
Đắp nền K95 : 17.62 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 12
Km 0+ 78.71

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.78 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.36 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.38	3.28	3.23	3.17	3.35	1.49
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	2.78	
Cao độ tự nhiên	1.51	1.49	1.52	1.50	1.89	1.50
Khoảng cách mìa	2.50	3.00	4.50	5.00	5.50	2.73

Vết hữu cơ : 8.91 m2
Đắp bù cát K90 : 8.91 m2
Đắp nền K95 : 18.02 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 13
Km 0+ 89.97

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.79 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.37 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.38	3.29	3.24	3.17	3.35	1.47
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	2.82	
Cao độ tự nhiên	1.52	1.50	1.51	1.50	2.12	1.45
Khoảng cách mìa	7.50	7.50	1.55	3.00	5.20	2.38

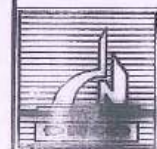
Vết hữu cơ : 8.93 m2
Đắp bù cát K90 : 8.93 m2
Đắp nền K95 : 17.93 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 14
Km 0+ 101.95

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.81 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.38 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.38	3.28	3.24	3.18	3.36	1.45
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	2.87	
Cao độ tự nhiên	1.55	1.58	1.56	1.58	1.95	1.43
Khoảng cách mìa	6.00	5.00	4.00	2.22	5.20	1.82



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 02

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2028 SỐ : 4/6
KHBY : TNCIT02

Vết hữu cơ : 8.71 m²
Đắp bù cát K90 : 8.71 m²
Đắp nền K95 : 17.51 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 14A
Km 0 + 107.58

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.80 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.37 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế				3.58			3.18		3.24		3.18		3.36		1.46		
Khoảng cách lẻ thiết kế					4.00		3.20		3.20		3.20	4.00		2.85			
Cao độ tự nhiên	1.54	1.56		1.58		1.57		1.58	1.59	1.58	1.55	1.56	1.58	2.07	1.94	1.46	
Khoảng cách mìa	0.00	2.67		4.17		2.22		4.17	1.78	0.99	1.31	0.57	1.31	1.67	2.31	2.89	1.48

Vết hữu cơ : 8.92 m²
Đắp bù cát K90 : 8.92 m²
Đắp nền K95 : 17.59 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 15
Km 0 + 112.08

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.80 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.37 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								</
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

Vết hữu cơ : 8.94 m²
Đắp bù cát K90 : 8.94 m²
Đắp nền K95 : 17.81 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc N6
Km 0 + 119.08

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.81 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.38 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế		3.31	3.19	3.25	3.18	3.37	1.44	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	3.20	3.20	4.00	2.89		
Cao độ tự nhiên	1.54	1.61	1.57	1.52	1.59	1.55	1.54	1.42
Khoảng cách mìa	7.50	7.50	3.15	0.64	2.96	0.75	5.50	0.59

MSS: -2

Cao độ thiết kế		3.31	3.19	3.25	3.18	3.37	1.44	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	3.20	3.20	4.00	2.89		
Cao độ tự nhiên	1.54	1.56	1.58	1.59	1.58	1.55	1.54	1.42
Khoảng cách mìa	8.00	7.00	3.43	0.96	3.03	0.70	5.50	0.59

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Văn bản số:/SXĐ - HTKT
Ngày:thángnăm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày: tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXĐ &
PTOD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT THỰC 02
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 SỐ : 5/6
KHBY : TNCTT02



Cọc 17
Km 0 + 137.13



MSS: -2

Cao độ thiết kế								
Khoảng cách lẻ thiết kế								
Cao độ tự nhiên	1.56	1.54	1.56	1.58	1.95	2.70	1.97	1.45
Khoảng cách m	7.50	7.50	4.12	0.76	2.99	0.65	5.28	



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 02

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 6/6

KHBY : TNCIT02

BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN MẶT ĐƯỜNG

Đoạn: Trục 2



STT	Tên cọc	K.c lẻ	Diện tích											Khối lượng										
			Vét hữu cơ	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dăm sạn	Đào móng chân	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông	Vét hữu cơ	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dăm sạn	Đào móng chân	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
			m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2
1	N7		8,75	8,75	15,84	3,5	0,7	0,5	0,33	1,16	0,73	1,05	6,4											
		3,04																						
2	3		8,75	8,75	15,82	3,5	0,7	0,5	0,33	1,16	0,73	1,05	6,4											
		2,26																						
3	4		8,76	8,76	15,75	3,5	0,7	0,5	0,33	1,16	0,73	1,05	6,4	PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 7										
		1,38																						
4	5		8,74	8,74	15,85	3,5	0,69	0,5	0,33	1,16	0,73	1,05	6,4											
		5,78																						
5	5A		8,76	8,76	15,76	3,5	0,7	0,5	0,33	1,16	0,73	1,05	6,4											
		4,66												40,87	40,87	74,26	16,31	3,29	2,33	1,56	5,41	3,4	4,89	29,82
6	6		8,78	8,78	16,11	3,5	0,71	0,5	0,34	1,16	0,73	1,05	6,4											
		0,99												8,68	8,68	15,97	3,46	0,7	0,49	0,33	1,15	0,72	1,04	6,34
7	7		8,76	8,76	16,16	3,5	0,7	0,5	0,33	1,16	0,73	1,05	6,4											
		2,26												19,84	19,84	36,65	7,91	1,6	1,13	0,76	2,62	1,65	2,37	14,46
8	8		8,8	8,8	16,27	3,5	0,72	0,5	0,34	1,16	0,73	1,05	6,4											
		8,87												78,14	78,14	146,13	31,04	6,48	4,43	3,06	10,29	6,48	9,31	56,77
9	9		8,82	8,82	16,68	3,5	0,74	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4											
		9,43												82,8	82,8	158,33	33	7,03	4,71	3,3	10,94	6,88	9,9	60,35
10	10		8,74	8,74	16,9	3,5	0,75	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4											
		9,3												81,42	81,42	160,01	32,55	7,11	4,65	3,3	10,79	6,79	9,77	59,52
11	11		8,77	8,77	17,51	3,5	0,78	0,5	0,36	1,16	0,73	1,05	6,4											
		11,3												98,65	98,65	198,48	39,55	8,81	5,65	4,07	13,11	8,25	11,87	72,32
12	12		8,69	8,69	17,62	3,5	0,78	0,5	0,36	1,16	0,73	1,05	6,4											
		11,26												99,09	99,09	200,65	39,41	8,84	5,63	4,11	13,06	8,22	11,82	72,06
13	13		8,91	8,91	18,02	3,5	0,79	0,5	0,37	1,16	0,73	1,05	6,4											
		11,98												106,86	106,86	215,34	41,93	9,58	5,99	4,49	13,9	8,75	12,58	76,67
14	14		8,93	8,93	17,93	3,5	0,81	0,5	0,38	1,16	0,73	1,05	6,4											
		5,63												49,66	49,66	99,76	19,7	4,53	2,81	2,11	6,53	4,11	5,91	36,03
15	14A		8,71	8,71	17,51	3,5	0,8	0,5	0,37	1,16	0,73	1,05	6,4											
		4,5																						
16	15		8,92	8,92	17,59	3,5	0,8	0,5	0,37	1,16	0,73	1,05	6,4	PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 6										
		7																						
17	N6		8,94	8,94	17,81	3,5	0,81	0,5	0,38	1,16	0,73	1,05	6,4											
														666,01	666,01	1305,58	264,86	57,97	37,82	27,09	87,8	55,25	79,46	484,34

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

TỔNG CỘNG

Vét hữu cơ	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dăm sạn	Đào móng chân khay	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
666,01	666,01	1305,58	264,86	57,97	37,82	27,09	87,80	55,25	79,46	484,34

TRẮC ĐỌC THIẾT KẾ TRỤC 03

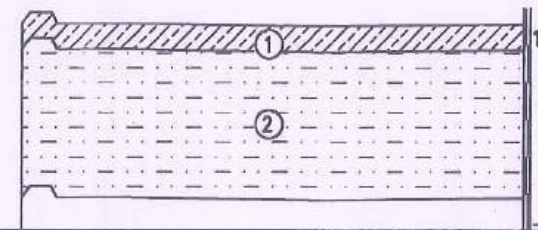
PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 5

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 6

Km 0+0.00

Km 0+69.50

1.56
1.87
1.57
1.57
1.64
1.70
1.68
1.68



Mô tả địa chất	-LỚP 1: ĐẤT Á SÉT MÀU XÁM NÀU, TRẠNG THÁI DỄ MỀM, DÀY TRUNG BÌNH 0.7M -LỚP 2: ĐẤT Á CÁT MÀU XÁM VÀNG, TRẠNG THÁI DỄ, DÀY TRUNG BÌNH 4.3M						
Cao độ thiết kế	3.15 3.16	3.17 3.17	3.19	3.21	3.23	3.25	
Dốc dọc thiết kế	0.14% 69.50						
Cao độ tự nhiên	1.89 1.89	1.60 1.60	1.55	1.51	1.54	1.57	
Khoảng cách lẻ	1.00 1.00	6.46 2.86	12.90	14.36	14.23	12.50	
Khoảng cách cộng dồn	0.00 0.00	11.50 14.16	27.06	41.42	55.65	69.50	
Tên cọc	1 3 N5 2	4 3A	5	6	7A 7	N6	
Lý trình	Km 0+0.00						Km 0+69.50
Đoạn thẳng – Đoạn cong							

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH

PHÁT THIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU CHÁ QUYỀN SỬ
DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY

ĐỊA ĐIỂM

XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ

TRẮC ĐỌC THIẾT KẾ TRỤC 03

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

C.N.Đ.A

CHỦ TRÌ

THIẾT KẾ

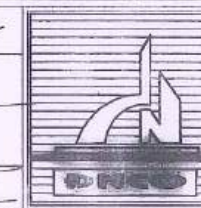
KIỂM TRA

BÙI MINH PHÚC

TRẦN CHÍ HÒA

TRẦN CHÍ HÒA

HOÀNG CÔNG VŨ



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ

THÀNH LẬP NGÀY 30/04/2018

Th.S.T.S. Bùi Minh Phúc

10/2/2026

KHBY: TDT-1/1

Vết hữu cơ : 7.76 m2
Đắp bù cát K90 : 7.76 m2
Đắp nền K95 : 14.82 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc N5
Km 0 + 0.00

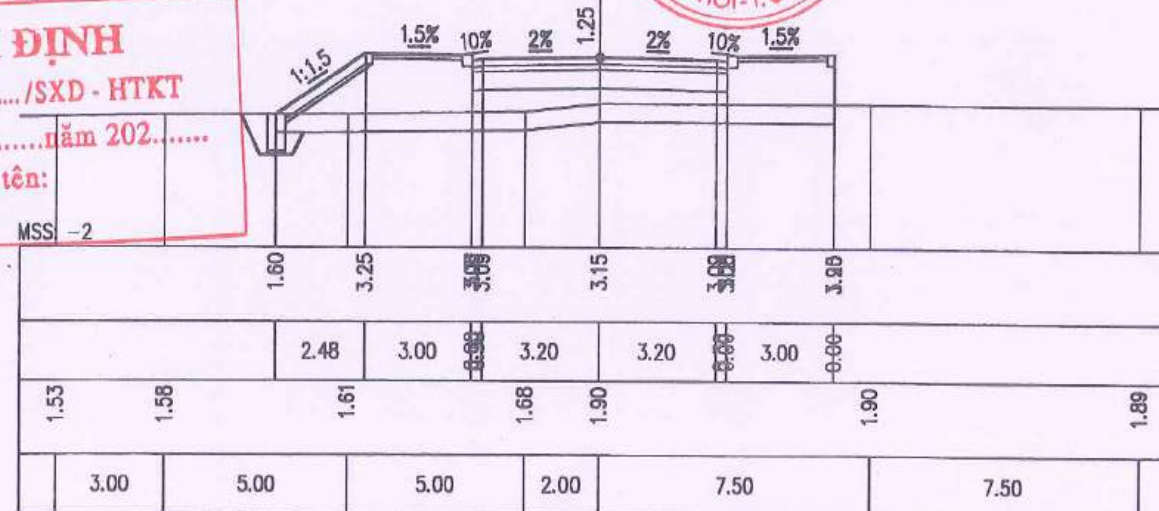
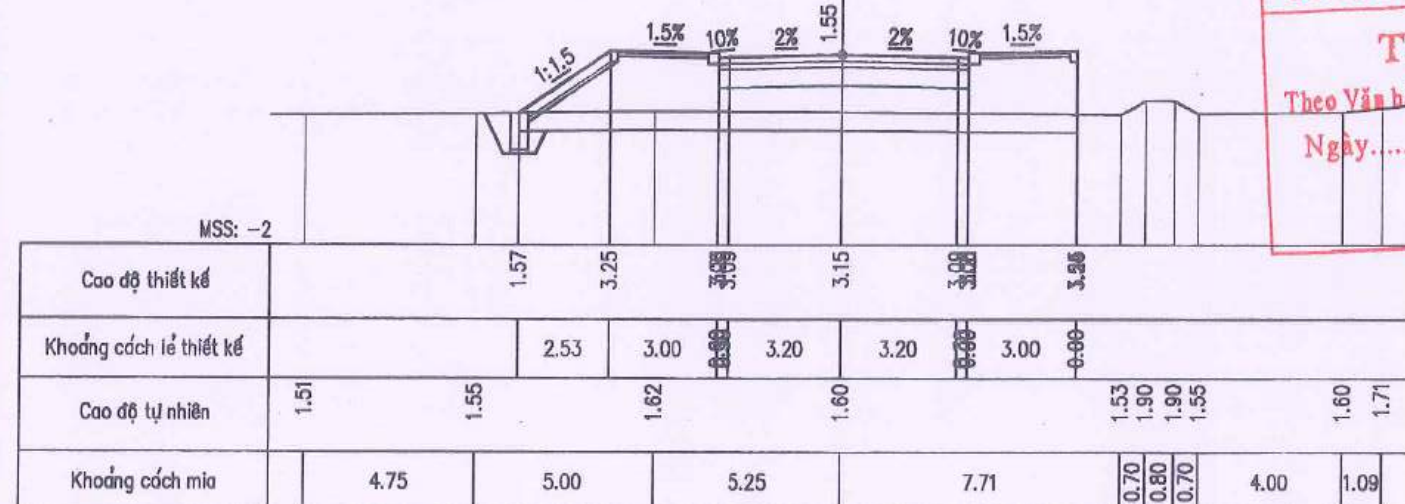
Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.70 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.33 m2
Đào móng chân khay : 1.15 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 7.74 m2
Đắp bù cát K90 : 7.74 m2
Đắp nền K95 : 12.14 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 1
Km 0 + 1.37

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.89 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.33 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2



Vết hữu cơ : 7.51 m2
Đắp bù cát K90 : 7.51 m2
Đắp nền K95 : 11.86 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 2
Km 0 + 4.25

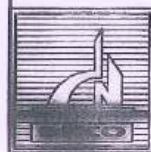
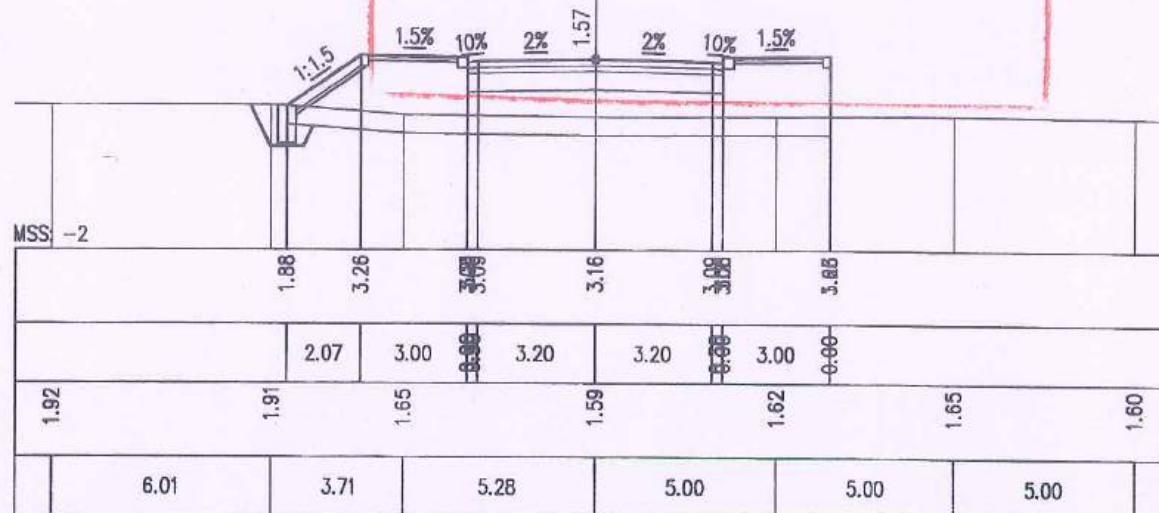
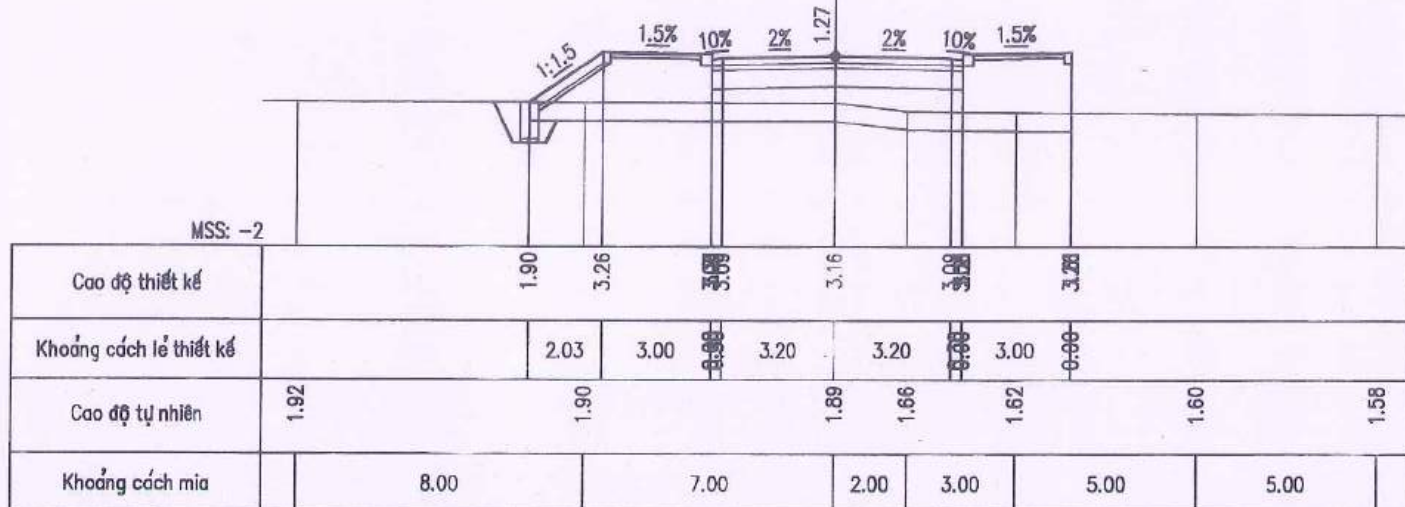
Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.56 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.27 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

Vết hữu cơ : 7.53 m2
Đắp bù cát K90 : 7.53 m2
Đắp nền K95 : 14.17 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 3
Km 0 + 5.04

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.57 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.28 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.74 m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ môn ký tên



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QIDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 03
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 SỐ : 1/3
KHBY : TNCTT03

Vết hữu cơ : 7.71 m²
Đắp bù cát K90 : 7.71 m²
Đắp nền K95 : 14.78 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 3A
Km 0 + 11.50

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giá cố mái taluy : 0.67 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.32 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.66	3.27	3.03	3.17	3.12	3.30
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.41	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	1.63	1.66	1.66	1.68	1.60	1.61
Khoảng cách mìa	3.25	2.04	3.54	1.08	1.54	3.54

Vết hữu cơ : 7.83 m²
Đắp bù cát K90 : 7.83 m²
Đắp nền K95 : 16.14 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 5
Km 0 + 27.06

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giá cố mái taluy : 0.74 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.35 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.52	3.29	3.02	3.19	3.12	3.38
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.65	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	1.53	1.52	1.55	1.55	1.55	1.58
Khoảng cách mìa	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50

Vết hữu cơ : 7.79 m²
Đắp bù cát K90 : 7.79 m²
Đắp nền K95 : 15.19 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 4
Km 0 + 14.16

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giá cố mái taluy : 0.72 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.34 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.56	3.27	3.03	3.17	3.12	3.38
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.57	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	1.51	1.55	1.58	1.60	1.58	1.61
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	7.00	5.00	3.00

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Thẩm vấn bản số:
Ngày tháng năm 202.....
Chủ trì bộ môn kỹ thuật

Vết hữu cơ : 7.84 m²
Đắp bù cát K90 : 7.84 m²
Đắp nền K95 : 16.79 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 6
Km 0 + 41.42

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giá cố mái taluy : 0.75 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.35 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.52	3.31	3.02	3.21	3.12	3.38
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.69	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	1.55	1.51	1.51	1.51	1.55	1.54
Khoảng cách mìa	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 03

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 SỐ : 2/3

KHBY : TRCTT03

Vết hữu cơ : 7.83 m2
Đắp bù cát K90 : 7.83 m2
Đắp nền K95 : 16.73 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 7
Km 0 + 55.65

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Giá cố mái taluy : 0.75 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.35 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.55	3.33	3.29	3.23	3.20	3.55
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.67	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	1.60	1.54	1.54	1.54	1.55	1.57
Khoảng cách mìa	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50

Vết hữu cơ : 7.76 m2
Đắp bù cát K90 : 7.76 m2
Đắp nền K95 : 16.66 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 7A
Km 0 + 57.00

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Giá cố mái taluy : 0.71 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.33 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.85	3.33	3.29	3.23	3.20	3.55
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.53	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	1.65	1.54	1.54	1.54	1.55	1.57
Khoảng cách mìa	6.77	6.77	6.77	6.77	6.77	6.77

Vết hữu cơ : 7.70 m2
Đắp bù cát K90 : 7.70 m2
Đắp nền K95 : 16.50 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc N6
Km 0 + 69.50

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Giá cố mái taluy : 0.66 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.32 m2
Đào móng chân khay : 1.22 m2
Đắp trả hố móng : 0.80 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.76	3.35	3.29	3.25	3.20	3.55
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.39	3.00	3.20	3.20	3.00
Cao độ tự nhiên	2.16	2.56	1.58	1.54	1.57	1.60
Khoảng cách mìa	2.00	5.00	5.00	3.00	3.00	4.00

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 03

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2026

SỐ : 3/3

KHBY : TNCCT03

BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN MẶT ĐƯỜNG

Đoạn: Trục 3



STT	Tên cọc	K.c lẻ	Diện tích										Khối lượng											
			Vết hữu cơ	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dăm sạn	Đào móng chân khay	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông	Vết hữu cơ	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dăm sạn	Đào móng chân khay	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
			m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2
1	N5		7,76	7,76	14,82	3,5	0,7	0,5	0,33	1,15	0,73	1,05	6,4											
		1,31																						
2	1		7,74	7,74	12,14	3,5	0,69	0,5	0,33	1,16	0,73	1,05	6,4											
		2,94																						
3	2		7,51	7,51	11,86	3,5	0,56	0,5	0,27	1,16	0,73	1,05	6,4											
		0,79																						
4	3		7,53	7,53	14,17	3,5	0,57	0,5	0,28	1,16	0,74	1,05	6,4											
		6,46																						
5	3A		7,71	7,71	14,78	3,5	0,67	0,5	0,32	1,16	0,73	1,05	6,4											
		2,66												20,62	20,62	39,86	9,31	1,85	1,33	0,88	3,09	1,94	2,79	17,02
6	4		7,79	7,79	15,19	3,5	0,72	0,5	0,34	1,16	0,73	1,05	6,4											
		12,9												100,75	100,75	202,08	45,15	9,42	6,45	4,45	14,96	9,42	13,55	82,56
7	5		7,83	7,83	16,14	3,5	0,74	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4											
		14,36												112,51	112,51	236,44	50,26	10,7	7,18	5,03	16,66	10,48	15,08	91,9
8	6		7,84	7,84	16,79	3,5	0,75	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4											
		14,23												111,49	111,49	238,49	49,8	10,67	7,12	4,98	16,51	10,39	14,94	91,07
9	7		7,83	7,83	16,73	3,5	0,75	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4											
		1,35												10,52	10,52	22,54	4,73	0,99	0,68	0,46	1,57	0,99	1,42	8,64
10	7A		7,76	7,76	16,66	3,5	0,71	0,5	0,33	1,16	0,73	1,05	6,4											
		12,5																						
11	N6		7,7	7,7	16,5	3,5	0,66	0,5	0,32	1,22	0,8	1,05	6,4											
														355,89	355,89	739,41	159,25	33,63	22,76	15,8	52,79	33,22	47,78	291,19

PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 5

PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 6

TỔNG CỘNG

Vết hữu cơ	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dăm sạn	Đào móng chân khay	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
355,89	355,89	739,41	159,25	33,63	22,76	15,80	52,79	33,22	47,78	291,19

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

TRẮC DỤC THIẾT KẾ TRỤC 04

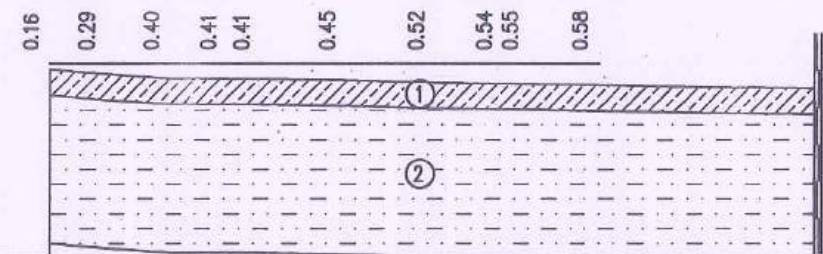
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 3

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 4

Km 0+0.00

Km 0+105.64



Mô tả địa chất	-LỚP 1: ĐẤT Á SÉT MÀU XÁM NÀU, TRẠNG THÁI ĐỎ MỀM, DÀY TRUNG BÌNH 0.7M -LỚP 2: ĐẤT Á CÁT MÀU XÁM VÀNG, TRẠNG THÁI ĐỎ, DÀY TRUNG BÌNH 4.3M											
Cao độ thiết kế	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20
Dốc dọc thiết kế	0.00%											
Cao độ tự nhiên	3.04	2.91	2.80	2.79	2.79	2.75	2.68	2.66	2.65	2.62	2.56	2.53
Khoảng cách lẻ	7.65	9.02	8.00	4.54	11.78	12.22	9.42	3.66	9.90	13.44	16.01	
Khoảng cách cộng dồn	0.00	7.65	16.67	24.67	29.21	40.99	53.21	62.63	66.29	76.19	89.63	105.64
Tên cọc	N3	1	2	2A	3	4	5	5A	6	N4	7	8
Lý trình	Km 0+0.00											
Đoạn thẳng - Đoạn cong	$A = -179^{\circ}34'21''$											

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
 Theo văn bản số:/.....
 Ngày tháng năm
 Chủ trì bộ môn ký lên

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	TRẮC DỤC THIẾT KẾ TRỤC 04 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM CHỨC VỤ: CHỨC VỤ TP. ĐÔNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH Theo Kế: Bùi Minh Phúc	10/2/2026 KHBV: TDT4-1/1
			CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA			
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA			
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ			

Vết hữu cơ : 3.45 m2
Đào khuôn : 4.94 m2
Đắp bù cát K90 : 3.45 m2
Đắp nền K95 : 0.67 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc N3
Km 0 + 0.00

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế			3.92	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.92		
Khoảng cách lẻ thiết kế			4.00	0.98	3.20	3.20	0.98	4.00	0.00		
Cao độ tự nhiên	2.75	2.95	3.02			3.04		3.05		3.08	
Khoảng cách mìa	1.64	4.80		8.56		4.60		10.40			

Vết hữu cơ : 4.59 m2
Đào khuôn : 2.81 m2
Đắp bù cát K90 : 4.59 m2
Đắp nền K95 : 11.74 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 1
Km 0 + 7.65

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2



MSS: -2

			3.92	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.92		
			4.00	0.98	3.20	3.20	0.98	4.00	0.00		
1.61	1.65		1.70	2.15	2.10	2.90	2.91	2.90	2.58	1.65	1.76
3.65	5.00		0.50	0.70	0.80	0.73	1.57	2.04	0.98	1.28	5.00
										3.00	4.49

Vết hữu cơ : 4.61 m2
Đào khuôn : 2.12 m2
Đắp bù cát K90 : 4.61 m2
Đắp nền K95 : 11.41 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 2
Km 0 + 16.67

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế			3.92	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.92		
Khoảng cách lẻ thiết kế			4.00	0.98	3.20	3.20	0.98	4.00	0.00		
Cao độ tự nhiên	1.66	1.69	1.64	2.05	2.05	2.80	2.80	2.48	1.66	1.58	1.68
Khoảng cách mìa	3.75	5.00	0.50	0.70	0.80	0.50	1.44	2.01	0.98	1.19	5.00
											4.89

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 4.82 m2
Đào khuôn : 1.85 m2
Đắp bù cát K90 : 4.82 m2
Đắp nền K95 : 11.83 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 2A
Km 0 + 24.67

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chữ và bộ môn ký tên

MSS: -2

			3.92	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.92		
			4.00	0.98	3.20	3.20	0.98	4.00	0.00		
1.61	1.61	1.58	1.56	1.61	2.06	2.05	2.80	2.79	2.79	2.79	1.58
1.03	3.19	1.81	2.87	0.50	0.70	0.80	0.50	1.26	0.98	1.19	3.19
											1.81
											1.81
											3.28

Vết hữu cơ : 5.00 m²
Đào khuôn : 1.78 m²
Đắp bù cát K90 : 5.00 m²
Đắp nền K95 : 12.08 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 3
Km 0 + 29.21

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế		1.52	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.32	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	0.00	4.00	0.00	
Cao độ tự nhiên	1.56	1.51	1.68	2.03	1.58	2.25	2.79	2.79	1.55
Khoảng cách mìa	4.49	4.50	0.45	0.70	0.65	0.50	1.24	1.97	5.00

Vết hữu cơ : 4.93 m²
Đào khuôn : 1.77 m²
Đắp bù cát K90 : 4.93 m²
Đắp nền K95 : 12.10 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 4
Km 0 + 40.99

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế		1.52	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.32	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	0.00	4.00	0.00	
Cao độ tự nhiên	1.61	1.63	1.62	1.98	1.58	2.26	2.74	2.75	1.61
Khoảng cách mìa	4.12	5.00	0.50	0.72	0.70	0.50	1.05	1.91	5.00

Vết hữu cơ : 5.01 m²
Đào khuôn : 1.35 m²
Đắp bù cát K90 : 5.01 m²
Đắp nền K95 : 12.59 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 5
Km 0 + 53.21

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế		1.49	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.32	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	0.00	4.00	0.00	
Cao độ tự nhiên	1.53	1.52	1.48	1.86	1.61	1.61	2.44	2.65	1.62
Khoảng cách mìa	4.24	5.00	0.50	0.75	0.50	0.76	0.50	0.87	5.00

Vết hữu cơ : 5.05 m²
Đào khuôn : 1.27 m²
Đắp bù cát K90 : 5.05 m²
Đắp nền K95 : 12.56 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 5A
Km 0 + 62.63

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế		1.52	3.26	3.14	3.20	3.14	3.26	3.32	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	0.00	4.00	0.00	
Cao độ tự nhiên	1.54	1.53	1.52	1.51	1.51	1.51	1.51	1.61	1.63
Khoảng cách mìa	0.77	3.60	3.24	1.40	1.42	1.40	1.40	1.40	3.59

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

THẨM TRA
Theo văn bản số:...../
Ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên:



**CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**

**CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY**

CÔNG TRÌNH:
**PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY**

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 04
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 SỐ : 2/5
KHBY : TNCTT04

KHBV: TNCTT04

BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN MẶT ĐƯỜNG

Đoạn: Trục 4



STT	Tên cọc	K.c lẻ	Diện tích							Khối lượng						
			Vết hữu cơ	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông	Vết hữu cơ	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
			m2	m2	m2	m2	m	m2	m	m3	m3	m3	m3	m2	m3	m2
1	N3		3,45	4,94	3,45	0,67	3,5	1,05	6,4							
		7,65														
2	1		4,59	2,81	4,59	11,74	3,5	1,05	6,4							
		9,02														
3	2		4,61	2,12	4,61	11,41	3,5	1,05	6,4							
		8														
4	2A		4,82	1,85	4,82	11,83	3,5	1,05	6,4							
		4,54								22,29	8,24	22,29	54,28	15,89	4,77	29,06
5	3		5	1,78	5	12,08	3,5	1,05	6,4							
		11,78								58,49	20,91	58,49	142,42	41,23	12,37	75,39
6	4		4,93	1,77	4,93	12,1	3,5	1,05	6,4							
		12,22								60,73	19,06	60,73	150,86	42,77	12,83	78,21
7	5		5,01	1,35	5,01	12,59	3,5	1,05	6,4							
		9,42								47,38	12,34	47,38	118,46	32,97	9,89	60,29
8	5A		5,05	1,27	5,05	12,56	3,5	1,05	6,4							
		3,66														
9	6		5,06	1,24	5,06	12,59	3,5	1,05	6,4							
		9,9														
10	N4		5,1	1,12	5,1	12,88	3,5	1,05	6,4							
										188,89	60,55	188,89	466,02	132,86	39,86	242,95

PHẠM VI NÚT GIAO 3

PHẠM VI NÚT GIAO 4

TỔNG CỘNG

Vết hữu cơ	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
188,89	60,55	188,89	466,02	132,86	39,86	242,95

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIẢNG
THẨM TRA
 Theo văn bản số.....
 Ngày.....tháng.....năm.....
 Chủ trì lập môn ký tên

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TRỤC 05

XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

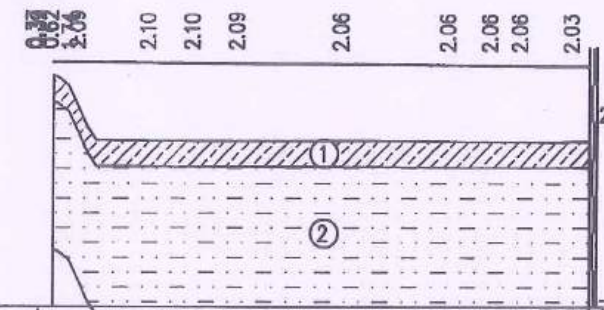
Ký tên:

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 1

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 2

Km 0+0.00

Km 0+74.66



Mô tả địa chất	-LỚP 1: ĐẤT Á SÉT MÀU XÁM NÀU, TRẠNG THÁI DẸO MỀM, DÀY TRUNG BÌNH 0.7M -LỚP 2: ĐẤT Á CÁT MÀU XÁM VÀNG, TRẠNG THÁI DẸO, DÀY TRUNG BÌNH 4.3M									
Cao độ thiết kế	3.58	3.57	3.56	3.54	3.52	3.52	3.51	3.50		
Dốc dọc thiết kế	0.13% 74.66									
Cao độ tự nhiên	1.48	1.48	1.47	1.48	1.46	1.45	1.45	1.47		
Khoảng cách lề	9.74	6.23	6.24	14.29	14.74	5.89	4.14	7.39		
Khoảng cách cộng dồn	15.74	21.97	28.21	42.50	57.24	63.13	67.27	74.66		
Tên cọc	1 3 N12 4	5	6 5A	7	8	9 8A	N2			
Lý trình	Km 0+0.00				Km 0+74.66					
Đoạn thẳng – Đoạn cong										

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

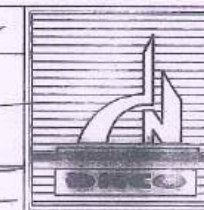
CÔNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐÉ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ
DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY
ĐỊA ĐIỂM
XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TRỤC 05

THIẾT KẾ BẢN VẼ THỰC CÔNG

C.N.Đ.A
CHỦ TRÌ
THIẾT KẾ
KIỂM TRA

BÙI MINH PHÚC
TRẦN CHÍ HÒA
TRẦN CHÍ HÒA
HOÀNG CÔNG VŨ



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
GIÁM ĐỐC
ĐÔNG NAM
Thô K.S. Bùi Minh Phúc

10/2/2026

KHBY: TDT5-1/1

Vết hữu cơ : 4.00 m²
Đào khuôn : 3.44 m²
Đắp bù cát K90 : 4.00 m²
Đắp nền K95 : 2.38 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc N1
Km 0 + 0.00

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: 0

Cao độ thiết kế	3.22	3.21	3.23	3.22	3.25
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	0.00
Cao độ tự nhiên	3.22	3.21	3.23	3.22	3.25
Khoảng cách mia	7.50	7.50	7.50	7.50	

Vết hữu cơ : 4.00 m²
Đào khuôn : 3.32 m²
Đắp bù cát K90 : 4.00 m²
Đắp nền K95 : 2.46 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 1
Km 0 + 0.50

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: 0

Cao độ thiết kế	3.22	3.21	3.23	3.22	3.25
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	0.00
Cao độ tự nhiên	3.22	3.21	3.23	3.22	3.25
Khoảng cách mia	7.50	7.50	7.50	7.50	

Vết hữu cơ : 4.00 m²
Đào khuôn : 1.73 m²
Đắp bù cát K90 : 4.00 m²
Đắp nền K95 : 4.33 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 2
Km 0 + 2.16

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: 0

Cao độ thiết kế	2.85	2.85	2.98	3.06	3.05	2.99	2.87
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	0.00		
Cao độ tự nhiên	2.84	2.85	2.98	3.06	3.05	2.99	2.87
Khoảng cách mia	7.50	7.50	4.65	0.75	2.75	5.00	1.85

Vết hữu cơ : 7.50 m²
Đắp bù cát K90 : 7.50 m²
Đắp nền K95 : 19.62 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 3
Km 0 + 4.86

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.74	1.74	1.85	1.85	1.76		
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	3.20	3.20	4.00	0.00		
Cao độ tự nhiên	1.65	1.74	1.85	1.85	1.76		
Khoảng cách mia	8.00	7.00	4.60	0.00	8.68		

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Chủ trì bộ môn ký tên



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 05
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 SỐ : 1/4
KHBV : TNCTT05

Vết hữu cơ : 7.50 m2
Đắp bù cát K90 : 7.50 m2
Đắp nền K95 : 24.04 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 4
Km 0 + 6.00

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.57	3.65	3.33	3.59	3.36	3.71	1.56
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.45	1.49	1.52	1.50	1.60	1.58	1.55
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	4.10	4.00	6.90	

Vết hữu cơ : 7.50 m2
Đắp bù cát K90 : 7.50 m2
Đắp nền K95 : 24.63 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 5
Km 0 + 15.74

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.48	3.63	3.51	3.58	3.58	3.68	1.48
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.47	1.45	1.50	1.48	1.49	1.47	
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	5.00	10.00		

Vết hữu cơ : 7.50 m2
Đắp bù cát K90 : 7.50 m2
Đắp nền K95 : 24.64 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 5A
Km 0 + 21.97

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.45	3.63	3.51	3.57	3.51	3.68	1.45
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.45	1.44	1.42	1.45	1.49	1.48	1.47
Khoảng cách mìa	0.00	2.50	3.75	2.50	3.75	2.50	2.50

Vết hữu cơ : 7.50 m2
Đắp bù cát K90 : 7.50 m2
Đắp nền K95 : 24.76 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 6
Km 0 + 28.21

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.39	3.62	3.50	3.56	3.50	3.68	1.39
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.42	1.39	1.47	1.47	1.51	1.48	1.45
Khoảng cách mìa	7.50	7.50	5.00	5.00	5.00		

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chữ tri bộ môn kỹ thuật



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT THỰC 05
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 2/4

KHVB : TNCTT05

Vết hữu cơ : 7.50 m²
Đắp bù cát K90 : 7.50 m²
Đắp nền K95 : 24.51 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 7
Km 0 + 42.50

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.46	1.44	1.48	1.45	1.46
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	3.20	3.20	4.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.42	1.46	1.44	1.48	1.45	1.46
Khoảng cách mìa	6.00	5.00	4.00	8.00	7.00	

Vết hữu cơ : 7.50 m²
Đắp bù cát K90 : 7.50 m²
Đắp nền K95 : 24.07 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 8A
Km 0 + 63.13

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế			1.44	1.45	1.45	1.48	1.48			
Khoảng cách lẻ thiết kế			4.00	3.20	3.20	4.00	0.00			
Cao độ tự nhiên	1.41	1.43	1.44	1.45	1.45	1.48	1.48	1.49	1.48	
Khoảng cách mìa		2.89	4.41	3.30	4.41	0.00	4.70	3.30	4.70	2.30

Vết hữu cơ : 7.50 m²
Đắp bù cát K90 : 7.50 m²
Đắp nền K95 : 24.28 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 8
Km 0 + 57.24

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.45	1.46	1.46	1.45	1.44
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	3.20	3.20	4.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.41	1.45	1.46	1.45	1.45	1.44
Khoảng cách mìa	7.00	8.00	8.00	7.00		

Vết hữu cơ : 7.50 m²
Đắp bù cát K90 : 7.50 m²
Đắp nền K95 : 24.02 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 9
Km 0 + 67.27

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.44	1.45	1.45	1.50	1.51
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	3.20	3.20	4.00	0.00
Cao độ tự nhiên	1.42	1.44	1.45	1.50	1.51	
Khoảng cách mìa	7.50	7.50	8.00	7.00		



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ môn kỹ thuật



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT THỰC 05

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ: 1/200

...../2025

SỐ: 3/4

KHBY: TNCT05

Vết hữu cơ : 7.50 m2
Đắp bù cát K90 : 7.50 m2
Đắp nền K95 : 23.79 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc N2
Km 0 + 74.66

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế		3.62	3.56	3.54	3.50	3.44	3.56	3.62	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.08	3.20	3.20	0.08	4.00	0.00	
Cao độ tự nhiên	1.43	1.40	1.41	1.47	1.52	1.50	1.51		
Khoảng cách mìa		5.50	5.00	4.50	4.60	5.00	5.40		



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/SXD - HTKT
Ngày: tháng năm 202
Ký tên:



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 05

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2026 SỐ : 4/4

KHBY : TNCTT05

BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN MẶT ĐƯỜNG

Đoạn: Trục 5



STT	Tên cọc	K.c lẻ	Diện tích							Khối lượng						
			Vét hữu cơ	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông	Vét hữu cơ	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
			m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2
1	N1		4	3,44	4	2,36	3,5	1,05	6,4							
		0,5														
2	1		4	3,32	4	2,46	3,5	1,05	6,4							
		1,66														
3	2		4	1,73	4	4,33	3,5	1,05	6,4							
		2,7														
4	3		7,5	0	7,5	19,62	3,5	1,05	6,4							
		1,14														
5	4		7,5	0	7,5	24,04	3,5	1,05	6,4							
		9,74														
6	5		7,5	0	7,5	24,63	3,5	1,05	6,4							
		6,23														
7	5A		7,5	0	7,5	24,64	3,5	1,05	6,4							
		6,24								46,8	0	46,8	154,13	21,84	6,55	39,94
8	6		7,5	0	7,5	24,76	3,5	1,05	6,4							
		14,29								107,17	0	107,17	352,03	50,02	15	91,46
9	7		7,5	0	7,5	24,51	3,5	1,05	6,4							
		14,74								110,55	0	110,55	359,58	51,59	15,48	94,34
10	8		7,5	0	7,5	24,28	3,5	1,05	6,4							
		5,89								44,17	0	44,17	142,39	20,61	6,18	37,7
11	8A		7,5	0	7,5	24,07	3,5	1,05	6,4							
		4,14														
12	9		7,5	0	7,5	24,02	3,5	1,05	6,4							
		7,39														
13	N2		7,5	0	7,5	23,79	3,5	1,05	6,4							
										308,69	0	308,69	1008,13	144,06	43,21	263,44

TỔNG CỘNG

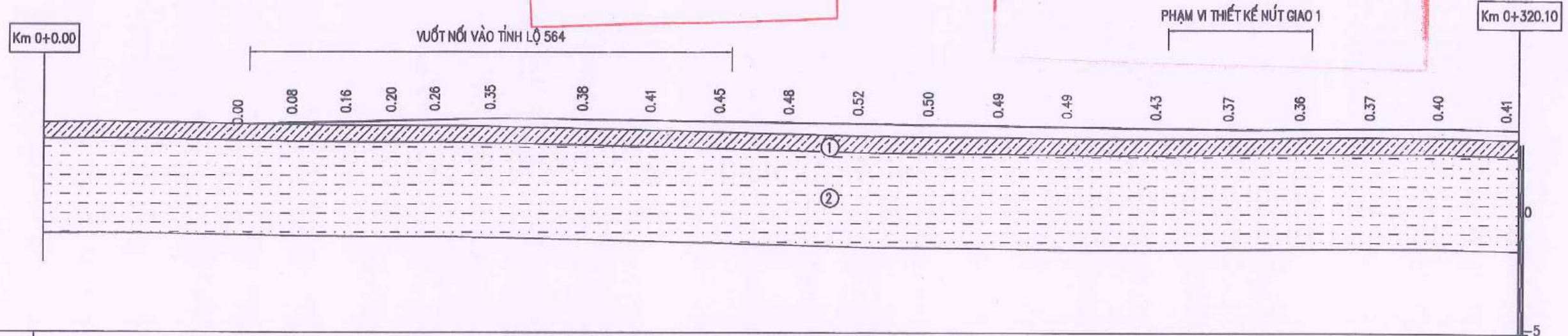
Vét hữu cơ	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
308,69	0,00	308,69	1008,13	144,06	43,21	263,44

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

TRẮC DỤC THIẾT KẾ TRỤC 06

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
 Theo văn bản số:
 Ngày tháng năm
 Chủ trì bộ môn ký tên



Mô tả địa chất	-LỚP 1: ĐẤT Á SÉT MÀU XÁM NÂU, TRẠNG THÁI DỄ MỀM, DÀY TRUNG BÌNH 0.7M -LỚP 2: ĐẤT Á CÁT MÀU XÁM VÀNG, TRẠNG THÁI DỄ, DÀY TRUNG BÌNH 4.3M																								
Cao độ thiết kế				3.80	3.85	3.91	3.95	4.00	4.05		3.99	3.95	3.91	3.87	3.83	3.78	3.74	3.70	3.64	3.60	3.62	3.65	3.67	3.60	
Độc dọc thiết kế						0.45%								0.28%						0.15%			0.47%		
Cao độ tự nhiên	3.87	3.89	3.85	3.80	3.77	3.75	3.75	3.74	3.70		3.61	3.54	3.46	3.39	3.31	3.28	3.25	3.21	3.21	3.23	3.26	3.28	3.27	3.19	
Khoảng cách lề		15.00	15.00	15.00	11.75	11.74	9.87	9.89	11.75	19.72	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	19.38	15.54	15.46	15.00	15.00	15.00		
Khoảng cách cộng dồn	0.00	15.00	30.00	45.00	56.75	68.49	78.36	88.25	100.00		119.72	134.72	149.72	164.72	179.72	194.72	209.72	224.72	244.10	259.64	275.10	290.10	305.10	320.10	
Tên cọc	KO	1	2	3	4	5	6	7	8		9	10	11	12	13	14	15	16	17	N1	18	19	20	21	
Lý trình	Km 0+0.00								H1						H2							H3			
Đoạn thẳng - Đoạn cong	A = -179°48'30"																								

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	TRẮC DỤC THIẾT KẾ TRỤC 06 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG CHẤM ĐÓNG XÂY DỰNG ĐÔNG NAM SỐ QUÂN: 300421103 - CHỈ ĐẠO ĐỒNG HỜI - T. QUẢNG TRỊ	10/2/2026 KHBV: TDT&1/3
			CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA				
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA				
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ				

TRẮC DỤC THIẾT KẾ TRỤC 06

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

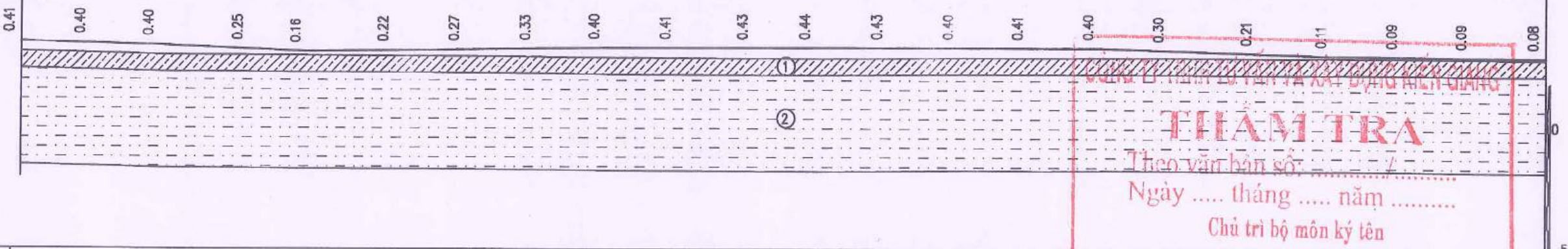
VƯỢT NỔI VÀO TÍNH LỘ 564

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 3

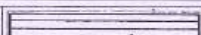
PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 9

Km 0+320.10

Km 0+645.38



Mô tả địa chất	-LỚP 1: ĐẤT Á SÉT MÀU XÁM NÂU, TRẠNG THÁI DỄ MỀM, DÀY TRUNG BÌNH 0.7M -LỚP 2: ĐẤT Á CÁT MÀU XÁM VÀNG, TRẠNG THÁI DỄ, DÀY TRUNG BÌNH 4.3M																						
Cao độ thiết kế	3.60	3.53	3.46	3.30	3.20	3.25	3.29	3.32	3.36	3.36	3.37	3.37	3.38	3.38	3.39	3.39	3.30	3.19	3.10	3.09	3.08	3.06	
Độc dọc thiết kế																							
Cao độ tự nhiên	3.19	3.13	3.06	3.05	3.04	3.03	3.02	2.99	2.96	2.95	2.94	2.93	2.95	2.98	2.98	2.99	3.00	2.98	2.99	3.00	2.99	2.98	
Khoảng cách lẻ		15.00	15.00	19.09	12.29	19.08	15.00	15.00	15.00	15.00	16.59	13.41	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	18.82	15.62	15.38	15.00	15.00	
Khoảng cách cộng dồn	320.10	335.10	350.10	369.19	381.48	400.56	415.56	430.56	445.56	460.56	477.15	490.56	505.56	520.56	535.56	550.56	565.56	584.38	600.00	615.38	630.38	645.38	
Tên cọc	21	22	23	24	N3	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	N9	38	39	40	
Lý trình	H4											H5						H6					
Đoạn thẳng – Đoạn cong	A = 179°44'24"																						

CHỦ ĐẦU TƯ BAN QLDA ĐTXD & PTQD LỆ THỦY	CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY <u>ĐỊA ĐIỂM</u> XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	TRẮC DỤC THIẾT KẾ TRỤC 06 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	10/2/2026	
			CHỦ TRÌ	TRẦN CHÍ HÒA					
			THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA					
			KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ					

TRẮC DỤC THIẾT KẾ TRỤC 06

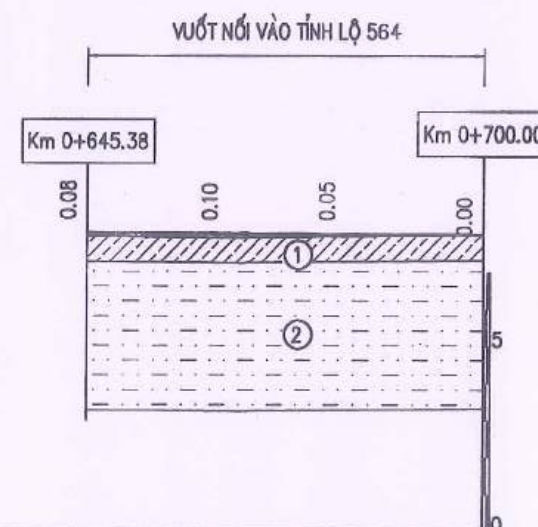
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Vẽ bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



Mô tả địa chất	-LỚP 1: ĐẤT Á SÉT MÀU XÁM NÂU, TRẠNG THÁI ĐÉO MỀM, DÀY TRUNG BÌNH 0.7M -LỚP 2: ĐẤT Á CÁT MÀU XÁM VÀNG, TRẠNG THÁI ĐÉO, DÀY TRUNG BÌNH 4.3M			
Cao độ thiết kế	3.06	3.05	3.03	3.02
Dốc dọc thiết kế				
Cao độ tự nhiên	2.98	2.95	2.98	3.02
Khoảng cách lẻ		19.51	16.47	18.64
Khoảng cách cộng dồn	645.38	664.89	681.36	700.00
Tên cọc	40	41	42	KC
Lý trình	Km 0+700.00			
Đoạn thẳng - Đoạn cong				

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ

BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH

PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ
DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LỆ THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

ĐỊA ĐIỂM

XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ

TRẮC DỤC THIẾT KẾ TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

C.N.Đ.A

CHỦ TRÌ

THIẾT KẾ

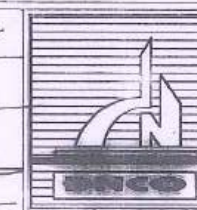
KIỂM TRA

BÙI MINH PHÚC

TRẦN CHÍ HÒA

TRẦN CHÍ HÒA

HOÀNG CÔNG VŨ



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHẤM ĐÓNG

XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

ĐỒNG HỒI - T. QUẢNG TRỊ

10/2/2026

KHBV: TDT6-3/3



Cọc KO
Km 0 + 0.00

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

MSS: -2

Cao độ thiết kế															
Khoảng cách lẻ thiết kế															
Cao độ tự nhiên	1.80		1.85	1.87	1.88	2.87	3.60	3.86	3.87	3.96	3.84	3.32	2.69	2.58	2.25
Khoảng cách mìa		10.00	3.79	4.55	2.44	2.20	1.23	0.79	2.70	3.51	1.74	3.67	3.38	10.00	

Cọc 1
Km 0 + 15.00

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

MSS: -2

Cao độ thiết kế																						
Khoảng cách lẻ thiết kế																						
Cao độ tự nhiên	1.69		1.71		1.72		1.73	2.08	3.57	3.88	3.89		3.96		3.86	3.60		2.86		2.55		1.76
Khoảng cách mìa		10.03		4.07		5.15	1.51	2.20	1.26	0.78	2.73	3.48	1.63	3.14		3.94		10.08				



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QIDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ: 1/200

...../2025

SỐ: 1/24

KHBV: TNCT06

Cọc 2
Km 0 + 30.00

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



MSS: -2

Cao độ thiết kế														
Khoảng cách lẻ thiết kế														
Cao độ tự nhiên	1.44		1.66	1.76	1.75	3.20	3.59	3.84	3.85	3.93	3.85	3.67	2.98	2.63
Khoảng cách mìa		9.97	4.63	4.74	1.37	2.21	1.28	0.80	2.66	3.55	1.59	3.34	3.85	10.01

Đào nền : 0.15 m2
Đào khuôn : 5.62 m2
Đắp đất K9B : 3.25 m2

Cọc 3
Km 0 + 45.00

Mặt đường láng nhựa: 6.50 m
Đá 4x6 chèn đá dăm: 0.98 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.17 m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

MSS: -2

Cao độ thiết kế								3.79	3.80		3.67	3.67		
Khoảng cách lẻ thiết kế								0.89	0.87	6.50	1.08	0.88		
Cao độ tự nhiên	1.71		1.73	1.74	1.75	2.30	2.58	3.79	3.80	3.89	3.86	3.62	2.99	2.62
Khoảng cách mìa		10.39	4.92	4.17	1.22	2.20	1.26	0.84	2.72	3.45	1.69	3.70	3.43	10.01



**CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**

**CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY**

CÔNG TRÌNH:

**PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY**

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 2/24

KHBY : TNCTT06



Vết hữu cơ : 2.03 m2
Đánh đập : 0.82 m2
Đào nền : 0.10 m2
Đào khuôn : 4.07 m2
Đắp bù cát K90 : 2.85 m2
Đắp nền K95 : 0.85 m2
Đắp đất K98 : 2.36 m2

Cọc 4
Km 0 + 56.75

Mặt đường láng nhựa: 7.55 m
Đá 4x6 chèn đá dăm: 1.13 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 0.85 m2

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

MSS: -2															
Cao độ thiết kế		1.93 3.78 3.83 3.85 3.72 3.68 3.73													
Khoảng cách lẻ thiết kế		2.78 1.28 1.04 6.50 1.00 0.95													
Cao độ tự nhiên	1.69	1.67	1.66	1.69	2.29	3.57	3.76	3.77	3.84	3.83	3.70	3.12	2.96	2.44	
Khoảng cách mìa	10.00	4.64	4.71	1.37	2.20	1.18	0.90	3.01	3.09	1.90	3.90	3.08	10.02		

Vết hữu cơ : 3.05 m2
Đánh đập : 0.87 m2
Đào khuôn : 1.10 m2
Đắp bù cát K90 : 3.92 m2
Đắp nền K95 : 4.43 m2
Đắp đất K98 : 0.81 m2

Cọc 5
Km 0 + 68.49

Mặt đường láng nhựa: 8.62 m
Đá 4x6 chèn đá dăm: 1.29 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 0.29 m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

MSS: -2																	
Cao độ thiết kế					1.64		3.79	3.86	3.91			3.78	3.74	3.73			
Khoảng cách lẻ thiết kế						3.23	1.86	2.12		6.50		1.00	0.90				
Cao độ tự nhiên	1.53		1.60	1.63	1.64	2.32	3.54	3.74	3.75	3.83	3.75	3.73	3.20	3.09			2.82
Khoảng cách mìa		10.01		4.20	5.34	1.19	2.20	1.11	0.95	2.97	3.08	1.83	2.97	4.15		10.00	



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTOD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT THỰC 06
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

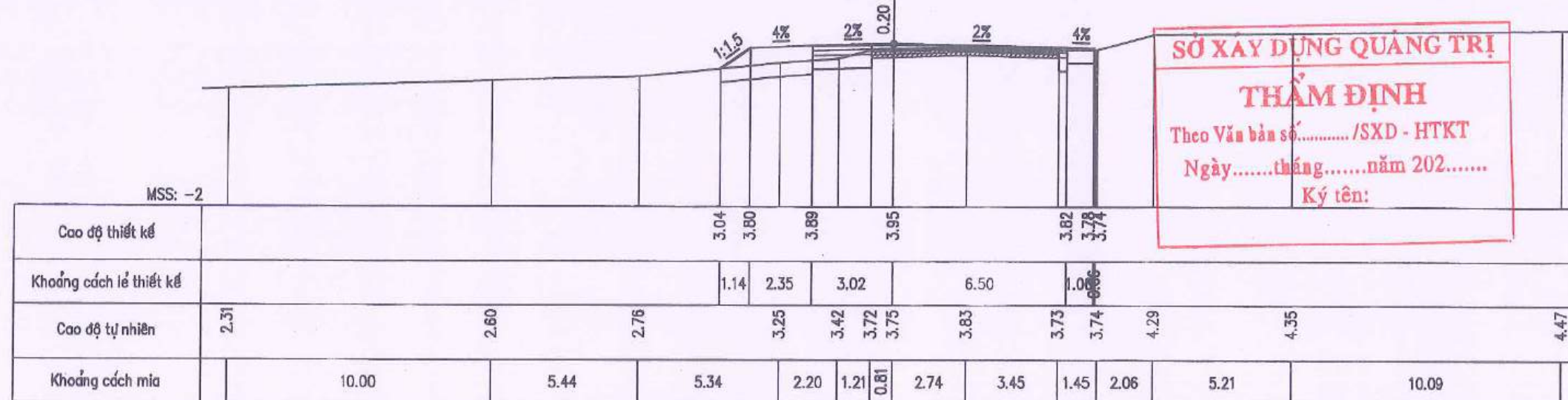
TỶ LỆ : 1/200

...../2025
SỐ : 3/24
KHBV : TNCT06

Vết hữu cơ : 2.27 m2
Đào khuôn : 1.21 m2
Đắp bù cát K90 : 2.27 m2
Đắp nền K95 : 1.86 m2
Đắp đất K98 : 1.26 m2

Cọc 6
Km 0 + 78.36

Mặt đường láng nhựa: 9.52 m
Đá 4x6 chèn đá dăm: 1.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 0.45 m2
Bù vênh đá 4x6 : 0.02 m2



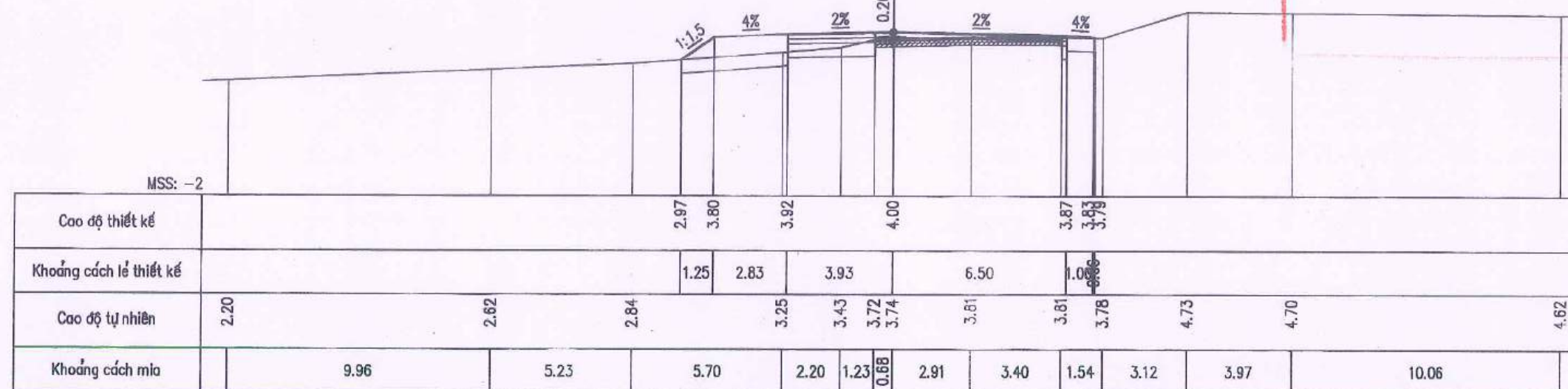
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 2.57 m2
Đào khuôn : 1.28 m2
Đắp bù cát K90 : 2.57 m2
Đắp nền K95 : 2.61 m2
Đắp đất K98 : 1.72 m2

Cọc 7
Km 0 + 88.25

Mặt đường láng nhựa: 10.43 m
Đá 4x6 chèn đá dăm: 1.56 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 0.62 m2
Bù vênh đá 4x6 : 0.11 m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QIDA ĐTXD &
PTOD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

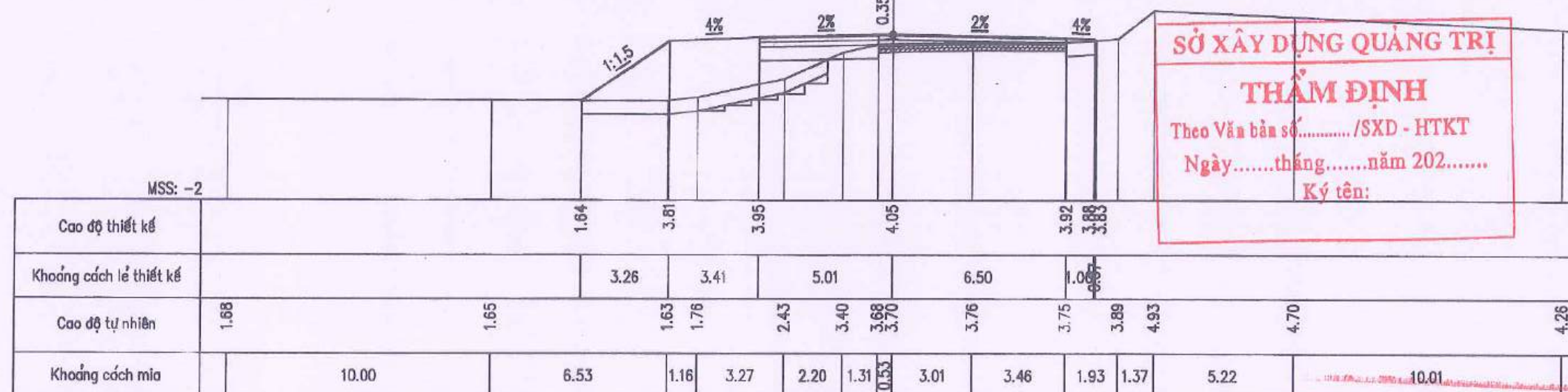
SỐ : 4/24

KHBY : TNCTT06

Vết hữu cơ : 5.16 m²
 Đánh cấp : 0.64 m²
 Đào khuôn : 0.59 m²
 Đắp bù cát K90 : 5.80 m²
 Đắp nền K95 : 12.18 m²
 Đắp đất K98 : 2.25 m²

Cọc 8
 Km 0 + 100.00

Mặt đường láng nhựa : 11.51 m²
 Đá 4x6 chèn đá dăm : 1.73 m²
 Đá 4x6 lớp dưới : 0.81 m²
 Bù vênh đá 4x6 : 0.46 m²



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

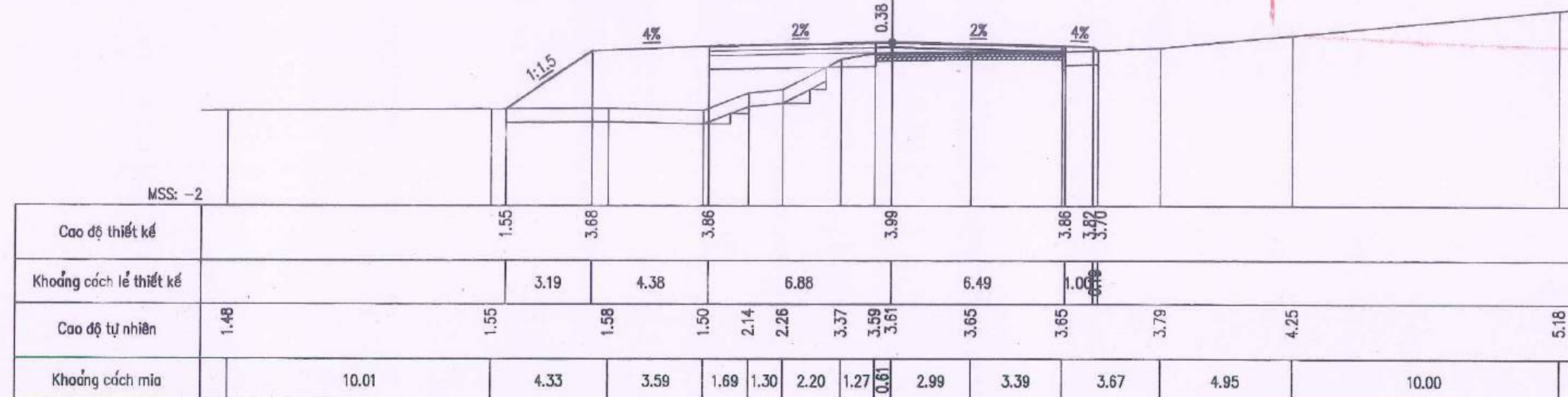
Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

Vết hữu cơ : 6.59 m²
 Đánh cấp : 0.63 m²
 Đào khuôn : 0.63 m²
 Đắp bù cát K90 : 7.22 m²
 Đắp nền K95 : 17.54 m²
 Đắp đất K98 : 3.19 m²

Cọc 9
 Km 0 + 119.72

Mặt đường láng nhựa : 13.38 m²
 Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.01 m²
 Đá 4x6 lớp dưới : 1.15 m²
 Bù vênh đá 4x6 : 0.79 m²



CÔNG TY TNHH
 XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
 BAN QIDA ĐTXD &
 PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
 PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
 XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

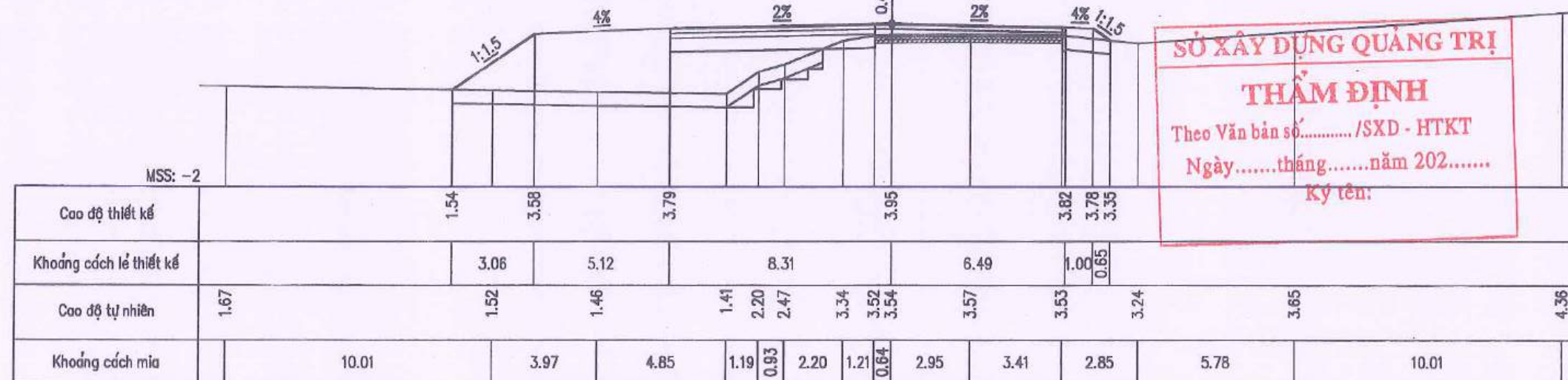
...../2025 SỐ : 7/24

KHBY : TNCCT06

Vết hữu cơ : 7.76 m²
Đánh cấp : 0.79 m²
Đào khuôn : 0.63 m²
Đắp bù cát K90 : 8.54 m²
Đắp nền K95 : 21.77 m²
Đắp đất K98 : 3.90 m²

Cọc 10
Km 0 + 134.72

Mặt đường lửng nhô : 14.80 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.22 m²
Đá 4x6 lớp dưới : 1.40 m²
Bù vênh đá 4x6 : 1.11 m²



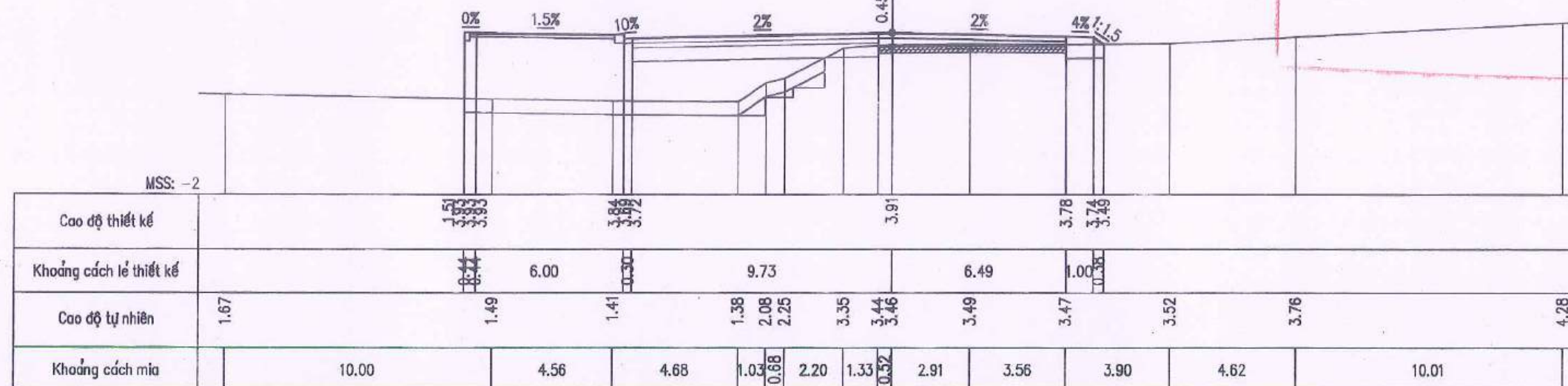
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Vết hữu cơ : 7.42 m²
Đánh cấp : 0.85 m²
Đào khuôn : 0.63 m²
Đắp bù cát K90 : 8.27 m²
Đắp nền K95 : 24.11 m²
Đắp đất K98 : 4.62 m²

Cọc 11
Km 0 + 149.72

Mặt đường lửng nhô : 16.23 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m²
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m²
Bù vênh đá 4x6 : 1.32 m²

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQĐ LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 6/24

KHVB : TNCIT06

Cọc 12
Km 0 + 164.72

THẨM ĐỊNH

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

MSS: -2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THAM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

Vết hữu cơ	: 7.74	m2
Đánh cắp	: 0.74	m2
Đào khuôn	: 0.40	m2
Đắp bù cát K90	: 8.47	m2
Đắp nền K95	: 25.30	m2
Đắp đất K98	: 4.64	m2

Coc 13
Km 0 + 179.72

Mặt đường láng nhựa:	16.20	m
Đá 4x6 chèn đá dăm:	2.29	m ²
Đá 4x6 lớp dưới:	1.67	m ²
Bù vênh đá 4x6:	1.41	m ²

MSS: -2

[illegible]

**CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QIDA ĐTXD &
PTOD LÊ THỦY**

CÔNG TRÌNH:

**PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY**

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỰC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

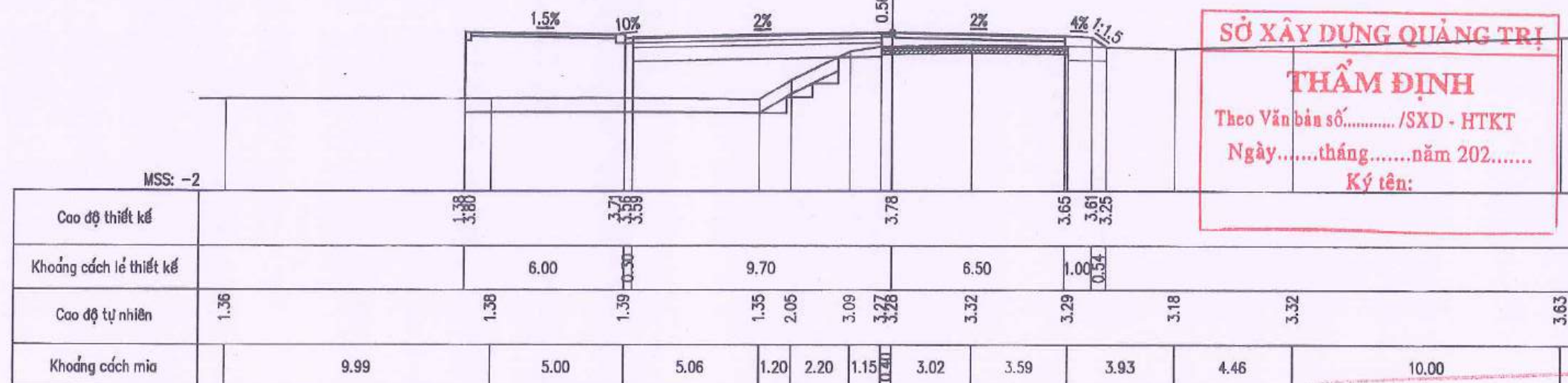
SỐ : 7/24

KHBV: TNCTT06

Vết hữu cơ	: 7.72	m2
Đánh cắp	: 0.76	m2
Đào khuôn	: 0.37	m2
Đắp bù cát K90	: 8.48	m2
Đắp nền K95	: 24.64	m2
Đắp đất K98	: 4.65	m2

Cọc 14
Km 0 + 194.72

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.36 m²
Đá 4x6 lớp dưới : 1.67 m²
Bùn vênh đá 4x6 : 1.47 m²



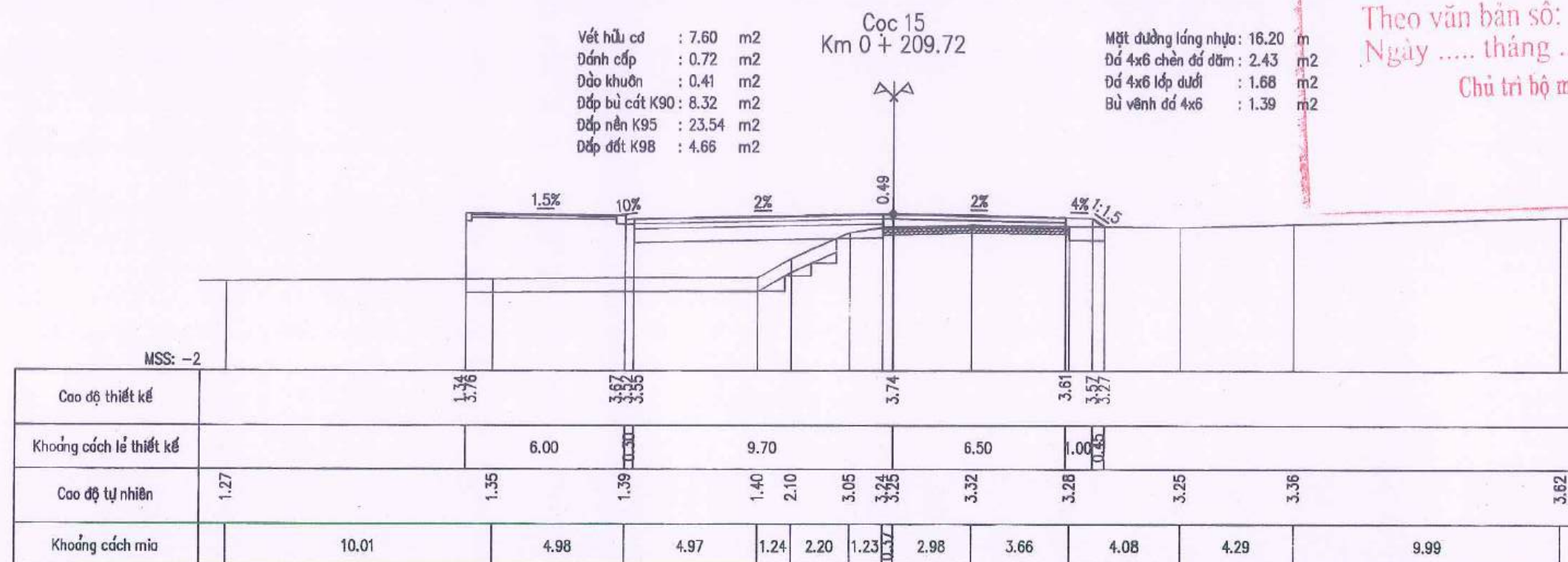
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên



**CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**

**CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QIDA ĐTXD &
PTOD LÊ THỦY**

CÔNG TRÌNH:

**PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY**

TRẮC NGHIỆM CHI TIẾT TRỰC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

.... / 2026

SỐ : 8/24

KHBV: TNCT506

Vết hữu cơ : 7.49 m2
Đánh cấp : 0.67 m2
Đào khuôn : 0.44 m2
Đắp bù cát K90 : 8.16 m2
Đắp nền K95 : 22.30 m2
Đắp đất K98 : 4.68 m2

Cọc 16
Km 0 + 224.72

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm: 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.68 m2
Bù vênh đá 4x6 : 1.19 m2



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.49	3.52	3.50	3.70	3.57	3.58						
Khoảng cách lẻ thiết kế		6.00	1.30	9.70	6.50	1.00	0.38					
Cao độ tự nhiên	1.42	1.40	1.39	1.42	2.15	3.00	3.20	3.32	3.27	3.30	3.35	3.49
Khoảng cách mìa		10.00	5.42	4.51	1.18	2.20	1.35	2.95	3.71	4.77	3.56	10.01

Vết hữu cơ : 7.36 m2
Đánh cấp : 0.70 m2
Đào khuôn : 0.55 m2
Đắp bù cát K90 : 8.06 m2
Đắp nền K95 : 20.88 m2
Đắp đất K98 : 4.67 m2

Cọc 17
Km 0 + 244.10

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm: 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.68 m2
Bù vênh đá 4x6 : 0.95 m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.58	3.57	3.45	3.64	3.51	3.57						
Khoảng cách lẻ thiết kế		6.00	1.30	9.70	6.50	1.00	0.38					
Cao độ tự nhiên	1.38	1.40	1.41	1.42	2.16	2.98	3.20	3.29	3.25	7.31	7.31	7.31
Khoảng cách mìa		10.00	5.00	4.40	1.63	2.20	1.42	2.98	3.67	3.67	4.91	9.77



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../202

SỐ : 9/24

KHBY : TNCT06



Vết hữu cơ : 7.42 m²
Đánh cấp : 0.54 m²
Đào khuôn : 0.73 m²
Đắp bù cát K90 : 7.97 m²
Đắp nền K95 : 19.40 m²
Đắp đất K98 : 4.60 m²

Cọc N1
Km 0 + 259.64

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m²
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m²
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m²
Bù vênh đá 4x6 : 0.64 m²

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

MSS: -2

Ký tên:

Cao độ thiết kế		3.51				3.53				3.60			3.47	3.43	3.03					
Khoảng cách lẻ thiết kế			6.00			0.30		9.70			6.50		1.00	0.60						
Cao độ tự nhiên	1.58		1.50		1.47			1.49	1.85	2.98	3.21	3.23	3.29	3.25		2.56	1.86	1.85		1.80
Khoảng cách m			9.99		3.68		5.75	1.21	2.21	1.66	0.50	2.93	3.57		5.01	1.43	2.07		9.99	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

Vết hữu cơ : 7.60 m²
Đánh cấp : 0.57 m²
Đào khuôn : 0.73 m²
Đắp bù cát K90 : 8.18 m²
Đắp nền K95 : 19.59 m²
Đắp đất K98 : 4.64 m²

Cọc 18
Km 0 + 275.10

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m²
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m²
Đá 4x6 lớp dưới : 1.67 m²
Bù vênh đá 4x6 : 0.66 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế		3.64	3.55	3.43		3.62		3.49	3.45	2.87					
Khoảng cách lẻ thiết kế		6.00	0.30		9.70		6.50	1.00	0.88						
Cao độ tự nhiên	1.53	1.51	1.50		1.49	2.02	2.99	3.24	3.26	3.31	3.27	2.36	1.82	1.80	1.72
Khoảng cách m		10.03	5.00	4.78	0.84	2.38	1.37	0.60	2.78	3.53	4.68	1.37	2.55	10.09	



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2026

SỐ : 10/24

KHBY : TNCT06



Vết hữu cơ : 7.28 m²
Đánh đập : 0.65 m²
Đào khuôn : 0.82 m²
Đắp bù cát K90 : 7.93 m²
Đắp nền K95 : 19.59 m²
Đắp đất K98 : 4.60 m²

Cọc 19
Km 0 + 290.10

Mặt đường láng nhựa : 16.20 m²
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m²
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m²
Bù vênh đá 4x6 : 0.72 m²

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD-HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.51	3.57	3.43		3.65		3.52	3.48			
Khoảng cách lẻ thiết kế		6.00	3.00		9.70		6.50	1.00	0.43		
Cao độ tự nhiên	1.58	1.50	1.46	1.44	1.98	3.18	3.26	3.28	3.33	3.28	3.05
Khoảng cách mìa	10.00	5.00	4.34	0.74	3.30	0.92	0.70	2.78	3.52	4.11	4.59
											10.00
											2.35

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Chủ trì bộ môn ký tên

Vết hữu cơ : 7.26 m²
Đánh đập : 0.68 m²
Đào khuôn : 0.75 m²
Đắp bù cát K90 : 7.95 m²
Đắp nền K95 : 19.91 m²
Đắp đất K98 : 4.60 m²

Cọc 20
Km 0 + 305.10

Mặt đường láng nhựa : 16.20 m²
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m²
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m²
Bù vênh đá 4x6 : 1.01 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế	3.49	3.60	3.28		3.67		3.54	3.58			
Khoảng cách lẻ thiết kế		6.00	3.00		9.70		6.50	1.00	0.36		
Cao độ tự nhiên	1.53	1.49	1.47	1.45	2.03	3.12	3.26	3.27	3.32	3.25	3.29
Khoảng cách mìa	10.00	5.00	4.10	0.85	3.37	0.79	0.89	2.62	3.49	5.50	3.39
											10.00
											3.33



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTOD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

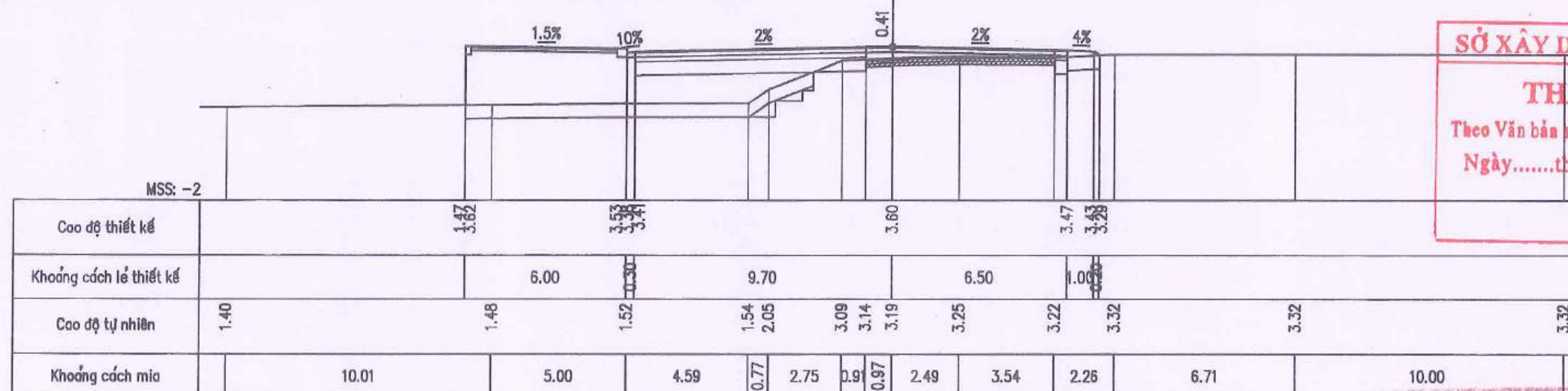
TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : TT/24

KHBY : TNCTT06

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm: 2.43 m²
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m²
Bù vênh đá 4x6 : 0.99 m²



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

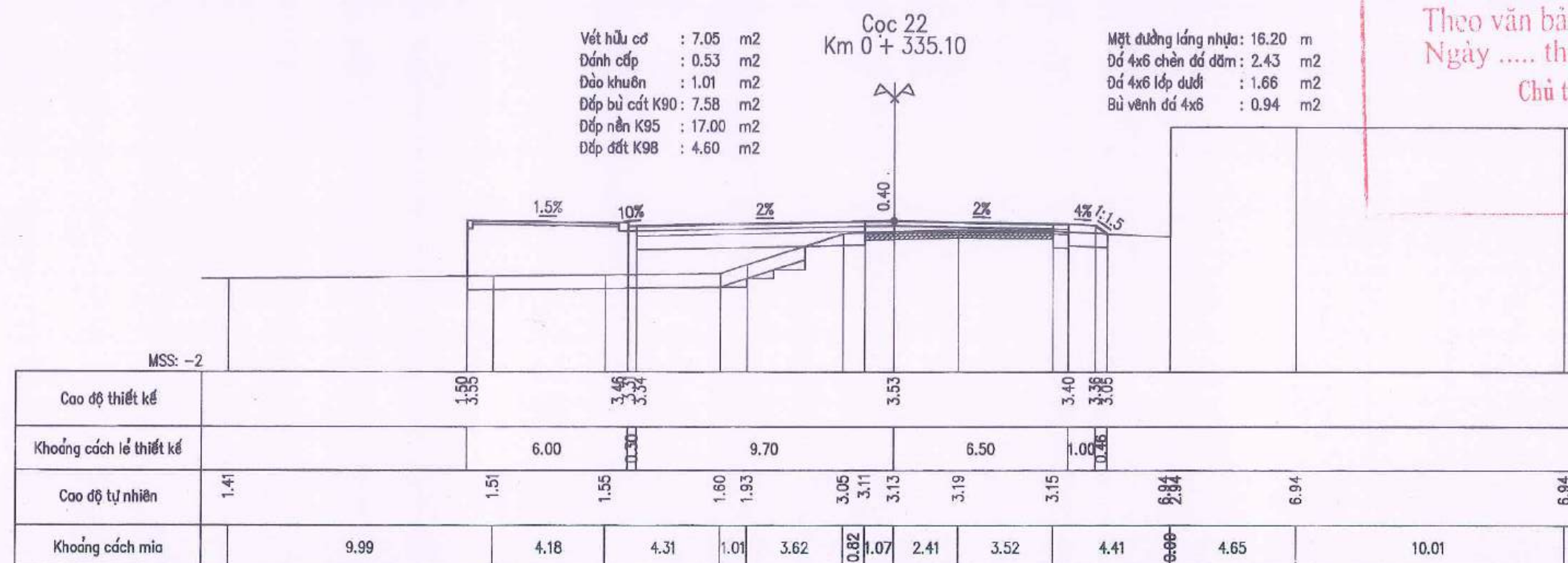
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

TIẾM TRƯA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên



**CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QIDA ĐTXD &
PTQD LÊ THỦY

CÔNG TRÌNH:

**PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY**

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỰC 06

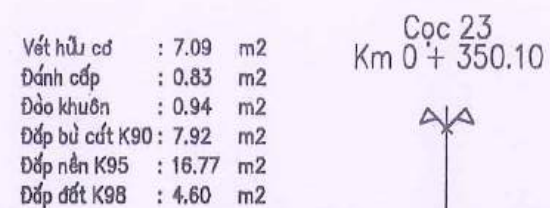
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2026

SỐ : 12/24

KHBV: TNCT06



Mặt đường láng nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m2
Bù vênh đá 4x6 : 0.88 m2

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

MSS: -2

Cao độ thiết kế		1.52	3.39	3.46	3.33						
Khoảng cách lề thiết kế		6.00	9.70	6.50	1.00						
Cao độ tự nhiên	1.50	1.52	1.53	1.54	1.55	1.56					
Khoảng cách mìa		10.03	4.99	3.80	2.06	1.13	2.35	3.52	3.23	5.90	10.00

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

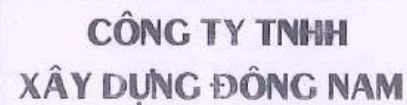
Chủ trì bộ môn ký tên

Vết hủi cơ	: 6.92	m2
Đánh cấp	: 0.36	m2
Đào khuôn	: 1.34	m2
Đắp bù cát K90	: 7.27	m2
Đắp nền K95	: 13.86	m2
Đắp đất K98	: 4.60	m2

Coc 24
Km 0 + 369.19

Mặt đường láng nhựa:	16.20	m
Đá 4x6 chèn đá dăm:	2.43	m ²
Đá 4x6 lớp dưới:	1.66	m ²
Bùn vánh đá 4x6:	0.13	m ²

MSS: -2

[illegible]

**CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QIDA ĐTXD &
PTOD LÊ THỦY**

CÔNG TRÌNH:

**PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY**

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỰC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ: 13/24

KHBV: TNCT06

Vết hữu cơ : 3.43 m²
 Đào khuôn : 6.73 m²
 Đắp bù cát K90 : 3.43 m²
 Đắp nền K95 : 1.12 m²
 Đắp đất K98 : 4.58 m²

Cọc N3
 Km 0 + 381.48

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m²
 Đá 4x6 chèn đá dăm: 2.43 m²
 Đá 4x6 lớp dưới : 1.65 m²



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

MSS: -2													
Cao độ thiết kế	2.82	2.83	2.85	2.91	3.03	3.04	3.09	3.01	2.87	2.94	2.95	2.98	
Khoảng cách lẻ thiết kế		6.00		9.70			6.50		1.00				
Cao độ tự nhiên	2.77	2.83	2.85	2.91	3.03	3.04	3.09	3.01	2.87	2.94	2.95	2.98	
Khoảng cách mìa	10.01	3.34	3.57	6.97	1.11	2.50	3.42	2.01	3.96	3.11	10.00		

Vết hữu cơ : 7.21 m²
 Đánh cấp : 0.83 m²
 Đào khuôn : 1.57 m²
 Đắp bù cát K90 : 8.04 m²
 Đắp nền K95 : 12.16 m²
 Đắp đất K98 : 4.51 m²

Cọc 25
 Km 0 + 400.56

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m²
 Đá 4x6 chèn đá dăm: 2.43 m²
 Đá 4x6 lớp dưới : 1.62 m²
 Bù vênh đá 4x6 : 0.05 m²

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

MSS: -2													
Cao độ thiết kế	1.58	1.59	1.62	1.66	2.84	3.01	3.03	3.08	2.98	2.92	1.76	1.71	
Khoảng cách lẻ thiết kế		6.00		9.70			6.50		1.00	1.98			
Cao độ tự nhiên	1.51	1.59	1.62	1.66	2.84	3.01	3.03	3.08	2.98	2.92	1.76	1.71	
Khoảng cách mìa	10.01	3.98	4.32	1.50	2.92	0.98	1.29	2.25	3.64	1.55	1.37	6.19	10.00



CÔNG TY TNHH
 XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
 BAN QLDA ĐTXD &
 PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
 XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT THỰC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 14/24

KHBY : TNCCT06

Vết hữu cơ : 7.43 m2
Đánh cấp : 0.99 m2
Đào khuôn : 1.47 m2
Đắp bù cát K90 : 8.43 m2
Đắp nền K95 : 13.80 m2
Đắp đất K98 : 4.59 m2

Cọc 26
Km 0 + 415.56

Mặt đường lán nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.65 m2
Bù vênh đá 4x6 : 0.26 m2



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

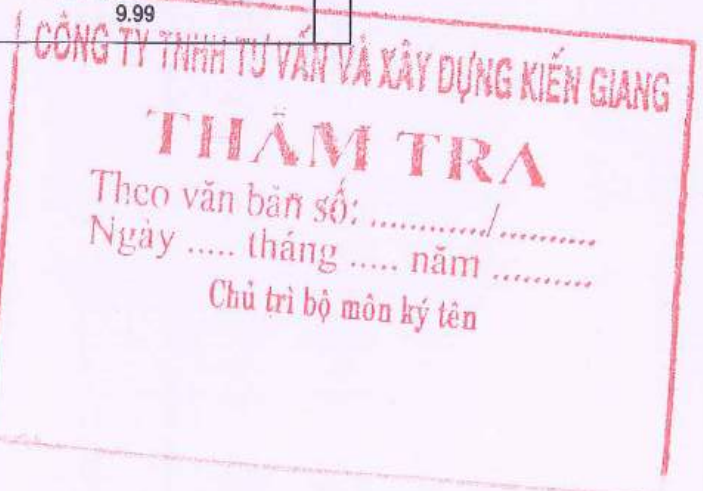
MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.57	3.21	3.28	3.29	3.16	3.12	1.74
Khoảng cách lẻ thiết kế	6.00	9.70	6.50	1.00	2.06		
Cao độ tự nhiên	1.50	1.58	1.62	1.67	2.12	2.85	3.00
Khoảng cách mìa	9.99	5.00	3.91	1.09	2.76	0.89	1.36

Vết hữu cơ : 7.55 m2
Đánh cấp : 0.80 m2
Đào khuôn : 1.32 m2
Đắp bù cát K90 : 8.35 m2
Đắp nền K95 : 15.11 m2
Đắp đất K98 : 4.60 m2

Cọc 27
Km 0 + 430.56

Mặt đường lán nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m2
Bù vênh đá 4x6 : 0.76 m2



MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.57	3.25	3.13	3.32	3.19	3.15	1.67
Khoảng cách lẻ thiết kế	6.00	9.70	6.50	1.00	2.22		
Cao độ tự nhiên	1.48	1.58	1.63	1.68	2.21	2.88	2.96
Khoảng cách mìa	9.91	5.00	4.35	0.94	2.76	0.53	1.51



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2026

SỐ : 15/24

KHBY : TNCT06



Cọc 28
Km 0 + 445.56

Vết hữu cơ : 7.79 m²
Đánh cấp : 0.84 m²
Đào khuôn : 1.09 m²
Đắp bù cát K90 : 8.63 m²
Đắp nền K95 : 16.59 m²
Đắp đất K98 : 4.60 m²

Mặt đường láng nhựa : 16.20 m²
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m²
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m²
Bù vênh đá 4x6 : 1.05 m²

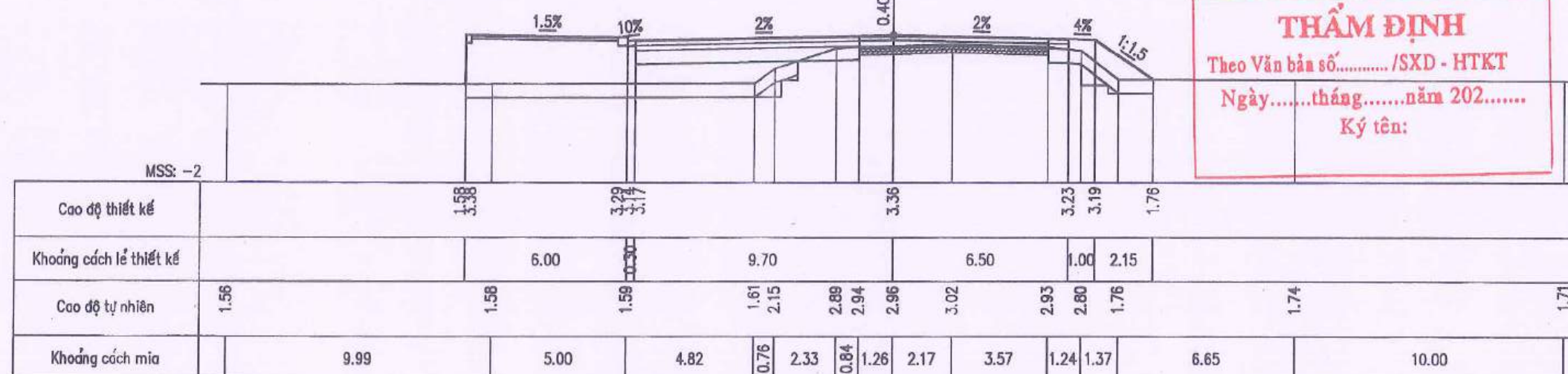
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



Cọc 29
Km 0 + 460.56

Vết hữu cơ : 8.08 m²
Đánh cấp : 0.55 m²
Đào khuôn : 0.74 m²
Đắp bù cát K90 : 8.63 m²
Đắp nền K95 : 18.07 m²
Đắp đất K98 : 4.60 m²

Mặt đường láng nhựa : 16.20 m²
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m²
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m²
Bù vênh đá 4x6 : 1.23 m²

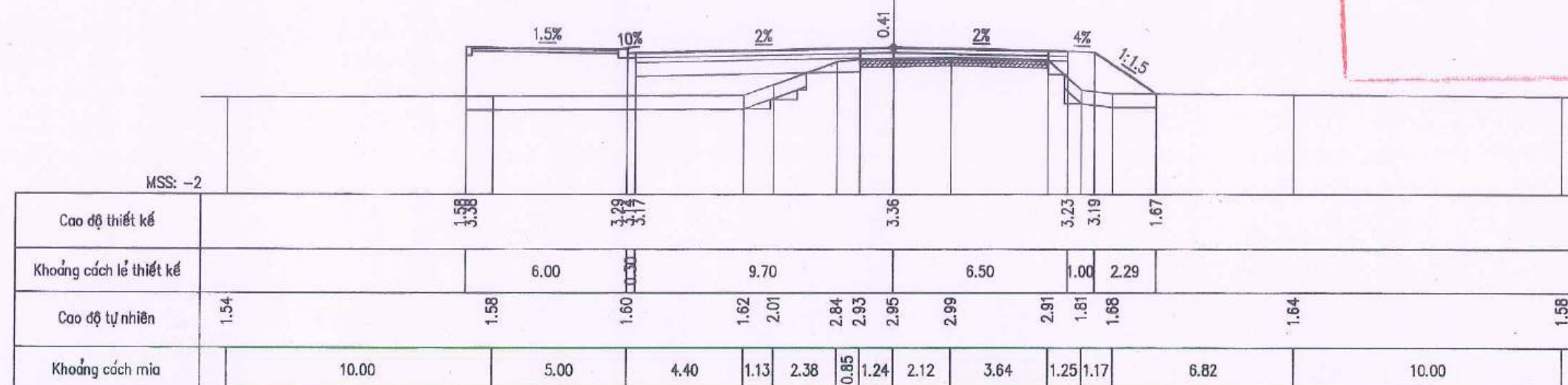
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 16/24

KHVB : TNCT06

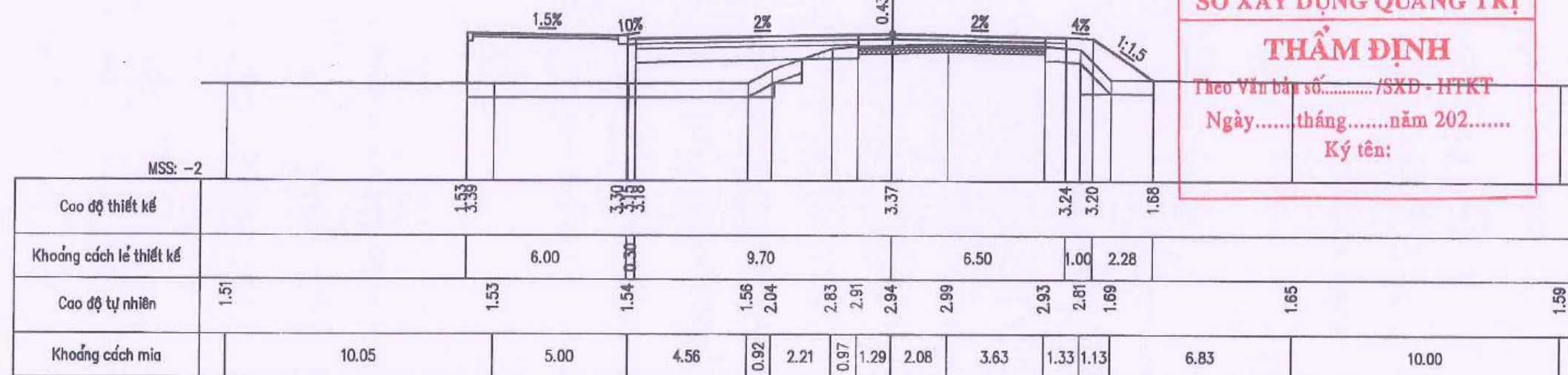
Vết hữu cơ : 7.96 m2
Đánh cấp : 1.08 m2
Đào khuôn : 1.00 m2
Đắp bù cát K90 : 9.04 m2
Đắp nền K95 : 17.76 m2
Đắp đất K98 : 4.60 m2

Cọc 30
Km 0 + 477.15

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m2
Bù vênh đá 4x6 : 1.26 m2



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

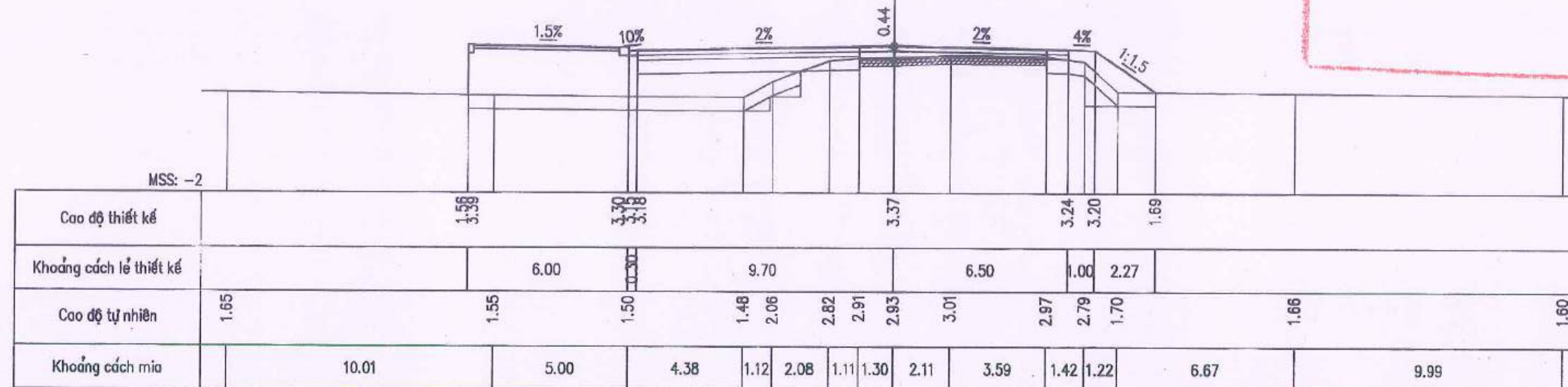


Vết hữu cơ : 7.91 m2
Đánh cấp : 1.19 m2
Đào khuôn : 1.05 m2
Đắp bù cát K90 : 9.10 m2
Đắp nền K95 : 17.81 m2
Đắp đất K98 : 4.60 m2

Cọc 31
Km 0 + 490.56

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m2
Bù vênh đá 4x6 : 1.18 m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2026

SỐ : 17/24

KHBY : TNCCT06

Vết hữu cơ : 8.16 m2
Đánh cấp : 1.08 m2
Đào khuôn : 1.04 m2
Đắp bù cát K90 : 9.24 m2
Đắp nền K95 : 17.95 m2
Đắp đất K98 : 4.60 m2

Cọc 32
Km 0 + 505.56

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m2
Bù vênh đá 4x6 : 1.07 m2



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.59	3.30	3.18	3.38	3.25	3.21	1.52	
Khoảng cách lẻ thiết kế		6.00	0.30	9.70	6.50	1.00	2.53	
Cao độ tự nhiên	1.48	1.50	1.51	1.53	1.94	1.94	1.45	1.45
Khoảng cách míc	9.99	4.40	2.94	0.61	1.04	0.73	2.30	1.27
				1.32	2.15	3.53	1.51	1.36
							6.43	10.02

Vết hữu cơ : 8.21 m2
Đánh cấp : 1.14 m2
Đào khuôn : 1.06 m2
Đắp bù cát K90 : 9.35 m2
Đắp nền K95 : 18.35 m2
Đắp đất K98 : 4.60 m2

Cọc 33
Km 0 + 520.56

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m2
Bù vênh đá 4x6 : 1.04 m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

MSS: -2

Cao độ thiết kế	1.47	3.31	3.18	3.38	3.25	3.21	1.51	
Khoảng cách lẻ thiết kế		6.00	0.30	9.70	6.50	1.00	2.55	
Cao độ tự nhiên	1.43	1.48	1.50	1.52	1.85	1.85	1.48	1.42
Khoảng cách míc	10.41	3.99	3.13	0.67	1.00	0.70	2.11	1.23
				1.26	2.08	3.66	1.51	1.37
							6.37	10.01



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 18/24

KHBV : TNCT06

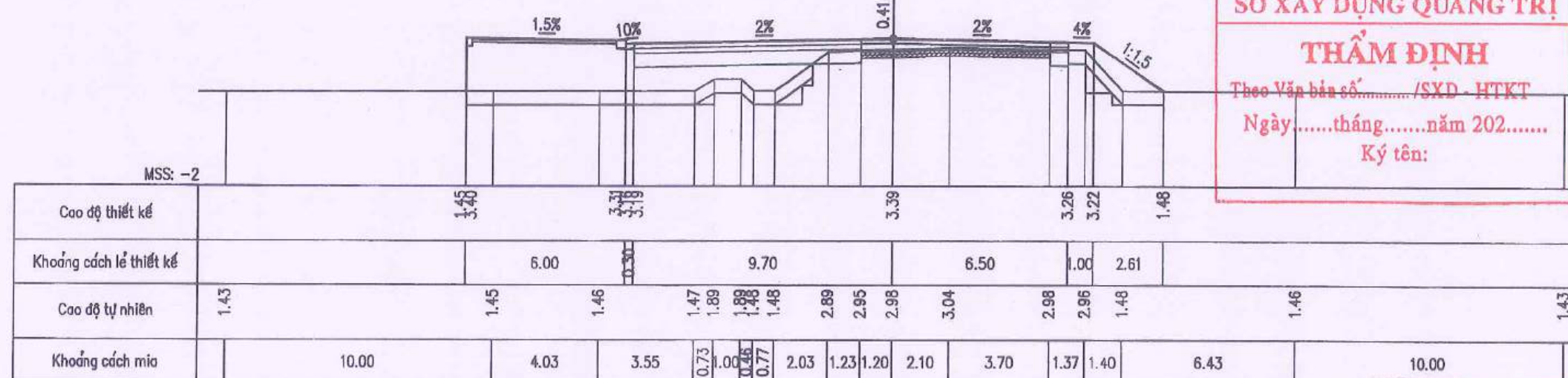


Cọc 34
Km 0 + 535.56

Vết hữu cơ : 8.28 m2
Đánh cấp : 1.17 m2
Đào khuôn : 1.07 m2
Đắp bù cát K90 : 9.45 m2
Đắp nền K95 : 18.67 m2
Đắp đất K98 : 4.60 m2

Mặt đường láng nhựa : 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m2
Bù vênh đá 4x6 : 1.04 m2

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

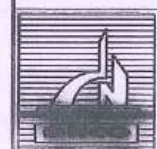
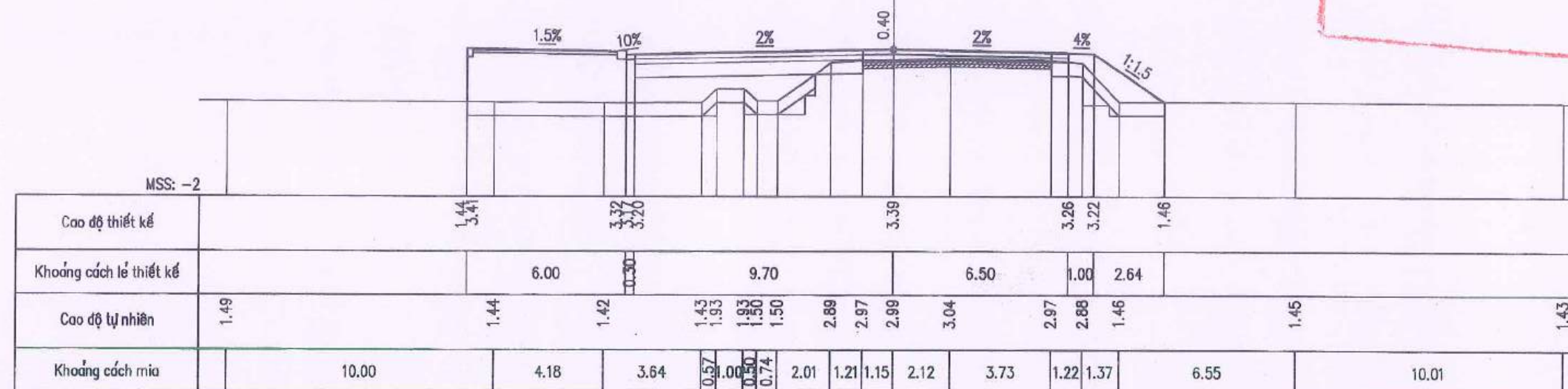


Cọc 35
Km 0 + 550.56

Vết hữu cơ : 8.34 m2
Đánh cấp : 1.24 m2
Đào khuôn : 1.01 m2
Đắp bù cát K90 : 9.57 m2
Đắp nền K95 : 19.34 m2
Đắp đất K98 : 4.60 m2

Mặt đường láng nhựa : 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m2
Bù vênh đá 4x6 : 1.05 m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 06

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025

SỐ : 19/24

KHBY : TNCT06

Vết hữu cơ : 8.21 m2
Đánh cấp : 1.49 m2
Đào khuôn : 1.21 m2
Đắp bù cát K90 : 9.70 m2
Đắp nền K95 : 17.53 m2
Đắp đất K98 : 4.60 m2

Cọc 36
Km 0 + 565.56

Mặt đường láng nhựa: 16.20 m
Đá 4x6 chèn đá dăm : 2.43 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.66 m2
Bù vánh đá 4x6 : 0.54 m2



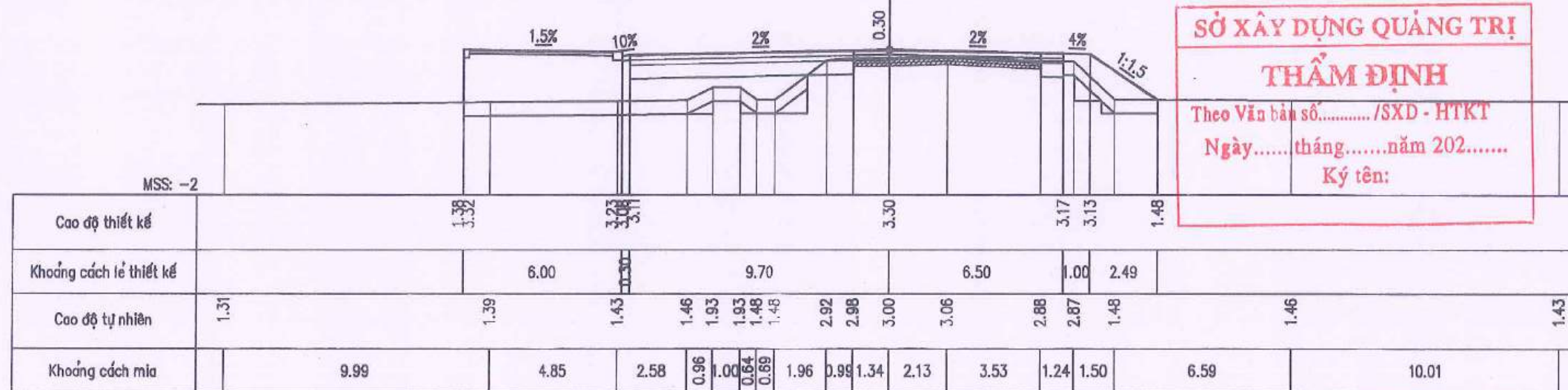
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



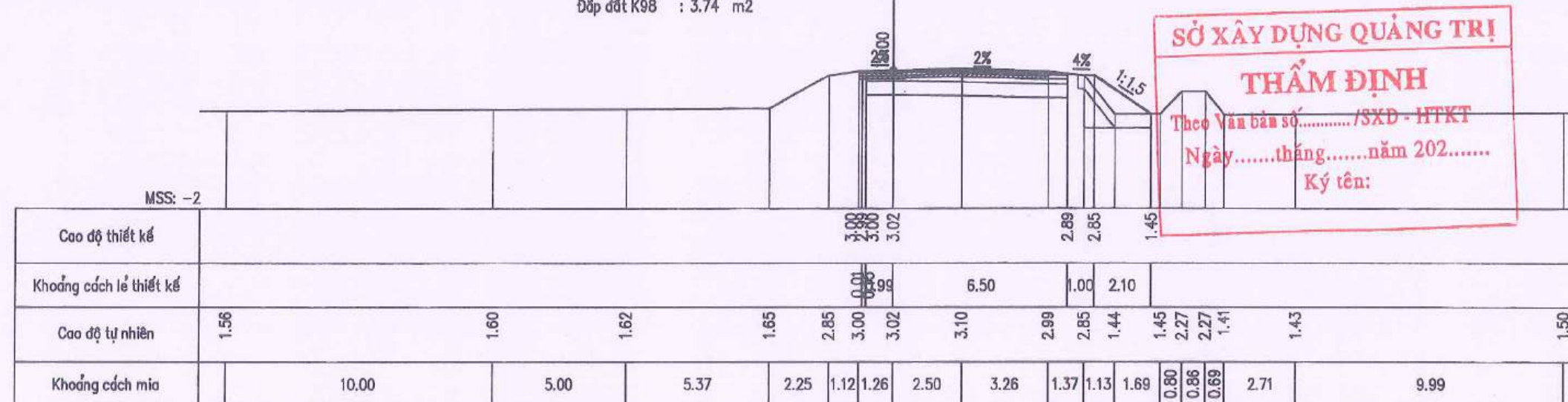
KHBV: TNCT06

KHBV: INCT06

Vết hữu cđ : 1.36 m2
Đổnh cấp : 0.80 m2
Đào nền : 0.05 m2
Đào khuôn : 6.48 m2
Đắp bù cát K90 : 2.15 m2
Đắp nền K95 : 1.22 m2
Đắp đất K98 : 3.74 m2

Cọc KC
Km 0 + 700.00

Mặt đường lống nhựa: 7.49 m
Đá 4x6 chèn đá dăm: 1.12 m2
Đá 4x6 lớp dưới : 1.35 m2



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN MẶT ĐƯỜNG

Đoạn: Trục 6

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

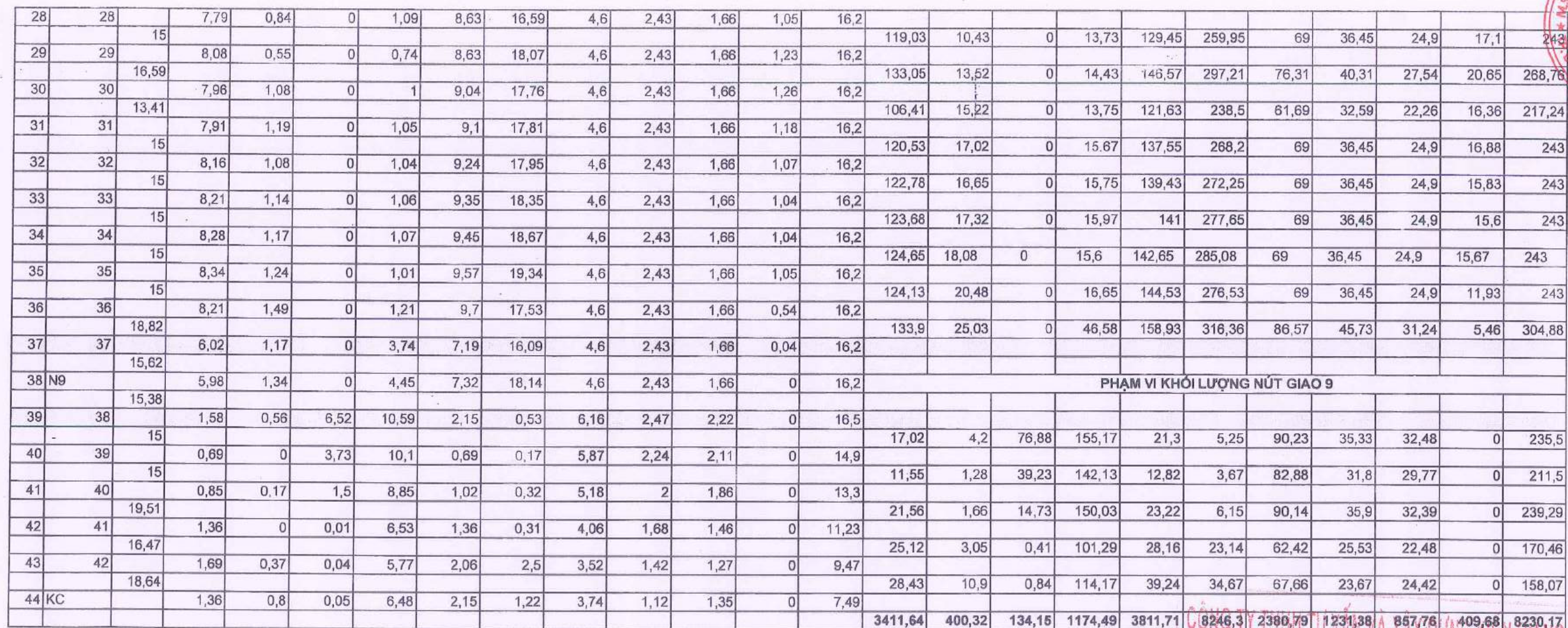
Khối lượng



STT	Tên cọc	K.c lẻ	Diện tích											Khối lượng										
			Vết hữu cơ	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Đá 4x6 chèn đá dăm lớp trên	Đá 4x6 lớp dưới	Bù vênh đá 4x6	Mặt đường láng nhựa	Vết hữu cơ	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Đá 4x6 chèn đá dăm lớp trên	Đá 4x6 lớp dưới	Bù vênh đá 4x6	Mặt đường láng nhựa
			m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2
1	3		0	0	0,15	5,62	0	0	3,25	0,98	1,17	0	6,5											
		11,75												11,93	4,82	1,47	56,93	16,74	4,99	32,96	12,4	11,87	0	82,54
2	4		2,03	0,82	0,1	4,07	2,85	0,85	2,36	1,13	0,85	0	7,55											
		11,74												29,82	9,92	0,59	30,35	39,74	30,99	18,61	14,21	6,69	0	94,92
3	5		3,05	0,87	0	1,1	3,92	4,43	0,81	1,29	0,29	0	8,62											
		9,87												26,25	4,29	0	11,4	30,55	31,04	10,22	13,42	3,65	0,1	89,52
4	6		2,27	0	0	1,21	2,27	1,86	1,26	1,43	0,45	0,02	9,52											
		9,89												23,93	0	0	12,31	23,93	22,1	14,74	14,79	5,29	0,64	98,65
5	7		2,57	0	0	1,28	2,57	2,61	1,72	1,56	0,62	0,11	10,43											
		11,75												45,41	3,76	0	10,99	49,17	86,89	23,32	19,33	8,4	3,35	128,9
6	8		5,16	0,64	0	0,59	5,8	12,18	2,25	1,73	0,81	0,46	11,51											
		19,72												115,85	12,52	0	12,03	128,38	293,04	53,64	36,88	19,33	12,32	245,42
7	9		6,59	0,63	0	0,63	7,22	17,54	3,19	2,01	1,15	0,79	13,38											
		15												107,63	10,65	0	9,45	118,2	294,83	53,17	31,73	19,13	14,25	211,35
8	10		7,76	0,79	0	0,63	8,54	21,77	3,9	2,22	1,4	1,11	14,8											
		15												113,85	12,3	0	9,45	126,07	344,1	63,9	34,88	22,95	18,23	232,78
9	11		7,42	0,85	0	0,63	8,27	24,11	4,62	2,43	1,66	1,32	16,23											
		15												111,6	12,3	0	8,4	123,9	361,2	69,38	36,45	24,98	20,93	243,22
10	12		7,46	0,79	0	0,49	8,25	24,05	4,63	2,43	1,67	1,47	16,2											
		15												114	11,47	0	6,67	125,4	370,13	69,52	35,4	25,05	21,6	243
11	13		7,74	0,74	0	0,4	8,47	25,3	4,64	2,29	1,67	1,41	16,2											
		15												115,95	11,25	0	5,78	127,13	374,55	69,67	34,88	25,05	21,6	243
12	14		7,72	0,76	0	0,37	8,48	24,64	4,65	2,36	1,67	1,47	16,2											
		15												114,9	11,1	0	5,85	126	361,35	69,83	35,92	25,12	21,45	243
13	15		7,6	0,72	0	0,41	8,32	23,54	4,66	2,43	1,68	1,39	16,2											
		15												113,17	10,43	0	6,38	123,6	343,8	70,05	36,45	25,2	19,35	243
14	16		7,49	0,67	0	0,44	8,16	22,3	4,68	2,43	1,68	1,19	16,2											
		19,38												143,9	13,28	0	9,59	157,17	418,41	90,6	47,09	32,56	20,74	313,96
15	17		7,36	0,7	0	0,55	8,06	20,88	4,67	2,43	1,68	0,95	16,2											
		15,54																						
16	N1		7,42	0,54	0	0,73	7,97	19,4	4,6	2,43	1,66	0,64	16,2	PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 1										
		15,46																						
17	18		7,6	0,57	0	0,73	8,18	19,59	4,64	2,43	1,67	0,66	16,2											
		15												111,6	9,15	0	11,62	120,82	293,85	69,3	36,45	24,98	10,35	243
18	19		7,28	0,65	0	0,82	7,93	19,59	4,6	2,43	1,66	0,72	16,2											
		15												109,05	9,98	0	11,77	119,1	296,25	69	36,45	24,9	12,97	243
19	20		7,26	0,68	0	0,75	7,95	19,91	4,6	2,43	1,66	1,01	16,2											
		15												107,78	9,22	0	12,22	117,07	290,55	69	36,45	24,9	15	243
20	21		7,11	0,55	0	0,88	7,66	18,83	4,6	2,43	1,66	0,99	16,2											
		15												106,2	8,1	0	14,18	114,3	268,72	69	36,45	24,9	14,47	243
21	22		7,05	0,53	0	1,01	7,58	17	4,6	2,43	1,66	0,94	16,2											
		15												106,05	10,2	0	14,63	116,25	253,27	69	36,45	24,9	13,65	243
22	23		7,09	0,83	0	0,94	7,92	16,77	4,6	2,43	1,66	0,88	16,2											
		19,09												133,73	11,36	0	21,76	144,99	292,36	87,81	46,39	31,69	9,64	309,26
23	24		6,92	0,36	0	1,34	7,27	13,86	4,6	2,43	1,66	0,13	16,2											
		12,29																						
24	N3		3,43	0	0	6,73	3,43	1,12	4,58	2,43	1,65	0	16,2	PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 3										
		19,08																						
25	25		7,21	0,83	0	1,57	8,04	12,16	4,51	2,43	1,62	0,05	16,2											
		15												109,8	13,65	0	22,8	123,52	194,7	68,25	36,45	24,52	2,33	243
26	26		7,43	0,99	0	1,47	8,43	13,8	4,59	2,43	1,65	0,26	16,2											
		15												112,35	13,43	0	20,93	125,85	216,82	68,92	36,45	24,82	7,65	243
27	27		7,55	0,8	0	1,32	8,35	15,11	4,6	2,43	1,66	0,76	16,2											
		15												115,05	12,3	0	18,08	127,35	237,75	69	36,45	24,9	13,58	243

PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 1

PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 3



TỔNG CỘNG **THẨM TRÁ**

Vết hữu cơ	Đánh cấp	Đào nền	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Đá 4x6 chèn đá dăm lớp trên	Đá 4x6 lấp dưới	Bù vênh đá 4x6	Mặt đường láng nhựa
3411,64	400,32	134,15	1174,49	3811,71	8246,30	2380,79	1231,38	857,76	409,68	8230,17

Ký tên:

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TRỤC 07

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

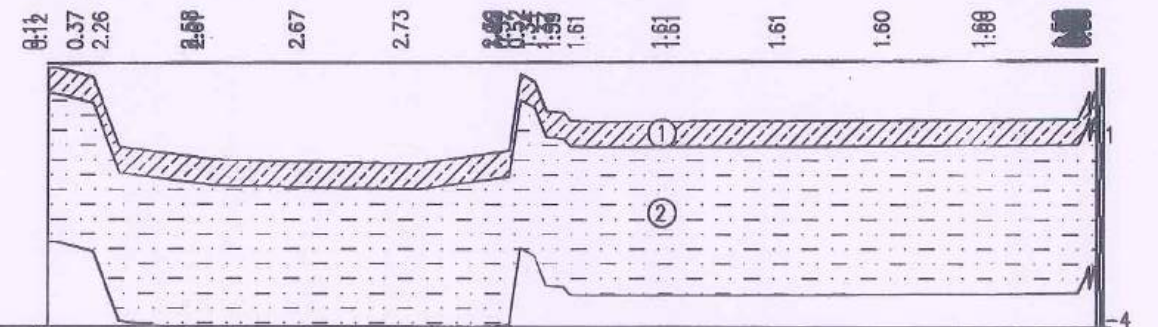
PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 9

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 8

PHẠM VI THIẾT KẾ NÚT GIAO 7

Km 0+0.00

Km 0+145.15



Mô tả địa chất	-LỚP 1: ĐẤT Á SÉT MÀU XÁM NÂU, TRẠNG THÁI ĐÉO MỀM, DÀY TRUNG BÌNH 0.7M -LỚP 2: ĐẤT Á CÁT MÀU XÁM VÀNG, TRẠNG THÁI ĐÉO, DÀY TRUNG BÌNH 4.3M															
Cao độ thiết kế	3.18	3.10	3.11	3.12	3.12	3.13	3.14	3.15	3.16	3.17	3.18	3.19	3.20	3.21	3.22	3.23
Dốc dọc thiết kế	0.07%								0.07%							
Cao độ tự nhiên	2.88	2.73	0.85	0.57	0.45	0.40	0.75	0.82	1.54	1.55	1.56	1.58	1.59	1.60	1.61	1.62
Khoảng cách lẻ	1.03	3.56	12.06	13.92	14.65	12.41	11.57	14.58	14.33	13.57	9.88	0.16	0.16	0.16	0.16	0.16
Khoảng cách cộng dồn	0.00	6.30	9.86	21.88	36.72	51.37	63.78	75.65	87.23	103.53	117.86	131.13	141.01	145.15	145.15	145.15
Tên cọc	1 N9	3 2	4 3A		5	6	7A 78	9 10	11 12	N8 13A	13	14	15	16A 16	17 1	
Lý trình	Km 0+0.00								Km 0+145.15							
Đoạn thẳng – Đoạn cong																

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

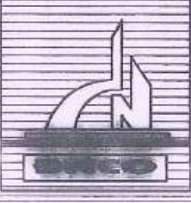
CÔNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ
DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊ THỦY, HUYỆN LÊ THỦY
ĐỊA ĐIỂM
XÃ LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TRỤC 07

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

C.N.Đ.A
CHỦ TRÌ
THIẾT KẾ
KIỂM TRA

BÙI MINH PHÚC
TRẦN CHÍ HÒA
TRẦN CHÍ HÒA
HOÀNG CÔNG VŨ



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
GIAO LƯU
ĐÔNG HẢI - T. QUẢNG BÌNH
Ths. Ks. Bùi Minh Phúc

10/2/2026
KHBY: TDT7-1/1

Vết hữu cơ : 3.05 m2
Đào khuôn : 5.37 m2
Đắp bù cát K90 : 3.05 m2
Đắp nền K95 : 0.14 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc N9
Km 0 + 0.00

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: 0

Cao độ thiết kế		3.02	3.04	3.10	3.04	3.02	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	
Cao độ tự nhiên	3.05	3.02		2.99		3.04	3.03
Khoảng cách chia		7.00	8.00	7.00	8.00		

Vết hữu cơ : 3.45 m2
Đào khuôn : 5.24 m2
Đắp bù cát K90 : 3.45 m2
Đắp nền K95 : 0.37 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 1
Km 0 + 1.27

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2



MSS: 0

Cao độ thiết kế		3.02	3.04	3.10	3.04	3.02	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	
Cao độ tự nhiên	3.03	3.01		2.98		2.98	2.97
Khoảng cách chia		7.50	7.50	7.50	7.50		

Vết hữu cơ : 3.90 m2
Đào khuôn : 3.59 m2
Đắp bù cát K90 : 3.90 m2
Đắp nền K95 : 1.77 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 2
Km 0 + 6.30

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: 0

Cao độ thiết kế		2.72	3.04	3.10	3.04	2.76	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	
Cao độ tự nhiên	2.71	2.74		2.73		3.03	3.23
Khoảng cách chia		8.00	7.00	5.00	5.00	5.00	

Vết hữu cơ : 6.72 m2
Đắp cấp : 0.74 m2
Đào khuôn : 0.52 m2
Đắp bù cát K90 : 7.46 m2
Đắp nền K95 : 17.98 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 3
Km 0 + 9.86

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

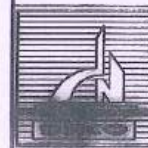
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo Văn bản số:/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ môn ký tên

MSS: -2

Cao độ thiết kế		2.72	3.04	3.11	3.04	2.76	
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	
Cao độ tự nhiên	0.84	0.60	0.38	0.52	0.65	2.75	3.40
Khoảng cách chia		4.80	5.00	2.20	3.00	2.94	5.00



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXĐ &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 07

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 SỐ : 17

KHBY : TNCCT07

Vết hữu cơ : 7.40 m2
Đánh cấp : 1.04 m2
Đắp bù cát K90 : 8.44 m2
Đắp nền K95 : 22.43 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 3A
Km 0 + 21.92

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế		0.46	3.17	3.06	3.11	3.05	3.17	3.21	
Khoảng cách lẻ thiết kế			4.00	0.00	3.20	3.20	0.00	4.00	
Cao độ tự nhiên	0.87	0.54	0.33	0.53	0.93	2.78	3.10	3.54	
Khoảng cách mìa		5.45	4.80	4.05	2.05	1.80	3.07	7.45	

Vết hữu cơ : 7.35 m2
Đánh cấp : 1.05 m2
Đắp bù cát K90 : 8.40 m2
Đắp nền K95 : 22.69 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 4
Km 0 + 22.80

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế		0.45	3.17	3.06	3.12	3.05	3.17	3.21	
Khoảng cách lẻ thiết kế			4.00	0.00	3.20	3.20	0.00	4.00	
Cao độ tự nhiên	0.87	0.55	0.32	0.51	0.58	2.76	3.10	3.55	
Khoảng cách mìa		5.50	5.15	4.35	2.20	1.93	3.30	7.57	

Vết hữu cơ : 7.24 m2
Đánh cấp : 1.10 m2
Đắp bù cát K90 : 8.34 m2
Đắp nền K95 : 24.35 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 5
Km 0 + 36.72

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế		0.43	3.18	3.08	3.12	3.06	3.18	3.24	
Khoảng cách lẻ thiết kế			4.00	0.00	3.20	3.20	0.00	4.00	
Cao độ tự nhiên	2.43	2.45	0.85	0.30	0.25	0.45	0.62	2.90	4.11
Khoảng cách mìa	0.63	2.00	6.42	1.55	4.40	2.30	2.89	2.36	5.70

Vết hữu cơ : 7.40 m2
Đánh cấp : 1.07 m2
Đắp bù cát K90 : 8.47 m2
Đắp nền K95 : 25.38 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 6
Km 0 + 51.37

Mặt đường bê tông: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2

MSS: -2

Cao độ thiết kế		0.45	3.19	3.07	3.13	3.07	3.19	3.25	
Khoảng cách lẻ thiết kế			4.00	0.00	3.20	3.20	0.00	4.00	
Cao độ tự nhiên	2.38	2.60	0.85	0.33	0.29	0.40	0.66	2.92	4.02
Khoảng cách mìa	0.41	2.00	3.10	5.22	0.90	3.37	2.93	2.80	1.96

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA
Theo văn bản số:
Ngày... tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên



**CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**

**CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY**

CÔNG TRÌNH:
**PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY**

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 07

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2025 SỐ : 2/7

KHBY : TNCT07

Vết hữu cơ : 7.40 m²
Đánh cấp : 1.01 m²
Đắp bù cát K90 : 8.41 m²
Đắp nền K95 : 23.19 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 7
Km 0 + 63.78

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế					9.28	3.20	3.08	3.14	3.08	3.20	3.26	
Khoảng cách lẻ thiết kế					4.00	0.90	3.20	3.20	0.90	4.00	0.22	
Cao độ tự nhiên	1.58	2.78	2.77	0.92	0.45	0.75	0.72	2.90	3.11	4.04		4.05
Khoảng cách mìa	1.93	2.00	2.14	5.05	3.88	2.90	2.72	2.20	0.00	7.18		

Vết hữu cơ : 7.40 m²
Đánh cấp : 1.23 m²
Đắp bù cát K90 : 8.63 m²
Đắp nền K95 : 19.59 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 7A
Km 0 + 64.79

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -2

1.47	1.47	1.58	0.52	0.74	3.72	0.45	1.14	2.86	0.00	2.14	0.43	2.00	1.62	0.94	0.43	5.89	0.61
1.53	2.44	2.77	1.40	0.91	0.85	0.51	1.07	1.28	1.27	0.88	2.89	3.04	3.89	3.76	3.74		
4.00	0.90	3.20	3.20	0.90	4.00	0.43											
9.28	3.20	3.08	3.14	3.08	3.20	3.26											

Vết hữu cơ : 5.26 m²
Đánh cấp : 0.77 m²
Đào khuôn : 2.31 m²
Đắp bù cát K90 : 6.03 m²
Đắp nền K95 : 9.90 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 8
Km 0 + 65.35

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²

MSS: -2

Cao độ thiết kế					9.28	3.20	3.08	3.14	3.08	3.20	3.26	2.90
Khoảng cách lẻ thiết kế					4.00	0.90	3.20	3.20	0.90	4.00	0.53	
Cao độ tự nhiên	1.51	1.50	2.77	2.76	0.90	0.66	2.82	2.85	2.85	2.95	2.81	
Khoảng cách mìa	0.76	1.50	1.90	1.97	2.82	6.05	5.20	5.20	4.60			

Vết hữu cơ : 5.63 m²
Đào khuôn : 1.66 m²
Đắp bù cát K90 : 5.63 m²
Đắp nền K95 : 6.84 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 9
Km 0 + 67.34

Mặt đường bề tổng: 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Giá cố mới taluy : 0.59 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm đầm spon : 0.29 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế					9.28	3.20	3.08	3.14	3.08	3.20	3.26	1.82
Khoảng cách lẻ thiết kế					4.00	0.90	3.20	3.20	0.90	4.00	2.15	
Cao độ tự nhiên	1.49	1.51	2.65	2.78	2.70	2.62	1.88	1.82	1.81			
Khoảng cách mìa	1.05	1.50	2.20	5.35	4.90	5.00	5.00	5.00				

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QIDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 07
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ: 1/200

...../2026
SỐ: 3/7
KHBY: TNCTT07

Vết hữu cơ : 8.59 m2
Đắp bù cát K90 : 8.59 m2
Đắp nền K95 : 11.80 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 10
Km 0 + 68.99

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Giá cốt thép taluy : 0.60 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm đầm spon : 0.29 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	3.26	3.20	3.08	3.15	3.08	3.26	1.80
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	0.80	3.20	3.20	0.80	4.00	2.19
Cao độ tự nhiên	1.50	1.49	2.48	2.20	1.81	1.80	1.81
Khoảng cách mìa	0.90	1.50	8.70	3.90	7.50	7.50	

Vết hữu cơ : 8.82 m2
Đắp bù cát K90 : 8.82 m2
Đắp nền K95 : 15.89 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 11
Km 0 + 71.38

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Giá cốt thép taluy : 0.74 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm đầm spon : 0.35 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.88	1.85	3.26	3.20	3.08	3.15	3.08	3.26	1.50
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	0.80	3.20	3.20	0.80	4.00	2.64	1.50	1.49
Cao độ tự nhiên	1.78	1.56	1.56	1.56	1.56	1.56	1.56	1.56	1.49
Khoảng cách mìa	8.00	7.00	5.50	5.00	4.50				

Theo văn bản số:

Ngày 5.50. tháng ... năm

Chữ tri bộ môn ký tên

Vết hữu cơ : 8.83 m2
Đắp bù cát K90 : 8.83 m2
Đắp nền K95 : 18.47 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 12
Km 0 + 72.40

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Giá cốt thép taluy : 0.75 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm đầm spon : 0.35 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.61	3.26	3.20	3.08	3.15	3.08	3.26	1.49
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	0.80	3.20	3.20	0.80	4.00	2.67	
Cao độ tự nhiên	1.76	1.69	1.58	1.56	1.55	1.49	1.47	
Khoảng cách mìa	3.40	5.90	5.70	4.00	5.00	6.00		

Vết hữu cơ : 8.84 m2
Đắp bù cát K90 : 8.84 m2
Đắp nền K95 : 19.39 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc N8
Km 0 + 75.65

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Giá cốt thép taluy : 0.75 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm đầm spon : 0.35 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.52	1.53	3.27	3.20	3.08	3.15	3.08	3.27	1.47
Khoảng cách lẻ thiết kế	4.00	0.80	3.20	3.20	0.80	4.00	2.69		
Cao độ tự nhiên	1.54	1.45	1.45	1.45	1.45	1.47	1.48		
Khoảng cách mìa	7.50	7.50	3.00	5.00	7.00				

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 07
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ 1/200

...../2025 SỐ : 4/7
KHBV : TNCT07

Vết hữu cơ : 8.83 m2
Đắp bù cát K90 : 8.83 m2
Đắp nền K95 : 19.10 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 13A
Km 0 + 87.22

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.75 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.35 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.54	3.27	3.27	3.16	3.08	3.27	1.50
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	2.66
Cao độ tự nhiên	1.52	1.52	1.54	1.54	1.55	1.49	1.50
Khoảng cách mio	0.98	6.96	0.98	6.09	6.96	0.65	6.09

Vết hữu cơ : 8.81 m2
Đắp bù cát K90 : 8.81 m2
Đắp nền K95 : 18.86 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 14
Km 0 + 103.53

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.73 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.34 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.54	3.29	3.29	3.17	3.11	3.29	1.54
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	2.62
Cao độ tự nhiên	1.54	1.55	1.56	1.56	1.54	1.54	1.55
Khoảng cách mio		7.50	7.50	8.00	7.00		

Vết hữu cơ : 8.83 m2
Đắp bù cát K90 : 8.83 m2
Đắp nền K95 : 19.02 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 13
Km 0 + 88.95

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.74 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.35 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.52	3.28	3.28	3.16	3.10	3.28	1.50
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	2.66
Cao độ tự nhiên	1.52	1.54	1.55	1.55	1.50	1.50	1.51
Khoảng cách mio	8.00	7.00	8.00	7.00			

Vết hữu cơ : 8.80 m2
Đắp bù cát K90 : 8.80 m2
Đắp nền K95 : 18.70 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 15
Km 0 + 117.86

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.73 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm sụn : 0.34 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

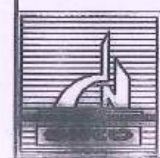
MSS: -1

Cao độ thiết kế	1.56	3.30	3.30	3.18	3.12	3.30	1.56
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	2.60
Cao độ tự nhiên	1.54	1.56	1.58	1.58	1.57	1.56	1.58
Khoảng cách mio	7.00	8.00	6.00	5.00	4.00		



THẨM TRA
Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QIDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 07
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2026 SỐ : 5/7
KHBV : TNC107

Vết hữu cơ : 8.81 m2
Đắp bù cát K90 : 8.81 m2
Đắp nền K95 : 18.93 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 16
Km 0 + 131.43

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.73 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm spon : 0.35 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.55	3.25	3.19	3.13	3.31	1.56
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	2.62
Cao độ tự nhiên	1.57	1.55	1.56	1.59	1.55	1.58	
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	7.00	8.00		

Vết hữu cơ : 8.74 m2
Đắp bù cát K90 : 8.74 m2
Đắp nền K95 : 18.25 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 17
Km 0 + 142.58

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.69 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm spon : 0.33 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.58	3.25	3.20	3.13	3.31	1.66
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	2.49
Cao độ tự nhiên	1.59	1.58	1.62	1.62	1.64	1.70	
Khoảng cách mìa	8.00	7.00	3.00	5.00	7.00		

Vết hữu cơ : 8.80 m2
Đắp bù cát K90 : 8.80 m2
Đắp nền K95 : 18.86 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 16A
Km 0 + 132.61

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.73 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm spon : 0.34 m2
Đào móng chân khay : 1.16 m2
Đắp trả hố móng : 0.73 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.56	3.25	3.19	3.13	3.31	1.57
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	2.60
Cao độ tự nhiên	1.57	1.56	1.57	1.59	1.56	1.59	
Khoảng cách mìa	4.47	4.47	0.74	4.47	6.26	7.16	0.74

Vết hữu cơ : 8.23 m2
Đắp bù cát K90 : 8.23 m2
Đắp nền K95 : 11.41 m2
Đắp đất K98 : 3.50 m2

Cọc 18
Km 0 + 143.67

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m2
Gia cố mái taluy : 0.39 m2
Chân khay : 0.50 m2
Đệm dầm spon : 0.21 m2
Đào móng chân khay : 0.87 m2
Đắp trả hố móng : 0.46 m2

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.65	3.25	3.20	3.13	3.31	2.34
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	1.46
Cao độ tự nhiên	1.58	1.62	1.68	2.08	2.34	2.34	1.75
Khoảng cách mìa	5.00	5.00	5.00	6.92	2.16	5.42	



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/SXD - HTKT
Ngày tháng năm 202.....
Ký tên:



CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐỒNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QIDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TRẮC NGANG CHI TIẾT TRỤC 07
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2026 SỐ : 6/7
KHBV : TNCTT07

Vết hữu cơ : 8.38 m²
Đắp bù cát K90 : 8.38 m²
Đắp nền K95 : 11.60 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 19
Km 0 + 144.06

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.65 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.31 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.98	3.26	3.20	3.14	3.32	1.75
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	2.35
Cao độ tự nhiên	1.61	1.62	2.05	2.34	2.34	1.75	1.75
Khoảng cách mia		4.35	4.00	6.65	2.05	6.00	6.85

Vết hữu cơ : 7.98 m²
Đào khuôn : 0.02 m²
Đắp bù cát K90 : 7.98 m²
Đắp nền K95 : 10.18 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc N7
Km 0 + 145.15

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.46 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.24 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.52	3.26	3.20	3.14	3.32	2.18
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	1.71
Cao độ tự nhiên	1.34	1.34	2.34	2.34	2.18	2.17	2.18
Khoảng cách mia		5.20	5.00	2.03	2.75	5.00	5.00

Vết hữu cơ : 8.09 m²
Đắp bù cát K90 : 8.09 m²
Đắp nền K95 : 11.93 m²
Đắp đất K98 : 3.50 m²

Cọc 23
Km 0 + 144.87

Mặt đường bê tông : 6.40 m
CPDD loại 2 : 1.05 m²
Gia cố mái taluy : 0.47 m²
Chân khay : 0.50 m²
Đệm dầm sụn : 0.24 m²
Đào móng chân khay : 1.16 m²
Đắp trả hố móng : 0.73 m²

MSS: -1

Cao độ thiết kế		1.72	3.26	3.20	3.14	3.32	2.15
Khoảng cách lẻ thiết kế		4.00	0.00	3.20	3.20	4.00	1.75
Cao độ tự nhiên	1.75	1.75	2.34	2.34	2.15	2.12	2.12
Khoảng cách mia		7.90	7.00	2.05	6.50	6.35	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



**CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**

**CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐTXD &
PTQD LỆ THỦY**

**CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI
XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY**

TRẦN NGANG CHI TIẾT TRỤC 07

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TỶ LỆ : 1/200

...../2028

SỐ : 7/7

KHBY : TNCIT07

BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN MẶT ĐƯỜNG

Đoạn: Trục 7



STT	Tên cọc	K.c lẻ	Diện tích													Khối lượng												
			Vết hữu cơ	Đánh cấp	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dăm sạn	Đào móng chân khay	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông	Vết hữu cơ	Đánh cấp	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dăm sạn	Đào móng chân khay	Đắp trả hố móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
			m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m2	m	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m3	m2
1	N9		3,05	0	5,37	3,05	0,14	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		1,27																										
2	1		3,45	0	5,24	3,45	0,37	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		5,03																										
3	2		3,9	0	3,59	3,9	1,77	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		3,56																										
4	3		6,72	0,74	0,52	7,46	17,98	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		12,06																										
5	3A		7,4	1,04	0	8,44	22,43	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		0,88														6,49	0,92	0	7,41	19,85	3,08	0	0	0	0	0	0,92	5,63
6	4		7,35	1,05	0	8,4	22,69	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		13,92														101,55	14,96	0	116,51	327,4	48,72	0	0	0	0	0	14,62	89,09
7	5		7,24	1,1	0	8,34	24,35	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		14,65														107,24	15,9	0	123,13	364,27	51,27	0	0	0	0	0	15,38	93,76
8	6		7,4	1,07	0	8,47	25,38	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		12,41														91,83	12,91	0	104,74	301,38	43,44	0	0	0	0	0	13,03	79,42
9	7		7,4	1,01	0	8,41	23,19	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		0,41														3,03	0,46	0	3,49	8,77	1,43	0	0	0	0	0	0,43	2,62
10	7A		7,4	1,23	0	8,63	19,59	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		1,16																										
11	8		5,26	0,77	2,31	6,03	9,9	3,5	0	0	0	0	0	1,05	6,4													
		1,99																										
12	9		5,63	0	1,66	5,63	6,84	3,5	0,59	0,5	0,29	1,16	0,73	1,05	6,4													
		1,65																										
13	10		8,59	0	0	8,59	11,8	3,5	0,6	0,5	0,29	1,16	0,73	1,05	6,4													
		2,39																										
14	11		8,82	0	0	8,82	15,89	3,5	0,74	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4													
		1,02																										
15	12		8,83	0	0	8,83	18,47	3,5	0,75	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4													
		3,25																										
16	N8		8,84	0	0	8,84	19,39	3,5	0,75	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4													
		11,57																										
17	13A		8,83	0	0	8,83	19,1	3,5	0,75	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4													
		1,73														15,28	0	0	15,28	32,97	6,05	1,29	0,86	0,61	2,01	1,26	1,82	11,07
18	13		8,83	0	0	8,83	19,02	3,5	0,74	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4													
		14,58														128,6	0	0	128,6	276,15	51,03	10,72	7,29	5,03	16,91	10,64	15,31	93,31
19	14		8,81	0	0	8,81	18,86	3,5	0,73	0,5	0,34	1,16	0,73	1,05	6,4													
		14,33														126,18	0	0	126,18	269,12	50,16	10,46	7,17	4,87	16,62	10,46	15,05	91,71
20	15		8,8	0	0	8,8	18,7	3,5	0,73	0,5	0,34	1,16	0,73	1,05	6,4													
		13,57														119,48	0	0	119,48	255,32	47,5	9,91	6,79	4,68	15,74	9,91	14,25	86,85
21	16		8,81	0	0	8,81	18,93	3,5	0,73	0,5	0,35	1,16	0,73	1,05	6,4													
		1,18														10,39	0	0	10,39	22,3	4,13	0,86	0,59	0,41	1,37	0,86	1,24	7,55
22	16A		8,8	0	0	8,8	18,86	3,5	0,73	0,5	0,34	1,16	0,73	1,05	6,4													
		9,97																										
23	17		8,74	0	0	8,74	18,25	3,5	0,69	0,5	0,33	1,16	0,73	1,05	6,4													
		1,09																										
24	18		8,23	0	0	8,23	11,41	3,5	0,39	0,5	0,21	0,87	0,46	1,05	6,4													
		0,39																										
25	19		8,38	0	0	8,38	11,6	3,5	0,65	0,5	0,31	1,16	0,73	1,05	6,4													
		0,81																										
26	23		8,09	0	0	8,09	11,93	3,5	0,47	0,5	0,24	1,16	0,73	1,05	6,4													
		0,28																										
27	N7		7,98	0	0,02	7,98	10,18	3,5	0,46	0,5	0,24	1,16	0,73	1,05	6,4													
																710,07	46,16	0	755,21	1877,5	306,81	33,24	22,7	15,6	52,85	33,13	92,05	561,01

PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 9

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN QUANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/SXD - HTKT

Ngày tháng năm

Chủ trì: Môn kỹ thuật:

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/SXD - HTKT

Ngày tháng năm 202.....

Ký tên

PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 8

PHẠM VI KHỐI LƯỢNG NÚT GIAO 7

TỔNG CỘNG

Vết hữu cơ	Đánh cấp	Đào khuôn	Đắp cát K90	Đắp nền K95	Đắp đất K98	Gia cố mái taluy	Chân khay	Đệm dăm sạn	Đào móng chân khay	Đắp trả hồ móng	Cấp phối đá dăm loại 2	Mặt đường bê tông
710,07	45,15	0,00	755,21	1877,53	306,81	33,24	22,70	15,60	52,65	33,13	92,05	561,01



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên



HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC MẶT

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHÍNH THOÁT NƯỚC MƯA CÔNG TRÌNH

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	CỐNG BTLT D400 - LOẠI C (H=30TẤN, DÀY 5CM)	M	216
2	CỐNG BTLT D600 - LOẠI C (H=30TẤN, DÀY 5CM)	M	122
3	CỐNG BTLT D600 - LOẠI TC (H=13TẤN, DÀY 5CM)	M	558
4	CỐNG BTLT D800 - LOẠI C (H=30TẤN, DÀY 8CM)	M	27
5	CỐNG BTLT D800 - LOẠI TC (H=13TẤN, DÀY 8CM)	M	111
6	CỐNG BTLT D1000 - LOẠI C (H=30 TẤN, DÀY 10CM)	M	47
7	CỐNG BTLT D1000 - LOẠI TC (H=13 TẤN, DÀY 10CM)	M	189
8	CỐNG BTLT D1200 - LOẠI C (H=30 TẤN, DÀY 10CM)	M	48
9	CỐNG BTLT D1200 - LOẠI TC (H=13 TẤN, DÀY 10CM)	M	241
10	HỐ GA G1, G2 (A,B,C,D,E,F), G3,G4, G5A : KT (800X800)	CÁI	21;17;15;01;01
11	HỐ GA G2H, G5B, G6: KT (800X1200)	CÁI	02;01;02
12	HỐ GA G7: KT (1200X1400)	CÁI	01
13	HỐ GA G8 KT (800X1400)	CÁI	07
14	HỐ GA G9 KT (1600X1600)	CÁI	02
15	HỐ GA G10; G12: KT (300X1900)	CÁI	02;03
16	HỐ GA G11 KT (800X1600)	CÁI	04
17	CỬA XẢ D600	CÁI	02
18	CỬA XẢ D1500	CÁI	01

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG

THẨM TRA

Theo văn bản số:

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH

PHÁT HIỆN QUÝ BẮT ĐẦU GIÁ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LÊ THUY, HUYỆN LÊ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LÊ THUY - T. QUẢNG TRỊ

HANG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



Địa chỉ : Đ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - NAM LÝ
PHƯỜNG ĐÔNG HỒI - TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐT: 04 - 0326.270678 - Fax: 04 - 0326.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HUỠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

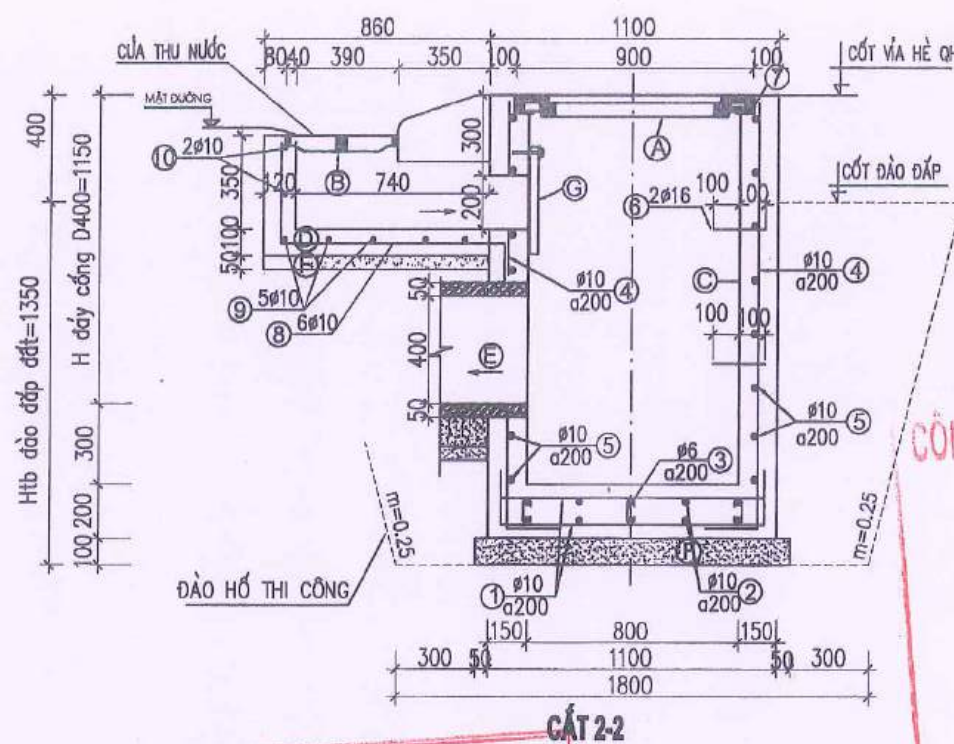
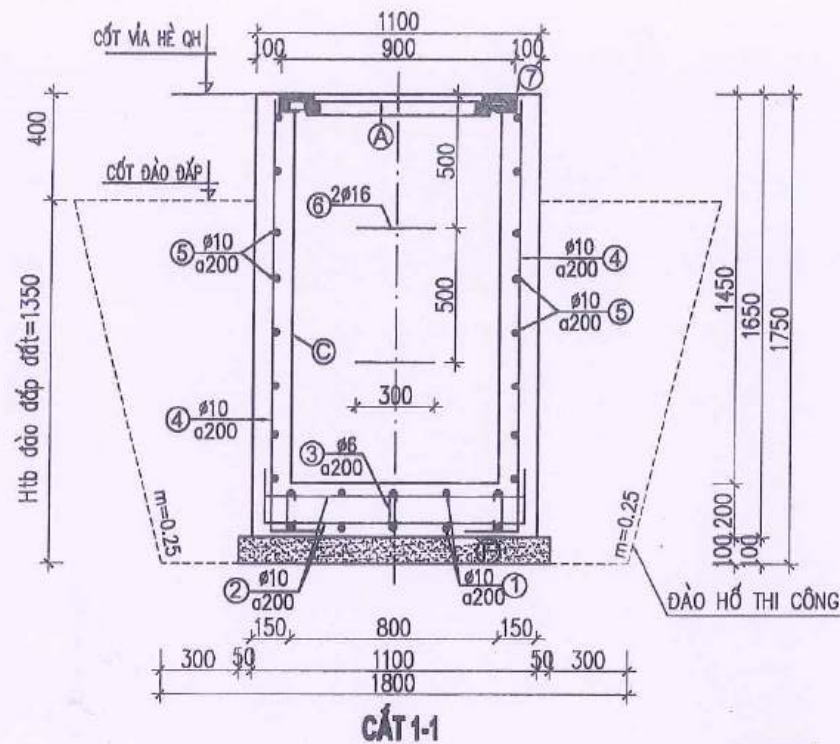
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC MƯA

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CTNM - 01

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

Thảo luận bản số:
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ
QUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Nam Lý
Phường Đồng Hới - Tỉnh Quảng Trị
ĐT: 04 - 0886.270678 - Fax: 04 - 0825.270678
Email: dongnamq@gmail.com

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
K.S. BUI MINH PHÚC

GHI CHÚ:

- A) Nắp hố ga bằng composite, tải trọng B=12,5 tấn. (KHUNG DƯỠNG VUÔNG (900X900X60)MM, NẮP TRÒN Ø650MM.)
 - B) LƯỚI CHẮN RÁC BẰNG GANG MUA SẴN, B25 TẤN
 - C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
 - D) BTCT M250 ĐÁ 1X2
 - E) ỚNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
 - F) BT LỚT M100, ĐÁ 1X2
 - G) TẦM CAO SU NGĂN MÙI KT(600X400X2,5)mm
- LIÊN KẾT VÍT NỖ D10, L=60 (2 CÁI/1 TẦM)
- * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; R_s=R_{se} =2300 KG/CM²
- * CỐT THÉP ≥ D10 DÙNG THÉP CB300-V; R_s=R_{se} =2800 KG/CM²

*) GHI CHÚ KÍCH THƯỚC: TẤT CẢ CÁC ĐƯỜNG KÍCH THƯỚC NGANG, DỌC CỦA CÁC HÌNH VẼ TRONG CÁC BẢN VẼ KHÔNG CÓ ĐƠN VỊ ĐI KÈM ĐƯỢC THỂ HIỆN BẰNG MILIMÉT (MM) CHO TẤT CẢ CÁC BẢN VẼ CHI TIẾT NƯỚC MƯA.

THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G1 (21 HỐ)

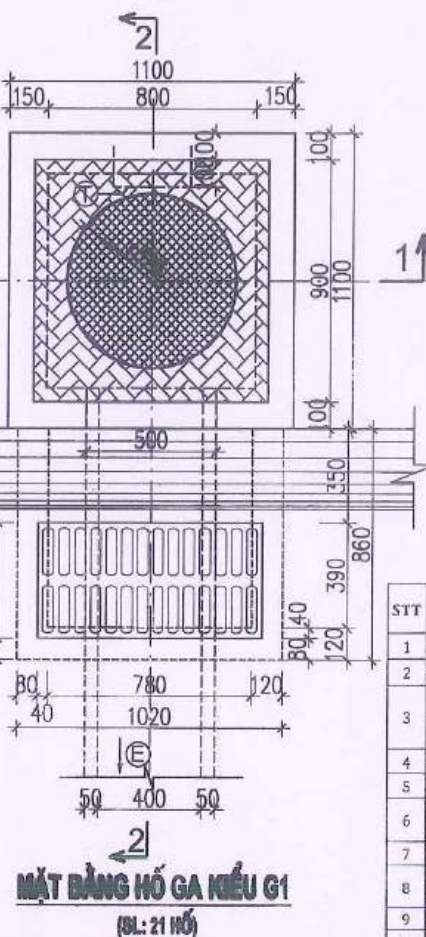
STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỆN GIẢI	KIỂM TRẠ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào đất cấp 3 K95	m ³	1.35/6*(1.8*2+2.475*2+4.275*2)	6.219	130.60
2	Khối lượng đắp	m ³	6.219*(1.2*1.2*0.1+1.1*1.1*1.25)	4.56	95.81
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m ³	1.1*1.1*0.2+(1.1+0.8)*2*0.15*1.45-3.14*0.5*2/4*0.15-0.5*0.2*0.15	1.02	21.51
4	Bê tông cửa thu nước, đá 1x2, M250	m ³	1.02*0.86*0.1+1.02*0.35*0.12+0.74*0.35*0.12*2	0.19	4.05
5	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m ³	1.2*1.2*0.1+1.02*0.86*0.05	0.19	3.95
6	Ván khuôn hố ga	m ²	1.1*1.65*4+0.8*1.45*4+3.14*0.5*0.15*(0.5+0.2)*2*0.15	12.35	259.26
7	Ván khuôn bê tông lót	m ²	1.2*0.1*4+(1.02+0.86)*0.05*2	0.67	14.03
8	Ván khuôn cửa thu nước	m ²	(1.02+0.86)*0.1*2+(1.02+0.78)*0.35*(0.86+0.74)*0.35*2	2.13	44.65
9	Cốt thép D6	kg	1.4	1.40	29.40
10	Cốt thép D10	kg	80.1	80.1	1682.10
11	Cốt thép D16	kg	2.84	2.84	59.64
12	Thép L70x70x7	kg	26.6	26.60	558.60
13	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 12,5 tấn	bộ	1	1	21.00
14	Lưới chắn rác bằng gang mua sẵn, kt (860x430)mm, tải trọng 25 tấn	bộ	1	1	21.00
15	Tấm cao su ngăn mùi, kt (600x400x2,5), liên kết vít nỡ D10, L=60 (2 cái/1tấm)	bộ	1	1	21.00

BẢNG THỐNG KÊ THÉP 01 HỐ

SỐ T.T	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI M
1	200 1000 200	10	1400	10	14.0
2	200 1000 200	10	1400	10	14.0
3	50 150 50	6	250	25	6.3
4	200 1600	10	1800	22	39.6
5	200 950 200	10	1350	31	41.9
6	200 300 200 100	16	900	2	1.8
7	L70x70x7		3600	1	3.6
8	200 830 380	10	1410	6	8.46
9	380 930 380	10	1690	5	8.45
10	380 930 380	10	1690	2	3.38

TỔNG HỢP THÉP (01 HỐ)

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	6.3	1.4
2	10	129.8	80.1
3	16	1.8	2.84
4	L70X70X7	3.6	26.6



Kiểu TH	SL
D400	21

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

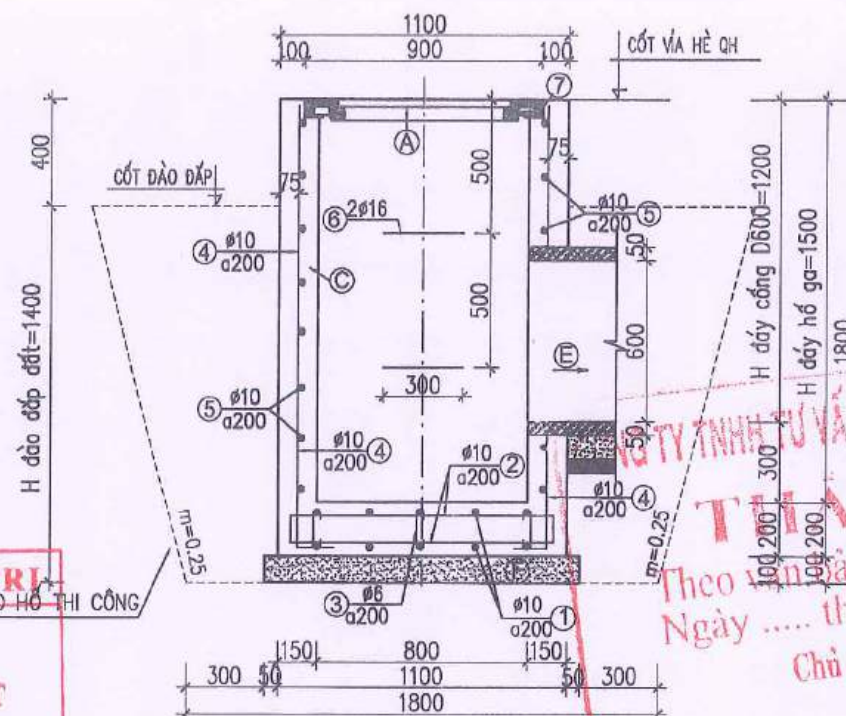
KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT HỐ GA G1

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CTNM - 02

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

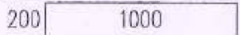
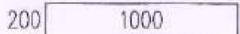
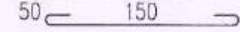
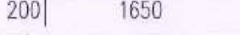
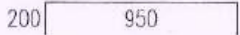
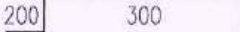
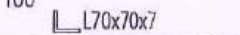
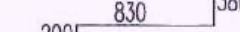
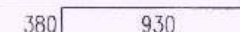
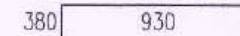


Kiểu Thu	SL
	03

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TR
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

(A) NẮP HỖ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG $B=12,5\text{TẤN}$.
 (KHUNG DƯỚI VUÔNG $(900 \times 900 \times 60)\text{MM}$, NẮP TRÒN $\varnothing 650\text{MM}$)
 (B) LƯỚI CHẮN RÁC BẰNG GANG MUA SẴN, B25 TẤN
 (C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
 (D) BTCT M250 ĐÁ 1X2
 (E) ỐNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
 (F) BT LỚT M100, ĐÁ 1X2
 (G) TẤM CAO SU NGĂN MÙI KT $(600 \times 400 \times 2,5)\text{mm}$
 LIÊN KẾT VÍT NỖ D10, L=60 (2CÁI/1TẤM)
 * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
 * CỐT THÉP $< \text{D}10$ DÙNG THÉP CB240-T; $R_s=R_{se} = 2300 \text{ KG/CM}^2$
 * CỐT THÉP $\geq \text{D}10$ DÙNG THÉP CB300-V; $R_s=R_{se} = 2800 \text{ KG/CM}^2$
 * KHI THI CÔNG CÁC HỖ GA CẦN KẾT HỢP XEM H. ĐÁY CỐNG VÀ
 H. ĐÁY HỖ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC ĐỒ.

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KHUỖNG TRỌNG	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m3	$1,4/6' (1,8 \times 2,5 \times 2 + 4,3 \times 2)$	6.529	19.59
2	Khối lượng đắp	m3	$6.529 - (1,2 \times 1,2 \times 0,1 + 1,1 \times 1,1 \times 1,3)$ $1,1 \times 1,1 \times 0,2 + (1,1 \times 0,8) \times 2 \times 0,15 \times 1,5 -$ $3,14 \times 0,5^2 / 4 \times 0,15 - 3,14 \times 0,7^2 / 4 \times 0,15 -$ $0,5 \times 0,2 \times 0,15$	4.81	14.44
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3		0.99	2.98
4	Bê tông cửa thu nước, đá 1x2, M250	m3	$1,02 \times 0,86 \times 0,1 + 1,02 \times 0,35 \times 0,12 + 0,74 \times 0,35 \times 0,12 \times 2$	0.19	0.58
5	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m3	$1,2 \times 1,2 \times 0,1 + 1,02 \times 0,86 \times 0,05$	0.19	0.56
6	Ván khuôn hố ga	m2	$1,1 \times 1,7 \times 4 + 0,8 \times 1,5 \times 4 + 3,14 \times 0,5 \times 1,5 + 3,14 \times 0,7 \times 0,15$ $+ (0,5 + 0,2) \times 2 \times 0,15$	13.06	39.17
7	Ván khuôn bê tông lót	m2	$1,2 \times 0,1 \times 4 + (1,02 + 0,86) \times 0,05 \times 2$	0.67	2.00
8	Ván khuôn cửa thu nước	m2	$(1,02 + 0,86) \times 0,1 \times 2 + (1,02 + 0,78) \times 0,35 + (0,86 + 0,74) \times 0,35 \times 2$	2.13	6.38
9	Cốt thép D10	kg	1.4	1.40	4.20
10	Cốt thép D10	kg	79.65	79.65	238.95
11	Cốt thép D16	kg	2.84	2.84	8.52
12	Thép L70x70x7		26.6	26.60	79.80
13	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 12,5 tấn	bộ	1	1	3.00
14	Lưới chắn rác bằng gang mua sẵn, kt (860x430)mm, tải trọng 25 tấn;	bộ	1	1	3.00
15	Tấm cao su ngăn mùi, kt (600x400x2,5), liên kết vít nở D10, L=60 (2 cái/1tấm).	bộ	1	1	3.00

SỐ t.t	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI M
1		10	1400	10	14.0
2		10	1400	10	14.0
3		6	250	25	6.3
4		10	1850	21	38.9
5		10	1350	31	41.9
6		16	900	2	1.8
7			3600	1	3.6
8		10	1410	6	8.46
9		10	1690	5	8.45
10		10	1690	2	3.38

SỐ TT	Ø (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG K. LƯƠN (kg)
1	6	6.3	1.4
2	10	129.1	79.65
3	16	1.8	2.84
4	L 170X70X7	3.6	26.6

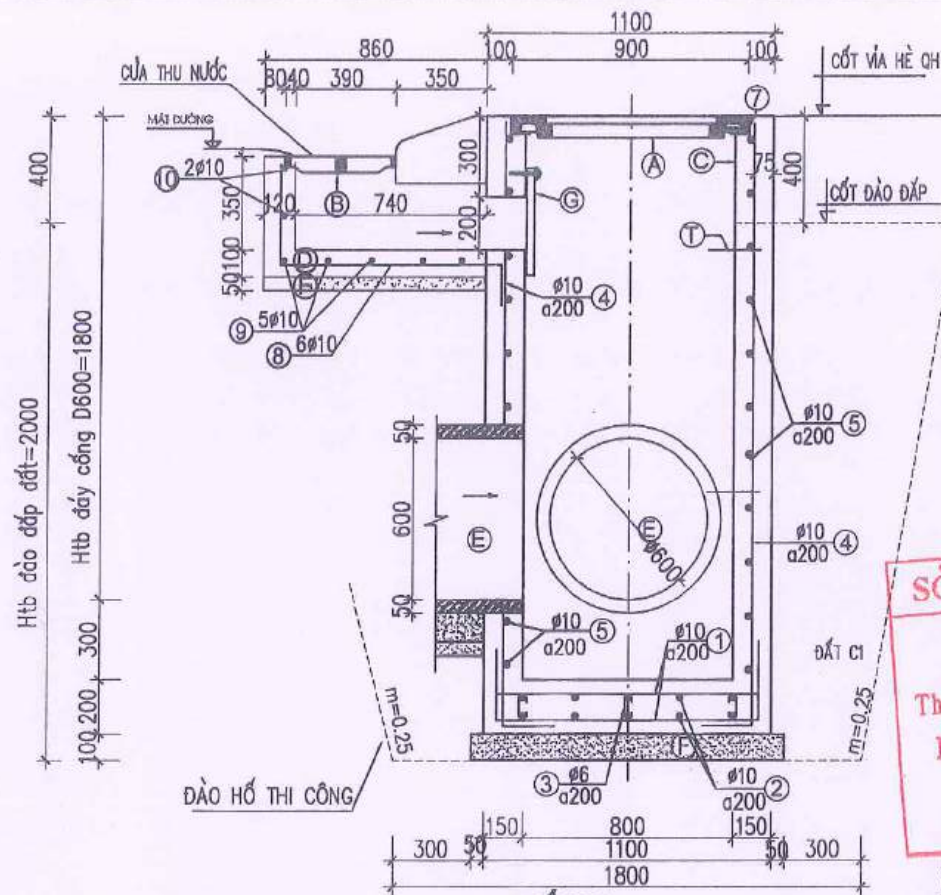


GIAM ĐOC

CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM

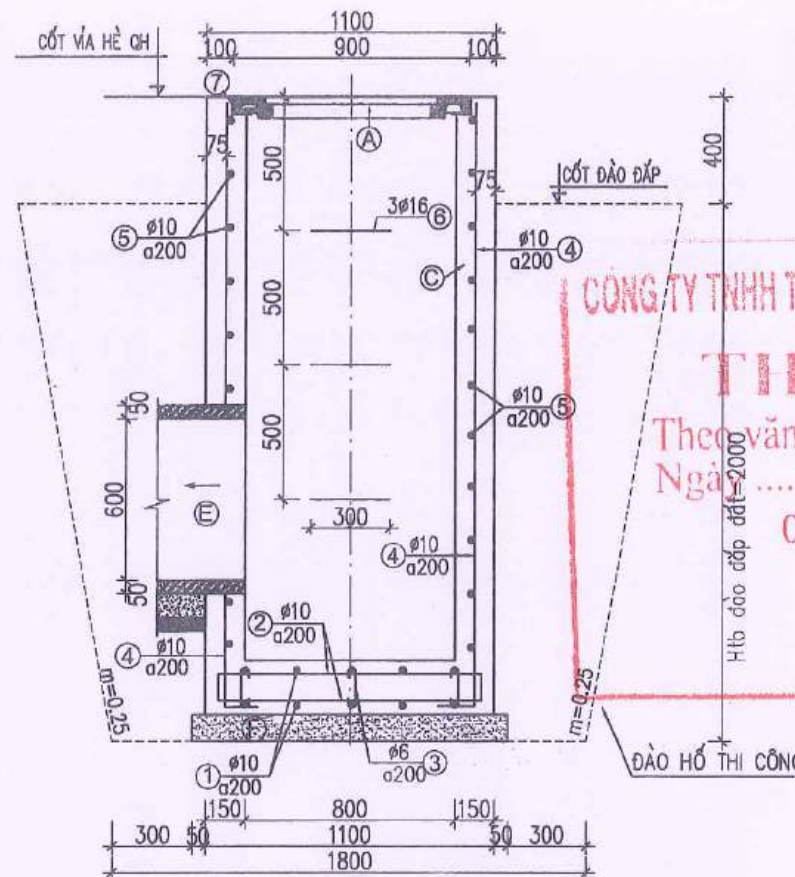
HỘI T. QUẢNG BÌNH

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



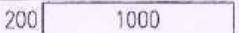
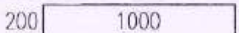
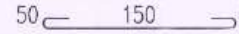
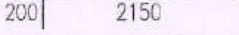
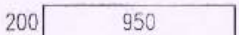
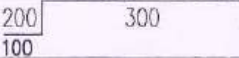
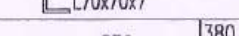
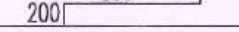
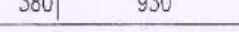
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo bản số...../SXĐ - HTKT,
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

- GHI CHÚ:**
- A) NẮP HỖ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG B=12,5TẤN. (KHUNG DƯỠNG VUÔNG (900X900X60)MM, NẮP TRÒN Ø650MM.)
 - B) LƯỚI CHẮN RÁC BẰNG GANG MUA SẴN, B25 TẤN
 - C) BTCT M200 DÁ 1X2
 - D) BTCT M250 DÁ 1X2
 - E) ỚNG CỐNG BTCT ĐỨC SẴN
 - F) BT LỚT M100, DÁ 1X2
 - G) TẤM CAO SU NGĂN MÙI KT(600X400X2.5)mm LIÊN KẾT VÍT NỐ D10, L=60 (2CÁI/1TẤM)



CẮT 2-2

BẢNG THỐNG KÊ THÉP 01 HỖ

SỐ t.t	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI M
1		10	1400	10	14.0
2		10	1400	10	14.0
3		6	250	25	6.3
4		10	2350	21	49.3
5		10	1350	38	51.3
6		16	900	3	2.7
7			3600	1	3.6
8		10	1410	6	8.46
9		10	1690	5	8.45
10		10	1690	2	3.38

TỔNG HỢP THÉP 01 HỖ

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	6.3	1.4
2	10	148.9	91.8
3	16	2.7	4.26
4	L70X70X7	3.6	26.6

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐHXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH
 PHÁT TRIỂN QUY MÔ HỆ DẦU CHÁO
 QUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
 TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY
 ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TR

HẠNG MỤC
 Theo văn bản số...../.....
 Ngày.....tháng.....năm.....
 Chủ trì bộ môn kỹ tên.....

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

GIÁM ĐỐC
 KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM
 KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:
 KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

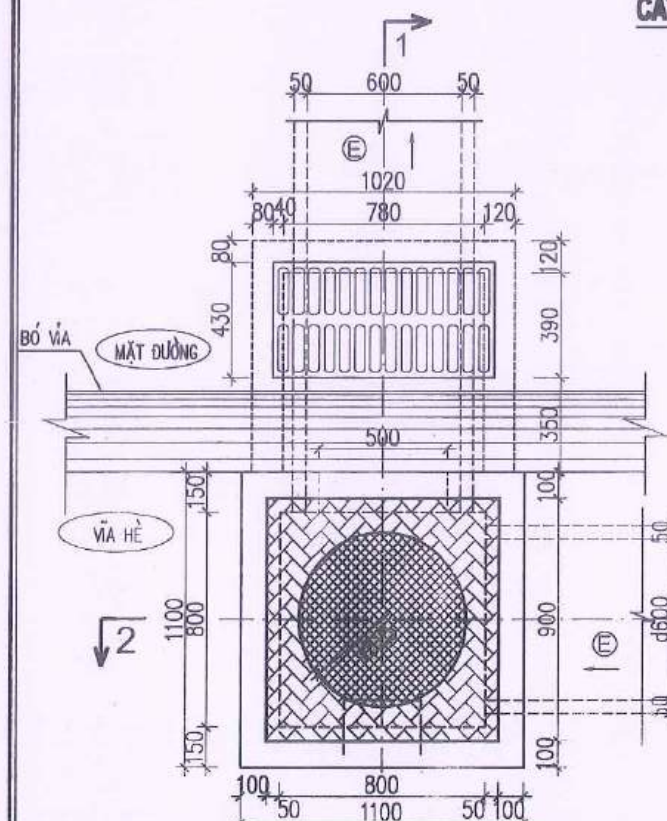
KIỂM:
 KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ
 CHI TIẾT HỖ GA G2B, G2C, G2D, G2E, G2F

KÝ HIỆU BẢN VẼ:
 CTNM - 04

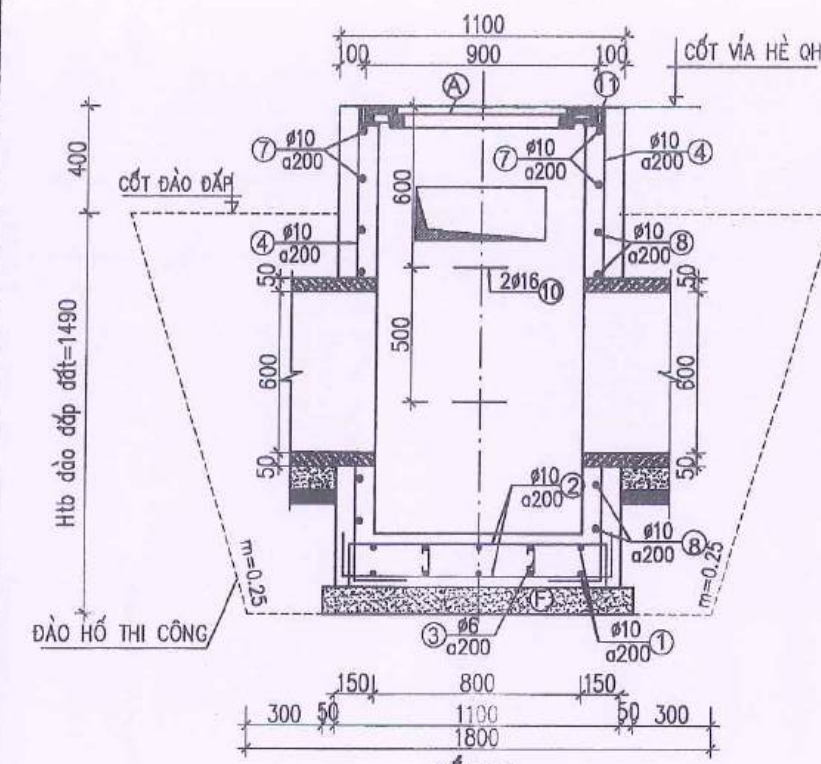
GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

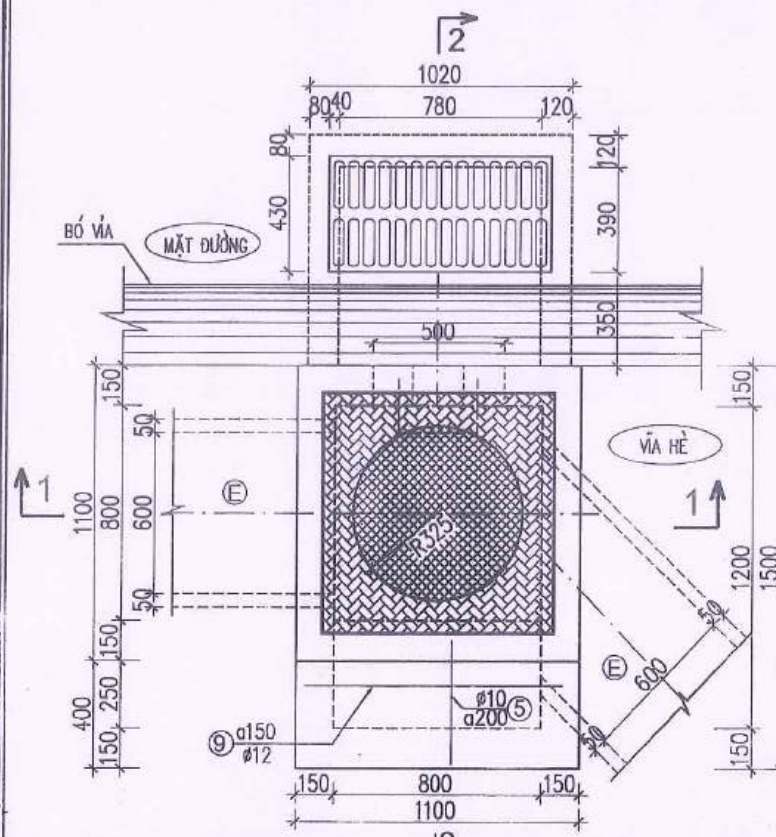


MẶT BẰNG HỖ GA G2B ĐIỂN HÌNH

TÊN	Kiểu THU	SL	TÊN	Kiểu THU	SL	TÊN	Kiểu THU	SL	TÊN	Kiểu THU	SL	TÊN	Kiểu THU	SL
G2B		02	G2C		09	G2D		01	G2E		01	G2F		01



CẮT 1-1



MẶT BẰNG HỐ GA KIỂU G2H ĐIỂN HÌNH

TÊN HG	Kiểu THU	SL
G2H		02

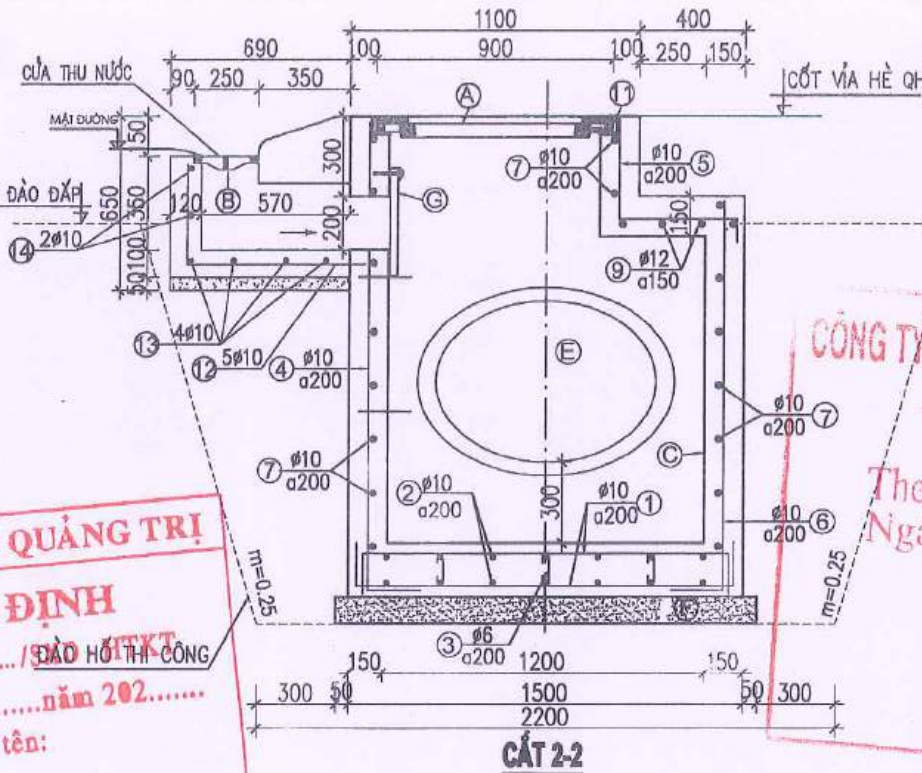
Htb chân cống=1290
H đáy ga tb=1590

GHI CHÚ:

- Ⓐ NẾP HỐ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG B=12,5TẤN.
(KHUNG DƯỚI VUÔNG (900X900X60)MM, NẾP TRÒN Ø650MM.)
- Ⓑ LƯỚI CHẮN RÁC BẰNG GANG MUA SẴN, B25 TẤN
- Ⓒ BTCT M200 ĐÁ 1X2
- Ⓓ BTCT M250 ĐÁ 1X2
- Ⓔ ỚNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
- Ⓕ BT LỚT M100, ĐÁ 1X2
- Ⓖ TẦM CAO SU NGĂN MÙI KT(600X400X2.5)mm
LIÊN KẾT VÍT NỖ D10, L=60 (2CÁI/1TẦM)
- * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; Rs=Rse =2300 KG/CM2
- * CỐT THÉP ≥ D10 DÙNG THÉP CB300-V; Rs=Rse =2800 KG/CM2
- * KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM H ĐÁY CỐNG VÀ H ĐÁY HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC ĐỌC.

THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G2H (2 HỐ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KIẾNG TB 01 HỐ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m ³	1.49/6*(1.8*2.2+2.55*2.95+3.35*5.15)	7.136	14.27
2	Khối lượng đắp	m ³	7.136-(1.6*1.2*0.1+1.1*1.5*1.39)	4.651	9.30
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m ³	1.1*1.5*0.2+(1.1+1.2)*2*0.15*1.29+(1.1+0.8)*2*0.15*0.3+0.4*0.8*0.15*2*3.14*0.7*2/4*0.15-0.5*0.2*0.15	1.31	2.62
4	Bê tông cửa thu nước, đá 1x2, M250	m ³	1.02*0.86*0.1+1.02*0.35*0.12+0.74*0.35*0.12*2	0.193	0.39
5	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m ³	1.2*1.6*0.1+1.02*0.86*0.05	0.24	0.47
6	Ván khuôn hố ga	m ²	(1.1+1.5)*2*1.49+(0.8+1.2)*2*1.14+(1.1+0.8)*4*0.3+0.8*0.4+2*3.14*0.7*0.15+(0.5+0.2)*2*0.15	15.78	31.55
7	Ván khuôn bê tông lót	m ²	(1.2+1.6)*2*0.1+(1.02+0.86)*0.05*2	0.75	1.50
8	Ván khuôn cửa thu nước	m ²	(1.02+0.86)*0.1*2+(1.02+0.78)*0.35+(0.86+0.74)*0.35*2	2.13	4.25
9	Cốt thép D6	kg	3.8	3.80	7.60
10	Cốt thép D10	kg	95	95	190.00
11	Cốt thép D12	kg	3.56	3.56	7.12
12	Cốt thép D16	kg	2.84	2.84	5.68
13	Thép L70x70x7	kg	26.6	26.60	53.20
14	Hố nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, tải trọng 12 tấn	bộ	1	1	2.00
15	Lưới chắn rác bằng gang mua sẵn, kt (960x430)mm, tải trọng 25 tấn	bộ	1	1	2.00
16	Tấm cao su ngăn mùi, kt (600x400x2.5), liên kết vít nỡ D10, L=60 (2 cái/1tầm)	bộ	1	1	2.00



CẮT 2-2

BẢNG THỐNG KÊ THÉP TRUNG BÌNH 01 HỐ

SỐ TT	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (M)
1	200 1400 200	10	1800	10	18.0
2	200 950 200	10	1350	14	18.9
3	50 150 50	6	250	68	17.0
4	200 1850	10	2050	15	30.8
5	400 450 200	10	1050	06	6.3
6	200 1700	10	1900	08	15.2
7	200 950 200	10	1350	23	31.05
8	200 1350 200	10	1750	10	17.5
9	1000	12	1000	04	4.0
10	200 300 200	16	900	2	1.8
11	L70X70X7		3600	1	3.6
12	200 690 370	10	1260	5	6.3
13	340 710 340	10	1390	4	5.6
14	600 710 600	10	1910	2	3.8

TỔNG HỢP THÉP TB 01 HỐ

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	17.0	3.80
2	10	153.45	95.0
3	12	4.0	3.56
4	16	1.8	2.84
5	L70x70x7	3.6	26.6

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐÔ THỊ VÀ PHẠM LỆ THUY

CÔNG TRÌNH

PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

THẨM TRA
Theo văn bản số:
Ngày tháng năm

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - NAM LÝ
PHƯỜNG ĐÔNG HỚI - TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐT: 04 - 0826.278678 - Fax: 04 - 0826.278678
Email: dongnamcb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

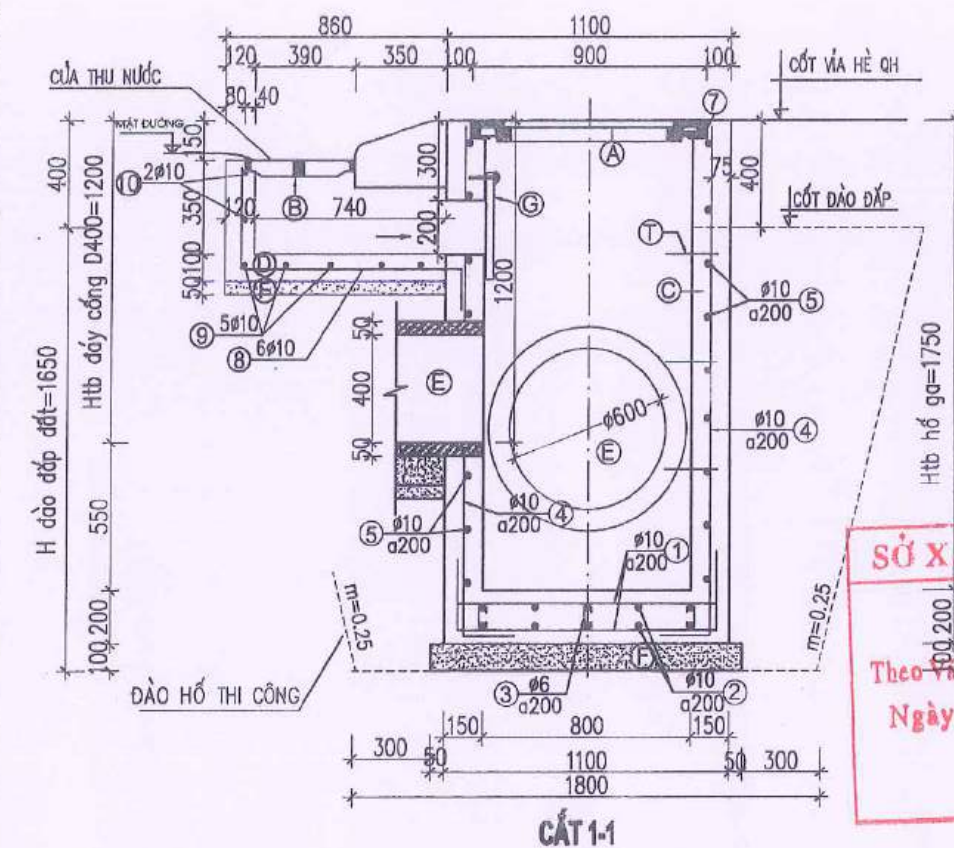
CHI TIẾT HỐ GA G2H

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

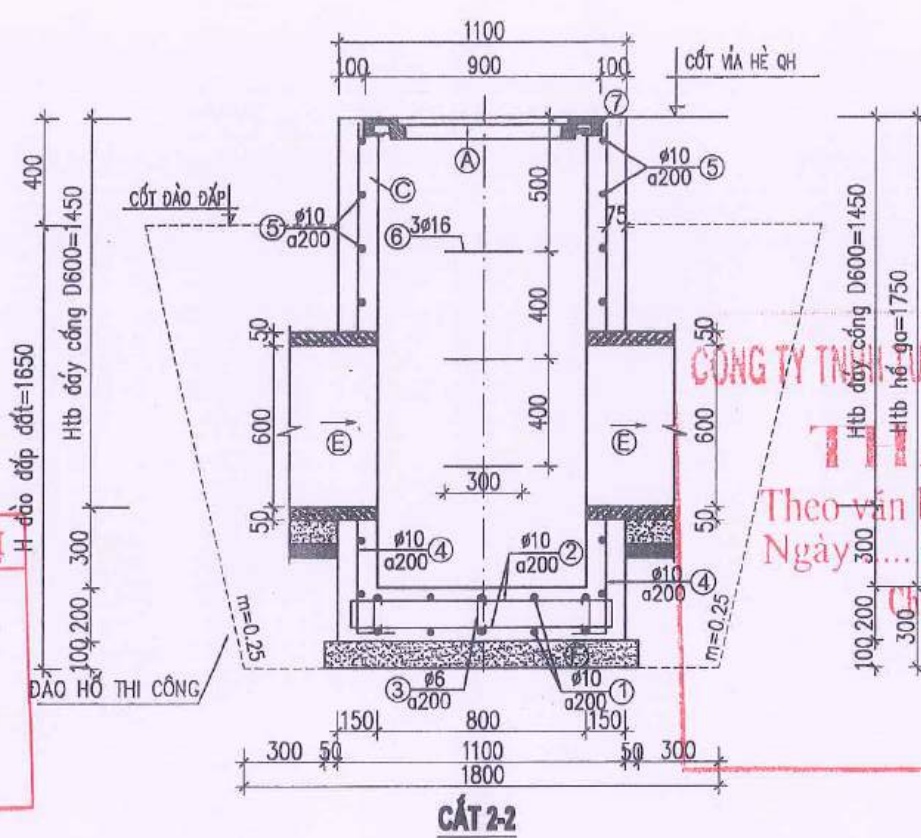
CTNM - 05

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

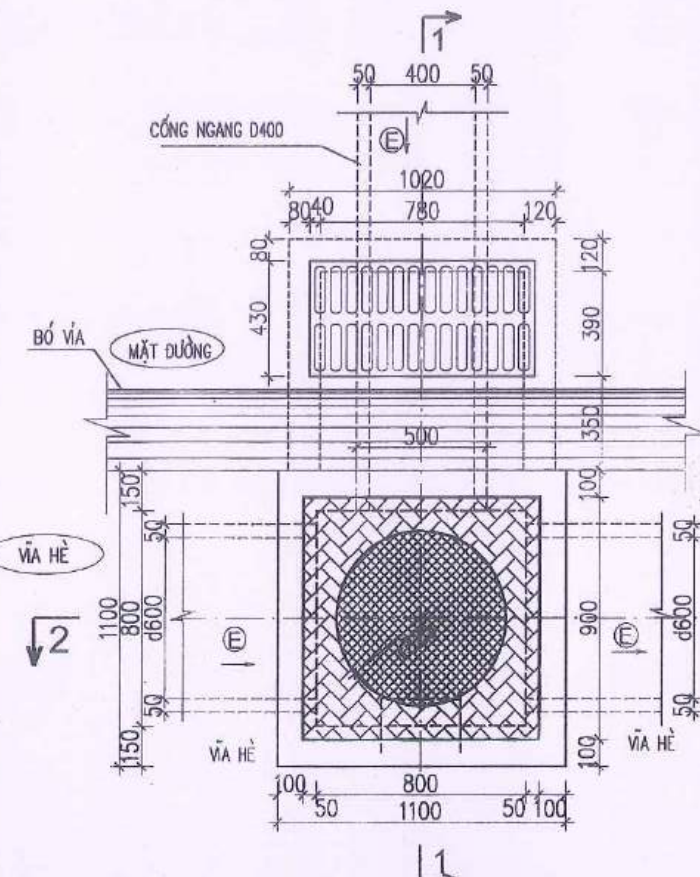
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số...../SXĐ - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:



CÔNG TY TNHH VĂN VÀ XÂY DỰNG
THẨM TRA
 Theo văn bản số.....
 Ngày.....tháng.....năm.....
 Chủ trì bộ môn kỹ thuật



THỐNG KÊ VẬT TƯ HỒ GA KIỂU G3 (15 HỒ)					
STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KIỂM TRẠ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m3	1.65/6*(1.8*2+2.625*2+4.425*2)	8.171	122.56
2	Khối lượng đắp	m3	8.171-(1.2*1.2*0.1+1.1*1.1*1.55)	6.15	92.27
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3	1.1*1.1*0.2+(1.1+0.8)*2*0.15*1.75-3.14*0.5*2/4*0.15-2*3.14*0.7*2/4*0.15-0.5*0.2*0.15	1.08	16.20
4	Bê tông cửa thu nước, đá 1x2, M250	m3	1.02*0.86*0.1+1.02*0.35*0.12+0.74*0.35*0.12*2	0.19	2.89
5	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m3	1.2*1.2*0.1+1.02*0.86*0.05	0.19	2.82
6	Ván khuôn hố ga	m2	1.1*1.95*4+0.8*1.75*4+3.14*0.5*0.15*2*3.14*0.7*2*0.15	15.28	229.27
7	Ván khuôn bê tông lót	m2	1.2*0.1*4+(1.02+0.86)*0.05*2	0.67	10.02
8	Ván khuôn cửa thu nước	m2	(1.02+0.86)*0.1*2+(1.02+0.78)*0.35*2*[0.86+0.74]*0.35*2	2.13	31.89
9	Cốt thép D6	kg	1.4	1.40	21.00
10	Cốt thép D10	kg	80	80	1200.00
11	Cốt thép D16	kg	4.27	4.27	64.05
12	Thép L70x70x7	kg	26.6	26.60	399.00
13	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 12,5 tấn	bộ	1	1	15.00
14	Lưới chắn rác bằng gang mua sẵn, kt (860x430)mm, tải trọng 25 tấn	bộ	1	1	15.00
15	Tấm cao su ngăn mùi, kt (600x400x2.5), liên kết vít nở D10, L=60 (2 cái/1tấm)	bộ	1	1	15.00

GHI CHÚ:
 A) NẮP HỒ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG B=12,5TẤN.
 (KHUNG DƯỠNG VUÔNG (900X900X60)MM, NẮP TRÒN Ø650MM.)
 B) LƯỚI CHẮN RÁC BẰNG GANG MUA SẴN, B25 TẤN
 C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
 D) BTCT M250 ĐÁ 1X2
 E) ỚNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
 F) BT LÓT M100, ĐÁ 1X2
 G) TẤM CAO SU NGĂN MÙI KT(600X400X2.5)mm LIÊN KẾT VÍT NỖ D10, L=60 (2 CÁI/1TẤM)

* THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
 * CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; Rs=Rse =2300 KG/CM2
 * CỐT THÉP ≥ D10 DÙNG THÉP CB300-V; Rs=Rse =2800 KG/CM2
 * KHI THI CÔNG CÁC HỒ GA CẦN KẾT HỢP XEM H ẦY CỐNG VÀ H ẦY HỒ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC DẠC.

BẢNG THỐNG KÊ THÉP TRUNG BÌNH 01 HỒ

SỐ T.T	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI M
1	200 1000 200	10	1400	10	14.0
2	200 1000 200	10	1400	10	14.0
3	50 150 50	6	250	25	6.3
4	200 1850	10	2050	21	43.05
5	200 950 200	10	1350	28	37.8
6	200 300 200	16	900	3	2.7
7	100 100 100	10	3600	1	3.6
8	200 830 380	10	1410	6	8.46
9	380 930 380	10	1690	5	8.45
10	380 930 380	10	1690	2	3.38

TỔNG HỢP THÉP TB 01 HỒ

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	6.3	1.4
2	10	129.2	80.0
3	16	2.7	4.27
4	L70X70X7	3.6	26.6

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐÔD VÀ PHGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH
 PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ
 QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
 TẠI XÃ LÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY
 ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

GIÁM ĐỐC
 KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM
 KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:
 KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

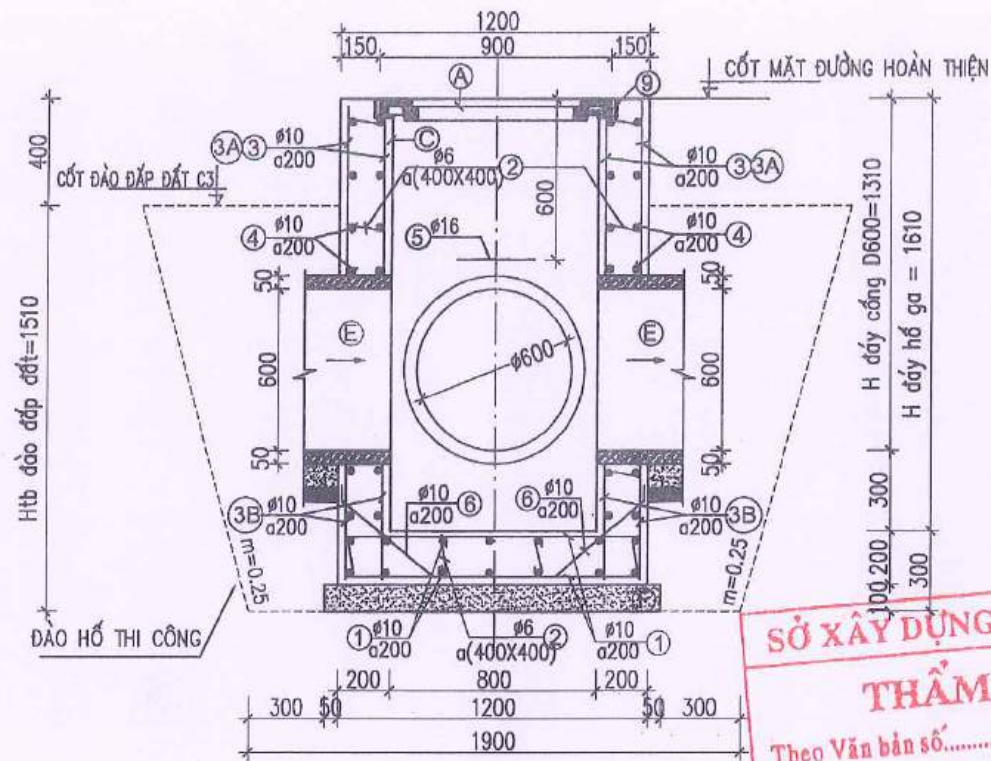
KIỂM:
 KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT HỒ GA G3 ĐIỂN HÌNH

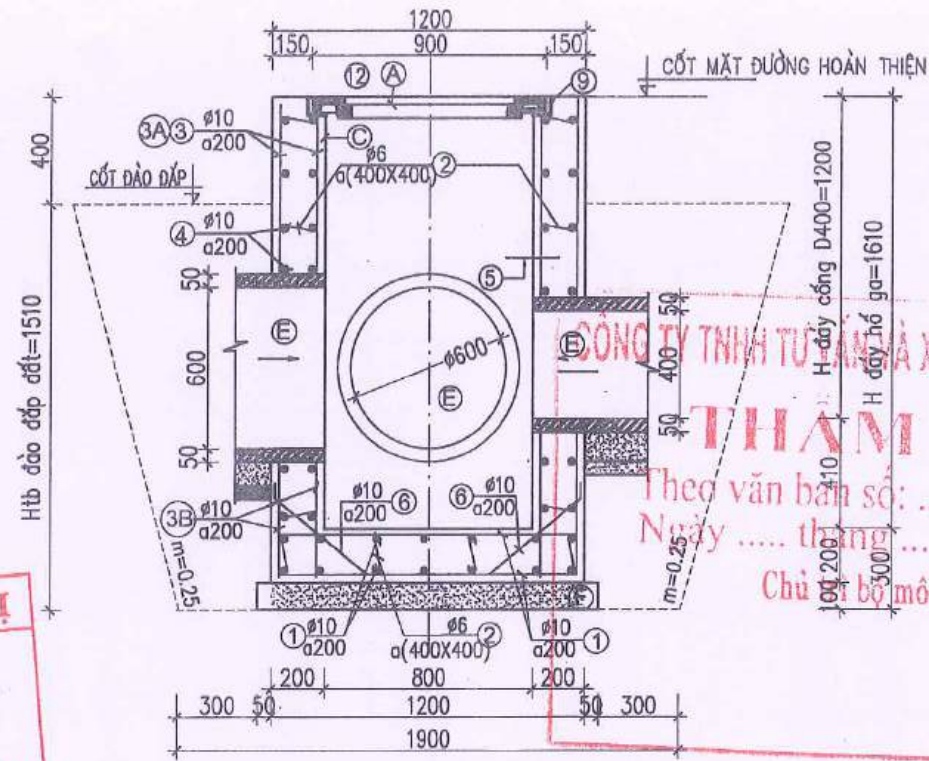
KÝ HIỆU BẢN VẼ:
CTNM - 06

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

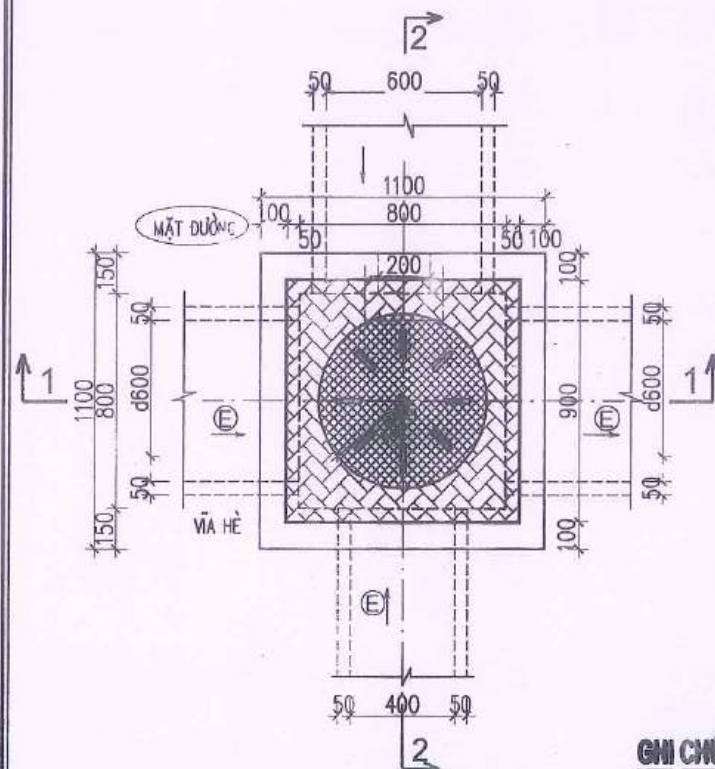


CẮT 1-1



CẮT 2-2

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



MẶT BẰNG GIẾNG THẨM G4

GHI CHÚ:

- Ⓐ NẮP HỐ GA BẰNG COMPOSITE MUA SẴN, TẢI TRỌNG B=25TẤN.
(KHUNG DƯỚI VUÔNG (900X900)MM, NẮP TRÒN Ø650MM)
Ⓒ BTCT M200 ĐÁ 1X2
Ⓓ BTCT M250 ĐÁ 1X2
Ⓔ ỐNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
Ⓕ BT LỚT M100, ĐÁ 1X2

- * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
* CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; Rs=Rse =2300 KG/CM2
* CỐT THÉP ≥ D10 DÙNG THÉP CB300-V; Rs=Rse =2800 KG/CM2
* KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM H DẪY CỐNG VÀ H DẪY HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC DỤC.

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

SỐ t.t	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI M
1	200 1000 200	10	1400	28	39.2
2	50 150 50	6	250	46	11.5
3	200 1710	10	1910	22	42.02
3A	200 700	10	900	30	27.0
3B	200 400	10	600	30	18.0
4	200 950 200	10	1350	62	83.7
5	200 300 200 100 100	16	900	2	1.8
6	200 450 200	10	950	22	20.9
7	L70x70x7		3600	1	3.6

TỔNG HỢP THÉP 01 HỐ

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG K. LƯỢNG (KG)
1	6	11.5	2.6
2	10	230.8	142.4
3	16	1.8	2.85
4	L70X70X7	3.6	26.6

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PT&D LỆ THUY

CÔNG TRÌNH

PHÁT TRIỂN QUYẾ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ
QUYẾ ĐẤT DỰNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM**



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Nam Lý
Phường Đồng Hới - Tỉnh Quảng Trị
ĐT: 04 - 0826.270678 - Fax: 04 - 0826.270678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM**
QUẢNG TRỊ - T. QUẢNG TRỊ

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

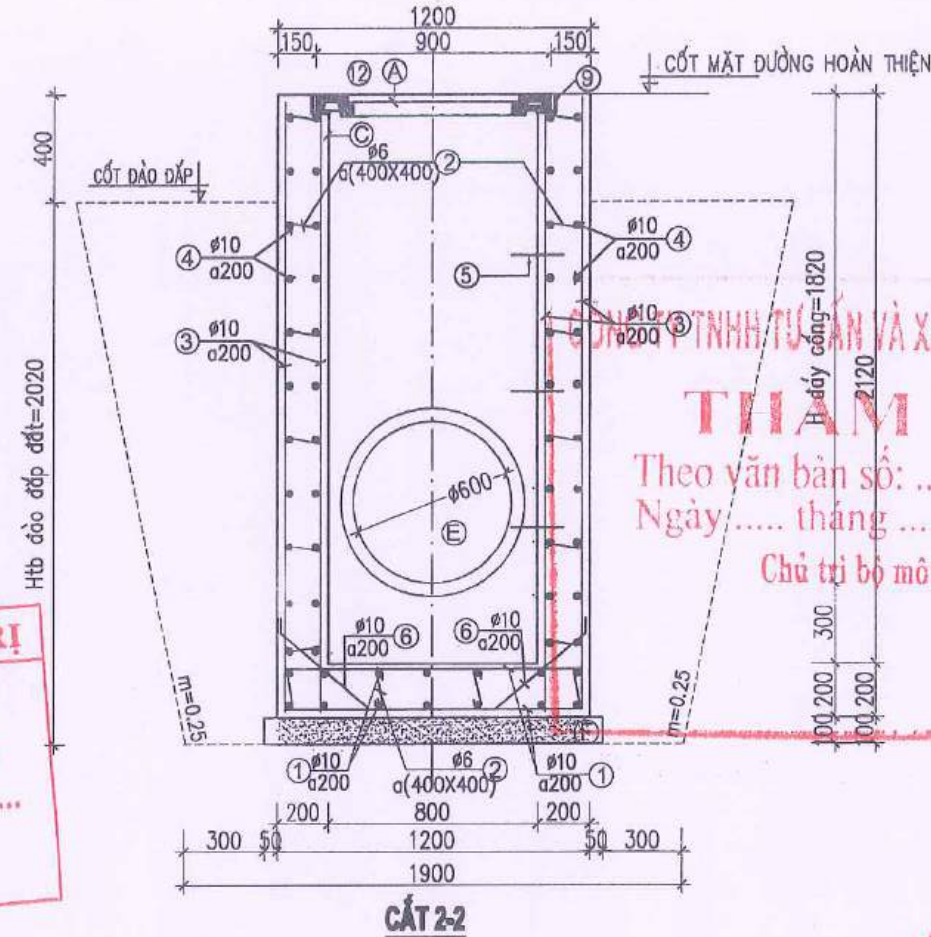
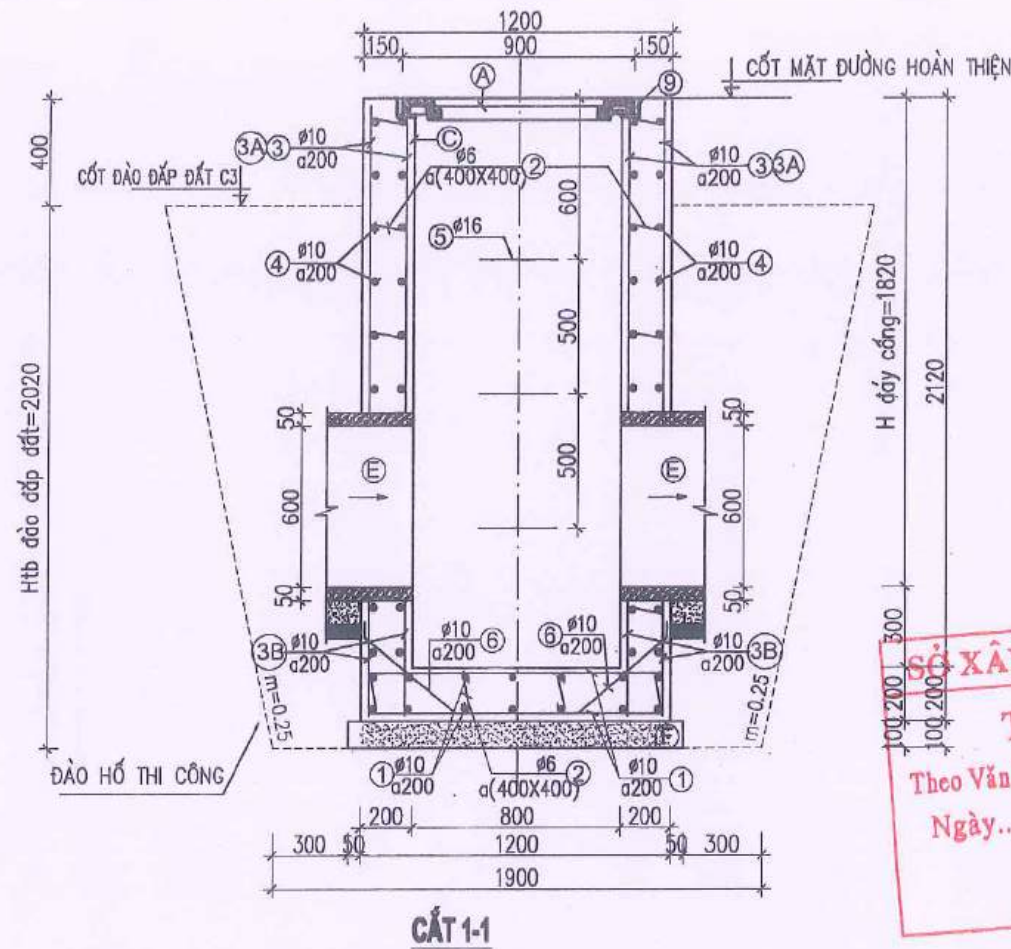
CHI TIẾT HỐ GA G4

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CTNM - 07

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

SỐ t.t	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI M
1	200 1000 200	10	1400	28	39.2
2	50 150 50	6	250	74	18.50
3	200 2150	10	2350	32	75.2
3A	200 1100	10	1300	16	20.8
3B	200 400	10	600	16	9.6
4	200 950 200	10	1350	76	102.6
5	200 300 200	16	900	3	2.7
6	200 450 200	10	950	22	20.9
7	L70x70x7		3600	1	3.6

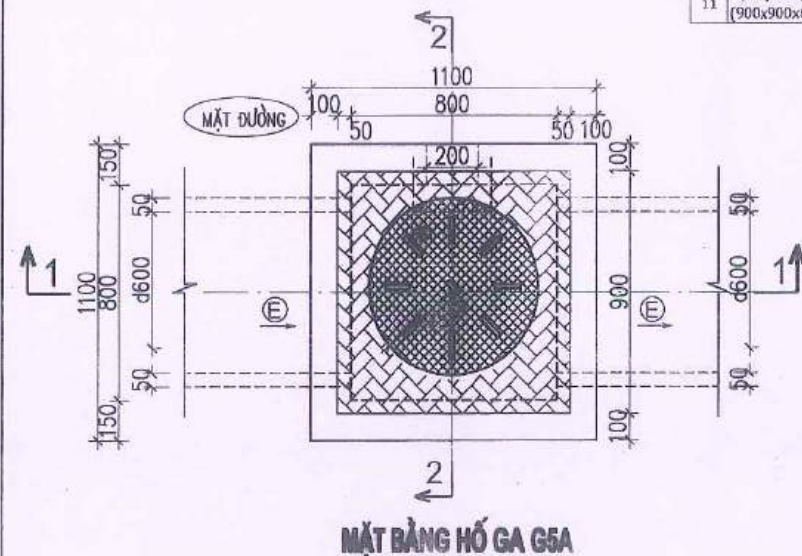
TỔNG HỢP THÉP 01 HỖ

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG K. LƯỢNG (KG)
1	6	18.5	4.1
2	10	268.3	165.5
3	16	2.7	4.27
4	L70x70x7	3.6	26.6

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỆN GIẢI	KLƯỢNG TB 01 HỖ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m3	2.02/6*(1.9*2+2.91*2+4.81*2)	11.855	11.86
2	Khối lượng đắp	m3	11.855-(1.2*1.2*0.1+1.1*1.1*1.92)	9.39	9.39
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3	1.1*1.1*0.2+(1.1+0.8)*2*0.15*2.12-2*3.14*0.7*2/4*0.15	1.34	1.34
4	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m3	1.2*1.2*0.1	0.14	0.14
5	Ván khuôn hố ga	m2	1.1*2.32*4+0.8*2.12*4+2*3.14*0.7*0.1	17.43	17.43
6	Ván khuôn bê tông lót	m2	1.2*0.1*4	0.48	0.48
7	Cốt thép D6	kg	4.1	4.1	4.10
8	Cốt thép D10	kg	165.5	165.5	165.50
9	Cốt thép D16	kg	4.27	4.27	4.27
10	Thép L70x70x7	kg	26.6	26.6	26.60
11	Bê nấp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 25 tấn	bộ	1	1	1.00

GHI CHÚ:

- (A) NẮP HỖ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG B=25TẤN. (KHUNG DƯỠNG VUÔNG (900X900)MM, NẮP TRÒN Ø650MM)
- (C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
- (E) ỚNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
- (F) BT LÓT M100, ĐÁ 1X2
- * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; Rs=Rse =2300 KG/CM2
- * CỐT THÉP >= D10 DÙNG THÉP CB300-V; Rs=Rse =2800 KG/CM2
- * KHI THI CÔNG CÁC HỖ GA CẦN KẾT HỢP XEM H DẪY CỐNG VÀ H DẪY HỖ GA Ở BẢN VẼ TRẮC DỌC.



CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN CƯỠI ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
QUYÊN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ
HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUÂN - NAM LỸ
PHƯỜNG ĐÔNG HỚI - TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐT: 04 - 0926.278678 - Fax: 04 - 0926.278678
Email: dangnamqb@gmail.com

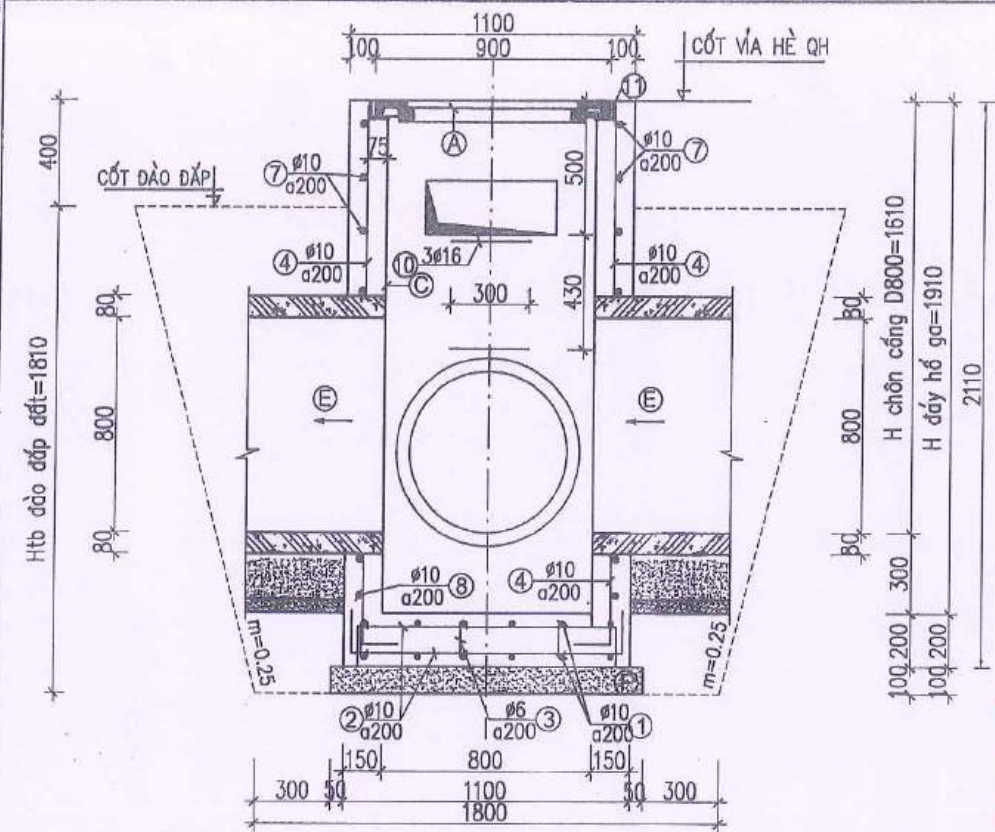
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
QUẢNG HỚI-T.QUẢNG BÌNH
KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM
KS. BÙI MINH PHÚC

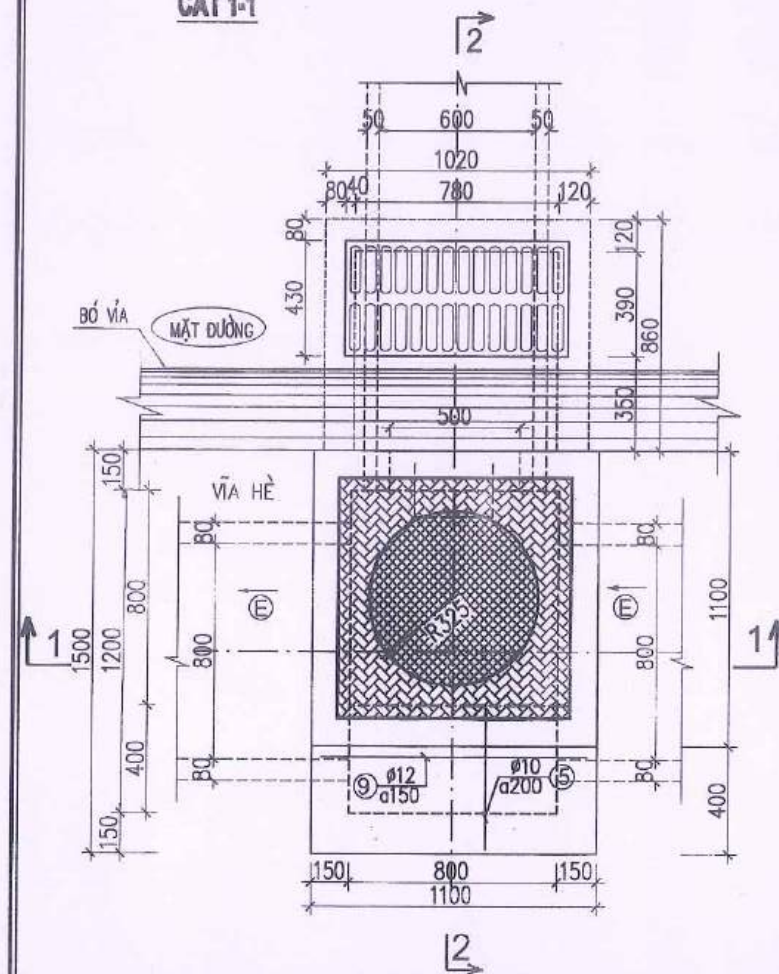
CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:
KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:
KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT HỖ GA G5A
KÝ HIỆU BẢN VẼ:
CTNM - 08
GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



CẮT 1-1



MẶT BẰNG HỐ GA KIỂU G5B
(SL: 01 HỐ)

Kiểu thu	SL
0800	01

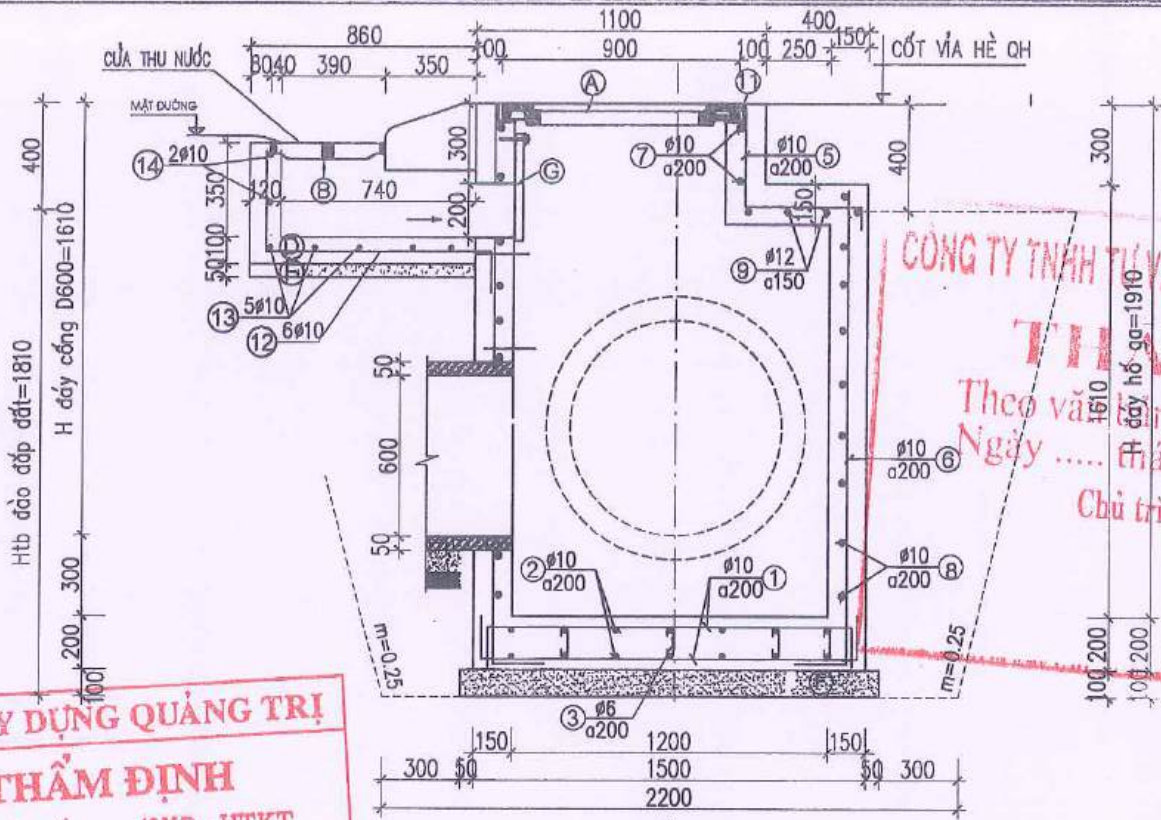
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỆN GIẢI	KIỂM TRẠM TB 01 HỐ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m3	1.81/6*(1.8*2.2+2.705*3.105+4.505*5.305)	10.938	10.94
2	Khối lượng đắp	m3	10.938-(1.2*1.6*0.1+1.1*1.5*1.71)	7.92	7.92
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3	1.1*1.5*0.2+(1.1+1.2)*2*0.15*1.61+(1.1+0.8)*2*0.15*0.3+0.4*0.8*0.15+3.1*0.7*2*0.15+2*3.14*0.96*2/4*0.15-0.5*0.2*0.15	1.37	1.37
4	Bê tông cửa thu nước, đá 1x2, M250	m3	1.02*0.86*0.1+1.02*0.35*0.12+0.74*0.35*0.12*2	0.193	0.19
5	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m3	1.2*1.6*0.1+1.02*0.86*0.05	0.24	0.24
6	Ván khuôn hố ga	m2	(1.1+1.5)*2*1.81+(0.8+1.2)*2*1.46+(1.1+0.8)*4*0.3+0.8*0.4+3.14*0.7*0.15+2*3.14*0.96*0.15+(0.5+0.2)*2*0.15	19.30	19.30
7	Ván khuôn bê tông lót	m2	(1.2+1.6)*2*0.1+(1.02+0.86)*0.05*2	0.75	0.75
8	Ván khuôn cửa thu nước	m2	(1.02+0.86)*0.1*2+(1.02+0.78)*0.35+(0.86+0.74)*0.35*2	2.13	2.13
9	Cốt thép D6	kg	2	3.10	3.10
10	Cốt thép D10	kg	128	128	128.00
11	Cốt thép D12	kg	3.6	9.90	9.90
12	Cốt thép D16	kg	4.27	2.84	2.84
13	Thép L70x70x7	kg	26.6	26.60	26.60
14	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 12.5 tấn	bộ	1	1	1.00
15	Lưới chắn rác bằng gang mua sẵn, kt (850x430)mm, tải trọng 25 tấn	bộ	1	1	1.00
16	Tấm cao su ngăn mùi, kt (600x400x2.5), liên kết vít nở D10, L=60 (2 cái/1tấm)	bộ	1	1	1.00

GHI CHÚ:

- A) NẮP HỐ GA BẰNG COMPOSITE MUA SẴN, TẢI TRỌNG B=12.5TẤN. (KHUNG DƯỠNG VUÔNG (900X900X60)MM, NẮP TRÒN Ø650MM.)
- B) LƯỚI CHẮN RÁC BẰNG GANG MUA SẴN, B25 TẤN
- C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
- D) BTCT M250 ĐÁ 1X2
- E) ỚNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
- F) BT LÓT M100, ĐÁ 1X2
- G) TẤM CAO SU NGĂN MÙI KT(600X400X2.5)mm LIÊN KẾT VÍT NỖ D10, L=60 (2CÁI/1TẤM)

- * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; Rs=Rse =2300 KG/CM2
- * CỐT THÉP ≥ D10 DÙNG THÉP CB300-V; Rs=Rse =2800 KG/CM2
- * KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM H DẪY CỐNG VÀ H DẪY HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC ĐỌC.



CẮT 2-2

BẢNG THỐNG KÊ THÉP TRUNG BÌNH 01 HỐ

Số t.t	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI M
1	200 1600 200	10	2000	12	24.0
2	200 1000 200	10	1400	16	22.4
3	50 150 50	6	250	35	8.8
4	200 2100	10	2300	18	41.4
5	400 650 200	10	1250	6	7.5
6	200 2150	10	2350	12	28.2
7	200 950 200	10	1350	24	32.4
8	200 1550 200	10	1950	16	31.2
9	1000	12	1000	4	4.0
10	200 300 200	16	900	3	2.7
11	L70X70X7		3600	1	3.6
12	200 830 380	10	1410	6	8.46
13	380 930 380	10	1690	5	8.45
14	380 930 380	10	1690	2	3.38

TỔNG HỢP THÉP TB 01 HỐ

Số TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	8.8	2.0
2	10	207.4	128.0
3	12	4.0	3.6
4	16	2.7	4.27
5	L70X70X7	3.6	26.6

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ PGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT HIỆN QUY ĐỊNH ĐỂ ĐẦU TƯ
QUY ĐỊNH SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LÊ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LÊ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:.....

Chức vụ bộ môn kỹ thuật:.....

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

Địa chỉ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - NAM LÝ
PHƯỜNG ĐÔNG HỚI - TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐT: 0936.278678 - Fax: 04 - 0936.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC:.....

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM:.....

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:.....

KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

KIỂM:.....

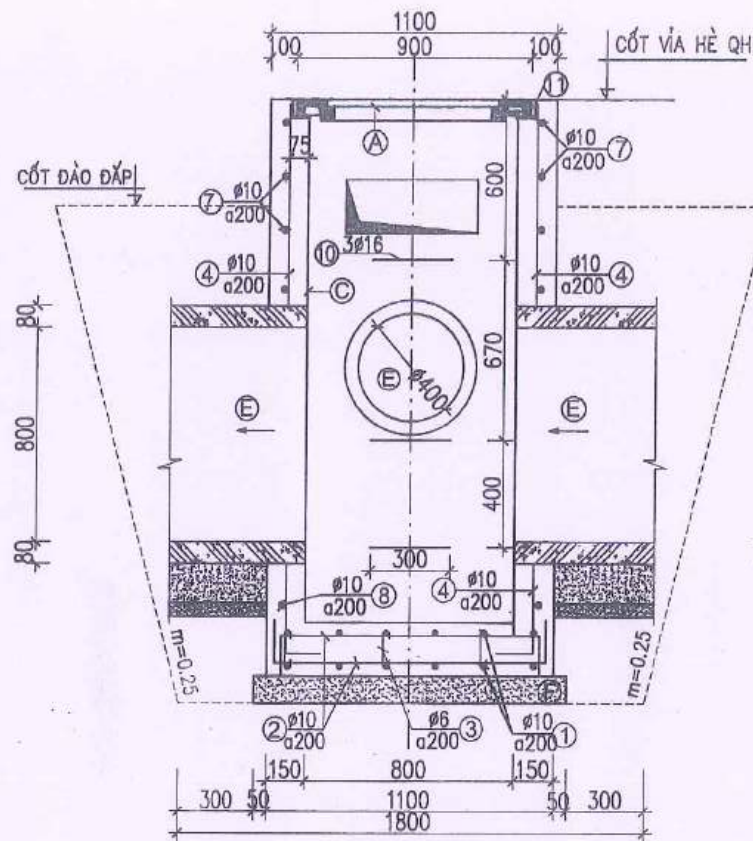
KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT HỐ GA G5B

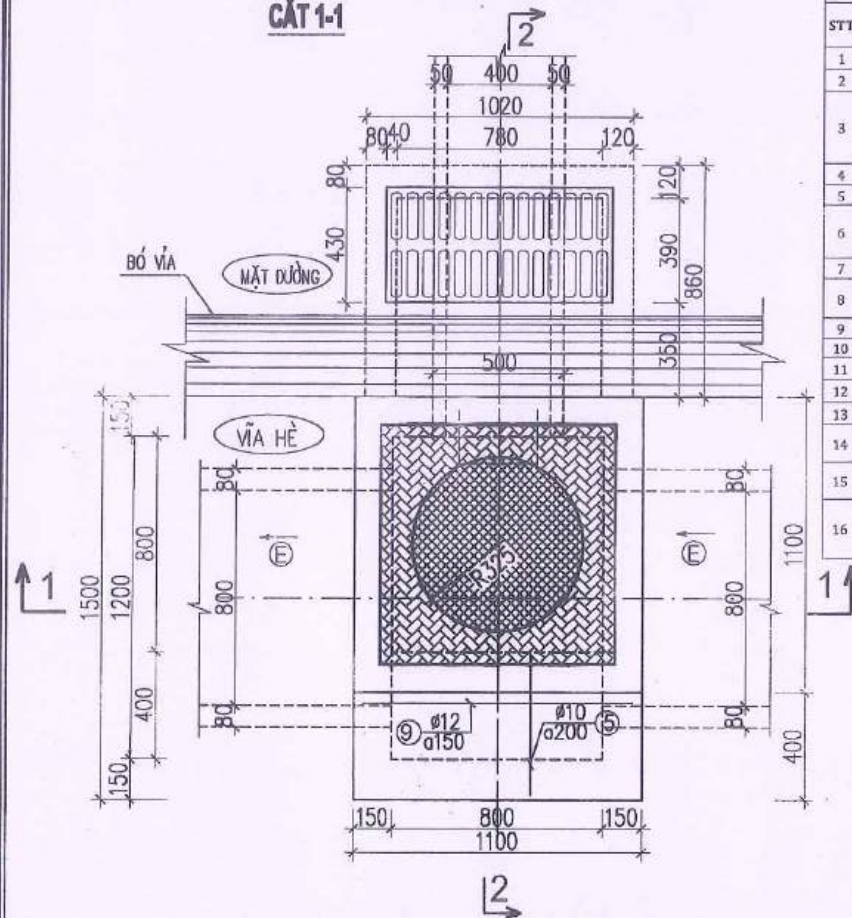
KÝ HIỆU BẢN VẼ: CTNM - 09

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



CẮT 1-1



MẶT BẰNG HỐ GA KIỂU G6 ĐIỂN HÌNH

Kiểu thu	SL
D800 D800 D800	02

Htb chân cống=1650
Htb hố ga=1950
Htb hố ga=1950
Htb hố ga=1950

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

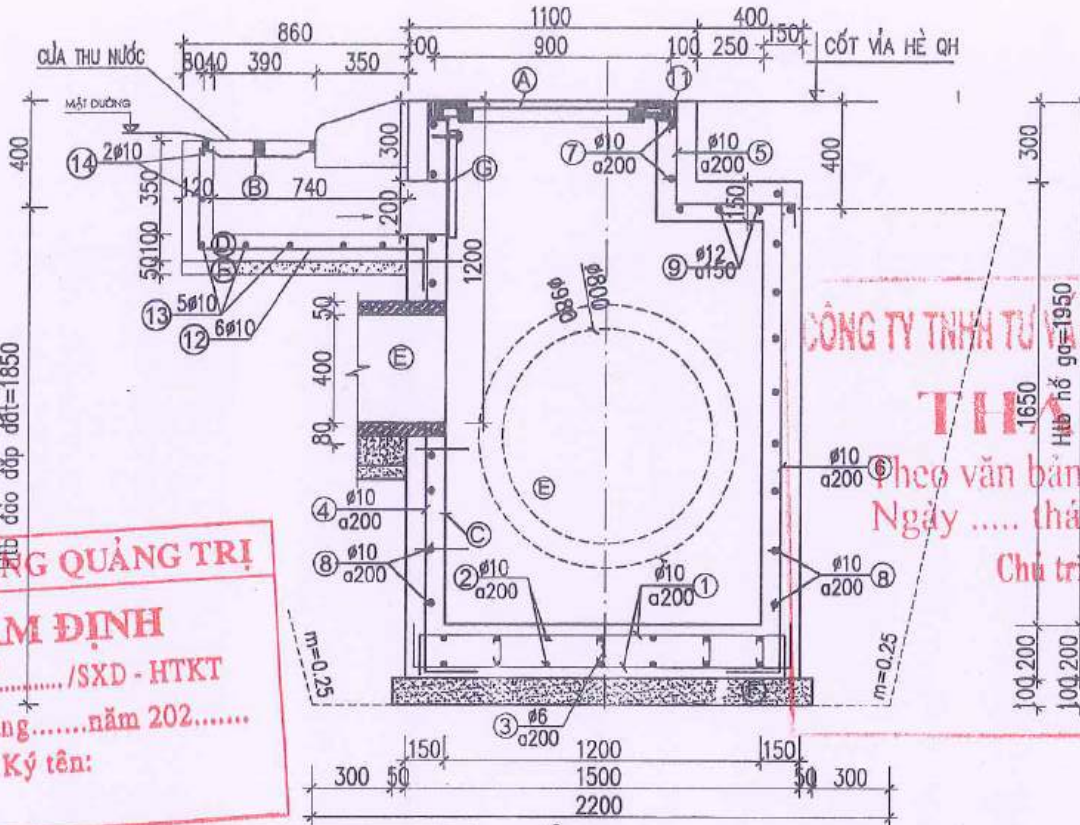
THÔNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G6 (2 HỒ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KLƯỢNG TB 01 HỒ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khoảng đào	m ³	1.85/6*(1.8*2.2+2.725*3.125+4.525*5.325)	11.276	22.55
2	Khoảng lấp	m ³	11.276-(1.2*1.6*0.1+1.1*1.5*1.75)	8.20	16.39
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m ³	1.1*1.5*0.2+(1.1+1.2)*2*0.15*1.65+(1.1+0.8)*2*0.15*0.3+0.4*0.8*0.15+3.14*0.5*2/4*0.15-2*3.14*0.96*2/4*0.15-0.5*0.2*0.15	1.43	2.85
4	Bê tông cửa thu nước, đá 1x2, M250	m ³	1.02*0.86*0.1+1.02*0.35*0.12+0.74*0.35*0.12*2	0.193	0.39
5	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m ³	1.2*1.6*0.1+1.02*0.86*0.05	0.24	0.47
6	Ván khuôn hố ga	m ²	(1.1+1.5)*2*1.85+(0.8+1.2)*2*1.5+(1.1+0.8)*4*0.3+0.8*0.4+3.14*0.5*0.15+2*3.14*0.96*0.15+(0.5+0.2)*2*0.15	19.57	39.14
7	Ván khuôn bê tông lót	m ²	(1.2+1.5)*2*0.1+(1.02+0.86)*0.05*2	0.75	1.50
8	Ván khuôn cửa thu nước	m ²	(1.02+0.86)*0.1*2+(1.02+0.78)*0.35+(0.86+0.74)*0.35*2	2.13	4.25
9	Cốt thép D6	kg	2	2	4.00
10	Cốt thép D10	kg	128	128	256.00
11	Cốt thép D12	kg	3.6	3.6	7.20
12	Cốt thép D16	kg	4.27	4.27	8.54
13	Thép L70x70x7	kg	26.6	26.6	53.20
14	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 12.5 tấn	bộ	1	1	2.00
15	Lưới chắn rác bằng gang mua sẵn, kt (860x430)mm, tải trọng 25 tấn	bộ	1	1	2.00
16	Tấm cao su ngăn mùi, kt (600x400x2.5), liên kết vít nê D10, L=60 (2 cái/1tấm)	bộ	1	1	2.00

GH CHÚ:

- A) NẮP HỐ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG B=12.5TẤN.
(KHUNG DƯỠNG VUÔNG (900X900X60)MM, NẮP TRÒN Ø650MM)
B) LƯỚI CHẮN RÁC BẰNG GANG MUA SẴN, B25 TẤN
C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
D) BTCT M250 ĐÁ 1X2
E) ỚNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
F) BT LÓT M100, ĐÁ 1X2
G) TẤM CAO SU NGĂN MÙI KT(600X400X2.5)mm
LIÊN KẾT VÍT NỖ D10, L=60 (2CÁI/1TẤM)

- * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
* CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; Rs=Rse =2300 KG/CM2
* CỐT THÉP ≥ D10 DÙNG THÉP CB300-V; Rs=Rse =2800 KG/CM2
* KHI THI CÔNG CÁC HỐ GÁ CẦN KẾT HỢP XEM H. ĐÁY CỐNG VÀ H. ĐÁY HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC ĐỌC.



CẮT 2-2

BẢNG THÔNG KÊ THÉP TRUNG BÌNH 01 HỒ

Số t.t	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI M
1	200 1600 200	10	2000	12	24.0
2	200 1000 200	10	1400	16	22.4
3	50 150 50	6	250	35	8.8
4	200 2100 200	10	2300	18	41.4
5	400 650 200	10	1250	6	7.5
6	200 2150 200	10	2350	12	28.2
7	200 950 200	10	1350	24	32.4
8	200 1550 200	10	1950	16	31.2
9	1000	12	1000	4	4.0
10	200 300 200	16	900	3	2.7
11	L70X70X7		3600	1	3.6
12	200 830 380	10	1410	6	8.46
13	380 930 380	10	1690	5	8.45
14	380 930 380	10	1690	2	3.38

TỔNG HỢP THÉP TB 01 HỒ

Số TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	8.8	2.0
2	10	207.4	128.0
3	12	4.0	3.6
4	16	2.7	4.27
5	L70X70X7	3.6	26.6

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN SXĐ VÀ PGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH

PHÁT TRIỂN QUY DẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ
HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - NAM LÝ
PHƯỜNG ĐÔNG HỚI - TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐT: 04 - 0926.278678 - Fax: 04 - 0926.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

CHỦ ĐẦU TƯ
CHỦ ĐẦU TƯ
CHỦ ĐẦU TƯ

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

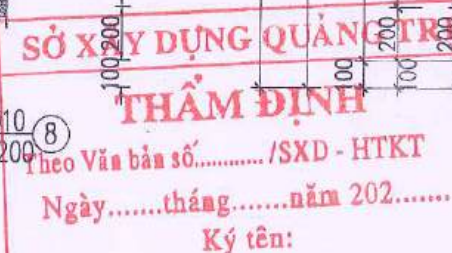
CHI TIẾT HỐ GA G6 ĐIỂN HÌNH

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CTNM - 10

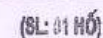
GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



STT	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	C. DÀI 1 THANH (MM)	SỐ THANH	C. DÀI (M)
1a		10	2040	20	40.80
1b		10	2240	18	40.32
1c		12	2240	06	13.44
1d		10	1050	06	6.30
1e		12	2040	08	16.32
1f		10	1250	06	7.50
2		10	2330	08	18.64
2a		10	1780	22	21.36
2b		10	700	16	11.20
3a		10	770	34	26.18
4		10	1740	16	27.84
4a		10	2040	26	53.04
4b		10	2240	14	31.36
5a		10	520	22	11.44
6		16	900	01	0.90
7		6	350	48	16.80
8		10	950	30	28.50
9			3600		3.6

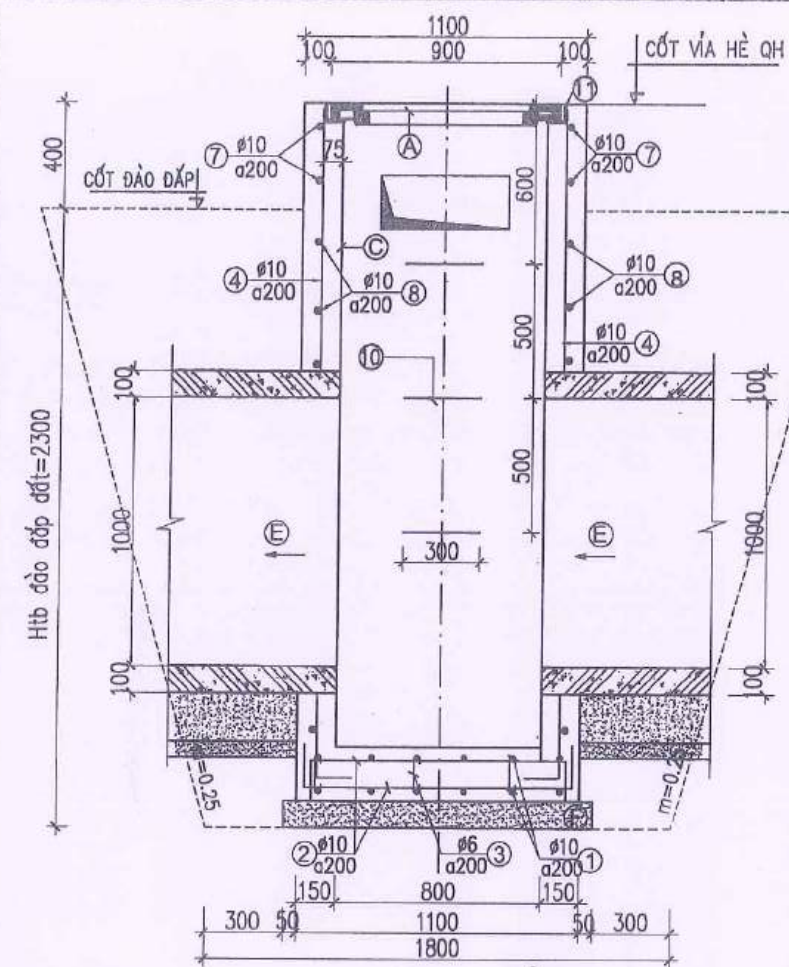
ĐƯỜNG KÍNH	6	10	12	16	L70X70X7
L (M)	16.80	313.00	29.76	0.90	3.6
P(KG)	3.73	193.12	26.49	1.42	26.6



Kiểu thu	SL
	01

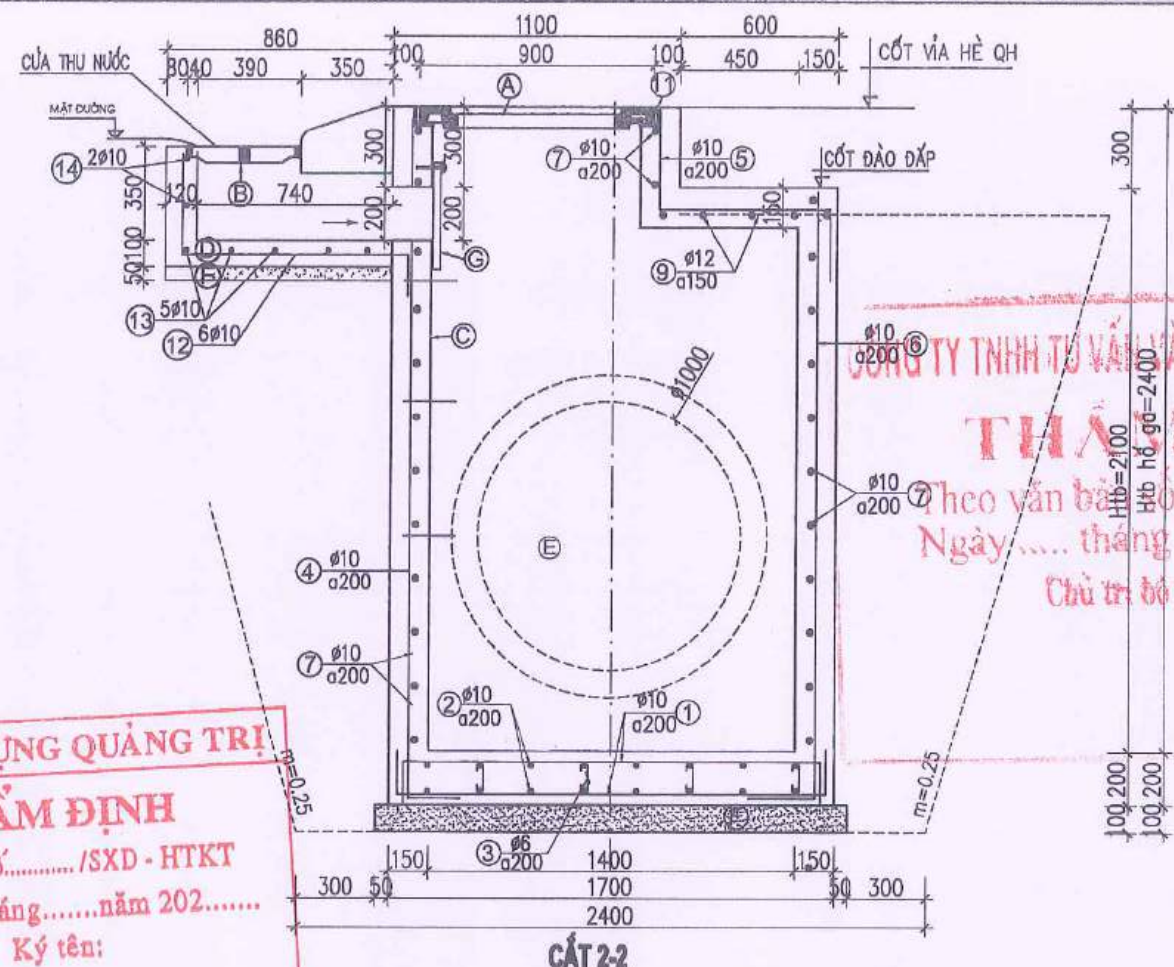
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

* KHI THI CÔNG CÁC HỒ GA CẦN KẾT HỢP XEM HỒ ĐÁY HỒ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC ĐỒ.



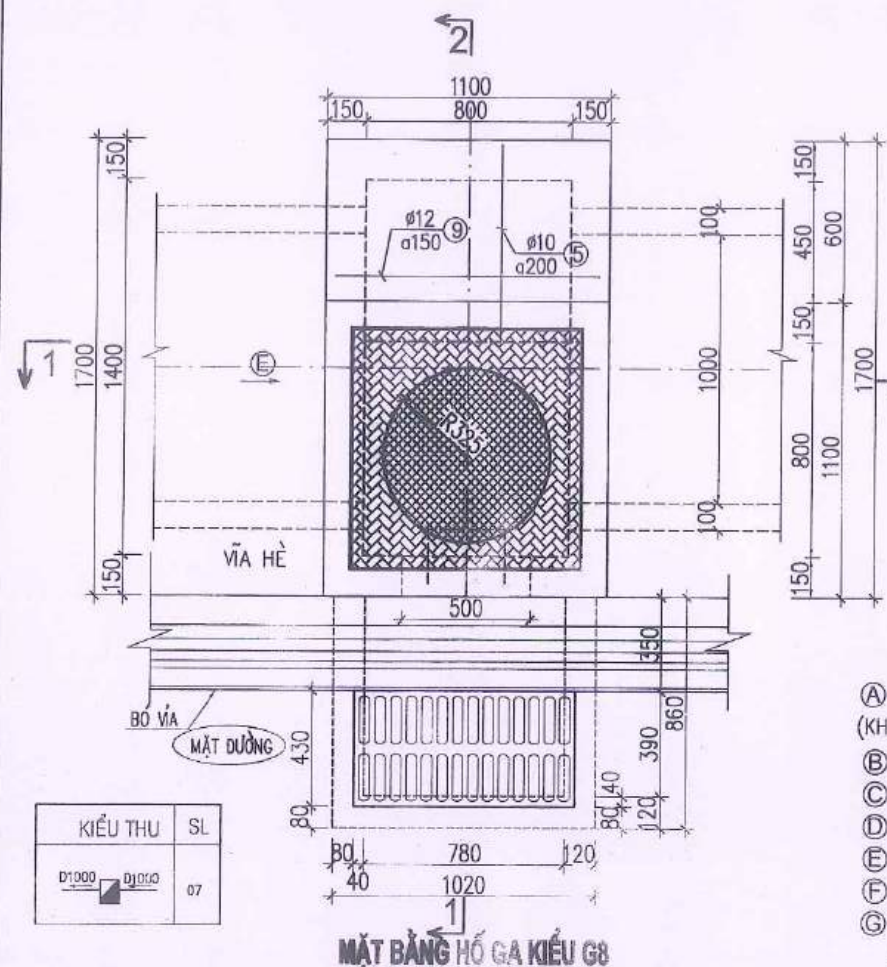
Htb chôn cống=2100
Htb hố ga=2400

CẮT 1-1



CẮT 2-2

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



MẶT BẰNG HỐ GA KIỂU G8

THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G8 (7 HỐ)				
STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỆN GIẢI	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m3	2.3/6*(1.8*2.4+2.95*3.55+4.75*5.95)	16.504
2	Khối lượng đắp	m3	16.504*(1.2*1.8*0.1+1.1*1.7*2.2)	12.17
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3	1.1*1.7*0.2*(1.1+1.4)*2*0.15+2.1*(1.1+0.8)*2*0.15+0.3*0.6*0.6*0.15+2*3.14*1.2*2*0.15-0.5*0.2*0.15	1.84
4	Bê tông cửa thu nước, đá 1x2, M250	m3	1.02*0.86*0.1+1.02*0.35*0.12+0.74*0.35*0.12*2	0.193
5	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m3	1.2*1.8*0.1+1.02*0.66*0.05	0.26
6	Ván khuôn hố ga	m2	(1.1+1.7)*2*2.3+(0.8+1.4)*2*1.95+(1.1+0.8)*4*0.3+0.8*0.6*2*3.14*1.2*0.15+(0.5+0.2)*2*0.15	25.56
7	Ván khuôn cửa tổng lót	m2	(1.2+1.8)*2*0.1+(1.02+0.86)*0.05*2	0.79
8	Ván khuôn cửa thu nước	m2	(1.02+0.86)*0.1*2*(1.02+0.78)*0.35+(0.86+0.74)*0.35*2	2.13
9	Cốt thép D6	kg	2.2	2.2
10	Cốt thép D10	kg	173.2	168.26
11	Cốt thép D12	kg	6.2	6.2
12	Cốt thép D16	kg	7.11	7.11
13	Thép L70x70x7	kg	26.6	26.6
14	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 12.5 tấn	bộ	1	1
15	Lưới chắn rác bằng gang mua sẵn, kt (860x430)mm, tải trọng 25 tấn	bộ	1	1
16	Tấm cao su ngăn mùi, kt (600x400x2.5), liên kết vít nố D10, L=60 (2 cái/1tấm)	bộ	1	1

GHI CHÚ:

- A) NẮP HỐ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG B=12.5TẤN. (KHUNG DƯỠNG VUÔNG (900X900X60)MM, NẮP TRÒN Ø650MM.)
- B) LƯỚI CHẮN RÁC GANG MUA SẴN, B25 TẤN
- C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
- D) BTCT M250 ĐÁ 1X2
- E) ỚNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
- F) BT LÓT M100, ĐÁ 1X2
- G) TẤM CAO SU NGĂN MÙI KT(600X400X2.5)mm LIÊN KẾT VÍT NỐ D10, L=60 (2CÁI/1TẤM)

- * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; Rs=Rse =2300 KG/CM2
- * CỐT THÉP >= D10 DÙNG THÉP CB300-V; Rs=Rse =2800 KG/CM2
- * KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM H DẪY CỐNG VÀ H DẪY HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC ĐỌC.

BẢNG THỐNG KÊ THÉP (01 HỐ)

SỐ t.t	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI M
1		10	2400	12	28.8
2		10	1400	22	30.8
3		6	250	40	10.0
4		10	2850	15	42.8
5		10	1650	6	9.9
6		10	3200	16	51.2
7		10	1350	30	40.5
8		10	2350	24	56.4
9		12	1000	7	7.0
10		16	900	5	4.5
11			3800	1	3.6
12		10	1410	6	8.46
13		10	1690	5	8.45
14		10	1690	2	3.38

TỔNG HỢP THÉP 01 HỐ

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	10.0	2.2
2	10	280.7	173.2
3	12	7.0	6.2
4	16	4.5	7.11
5	L70x70x7	3.6	26.6

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PHGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH
PHÁT THIÊN QUYẾT ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG DẠY Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - NAM LÝ
PHƯỜNG ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐT: 04 - 0226.278678 - Fax: 04 - 0226.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

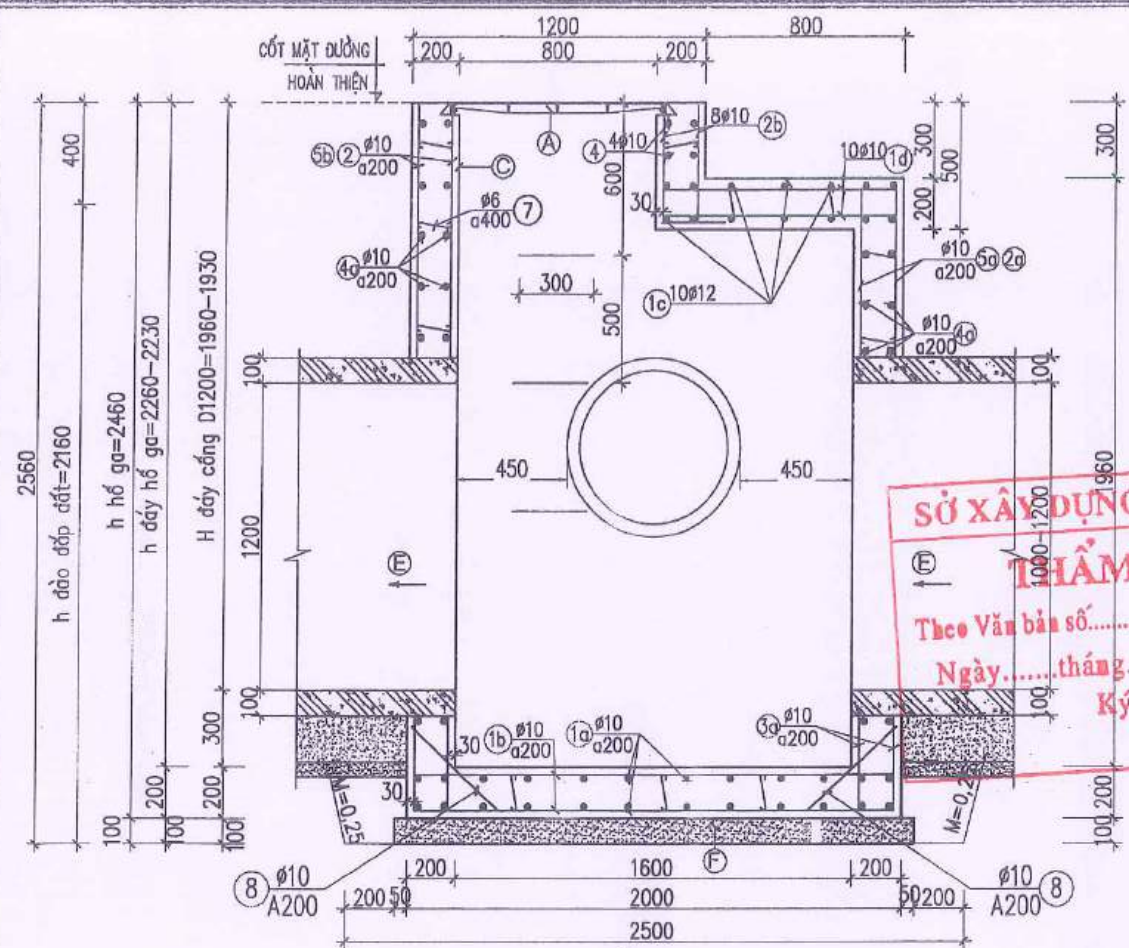
GIẤM ĐỐC
KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM
KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:
KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:
KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT HỐ GA G8
KÝ HIỆU BẢN VẼ: CTNM - 12
GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



GH CHÚ:

- (A) NẮP HỐ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG B=25TẤN.
(KHUNG DƯỚI VUÔNG (900X900)MM, NẮP TRÒN Ø650MM)
(C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
(D) BTCT M250 ĐÁ 1X2
(E) ỐNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
(F) BT LỚT M100, ĐÁ 1X2
- * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HẠN ĐIỆN
* CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; $R_s=R_{se} = 2300 \text{ KG/CM}^2$
* CỐT THÉP $\geq$ D10 DÙNG THÉP CB300-V; $R_s=R_{se} = 2800 \text{ KG/CM}^2$
* KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM H. ĐÁY CỐNG VÀ H. ĐÁY HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC DỤC.

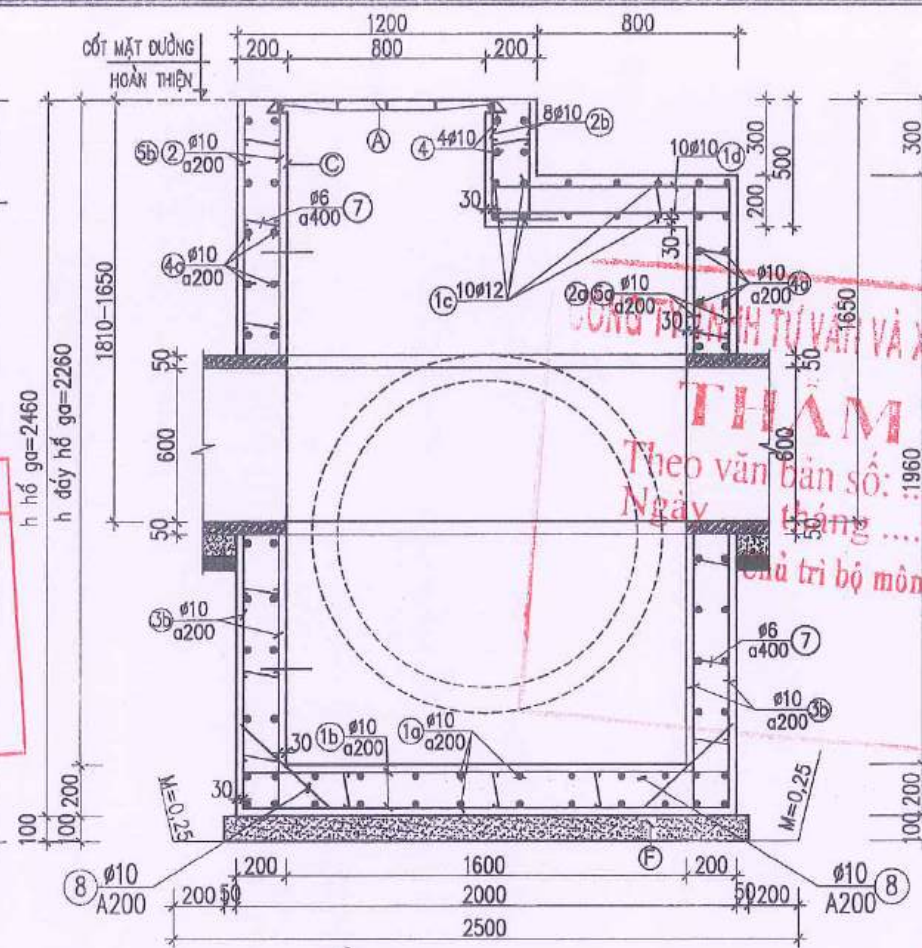
THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G9 (2 HỒ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KIỂM TRẠM TB 01 HỒ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m ³	2.16/6*(2.5*2.5+3.58*3.58+6.08*6.08)	20.172	40.34
2	Khối lượng đắp	m ³	20.172*(2.1*2.1*0.1+2.0*2.0*0.06)	11.49	22.98
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m ³	2.0*2.0*0.2+(2.0+1.6)*2*0.2*1.96+(1.2+0.8)*2*0.2*0.3+1.6*0.8*0.2+0.8*0.8*0.2-2*3.14*0.7*2/4*0.2-2*3.14*1.4*2/4*0.2	3.48	6.95
4	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m ³	2.1*2.1*0.1	0.44	0.88
5	Ván khuôn hố ga	m ²	2.0*2.16*4+1.6*1.76*4+1.2*4*0.3+0.8*4*0.5+0.8*1.6+0.8*0.8+2*3.14*0.7*0.2+2*3.14*1.4*0.2	36.142	72.28
6	Ván khuôn bê tông lót	m ²	2.1*0.1*4	0.84	1.68
7	Cốt thép D6	kg	4.35	4.35	8.70
8	Cốt thép D10	kg	331.3	331.3	662.60
9	Cốt thép D12	kg	29.2	29.2	58.40
10	Cốt thép D16	kg	4.26	4.26	8.52
11	Thép L70x70x7	kg	26.6	26.6	53.20
12	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 25 tấn	bộ	1	1	2.00

Kiểu thu G9A	SL
D1200	01

Kiểu thu G9B	SL
D1200	01

MẶT BẰNG GIẾNG THẨM G9 ĐIỂN HÌNH



THỐNG KÊ THÉP (01 HỒ)

STT	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	C. DÀI 1 THANH (MM)	SỐ THANH	C. DÀI (M)
1a	250 1940 250	10	2440	24	58.6
1b	250 1940 250	10	2440	24	58.6
1c	250 1140 250	12	1640	20	32.8
1d	250 950 250	10	1450	20	29.0
2	250 2360	10	2610	10	26.1
2a	250 2100	10	2350	38	89.3
2b	250 450	10	700	16	11.2
3a	250 Htb=450 70	10	770	32	24.64
3b	250 Htb=1000 70	10	1320	16	21.12
4	250 1150 250	10	1650	16	26.4
4a	250 1850 250	10	2350	56	131.6
5a	70 Htb=650	10	720	24	17.28
5b	70 Htb=950	10	1020	24	24.48
6	100 200 100	16	900	03	2.70
7	75 200 75	6	350	56	19.6
8	250 450 250	10	950	42	39.9
9	L 170X70X7		3600		3.6

BẢNG TỔNG HỢP THÉP (1HỒ)

ĐƯỜNG KÍNH	6	10	12	16	L70X70X7
L (M)	19.6	537.1	32.8	2.7	3.6
P(KG)	4.35	331.3	29.2	4.26	26.6

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH
THIẾT KẾ QUY TRÌNH ĐÁY ĐỂ ĐẦU CHÁ
QUY TRÌNH ĐÁY ĐỂ ĐẦU CHÁ
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ
HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - NAM LÝ
PHƯỜNG ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐT: 84 - 0936.276678 - Fax: 84 - 0936.276678
Email: dongnamco@gmail.com

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM
T. QUẢNG TRỊ

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

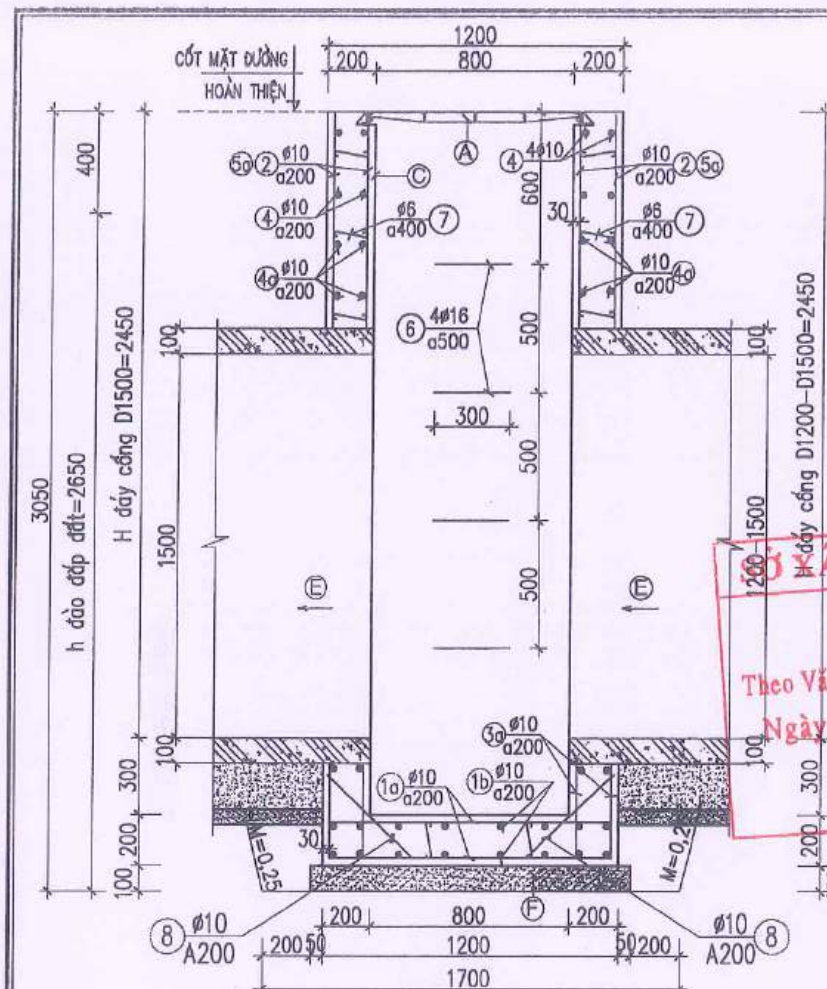
CHI TIẾT HỐ GA G9

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

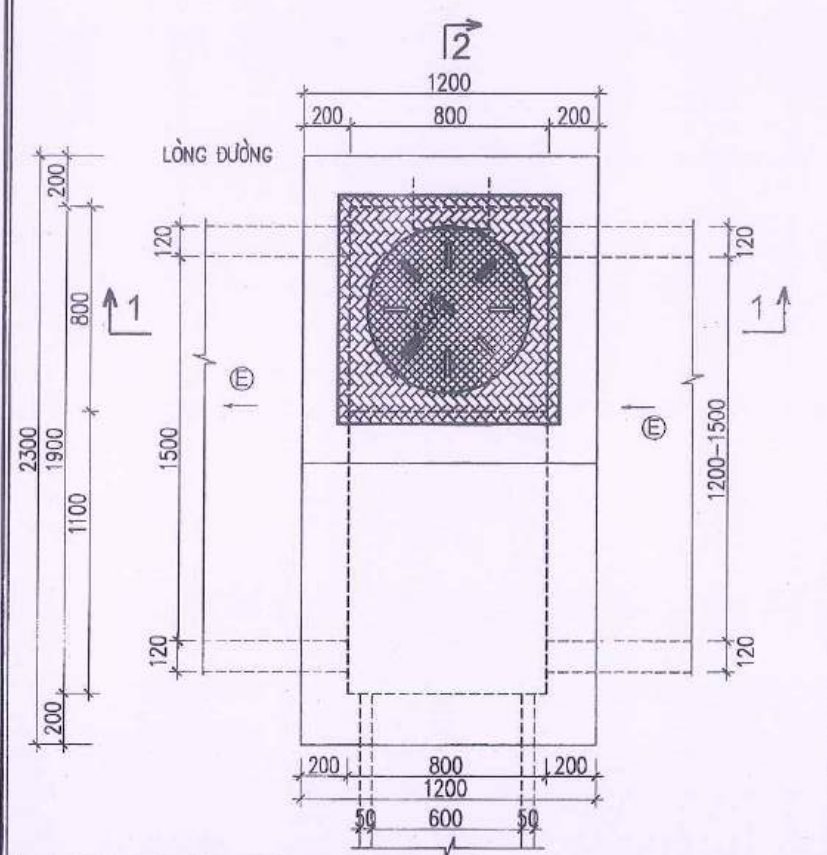
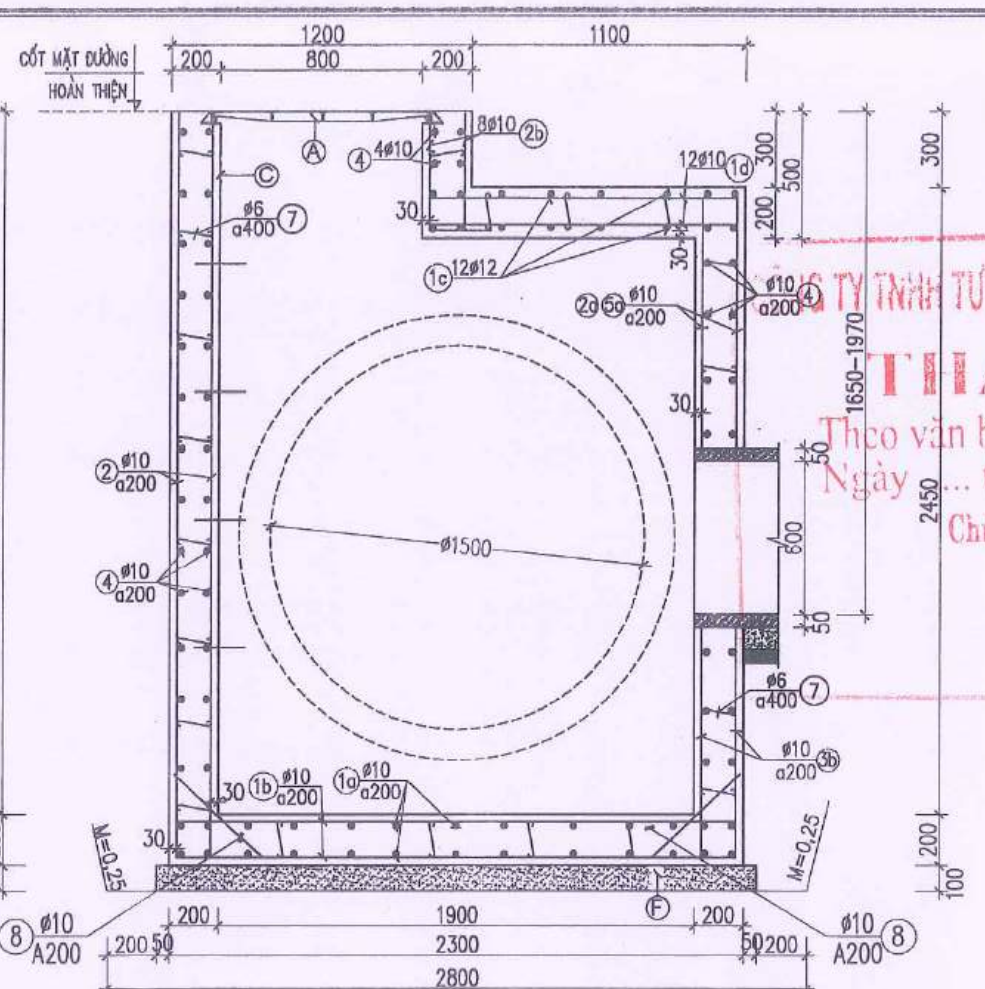
CTNM - 13

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:



GHI CHÚ:

- A) NẮP HỖ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG B=25TẤN. (KHUNG DƯƠNG WUÔNG (900X900)MM, NẮP TRÒN Ø650MM)
- C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
- D) BTCT M250 ĐÁ 1X2
- E) ỚNG CỐNG BTCT ĐỨC SẴN
- F) BT LỚT M100, ĐÁ 1X2
- * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; R_s=R_{se} =2300 KG/CM²
- * CỐT THÉP ≥ D10 DÙNG THÉP CB300-V; R_s=R_{se} =2800 KG/CM²
- * KHI THI CÔNG CÁC HỖ GA CẦN KẾT HỢP XEM H. ĐÁY CỐNG VÀ H. ĐÁY HỖ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC DỌC.

THỐNG KÊ VẬT TƯ HỖ GA KIỂU G10 (2 HỖ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỆN GIẢI	KUỶNG TB 01 HỖ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m ³	2.65/6*(1.7*2.8+3.025*4.125+4.725*6.925)	22.065	44.13
2	Khối lượng đắp	m ³	22.065-(1.3*2.4*0.1+1.2*2.3*2.55)	14.72	29.43
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m ³	1.2*2.3*0.2+(1.2+1.9)*2*0.2*2.45+(1.2+0.8)*2*0.2*0.3+1.1*0.8*0.2-3.14*0.7*2/4*0.2-2*3.14*1.74*2/4*0.2	2.98	5.96
4	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m ³	1.3*2.4*0.1	0.31	0.62
5	Ván khuôn hố ga	m ²	(1.2+2.3)*2*2.65+[(0.8+1.9)*2*2.25+1.2*4*0.3+0.8*4*0.5+1.1*0.8+3.14*0.7*0.2+2*3.14*1.74*0.2	37.245	74.49
6	Ván khuôn bê tông lót	m ²	(1.3+2.4)*2*0.1	0.74	1.48
7	Cốt thép D6	kg	4.1	4.1	8.20
8	Cốt thép D10	kg	237.1	237.1	474.20
9	Cốt thép D12	kg	16.6	16.6	33.20
10	Cốt thép D16	kg	5.6	5.6	11.20
11	Thép L70x70x7	kg	26.6	26.6	53.20
12	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 25 tấn	bộ	1	1	2.00

THỐNG KÊ THÉP (01 HỖ)

STT	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	C. DÀI 1 THANH (MM)	SỐ THANH	C. DÀI (M)
1a	250 1140 250	10	1640	26	42.64
1b	250 1940 250	10	2440	16	39.04
1c	250 1050 250	12	1550	12	18.6
1d	250 1150 250	10	1650	12	19.8
2	250 2890	10	3140	18	56.52
2a	250 2590	10	2840	08	22.72
2b	250 450	10	700	12	8.4
3a	250 Htb=450 70	10	770	36	27.72
3b	250 Htb=850 70	10	1170	08	9.36
4	250 1150 250	10	1650	56	92.4
4a	250 2240 250	10	2740	12	32.88
5a	70 Htb=800	10	870	40	34.8
6	100 300 200	16	900	04	3.6
7	75 200 75	6	350	53	18.6
8	250 450 250	10	950	36	34.2
9	L 170X70X7		3600		3.6

BẢNG TỔNG HỢP THÉP (1HỖ)

ĐƯỜNG KÍNH	6	10	12	16	L70X70X7
L (M)	18.6	384.3	18.6	3.6	3.6
P(KG)	4.1	237.1	16.6	5.6	26.6

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ PGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
 PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUÂN - NAM LÝ - PHƯỜNG ĐÔNG HỚI - TỈNH QUẢNG TRỊ
 ĐTDĐ: 0904.278678 - Fax: 84 - 0904.278678
 Email: dongnamph@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM:

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

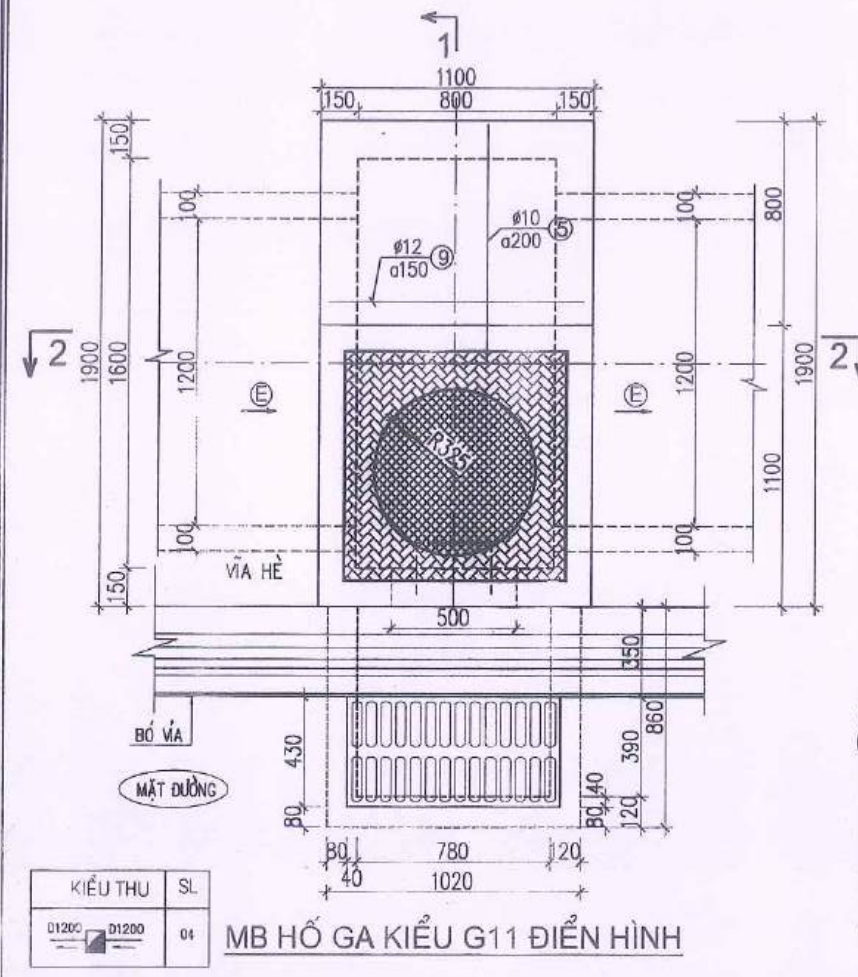
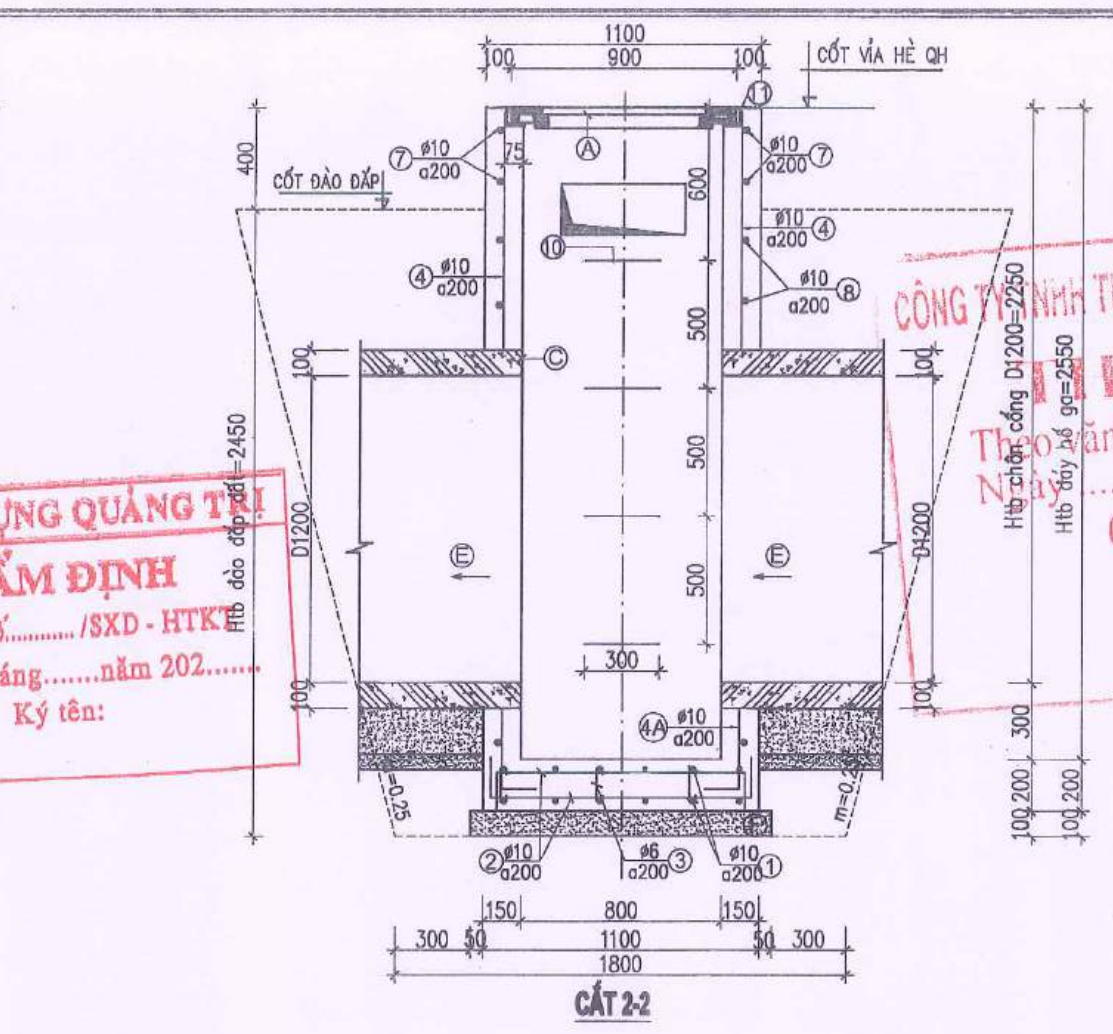
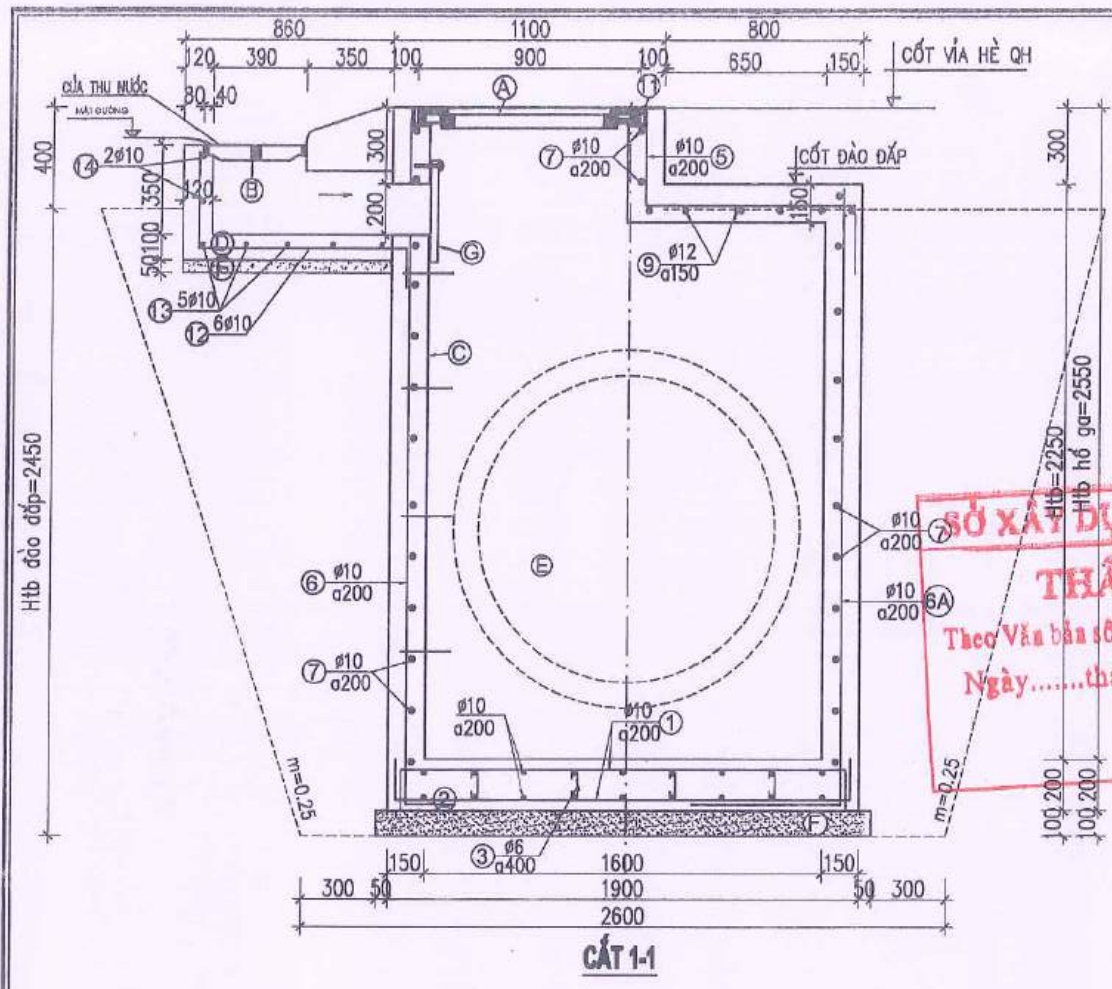
TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT HỖ GA G10

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CTNM - 1.1

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G11 (4 HỖ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KHỐI LƯỢNG TB 01 HỖ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m ³	2.45/6*(1.8*2.6+3.025*3.825+4.825*6.425)	19.294	77.18
2	Khối lượng đắp	m ³	19.294*(1.2*2.0*0.1+1.1*1.9*2.35)	14.14	56.57
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m ³	1.1*1.9*0.2+(1.1+1.6)*2*0.15*2.25+(1.1+0.8)*2*0.15*0.3+0.8*0.8*0.15*2*3.14*1.4*2/4*0.15-0.5*0.2*0.15	2.03	8.12
4	Bê tông cửa thu nước, đá 1x2, M250	m ³	1.02*0.86*0.1+1.02*0.35*0.12+0.74*0.35*0.12*2	0.193	0.77
5	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m ³	1.2*2.0*0.1+1.02*0.86*0.05	0.28	1.14
6	Ván khuôn hố ga	m ²	(1.1+1.9)*2*2.45+(0.8+1.6)*2*2.1+(1.1+0.8)*4*0.3+0.8*0.8*2*3.14*1.4*0.15+(0.5+0.2)*2*0.15	29.23	116.92
7	Ván khuôn bê tông lót	m ²	(1.2+2.0)*2*0.1+(1.02+0.86)*0.05*2	0.83	3.31
8	Ván khuôn cửa thu nước	m ²	(1.02+0.86)*0.1*2+(1.02+0.78)*0.35+(0.86+0.74)*0.35*2	2.13	8.50
9	Cốt thép D6	kg	0.8	0.8	3.20
10	Cốt thép D10	kg	131.7	131.7	526.80
11	Cốt thép D12	kg	6.2	6.2	24.80
12	Cốt thép D16	kg	5.6	5.6	22.40
13	Thép L70x70x7	kg	26.6	26.6	106.40
14	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 12.5 tấn	bộ	1	1	4.00
15	Lưới chắn rác bằng gang mua sẵn, kt (800x400x2.5)mm, tải trọng 25 tấn	bộ	1	1	4.00
16	Tấm cao su ngăn mùi, kt (600x400x2.5), liên kết vít nở D10, L=60 (2 cái/1tấm)	bộ	1	1	4.00

- GHI CHÚ:**
- (A) NẮP HỐ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG B=12.5TẤN. (KHUNG DƯỠNG VUÔNG (900X900X60)MM, NẮP TRÒN Ø650MM.)
 - (B) LƯỚI CHẮN RÁC BẰNG GANG MUA SẴN, B25 TẤN
 - (C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
 - (D) BTCT M250 ĐÁ 1X2
 - (E) ỐNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
 - (F) BT LỚT M100, ĐÁ 1X2
 - (G) TẤM CAO SU NGĂN MÙI KT(600X400X2.5)mm LIÊN KẾT VÍT NỖ D10, L=60 (2CÁI/1TẤM)

* THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
 * CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; R_s=R_{se} =2300 KG/CM2
 * CỐT THÉP ≥ D10 DÙNG THÉP CB300-V; R_s=R_{se} =2800 KG/CM2
 * KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM H DẪY CỐNG VÀ H DẪY HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC DỤC.

BẢNG THỐNG KÊ THÉP (01 HỖ)

SỐ TT	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI (M)
1	200 1800 200	10	2200	12	26.4
2	200 1000 200	10	1400	20	28.0
3	50 150 50	6	250	15	3.8
4	200 850 200	10	1050	16	16.8
5	400 1050 200	10	1650	6	9.9
6	200 2650 200	10	2650	10	26.5
6a	200 2350 200	10	2550	10	25.5
7	200 950 200	10	1350	30	40.5
8	200 1800 200	10	2200	08	17.6
9	1000	12	1000	7	7.0
10	200 300 200	16	900	4	3.6
11	100 100	16	900	4	3.6
12	200 830 380	10	1410	6	8.46
13	380 930 380	10	1690	5	8.45
14	380 930 380	10	1690	2	3.38

TỔNG HỢP THÉP 01 HỖ

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	3.8	0.8
2	10	213.5	131.7
3	12	7.0	6.2
4	16	3.6	5.6
5	L70x70x7	3.6	26.6

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PT&D LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
 PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
 QUYÊN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
 TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:.....

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

GIÁM ĐỐC

CHỦ NHIỆM

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

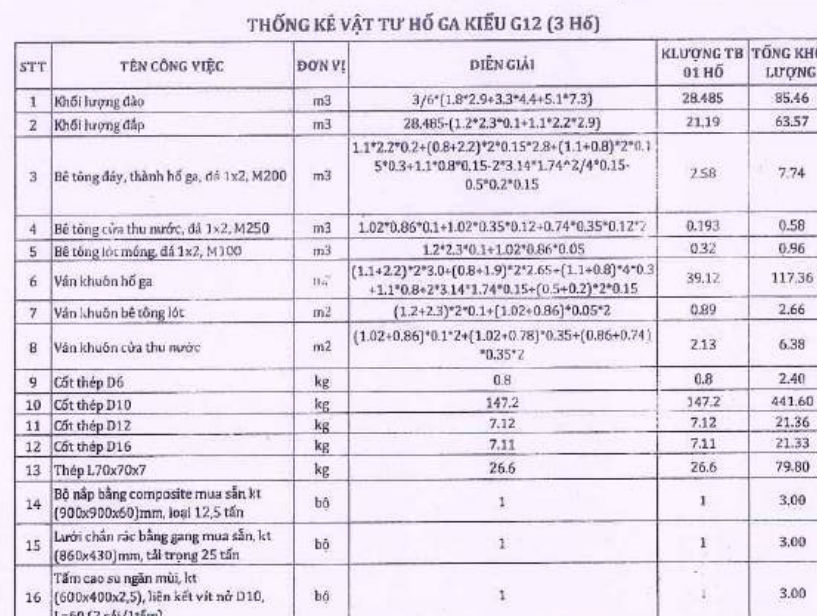
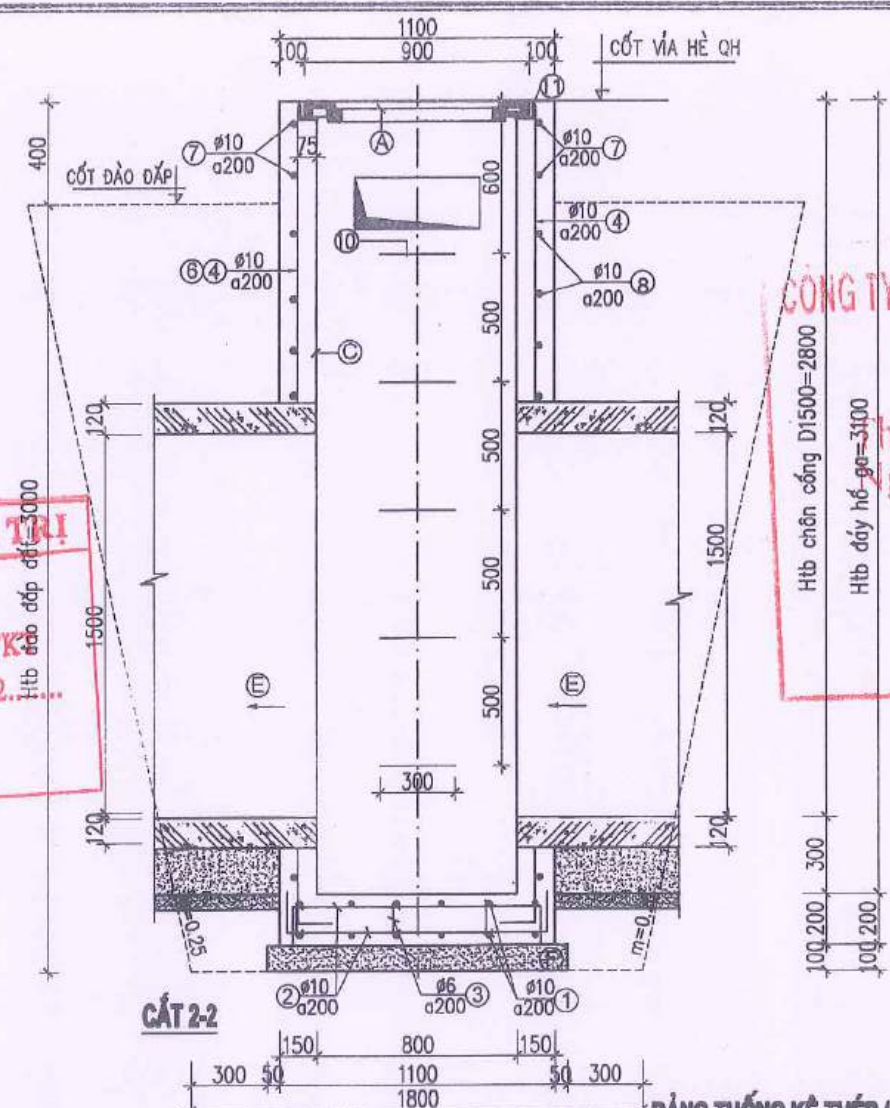
TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT HỐ GA G11

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CTNM - 15

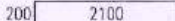
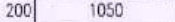
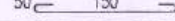
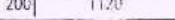
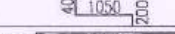
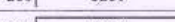
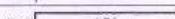
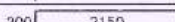
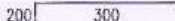
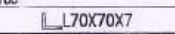
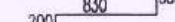
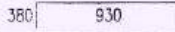
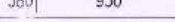
GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



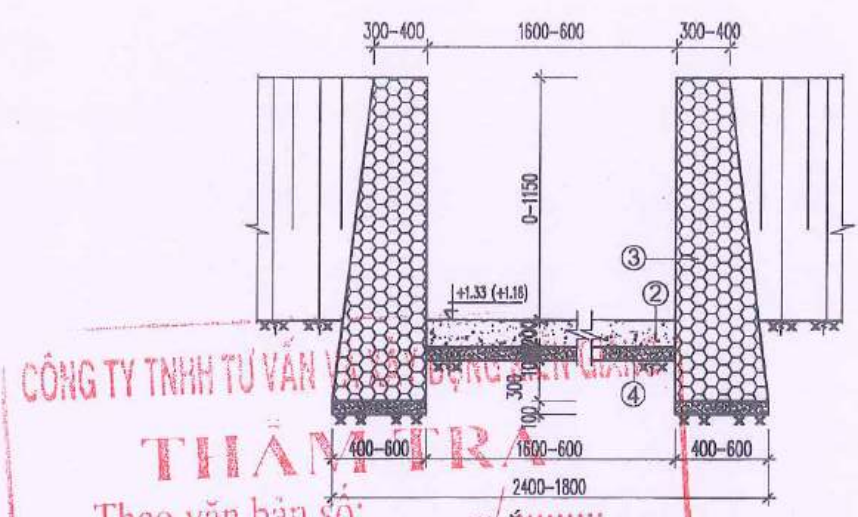
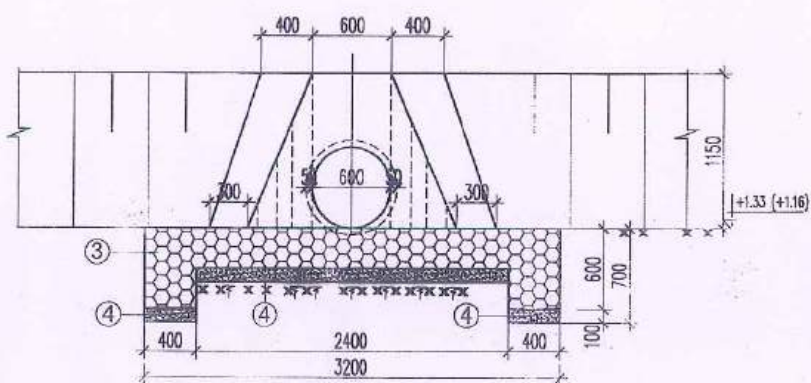
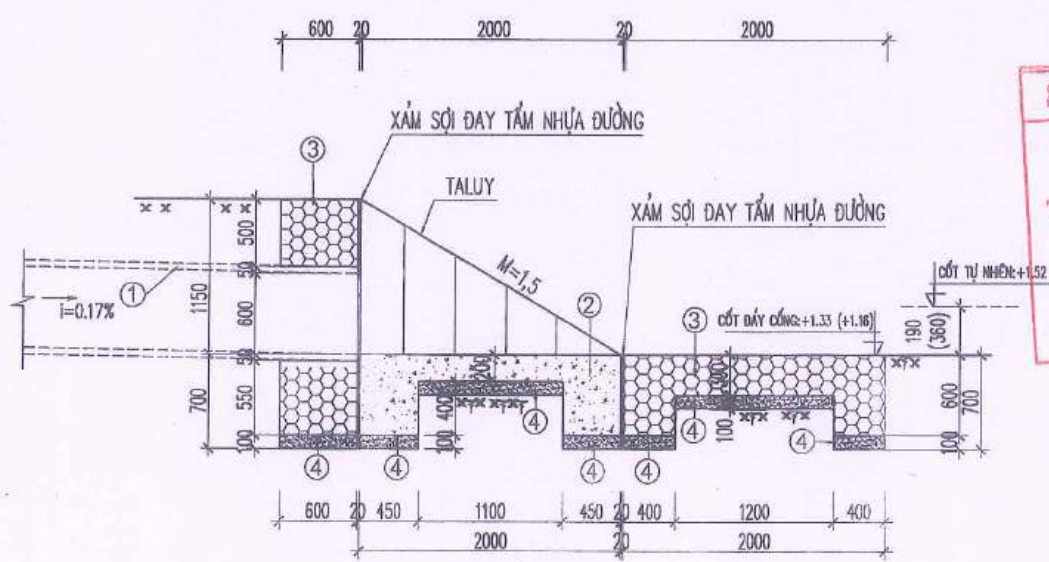
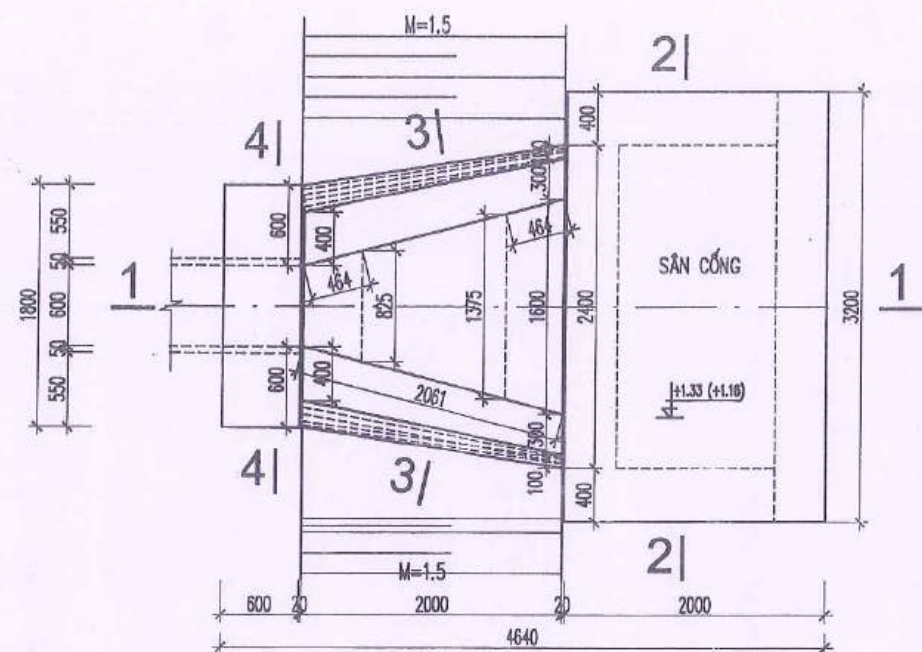
(A) NẮP HỖ GA BẰNG COMPOSITE, TẢI TRỌNG $B=12,5T$ ẤN.
 (KHUONG DƯNG VUONG (900X900X60)MM, NẮP TRON Ø650MM.)
 (B) LƯỚI CHẦN RÁC BẰNG GANG MUA SẴN, B25 TẤN
 (C) BTCT M200 ĐÁ 1X2
 (D) BTCT M250 ĐÁ 1X2
 (E) ỐNG CỐNG BTCT ĐÚC SẴN
 (F) BT LỚT M100, ĐÁ 1X2
 (G) TẤM CAO SU NGĂN MÙI KT(800X400X2.5)mm
 KIẾN KẾT VÍT NÚT D10, L=60 (2CÁI/1TẤM)

- * THÉP L70X70X7 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP < D10 DÙNG THÉP CB240-T; $R_s=R_{se}=2300 \text{ KG/CM}^2$
- * CỐT THÉP $\geq$ D10 DÙNG THÉP CB300-V; $R_s=R_{se}=2800 \text{ KG/CM}^2$
- * KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM H DẪY CÔNG VÀ H DẪY HỒ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC ĐỒ.

SỐ t.t	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 thanh MM	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI M
1		10	2500	12	30.0
2		10	1450	20	29.0
3		6	250	15	3.8
4		10	1320	18	23.8
5		10	1650	6	9.9
6		10	3450	8	27.6
6a		10	3150	8	25.2
7		10	1350	35	47.25
8		10	2550	10	25.5
9		12	1000	8	8.0
10		16	900	5	4.5
11			3600	1	3.6
12		10	1410	6	8.46
13		10	1690	5	8.45
14		10	1690	2	3.38

SỐ TT	ø (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	5	3.8	0.8
2	10	238.5	147.2
3	12	8.0	7.12
4	16	4.5	7.11
5	170x70x7	3.6	26.6

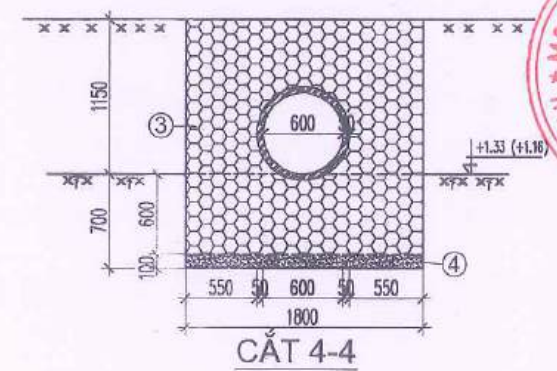
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



GHI CHÚ

- ① CỐNG BTLT D1200
- ② BT M200 ĐÁ 1x2
- ③ XÂY ĐÁ HỌC M200 VXM M100
- ④ ĐỆM SẠN ĐẦM DÀY 100MM

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:



THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG CỦA XÃ D600 (2 CX)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	K.LƯỢNG 01 CỦA XÃ	TỔNG KL
1	Đá học tường đầu XM M100	m3	$1.75 \times 1.8 \times 0.6 - 3.14 \times 0.7^2 / 4 \times 0.6$	1.66	3.32
2	Đá học tường cánh VXM M100	m3	$1/2 \times 2.0 \times 1.85 \times ((0.3 + 0.4)/2 + (0.4 + 0.6)/2)$	1.57	3.15
3	Bê tông móng tường cánh, M200, đá 1x2	m3	$2.0 \times ((0.6 + 1.6) \times 0.2/2 + 0.45/2 \times 0.4 \times ((0.6 + 0.825) + (1.6 + 1.375)))$	0.84	1.67
4	Đá học xây VXM M100 sân cống	m3	$1.2 \times 3.2 \times 0.3 + 2 \times 3.2 \times 0.4 \times 0.6 + 2 \times 1.2 \times 0.4 \times 0.3$	2.98	5.95
5	Đệm sạ n đầ m cho cồ ng D600 và tườ ng đầ u, tườ ng cầ n, sạ n cồ ng	m3	$0.7 \times 2 \times 0.1 + 0.6 \times 1.8 \times 0.1 + 2.0 \times (0.6 + 1.6) \times 0.1/2 + 3.2 \times 2.0 \times 0.1$	1.11	2.22
6	Đào hố móng	m3	$3.2 \times 4.64 \times 1.85$	27.47	54.94
7	Ván khuôn đồ BT móng tường cánh	m2	$0.4 \times (0.6 + 0.825) + 0.4 \times 0.464 \times 2 + 0.4 \times (1.6 + 1.375) + 2 \times 2.061 \times 0.2$	2.96	5.91

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐDD và PGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT THIỂN CƯỠNG ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ
QUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒNG NAM

GIÁM ĐỐC
 KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM
 KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:
 KS. TRỊNH THỊ HUƠNG

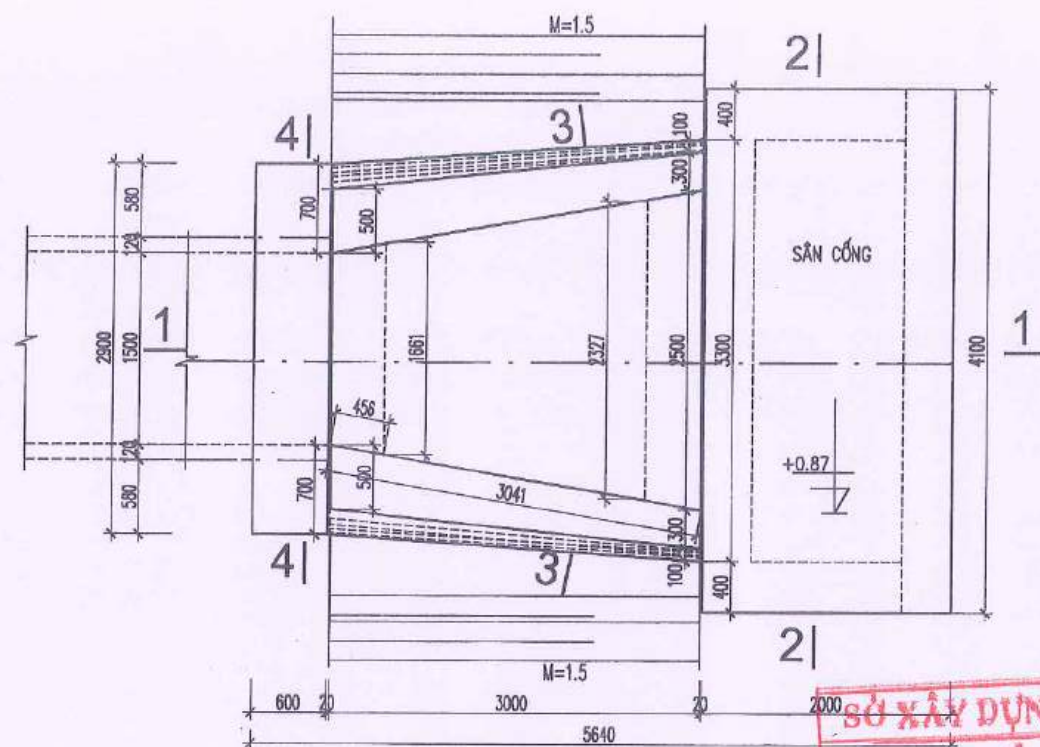
KIỂM:
 KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ:
 CHI TIẾT CỦA XÃ D600
 KHỐI LƯỢNG CỦA XÃ D600

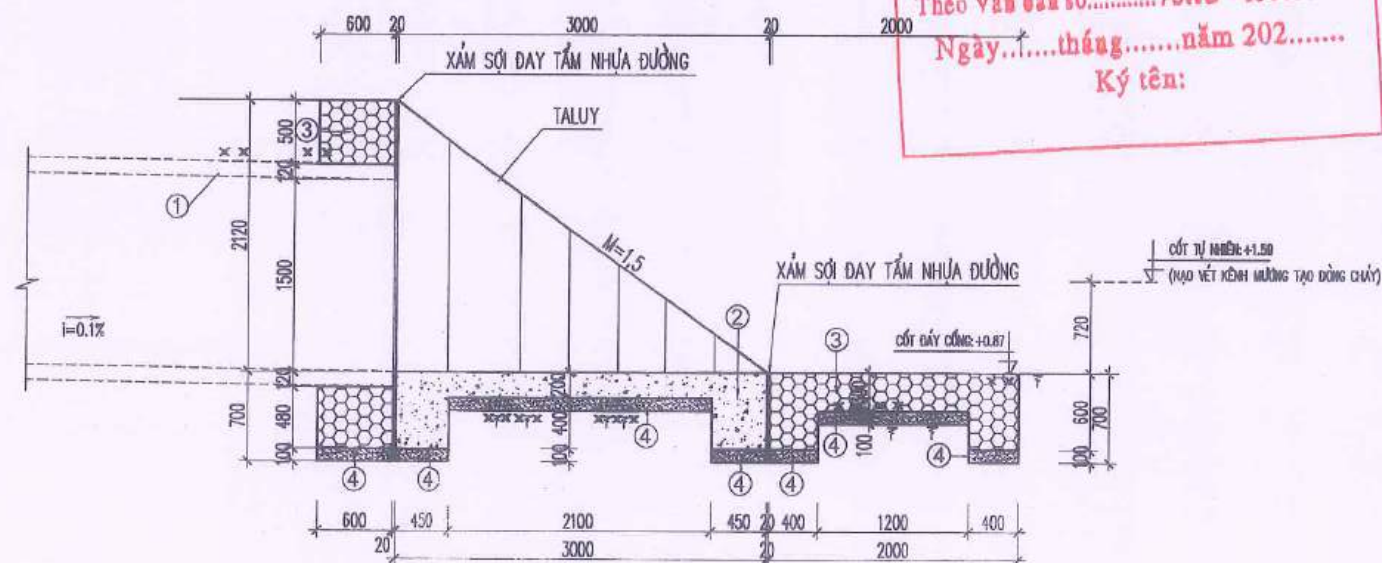
KÝ HIỆU BẢN VẼ:
 CTNM - 17

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

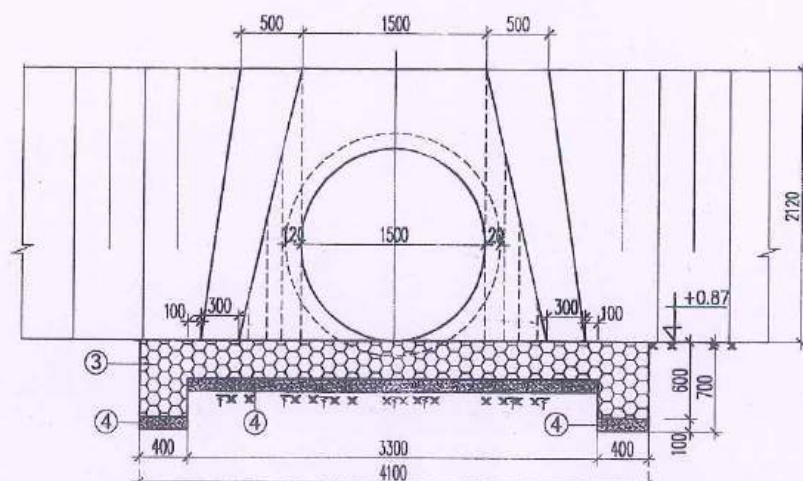
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



MẶT BẰNG MIỆNG XÃ D1500



CẮT 1-1



CẮT 2-2

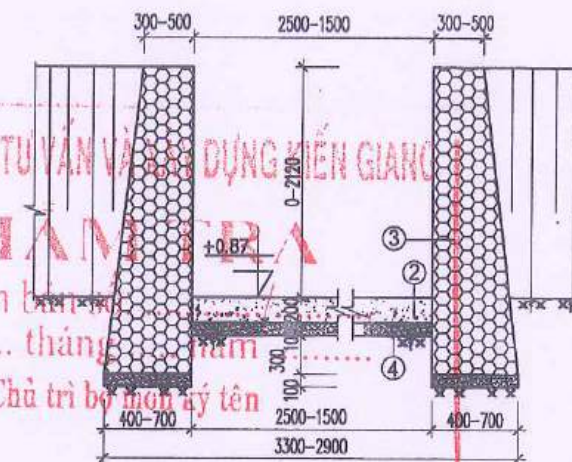
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIÁC

THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Chủ trì bộ môn kỹ thuật

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

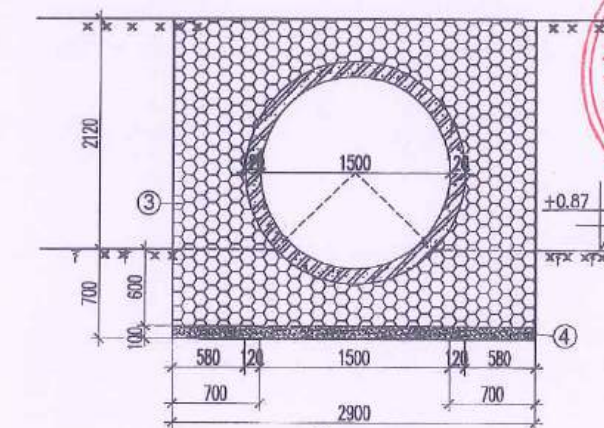
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



CẮT 3-3

GHI CHÚ

- 1 CỐNG BTLT D1200
- 2 BT M200 ĐÁ 1x2
- 3 XÂY ĐÁ HỘC M200 VXM M100
- 4 ĐỆM SẠN ĐÁM DÀY 100MM



CẮT 4-4

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG CỬA XÃ D1500

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	K.LƯỢNG 01 CỬA XÃ
1	Đá hộc tường đầu XM M100	m ³	$2.82 \times 2.9 \times 0.6 - 3.14 \times 1.74^2 / 4 \times 0.6$	3.48
2	Đá hộc tường cánh VXM M100	m ³	$1/2 \times 3.0 \times 2.82 \times ((0.3 + 0.5) / 2 + (0.4 + 0.7) / 2)$	4.02
3	Bê tông móng tường cánh, M200, đá 1x2	m ³	$3.0 \times ((1.5 + 2.5) \times 0.2 / 2 + 0.45 \times 2 \times 0.4 \times ((1.5 + 1.661) - (2.5 + 2.327)))$	1.92
4	Đá hộc xây VXM M100 sân cống	m ³	$1.2 \times 4.1 \times 0.3 + 2 \times 4.1 \times 0.4 \times 0.6 + 2 \times 1.2 \times 0.4 \times 0.3$	3.73
5	Đệm sạ n đ ả m cho c ố n g D600 và t ầ u g đ ầ u, t ầ u g c ầ n g, s ầ n c ố n g	m ³	$1.74 \times 2 \times 0.1 + 0.6 \times 2.9 \times 0.1 + 3.0 \times ((1.5 + 2.5) \times 0.1 / 2 + 4.1 \times 2 \times 0.1)$	1.94
6	Đào hố móng	m ³	$4.1 \times 5.64 \times 2.82$	6.21
7	Ván khuôn đổ BT móng tường cánh	m ²	$0.4 \times ((1.5 + 1.661) + 0.4 \times 0.456 \times 2 + 0.4 \times (2.5 + 2.327)) \times 2 + 3.041 \times 0.2$	4.78

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ MGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN QUÝ DẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
QUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ : SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - NAM LÝ
PHƯỜNG ĐÔNG HÒI - TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐT: 04 - 0826.278678 - Fax: 04 - 0826.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM
TP. ĐÔNG HÒI - T. QUẢNG TRỊ

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

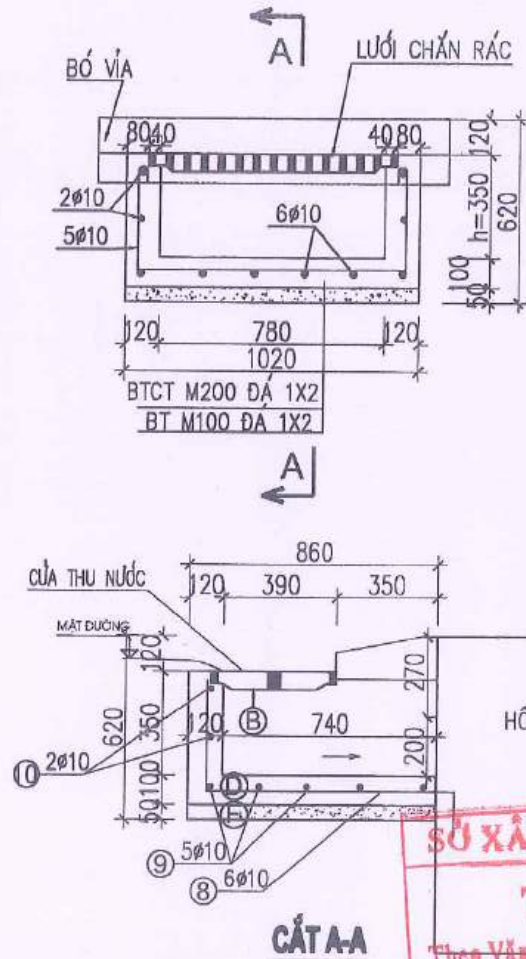
CHI TIẾT CỬA XÃ D1500
KHỐI LƯỢNG CỬA XÃ D1500

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CTNM - 18

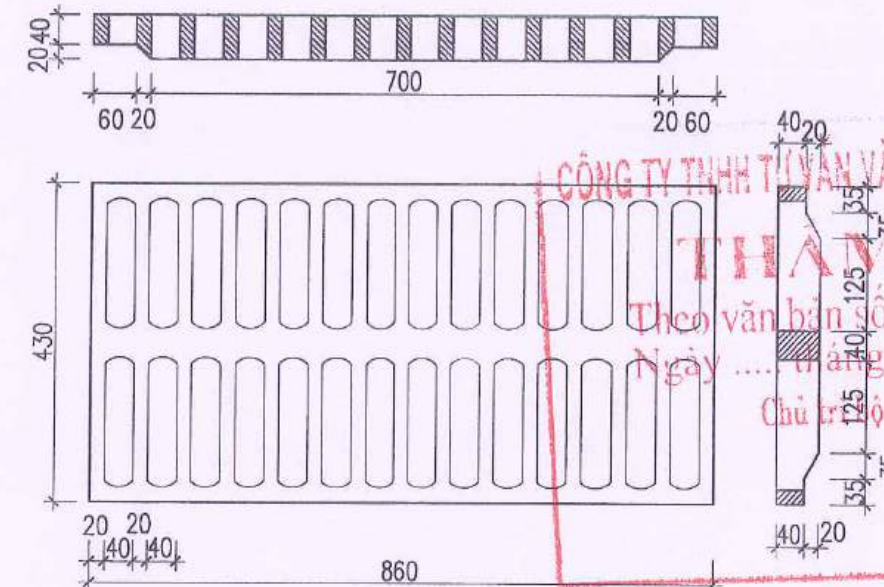
GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

CT CỦA THU NƯỚC ĐIỂN HÌNH, TL : 1/25



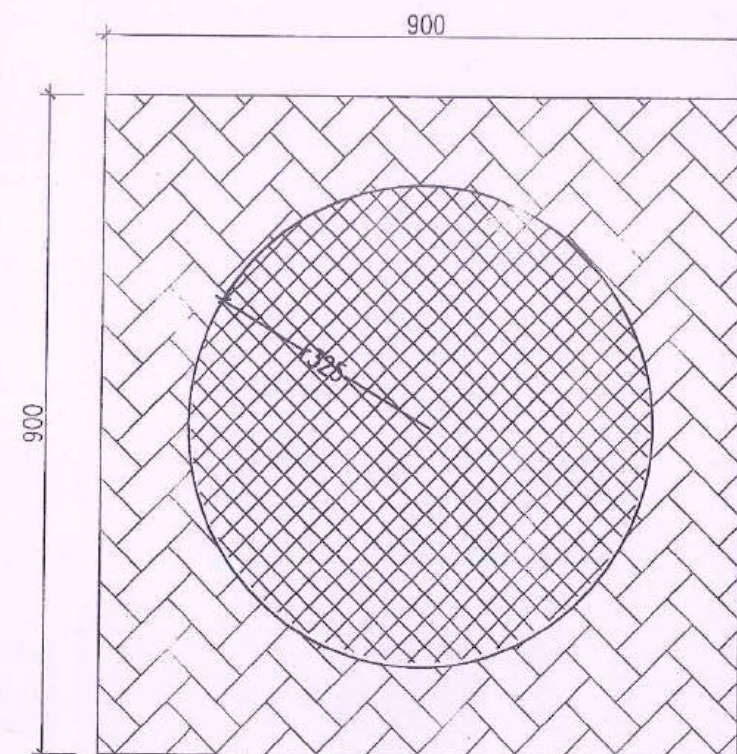
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số/SXD - HTKT
Ngày tháng năm 202.....
Ký tên:



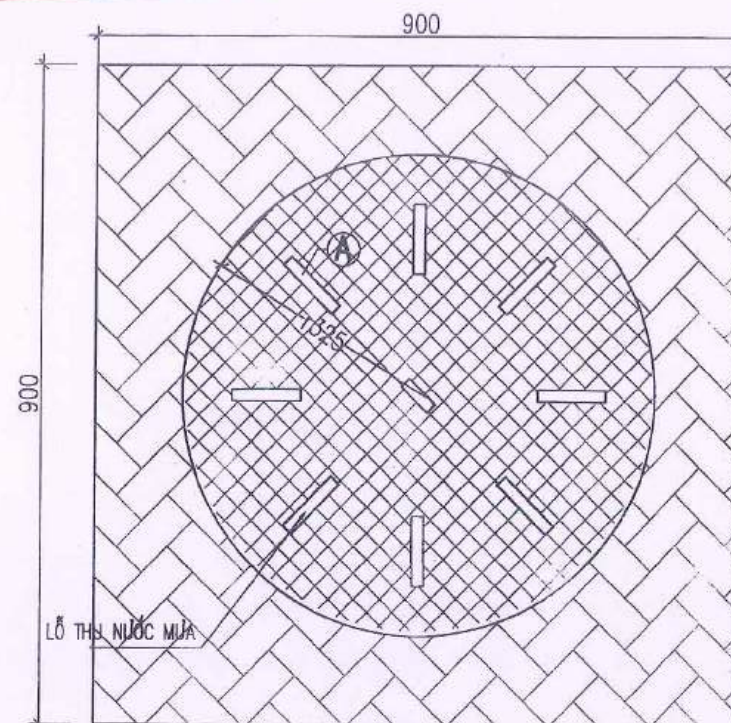
CHI TIẾT TẮM CHẮN RÁC BẰNG GANG

GHI CHÚ:

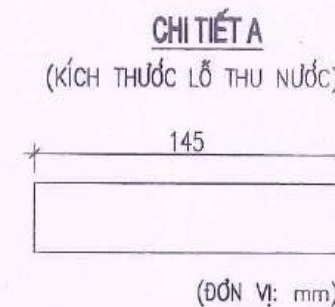
- LƯỚI CHẮN RÁC BẰNG GANG MUA SẴN, KT(860X430)MM
- TẢI TRỌNG H=25 TẤN



CT TẮM ĐẠN COMPOSITE, TẢI TRỌNG 12,5 TẤN TRÊN VÍA HÈ



CT TẮM ĐẠN COMPOSITE, TẢI TRỌNG 25 TẤN - TRÊN MẶT ĐƯỜNG



CHI TIẾT A

(KÍCH THƯỚC LỖ THU NƯỚC)

145

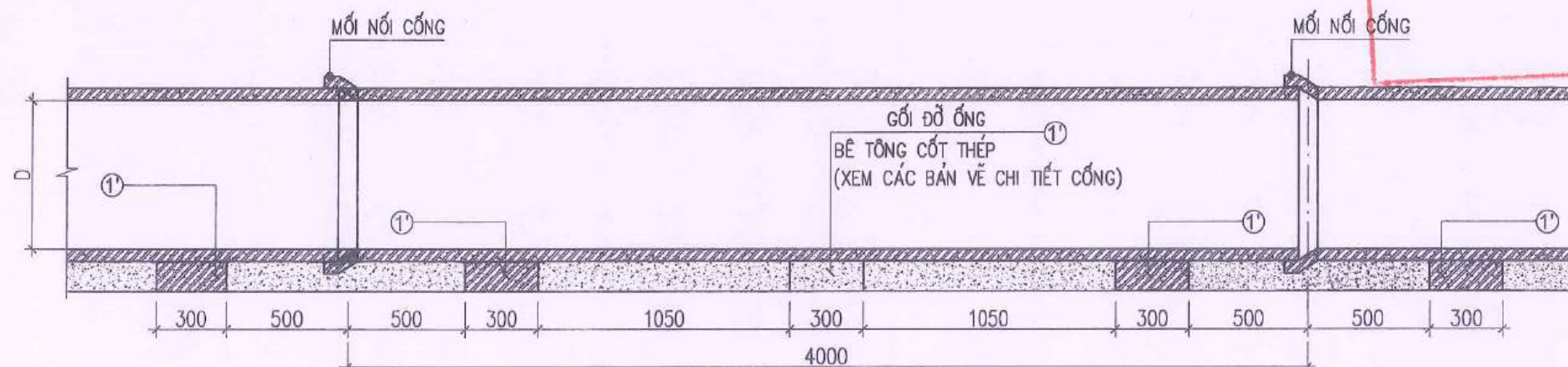
28

(ĐƠN VỊ: mm)

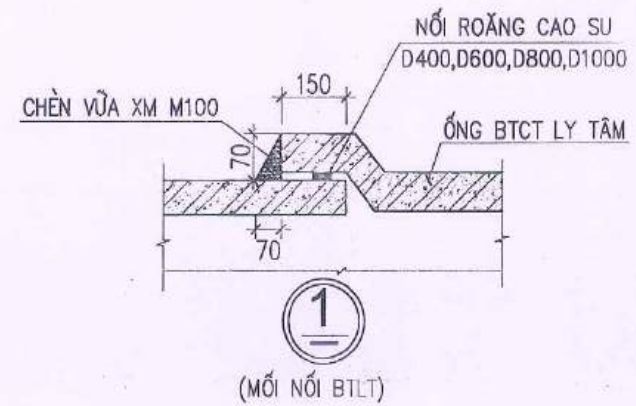
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY	
CÔNG TRÌNH: PHÁT TRIỂN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY	
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ	
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA	
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	
 Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý Thành Phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình ĐT: 04 - 0826.270678 - Fax: 04 - 0826.270678 Email: dongnamqb@gmail.com	
GIÁM ĐỐC KS. BUI MINH PHÚC	
CHỦ NHIỆM KS. BUI MINH PHÚC	
CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN: KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG	
KIỂM: KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG	
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT MỆNG THU NƯỚC TẠI HỒ GA	
KÝ HIỆU BẢN VẼ: CTNM - 19	
GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ SVTC	
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026	



CẮT DỌC ĐIỂN HÌNH CỐNG ĐI QUA ĐƯỜNG



CẮT DỌC ĐIỂN HÌNH CỐNG ĐI TRÊN VÍA HÈ

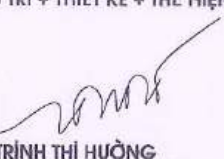


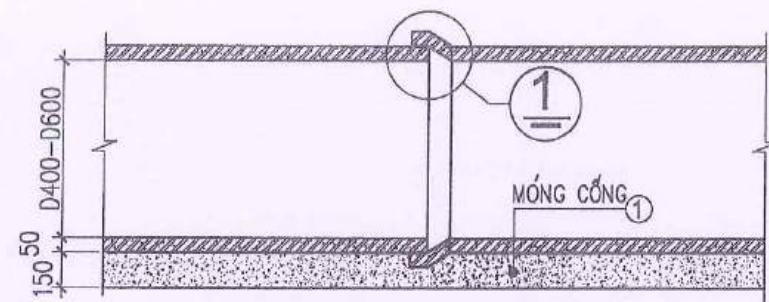
GHI CHÚ:

- CỐNG BTLT ĐÚC SẴN, LOẠI ĐỐT CỐNG DÀI 4M.
- CỐNG BĂNG QUA ĐƯỜNG DÙNG LOẠI C.
- CỐNG TRÊN VÍA HÈ DÙNG LOẠI TC.

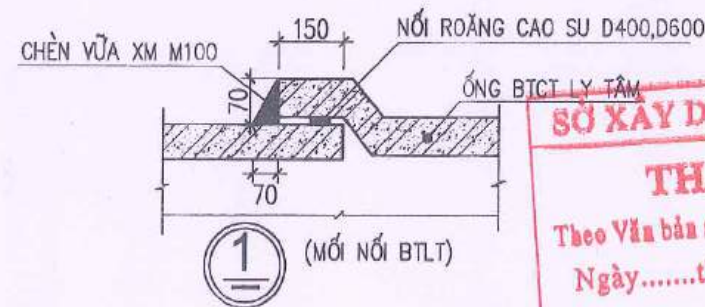
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

THẨM TRA
 Theo văn bản số:/
 Ngày tháng năm
 Chủ trì bộ môn ký tên

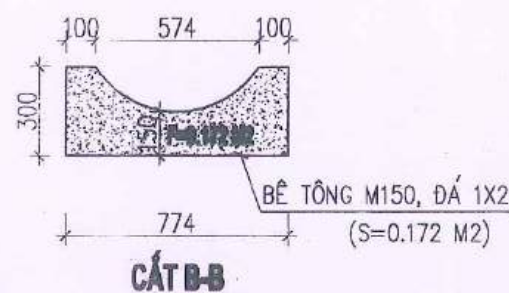
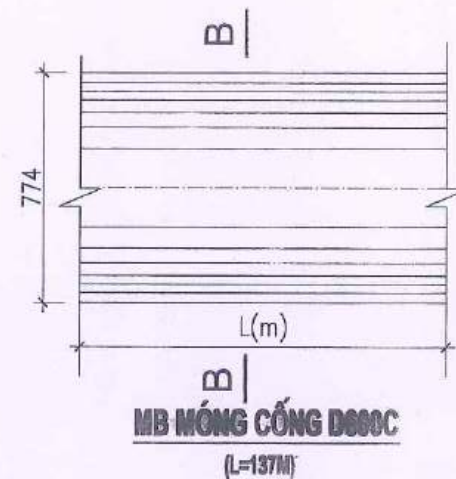
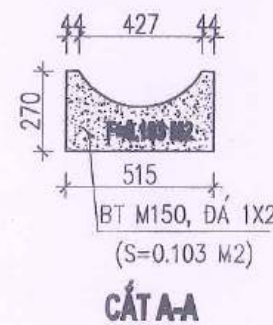
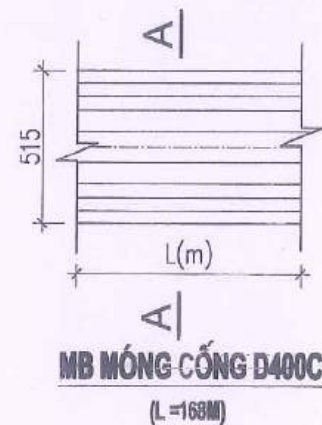
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY	
CÔNG TRÌNH: PHÁT TRIỂN QUẢN LÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ CHUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY	
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ	
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA	
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	
	
ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH ĐĐT: 04 - 0236.278678 - Fax: 04 - 0236.278678 Email: dongnamqb@gmail.com	
GIẤM ĐỐC 	KS. BÙI MINH PHÚC
CHỦ NHIỆM 	KS. BÙI MINH PHÚC
CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN: 	KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG
KIỂM: 	KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG
TÊN BẢN VẼ CẮT DỌC CỐNG QUA ĐƯỜNG, CỐNG ĐI TRÊN VÍA HÈ	
KÝ HIỆU BẢN VẼ: CTNM - 20	
GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC	
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026	



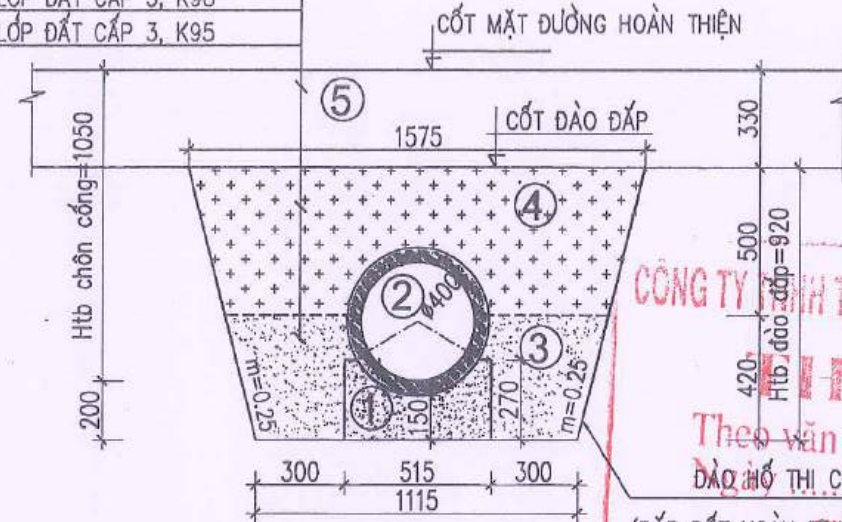
CẮT DỌC CỐNG QUA ĐƯỜNG D400C; D600C
(TỔNG CHIỀU DÀI D400C=168M; D600C=137M)



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

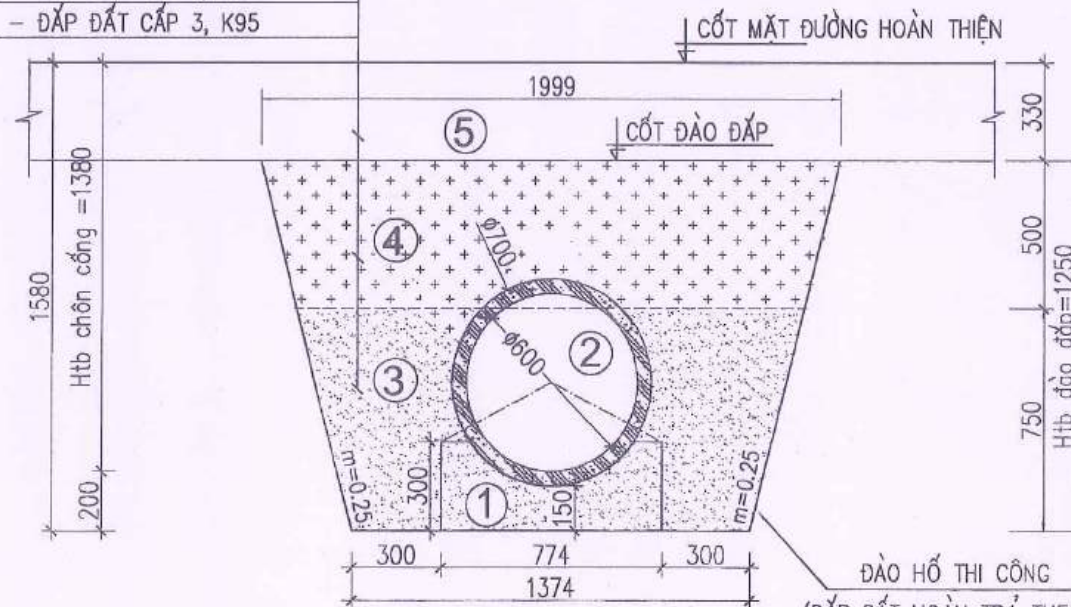


- CÁC LỚP KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG
- LỚP ĐẤT CẤP 3, K98
- LỚP ĐẤT CẤP 3, K95



MÓNG CỐNG VÀ ĐÀO Rãnh CHỖN ỐNG D400C

- CÁC LỚP KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG
- LỚP ĐẤT CẤP 3, K98
- ĐẬP ĐẤT CẤP 3, K95



MÓNG CỐNG VÀ ĐÀO Rãnh CHỖN ỐNG D600C

GHI CHÚ

- ① MÓNG CỐNG BT M150, ĐÁ 1X2
- ② ỐNG CỐNG BTCT QUA ĐƯỜNG LOẠI C
- ③ LỚP ĐÀO ĐẮP ĐẤT CẤP 3 - K95
- ④ LỚP ĐÀO ĐẮP ĐẤT CẤP 3 - K98
- ⑤ CÁC LỚP KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG HOÀN THIỆN

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PHẠM LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT HIỆN CỨT ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY - T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 04 - 0626.278678 - Fax: 04 - 0626.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

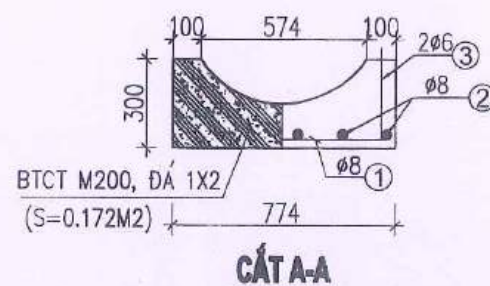
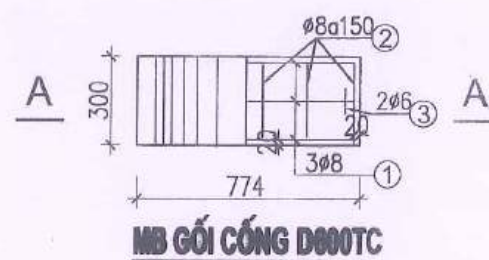
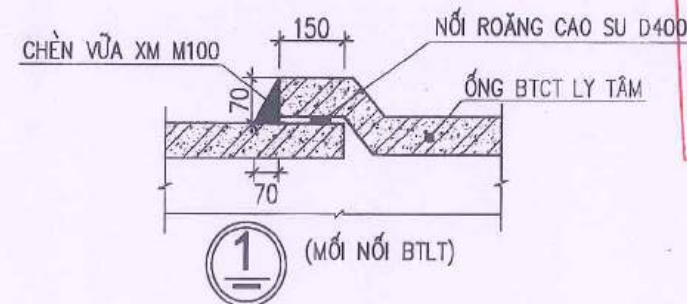
CHI TIẾT CỐNG D400, D600 QUA ĐƯỜNG

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

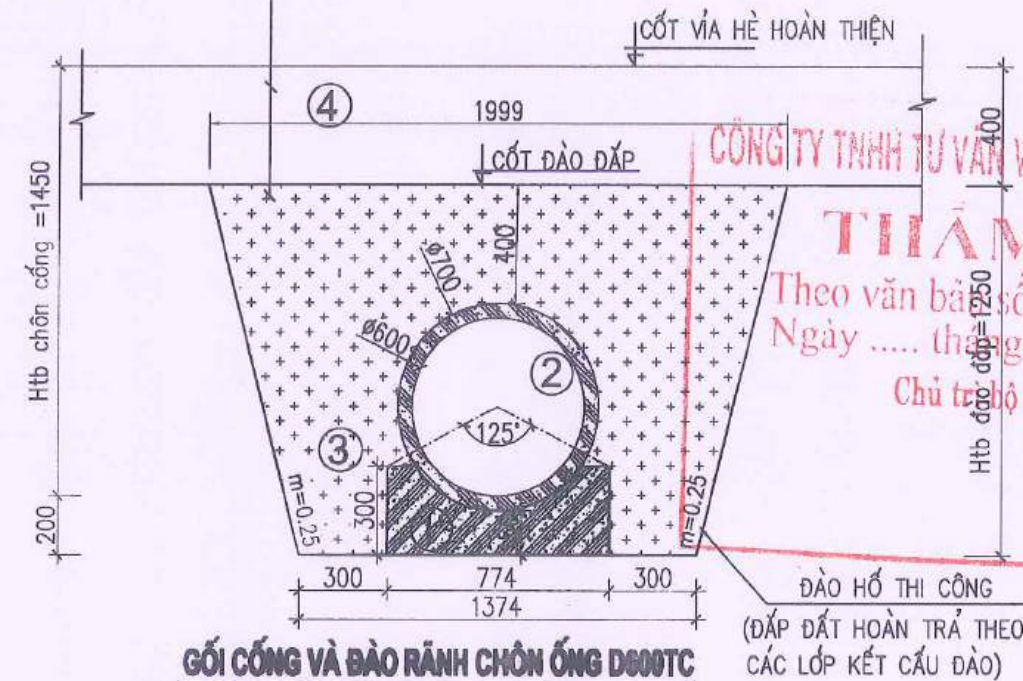
CTNM - 21

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

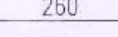
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



- CÁC LỚP KẾT VĨA HÈ HOÀN THIỆN
- LỚP ĐẤT CẤP 3, K95



BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO 01 GỐI CỐNG D600TC

SỐ t.t	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	CHIỀU DÀI 1 thanh (MM)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI (M)
1	60  60	8	854	3	2.56
2	60  60	8	380	6	2.28
3		6	1150	2	2.3

TỔNG HỢP THÉP CHO 1 GỐI CỐNG D800TC

SỐ TT	Ø (MM)	CHIỀU DÀI (M)	K. LƯỢNG (Kg)
1	6	2.3	0.51
2	8	4.84	1.88

GHI CHÚ

- (1) GỐI DỖ ỐNG TRÊN VÍA HÈ BẰNG BTCT ĐÁ 1X2, M200
- (2) ỐNG CỐNG BTLT D600 TRÊN VÍA HÈ LOẠI TC
- (3) LỚP ĐÀO ĐẬP ĐẤT CẤP 3 - K95
- (4) CÁC LỚP KẾT CẤU VÍA HÈ HOÀN THIÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ FTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

**PHÁT HIỆN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ MÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY**

ĐIỂM XD: XÃ LỆ THỦY-T. QUẢNG TRỊ.

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM**



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý
Thị trấn Phố Mới - Tỉnh Quảng Bình
ĐT: 84 - 0326.278678 - Fax: 84 - 0326.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

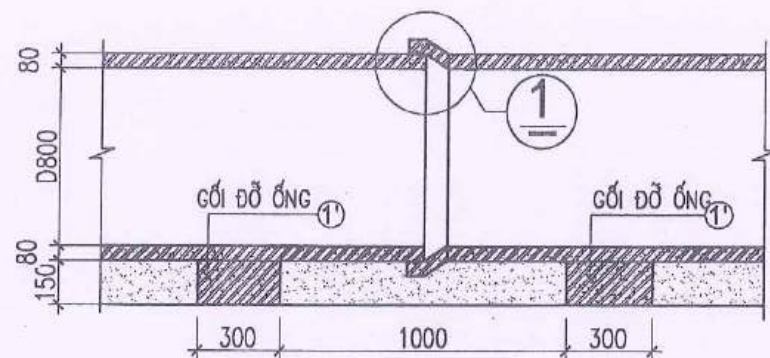
CHI TIẾT CÔNG ĐOẠT ĐI TRÊN VĨA HÈ

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

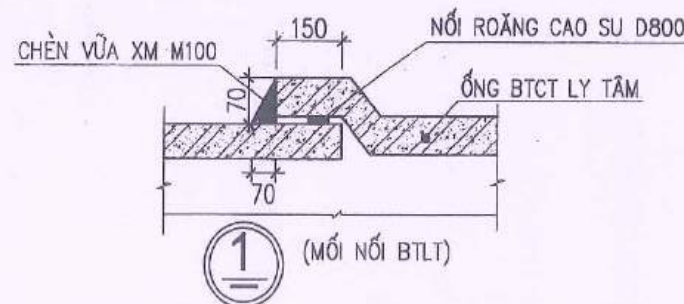
CTNM - 22

GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

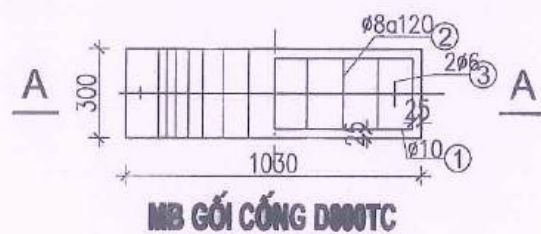
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



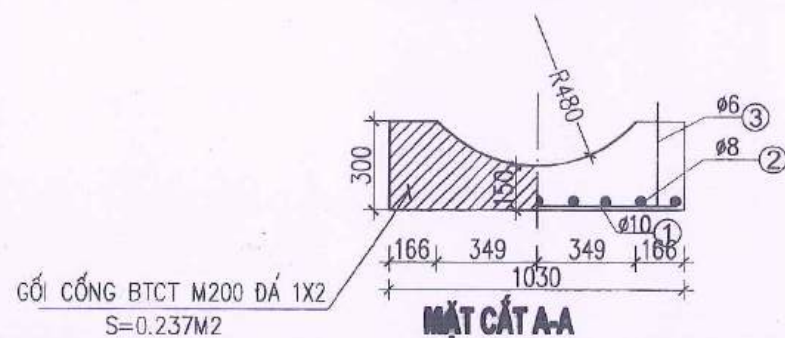
CẮT DỌC CỐNG TRÊN VÍA HÈ D800TC
(TỔNG CHIỀU DÀI D800TC=5711)



(MỐI NỐI BTLT)

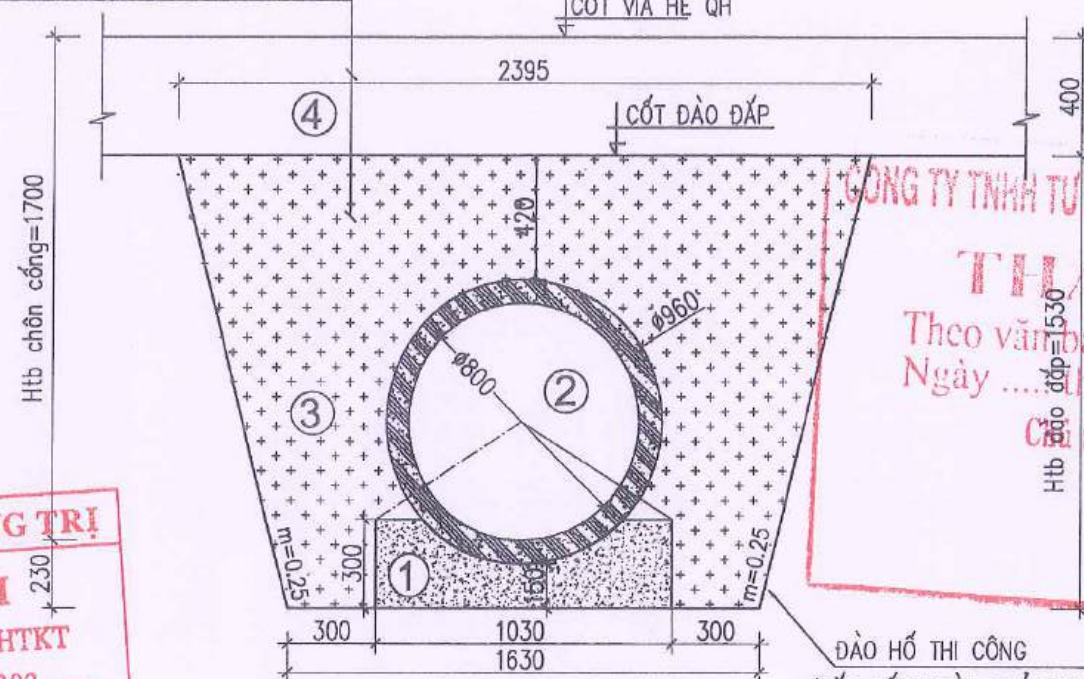


MB GỐI CỐNG D800TC



MẶT CẮT A-A

- CÁC LỚP KẾT VÍA HÈ HOÀN THIỆN
- ĐÁP ĐẤT CẤP 3, K95



GỐI CỐNG VÀ ĐÀO Rãnh CHỖN ỚNG D800TC

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO 01 GỐI CỐNG D800

SỐ t.t	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	CHIỀU DÀI 1 thanh (MM)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI (M)
1	980	8	980	3	2.94
2	60 250 60	8	370	9	3.33
3	50 50 400 50 100 100	6	1150	2	2.3

TỔNG HỢP CỐT THÉP CHO 01 GỐI CỐNG D800

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	K. LƯỢNG (Kg)
1	6	2.3	0.51
2	8	6.27	2.45

GHỊ CHÚ

- ① GỐI ĐỖ ỚNG TRÊN VÍA HÈ BẰNG BTCT ĐÁ 1X2, M200
- ② ỚNG CỐNG BTLT D800 TRÊN VÍA HÈ LOẠI TC
- ③ LỚP ĐÀO ĐẮP ĐẤT CẤP 3 - K95
- ④ CÁC LỚP KẾT CẤU VÍA HÈ HOÀN THIỆN

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ
CHUYÊN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ
HẠNG MỤC:
.....
năm
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA
ký tên

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ ĐÔNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 084 - 0826.270678 - Fax: 04 - 0826.270678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

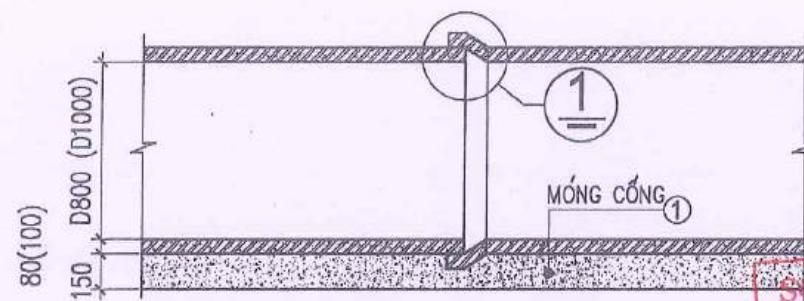
CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRINH THỊ HUƠNG

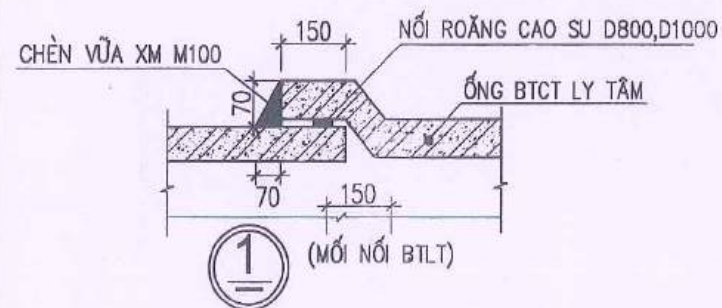
KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

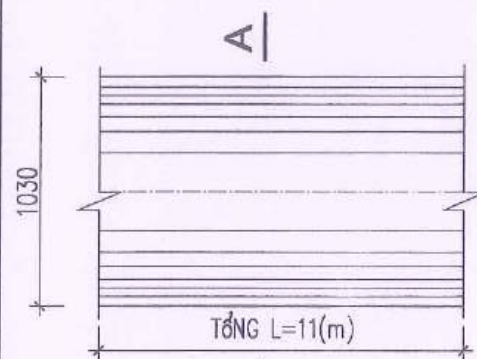
TÊN BẢN VẼ:
CHỈ TIẾT CỐNG D800TC ĐI TRÊN VÍA HÈ
KÝ HIỆU BẢN VẼ:
CTNM - 23
GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



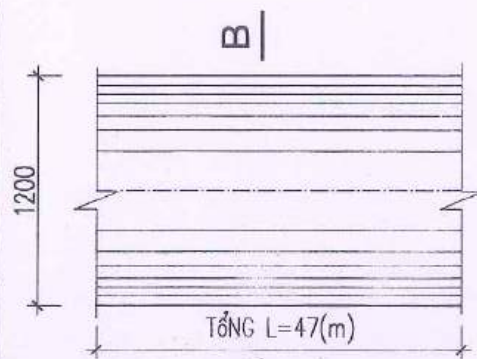
CẮT DỌC CỐNG QUA ĐƯỜNG D800C; D1000C
(TỔNG CHIỀU DÀI D800C=11M; D1000C=47M)



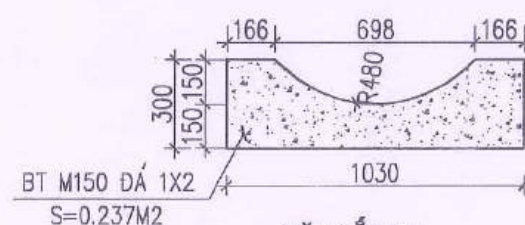
1 (MỐI NỐI BTLT)



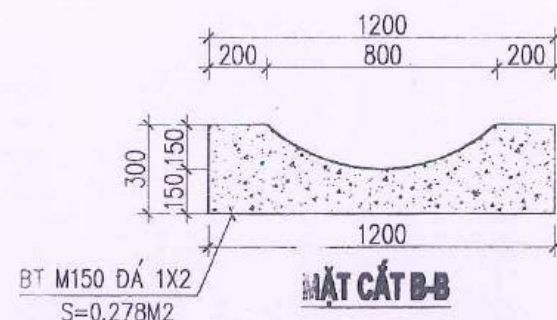
MẶT BẰNG MÓNG CỐNG D800C



MẶT BẰNG MÓNG CỐNG D1000C



MẶT CẮT A-A



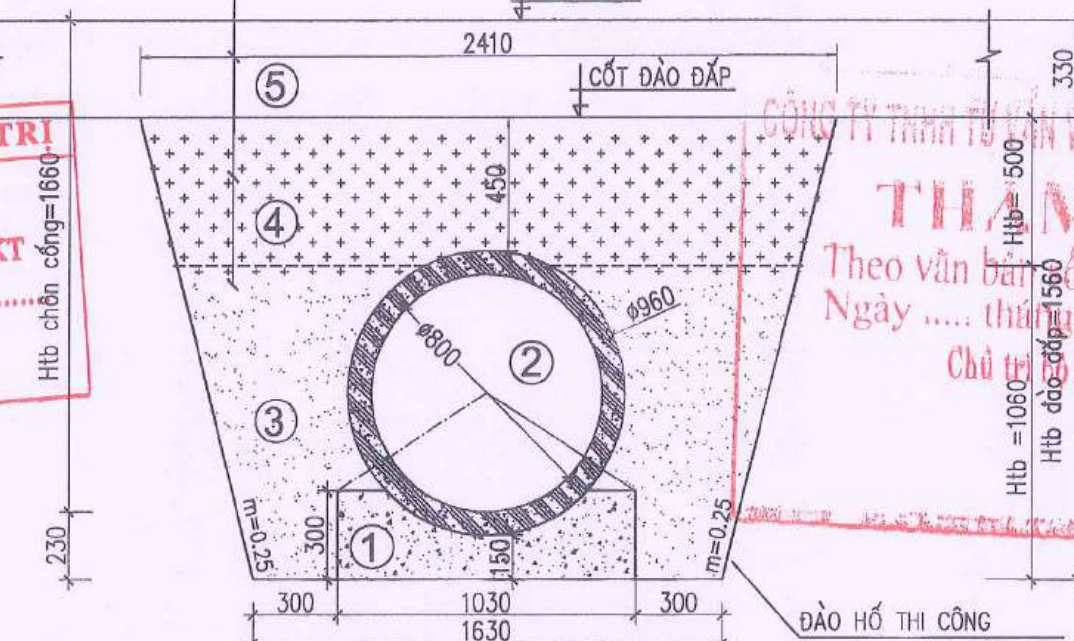
MẶT CẮT B-B

- CÁC LỚP KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG
- LỚP ĐẤT CẤP 3, K98
- ĐẤP ĐẤT CẤP 3, K95

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

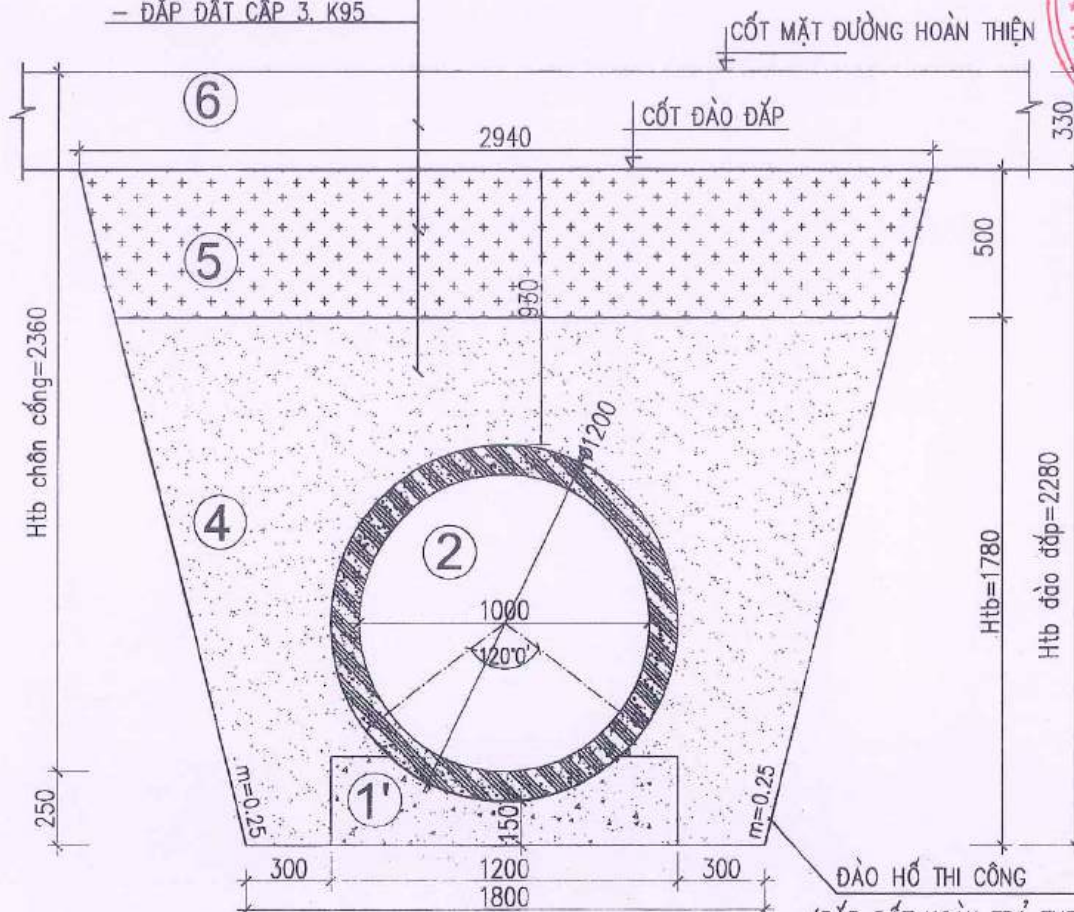
GHI CHÚ

- 1 MÓNG CỐNG BT M150, ĐÁ 1X2
- 2 ỐNG CỐNG BTLT QUA ĐƯỜNG LOẠI C
- 3 LỚP ĐÀO ĐẤP ĐẤT CẤP 3 - K95
- 4 LỚP ĐÀO ĐẤP ĐẤT CẤP 3 - K98
- 5 CÁC LỚP KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG HOÀN THIỆN



MÓNG CỐNG VÀ ĐÀO RÃNH CHÔN ỐNG D800C

- CÁC LỚP KẾT ÁO ĐƯỜNG
- ĐẤP ĐẤT CẤP 3, K98
- ĐẤP ĐẤT CẤP 3, K95



MÓNG CỐNG VÀ ĐÀO RÃNH CHÔN ỐNG D1000C

ĐÀO HỒ THI CÔNG
(ĐẤP ĐẤT HOÀN TRẢ THEO
CÁC LỚP KẾT CẤU ĐÀO)

THẨM TRA
Theo văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì.....

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
CÁI THIỆN SỞ DÙNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ
HẠNG MỤC:
.....
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý
Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
ĐT: 04 - 0226.278678 - Fax: 04 - 0226.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM
.....

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

.....
KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

KIỂM:
.....

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

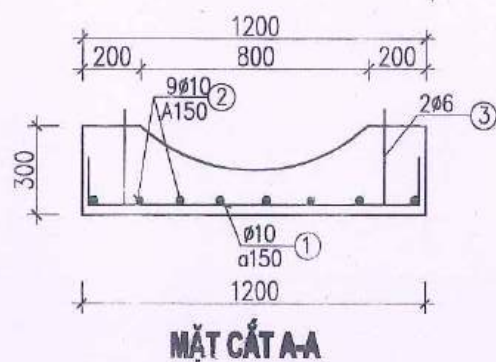
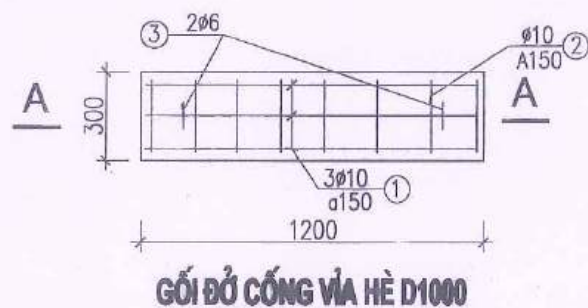
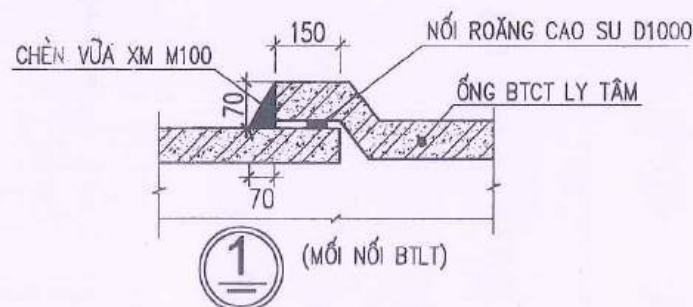
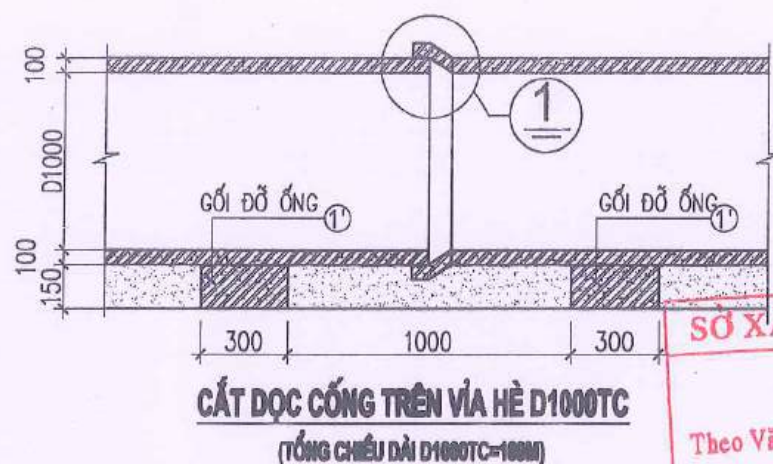
TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỐNG D800C, D1000C QUA ĐƯỜNG

KÝ HIỆU BẢN VẼ:
CTNM - 24

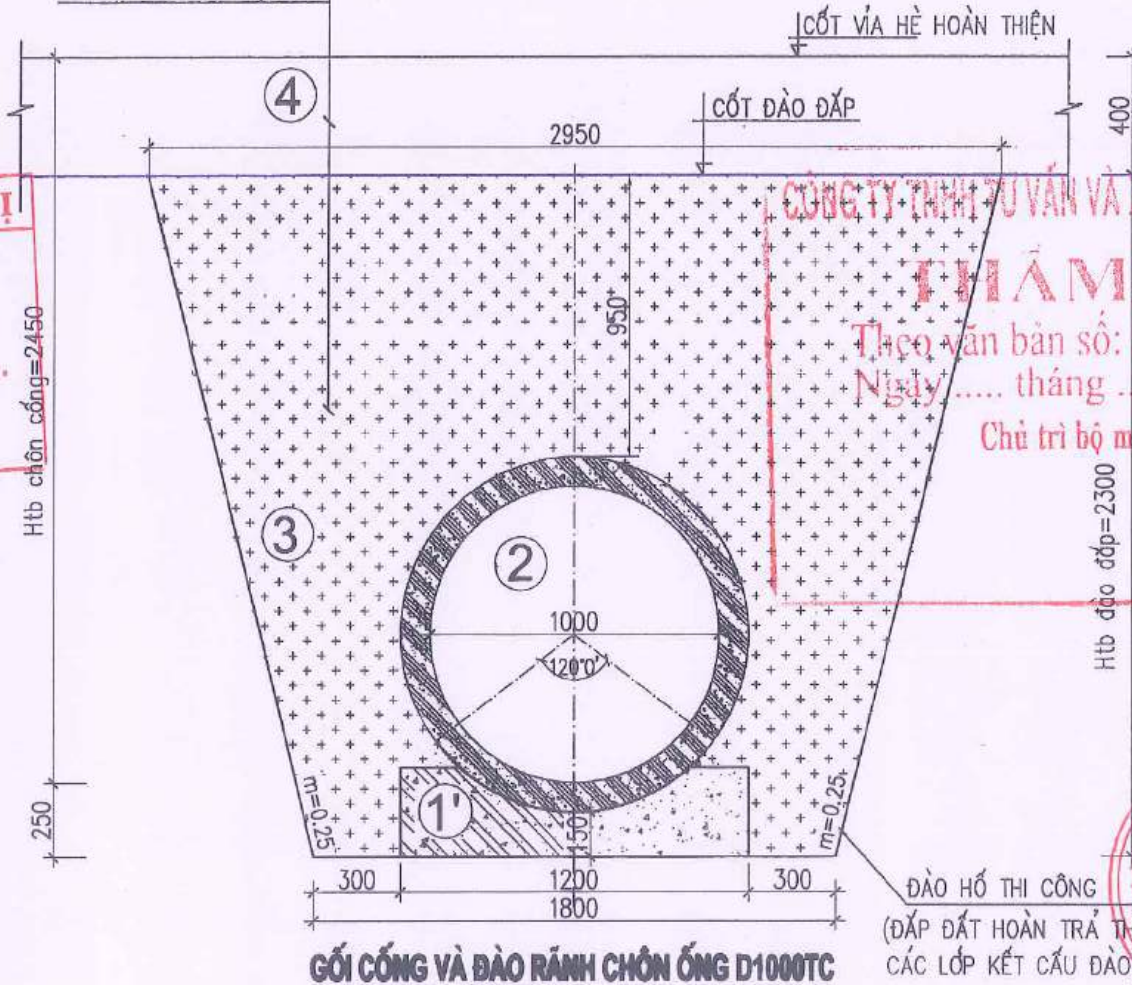
GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



SƠ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

- CÁC LỚP KẾT VÍA HÈ
- ĐÁP ĐẤT CẤP 3, K95



THỐNG KÊ THÉP GỐI CỐNG D1000

SỐ T.T	HÌNH DÁNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 THANH MM	SỐ THANH	CHIỀU DÀI M
1	200 1150 200	10	1550	3	4.65
2	80 250 80	8	410	8	3.28
3	50 100 50	6	1150	2	2.3

TỔNG HỢP CỐT THÉP

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	2.3	0.51
2	8	3.28	1.28
3	10	4.65	2.86

GHI CHÚ

- GỐI ĐỖ CỐNG TRÊN VÍA HÈ BẰNG BTCT ĐÁ 1X2, M200
- ỐNG CỐNG BTCT D1000 TRÊN VÍA HÈ LOẠI TC
- LỚP ĐÀO ĐẬP ĐẤT CẤP 3 - K95
- CÁC LỚP KẾT CẤU VÍA HÈ HOÀN THIỆN

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PHGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
CÁNH SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY - T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 04 - 0936.270678 - Fax: 04 - 0936.270678
Email: dongnamph@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ:

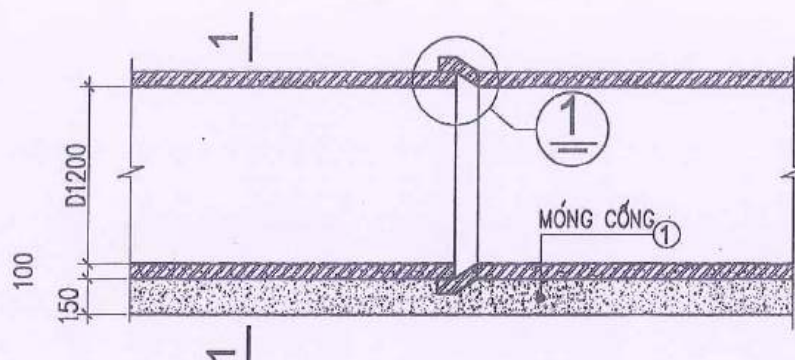
CHI TIẾT CỐNG D1000TC ĐI TRÊN VÍA HÈ

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

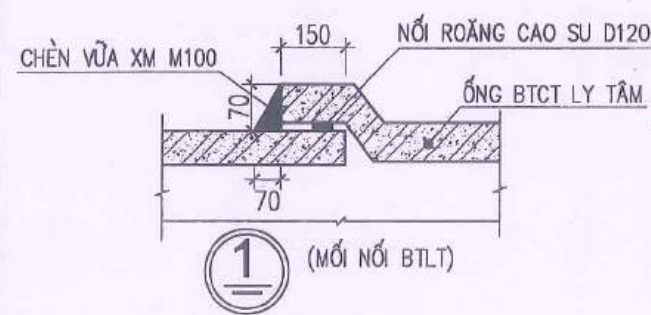
CTNM - 25

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

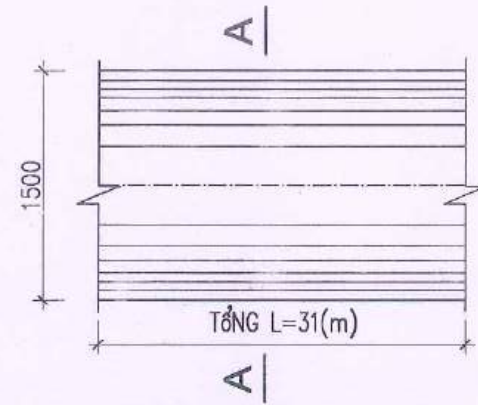
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



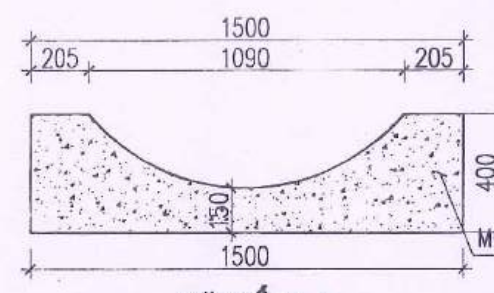
CẮT DỌC CỐNG QUA ĐƯỜNG D1200C
(TỔNG CHIỀU DÀI D1200C-31M)



1 (MỐI NỐI BTLT)

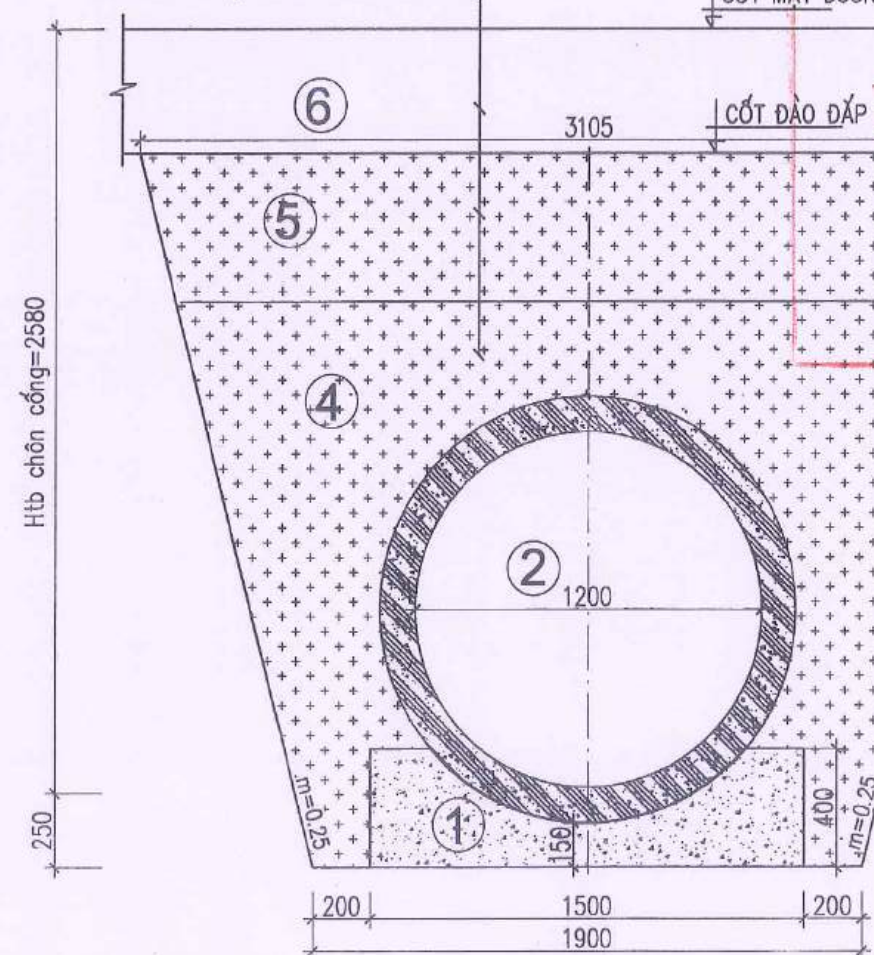


MẶT BẰNG MÓNG CỐNG D1200C



MẶT CẮT A-A

- CÁC LỚP KẾT ÁO ĐƯỜNG
- ĐẤP ĐẤT CẤP 3, K98
- ĐẤP ĐẤT CẤP 3, K95
- LỚP ĐẤT C1 (ĐẤT CÁT NGUYÊN THỐ)



MẶT CẮT 1-1
MÓNG CỐNG VÀ ĐÀO Rãnh CHỖN ỚNG D1200C

GHI CHÚ

- 1 MÓNG CỐNG BT M150, ĐÁ 1X2
- 2 ỚNG CỐNG BTLT QUA ĐƯỜNG LOẠI C
- 3 LỚP ĐÀO ĐẤP ĐẤT CẤP 3 - K95
- 4 LỚP ĐÀO ĐẤP ĐẤT CẤP 3 - K98
- 5 CÁC LỚP KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG HOÀN THIỆN

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
THIẾT KẾ CỐNG ĐÓNG HỒ ĐỂ ĐẤU GIÁ
QUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY - T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

GIÁM ĐỐC:
KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM:
KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:
KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

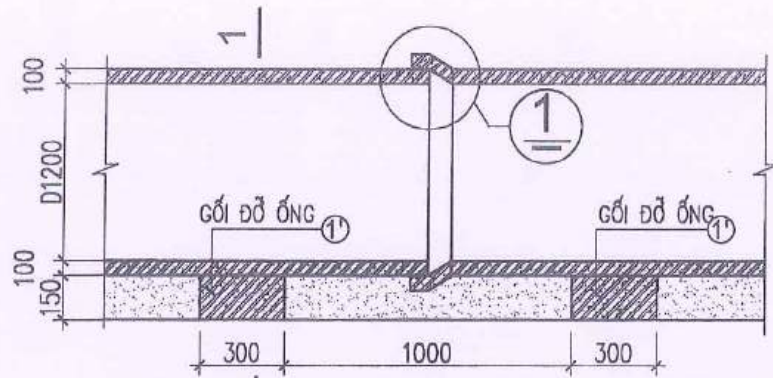
KIỂM:
KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CỐNG D1200 QUA ĐƯỜNG

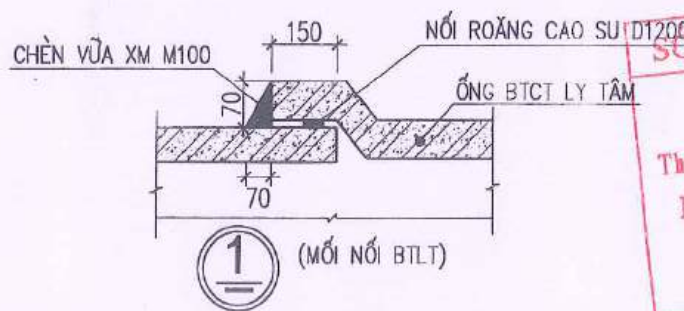
KÝ HIỆU BẢN VẼ:
CTNM - 26

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTG

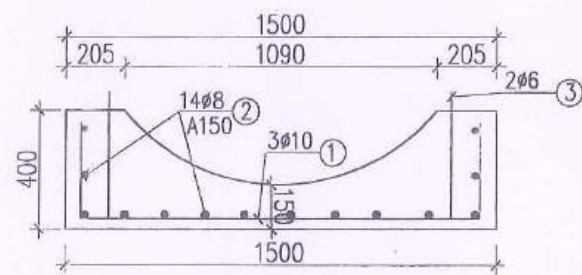
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



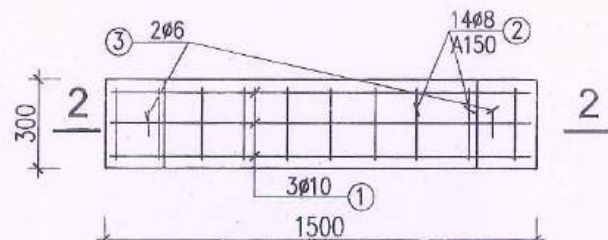
CẮT DỌC CỐNG TRÊN VÍA HÈ D1200TC
(TỔNG CHIỀU DÀI D1200TC=8311)



(MỖI NỐI BTCT)



CẮT 2-2

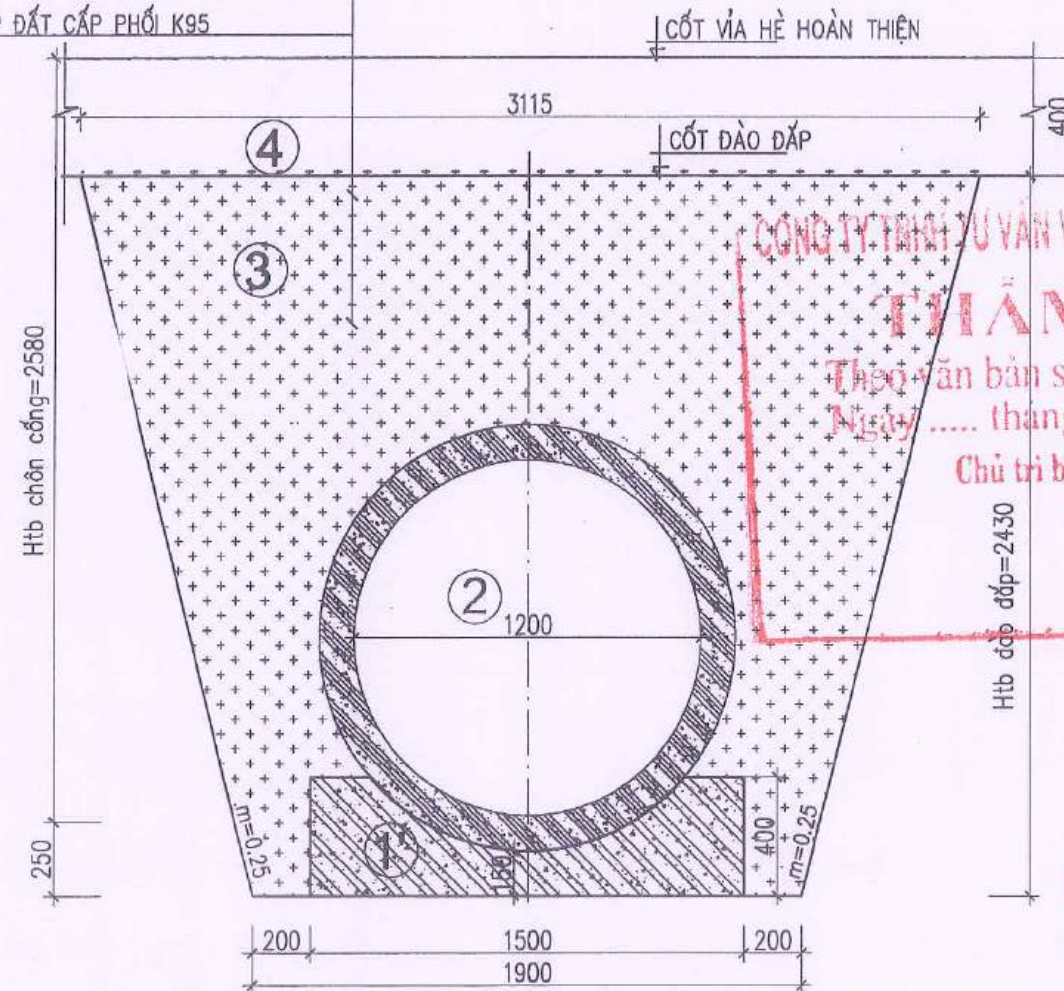


MB GỐI ĐỖ CỐNG VÍA HÈ D1200

GH CHÚ

- ① GỐI ĐỖ ỐNG TRÊN VÍA HÈ BẰNG BTCT ĐÁ 1X2, M200
- ② ỐNG CỐNG BTCT D1200 TRÊN VÍA HÈ LOẠI TC
- ③ LỚP ĐÀO ĐẬP ĐẤT CẤP 3 - K95
- ④ CÁC LỚP KẾT CẤU VÍA HÈ HOÀN THIỆN

- CÁC LỚP KẾT VÍA HÈ HOÀN THIỆN
- LỚP ĐẤT CẤP PHỐI K95



MẶT CẮT 1-1
GỐI CỐNG VÀ ĐÀO Rãnh CHỖN ỐNG D1200TC

THỐNG KÊ THÉP CHO 01 GỐI CỐNG D1200

SỐ T.T	HÌNH DẠNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 THANH MM	SỐ THANH	CHIỀU DÀI M
1	350 1450 350	10	2150	3	6.45
2	80 250 80	8	410	14	5.74
3	50 500 50	6	1350	2	2.7

TỔNG HỢP CỐT THÉP 01 GỐI CỐNG D1200

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	2.7	0.6
2	8	5.74	2.23
3	10	6.45	3.98

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUÝ BẮT ĐỂ ĐẦU GIÁ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HÀNG/MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 04 - 0866.278678 - Fax: 04 - 0866.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ:

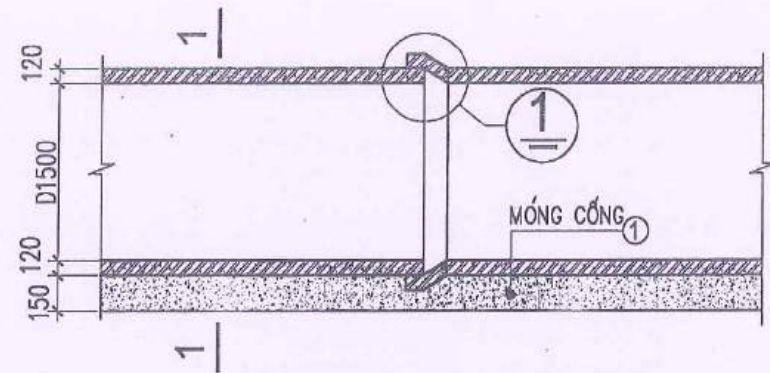
CHI TIẾT CỐNG D1200 TRÊN VÍA HÈ

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

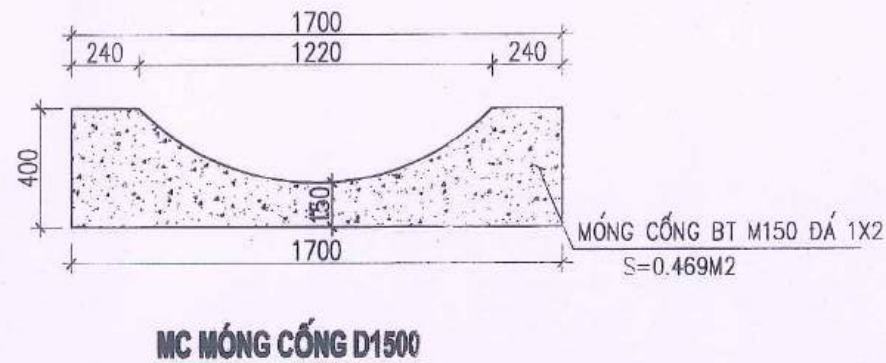
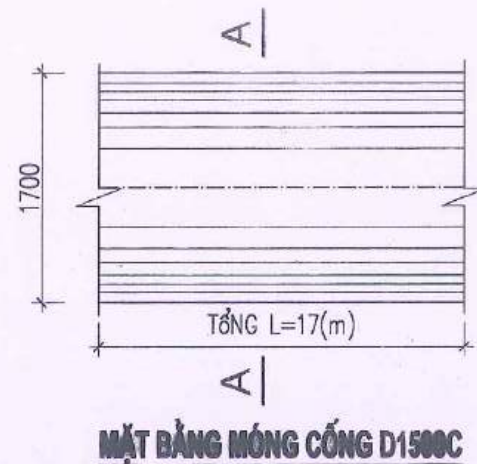
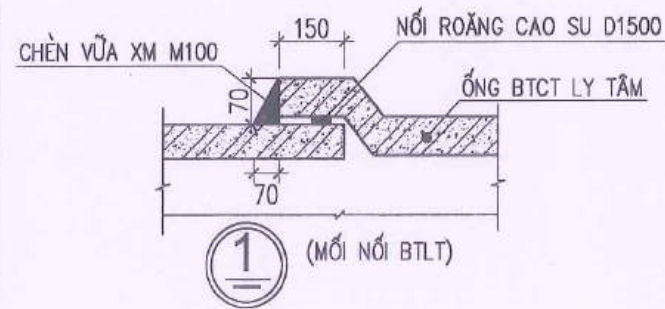
CTNM - 27

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



CẮT DỌC CỐNG QUA ĐƯỜNG D1500C
(TỔNG CHIỀU DÀI D1500C=17M)



MC MÓNG CỐNG D1500

- CÁC LỚP KẾT ÁO ĐƯỜNG
- ĐẤP ĐẤT CẤP 3, K98
- ĐẤP ĐẤT CẤP 3, K95
- LỚP ĐẤT C1 (ĐẤT CÁT NGUYÊN THỐ)

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

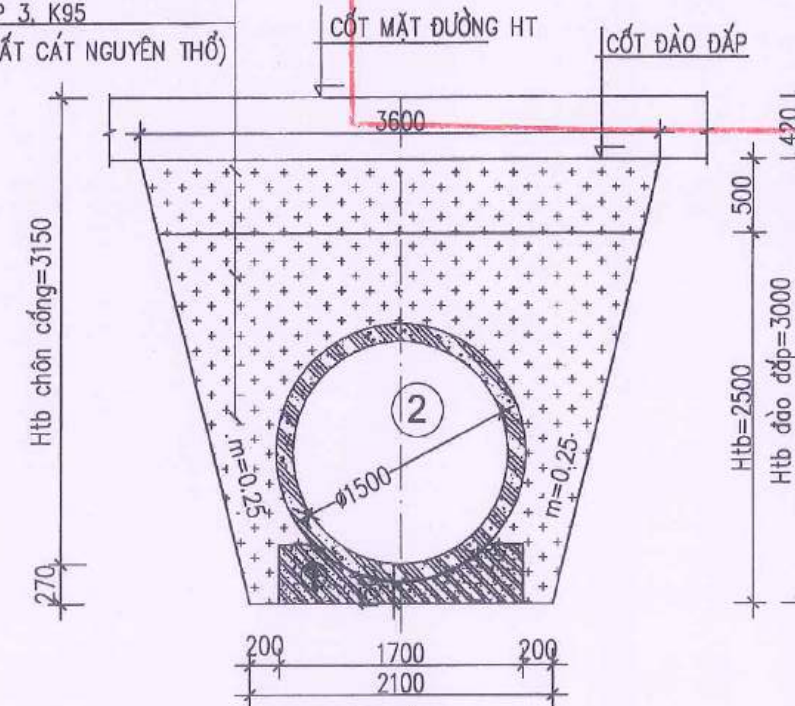
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên



MÓNG CỐNG VÀ ĐÀO RÃNH CHỖN ỐNG D1500C

GHI CHÚ

- ① MÓNG CỐNG BT M150, ĐÁ 1X2
- ② ỐNG CỐNG BTCT QUA ĐƯỜNG LOẠI C
- ③ LỚP ĐÀO ĐẤP ĐẤT CẤP 3 - K95
- ④ LỚP ĐÀO ĐẤP ĐẤT CẤP 3 - K98
- ⑤ CÁC LỚP KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG HOÀN THIỆN

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN CƯỠI ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
QUYÊN SỞ DÙNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LÊ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 04 - 0526.270678 - Fax 04 - 0526.270678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ:

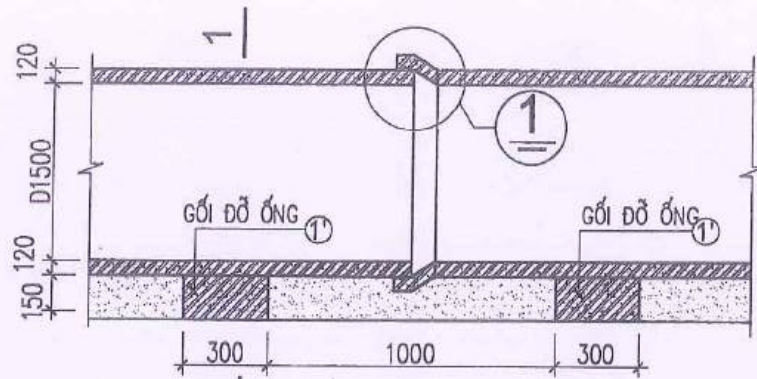
CHI TIẾT CỐNG D1500 QUA ĐƯỜNG

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

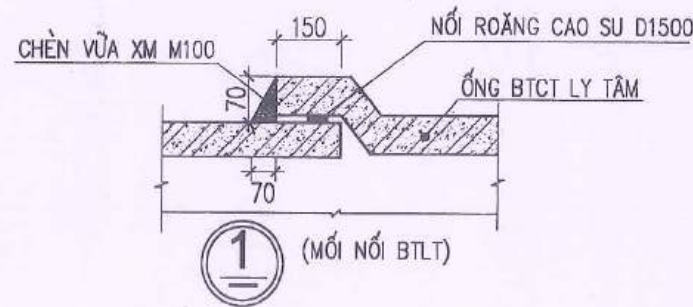
CTNM - 28

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

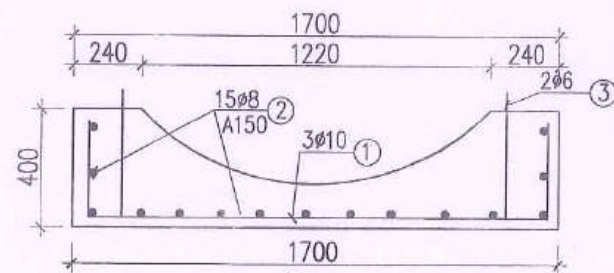
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



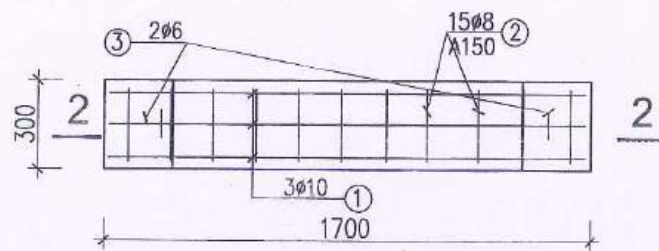
CẮT DỌC CỐNG TRÊN VÍA HÈ D1500TC
(TỔNG CHIỀU DÀI D1500TC=1500M)



CẮT 1-1
(MỐI NỐI BTLT)



CẮT 2-2



GỐI ĐỖ CỐNG VÍA HÈ D1500

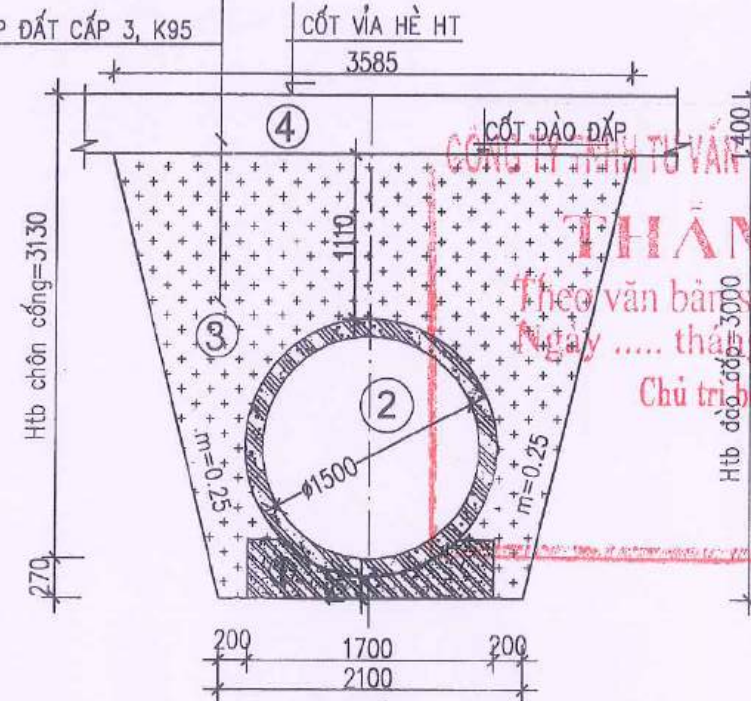
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

- ① GỐI ĐỖ CỐNG TRÊN VÍA HÈ BẰNG BTCT ĐÁ 1X2, M200
- ② ỐNG CỐNG BTLT D1500 TRÊN VÍA HÈ LOẠI TC
- ③ LỚP ĐÀO ĐẬP ĐẤT CẤP 3 - K95
- ④ CÁC LỚP KẾT CẤU VÍA HÈ HOÀN THIỆN

- LỚP KẾT CẤU VÍA HÈ HOÀN THIỆN

- LỚP ĐẤT CẤP 3, K95



MẶT CẮT 1-1
GỐI CỐNG VÀ ĐÀO Rãnh CHỖN ỐNG D1500TC

THỐNG KÊ THÉP 01 GỐI CỐNG D1500

SỐ T.T	HÌNH DẠNG & KÍCH THƯỚC	Ø MM	CHIỀU DÀI 1 THANH MM	SỐ THANH	CHIỀU DÀI M
1	350 1650 350	10	2350	3	7.05
2	80 250 80	8	410	15	6.15
3	50 100 50 100 50	6	1350	2	2.7

TỔNG HỢP CỐT THÉP 01 GỐI CỐNG D1500

SỐ TT	Ø (MM)	TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG K. LƯỢNG (Kg)
1	6	2.7	0.6
2	8	6.15	2.39
3	10	7.05	4.35

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN CƯỠI ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
CÁI DẠNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY - T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 04 - 0826.270678 - Fax: 04 - 0826.270678
Email: dongnamco@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỐNG D1500 TRÊN VÍA HÈ

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CTNM - 29

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT HỐ GA																		
STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	HỐ GA G1 (21 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G2A (3 HỐ)	THÔNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G2B, G2C, G2D, G2E, G2F (14 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G2H (2 HỐ)	HỐ GA G3 (15 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G4 (1 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G5A (1 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G5B (1 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G6 (2 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G7 (1 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G8 (7 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G9 (2 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G10 (2 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G11 (4 HỐ)	THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G12 (3 HỐ)	TỔNG CỘNG
1	Khối lượng đào đất cấp 3	m3	130.60	19.59	150.45	14.27	122.56	7.90	11.86	10.94	22.55	13.13	115.53	40.34	44.13	77.18	85.46	866.49
2	Khối lượng đắp	m3	95.81	14.44	116.26	9.30	92.27	5.70	9.39	7.92	16.39	7.80	85.22	22.98	29.43	56.57	63.57	633.06
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3	21.51	2.98	49.12	2.62	16.20	1.31	1.34	1.37	2.85	2.40	12.87	6.95	5.96	8.12	7.74	143.32
4	Bê tông cửa thu nước, đá 1x2, M250	m3	4.05	0.58	2.70	0.39	2.89	0.00	0.00	0.19	0.39	0.00	1.35	0.00	0.00	0.77	0.58	13.88
5	Bê tông lót móng, đá 1x2, M100	m3	3.95	0.56	2.63	0.47	2.82	0.17	0.14	0.24	0.47	0.32	1.82	0.88	0.62	1.14	0.96	17.19
6	Ván khuôn hố ga	m2	259.26	39.17	247.93	31.55	229.27	15.47	17.43	19.30	39.14	26.19	178.92	72.28	74.49	116.92	117.36	1484.68
7	Ván khuôn bê tông lót	m2	14.03	2.00	9.35	1.50	10.02	0.52	0.48	0.75	1.50	0.72	5.52	1.68	1.48	3.33	2.66	55.52
8	Ván khuôn cửa thu nước	m2	44.65	6.38	29.76	4.25	31.89	0.00	0.00	2.13	4.25	0.00	14.88	0.00	0.00	2.50	6.38	158.07
9	Cốt thép D6	kg	29.40	4.20	19.60	7.60	21.00	2.60	4.10	3.10	4.00	3.73	15.40	8.70	8.20	3.20	2.40	137.23
11	Cốt thép D10	kg	1682.10	238.95	1285.20	190.00	1200.00	142.40	165.50	128.00	256.00	193.12	1177.82	662.60	474.20	526.80	441.60	8764.29
12	Cốt thép D12	kg	0.00	0.00	0.00	7.12	0.00	0.00	0.00	9.90	7.20	26.49	43.40	58.40	33.20	24.80	21.36	231.87
13	Cốt thép D16	kg	59.64	8.52	59.64	5.68	64.05	2.85	4.27	2.84	8.54	1.42	49.77	8.52	11.20	22.40	21.33	330.67
14	Thép L70x70x7	kg	558.60	79.80	372.40	53.20	399.00	26.60	26.60	26.60	53.20	26.60	186.20	53.20	53.20	106.40	79.80	2101.40
15	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 12,5 tấn	bộ	21.00	3.00	14.00	2.00	15.00	0.00	0.00	1.00	2.00	0.00	7.00	0.00	0.00	4.00	3.00	72.00
16	Lưới chắn rác bằng gang mua sẵn, kt (860x430)mm, tải trọng 25 tấn	bộ	21.00	3.00	14.00	2.00	15.00	0.00	0.00	1.00	2.00	0.00	7.00	0.00	0.00	4.00	3.00	72.00
17	Tấm cao su ngăn mùi, kt (600x400x2,5), liên kết vít nở D10, L=60 (2 cái/1tấm)	bộ	21.00	3.00	14.00	2.00	15.00	0.00	0.00	1.00	2.00	0.00	7.00	0.00	0.00	4.00	3.00	72.00
18	Bộ nắp bằng composite mua sẵn kt (900x900x60)mm, loại 25 tấn	bộ	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	1.00	1.00	0.00	0.00	1.00	0.00	2.00	2.00	0.00	0.00	7.00

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐNG TRÒN														
STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	CỐNG D400C	CỐNG D600C	CỐNG D800TC	CỐNG D800C	CỐNG D800TC	CỐNG D1000C	CỐNG D1000TC	CỐNG D1200C	CỐNG D1200TC	CỐNG D1500C	CỐNG D1500TC	TỔNG
1	Chiều dài cống	m	168	137	821	11	57	47	169	37	85	17	156	1705.00
2	Khối lượng cốt cống	đốt	42	35	206	3	15	12	43	10	22	5	39	432.00
3	Khối lượng mối nối	cái	41	34	205	2	14	11	42	9	21	4	38	421.00
4	Số lượng gối cống (4m/3 gối)	cái	0	0	616	0	43	0	127	0	64	13	117	978.88
5	Bê tông gối cống	m3	0	0	31.77	0	3.04	0	10.57	0	7.86	0	16.46	69.71
6	Cốt thép gối cống d6	kg	0	0	314.0325	0	21.8025	0	64.6425	0	38.25	0	70.2	508.93
6	Cốt thép gối cống d8	kg	0	0	1157.61	0	104.7375	0	162.24	0	142.1625	0	279.63	1846.38
6	Cốt thép gối cống d10	kg	0	0	0	0	0	0	362.505	0	253.725	0	508.95	1125.18
7	Ván khuôn gối cống	m2	0	0	322.65	0	27.96	0	93.29	0	67.70	0	137.83	649.43
8	Bê tông móng cống	m3	17.30	23.56	0	2.61	0	13.07	0	15.21	0	7.97	0	79.72
9	Ván khuôn móng cống	m2	101.006	82.544	0	7.074	0	28.756	0	23.022	0	11.138	0	253.54
10	Đào đất cấp 3	m3	207.88	288.81	1730.77	34.66	175.51	253.97	923.16	223.15	517.92	145.35	1333.80	5834.99
11	Đắp hoàn trả đất	m3	157.61	212.55	1372.61	24.10	120.77	187.77	685.14	151.01	352.21	96.97	889.88	4250.62

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐÀO-ĐẮP HOÀN TRẢ CỐNG (ĐÃ TRỪ PHẠM VI RÃNH ĐÀO MÓNG HỐ GA)							
CẤU KIỆN	THỂ TÍCH CHIẾM CHỖ CỦA CỐNG	THỂ TÍCH CHIẾM CHỖ CỦA MÓNG CỐNG (GỐI CỐNG)	THỂ TÍCH ĐÀO ĐẤT CẤP 3		THỂ TÍCH ĐẮP ĐẤT HOÀN TRẢ		
Cống D400 Loại C	32.97	17.30	((1.575+1.115)*0.92/2)*168		207.88	207.88-17.3-32.97	157.61
Cống D600 Loại C	52.70	23.56	((1.999+1.374)*1.25/2)*137		288.81	288.81-23.56-52.7	212.55
Cống D600 Loại TC	315.80	42.36	((1.999+1.374)*1.25/2)*821		1730.77	1730.77-42.36-315.8	1372.61
Cống D800 Loại C	7.96	2.61	((2.41+1.63)*1.56/2)*11		34.66	34.66-2.61-7.96	24.10
Cống D800 Loại TC	41.24	13.51	((2.395+1.43)*1.53/2)*57		175.51	175.51-13.51-41.24	120.77
Cống D1000 Loại C	53.13	13.07	((2.94+1.8)*1.28/2)*47		253.97	253.97-13.07-53.13	187.77
Cống D1000 Loại TC	191.04	46.98	((2.95+1.8)*2.3/2)*169		923.16	923.16-46.98-191.04	685.14
Cống D1200 Loại C	56.93	15.21	((3.105+1.9)*2.41/2)*37		223.15	223.15-15.21-56.93	151.01
Cống D1200 Loại TC	130.78	34.94	((3.115+1.9)*2.43/2)*85		517.92	517.92-34.94-130.78	352.21
Cống D1500 Loại C	40.40	7.97	((3.6+2.1)*3.0/2)*17		145.35	145.35-7.97-40.4	96.97
Cống D1500 Loại TC	370.76	73.16	((3.6+2.1)*3.0/2)*156		1333.80	1333.8-73.16-370.76	889.88
TỔNG	882.54	209.54			4355.84		3263.77

KHỐI LƯỢNG CỐNG (ĐÃ TRỪ THÀNH HỐ GA) VÀ GỐI CỐNG MÓNG CỐNG CHIẾM CHỖ NỀN ĐẮP							
CẤU KIỆN	ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI (M)	DIỆN TÍCH (M2)	CHIỀU DÀI (M)	THỂ TÍCH (M3)	DIỆN TÍCH MÓNG CỐNG	DIỆN TÍCH GỐI CỐNG	THỂ TÍCH MC, GC
Cống D400 Loại C	0.5	0.196	168	32.97	0.103	0	17.30
Cống D600 Loại C	0.7	0.385	137	52.70	0.172	0	23.56
Cống D600 Loại TC	0.7	0.385	821	315.80	0	0.172	42.36
Cống D800 Loại C	0.96	0.723	11	7.96	0.237	0	2.61
Cống D800 Loại TC	0.96	0.723	57	41.24	0	0.237	13.51
Cống D1000 Loại C	1.2	1.130	47	53.13	0.278	0	13.07
Cống D1000 Loại TC	1.2	1.130	169	191.04	0	0.278	46.98
Cống D1200 Loại C	1.4	1.539	37	56.93	0.411	0	15.21
Cống D1200 Loại TC	1.4	1.539	85	130.78	0	0.411	34.94
Cống D1500 Loại C	1.74	2.377	17	40.40	0.469	0	7.97
Cống D1500 Loại TC	1.74	2.377	156	370.76	0	0.469	73.16

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ PT&D LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUY DẪY DẪU GIẢ CHUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MUA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ - THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH

ĐT: 04 - 0326.270678 - **Fax:** 04 - 0326.270678

Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ:

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT HỐ GA

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT CỐNG TRÒN

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CTNM - 30

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

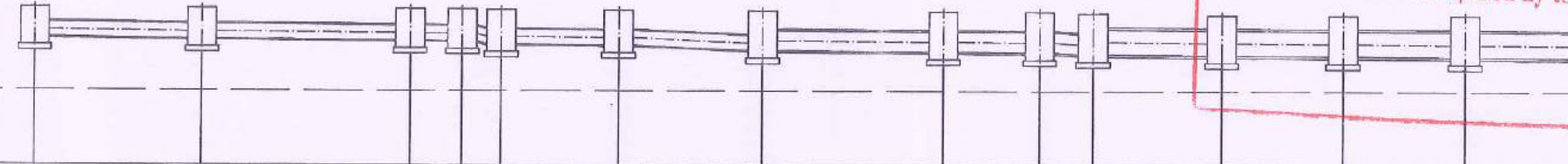
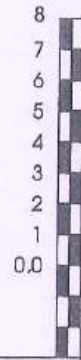
MẶT TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA G2D-CỬA XẢ D1500

Tỷ lệ Ngang - 1:1000
Tỷ lệ Dứng - 1:200

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIỚI

THẨM TRA

Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên



Đường kính ống (mm)		600	600	600	600	600	600	800	800	800	1000	1000	1000	1000
Độ dốc, i (%)		0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	0.13	0.13	0.13	0.1	0.1	0.1	0.1
Khoảng cách (m)		35	43	11	8	24	30	37	20	11	26	25	25	29
Cốt đỉnh hố ga (m)		3.32	3.31	3.29	3.25	3.25	3.23	3.21	3.18	3.17	3.11	3.04	3.05	3.06
Cốt đáy cống dọc (m)		2.12	2.06	1.99	1.97	1.97	1.83	1.62	1.57	1.54	1.47	1.44	1.42	1.40
Cốt đáy Hố ga (m)		1.82	1.76	1.69	1.67	1.66	1.53	1.32	1.27	1.24	1.17	1.14	1.12	1.10
Độ sâu H đáy cống (m)		1.20	1.25	1.30	1.28	1.29	1.40	1.59	1.61	1.63	1.64	1.60	1.63	1.66
Độ sâu H đáy Hố ga (m)		1.50	1.55	1.60	1.58	1.59	1.70	1.89	1.91	1.93	1.94	1.90	1.93	1.96
Góc ngoặt (độ)		180°	180°	135°	135°	90°	180°	180°	180°	180°	180°	180°	180°	180°
Điểm tính toán		G2D	G2C-2	G2H1	G2H2	G2B2	G3-15	G5B	G6-1	G6-2	G7-1	G8-1	G8-2	G8-3

GHI CHÚ :

Cống thoát nước mưa
 Hố ga

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/SXD - HTKT
Ngày tháng năm 202
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
XUẤT SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LÊ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



Địa chỉ: 85/12 TRẦN VĂN CHAU - phường nam lý
thành phố đồng hoi - tỉnh quảng bình
ĐT: 04 - 0826.270678 - Fax: 04 - 0826.270678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHUOC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHUOC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRINH THI HUONG

KIỂM:

KS. NGUYEN CANH HUNG

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA G2D - CX D1500

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

TD - 01

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

MẶT TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA G2D-CỬA XẢ D1500

Tỷ lệ Ngang - 1:1000
Tỷ lệ Dứng - 1:200

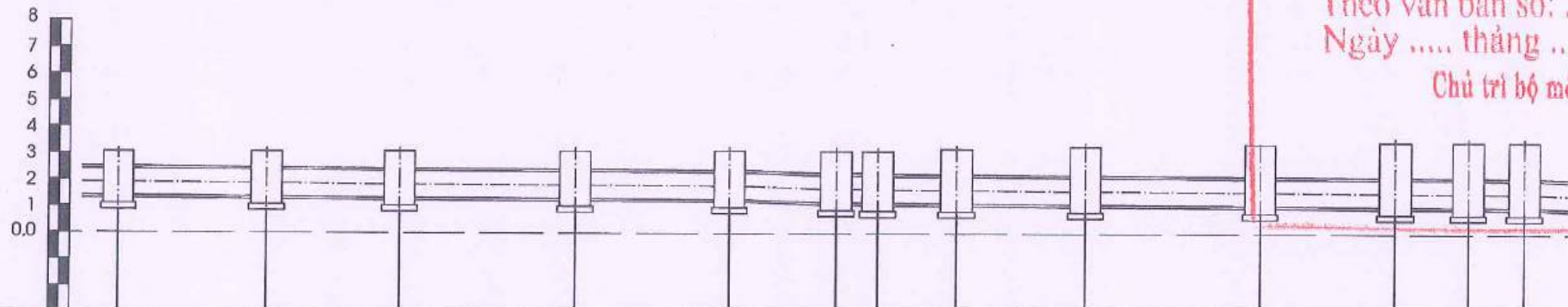
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN TRÚC

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên



Đường kính ống (mm)		1000	1000	1000	1000	1000	1200	1200	1200	1200	1200	1200	1500	1500
Độ dốc, i (%)		0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1
Khoảng cách (m)		29	26	34	30	21	8	15	25	34	26	14	11	43
Cốt đỉnh hố ga (m)		3.06	3.07	3.08	3.10	3.12	3.11	3.11	3.19	3.28	3.39	3.48	3.48	3.48
Cốt đáy cống dọc (m)		1.40	1.40	1.37	1.37	1.34	1.34	1.31	1.31	1.28	1.28	1.16	1.18	1.15
Cốt đáy hố ga (m)		1.10	1.10	1.07	1.07	1.04	1.04	1.01	1.01	0.98	0.98	0.88	0.88	0.85
Độ sâu H đáy cống (m)		1.66	1.66	1.70	1.70	1.74	1.74	1.79	1.79	1.84	1.84	1.93	1.93	1.96
Độ sâu H đáy hố ga (m)		1.96	1.96	2.00	2.00	2.04	2.04	2.09	2.09	2.14	2.14	2.23	2.23	2.26
Góc ngoặt (độ)		180°	180°	180°	180°	180°	180°	180°	180°	180°	180°	180°	180°	180°
Điểm tính toán		G8-3	G8-4	G8-5	G8-6	G8-7	G9A-1	G9B-1	G11-1	G11-2	G11-3	G11-4	G10A1	G10B1

GHI CHÚ :

Cống thoát nước mưa



Hố ga

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/SXD - HTKT

Ngày tháng năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TIẾN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
QUYÊN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THUYẾT, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY - T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 TRẦN VĂN CHUÂN - phường nam lý
thị trấn phố đông hội - tỉnh quảng trị
ĐT: 04 - 0826.278678 - Fax: 04 - 0826.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA G2D - CX D1500

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

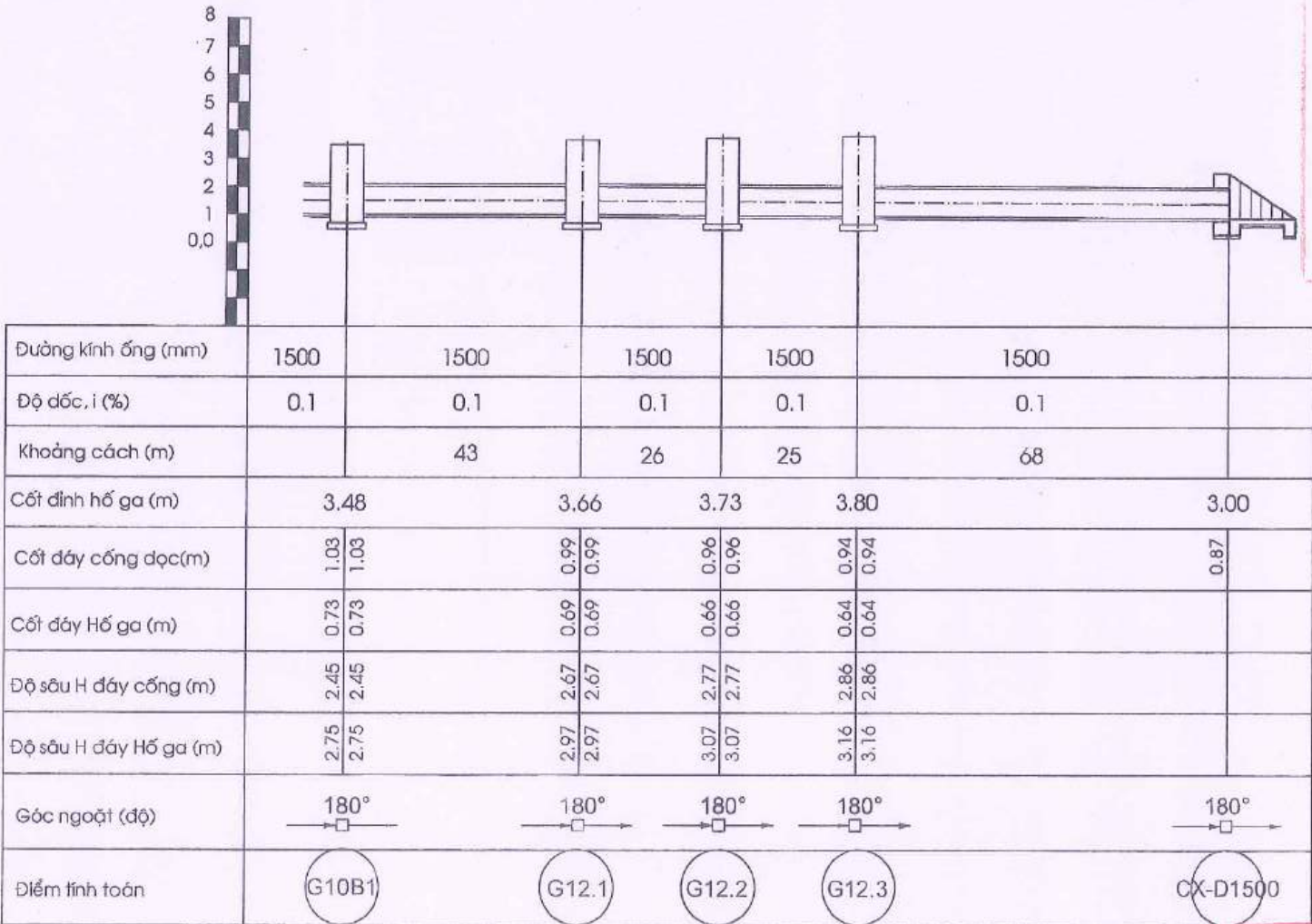
TD - 02

GAİ ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

MẶT TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA G2D-CỬA XẢ D1500

Tỷ lệ Ngang - 1:1000
Tỷ lệ Dứng - 1:200



GHI CHÚ :

— — — — — Cống thoát nước mưa
□ Hố ga

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU CHÁ
CƯỜNG SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 TRẦN VĂN CHAU - phường nam lý
thị trấn phố đông hải - tỉnh quảng trị
ĐT: 84 - 0936.278678 - Fax: 84 - 0936.278678
Email: dongnamap@gmail.com



KS. BUI MINH PHUC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHUC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRINH THI HUONG

KIỂM:

KS. NGUYEN CANH HUNG

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC TUYẾN NƯỚC MƯA G2D - CX D1500

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

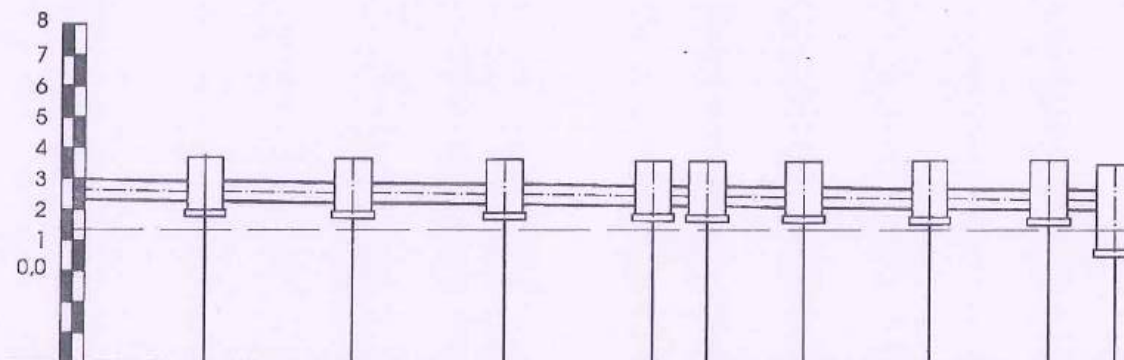
TD - 03

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

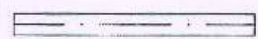
MẶT TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA G3.1-G10B.1

Tỷ lệ Ngang - 1:1000
Tỷ lệ Dứng - 1:200



Đường kính ống (mm)	600	600	600	600	600	600	600	600	600	1500
Độ dốc, I (%)	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	
Khoảng cách (m)	20	25	25	27	9	16	21	20	11	
Cốt đỉnh hố ga (m)	3.70	3.67	3.64	3.60	3.59	3.58	3.61	3.63	3.48	
Cốt đáy cống dọc (m)	2.30	2.30	2.26	2.22	2.22	2.17	1.92	1.88	1.85	1.03
Cốt đáy Hố ga (m)	2.00	1.96	1.92	1.87	1.87	1.62	1.58	1.55	0.73	0.73
Độ sâu H đáy cống (m)	1.40	1.41	1.42	1.43	1.43	1.66	1.73	1.78	2.45	2.45
Độ sâu H đáy Hố ga (m)	1.70	1.71	1.72	1.73	1.73	1.96	2.03	1.88	2.75	2.75
Góc ngoặt (độ)	180°	180°	180°	180°	90°	180°	180°	180°	90°	
Điểm tính toán	G3-1	G3-2	G3-3	G3-4	G2F	G3-5	G3-6	G3-7	G10B1	

GHI CHÚ :

 Cống thoát nước mưa

 Hố ga

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn kỹ thuật

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUÝ BẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ
QUYẾN SỬ DỤNG ĐẦU Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY - T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 TRẦN VĂN CHUẨN - phường nam lý
thành phố đồng hoi - tỉnh quảng bình
ĐT: 04 - 0326.270670 - Fax: 04 - 0326.270670
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHUC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHUC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRINH THỊ HUONG

KIỂM:

KS. NGUYEN CANH HUNG

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC TUYẾN NƯỚC MƯA G3.1 - G10B.1

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

TD - 04

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

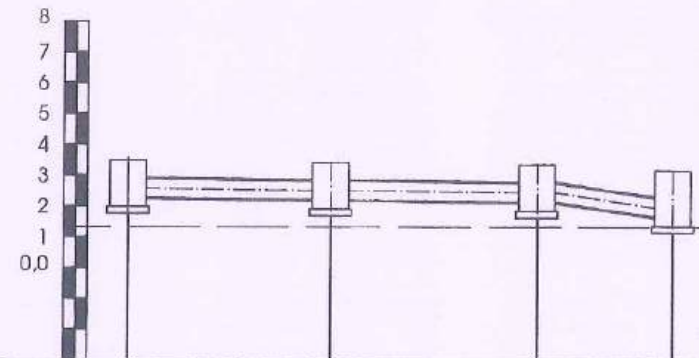
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/SXD - HTKT
Ngày tháng năm 202
Ký tên:

MẶT TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA G2A.1-G2F

Tỷ lệ Ngang - 1:1000
Tỷ lệ Dứng - 1:200



Đường kính ống (mm)		600	600	600	
Độ dốc, i (%)		0.17	0.17	1.30	
Khoảng cách (m)		34	34	43	
Cốt đỉnh hố ga (m)	3.34	3.41	3.48	3.59	
Cốt đáy cống dọc(m)	2.14	2.08	2.02	1.95	1.95
Cốt đáy Hố ga (m)	1.84	1.91	1.72	1.65	1.65
Độ sâu H đáy cống (m)	1.20	1.33	1.46	1.64	1.64
Độ sâu H đáy Hố ga (m)	1.50	1.63	1.76	1.94	1.94
Góc ngoặt (độ)	180°	180°	180°	90°	
Điểm tính toán	G2A-1	G3-9	G3-8	G2F	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

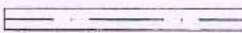
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ :

 Cống thoát nước mưa
 Hố ga

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUÝ DẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ
CHUYỂN SỬ DỤNG DẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



Địa chỉ : Số 12 TRẦN VĂN CHUẨN - phường nam lý
thành phố Đồng Hới - tỉnh Quảng Bình
ĐT: 84 - 0926.278678 - Fax: 84 - 0926.278678
Email: dongnamqb@gmail.com



GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC TUYẾN NƯỚC MƯA G2A.1 - G2F

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

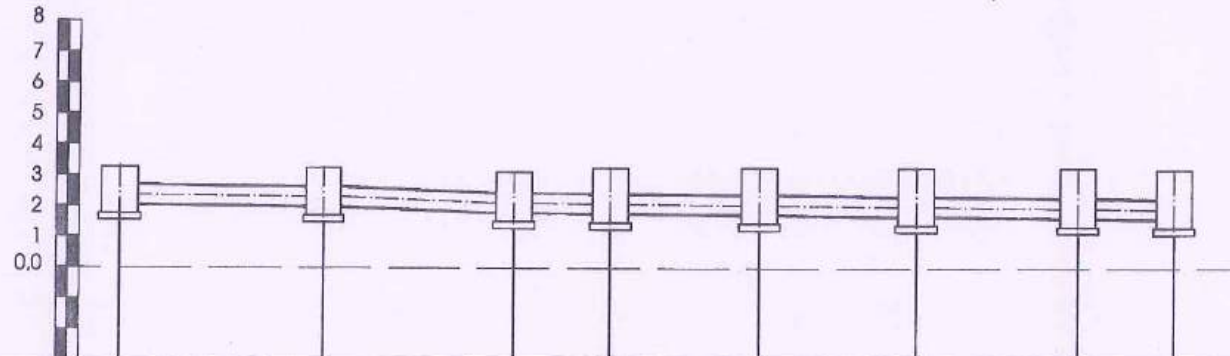
TD - 05

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

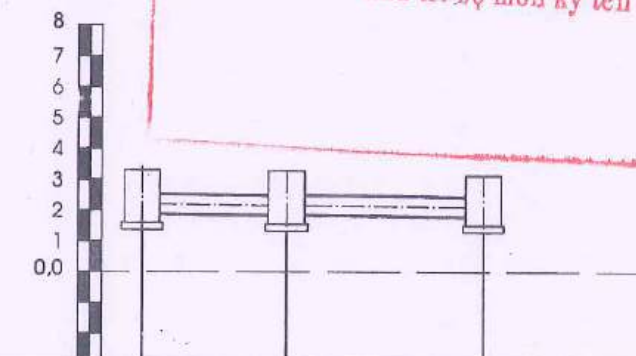
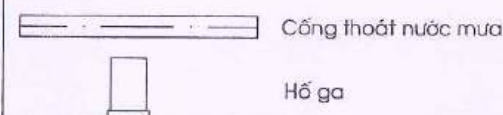
MẶT TRẮC DỌC TUYẾN CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA G2A.2-G5B; G2A.3-G4.1

Tỷ lệ Ngang - 1:1000
Tỷ lệ Dứng - 1:200



Đường kính ống (mm)	600	600	600	600	600	600	600	800
Độ dốc, i (%)	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17	
Khoảng cách (m)	34	32	16	25	26	27	16	
Cốt đỉnh hố ga (m)	3.26	3.24	3.12	3.25	3.25	3.25	3.25	3.21
Cốt đáy cống dọc (m)	2.06	2.00	1.81	1.81	1.78	1.78	1.74	1.62
Cốt đáy Hố ga (m)	1.76	1.70	1.51	1.48	1.44	1.39	1.35	1.32
Độ sâu H đáy cống (m)	1.20	1.24	1.31	1.47	1.51	1.56	1.60	1.59
Độ sâu H đáy Hố ga (m)	1.50	1.54	1.61	1.77	1.81	1.86	1.90	1.89
Góc ngoặt (độ)	180°	180°	180°	180°	180°	180°	180°	90°
Điểm tính toán	G2A-2	G3-10	G4-1	G2C-1	G3-11	G3-12	G3-13	G5-B

GHI CHÚ :



Đường kính ống (mm)	600	600	600
Độ dốc, i (%)	0.17	0.17	
Khoảng cách (m)	24	29	
Cốt đỉnh hố ga (m)	3.31	3.28	3.12
Cốt đáy cống dọc (m)	2.11	2.07	1.81
Cốt đáy Hố ga (m)	1.81	1.77	1.51
Độ sâu H đáy cống (m)	1.20	1.21	1.31
Độ sâu H đáy Hố ga (m)	1.50	1.51	1.61
Góc ngoặt (độ)	180°	180°	90°
Điểm tính toán	G2A-3	G3-14	G4-1

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
QUYÊN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 Trườn Văn Chuẩn - phường Nam Mỹ
thành phố Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi
ĐT: 04 - 0926.270678 - Fax 04 - 0926.270678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC TUYẾN CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA G2A.2-G5B; G2A.3-G4.1

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

TD - 06

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

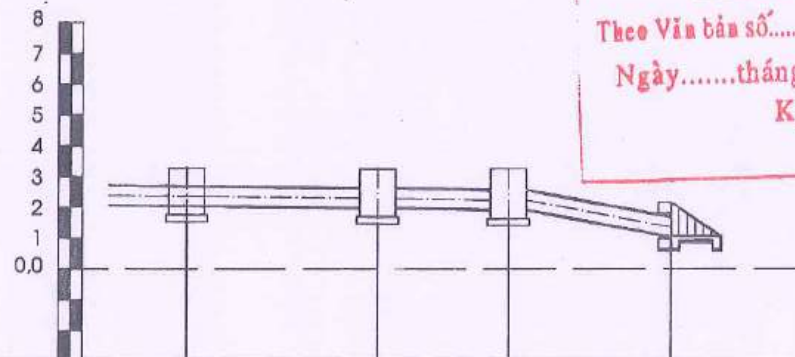
MẶT TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA G9A1-CX2 D600; G9B1-CX3 D600

Tỷ lệ Ngang - 1:1000
Tỷ lệ Dọc - 1:200

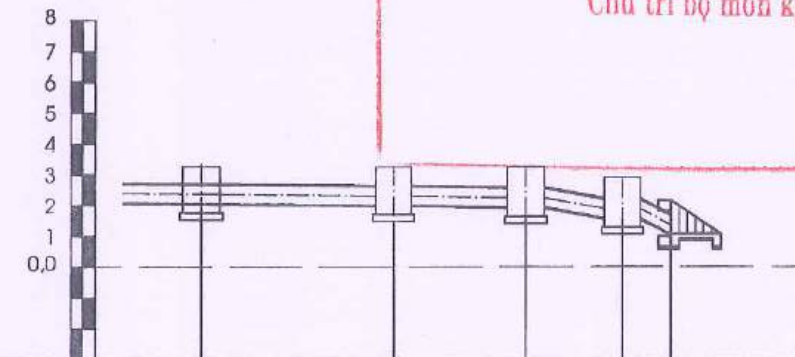
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

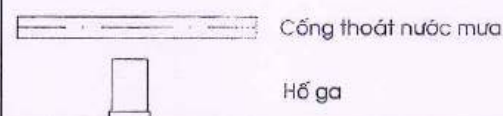


Đường kính ống (mm)	600	600	600	600	
Độ dốc, i (%)	0.17	0.17	0.17	0.17	
Khoảng cách (m)	8	32	22	27	
Cốt đỉnh hố ga (m)	3.11	3.26	3.26	2.37	
Cốt đáy cống dọc(m)	1.30	1.30	1.26	1.21	1.16
Cốt đáy Hố ga (m)	0.88	0.88	0.96	0.91	
Độ sâu H đáy cống (m)	1.81	1.81	2.00	2.05	
Độ sâu H đáy Hố ga (m)	2.23	2.23	2.30	2.35	
Góc ngoặt (độ)	180°	180°	180°	180°	
Điểm tính toán	G9A-1	G2C-6	G2C-7	CX2-D600	



Đường kính ống (mm)	600	600	600	600	600
Độ dốc, i (%)	0.17	0.17	0.17	0.17	0.17
Khoảng cách (m)	8	32	22	16	8
Cốt đỉnh hố ga (m)	3.11	3.26	3.26	3.16	2.54
Cốt đáy cống dọc(m)	1.46	1.46	1.41	1.37	1.34
Cốt đáy Hố ga (m)	0.85	0.85	1.11	1.07	1.04
Độ sâu H đáy cống (m)	1.96	1.96	1.85	1.89	1.82
Độ sâu H đáy Hố ga (m)	2.26	2.26	2.15	2.19	2.12
Góc ngoặt (độ)	180°	180°	180°	180°	180°
Điểm tính toán	G9B-1	G2C-8	G2C-9	G5A	CX3-D600

GHI CHÚ :



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUY DẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ
QUYỀN SỬ DỤNG DẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM**



Địa chỉ: Số 12 TRẦN VĂN CHUÂN - phường nam lý
thành phố đồng hới - tỉnh quảng bình
ĐT: 84 - 0926.278678 - Fax 84 - 0926.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC



KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HUỠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG G9A1-CX2 D600; G9B1-CX3 D600

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

TD - 06A

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THAM TRA

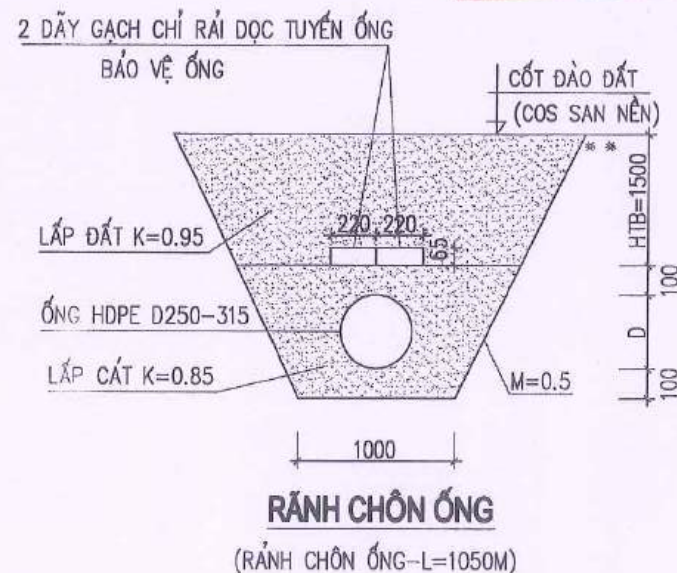
Theo văn bản số:...../.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên



HẠNG MỤC: THOÁT NƯỚC THẢI



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC THẢI

T.T	TÊN QUY CÁCH VẬT LIỆU	Đ.VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ỐNG HDPE Ø250, Ø110 (PN6)	M	430; 450
2	ỐNG HDPE Ø250, Ø315 (PN8)	M	30; 590
3	ỐNG TTK Ø323.9 DÀY 6.35MM	M	82
4	HỐ GA	CÁI	29
5	NÚT BỊT ỐNG D110; D315	CÁI	106; 03
6	NẮP COMPOSIT 850X850	CÁI	30
7	CÚT 135° Ø315	CÁI	05

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT HỐ GA

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	HỐ GA G1 (5 HỐ GA)	HỐ GA G2 (13 HỐ GA)	HỐ GA G3 (1 HỐ GA)	HỐ GA G4 (2 HỐ GA)	HỐ GA G5 (3 HỐ GA)	HỐ GA G6 (5 HỐ GA)	TỔNG CỘNG
1	Khối lượng đào	m3	26.47	114.15	10.45	20.47	33.02	94.53	299.09
2	Khối lượng đắp	m3	21.10	95.03	8.82	17.24	27.98	83.20	253.35
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3	3.26	11.04	0.93	1.82	2.84	6.18	26.08
4	Bê tông lót móng, đá 2x4, M150	m3	0.61	1.57	0.12	0.24	0.36	0.61	3.51
5	Ván khuôn hố ga	m2	37.59	134.62	11.47	22.91	35.53	81.03	323.16
6	Ván khuôn bê tông lót	m2	2.20	5.72	0.44	0.88	1.32	2.20	12.76
7	Cốt thép D8	kg							0.00
8	Cốt thép D10	kg	177.82	631.93	49.63	108.60	152.40	324.30	1444.68
9	Cốt thép D12	kg							0.00
10	Cốt thép D16	kg	14.50	37.70	2.90	5.80	8.70	35.55	105.15
11	Cốt thép L80*80*8	kg	175.00	451.10	35.00	70.00	105.00	175.00	1011.10
12	Bộ nắp bằng composite mua sẵn loại 12,5 tấn	bộ	5.00	13.00	1.00	2.00	3.00	5.00	29.00

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHẦN THI CÔNG ĐÁI DẪU GIÁ
 QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
 TẠI XÃ LÊ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LÊ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
 ĐÔNG NAM**



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
 THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
 ĐT: 04 - 0826.278678 - Fax: 04 - 0826.278678
 Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHUOC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHUOC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRINH THI HUONG

KIỂM:

KS. NGUYEN CANH HUNG

TÊN BẢN VẼ

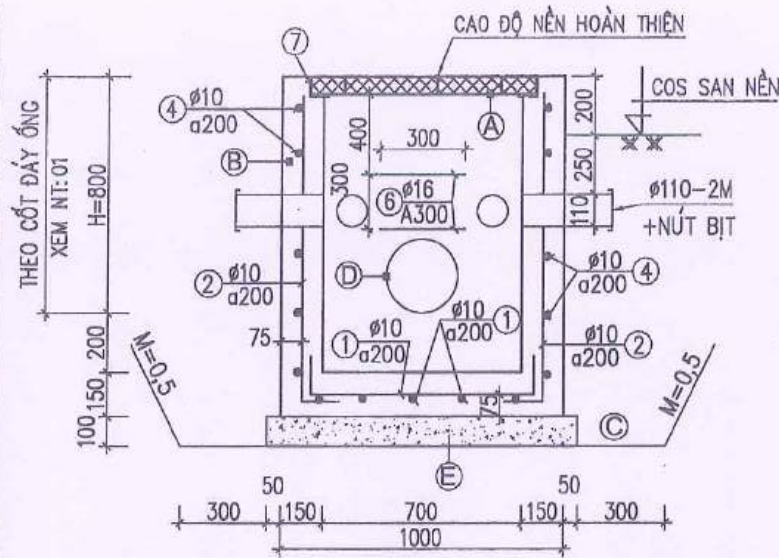
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

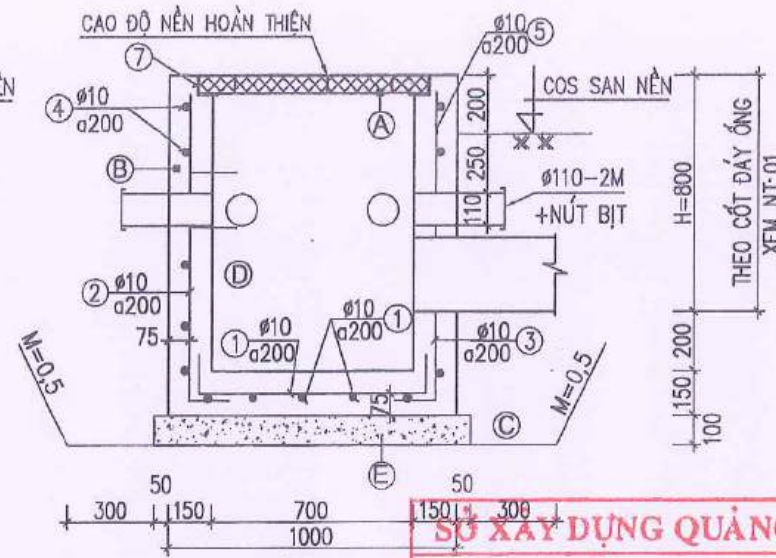
NT:01

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

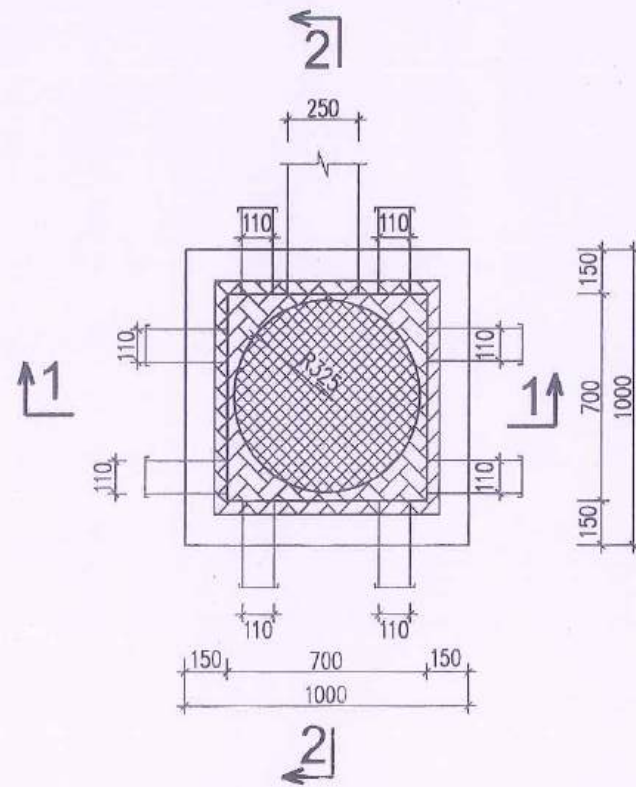
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



CẮT 1-1



CẮT 2-2



MẶT BẰNG HỐ GA KIỂU G1 ĐIỂN HÌNH

TỔNG HỢP HỐ GA G1

Kiểu thu	Số lượng
D250 □ □	05 Hố

GHI CHÚ:

- Ⓐ NẮP COMPOSIT 850X850
- Ⓑ BTCT M200 ĐÁ 1X2
- Ⓒ ĐÁP ĐẤT K=0.85
- Ⓓ Ống HDPE D250
- Ⓔ ĐEM BÊ TÔNG ĐÁ 2X4, M150

- * THÉP L80X80X8 LIÊN KẾT HẸN ĐIỆN
- * CỐT THÉP ≤ D10 DÙNG THÉP CB240-T; R_s=R_{se} =2300 KG/CM²
- * CỐT THÉP > D10 DÙNG THÉP CB300-V; R_s=R_{se} =2800 KG/CM²
- * KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM CỐT ĐẶT ĐÁY CỐNG VÀ CỐT MẶT HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC ĐỌC.

THỐNG KÊ THÉP 1 HỐ GA G1

HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	C. DÀI 1 THANH (MM)	SỐ THANH	C. DÀI (M)
1 200 900 200	10	1300	10	13.00
2 200 H+200=1000	10	1200	16	19.20
3 200 320	10	520	2	1.04
4 200 900 200	10	1300	18	23.40
5 H-300=500	10	500	2	1.00
6 100 200 300 200	16	900	2	1.80
7 L80X80X8				3.60

BẢNG TỔNG HỢP THÉP 1 HỐ GA G1

ĐƯỜNG KÍNH	10	16	L80X80X8
L (M)	57.64	1.80	3.60
P(KG)	35.60	2.90	35.00

THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G1 (5 HỐ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KLƯỢNG TB 01 HỐ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m ³	1.05/6*(1.7^2+2.75^2+(1.7+2.75)^2)	5.29	26.47
2	Khối lượng đắp	m ³	5.29-(1.10*1.10*0.1+1*1*0.95)	4.22	21.10
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m ³	1*1*0.15+(1+0.7)*2*0.15*1-3.14*0.25^2/4*0.15	0.65	3.26
4	Bê tông lót móng, đá 2x4, M150	m ³	1,1*1,1*0,1	0.12	0.61
5	Ván khuôn hố ga	m ²	1*1.15*4+0.7*1*4+3.14*0.25*0.15	7.52	37.59
6	Ván khuôn bê tông lót	m ²	1.1*0.1*4	0.44	2.20
7	Cốt thép D10	kg	35.6	35.6	177.82
8	Cốt thép D16	kg	2.9	2.90	14.50
9	Cốt thép L80*80*8	kg	35	35	175.00
10	Bộ nắp bằng composite mua sẵn loại 12,5 tấn	bộ	1	1.00	5.00

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
CÁI CẬP ĐỔ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
TẠI XÃ LÊ THUY, HUYỆN LÊ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LÊ THUY-T. QUẢNG TRỊ
HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý
Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
ĐT: 04 - 0926.270678 - Fax: 04 - 0926.270678
Email: dongnamcp@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHUOC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHUOC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRINH THI HUONG

KIỂM:

KS. NGUYEN CANH HUNG

TÊN BẢN VẼ

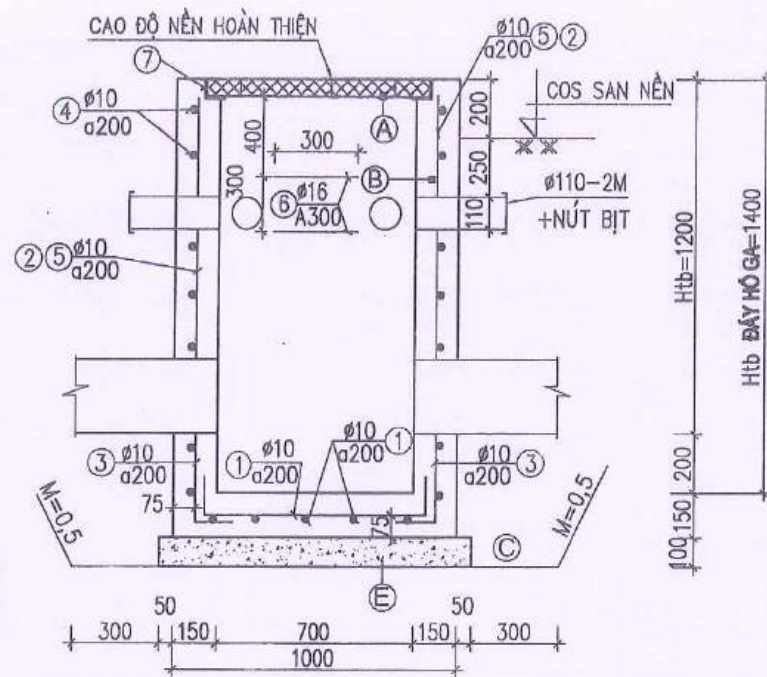
CHI TIẾT HỐ GA G1

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

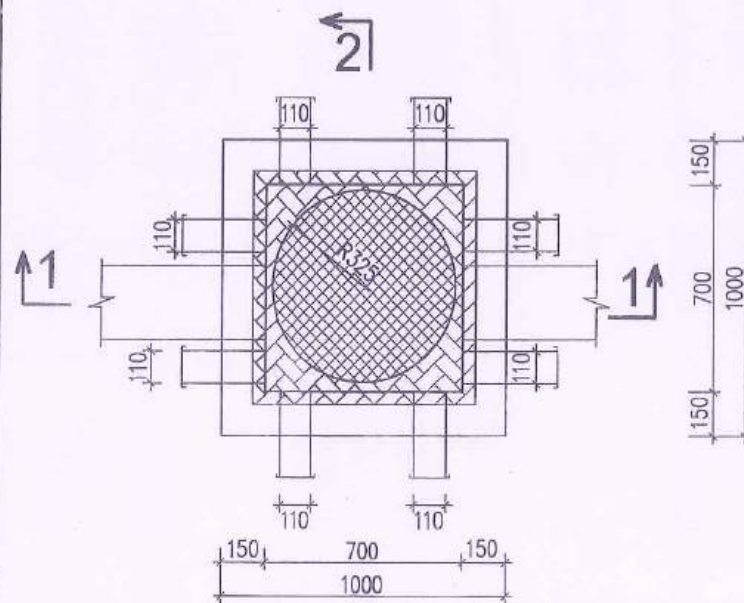
NT:02

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



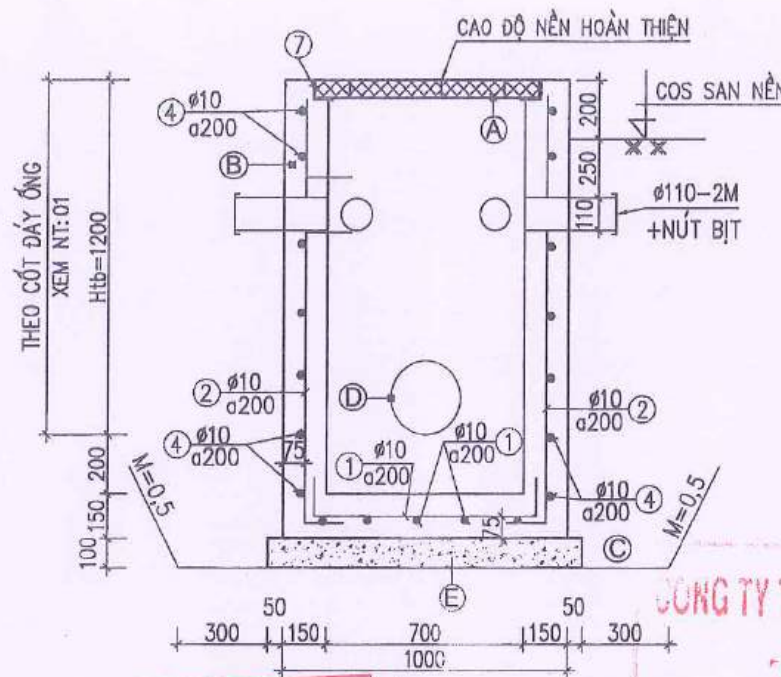
CẮT 1-1



MẶT BẰNG HỐ GA KIỂU G2

TỔNG HỢP HỐ GA G2

Kiểu thu	Số lượng
D250-D250	13 Hố



CẮT 2-2

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KẾN DẠNG
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Chủ trì dự án ký tên:

THỐNG KÊ THÉP 1 HỐ GA G2

HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	C. DÀI 1 THANH (MM)	SỐ THANH	C. DÀI (M)
1 200 900 200	10	1300	10	13.00
2 200 Htb+200=1400	10	1600	14	22.40
3 200 320	10	520	4	2.08
4 200 900 200	10	1300	29	37.70
5 Htb-300=900	10	900	4	3.60
6 100 200 300 200	16	900	2	1.80
7 L80X80X8				3.60

BẢNG TỔNG HỢP THÉP 1 HỐ GA G2

ĐƯỜNG KÍNH	10	16	L80X80X8
L (M)	78.78	1.80	3.60
P (KG)	48.61	2.90	35.00

THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G2 (13 HỐ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KLƯỜNG TB 01 HỐ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m3	1.45/6*(1.7^2+3.15^2+(1.7+3.15)^2	8.78	114.15
2	Khối lượng đắp	m3	8.78-(1.10*1.10*0.1+1*1*1.35)	7.31	95.03
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3	1*1*0.15+(1+0.7)*2*0.15*1.40-2*3.14*0.25^2/4*0.15	0.85	11.04
4	Bê tông lót móng, đá 2x4, M150	m3	1.1*1.1*0.1	0.12	1.57
5	Ván khuôn hố ga	m2	1*1.55*4+0.7*1.40*4+2*3.14*0.25*0.15	10.36	134.62
6	Ván khuôn bê tông lót	m2	1.1*0.1*4	0.44	5.72
7	Cốt thép D10	kg	48.61	48.61	631.93
8	Cốt thép D16	kg	2.9	2.90	37.70
9	Cốt thép L80*80*8	kg	34.7	34.7	451.10
10	Bộ nắp bằng composite mua sẵn loại 12,5 tấn	bộ	1	1.00	13.00

GHI CHÚ:

- A) NẮP COMPOSIT 850X850
- B) BTCT M200 ĐÁ 1X2
- C) ĐÁP ĐẤT K=0.85
- D) ỚNG HDPE D250
- E) ĐỆM BÊ TÔNG ĐÁ 2X4, M150

- * THÉP L80X80X8 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP <= D10 DÙNG THÉP CB240-T; Rs=Rse =2300 KG/CM2
- * CỐT THÉP > D10 DÙNG THÉP CB300-V; Rs=Rse =2800 KG/CM2
- * KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM CỐT ĐẶT ĐÁY CỐNG VÀ CỐT MẶT HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC DỌC.

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ
CHUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LÊ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý
Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
ĐT: 04 - 0826.270678 - Fax: 04 - 0826.270678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

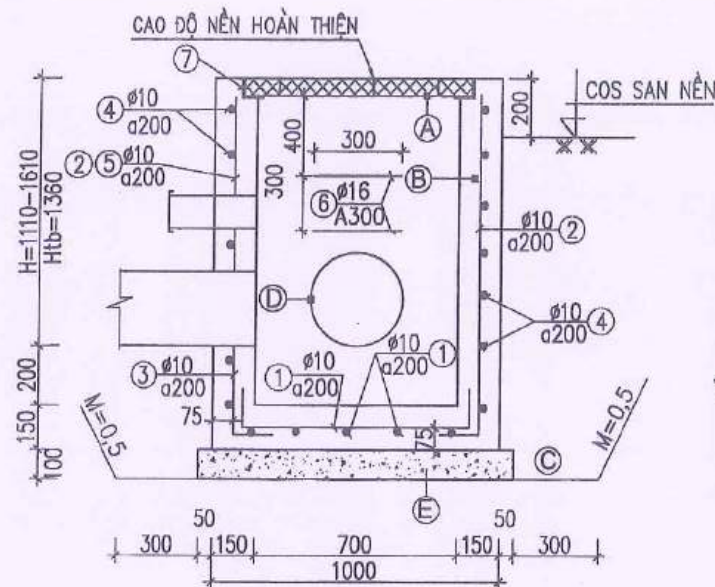
CHI TIẾT HỐ GA G2

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

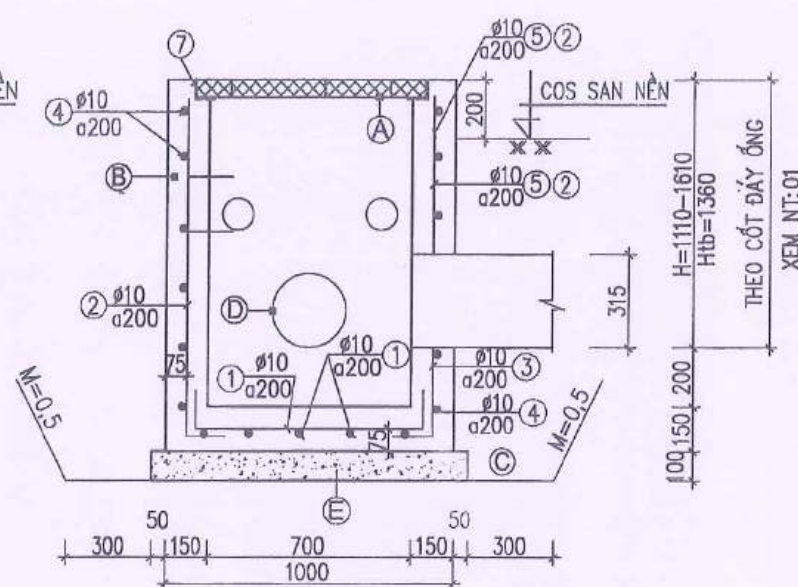
NT:03

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

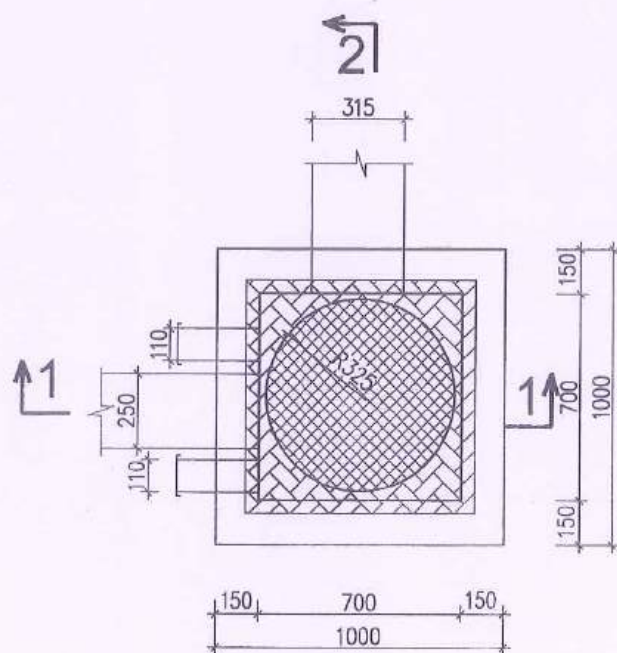
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



CẮT 1-1



CẮT 2-2



MẶT BẰNG HỐ GA KIỂU G3

TỔNG HỢP HỐ GA G3

Kiểu thu	Số lượng
	01 Hố

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G3 (1 HỐ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KHOẢNG TB 01 HỐ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m3	$1.61/6 \cdot (1.7^2 + 3.31^2 + (1.7 + 3.31)^2)$	10.45	10.45
2	Khối lượng đắp	m3	$10.45 - (1.10 \cdot 1.10 \cdot 0.1 + 1 \cdot 1 \cdot 1.51)$	8.82	8.82
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3	$1 \cdot 1 \cdot 0.15 + (1 + 0.7) \cdot 2 \cdot 0.15 \cdot 1.56 - 3.14 \cdot 0.25^2 / 4 \cdot 0.15 - 3.14 \cdot 0.315^2 / 4 \cdot 0.15$	0.93	0.93
4	Bê tông lót móng, đá 2x4, M150	m3	$1.1 \cdot 1.1 \cdot 0.1$	0.12	0.12
5	Ván khuôn hố ga	m2	$1 \cdot 1.71 \cdot 4 + 0.7 \cdot 1.56 \cdot 4 + 3.14 \cdot 0.25 \cdot 0.15 + 3.14 \cdot 0.315 \cdot 0.15$	11.47	11.47
6	Ván khuôn bê tông lót	m2	$1.1 \cdot 0.1 \cdot 4$	0.44	0.44
7	Cốt thép D10	kg	49.63	49.63	49.63
8	Cốt thép D16	kg	2.9	2.90	2.90
9	Cốt thép L80*80*8	kg	35	35	35.00
10	Bộ nắp bằng composite mua sẵn loại 12,5 tấn	bộ	1	1.00	1.00

GHI CHÚ:

- (A) NẮP COMPOSIT 850X850
- (B) BTCT M200 ĐÁ 1X2
- (C) ĐÁ ĐÁ K=0.85
- (D) ỐNG HDPE D250
- (E) ĐỆM BÊ TÔNG ĐÁ 2X4, M150

- * THÉP L80X80X8 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP $\leq$ D10 DÙNG THÉP CB240-T; $R_s=R_{se} = 2300$ KG/CM²
- * CỐT THÉP $>$ D10 DÙNG THÉP CB300-V; $R_s=R_{se} = 2800$ KG/CM²
- * KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM CỐT ĐẶT ĐÁY CỐNG VÀ CỐT MẶT HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC DỤC.

THỐNG KÊ THÉP 1 HỐ GA G3

	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	C. DÀI 1 THANH (MM)	SỐ THANH	C. DÀI (M)
1	200 900 200	10	1300	10	13.00
2	200 Htb+200=1560	10	1760	14	24.64
3	200 320	10	520	4	2.08
4	200 900 200	10	1300	28	36.40
5	Htb-282(250;315)=1078	10	1078	4	4.312
6	100 200 300 200	16	900	2	1.80
7	L80X80X8				3.60

BẢNG TỔNG HỢP THÉP 1 HỐ GA G3

ĐƯỜNG KÍNH	10	16	L80X80X8
L (M)	80.432	1.80	3.60
P(KG)	49.63	2.90	35.00

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐDD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT HIỆN CỤT ĐẤT ĐỂ ĐÁU GIÁ
 QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
 TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
 ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý
 Thành Phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
 ĐT: 04 - 0826.270678 - Fax: 04 - 0826.270678
 Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

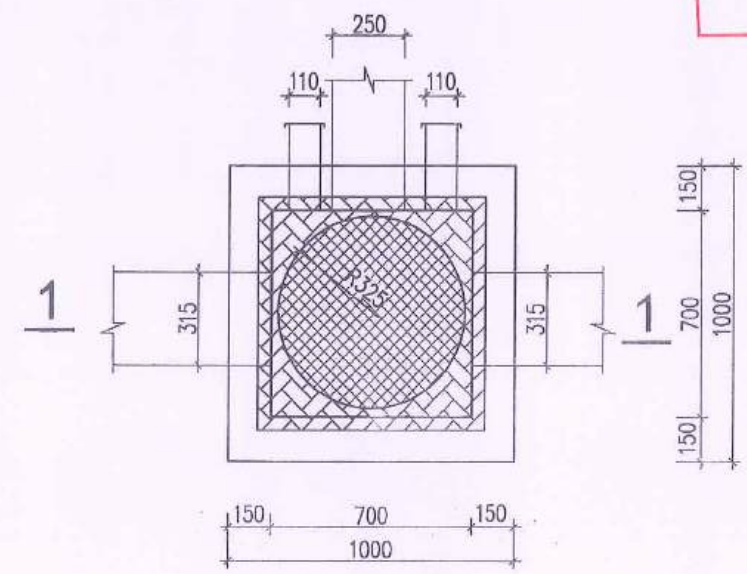
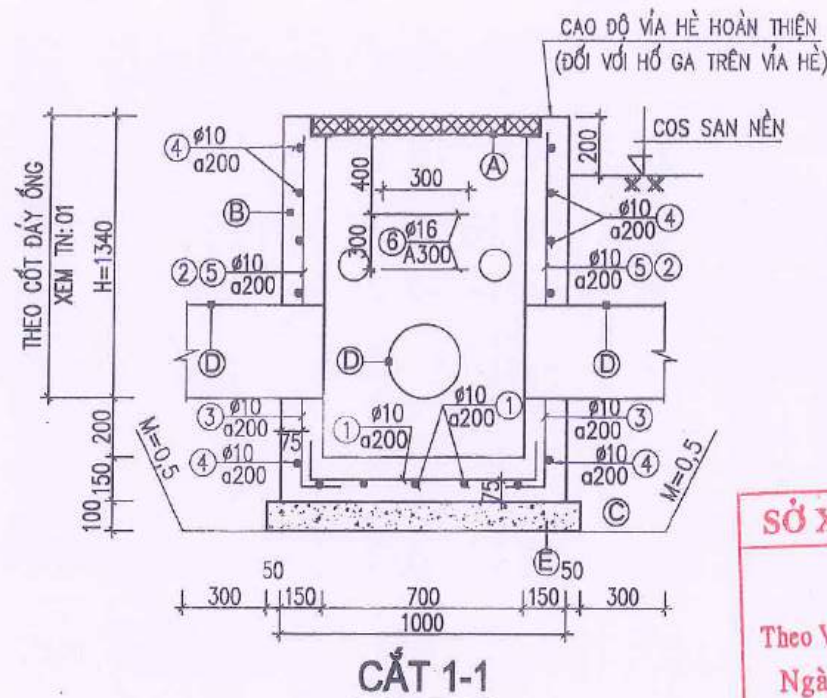
CHI TIẾT HỐ GA G3

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

NT:04

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



TỔNG HỢP HỐ GA G4

Kiểu Thu	Số Lượng
D250 D315	02 Hố

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

THỐNG KÊ THÉP 1 HỐ GA G4

	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	C. DÀI 1 THANH (MM)	SỐ THANH	C. DÀI (M)
1	200 900 200	10	1300	10	13.00
2	200 H+200=1760	10	1960	12	23.52
3	200 320	10	520	6	3.12
4	200 900 200	10	1300	30	39.00
5	H-365=1195	10	1195	6	7.17
6	100 300 100 200 300 200	16	900	2	1.80
7	L80X80X8				3.60

BẢNG TỔNG HỢP THÉP 1 HỐ GA G4

ĐƯỜNG KÍNH	10	16	L80X80X8
L (M)	88.00	1.80	3.60
P(KG)	54.30	2.90	35.00

THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G4 (2 HỐ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KLƯỢNG TB 01 HỐ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m3	$1.59/6 \cdot (1.7^2 + 3.29^2 + (1.7 + 3.29)^2)$	10.23	20.47
2	Khối lượng đắp	m3	$10.23 - (1.10 \cdot 1.10 \cdot 0.1 + 1 \cdot 1 \cdot 1.49)$	8.62	17.24
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3	$1 \cdot 1 \cdot 0.15 + (1 + 0.7) \cdot 2 \cdot 0.15 \cdot 1.54 - 3.14 \cdot 0.315^2 / 4 \cdot 0.15 - 2 \cdot 3.14 \cdot 0.25^2 / 4 \cdot 0.15$	0.91	1.82
4	Bê tông lót móng, đá 2x4, M150	m3	$1.1 \cdot 1.1 \cdot 0.1$	0.12	0.24
5	Ván khuôn hố ga	m2	$1 \cdot 1.69 \cdot 4 + 0.7 \cdot 1.54 \cdot 4 + 3.14 \cdot 0.315 \cdot 0.15 + 2 \cdot 3.14 \cdot 0.25 \cdot 0.15$	11.46	22.91
6	Ván khuôn bê tông lót	m2	$1.1 \cdot 0.1 \cdot 4$	0.44	0.88
7	Cốt thép D10	kg	54.3	54.30	108.60
8	Cốt thép D16	kg	2.9	2.90	5.80
9	Cốt thép L80*80*8	kg	35	35	70.00
10	Bộ nắp bằng composite mua sẵn loại 12,5 tấn	bộ	1	1.00	2.00

GHI CHÚ:

- Ⓐ NẮP COMPOSIT 850X850
- Ⓑ BTCT M200 ĐÁ 1X2
- Ⓒ ĐÁP ĐẤT K=0.85
- Ⓓ ỐNG HDPE D250
- Ⓔ ĐỆM BÊ TÔNG ĐÁ 2X4, M150

- * THÉP L80X80X8 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP ≤ D10 DÙNG THÉP CB240-T; Rs=Rse =2300 KG/CM2
- * CỐT THÉP > D10 DÙNG THÉP CB300-V; Rs=Rse =2800 KG/CM2
- * KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM CỐT ĐẶT ĐÁY CỐNG VÀ CỐT MẶT HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC DỤC.

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUY ĐỒ ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC: HẠNG MỤC.....

Chủ trì bộ môn kỹ tên

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

ĐÔNG NAM

ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ, THÀNH PHỐ BỒNG HỒI - TỈNH QUẢNG BÌNH

ĐT: 84 - 0926.278678 - Fax: 84 - 0926.278678

Email: dongnamcb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

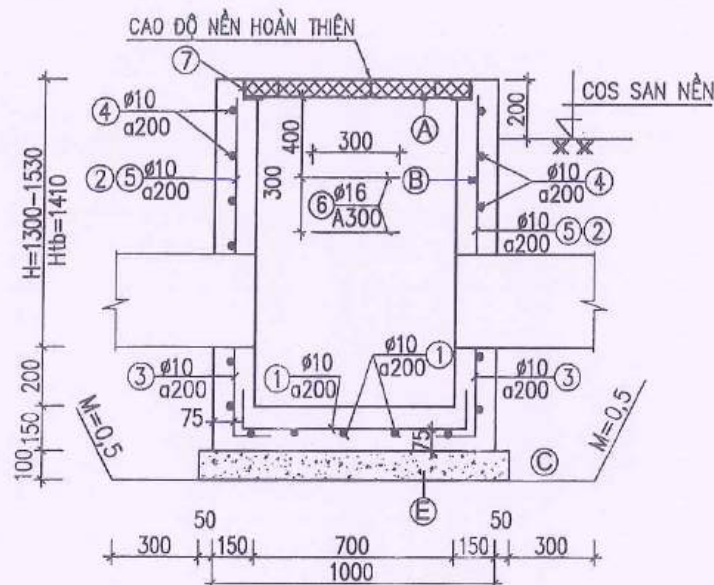
TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT HỐ GA G4

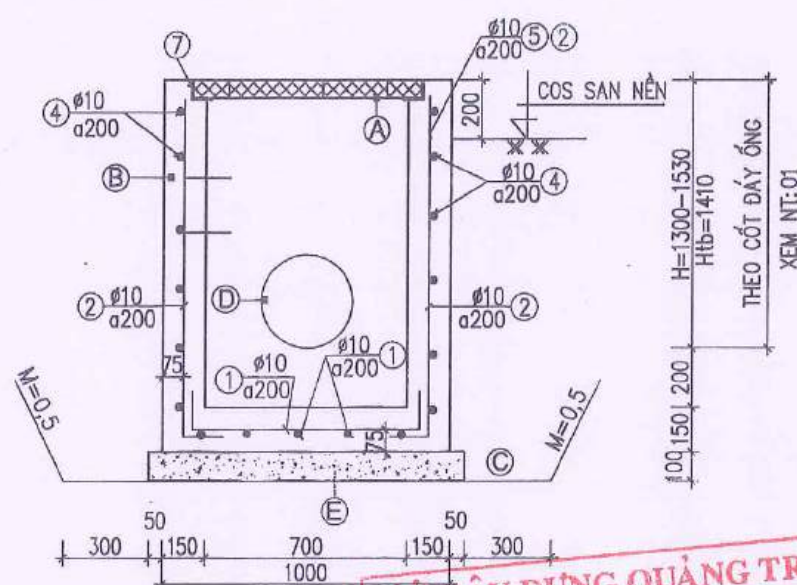
KÝ HIỆU BẢN VẼ: NT:05

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

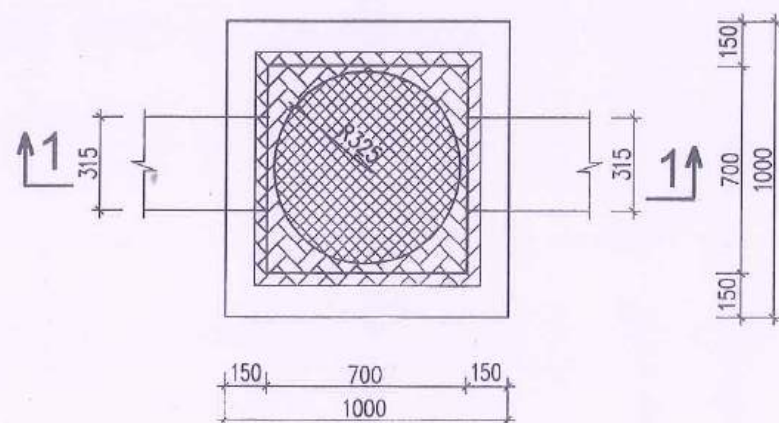
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



CẮT 1-1



CẮT 2-2



MẶT BẰNG HỒ GA KIỂU G5

TỔNG HỢP HỒ GA G5

Kiểu thu	Số lượng
D315	03 HỒ

GHI CHÚ:

- (A) NẮP COMPOSIT 850X850
- (B) BTCT M200 ĐÁ 1X2
- (C) ĐÁ ĐẤT K=0.85
- (D) ỚNG HDPE D250
- (E) ĐỆM BÊ TÔNG ĐÁ 2X4, M150

- * THÉP L80X80X8 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP <= D10 DÙNG THÉP CB240-T; $R_s=R_{se}=2300 \text{ KG/CM}^2$
- * CỐT THÉP > D10 DÙNG THÉP CB300-V; $R_s=R_{se}=2800 \text{ KG/CM}^2$
- * KHI THI CÔNG CÁC HỒ GA CẦN KẾT HỢP XEM CỐT ĐẶT ĐÁY CỐNG VÀ CỐT MẶT HỒ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC ĐỌC.

THỐNG KÊ THÉP 1 HỒ GA G5

HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	C. DÀI 1 THANH (MM)	SỐ THANH	C. DÀI (M)
1 200 900 200	10	1300	10	13.00
2 200 Htb+200=1610	10	810	14	25.34
3 200 320	10	520	4	2.08
4 200 900 200	10	1300	29	37.70
5 Htb-365=1045	10	1045	4	4.18
6 100 200 300 200	16	900	2	1.80
7 L80X80X8				3.60

BẢNG TỔNG HỢP THÉP 1 HỒ GA G5

ĐƯỜNG KÍNH	10	16	L80X80X8
L (M)	82.30	1.80	3.60
P(KG)	50.80	2.90	35.00

THỐNG KÊ VẬT TƯ HỒ GA KIỂU G5 (3 HỒ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KLƯỢNG TB 01 HỒ	TỔNG KHỐI
1	Khối lượng đào	m3	$1.66/6 \times (1.7^2 + 3.36^2 + (1.7 + 3.36)^2)$	11.01	33.02
2	Khối lượng đắp	m3	$11.01 - (1.10 \times 1.10 \times 0.1 + 1 \times 1 \times 1.56)$	9.33	27.98
3	Bê tông đáy, thành hồ ga, đá 1x2, M200	m3	$1 \times 1 \times 0.15 + (1 + 0.7) \times 2 \times 0.15 \times 1.61 - 2 \times 3.14 \times 0.315^2 / 4 \times 0.15$	0.95	2.84
4	Bê tông lót móng, đá 2x4, M150	m3	$1 \times 1 \times 1 \times 0.1$	0.12	0.36
5	Ván khuôn hồ ga	m2	$1 \times 1.76 \times 4 + 0.7 \times 1.61 \times 4 + 2 \times 3.14 \times 0.315 \times 0.15$	11.84	35.53
6	Ván khuôn bê tông lót	m2	$1 \times 1 \times 0.1 \times 4$	0.44	1.32
7	Cốt thép D10	kg	50.8	50.80	152.40
8	Cốt thép D16	kg	2.9	2.90	8.70
9	Cốt thép L80*80*8	kg	35	35	105.00
10	Bộ nắp bằng composite mua sẵn loại 12,5 tấn	bộ	1	1.00	3.00

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUÝ DẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ
QUYỀN SỬ DỤNG DẤT Ở
TẠI XÃ LÊ THUY, HUYỆN LÊ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LÊ THUY-T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý
Thành Phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
ĐT: 04 - 0926.278678 - Fax: 04 - 0926.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

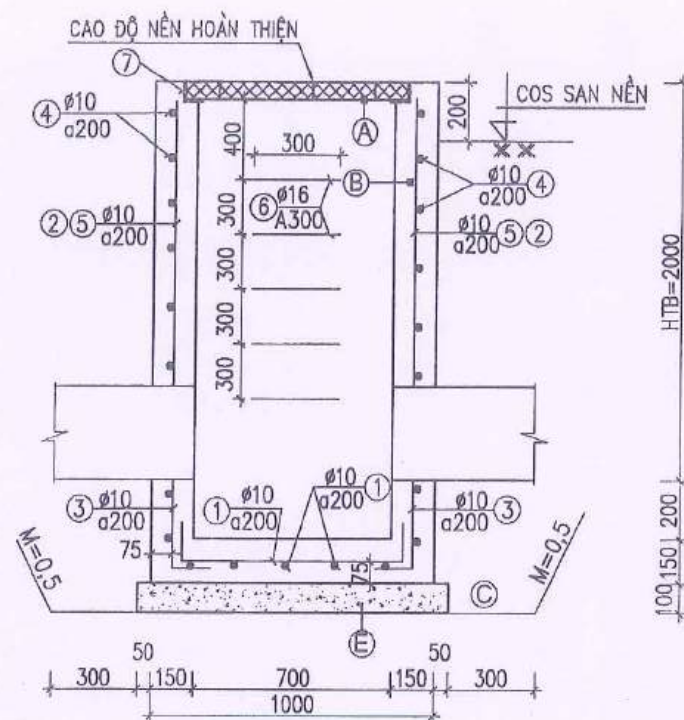
TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT HỒ GA G5

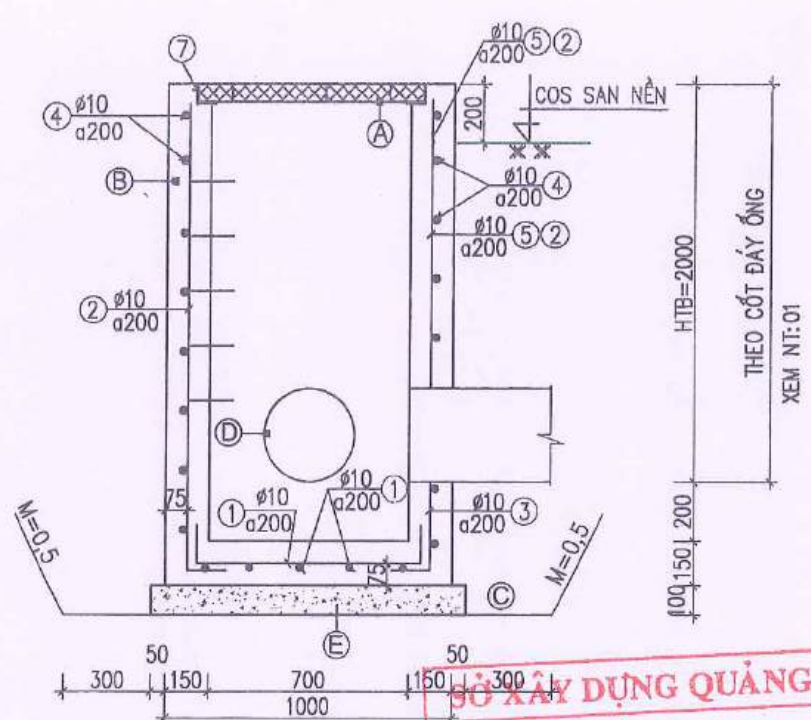
KÝ HIỆU BẢN VẼ: NT:06

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

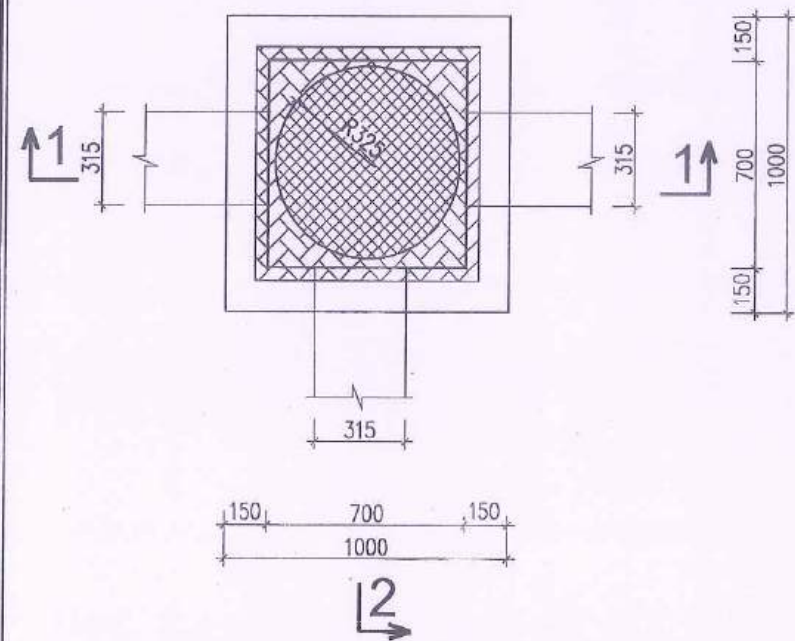
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



CẮT 1-1
12



CẮT 2-2



MẶT BẰNG HỐ GA KIỂU G6

TỔNG HỢP HỐ GA G6

Kiểu thu	Số lượng
D315	05 HỐ

THỐNG KÊ THÉP HỐ GA G6

	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø (MM)	C. DÀI 1 THANH (MM)	SỐ THANH	C. DÀI (M)
1	200 900 200	10	1300	10	13.00
2	200 Htb=2200	10	2400	12	28.80
3	200 320	10	520	6	3.12
4	200 900 200	10	1300	38	49.40
5	Htb=1800	10	1800	6	10.80
6	100 200 300 200	16	900	5	4.50
7	L80X80X8				3.60

BẢNG TỔNG HỢP THÉP 1 HỐ GA G6

ĐƯỜNG KÍNH	10	16	L80X80X8
L (M)	105.12	4.50	3.60
P (KG)	64.86	7.11	35.00

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

THỐNG KÊ VẬT TƯ HỐ GA KIỂU G6 (5 HỐ)

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI	KHUỖNG TB 01 HỐ	TỔNG KHỐI LƯỢNG
1	Khối lượng đào	m3	$2.25/6 * (1.7^2 + 3.95^2 + (1.7 + 3.95)^2)$	18.91	94.53
2	Khối lượng đắp	m3	$18.91 - (1.10 * 1.10 * 0.1 + 1 * 1 * 2.15)$	16.64	83.20
3	Bê tông đáy, thành hố ga, đá 1x2, M200	m3	$1 * 1 * 0.15 + (1 + 0.7) * 2 * 0.15 * 2.2 - 3 * 3.14 * 0.315^2 / 4 * 0.15$	1.24	6.18
4	Bê tông lót móng, đá 2x4, M150	m3	$1.1 * 1.1 * 0.1$	0.12	0.61
5	Ván khuôn hố ga	m2	$1 * 2.4 * 4 + 0.7 * 2.2 * 4 + 3 * 3.14 * 0.315 * 0.15$	16.21	81.03
6	Ván khuôn bê tông lót	m2	$1.1 * 0.1 * 4$	0.44	2.20
7	Cốt thép D10	kg	64.86	64.86	324.30
8	Cốt thép D16	kg	7.11	7.11	35.55
9	Cốt thép L80*80*8	kg	35	35	175.00
10	Bộ nắp bằng composite mua sẵn loại 12,5 tấn	bộ	1	1	5.00

GHI CHÚ:

- Ⓐ NẮP COMPOSIT 850X850
- Ⓑ BTCT M200 ĐÁ 1X2
- Ⓒ ĐÁP ĐẤT K=0.85
- Ⓓ ỐNG HDPE D250
- Ⓔ ĐỆM BÊ TÔNG ĐÁ 2X4, M150

- * THÉP L80X80X8 LIÊN KẾT HÀN ĐIỆN
- * CỐT THÉP ≤ D10 DÙNG THÉP CB240-T; Rs=Rse =2300 KG/CM2
- * CỐT THÉP > D10 DÙNG THÉP CB300-V; Rs=Rse =2800 KG/CM2
- * KHI THI CÔNG CÁC HỐ GA CẦN KẾT HỢP XEM CỐT ĐẶT ĐÁY CỐNG VÀ CỐT MẶT HỐ GA Ở BẢN VẼ BÌNH ĐỒ VÀ TRẮC DỌC.

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ MGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN CỤ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ
QUYÊN SỞ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý
Thành Phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
ĐT: 04 - 0926.278678 - Fax: 04 - 0926.278678
Email: dongnamqb@gmail.com



GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HUỖNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT HỐ GA G6

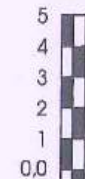
KÝ HIỆU BẢN VẼ: NT:07

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

MẶT TRẮC DỌC TUYẾN CÔNG THOÁT NƯỚC THẢI G1.1-G6.3

Tỷ lệ Ngang - 1:1000
Tỷ lệ Dọc - 1:200



d (mm)		250	250	250	315	315	315	315	315
i (1/100)		0.4	0.4	0.4	0.32	0.32	0.32	0.32	0.32
Khoảng cách (m)		25	25	25	24	7	93	65	8
Cốt mặt đất (m)		3.19	3.00	3.10	3.28	3.25	3.25	3.26	3.20 3.14
Cốt đáy cống (m)		2.39	2.20	2.20	2.10	2.10	2.09	2.01	1.71 1.71
Độ sâu chôn cống (m)		0.80	0.80	0.80	1.00	1.00	1.19	1.24	1.50 1.50 1.48 1.48
Góc ngoặt (độ)		180°	180°	180°	90°	135°	135°	90°	135° 135°
Điểm tính toán		G1-1	G2-1	G2-2	G3	G5-1	G5-2	G6.1	G5-3 G6-3

GHI CHÚ:

- Đường mặt đất hoàn hiện theo cốt QH
- - - - - Đường mặt đất đào đắp thi công cống nước thải
- ==== Cống thoát nước thải
- Hố ga

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
CÁNH SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 TRẦN VĂN CHUẨN - phường nam lý
thành phố đồng hoi - tỉnh quảng bình
ĐT: 04 - 0326.270678 - Fax: 04 - 0326.270678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC TUYẾN NƯỚC THẢI G1.1 - G6.3

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

TD - 01

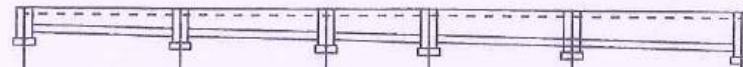
GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

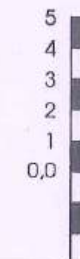
MẶT TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI G1.2-G6.3; G1.3-G4.2

Tỷ lệ Ngang - 1:1000

Tỷ lệ Dứng - 1:200



d (mm)		250	250	250	250	315	
i (1/100)		0.4	0.4	0.4	0.4	0.32	
Khoảng cách (m)		26	25	17	19	28	
Cốt mặt đất (m)		3.19	3.18	3.16	3.15	3.15	3.10
Cốt đáy cống (m)		2.39	2.29	2.29	2.19	2.12	2.08
Độ sâu chôn cống (m)		0.80	0.89	0.89	0.97	1.03	1.07
Góc ngoặt (độ)		180°	180°	180°	180°	90°	180°
Điểm tính toán		G1-2	G2-5	G2-6	G2-7	G4-2	G6-2



d (mm)		250	250	250	
i (1/100)		0.4	0.4	0.4	
Khoảng cách (m)		25	26	27	
Cốt mặt đất (m)		3.12	3.14	3.14	3.15
Cốt đáy cống (m)		2.32	2.22	2.22	2.12
Độ sâu chôn cống (m)		0.80	0.92	0.92	1.02
Góc ngoặt (độ)		180°	180°	180°	180°
Điểm tính toán		G1-3	G2-3	G2-4	G4-2

GHI CHÚ:

- Đường mặt đất hoàn hiện theo cốt QH
- - - - - Đường mặt đất đào đắp thi công cống nước thải
- Cống thoát nước thải
- Hố ga

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ MGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN CẤP DẪY ĐỂ ĐẦU GIẢ
SUYỀN SỬ DỤNG DẪY Ở
TẠI XÃ LÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 TRẦN VĂN CHUẨN - phường nam lý
thị trấn phố đông hội - tỉnh quảng bình
ĐT: 84 - 0936.278678 - Fax: 84 - 0936.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC TUYẾN NƯỚC THẢI G1.1-G6.3; G1.3-G4.2

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

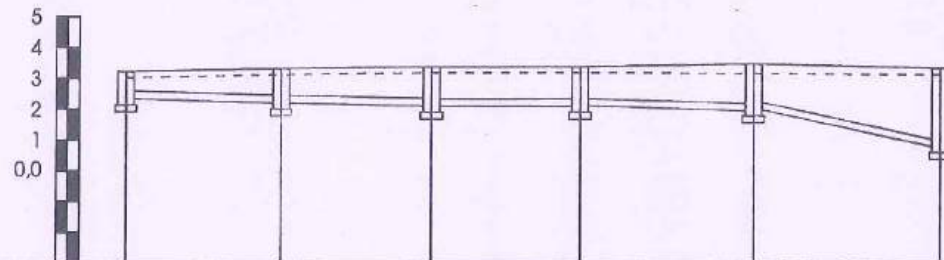
TD - 02

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

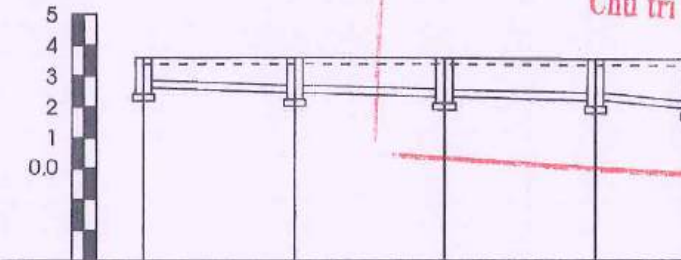
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

MẶT TRẮC DỌC TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI G1.4-G6.4; G1.5-G4.1

Tỷ lệ Ngang - 1:1000
Tỷ lệ Dứng - 1:200

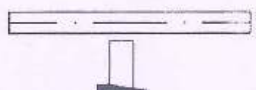


d (mm)		250	250	250	250	315	
i (1/100)		0.4	0.4	0.4	0.4	0.32	
Khoảng cách (m)		26	25	25	29	31	
Cốt mặt đất (m)		3.25	3.30	3.40	3.50	3.60	3.53
Cốt đáy cống (m)		2.45	2.35 2.35	2.25 2.25	2.15 2.15	2.03 2.03	1.05 1.05
Độ sâu chôn cống (m)		0.80	0.95 0.95	1.15 1.15	1.35 1.35	1.57 1.57	2.48 2.48
Góc ngoặt (độ)		180°	180°	180°	180°	90°	180°
Điểm tính toán		G1-4	G2-11	G2-12	G2-13	G4-1	G6-4



d (mm)		250	250	250	250					
i (1/100)		0.4	0.4	0.4	0.4					
Khoảng cách (m)		25	25	25	16					
Cốt mặt đất (m)		3.70	3.70	3.70	3.60	3.60				
Cốt đáy cống (m)		2.90	2.80	2.80	2.70	2.70	2.60	2.60	2.03	2.03
Độ sâu chôn cống (m)		0.80	0.90	0.90	1.00	1.00	1.00	1.00	1.57	1.57
Góc ngoặt (độ)		180°	180°	180°	180°	90°				
Điểm tính toán		G1-5	G2-8	G2-9	G2-10	G4-1				

GHI CHÚ:

- Đường mặt đất hoàn hiện theo cốt QH
- - - - - Đường mặt đất đào đắp thi công cống nước thải
-  Cống thoát nước thải
-  Hố ga

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
QUYÊN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LÊ THUY, HUYỆN LÊ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LÊ THUY - T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 TRẦN VĂN CHUÂN - phường Nam Mỹ
thị trấn Phố Mới - tỉnh Quảng Bình
ĐT: 0936.278678 - Fax: 04 - 0936.278678
Email: dongnam@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯƠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC TUYẾN NƯỚC THẢI G1.4-G6.4; G1.5-G4.1

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

TD - 03

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

Pm

HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CẤP NƯỚC

T.T	TÊN QUY CÁCH VẬT LIỆU	Đ.VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ỐNG HDPE D200 (PN8)	M	455
2	ỐNG HDPE D150 (PN8)	M	141
3	ỐNG HDPE D110 (PN8)	M	230
4	ỐNG HDPE Ø75 (PN8)	M	220
5	ỐNG HDPE Ø63 (PN8)	M	272
6	ỐNG THÉP TRẮNG KẼM Ø100 DÀY 3.0MM	M	10
7	ỐNG THÉP TRẮNG KẼM Ø150 DÀY 3.96MM	M	70
8	ỐNG THÉP TRẮNG KẼM 200 DÀY 4.7MM	M	15
9	ỐNG THÉP TRẮNG KẼM 250 DÀY 4.0MM	M	46
10	ĐIỂM KHỞI THỦY	ĐIỂM	01
11	TRỤ CỨU HỎA	TRỤ	05
12	VAN KHÓA D200,D150,D110,D75,D63 (VAN CỔNG MẶT BÍCH)	CÁI	05; 02; 05; 02; 03
13	HỖ VAN 800X800MM; 800X1000MM; 800X1300MM; 1000X1300MM; 1000X1000MM	HỖ	05; 02; 02; 01; 02
14	VAN XẢ KHÍ D25	BỘ	01
15	CÚT 90° D200;D150;D110,D75,D63; CÚT 135° D150; D110	CÁI	20; 08; 20; 06; 12; 02; 05
16	TÊ 90° D200X150;D200X110;D150X110;D150X75;D110X75;D110;D63;D110X63	CÁI	01; 02; 01; 01; 01; 02; 108; 02
17	CÔN THU D75X63	CÁI	02
18	ĐẦU BỊT ỐNG D200;D150;D110;D63	CÁI	02; 01; 02; 03

GHI CHÚ:

NỐI ỐNG HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN NHIỆT

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/SXD - HTKT

Ngày tháng năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐKKD VÀ PTGD LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN CƯỠI DẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
CHUYỂN SỬ DỤNG DẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THỦY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý
Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
ĐT: 04 - 0626.270678 - Fax: 04 - 0626.270678
Email: dongnamco@gmail.com

GIÁM ĐỐC

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HUỠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

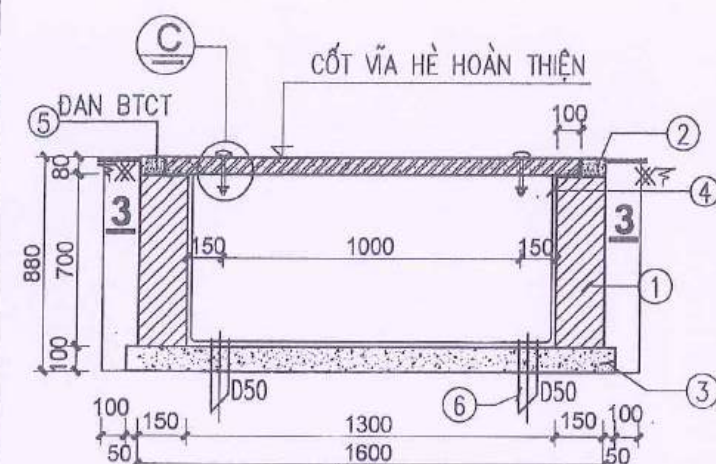
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

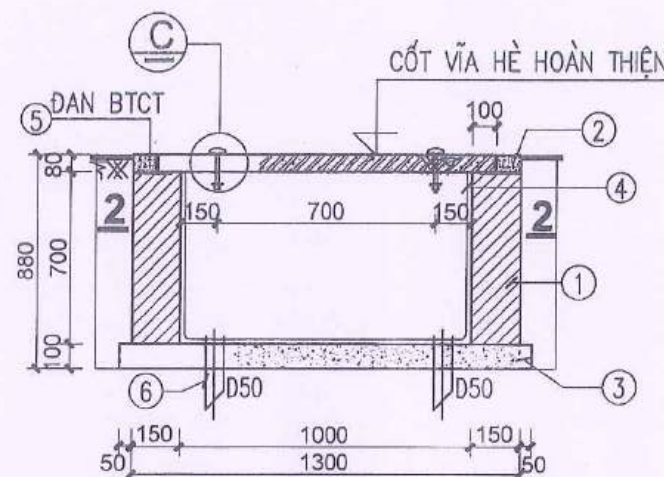
CNKL - 01

GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

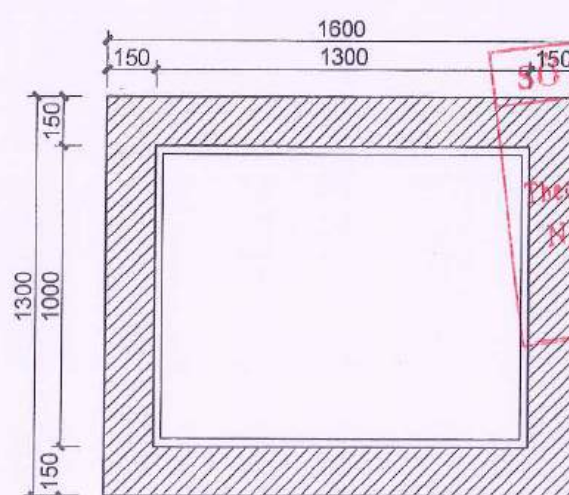
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



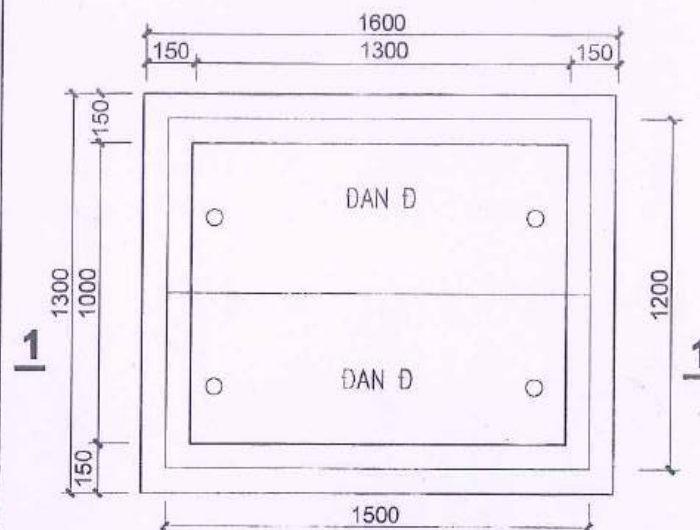
CẮT 1-1



CẮT 3-3



MẶT CẮT 2-2



M.B BỐ TRÍ ĐAN Đ

(01 HỒ)

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

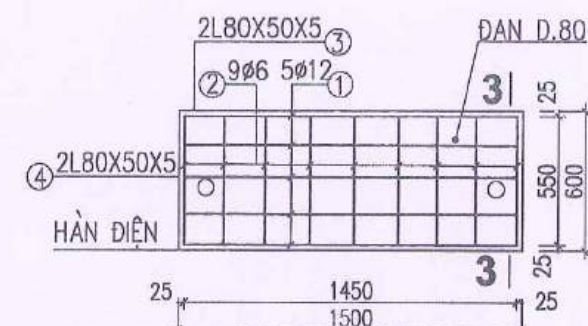
CHI TIẾT C
(2 CÁI/ ĐAN)

GHI CHÚ CHI TIẾT C

- ⑥ ĐAN BTCT VXM 200# D.80
- ⑦ BULÔNG, ĐAI ỐC M14, L=150

BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO MỘT HỒ VAN

K.HIỆU	HÌNH DÁNG - K.THƯỚC THÉP	Ø (MM)	C.DÀI (MM)	S.LƯỢNG (THANH)	C.DÀI T.BỘ(M)
①	1450	12	1450	10	14.5
②	50 550 50	6	650	18	11.7
③	1500	L80X50X5	1500	4	6.0
④	600	L80X50X5	600	4	2.4



CẮT 3-3

GHI CHÚ:

- ① XÂY GẠCH ĐẶC, VỈA XM M.75 D150
- ② BT VXM M.100 ĐÁ 1X2
- ③ BT VXM M.100 ĐÁ 2X4
- ④ TRÁT VỈA XM M75 D25 ĐÁNH MÀU PC400 (TRÁT 2 LẦN)
- ⑤ ĐAN BTCT VXM M.200, ĐÁ 1X2 D.80
- ⑥ ỐNG PVC D50, L=250MM THOÁT NƯỚC HỒ VAN, 4 ỐNG/1 HỒ

TỔNG HỢP THÉP MỘT HỒ VAN

LOẠI THÉP	Ø6	Ø12	L80X50X5
TỔNG CHIỀU DÀI(M)	11.7	14.5	8.4
KHỐI LƯỢNG(KG)	2.60	12.90	42.00

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT TRIỂN QUY DẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ
CUYÊN SỬ DỤNG DẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.GUANG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 84 - 0926.278678 - Fax: 84 - 0926.278678
Email: dongnamqb@gmail.com



KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

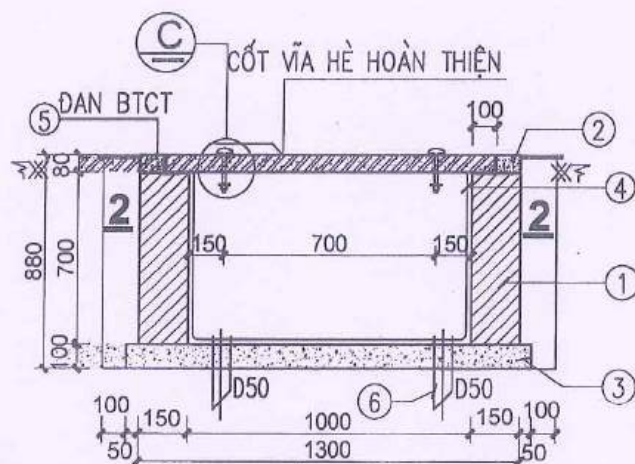
CHI TIẾT HỒ VAN 1000X1300 MM

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

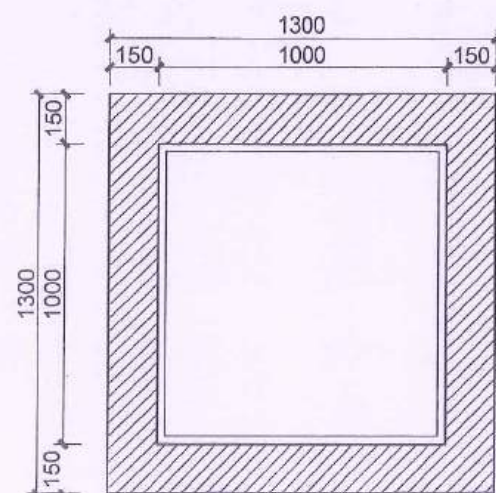
CNHV - 02

GAİI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

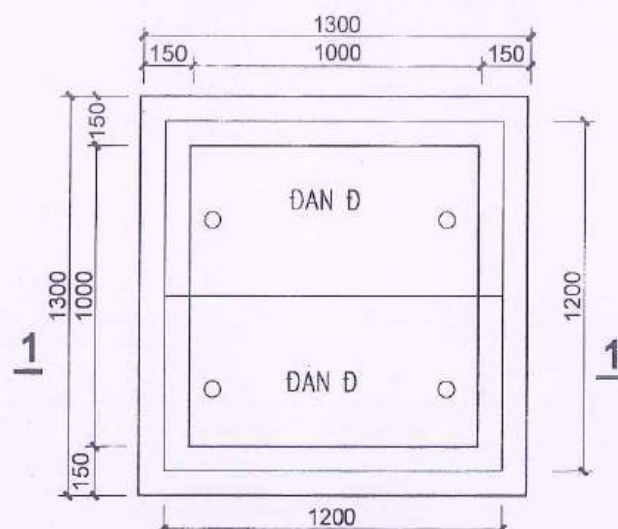
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



M.B BỐ TRÍ ĐAN D
(02 HỒ)

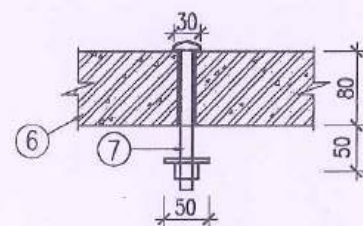
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



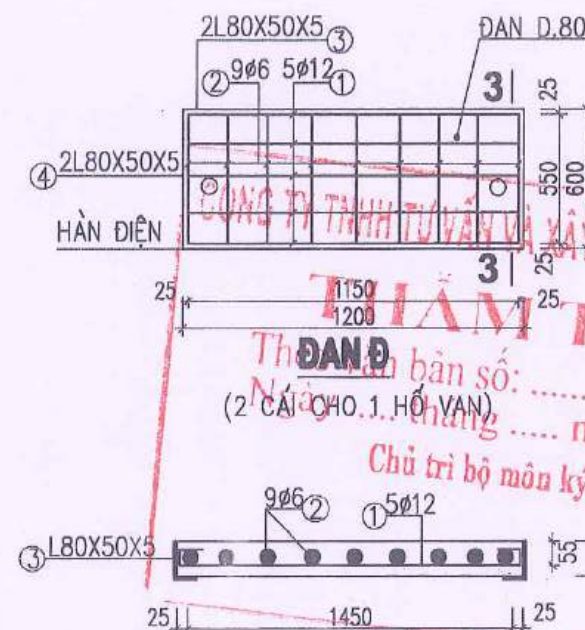
CHI TIẾT C
(2 CÁI/ ĐAN)

GHI CHÚ CHI TIẾT C

- ⑥ ĐAN BTCT VXM 200# D.80
- ⑦ BULÔNG, ĐAI ỐC M14, L=150

BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO MỘT HỒ VAN

K.HIỆU	HÌNH DÁNG - K.THƯỚC THÉP	Ø (MM)	C.DÀI (MM)	S.LƯỢNG (THANH)	C.DÀI T.BỘ (M)
①	1150	12	1150	10	11.5
②	50 550 50	6	650	18	11.7
③	1200	L80X50X5	1200	4	4.8
④	600	L80X50X5	600	4	2.4



CẮT 3-3

GHI CHÚ:

- ① XÂY GẠCH ĐẶC, VỮA XM M.75 D150
- ② BT VXM M.100 ĐÁ 1X2
- ③ BT VXM M.100 ĐÁ 2X4
- ④ TRÁT VỮA XM M75 D25 ĐÁNH MÀU PC400 (TRÁT 2 LẦN)
- ⑤ ĐAN BTCT VXM M.200, ĐÁ 1X2 D.80
- ⑥ ỐNG PVC D50, L=250MM THOÁT NƯỚC HỒ VAN, 4 ỐNG/1 HỒ

TỔNG HỢP THÉP MỘT HỒ VAN

LOẠI THÉP	Ø6	Ø12	L80X50X5
TỔNG CHIỀU DÀI(M)	11.7	11.5	7.2
KHOẢNG LƯỢNG(KG)	2.60	10.21	36.00

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

PHÁT HIỆN CỤT DÂY ĐỂ DẤU GIÁ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 04 - 0926.270678 - Fax: 04 - 0926.270678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC



KS. BUI MINH PHUC

CHỦ NHIỆM

KS. BUI MINH PHUC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRINH THỊ HƯƠNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT HỒ VAN 1000X1000 MM

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

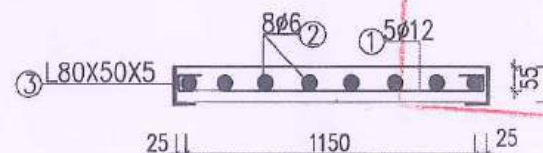
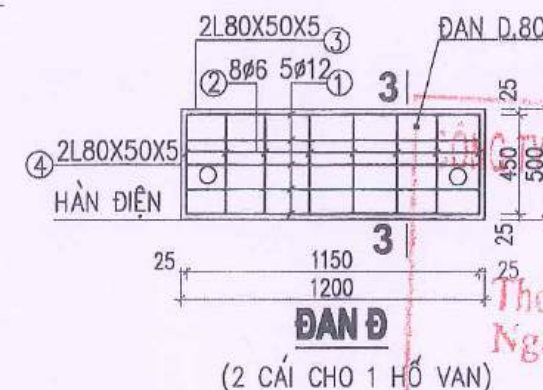
CNHV - 03

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

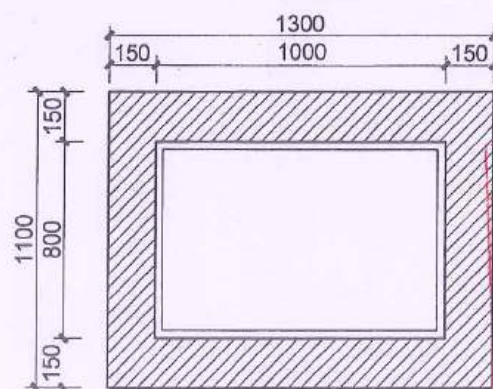
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

CẮT 1-1

CẮT 3-3

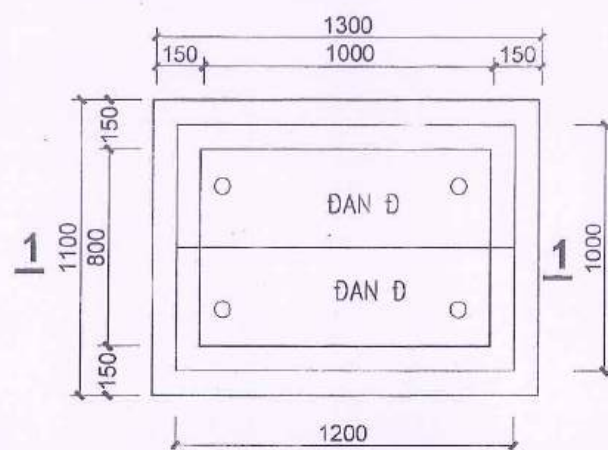


CẮT 3-3



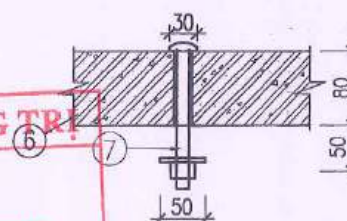
MẮT CẮT 2-2

(02 HỒ)



M.B BỐ TRÍ ĐAN Đ

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TR (6)
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



CHI TIẾT 
(2 CÁI/ ĐÀN)

GHI CHÚ CHI TIẾT C

- (7) BULÔNG, ĐAI ỐC M14, L=150

GHI CHÚ:

- ① XÂY GẠCH ĐẶC, VỮA XM M.75 D150
- ② BT VXM M.100 ĐÁ 1X2
- ③ BT VXM M.100 ĐÁ 2X4
- ④ TRÁT VỮA XM M75 D25 ĐÁNH MÀU PC400 (TRÁT 2 LẦN)
- ⑤ ĐAN BTCT VXM M.200, ĐÁ 1X2 D.80
- ⑥ ỐNG PVC D50, L=250MM THOÁT NƯỚC HỒ VẠN, 4 ỐNG/1 HỒ

BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO MỘT HỒ VẠN

K.HIỆU	HÌNH DÁNG – K.THUỐC THÉP	Ø (MM)	C.DÀI (MM)	S.LƯỢNG (THANH)	C.DÀI T.BỘ(M)
①		12	1150	10	11.5
②		6	550	16	8.8
③		L80X50X5	1200	4	4.8
④		L80X50X5	500	4	2.0

TỔNG HỢP THÉP MỘT HỔ VẠN

LOẠI THÉP	Ø6	Ø12	L80X50X5
TỔNG CHIỀU DÀI(M)	8.8	11.5	6.8
KHỐI LƯỢNG(KG)	1.94	10.21	34.00

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:

**PHÁT HIỆN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LÊN THUY, HUYỆN LÊ THUY**

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THỦY-T.QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM**



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 84 - 0202.278678 - Fax: 84 - 0202.278678
Email: dangnamcb@gmail.com

CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRINH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT HỒ VẠN 800X1000

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CNHV - 04

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

CẮT 1-1

MẶT CẮT 2-2

(05 HỒ VAN)

M.B ĐỒ TRÍ ĐAN Đ

ĐAN Đ

(2 CÁI CHO 1 HỔ VẠN)

CẮT 3-3

CHI TIẾT 

(2 CÁI/ ĐÀN)

CHI TIẾT GỐI ĐỖ NÚT BIT ỐNG

CẮT C-C

MB GỐI ĐỖ CÚT

MB GỒI ĐỖ TÊ

CẮT D-D

CẮT E-E

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTGD LÊ THUY

CÔNG TRÌNH:

**PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐÁU GIÀ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỊCH THỦY**

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THỦY-T. QUẢNG TRỊ

HANG MỤC

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM**



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý
Thị trấn Đông Hải - Tỉnh Quảng Bình
ĐT: 84 - 0526.278678 - Fax: 84 - 0526.278678
Email: dongnamab@gmail.com

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM
HỘI - T. QUẢNG BÌNH

CHỦ NHIỆM

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT HỒ VẠN 800X800, CHI TIẾT GỐI ĐỒ

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CNHV - 05

GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

GHI CHÚ:

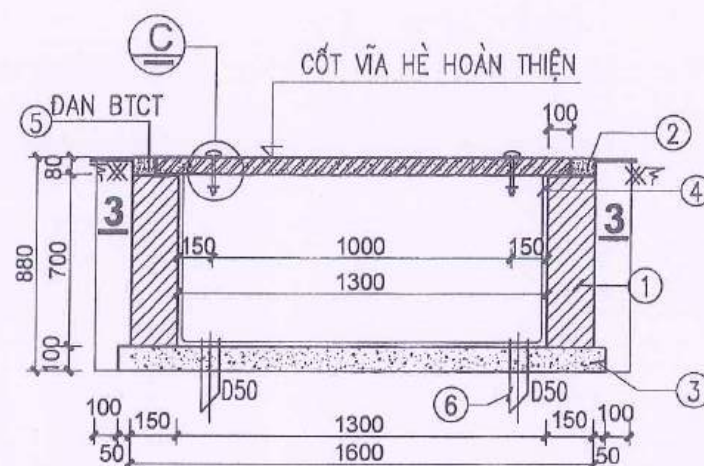
- ① XÂY GẠCH ĐẶC, VỮA XM M.75 D150
- ② BT VXM M.100 ĐÁ 1X2
- ③ BT VXM M.100 ĐÁ 2X4
- ④ TRÁT VỮA XM M75 D25 ĐÁNH MÀU PC400 (TRÁT 2 LẦN)
- ⑤ ĐAN BTCT VXM M.200, ĐÁ 1X2 D.80
- ⑥ ỐNG PVC D50, L=250MM THOÁT NƯỚC HỒ VẠN, 4 ỐNG/1 HỒ

BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO MỘT HỔ VAN

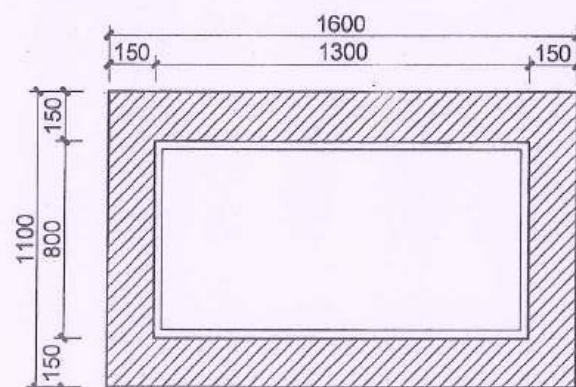
K.HIỆU	HÌNH DÁNG – K.THƯỚC THÉP	Ø (MM)	C.DÀI (MM)	S.LƯỢNG (THÀNH)	C.DÀI T.BỘ(M)
①		12	950	10	9.5
②		6	550	12	6.6
③		L80X50X5	1000	4	4.0
④		L80X50X5	500	4	2.0

TỔNG HỢP THÉP MỘT HỒ VẠN

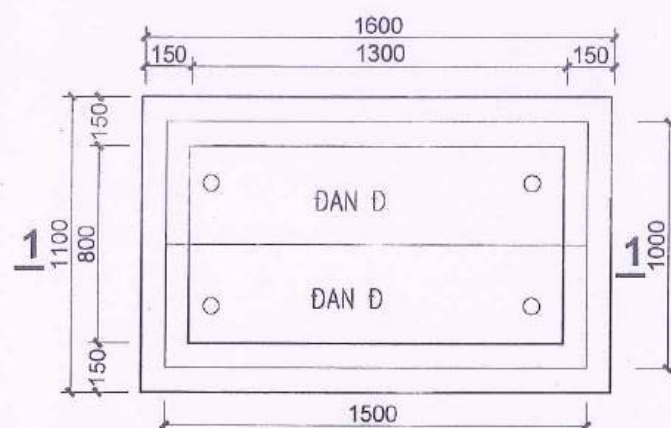
LOẠI THÉP	Ø6	Ø12	L80X50X5
TỔNG CHIỀU DÀI(M)	6.6	9.5	6.0
KHOẢNG LƯỢNG(KG)	1.50	8.44	30.00



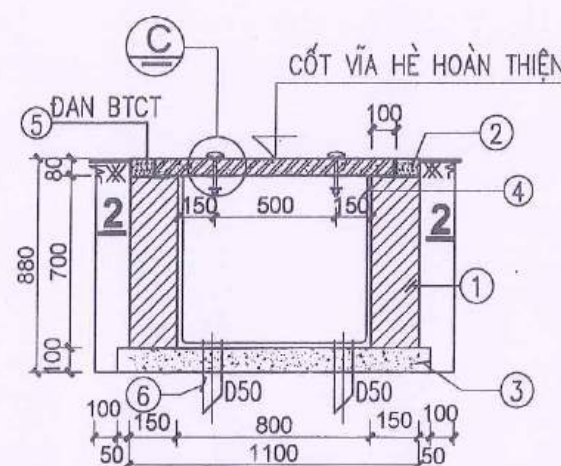
CẮT 1-1



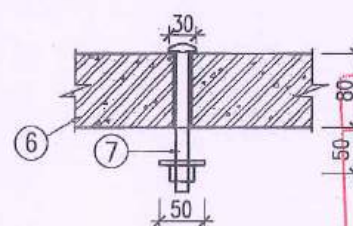
MẶT CẮT 2-2



M.B BỐ TRÍ ĐẠN Đ
(02 HỒ)



CẮT 3-3



CHI TIẾT C
(2 CÁI/ ĐẠN)

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH

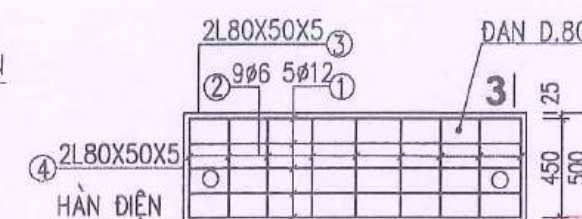
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ CHI TIẾT C

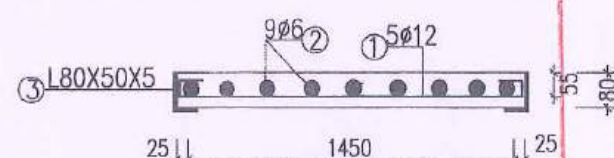
- ⑥ ĐẠN BTCT VXM 200# D.80
- ⑦ BULÔNG, ĐAI ỐC M14, L=150

BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO MỘT HỒ VẠN

K.HIỆU	HÌNH DÁNG - K.THƯỚC THÉP	Ø (MM)	C.DÀI (MM)	S.LƯỢNG (THANH)	C.DÀI T.BỘ(M)
①	1450	12	1450	10	14.5
②	50 450 50	6	550	18	9.9
③	1500	L80X50X5	1500	4	6.0
④	500	L80X50X5	500	4	2.0



ĐẠN Đ
(2 CÁI CHO 1 HỒ VẠN)



CẮT 3-3

GHI CHÚ:

- ① XÂY GẠCH ĐẶC, Vữa XM M.75 D150
- ② BT VXM M.100 ĐÁ 1X2
- ③ BT VXM M.100 ĐÁ 2X4
- ④ TRÁT Vữa XM M75 D25 ĐÁNH MÀU PC400 (TRÁT 2 LẦN)
- ⑤ ĐẠN BTCT VXM M.200, ĐÁ 1X2 D.80
- ⑥ ỐNG PVC D50, L=250MM THOÁT NƯỚC HỒ VẠN, 4 ỐNG/1 HỒ

TỔNG HỢP THÉP MỘT HỒ VẠN

LOẠI THÉP	Ø6	Ø12	L80X50X5
TỔNG CHIỀU DÀI(M)	9.9	14.5	8.0
KHỐI LƯỢNG(KG)	2.18	12.90	40.00

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐXD VÀ PGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN CƯỠI ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
CHUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY - T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC:
THẨM TRA
HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 04 - 0826.278678 - Fax: 04 - 0826.278678
Email: dongnamqb@gmail.com



GIÁM ĐỐC
Ks. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM
[Signature]

Ks. BUI MINH PHÚC
CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

Ks. TRỊNH THỊ HƯƠNG

KIỂM:
[Signature]

Ks. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT HỒ VẠN 800X1300 MM

KÝ HIỆU BẢN VẼ:
CNHV - 06

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PGD LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN GIỮ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ
CHUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THUY-T. QUẢNG TRỊ
Hạng mục:

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



Địa chỉ: Số 12 Trần Văn Chuẩn - Phường Nam Lý
Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
ĐT: 04 - 0826.278678 - Fax 04 - 0826.278678
Email: dongnamqb@gmail.com

GIÁM ĐỐC
KS. BUI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

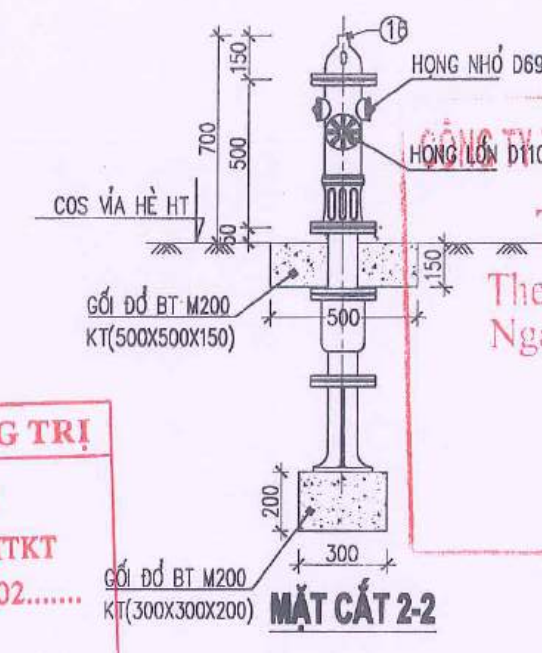
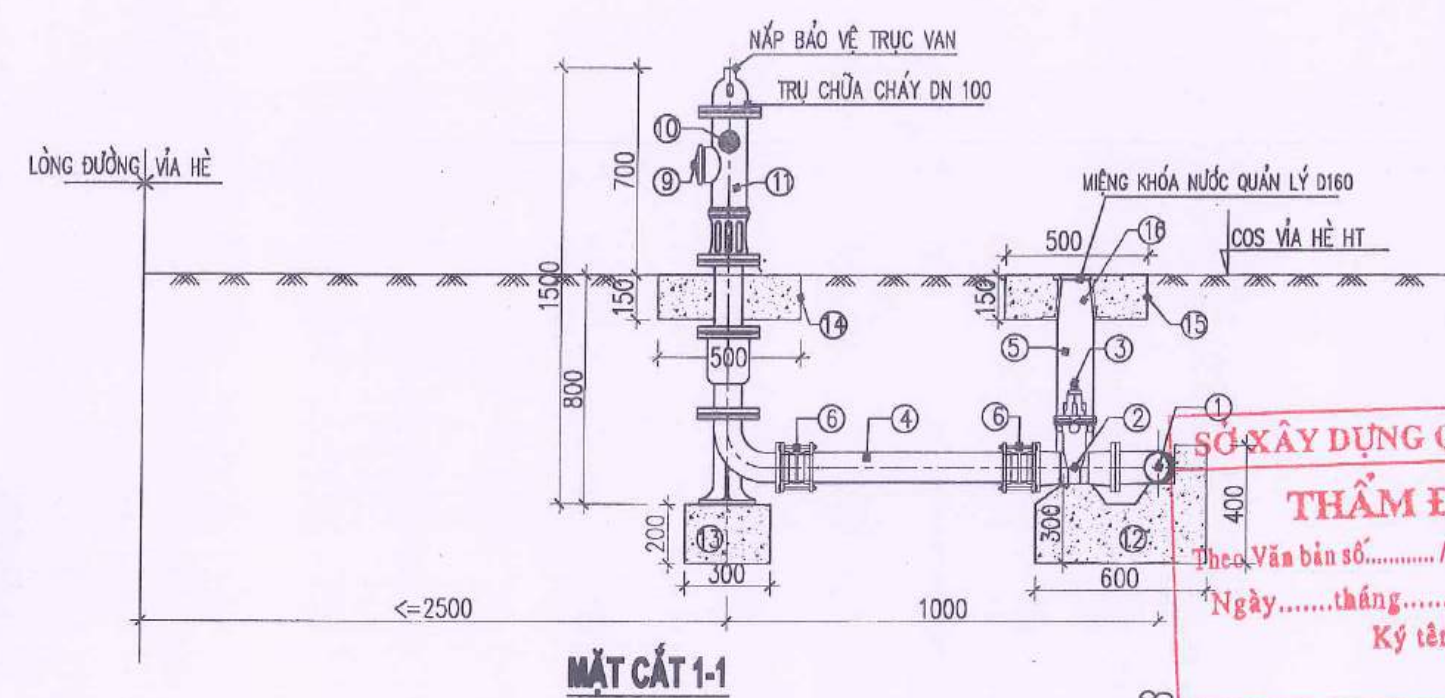
KS. BUI MINH PHÚC
CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:
KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT TRỤ CHỮA CHÁY

KÝ HIỆU BẢN VẼ: CN - 08
GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC
PHÁT HÀNH: THÁNG /2026



SƠ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ, THIẾT BỊ CHỮA CHÁY
(SL = 05 TRỤ)

TT	TÊN VẬT TƯ	Đ/VỊ	KL 01TRỤ	TỔNG KL 05 TRỤ
1	TRỤ CỬU HỎA 3 CỬA DN100-BỘ QUỐC PHÒNG	CÁI	01	05
2	TÊ GANG (BBB) Ø100	CÁI	01	05
3	VAN CỔNG MẶT BÍCH (BB) Ø100	CÁI	01	05
4	KHẤU NỐI MỀM MẶT BÍCH Ø100	CÁI	04	20
5	BU GANG Ø100	CÁI	02	10
6	ĐẦU NỐI BÍCH + BÍCH CHẶN Ø100	CÁI	02	10
6	ỐNG THÉP TRẮNG KẼM TTK Ø100 (ĐK NGOÀI D114)	M	01	05
7	ỐNG DỌC KHÓA HDPE D160	M	01	05
8	MIỆNG KHÓA NƯỚC QUẢN LÝ BẰNG GANG D160	CÁI	01	05

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TRỤ CỬU HỎA
(TRỤ NỐI THIẾT KẾ THEO TCVN6379:1998)

TT	THÔNG SỐ	Đ/VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ÁP SUẤT LÀM VIỆC	(Kg/cm ²)	10
2	CHIỀU CAO TRỤ NƯỚC	MM	1500
3	ĐƯỜNG KÍNH TRONG HỌNG LỚN	MM	110
4	ĐƯỜNG KÍNH TRONG HỌNG NHỎ	MM	69

GHI CHÚ:

- ① ỚNG PHÂN PHỐI NƯỚC, Ø100

② TÊ GANG (BBB) Ø100

③ VẠN CỔNG MẶT BÍCH (BB) Ø100

④ ỚNG TTK Ø100

⑤ ỚNG DỌC KHÓA HDPE Ø160

⑥ K.N.MỀM MẶT BÍCH Ø100

⑦ BU GANG Ø100

⑧ ĐẦU NỐI BÍCH + BÍCH CHẶN Ø100
- ⑨ HỌNG VÀ NẮP HỌNG LỚN, Ø110

⑩ HỌNG VÀ NẮP HỌNG NHỎ, Ø69

⑪ THÂN TRỤ

⑫ GỐI ĐỖ VẠN BT M200, ĐÁ 1X2, KT(600X300)

⑬ GỐI ĐỖ CÚT BT M200, ĐÁ 1X2, KT(300X300X200)

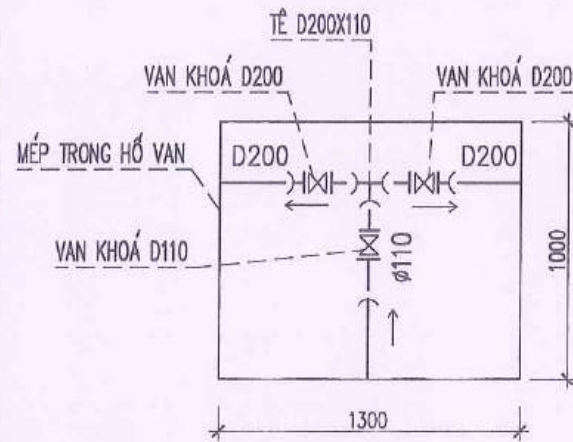
⑭ BỂ TÔNG GIỮ THÂN TRỤ M200, ĐÁ 1X2, KÍCH THƯỚC (500X500X150)

⑮ BỂ TÔNG GIỮ ỚNG ĐỨNG M200, ĐÁ 1X2, KÍCH THƯỚC (500X500X150)

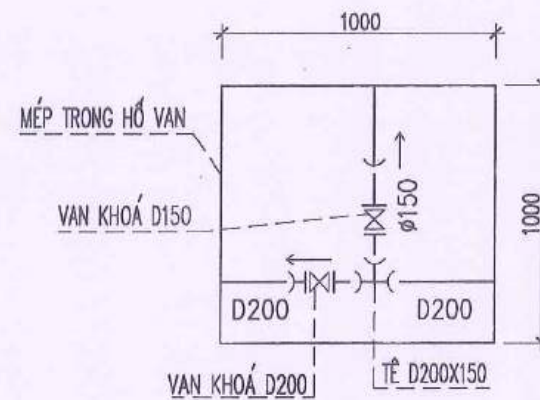
⑯ MIỆNG KHÓA NƯỚC QUẢN LÝ D160

MẶT BẰNG TRỤ CỬU HỎA 3 CỬA (05 TRỤ)

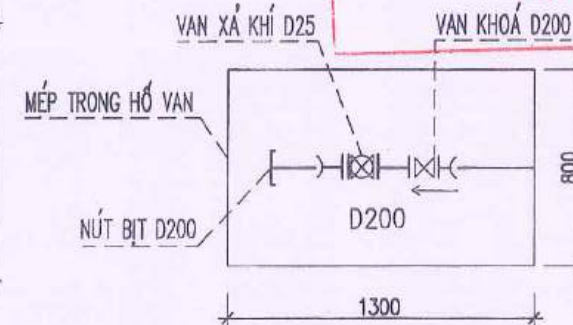
SƠ ĐỒ LẮP ĐẶT HỖ VAN CHẶN



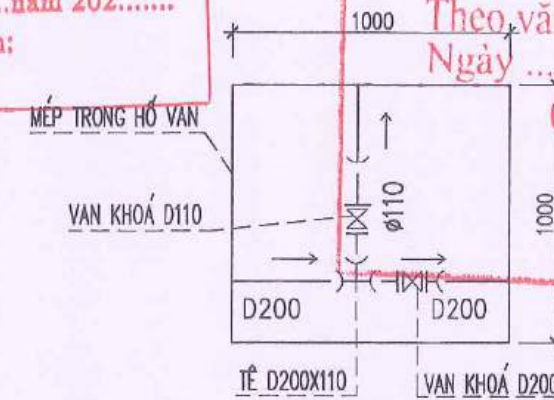
HỖ VAN H1



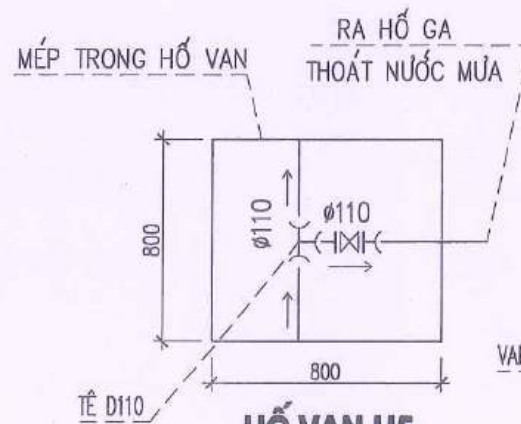
HỖ VAN H2



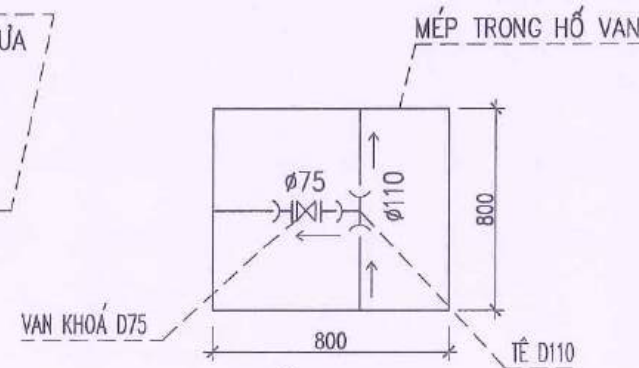
HỖ VAN H3



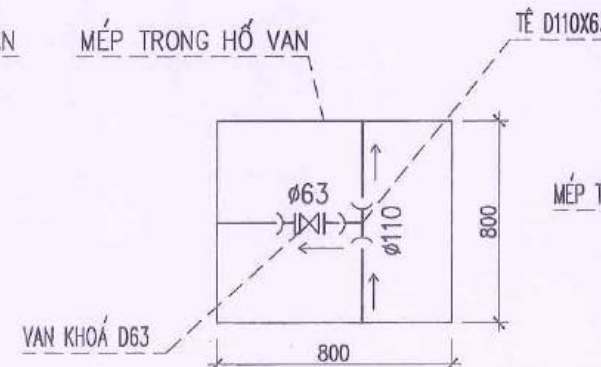
HỖ VAN H4



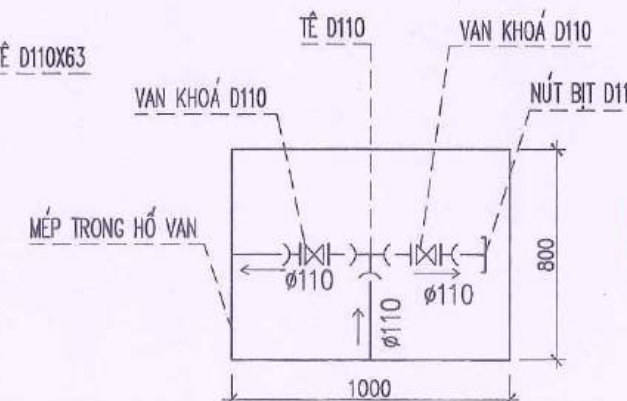
HỖ VAN H5
(HỖ VAN XẢ CẶN)



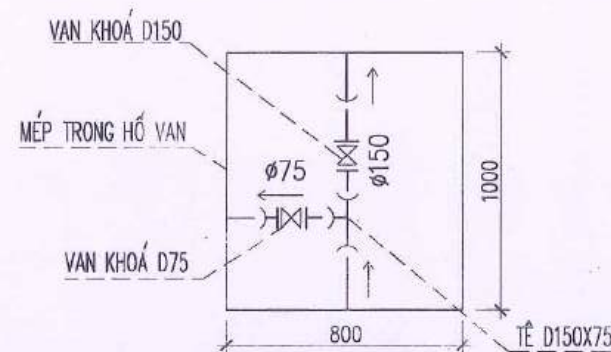
HỖ VAN H6



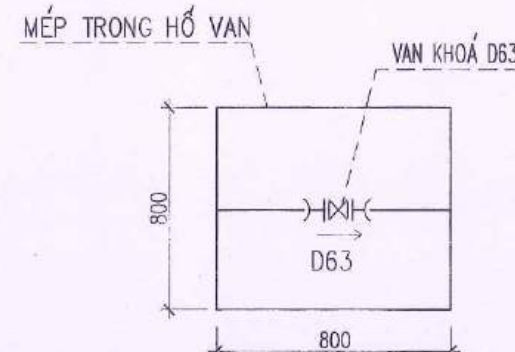
HỖ VAN H7



HỖ VAN H8



HỖ VAN H9



HỖ VAN H10, H11

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm 202.....

CÔNG TRÌNH:.....

PHÁT HIỆN CỤT DÂY ĐỂ ĐẦU GIÀ
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LỆ THỦY - T. QUẢNG TRỊ

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THỦY - T. QUẢNG TRỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM



ĐỊA CHỈ: SỐ 12 TRẦN VĂN CHUẨN - PHƯỜNG NAM LÝ
THÀNH PHỐ BẮC NINH - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 036.270678 - Fax: 036.270678
Email: dongnampl@gmail.com

CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM
QUẢNG TRỊ - T. QUẢNG BÌNH

GIÁM ĐỐC

[Signature]

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ NHIỆM

[Signature]

KS. BÙI MINH PHÚC

CHỦ TRÌ + THIẾT KẾ + THỂ HIỆN:

KS. TRỊNH THỊ HƯỜNG

KIỂM:

[Signature]

KS. NGUYỄN CẢNH HÙNG

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ LẮP ĐẶT HỖ VAN

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CN - 09

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BVTC

PHÁT HÀNH: THÁNG /2026

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên



HẠNG MỤC: CẤP ĐIỆN VÀ ĐIỆN CHIẾU SÁNG

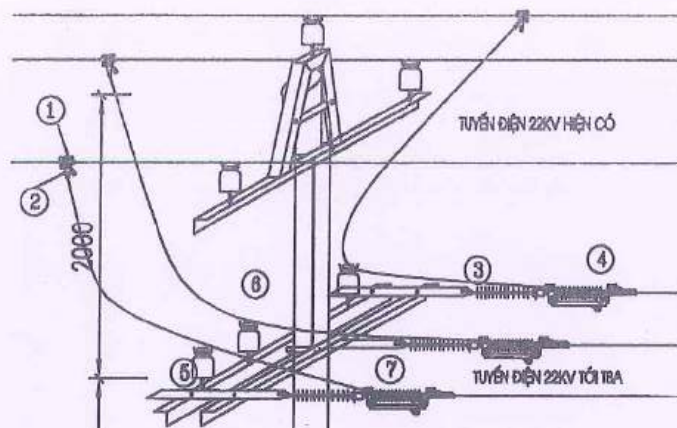
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

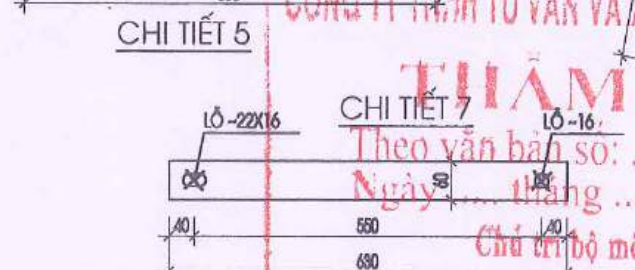
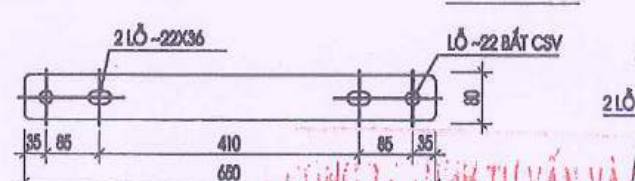
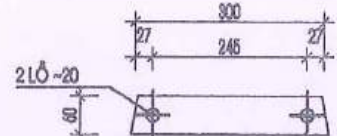
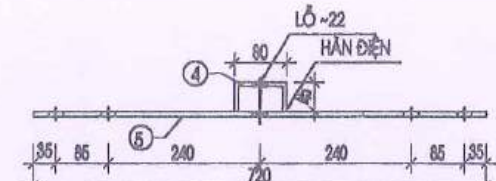
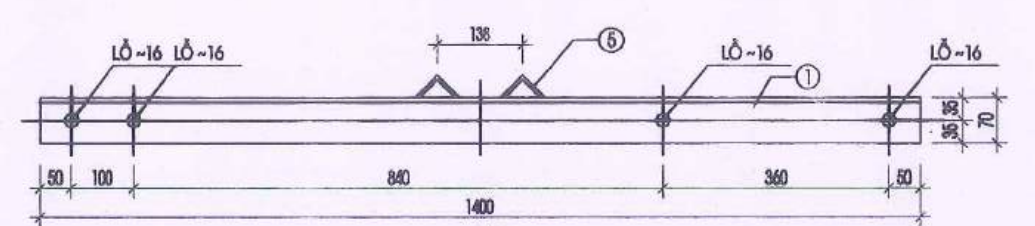
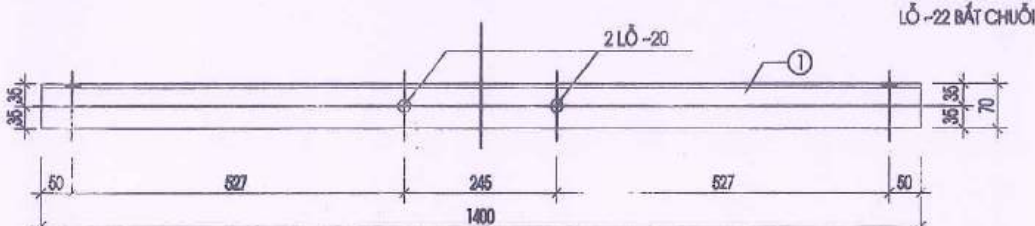
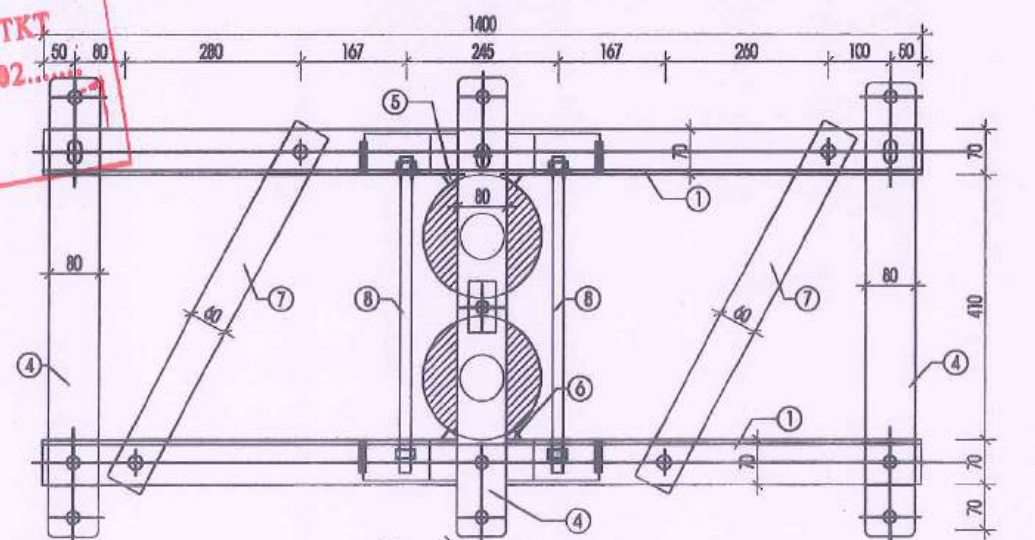
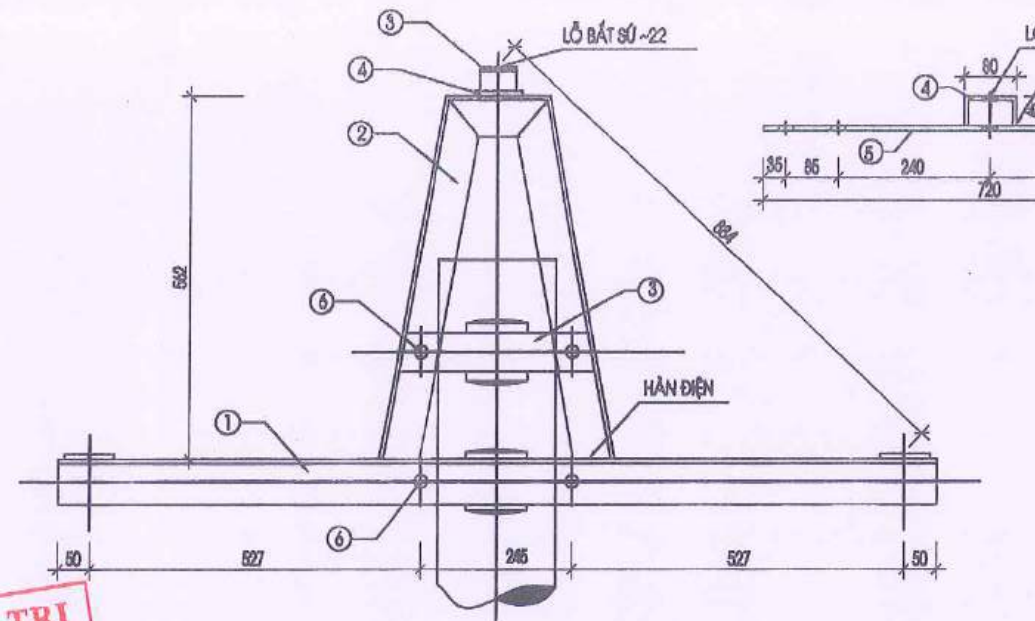
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số:/SXD - HTKT
 Ngày:thángnăm 202.....
 Ký tên:



BẢNG KÊ THIỆP: XN-2LA

KH	TÊN CHI TIẾT	QUY CÁCH	KÍCH THƯỚC (MM)	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG (KG)	
					ĐƠN VỊ	TOÀN BỘ
1	THANH XÃ CHÍNH	L70X70X7	1400	2	7,39	20,69
2	CHỤP ĐẦU CỘT	L63X63X6	1310	2	5,93	15,54
3	THANH GIÀNG CHỤP	60X6	350	2 2,83		1,96
4	TẤM ỐP BẮT SỬ ĐÚNG	U80X45X6	60	1	8,01	3,12
5	THANH BẮT SỬ CHUỐI	-80X8	650	3	5,02	9,79
6	THANH ỐP CỘT	L50X50X5	70	4 3,77		1,04
7	THANH GIÀNG	-60X6	630	2	3,83	4,83
8	BU LOONG BẮT XÃ	M18X490	490	4	1,58	3,1
	ĐAI ỐC	M18	DÂY 14	8		0,352
	VÒNG ĐỆM	~36 X ~20	DÂY 4	8		0,184
9	BULOONG	M16X60	60	6	1,58	0,57
	ĐAI ỐC	M16	DÂY 13	12	1,58	0,18
	VÒNG ĐỆM	~32 X ~18	DÂY 13	12		0,36
TỔNG CỘNG:						61,72 KG

GHI CHÚ

- CÁC CHI TIẾT 182; 485; 286 LIÊN KẾT VỚI NHAU BẰNG MỐI HÀN ĐIỆN, CÁC ĐƯỜNG HÀN CÓ H=6MM, DÙNG QUE HÀN 42 HOẶC LOẠI CÓ TÍNH NĂNG TƯƠNG ĐƯƠNG
- CÁC CHI TIẾT SAU KHI THI CÔNG XONG PHẢI MẠ KÈM NHÚNG NÓNG
- BU LOONG, ĐAI ỐC, VÒNG ĐỆM CHẾ TẠO THEO TIÊU CHUẨN TCVN-78-63 VÀ TCVN-102-63

CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY

DỰ ÁN
PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ
DỰNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM
 XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG TRỊ

CHI TIẾT CỘT ĐẦU NỐI
XÃ NÉO: XN-2LA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

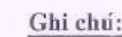
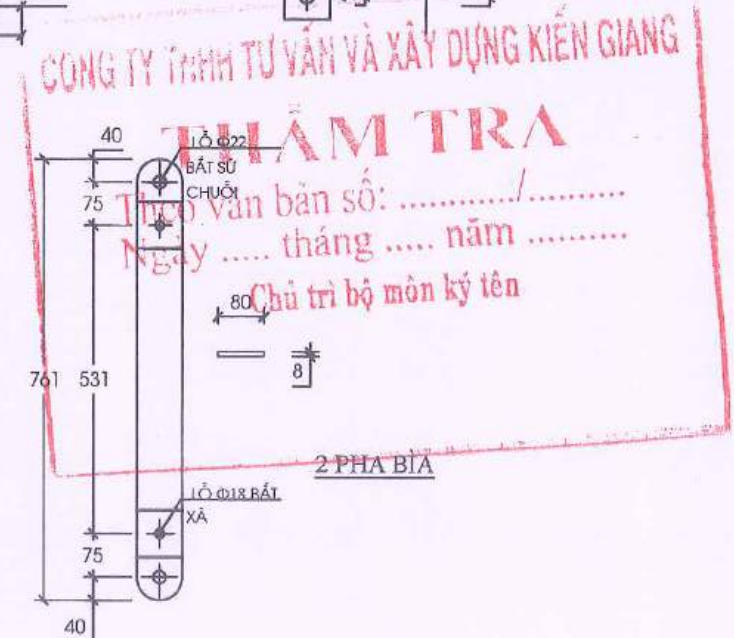
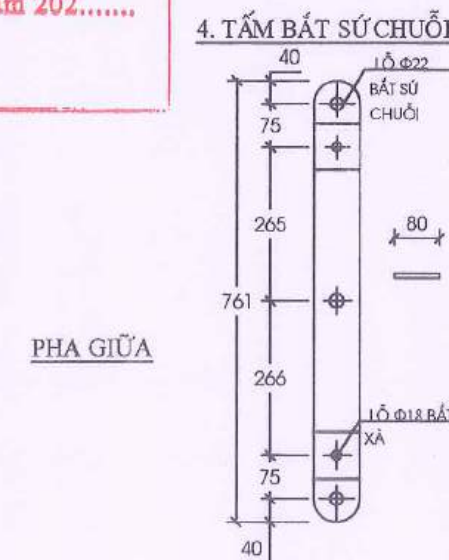
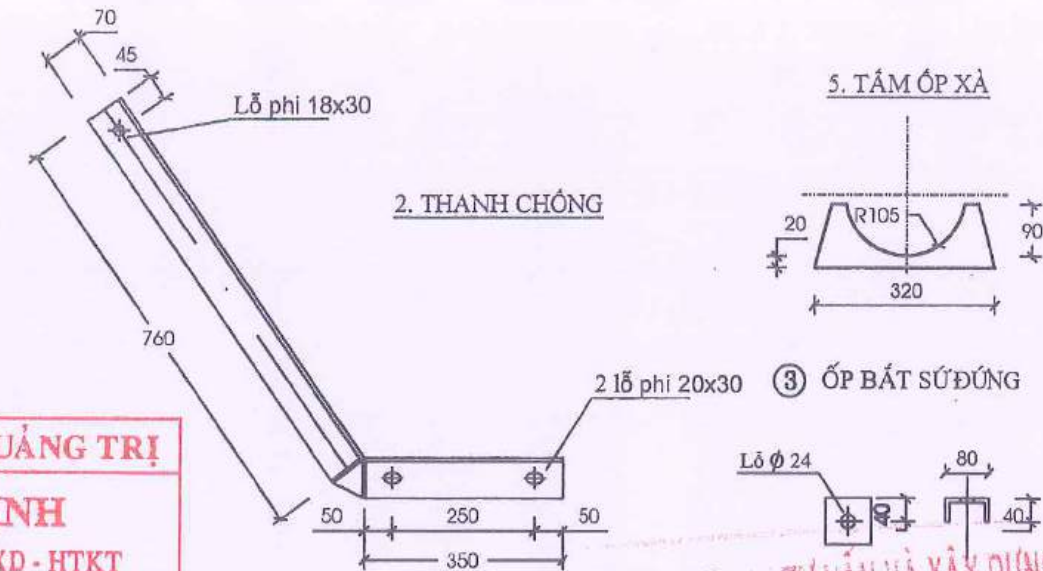
C.N.Đ.A
 CHỦ TRÌ
 NHÓM
 THIẾT KẾ
 KIỂM TRA
 BÙI MINH PHÚC
 KS. NGUYỄN VĂN LỘC
 KS. LÊ VĂN LƯƠNG
 KS. NGUYỄN VĂN HIỆP
 KS. NGUYỄN VĂN HIỆP

(Signature)
(Signature)
(Signature)
(Signature)



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
ĐÔNG HỒI - T. QUẢNG TRỊ
(Signature)
(Signature)

...../2026
 KHBV: CD.01



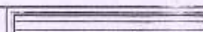
- Toàn bộ xà, cuilít dài ốc vòng đệm được mạ kẽm nhúng nóng (chiều dày lớp mạ 0,08mm).
- Bu lông dài ốc, vòng đệm chế tạo theo TCVN 1876-76 & TCVN 1656-76.
- Dung cụ hàn 42 hoặc loại có tính năng kỹ thuật tương, h=7 mm.
- Dung thép CT3 có cường độ Ra=2100 kg/cm2, theo TCVN 1656-93.
- Các lỗi bắt chân ty sẽ đúng theo Catalog của sứ.

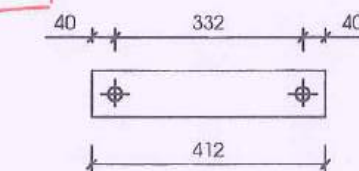
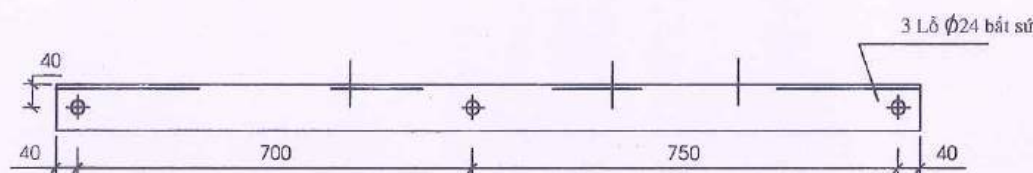
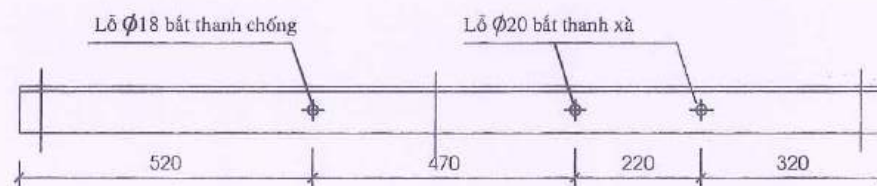
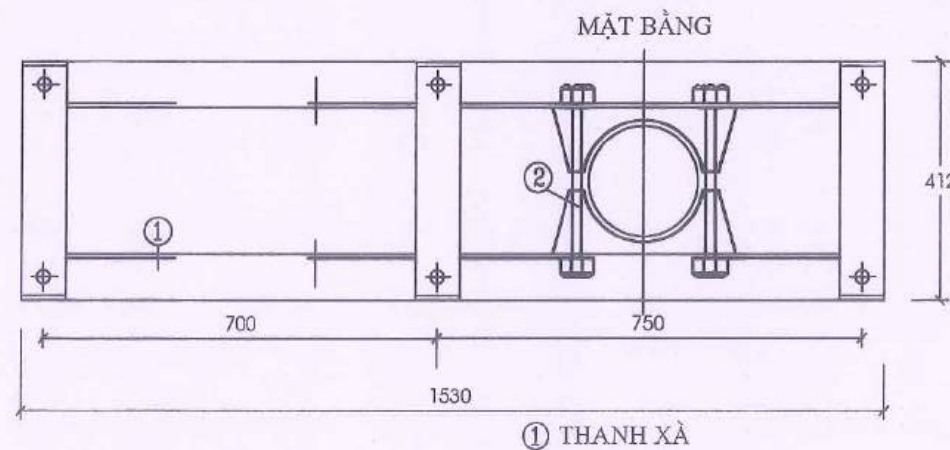
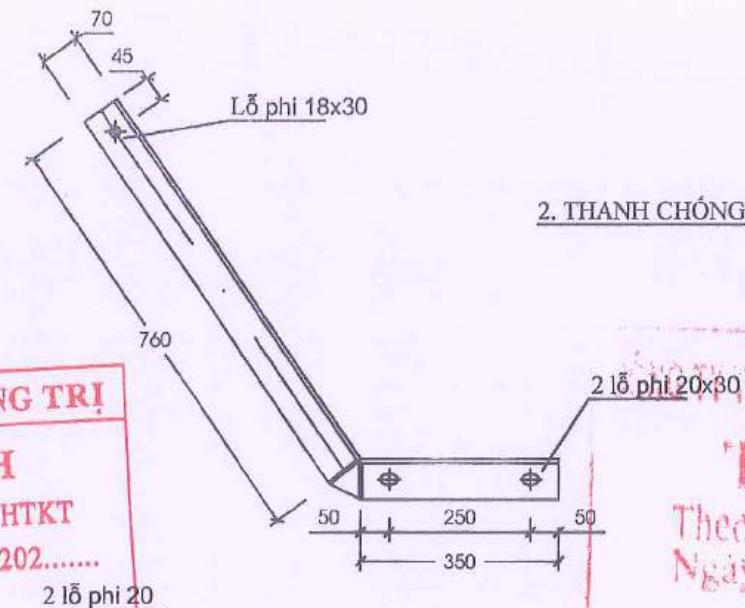
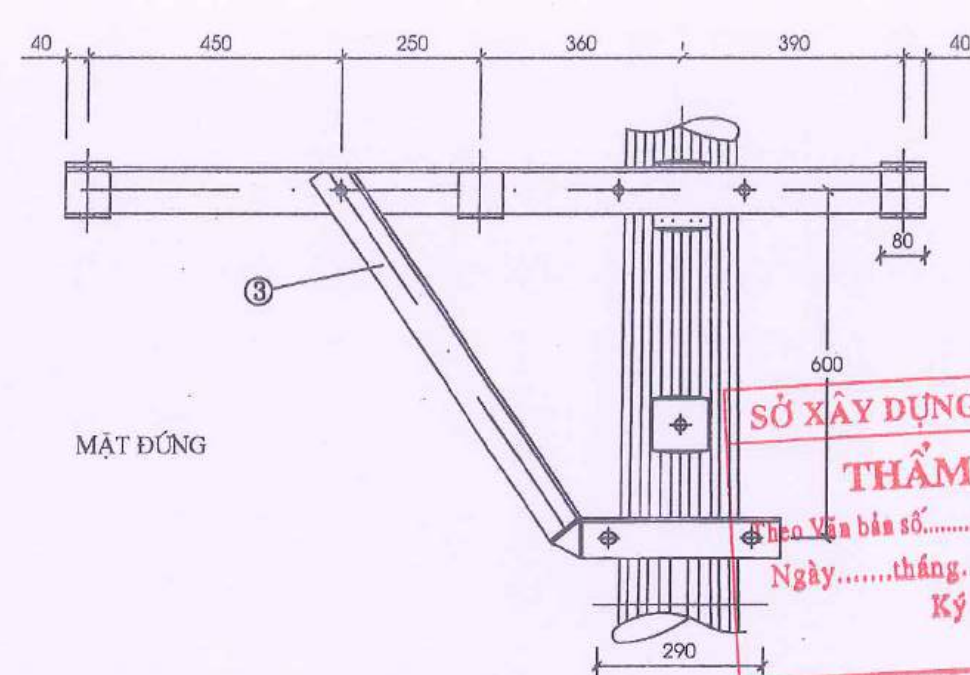
BẢNG KÊ THÉP

TT	Tên gọi	Quy cách	Kích thước	Số lượng	Đơn vị	Toàn bộ
1	Thanh xà 1	L80x80x8	1530	2	9,65	29,53
2	Thanh chống	L70x70x7	1110	2	7,39	16,41
3	Ốp bất sứ đứng	U80x40x4.5	80	1	7,05	0,56
4	Thanh giằng xà	80x8	761	3	4,992	11,40
5	Tấm ốp xà	6x135	320	8	6,36	16,28
6	Bulon + đai ốc + vòng đệm	M18x300		4	0,784	3,14
7	Bulon + đai ốc + vòng đệm	M16x50		8	0,209	1,67

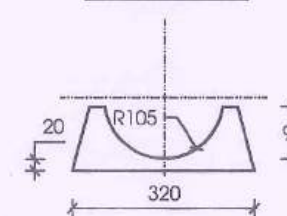
Khối lượng tổng (kg)

78,99

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	XÃ NẾU LỊCH CỘT ĐÔI ĐỌC TUYẾN XNLD(D)-2L-1530 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC				/2026
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC				
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG				
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				KHBY: CD.02

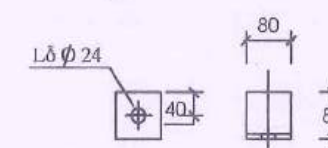


5. TẤM ỐP XÀ



4. THANH GIẪNG XÀ

3. ỐP BẮT SỨ ĐÚNG



Ghi chú:

- Toàn bộ xà, culiê đai ốc vòng đệm được mạ kẽm nhúng nóng (chiều dày lớp mạ 0,08mm).
- Bu lông đai ốc, vòng đệm chế tạo theo TCVN 1876-76 & TCVN 1656-76.
- Dùng que hàn 42 hoặc loại có tính năng kỹ thuật tương đương, h=7 mm.
- Dùng thép CT3 có cường độ $R_a=2100 \text{ kg/cm}^2$, theo TCVN 1656-93.
- Các lỗ bắt chân ty sứ sẽ đúng theo Catalog của sứ.

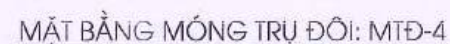
BẢNG KÊ THÉP

TT	Tên gọi	Quy cách	Kích thước	Số lượng	Đơn vị	Toàn bộ
1	Thanh xà 1	L80x80x8	1530	2	9.65	29.53
2	Thanh chống	L70x70x7	1110	2	7.39	16.41
3	Ốp bắt sứ đứng	L80x80x8	80	6	9.65	4.63
4	Thanh giằng xà	80x8	412	3	4.992	6.17
5	Tấm ốp xà	6x135	320	8	6.36	16.28
6	Bulon + đai ốc + vòng đệm	M18x300		4	0.784	3.14
7	Bulon + đai ốc + vòng đệm	M16x50		2	0.209	0.42

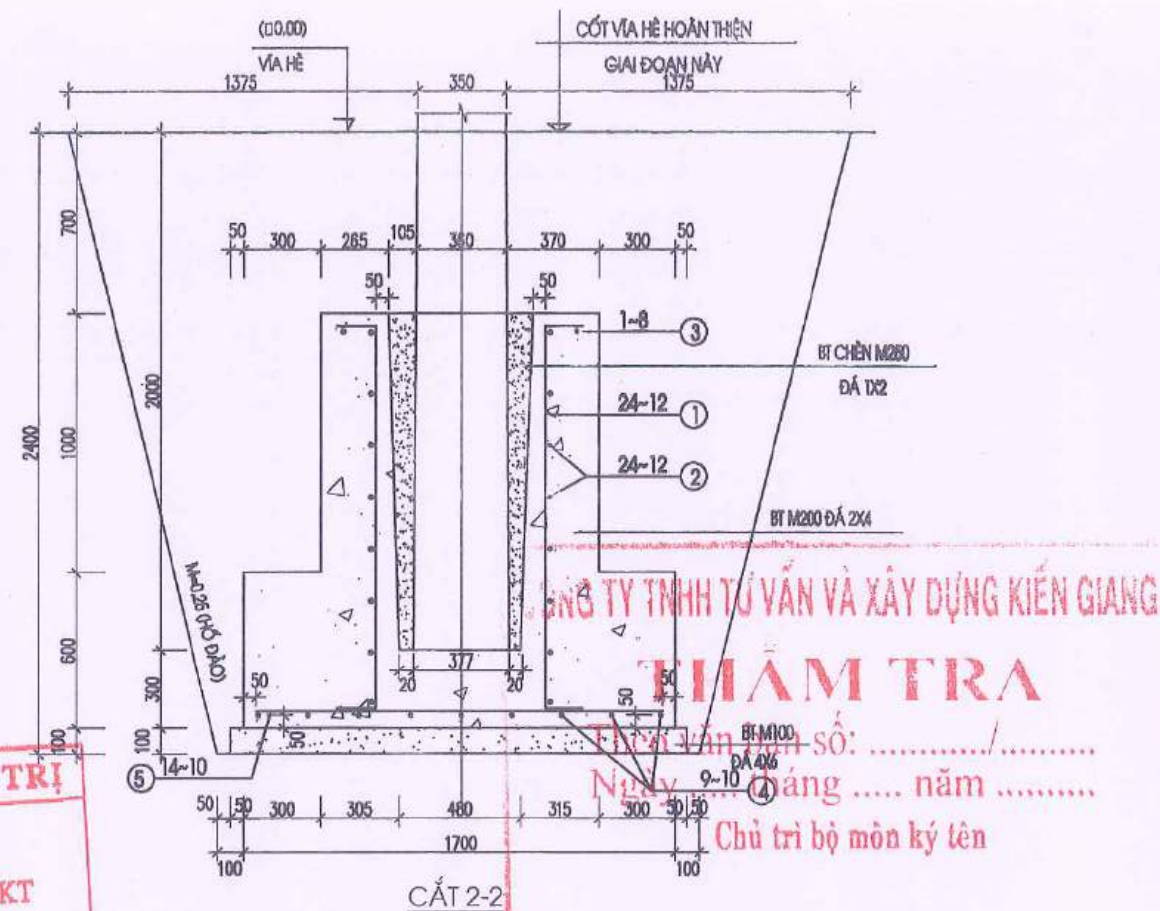
Khối lượng tổng (kg)

76.57

CHỦ ĐẦU TƯ	DỰ ÁN	XÀ ĐỖ LỆCH KÉP 2 PHA	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	/2026
ỦY BAN NHÂN DÂN	PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUẢN LÝ	XĐL2F-2L-1530	CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC		XÂY DỰNG	
HUYỆN LỆ THỦY	ĐỊA ĐIỂM	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG		ĐÔNG NAM	
	XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		ĐỒNG HỒI-T. QUẢNG BÌNH	
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		Ths. Ks. Bùi Minh Phúc	KHBY: CĐ.03



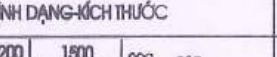
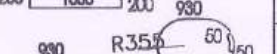
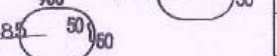
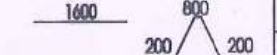
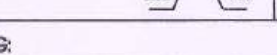
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

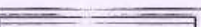


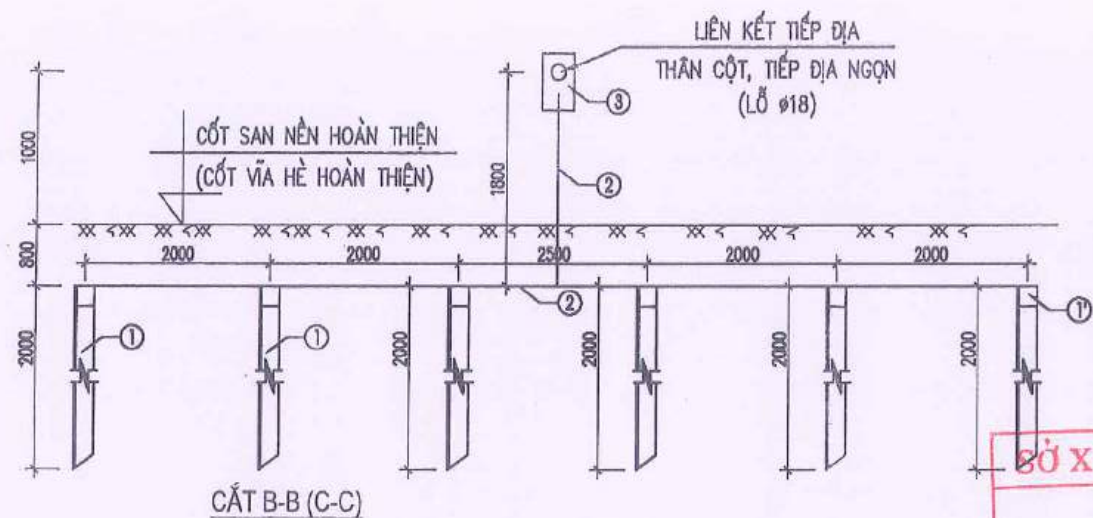
GHI CHÚ MÓNG

-MÓNG ĐỔ TẠI CHỖ BTCT M200 ĐÁ 2X4.
LÓT MÓNG BT M100 ĐÁ 4X6 D.100.
-CHÈN MÓNG BT M250

BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO 1 MÓNG TRU ĐÔI: MTĐ-4

TT	HÌNH DẠNG-KÍCH THƯỚC	~(MM)	C.ĐÀI 1 THÀNH(MM)	SỐ THÀNH	TỔNG C.ĐÀI (M)	K. LƯỢNG (KG)
1		12	1900	24	45,6	40,49
2		8	4080	8	32,6	12,88
3		8	5020	1	5,0	1,98
4		10	2600	9	23,4	14,44
5		10	1600	14	22,4	13,82
6		18	1200	2	2,4	4,80
CỘNG:						88,41 KG

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU CHÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	MÔNG TRỤ ĐÔI: MTD-4 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM C/M:  T.P. ĐÔNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH Ths.SGS. Bùi Minh Phúc	/2026
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC				
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG				
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
								KHBV: CĐ.05



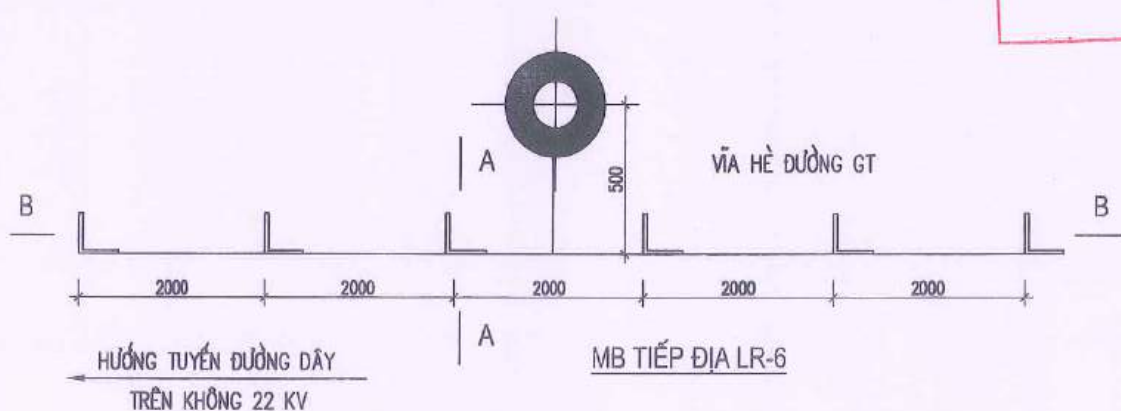
BỘ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

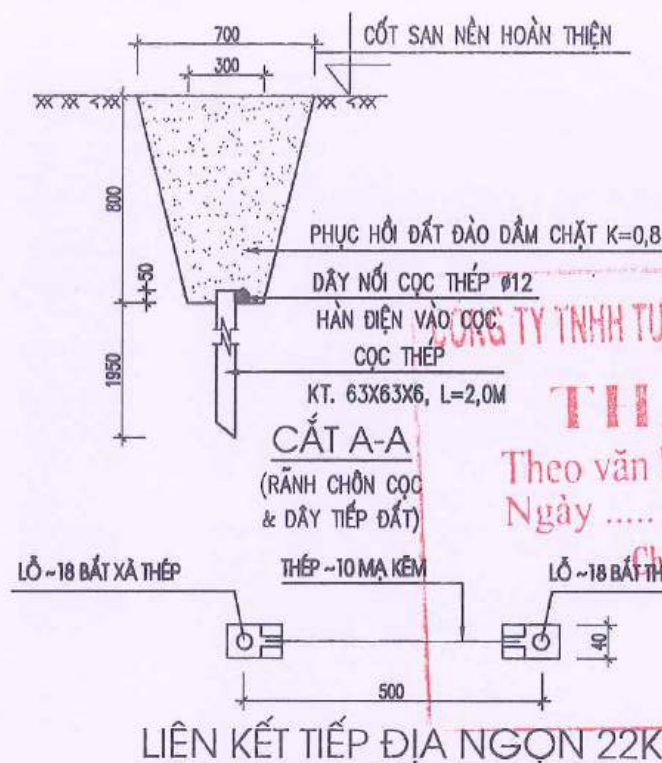
Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



GHI CHÚ

- CÁC CHI TIẾT NỐI ĐẤT CỌC, DÂY, BÁCH, BU LON, ĐAI ỐC BẰNG SẮT MẠ KẼM NHÚNG NÓNG, CHIỀU DÀY LỚP MẠ $\geq 80 \mu\text{m}$, TẠI CÁC MỐI HÀN CHÔN TRONG ĐẤT PHẢI ĐƯỢC QUÉT 3 LỚP BỊ TUM CHỐNG RỈ.
- CỌC NỐI ĐẤT PHẢI ĐÓNG THẲNG ĐÚNG, ĐẦU CỌC VÀ DÂY NỐI ĐẤT CHÍNH CHÔN Ở ĐỘ SÂU 0,8M SO VỚI MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN.
- KHI ĐẬP ĐẤT CHÔN TIẾP ĐỊA CỨ 200 MM YÊU CẦU ĐẦM KÝ MỘT LƯỢT, SÂU ĐÓ TỚI NƯỚC VÀ TIẾP TỤC ĐẬP CHO ĐẾN CAO TRÌNH TỰ NHIÊN.
- YÊU CẦU ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT $R_{td} \leq 20 \Omega$ ĐỂ TIẾP ĐỊA XÀ, ĐẦU CÁP



THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Chữ ký bộ môn ký tên

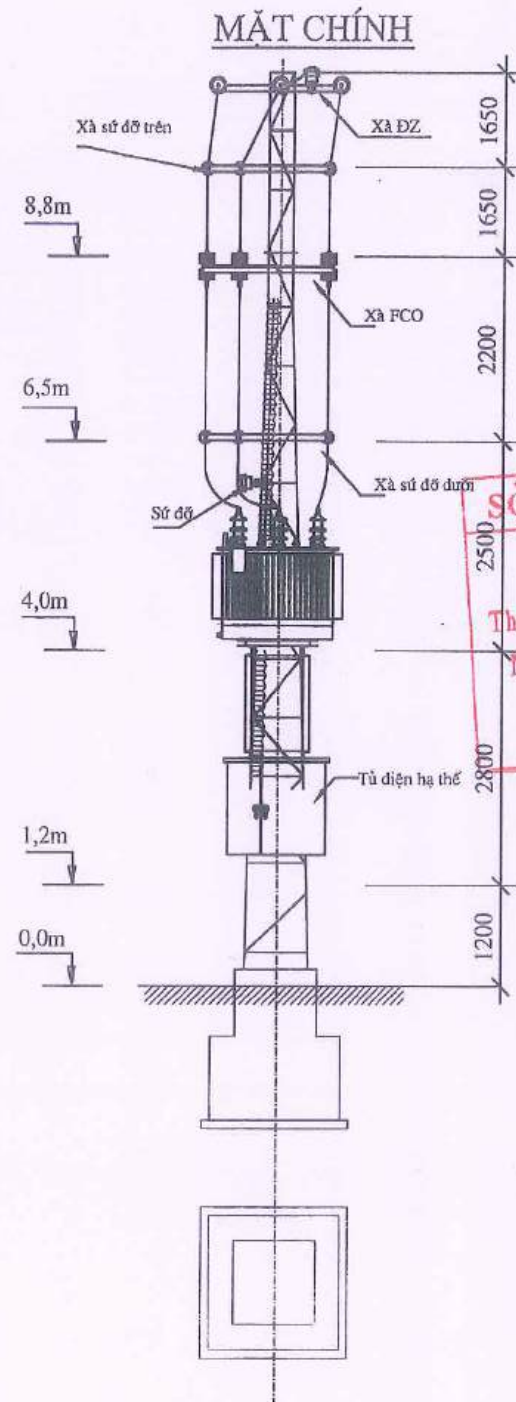
THỐNG KÊ THÉP 1 BỘ TIẾP ĐỊA ĐƯỜNG DÂY LR-6 (PHẦN THÉP)

KH	TÊN CHI TIẾT	QUY CÁCH	KÍCH THƯỚC (MM)	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG (KG)	
					ĐƠN VỊ	TOÀN BỘ
1	CỌC TIẾP ĐỊA	L63X63X6	2000	6	5,93	71,16
1'	ỐP GIA CƯỜNG ĐẦU CỌC	L63X63X6	90	6	5,93	3,2
2	DÂY NỐI CỌC	CT3 Ø12	12500	1	0,89	11,125
3	BU LON Ê CU	M14X50		2	1,21	0,12
4	DÂY THÉP Ø10	Ø10	500	1	0,62	0,62
5	BÁCH THÉP -50X5	-50X5	60	2	1,95	0,11
CỘNG:						86,34 KG

THỐNG KÊ THÉP 1 BỘ TIẾP ĐỊA ĐƯỜNG DÂY LR-6 (PHẦN THÉP)

KH	TÊN CHI TIẾT	QUY CÁCH	KÍCH THƯỚC (MM)	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG (KG)	
					ĐƠN VỊ	TOÀN BỘ
1	CỌC TIẾP ĐỊA	L63X63X6	2000	4	5,93	47,44
1'	ỐP GIA CƯỜNG ĐẦU CỌC	L63X63X6	90	4	5,93	2,13
2	DÂY NỐI CỌC	CT3 Ø12	8500	1	0,89	7,57
3	BU LON Ê CU	M14X50		2	1,21	0,12
4	DÂY THÉP Ø10	Ø10	500	1	0,62	0,62
5	BÁCH THÉP -50X5	-50X5	60	2	1,95	0,11
CỘNG:						57,99 KG

CHỦ ĐẦU TƯ	DỰ ÁN	TIẾP ĐỊA ĐƯỜNG DÂY LR-6	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	/2026
ỦY BAN NHÂN DÂN	PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUẢN LÝ	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC		CÁM ĐỐC	
HUYỆN LỆ THỦY	ĐỊA ĐIỂM		NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG		XÂY DỰNG	
	XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		ĐÔNG NAM	
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		TP. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG TRỊ	KHBY: CD.07



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

GHI CHÚ

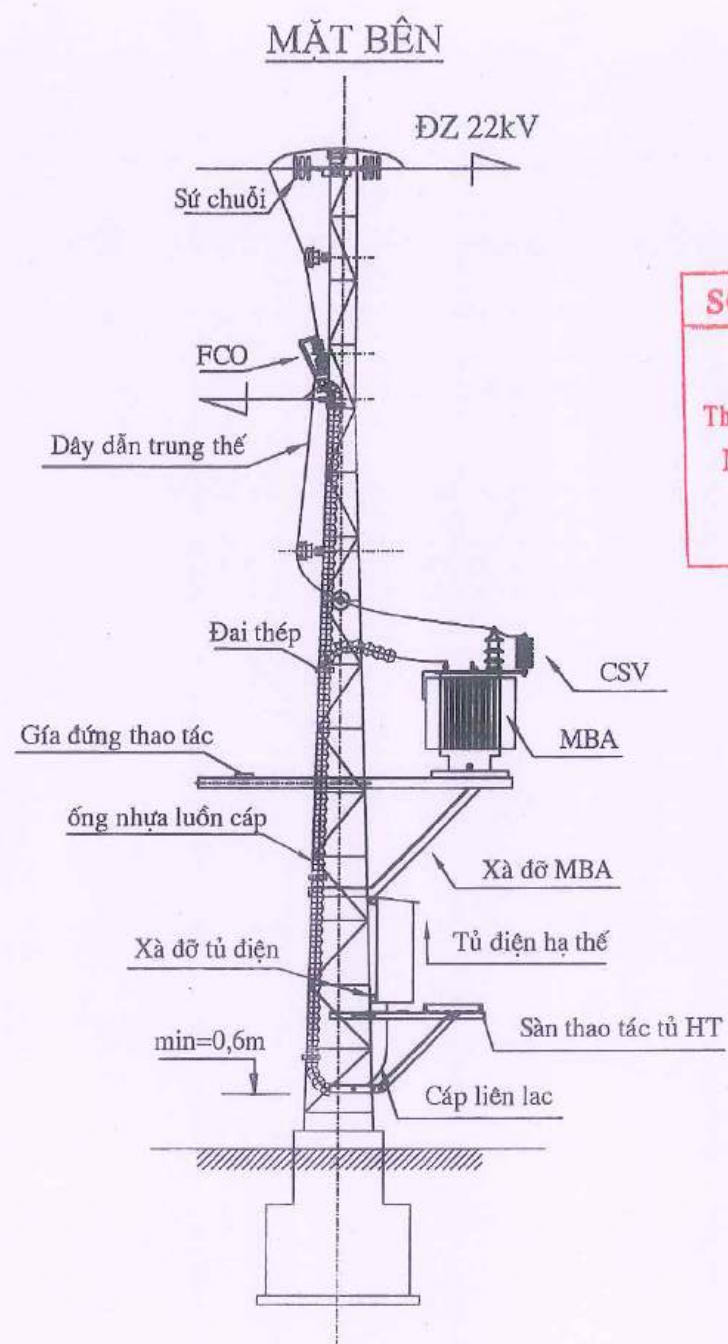
1/ Bản vẽ này xem phối hợp với bản vẽ sơ đồ nguyên lý trạm.

BẢNG KÊ CHI TIẾT VÀ TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÁC TRẠM BIẾN ÁP

TT	VẬT TƯ-THIẾT BỊ	QUY CÁCH MÃ HIỆU	Đ.VỊ	KL	GHI CHÚ
A PHẦN XÂY DỰNG					
I Phần XDM TBA					
1	Dây đồng bọc trung thế CXV 1x35-12,7(24)kV		Mét	21	
2	Kẹp quai nhôm đồng AM70		Bộ	3	
3	Cụm đầu rẽ dây XLPE 70		Bộ	3	
4	Xà sứ đến cột thép		Bộ	2	
5	Xà sứ đỡ cột thép		Bộ	1	
6	xà đỡ MBA		Bộ	1	
7	Colier và tăng đỡ chống lật + thanh bắt CSV		Bộ	1	
8	Xà đỡ tủ điện		Bộ	1	
9	Thang sắt		Bộ	1	
10	Ghế thao tác		Bộ	1	
11	Sứ đứng polimer 24kV + ty + kẹp dây		Bộ	18	
12	Cầu chì tự rơi FCO-22		Bộ	1	
13	Dây cháy 10K		cái	3	
14	Cáp tụ bù CXV 1X150mm2-0.6/1kv		M	32	
15	Cáp tụ bù CXV 1X120mm2-0.6/1kv		M	15	
16					
17	Tiếp địa trạm		HT	1	
18	HT tiếp địa thông trên TBA		Bộ	1	
19	Dây tiếp địa Fi 12		m	12	
20	Kẹp bắt dây tiếp địa M38		cái	9	
21	Đầu cốt đồng M35		cái	37	
22	Đầu cốt đồng M150		cái	2	
23	Đầu cốt đồng M195		cái	6	
24	Ống nhựa xoắn HDPE D130/110		m	20	
25	Đai thép buộc (20*0,4)mm		Bộ	12	
26	Khoá đai buộc		cái	12	
27	cột thép 12,1m treo trạm biến áp		cột	1	
28	Móng cột thép 12,1m treo trạm biến áp		móng	1	
29	Nền TBA (3,7*2,2*0,2)m3		nền	1	
30	Các phần khác (Ô khóa, biển báo)		cái	1	
B PHẦN THIẾT BỊ					
1	Thiết bị (mua mới)				
31	Máy biến áp	320kVA-22/0,4kV	Máy	1	
32	Tủ hạ thế trọn bộ	TĐ0,4kV-500A	Tủ	1	
33	Tủ tụ bù trọn bộ 120KVAR	TB0,4kV-12x10kVAr	Tủ	1	
34	Chống sét van (1 bộ = 3 pha)	LA-21	Bộ	1	3 pha
C PHẦN THÍ NGHIỆM					
35	Máy biến áp	320kVA-22/0,4kV	Máy	1	
36	Tủ hạ thế trọn bộ	TĐ0,4kV-500A	Tủ	1	
37	Tủ tụ bù trọn bộ	TB0,4kV-12x10kVAr	Tủ	1	
38	Chống sét van (1 bộ = 3 pha)	LA-21	Bộ	1	
39	Cáp Trung thế CXV 1X35		Sợi	1	
40	Cáp hạ thế CXV 1x150,1x70		Sợi	3	

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
 Theo Văn bản số...../.....
 Ngày.....tháng.....năm.....
 Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ DỰNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	MẶT TRƯỚC MBA, THỐNG KÊ MBA THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM GIÁM ĐỐC TR. ĐÔNG HỒI - T. QUẢNG TRỊ	/2026
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC				
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG				
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				KHBY: C0.08



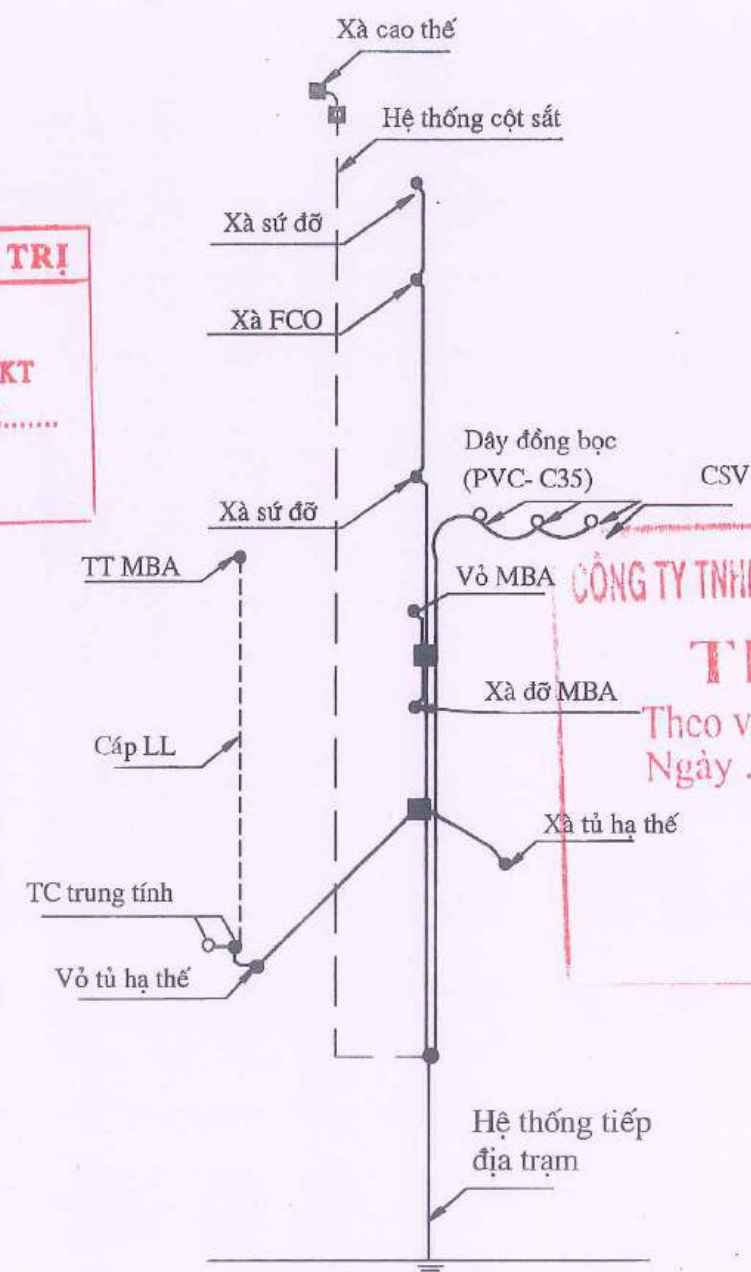
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

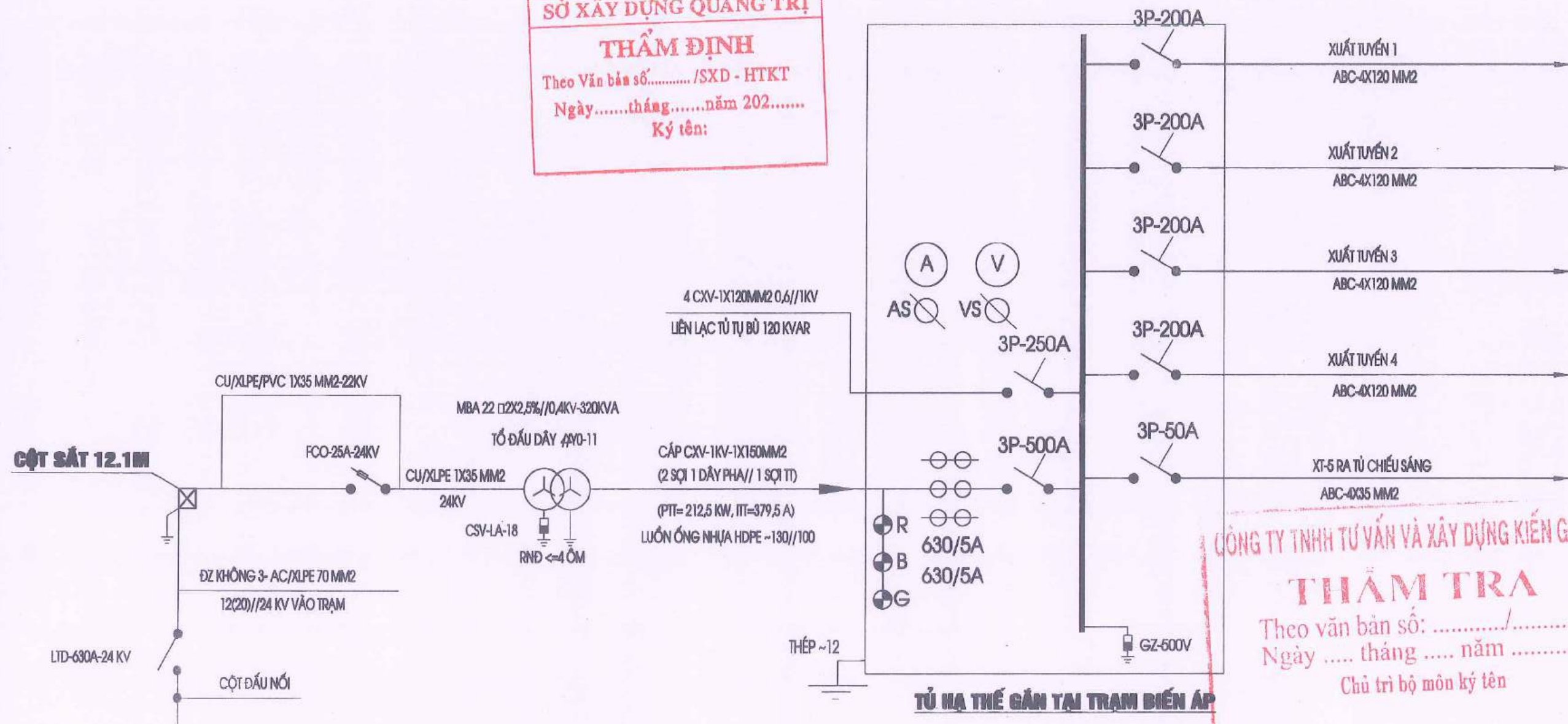
Chủ trì bộ môn ký tên

GHI CHÚ

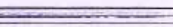
- ĐẦU CỐT ĐỒNG DỪNG CHO DÂY ĐỒNG BỌC TIẾT DIỆN 35MM² (PVC-C35)
- KẸP CÁP ĐỒNG DỪNG CHO DÂY ĐỒNG BỌC TIẾT DIỆN 35MM² (PVC-C35)
- ĐẦU CỐT CÓ SẴN ĐI KÈM VỚI THIẾT BỊ

CHỦ ĐẦU TƯ	DỰ ÁN	MẶT BÊN MBA	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	/2026
ỦY BAN NHÂN DÂN	PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ CỦA QUÝ SỞ	NGUYÊN LÝ TIẾP ĐỊA TRẠM	CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC			XÂY DỰNG	
HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN		NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG			ĐÔNG NAM	
	ĐỊA ĐIỂM	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			ĐỒNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH	
	XÃ LIÊN THỦY - HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH		KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			Thay KS. Bùi Minh Phúc	(HBV: CD.09

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ CẤP ĐIỆN ĐƯỜNG DÂY 22 KV
TỦ HẠ THỂ TRẠM BIẾN ÁP 320 KVA

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ DUNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TBA 320 KVA THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.Á	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM GIÁM ĐỐC TỈNH QUẢNG BÌNH ĐÔNG NAM 19 ĐỒNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH 	/2026
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC				
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG				
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
							K. B. Bùi Minh Phúc AMBY: CD.10	

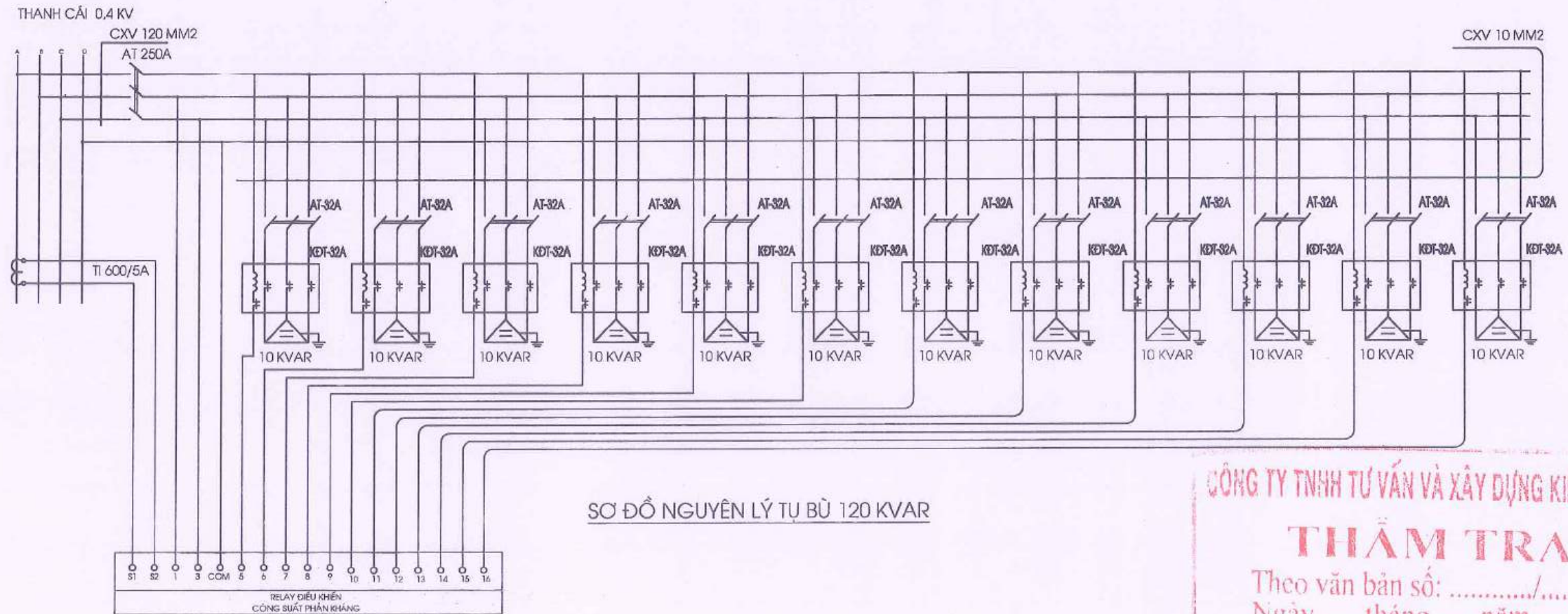
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỤ BÙ 120 KVAR

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

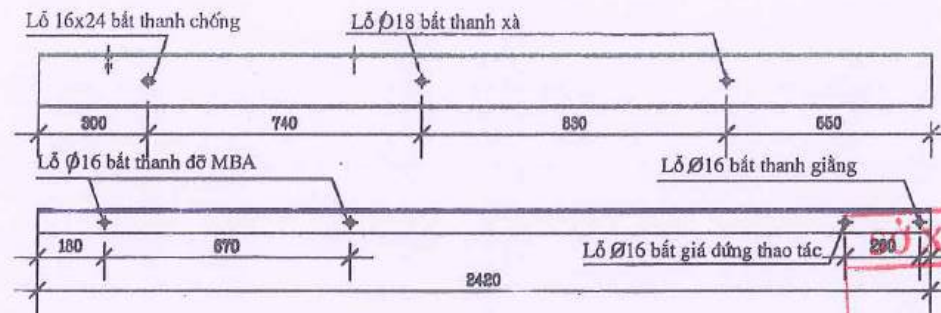
Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

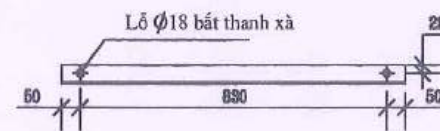
Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THUY, HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỤ TỰ BÙ 120 KVAR THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A CHỦ TRÌ NHÓM THIẾT KẾ KIỂM TRA	BÙI MINH PHÚC KS. NGUYỄN VĂN LỘC KS. LÊ VĂN LƯƠNG KS. NGUYỄN VĂN HIỆP KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM GIÁM ĐỐC TP. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH Ths. Bui Minh Phuc	/2026 KHBY: CD.11
---	--	---	---	--	---	--	---

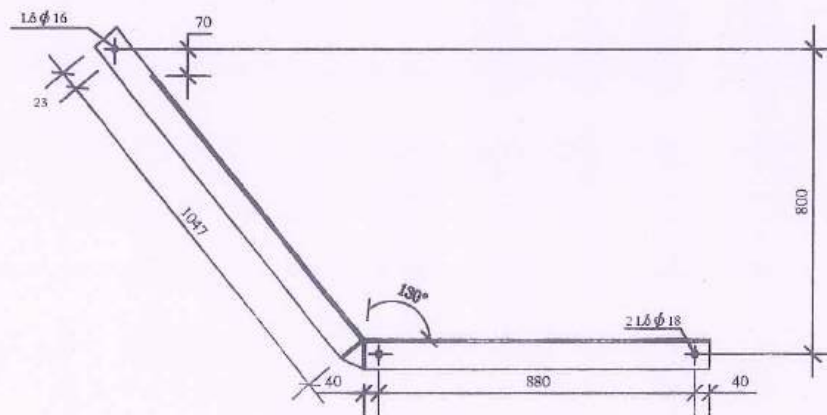
1. XÀ ĐỠ MBA



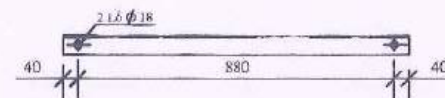
2. BÁCH BẮT XÀ ĐỠ MBA



3. THANH CHỐNG XÀ ĐỠ MBA



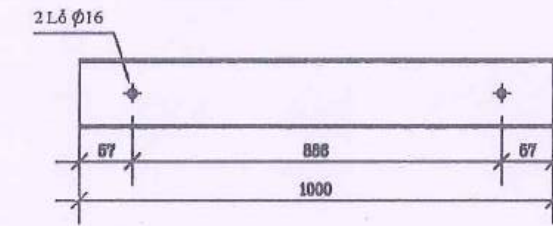
4. BÁCH XÀ THANH CHỐNG (2KC)



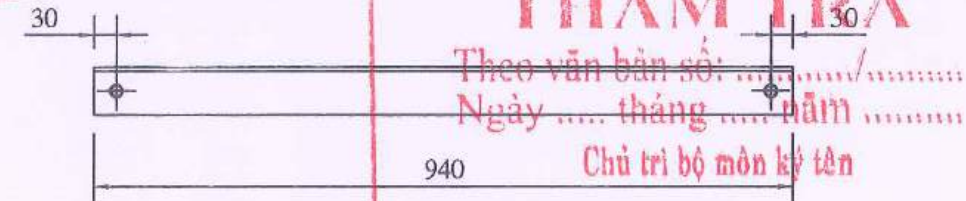
Ghi chú :

- Toàn bộ các chi tiết đều được mạ kẽm nhúng nóng.
- Các mối hàn được thực hiện bằng hàn điện, chiều cao mối hàn 6mm.

5. THANH ĐỠ MÁY BIẾN ÁP



6. THANH GIẰNG



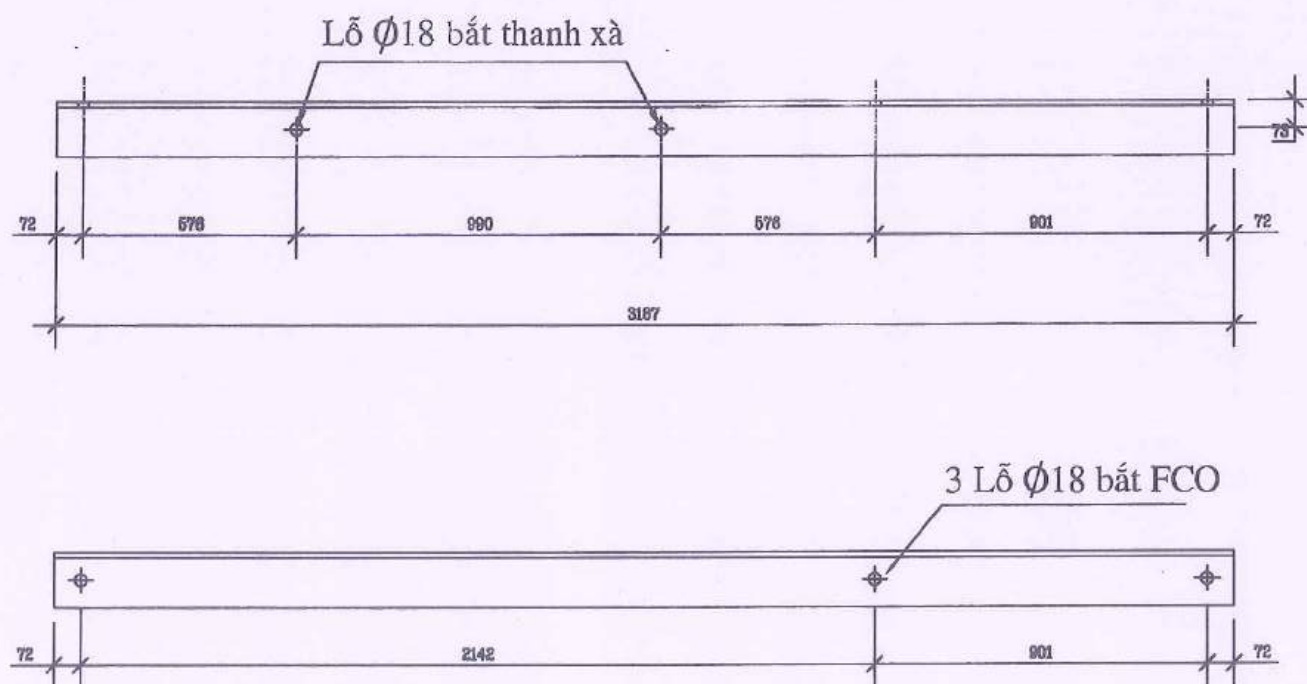
KAY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

KH	Tên chi tiết	Quy cách	Kích thước (mm)	Số lượng	Khối lượng (kg)	
					Đơn vị	Toàn bộ
1	Xà đỡ MBA	U120x52x4.8	2420	2	10.4	50.336
2	Bách bắt xà đỡ MBA	L50x50x5	930	2	3.77	7.012
3	Thanh chống xà đỡ MBA	L80x80x8	2030	2	9.65	39.179
4	Bách bắt thanh chống	L50x50x5	960	2	3.77	7.238
5	Thanh đỡ MBA	U140x62x4.9	1000	2	13.3	26.600
6	Thanh giằng	L63x63x6	940	1	5.772	5.426
7	Bulong+Đai ốc+Vòng đệm	CT3-M14	50	6	0.147	0.882
8	Bulong+Đai ốc+Vòng đệm	CT3-M14	100	4	0.208	0.832
9	Bulong+Đai ốc+Vòng đệm	CT3-M16	120	8	0.319	2.552
Tổng:						140.057

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LÊ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	XÀ ĐỠ MBA THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM GIÁM ĐỐC	/2026
			CHỦ TRÌ NHÓM THIẾT KẾ KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN LỘC KS. LÊ VĂN LƯƠNG KS. NGUYỄN VĂN HIỆP KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			

XÀ CẦU CHÌ TỰ RƠI - CỘT SẮT 12.1M



Ghi chú :

- Toàn bộ các chi tiết đều được mạ kẽm nhúng nóng.
- Các mối hàn được thực hiện bằng hàn điện, chiều cao mối hàn 6mm.

KH	Tên chi tiết	Quy cách	Kích thước (mm)	Số lượng	Khối lượng (kg)	
					Đơn vị	Toàn bộ
1	Xà cầu chì tự rơi	L80x80x8	1770	1	9.65	17.081
2	Bách bắt xà đỡ cầu chì tự rơi	L50x50x5	650	1	3.77	2.451
3	Bulong bắt thanh giằng	M16x120		2	0.319	0.638
	Tổng:				20.169	

BÁCH BẮT XÀ CẦU CHÌ TỰ RỜI

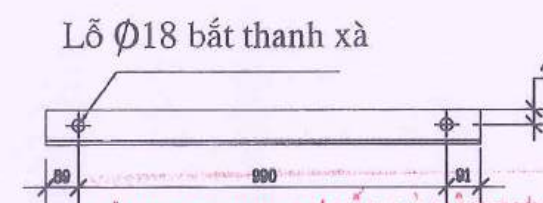
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:



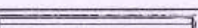
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THĂM TRÀ

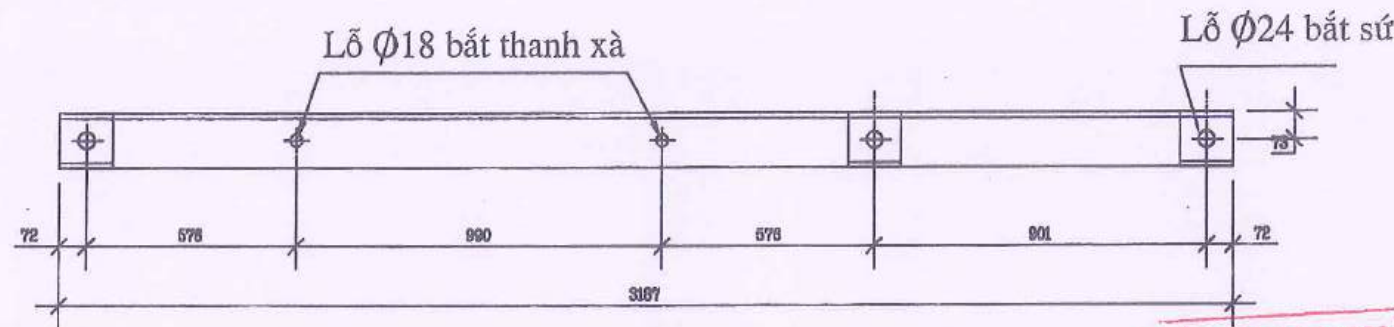
Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

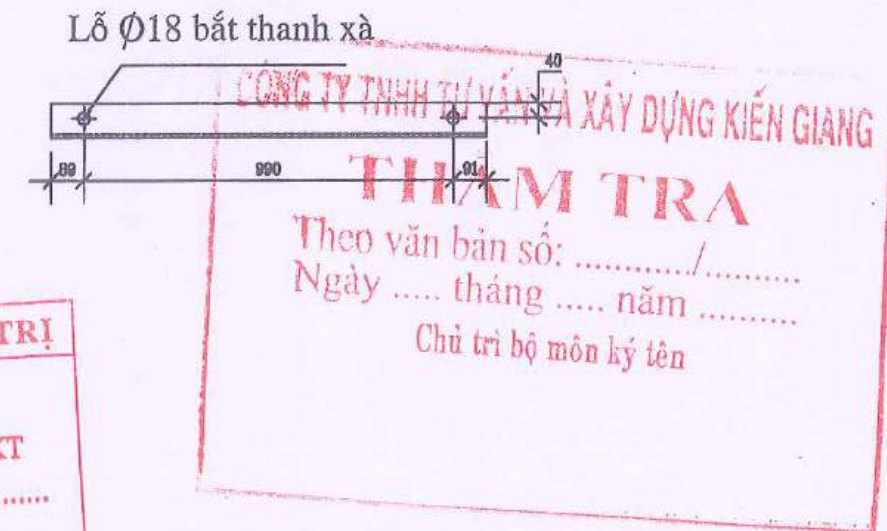
Chủ trì bộ môn ký tên

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY	XÃ CẦU CHÌ TỰ RƠI	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM GIÁM ĐỐC XÂY DỰNG ĐÔNG NAM Đ. P. ĐÔNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH  Thủ: KS. Bùi Minh Phúc	/2026
	ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC				
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG				
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				KHBV: CD.13

XÀ SỨ ĐỠ TRÊN

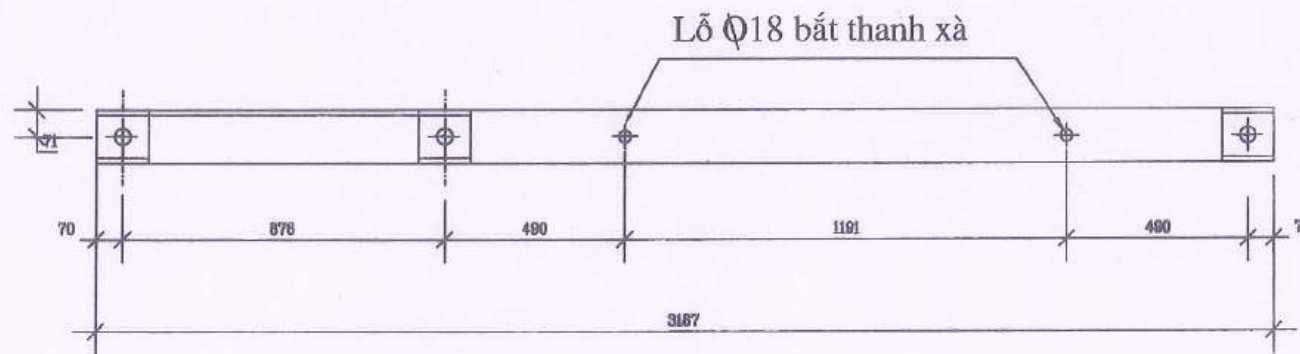


BÁCH XÀ SỨ ĐỠ TRÊN

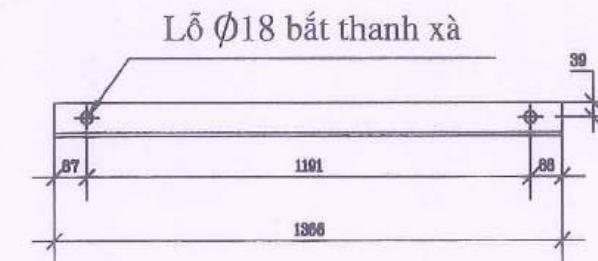


XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/SXD - HTKT
Ngày tháng năm 202
Ký tên:

XÀ SỨ ĐỠ DƯỚI - CỘT SẮT 12.1M



BÁCH BẮT XÀ SỨ ĐỠ DƯỚI

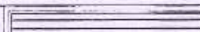


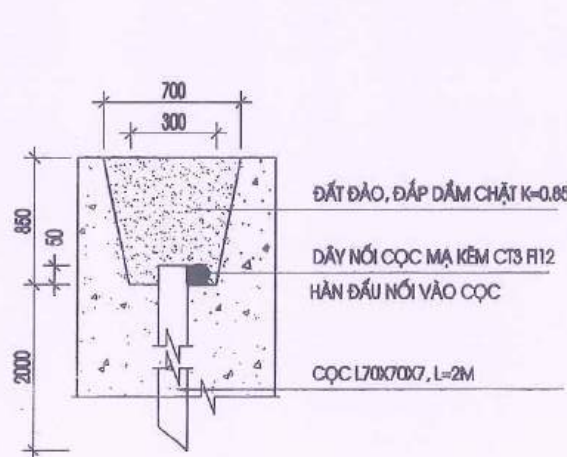
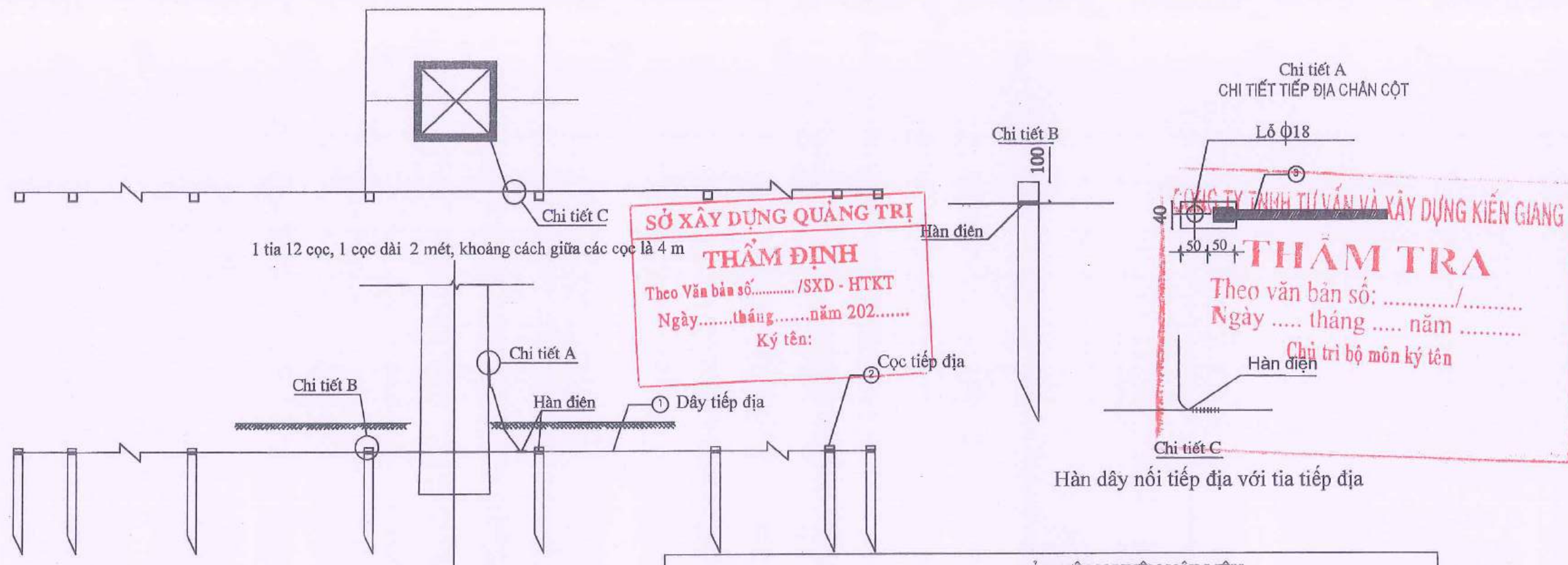
BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ SỨ ĐỠ DƯỚI

KH	Tên chi tiết	Quy cách	Kích thước (mm)	Số lượng	Khối lượng (kg) Đơn vị	Toàn bộ
1	Xà sứ đỡ dưới	L80x80x8	1820	1	9.65	17.563
2	Bách bắt xà sứ đỡ dưới	L50x50x5	780	1	3.77	2.941
3	Tấm bắt sứ	L80x80x8	80	3	9.65	2.316
4	Bulong+Đai ốc+Vòng đệm	M16x120		2	0.319	0.638
	Tổng:					23.458

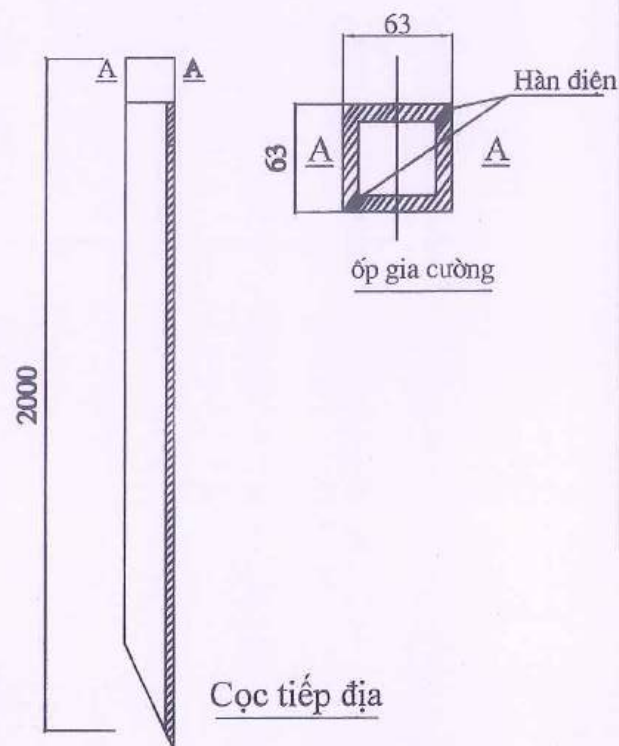
BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU XÀ SỨ ĐỠ TRÊN

KH	Tên chi tiết	Quy cách	Kích thước (mm)	Số lượng	Khối lượng (kg) Đơn vị	Toàn bộ
1	Xà sứ đỡ trên	L80x80x8	1770	1	9.65	17.081
2	Bách bắt xà sứ đỡ dưới	L50x50x5	650	1	3.77	2.451
3	Tấm bắt sứ	L80x80x8	80	3	9.65	2.316
4	Bulong+Đai ốc+Vòng đệm	M16x120		2	0.319	0.638
	Tổng:					22.485

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUẢN LÝ QUẢN LÝ ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	XÀ SỨ ĐỠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM CHẤM ĐÓNG ĐÔNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH 	/2026
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC				
			NHÓM THIẾT KẾ	KS. LÊ VĂN LƯƠNG				
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
						KHBY: CD.14		



RÀNH CHÓN CỌC & DÂY TIẾP ĐẤT



Cọc tiếp địa

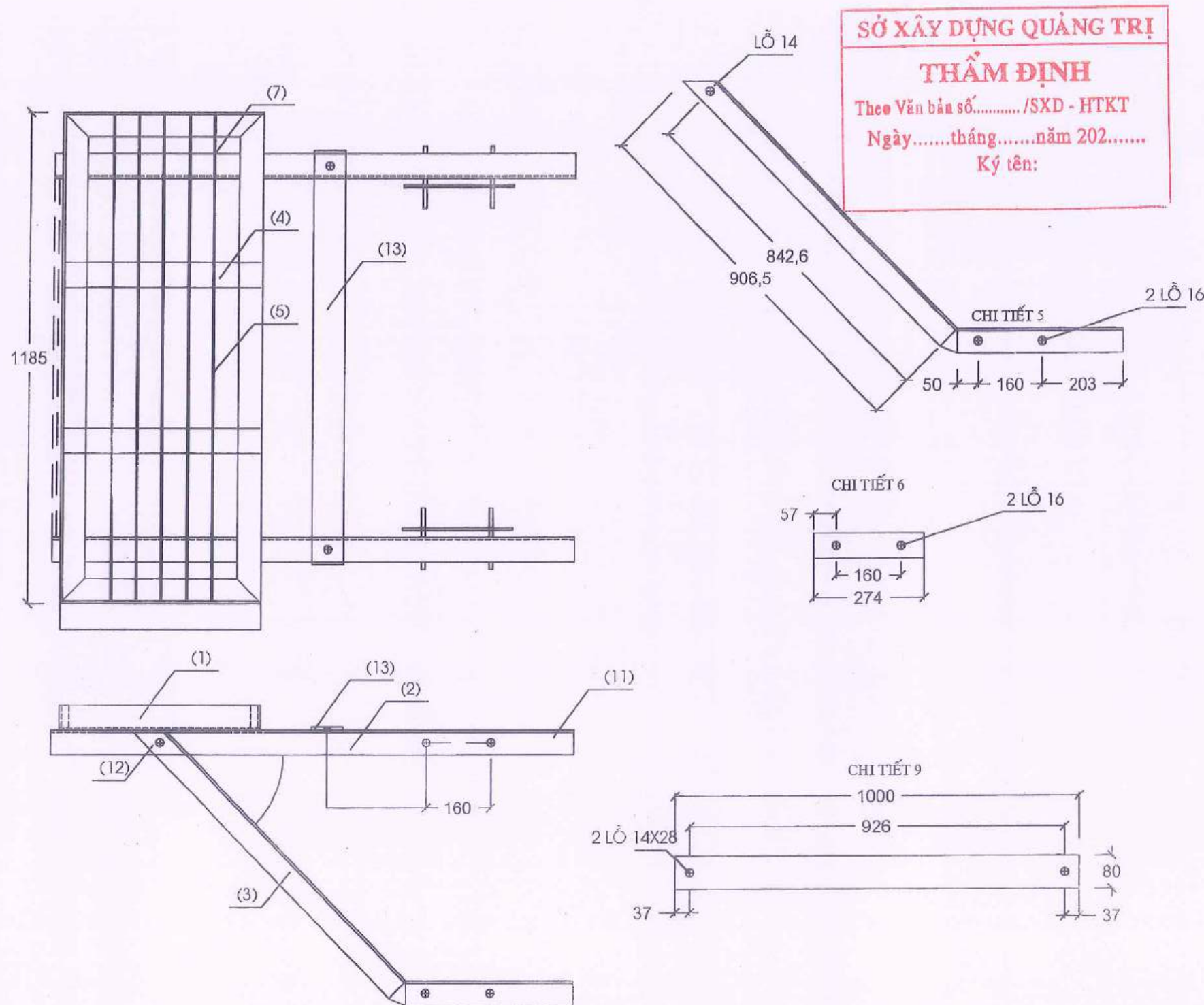
BẢN KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU

STT	Tên chi tiết	Vật liệu, quy cách	Đơn vị	Kích thước (m)	Số lượng	Trọng lượng	
						Đơn vị	Toàn bộ
1	Cọc tiếp địa	L70x70x7	Cọc	2	24	7,38	354,24
2	Dây tiếp địa	CT3-φ12	Mét	88	01	0,888	78,144
3	Dây nối tia tiếp địa	CT3-φ12	Mét	4	01	0,888	7,104
4	Tấm bắt tiếp địa	-40x4	Cái	0.1	01	1,246	0,249
5	Tấm ốp gia cường	L70x70x7	Cái	0.1	24	7,38	17,72
6	Vòng đệm	φ36x18x3	Cái		01	0.017	0.017
7	Đai ốc M16	M16x16	Cái		01	0.064	0.064
8	Bulông M16	M16x40	Cái		01	0.09	0.09
Trọng lượng tổng cộng						457,89 (kg)	

Ghi chú:

1. Dây nối tia tiếp địa phải mạ kẽm, tại các mối hàn chôn trong đất quét 3 lớp bitum chống rỉ.
2. Cọc tiếp đất không cần mạ kẽm
3. Cọc nối đất đóng thẳng đứng, đầu cọc và dây nối đất chôn ở độ sâu 0,8m so với mặt đất tự nhiên.
4. Khi đắp đất chôn tiếp địa lưu ý : khi đắp đất chiều dày khoảng 200mm yêu cầu đầm kỹ một lượt , và tiếp tục lặp lại cho tới cao trình tự nhiên.
5. Các mối hàn phải đảm bảo qui chuẩn h=6mm, que hàn loại E42 hoặc loại có tính năng tương đương.
6. Bu lông, đai ốc chế tạo theo TCVN 1876-76 và TCVN 1896-76.

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	TIẾP ĐỊA TRẠM THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM THÀNH LẬP TẠI QUẢNG TRỊ ĐÔNG NAM TR. CÔNG HỒI - T. QUẢNG TRỊ ĐẠI DIỆN Bùi Minh Phúc	/2026 KHBY: CD.15
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC			
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG			
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIẢNG
THẨM TRA
 Theo văn bản số:
 Ngày tháng năm
 Chủ trì bộ môn ký tên

- Ghi chú:
- Dùng thép CT3 có Ra = 2100(kg/cm²) theo TCVN 1656-1993, mạ kẽm nhúng nóng dày 80μm theo TCVN 5408-91.
 - Bu lông, đai ốc chế tạo theo TCVN 1876-76 và TCVN1896-76.
 - Dùng que hàn E42 hoặc loại tương đương, chiều cao mỗi hàn 6mm.

BẢNG KÊ THÉP

KH	Tên chi tiết	Quy cách	Kích thước (mm)	Số lượng	Khối lượng (kg)	
					ĐV- Cái	Toàn bộ
1	Khung sàn ghế	L63x63x6	3370	1	5.772	19.452
2	Xà đỡ sàn	L60x60x6	1300	2	5.42	14.092
3	Công sơn	L50x50x5	1320	2	3.77	9.953
4	Thanh đỡ sàn	Sắt dẹt 60x6	500	2	2.804	2.804
5	Sàn ghế	Phi 16	1185	5	1.587	9.403
6	Thanh ốp	Sắt dẹt 60x6	274	4	2.804	3.073
7	Bu lon	CT3 M14	200	8	0.38	3.040
8	Bu lon	CT3 M12	50	4	0.099	0.396
9	Thanh giằng	Sắt dẹt 80x8	1000	1	4.984	4.984
Tổng cộng:						67.197

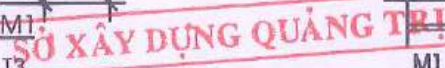
CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ DỰNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	SẢN THAO TÁC THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM CHUYÊN XÂY DỰNG ĐÔNG NAM TP. QUẢNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH	/2026
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC			
			NHÓM THIẾT KẾ	KS. LÊ VĂN LƯƠNG			
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			KHBY: CD.16



TELETYPE

Thước kẻ bản số
Ngày tháng năm

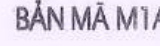
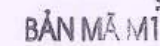
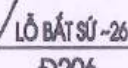
Chủ trì bộ môn ký tên



THẨM ĐỊNH

MẶT CẮT 22

Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:



CÁT VẬT 14X14

CẮT VẬT 14X14

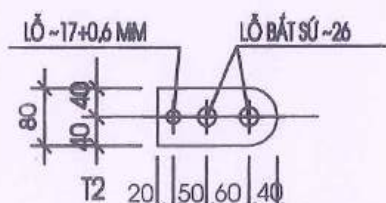
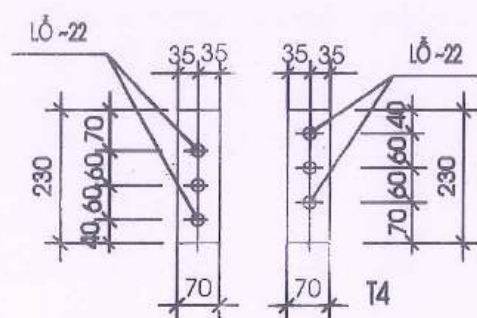
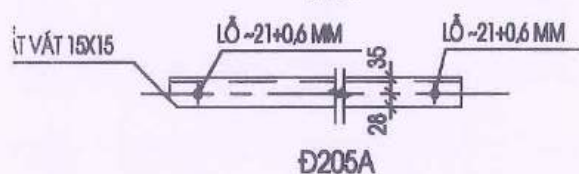


THIAM TRÀ

Theo văn bản số:/.....

Chủ trì bộ môn ký tên

CỘT SẮT 12,1M



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

GHI CHÚ

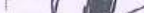
- THÉP CHÉ TẠO ĐỂ MÓNG CỘT THÉP BCT3 CÓ RA= 2100 KG/MM³
- BULON, ĐAI ỐC CHÉ TẠO THEO TCVN 72-63 VÀ TCVN 102-63
- LỖ BU LÔNG PHẢI KHOAN KHÔNG ĐƯỢC ĐỘT
- CÁC BULON A1 KHOAN LỖ ~25+0,6 MM; A2, B1 KHOAN LỖ ~21+0,6 MM; A3 KHUÂN LỖ ~17+0,6 MM.
- BULON A2, A3 CÓ MỘT ĐAI ỐC, 1 VÒNG ĐỆM PHẪNG VÀ 1 VÒNG ĐỆM VÀNH; B1 CÓ 2 ĐAI ỐC, 1 VÒNG ĐỆM PHẪNG VÀ MỘT VÒNG ĐỆM VÀNH
- TOÀN BỘ THÉP ĐỂ MÓNG ĐƯỢC MẠ KÈM NHỮNG NÓNG
- SỐ HIỆU THÉP ĐƯỢC ĐÓNG DẤU CHÌM TẠI XUỒNG SẢN XUẤT.

BẢNG KÊ THÉP

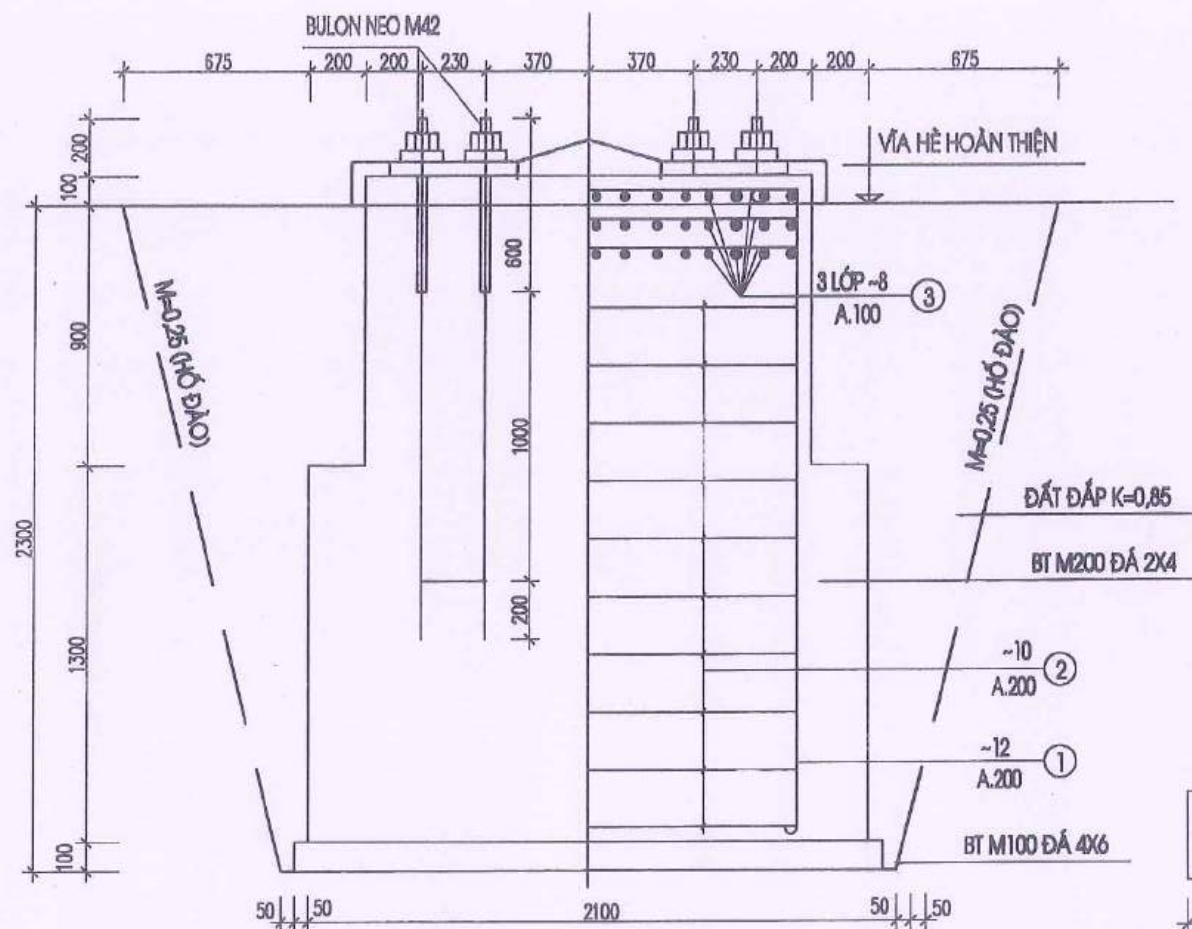
SỐ HIỆU	TÊN GỌI	QUY CÁCH	KÍCH THUỐC (MM)	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG (KG)	
					ĐƠN VỊ	TOÀN BỘ
Đ101	THÀNH GIỮNG	L160X14	9080	4	288,11	1162,44
Đ102	THÀNH GIỮNG	L63X6	1085	8	5,97	47,79
Đ103	THÀNH GIỮNG	L63X6	920	4	5,31	21,24
Đ104	THÀNH GIỮNG	L60X5	1160	2	4,37	8,75
Đ105	THÀNH GIỮNG	L60X5	1025	4	3,86	15,46
Đ106	THÀNH GIỮNG	L60X5	990	4	3,73	14,93
Đ110	THÀNH GIỮNG	L60X5	925	4	3,49	13,95
Đ111	THÀNH GIỮNG	L60X5	925	4	3,49	13,95
Đ112	THÀNH GIỮNG	L60X5	875	8	3,30	26,39
Đ113	THÀNH GIỮNG	L50X5	825	4	3,11	12,44
Đ114	THÀNH GIỮNG	L50X5	825	4	3,11	12,44
Đ115	THÀNH GIỮNG	L50X5	775	4	2,92	11,69
Đ116	THÀNH GIỮNG	L50X5	770	4	2,90	11,61
Đ117	THÀNH GIỮNG	L50X5	730	4	2,75	11,01
Đ118	THÀNH GIỮNG	L60X5	705	4	2,66	10,63
Đ119	THÀNH GIỮNG	L60X5	685	4	2,58	10,33
Đ120	THÀNH GIỮNG	L60X5	665	4	2,51	10,03
Đ121	THÀNH GIỮNG	L60X5	645	4	2,43	9,73
Đ122	THÀNH GIỮNG	L60X5	620	4	2,34	9,35
Đ123	THÀNH GIỮNG	L63X6	525	4	3,03	12,12
Đ201	THÀNH GIỮNG	L100X10	3000	4	45,30	181,20

Tiếp theo:

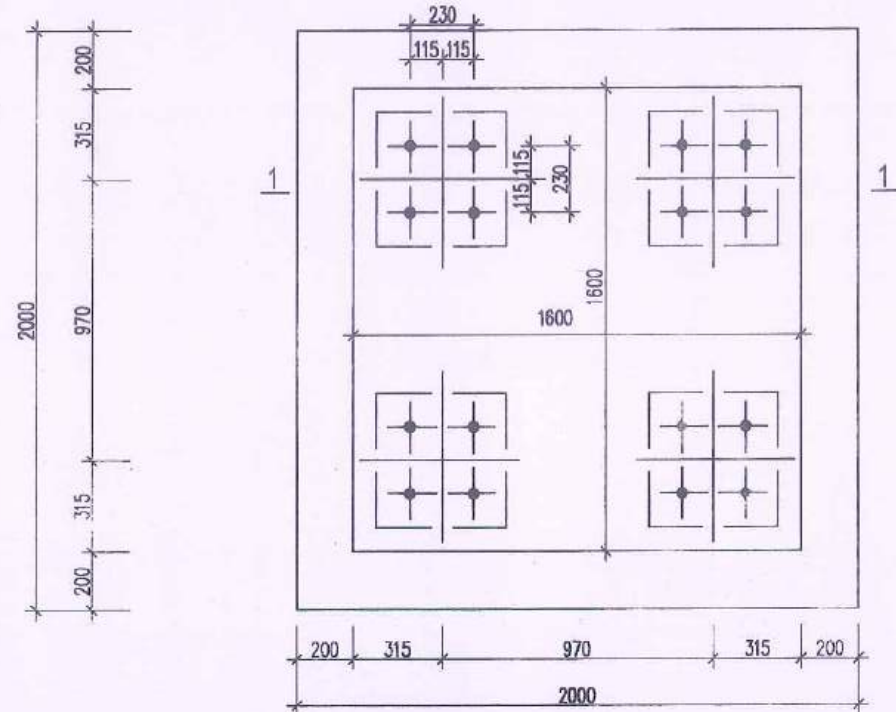
E202	THÀNH GIẢNG	L63X6	270	4	1.56	6.23
E203	THÀNH GIẢNG	L50X5	305	4	1.15	4.60
E204	THÀNH GIẢNG	L63X6	470	4	2.71	10.85
E205; D205A	THÀNH GIẢNG	L63X6	545	28	3.15	88.08
E206	THÀNH GIẢNG	L63X6	480	4	2.66	10.62
E207	THÀNH GIẢNG	L50X5	360	2	1.36	2.71
A1	BULON M24	~24	80	40	0.32	12.64
	ĐAI ỐC M24	~24	22	80	0.1	8.37
	VÒNG ĐEM PHẪNG + VỆNH	~40X26	4	80	0.04	2.84
A2	BULON M20	~20	50	112	0.2	22.08
	ĐAI ỐC M20	~20	16	112	0.06	6.94
	VÒNG ĐEM PHẪNG + VỆNH	~40X22	4	264	0.03	7.82
A3	BULON M16	~16	50	160	0.12	17.93
	ĐAI ỐC M16	~16	13	160	0.03	4.87
	VÒNG ĐEM PHẪNG + VỆNH	~34X18	3	333	0.02	5.12
B1	BULON M20	~20	80	62	0.27	14.10
	ĐAI ỐC M20	~20	16	104	0.06	6.44
	VÒNG ĐEM PHẪNG + VỆNH	~40X22	4	104	0.03	2.86
T1	TẤM BẮT SỬ	L63X6	100	4	0.58	2.31
T2	TẤM BẮT SỬ	80X8	170	4	0.85	3.42
T3	TẤM TĂNG CƯỜNG	L125X10	470	4	8.98	35.91
T4	TẤM ĐỆM	5X70	230	8	0.68	5.06
M1; M1A	BÀN MÀ	12X195	470	8	8.68	69.07
CÔNG						1980,35 KG

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘT SẮT 12,1M THỐNG KÊ THÉP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC					/2026
			CHỦ TRÌ	DƯƠNG VĂN MINH					
			THIẾT KẾ	DƯƠNG VĂN MINH					
			SOÁT	LÊ VĂN LƯƠNG					
									KHBV: C0.17

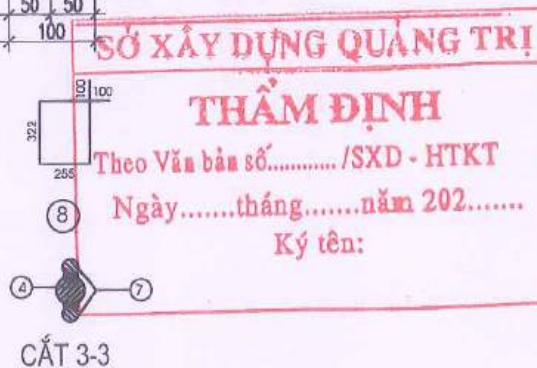
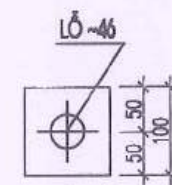
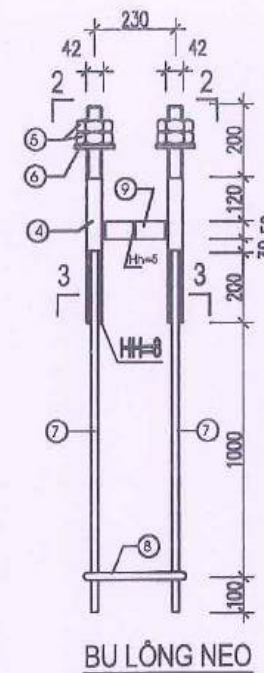
CHI TIẾT MÓNG CỘT SẮT 12,1M.



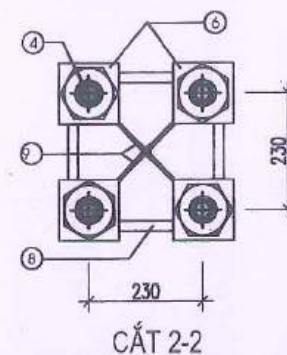
CẮT 1-1



MẶT BẰNG MÓNG CỘT SẮT 12,1M: MCS



CẮT 3-3



CẮT 2-2

THỐNG KÊ THÉP MÓNG: MCS

SỐ HIỆU THÉP	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	~ (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	SỐ THANH	KHỐI LƯỢNG (KG)	
					ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG
1	160 80 2200 80	12	2510	32	0,89	71,31
2	1500 1500	10	6100	10	0,62	37,64
3	60 60 1500	8	1600	96	0,4	60,67

KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG: 169,62 KG

THỐNG KÊ BU LÔNG NEO

SỐ HIỆU	TÊN CHI TIẾT	QUY CÁCH	KÍCH THƯỚC (MM)	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG (KG)	
					ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG
4	BU LÔNG M42	~42	600	16	6,53	104,48
5	ĐAI ỐC	~42	DÂY 32	32	0,69	18,92
6	BẢNG ĐỆM	-10X100	100	16	0,79	12,56
7	THANH NEO	~25 A1	1300	32	5,01	160,28
8	ĐAI GIẰNG	~10 A1	1354	4	0,84	3,42
9	BẢN GIẰNG	-6X50	280	8	0,660	5,28

KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG: 304,94 KG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

GHI CHÚ MÓNG

- Vữa XM M75: 3,2 M²
- MÓNG ĐÓ TẠI CHỖ BTCT M200 ĐÁ 2X4, KHỐI LƯỢNG BÊ TÔNG 8,624 M³.
- LỚT MÓNG BT M100 ĐÁ 4X6 KHỐI LƯỢNG: 0,576 M³
- BULON ĐAI ỐC CHẾ TẠO THEO TCVN 72-63 VÀ TCVN 102-63
- DÙNG QUY HẸN THÉP CACBON THẤP ~2,5 HOẶC LOẠI TƯƠNG ĐƯƠNG.
- CHIỀU DÀI ĐƯỜNG HÀN XEM BẢN VẼ.

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LÊ THỦY

DỰ ÁN

PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT BỀ DẦU GIÁ QUYỀN SỬ
DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY

ĐỊA ĐIỂM

XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

MÓNG CỘT SẮT-MCS

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

C.N.Đ.A

CHỦ TRÌ

NHÓM

THIẾT KẾ

KIỂM TRA

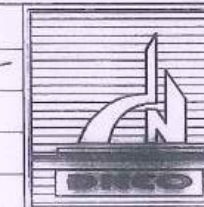
BÙI MINH PHÚC

KS. NGUYỄN VĂN LỘC

KS. LÊ VĂN LƯƠNG

KS. NGUYỄN VĂN HIỆP

KS. NGUYỄN VĂN HIỆP



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

GIÁM ĐỐC

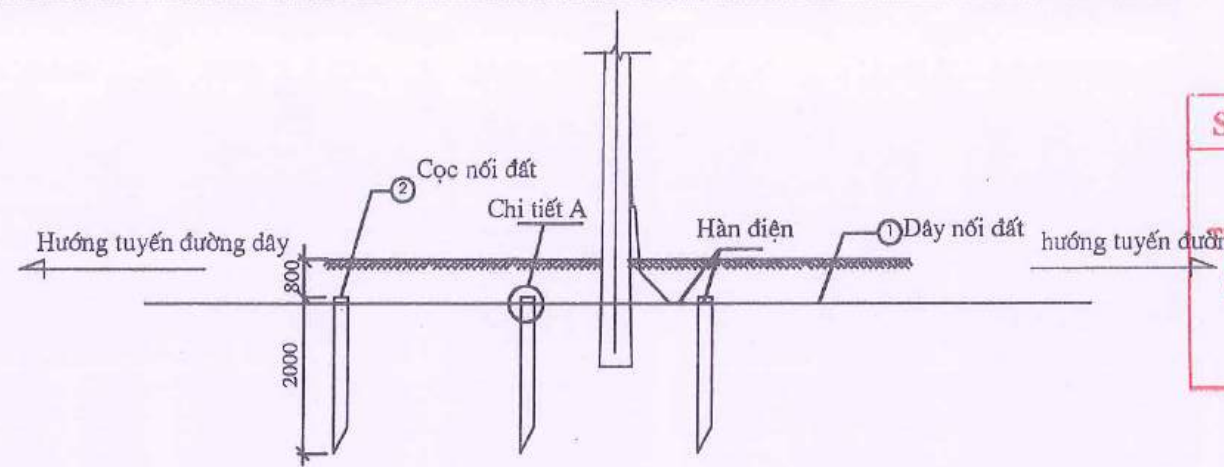
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

QUẢNG HÒI - T. QUẢNG BÌNH

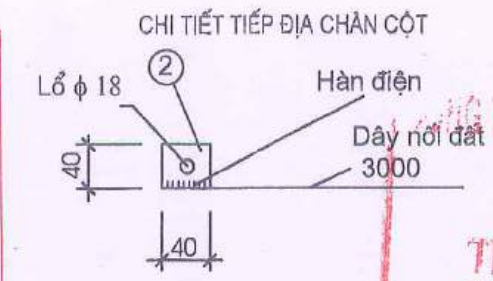
Ths. KS. Bùi Minh Phúc

...../2026

KHBY: CD 18



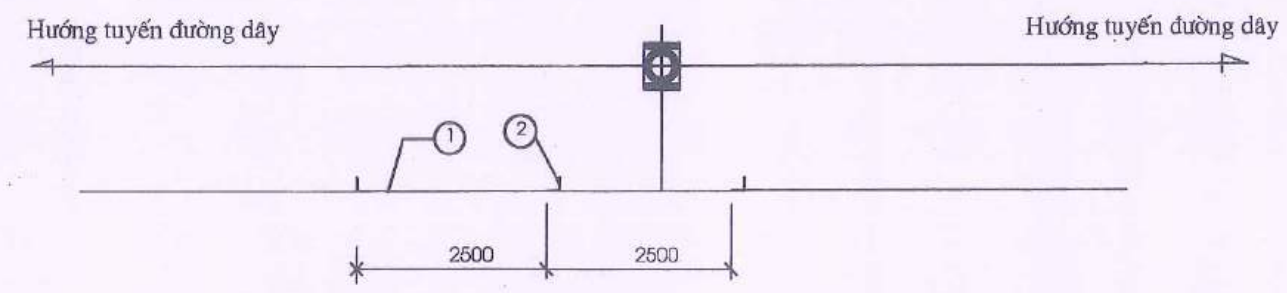
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số...../SXD - HTKT
 Ngày.....tháng.....năm 202.....
 Ký tên:



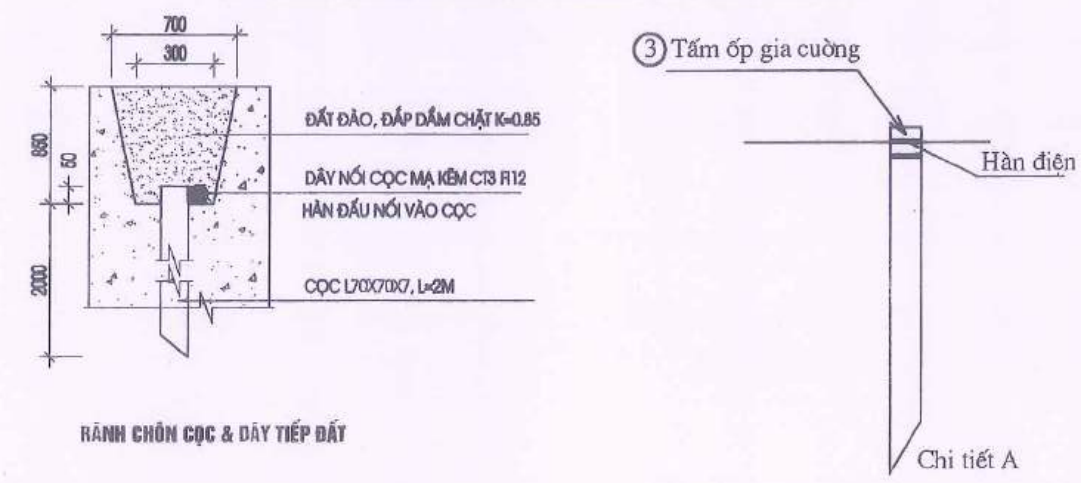
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
 Theo văn bản số:/
 Ngày tháng năm
 Chủ trì bộ môn ký tên

BẢNG KÊ CHI TIẾT TIẾP ĐỊA CHÂN CỘT

TT	Tên vật liệu	Kí hiệu	Đơn vị	Kích thước mm	Số lượng	Khối lượng (kg)	
						Đơn vị	Toàn bộ
1	Dây tiếp đất chân cột	CT3-ph12	Mét	3000	1	0,888	2,66
2	Tấm tiếp đất	40x4	Mét	100	3	1,25	0,38
3	Bulông+Đai ốc	M16x50			1	0,186	0,19
Tổng cộng (kg)							3,50



BỐ TRÍ TIẾP ĐỊA THEO KIỂU HÌNH TIA HOÀN TOÀN



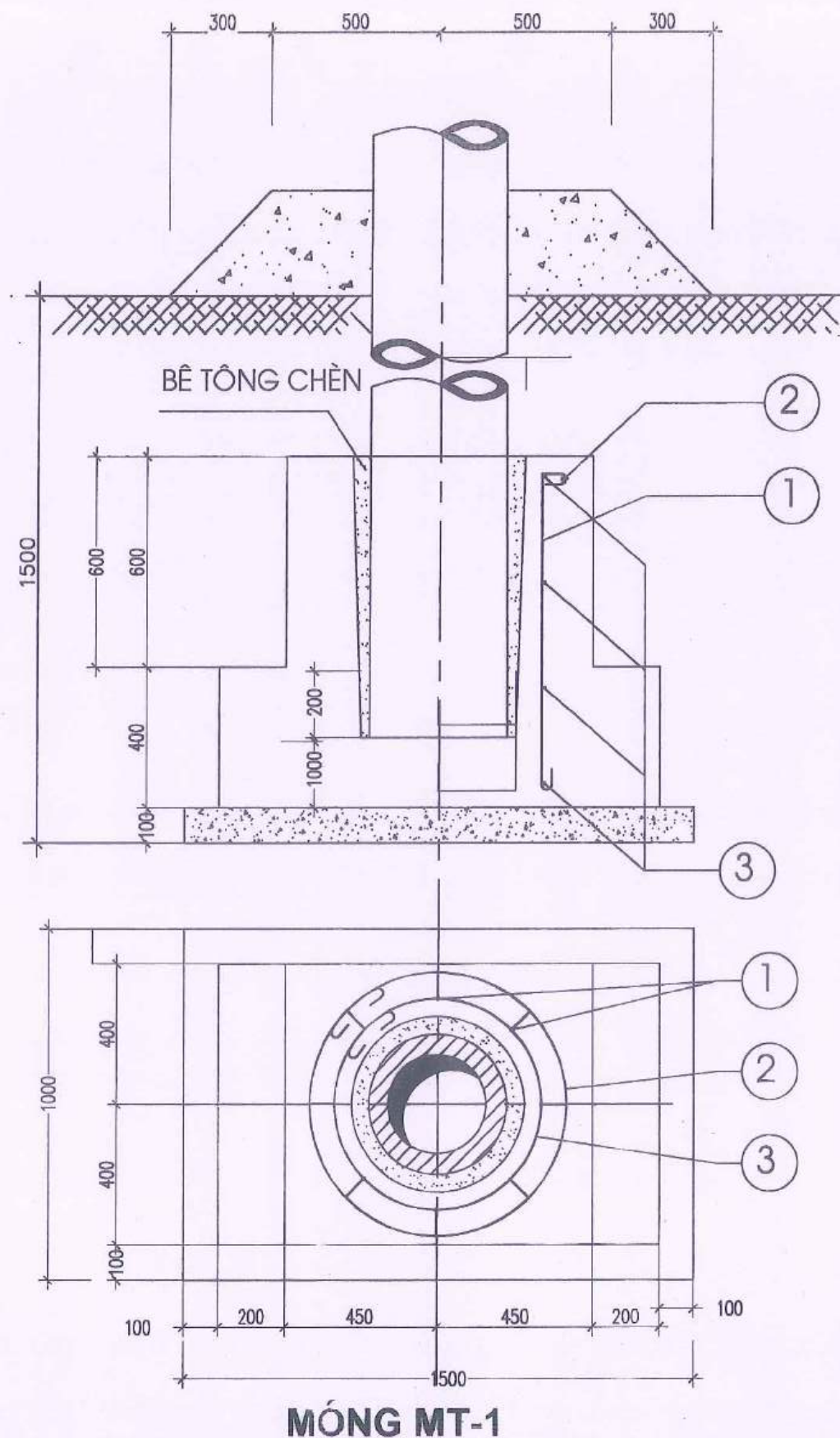
HÀNH CHÔN CỌC & DÂY TIẾP ĐẤT

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU

Loại nối đất	Tên vật liệu	Kí hiệu	Đơn vị	Kích thước	Số lượng	Khối lượng (kg)	
						Đơn vị	Toàn bộ
LR3	Cọc nối dây	L70x70x7	Cọc	2000	3	7.39	44.34
	Dây nối đất	Phi 12	Mét	5000	1	0.888	4.44
	Ốp gia cường	L70x70x7	Mét	70	3	7.39	1.55
LR4	Cọc nối dây	L70x70x7	Cọc	2000	4	7.39	59.12
	Dây nối đất	Phi 12	Mét	7500	1	0.888	6.66
	Ốp gia cường	L70x70x7	Mét	70	4	7.39	2.07
LR6	Cọc nối dây	L70x70x7	Cọc	2000	6	7.39	88.68
	Dây nối đất	Phi 12	Mét	12500	1	0.888	11.10
	Ốp gia cường	L70x70x7	Mét	70	6	7.39	3.10
LR8	Cọc nối dây	L70x70x7	Cọc	2000	8	7.39	118.24
	Dây nối đất	Phi 12	Mét	17500	1	0.888	15.54
	Ốp gia cường	L70x70x7	Mét	70	8	7.39	4.14
LR10	Cọc nối dây	L70x70x7	Cọc	2000	10	7.39	147.80
	Dây nối đất	Phi 12	Mét	22500	1	0.888	19.98
	Ốp gia cường	L70x70x7	Mét	70	10	7.39	5.17
LR12	Cọc nối dây	L70x70x7	Cọc	2000	12	7.39	177.36
	Dây nối đất	Phi 12	Mét	27500	1	0.888	24.42
	Ốp gia cường	L70x70x7	Mét	70	12	7.39	6.21

- Ghi chú:
- Tại các mối hàn chôn trong đất phải được quét 3 lớp bitum chống rỉ.
 - Cọc nối đất được đóng thẳng đứng, đầu cọc và dây nối đất chôn ở độ sâu 0.8m so với mặt đất tự nhiên.
 - Khi đắp đất chôn tiếp địa lưu ý khi đắp đất chiều dày khoảng 200mm yêu cầu đầm kỹ một lớp, sau đó mới đắp tiếp và tiếp tục lặp lại cho tới cao trình tự nhiên.
 - Phần dây và cờ nối từ HTTD lên cột và cờ tiếp địa trên phải được mạ kẽm nhúng nóng dày 80um theo TCVN 5408-91.
 - Các mối hàn phải đảm bảo qui chuẩn h=6mm, que hàn loại E42 hoặc loại có tính năng tương đương, đai ốc chế tạo theo TCVN 1876-76 và TCVN 1896-76.
 - Trường hợp không bố trí được tiếp địa theo kiểu hỗn hợp lưới tia thì bố trí kiểu tia hoàn toàn.

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	TIẾP ĐỊA ĐƯỜNG DÂY THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM XÂY DỰNG ĐÔNG NAM GIAO DỊCH - T. QUẢNG BÌNH Ths.Ks. Bùi Minh Phúc	/2026
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC			
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG			
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			KHBV: CD.19



BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU MÓNG MT-1

TT	Tên gọi	Quy cách	Kích thước (m)	Số lượng	Khối lượng (kg)	
					Đơn vị	Toàn bộ
1		Ø 10 A2	1095	08	0.68	5.44
2		Ø 8 A2	2555	01	1.14	1.14
3		Ø 8 A2	2084	04	0.82	3.28

KHỐI LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG : 9.86 KG

GHI CHÚ:

- KHI MÓNG ĐÚC TẠI CHỖ, BÊ TÔNG DÙNG M150 (NẾU MÓNG ĐÚC SẴN DÙNG BÊ TÔNG M100), ĐÁ 2X4.
- LÓT MÓNG BẰNG Vữa XI MĂNG M100, ĐÁ 4X6
- CHÈN KHE HỖ BẰNG BÊ TÔNG M200, CỐT LIỆU NHỎ ($\phi \leq 10\text{mm}$).
- VỊ TRÍ VÀ ĐỘ SÂU CHÔN MÓNG XEM BẢN VẼ SƠ ĐỒ TOÀN THỂ CÁC LOẠI CỘT.

* ĐỘ CHÔN SÂU CỦA CỘT:
H=1.2M VỚI CỘT BTLT-8,4M
H=1.5M VỚI CỘT BTLT-10,5M

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

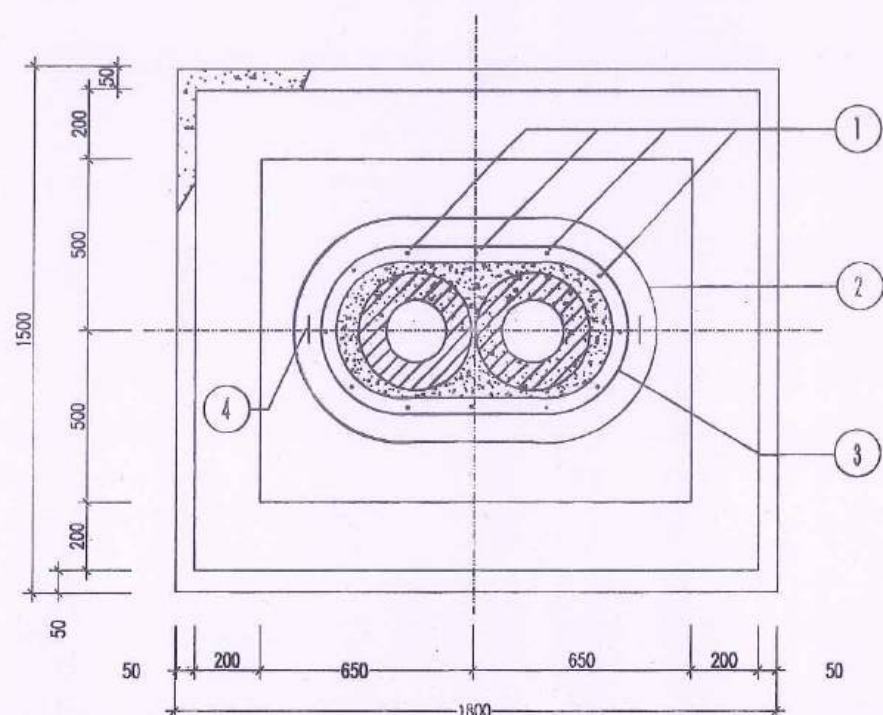
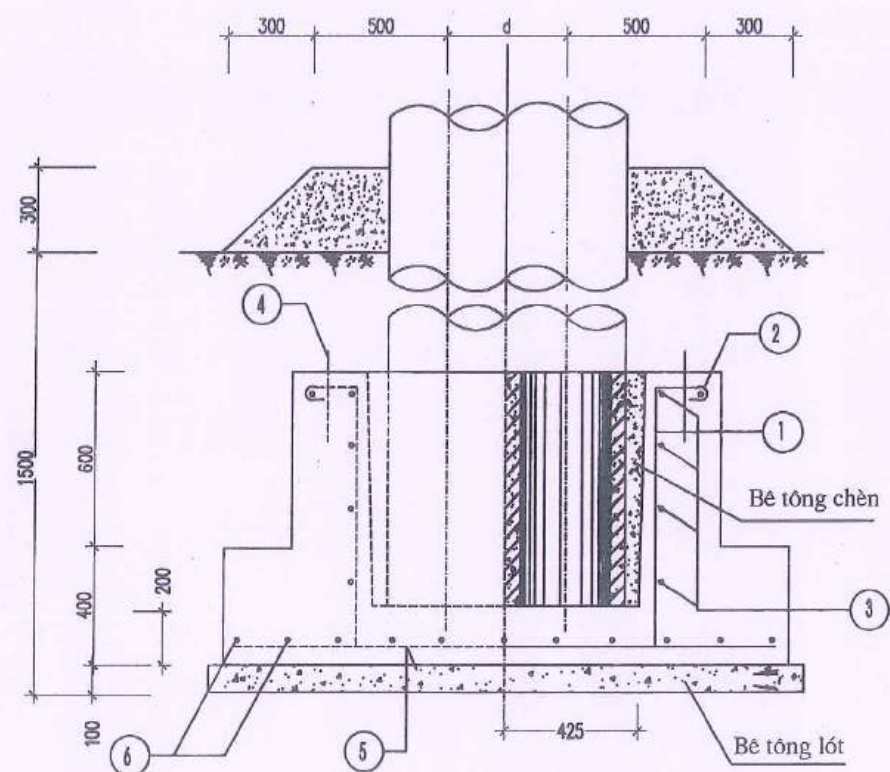
Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

MÓNG MT-1

CHỦ ĐẦU TƯ	DỰ ÁN	BẢN VẼ MÓNG MT-1	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	/2026
ỦY BAN NHÂN DÂN	PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC			CHÁM ĐỐC	
HUYỆN LỆ THỦY	ĐỊA ĐIỂM		NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG			XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	
	XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			ĐỒNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH	
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			Chức vụ: Bùi Minh Phúc	KHBY: C0.20



MÓNG MTĐ-1

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU

Số Hiệu	Hình dạng- kích thước	Quy cách	Kích thước (mm)	Số lượng	Khối lượng (kg)	
					Đơn vị	Toàn bộ
1		CT3Φ10	1130	12	0,698	8,380
2		CT3Φ8	3550	1	1,400	1,400
3		CT3Φ8	3000	5	1,193	5,960
4		CT3Φ16	1350	2	2,131	4,262
5		CT5Φ10	1600	10	0,990	9,900
6		CT5Φ10	1300	15	0,800	12,00
Khối lượng tổng cộng : 41,90						

GHI CHÚ:

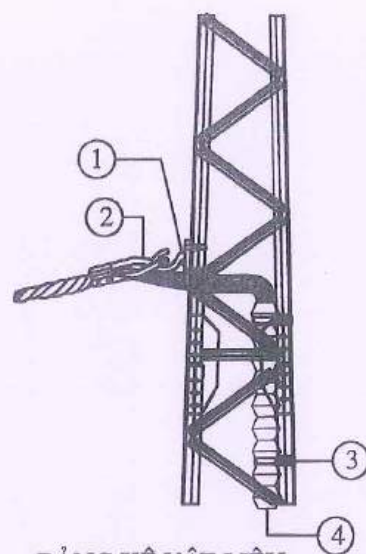
- KHI MÓNG ĐÚC TẠI CHỖ BÊ TÔNG DÙNG M150 (NẾU MÓNG ĐÚC SẴN DÙNG BÊ TÔNG M100), ĐÁ ZYA.
- LÓT MÓNG BẰNG Vữa XI MĂNG M100, ĐÁ 4%.
- CHÈN KHE HỖ BẰNG BÊ TÔNG M200, CỐT LIỆU NHỎ (D<10MM).
- VỊ TRÍ VÀ ĐỘ SÂU CHÔN MÓNG XEM BẢN VẼ SƠ ĐỒ TOÀN THỂ CÁC LOẠI CỘT.

* ĐỘ CHÔN SÂU CỦA CỘT:
H=1,2M VỚI CỘT BTLI-8,4M
H=1,5M VỚI CỘT BTLI-10,5M

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

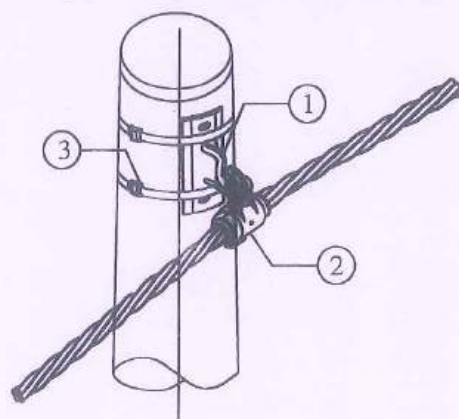
CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ	BẢN VẼ MÓNG MTĐ-1 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A CHỦ TRÌ NHÓM THIẾT KẾ KIỂM TRA	BÙI MINH PHÚC KS. NGUYỄN VĂN LỘC KS. LÊ VĂN LƯƠNG KS. NGUYỄN VĂN HIỆP KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM TP. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH	/2026 KHBY: CD.21
---	---	--	--	--	--	---	---------------------------



BẢNG KÊ VẬT LIỆU

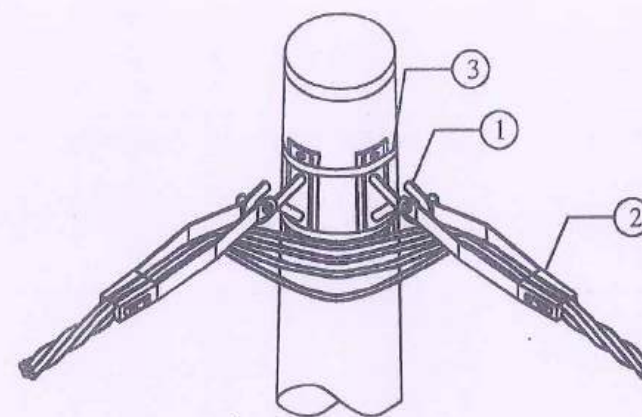
SỐ	TÊN	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ
1	Cụm chi tiết móc vào cột	1	cái
2	Khóa treo cáp	1	cái
3	Đai thép không rỉ	7	cái
4	ống nhựa xoắn mềm Φ65	7	m

CỤM CHI TIẾT ABC1CS



BẢNG KÊ VẬT LIỆU

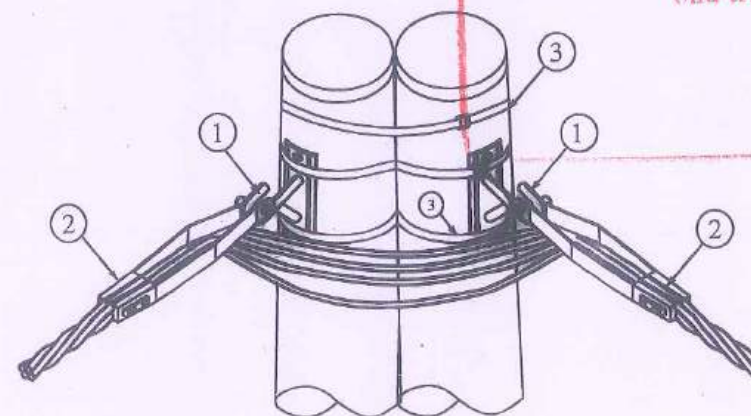
SỐ	TÊN	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ
1	Cụm chi tiết móc vào cột	1	cái
2	Khóa treo cáp	1	cái
3	Đai thép không rỉ	2	cái



BẢNG KÊ VẬT LIỆU TRỰC CHÍNH

SỐ	TÊN	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ
1	Cụm chi tiết móc vào cột	2	cái
2	Khóa néo cáp	2	cái
3	Đai thép không rỉ	2	cái

CỤM CHI TIẾT ABC2DCS



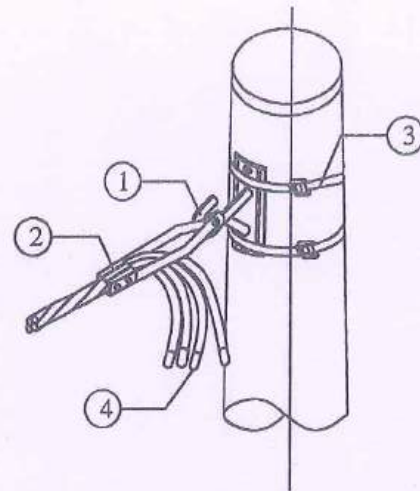
BẢNG KÊ VẬT LIỆU TRỰC CHÍNH

SỐ	TÊN	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ
1	Cụm chi tiết móc vào cột	2	cái
2	Khóa néo cáp	2	cái
3	Đai thép không rỉ	6	cái

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

Theo văn bản số:/.....
..... tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

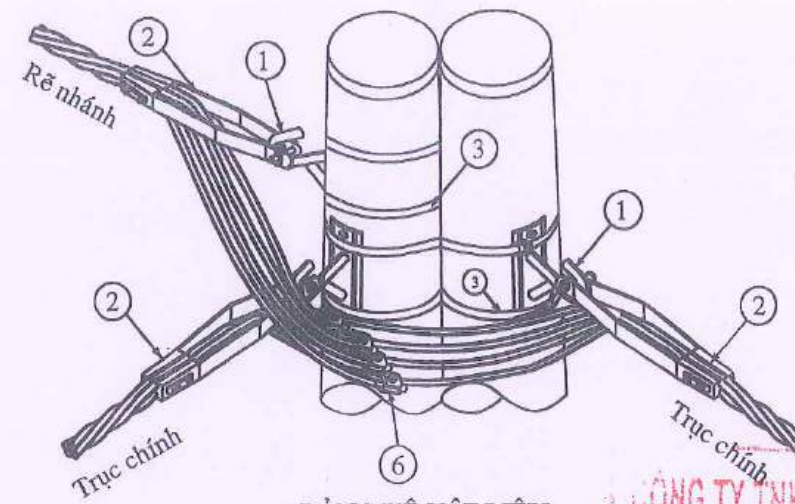
CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG NINH	CHI TIẾT TREO CÁP ABC TRÊN CỘT HẠ THỂ	C.N.Đ.A CHỦ TRÌ NHÓM THIẾT KẾ KIỂM TRA	BÙI MINH PHÚC KS. NGUYỄN VĂN LỘC KS. LÊ VĂN LƯƠNG KS. NGUYỄN VĂN HIỆP KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM GÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM Ks. Bùi Minh Phúc	/2026 KHBV: CD.22
--	---	---------------------------------------	--	---	--	---	---------------------------



BẢNG KÊ VẬT LIỆU NÉO CÁP

số	tên	số lượng	đơn vị
1	Cụm chi tiết móc vào cột	1	cái
2	Khóa néo cáp	1	cái
3	Đai thép không gỉ	2	cái
4	Nắp bịt đầu cáp	4	cái

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

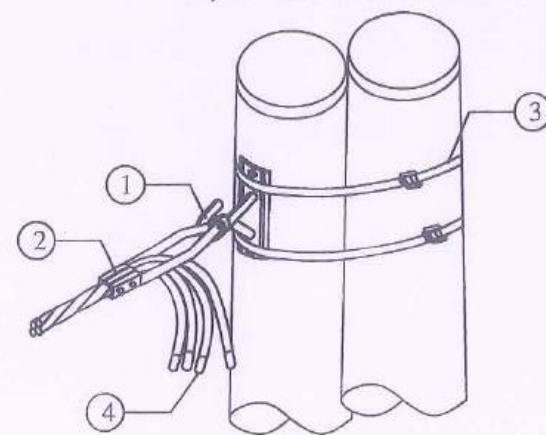


BẢNG KÊ VẬT LIỆU

SỐ	TÊN	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ
1	Cụm chi tiết móc vào cột	3	cái
2	Khóa treo cáp	3	cái
3	Đai thép không gỉ	6	cái
4	Kẹp nối xuyên cách điện (dây 25mm ²)	4	cái

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số:/.....
Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ trì bộ môn ký tên

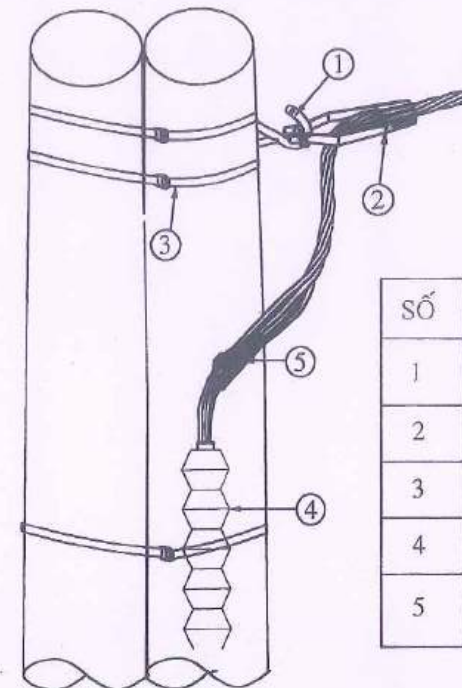
CỤM CHI TIẾT ABC 3ĐCS



BẢNG KÊ VẬT LIỆU NÉO CÁP

số	tên	số lượng	đơn vị
1	Cụm chi tiết móc vào cột	1	cái
2	Khóa néo cáp	1	cái
3	Đai thép không gỉ	4	cái
4	Nắp bịt đầu cáp	4	cái

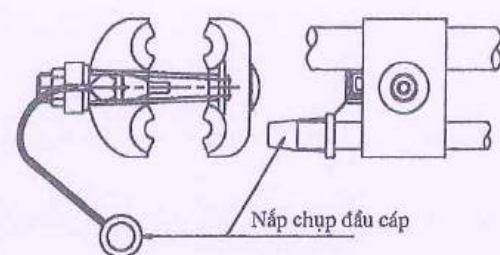
CỤM CHI TIẾT ABCNCS



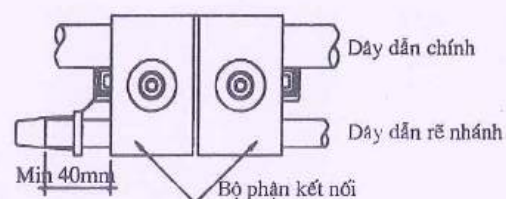
BẢNG KÊ VẬT LIỆU

SỐ	TÊN	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ
1	Cụm chi tiết móc vào cột	1	cái
2	Khóa treo cáp	1	cái
3	Đai thép không gỉ	8	cái
4	ống nhựa xoắn mềm Φ65	8	m
5	Kẹp nối xuyên cách điện (dây 25mm ²)	4	cái

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUẢN LÝ DỰNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM Xã Liên Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình	CHI TIẾT NGUNG CÁP ABC TRÊN CỘT HẠ THỂ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A CHỦ TRÌ NHÓM THIẾT KẾ KIỂM TRA	BÙI MINH PHÚC KS. NGUYỄN VĂN LỘC KS. LÊ VĂN LƯƠNG KS. NGUYỄN VĂN HIỆP KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM CHUYÊN XÂY DỰNG ĐÔNG NAM ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH	/2026 KHBV: CQ.25
---	---	--	--	--	--	--	---------------------------



Nắp chụp đầu cáp

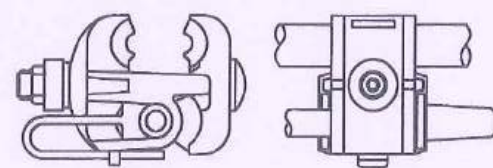


Dây dẫn chính

Dây dẫn rẽ nhánh

Mìn 40mm

Bộ phận kết nối



KẸP NỐI XUYÊN CÁCH ĐIỆN

Dây đồng trần 25mm²

Đầu cosse dùng cho
dây đồng trần 25mm²

Long đèn $\phi 12$

Bulông
 $\phi 10 \times 40$

Long đèn khóa $\phi 12$

Dây đồng trần 25mm²

Lỗ tiếp địa trên
thân trụ

MỐI NỐI TIẾP ĐỊA



16

Mối hàn

80

Ghi chú :

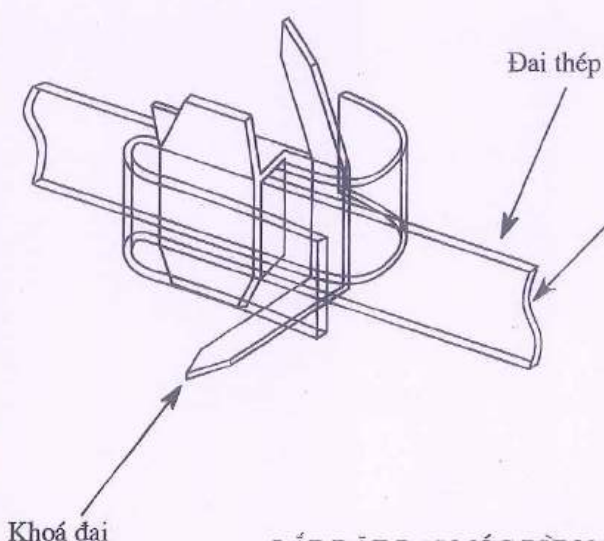
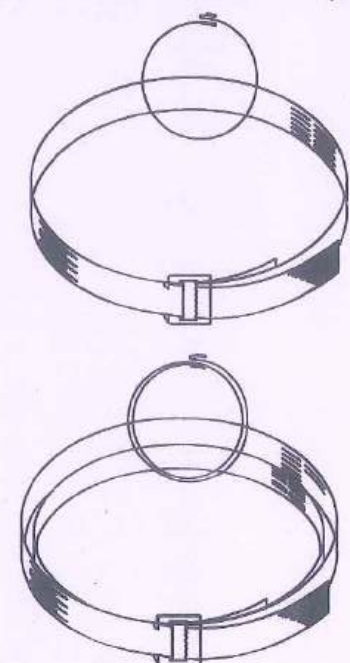
- Kích thước L được gọi là chiều dài danh định của bulông móc.
- Các kích thước chuẩn hoá của L là : 250mm, 350mm và 450mm.

Vòng đệm chống xoay dạng vuông
cong bán kính cong 120mm

Ren M16



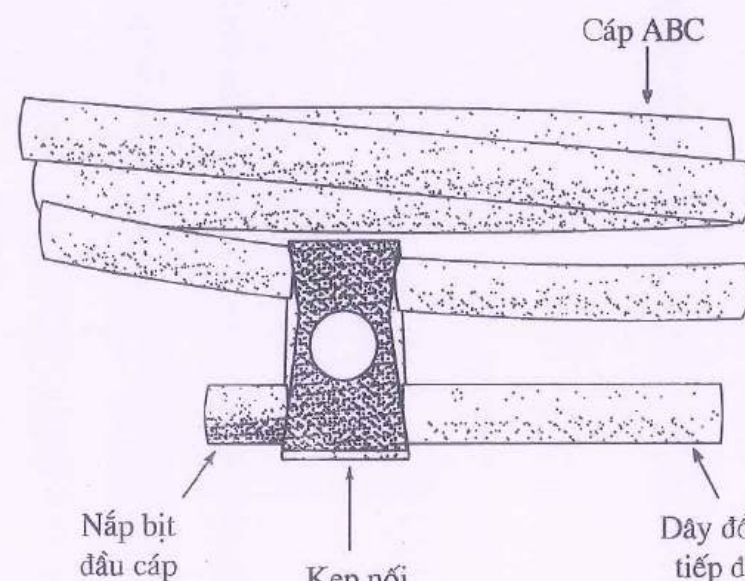
ĐAI THÉP DÙNG CHO CÁP VẠN XOẮN



Đai thép

Khoá đai

LẮP ĐẶT ĐAI MÓC DÙNG ĐAI THÉP



Cáp ABC

Nắp bịt
đầu cáp

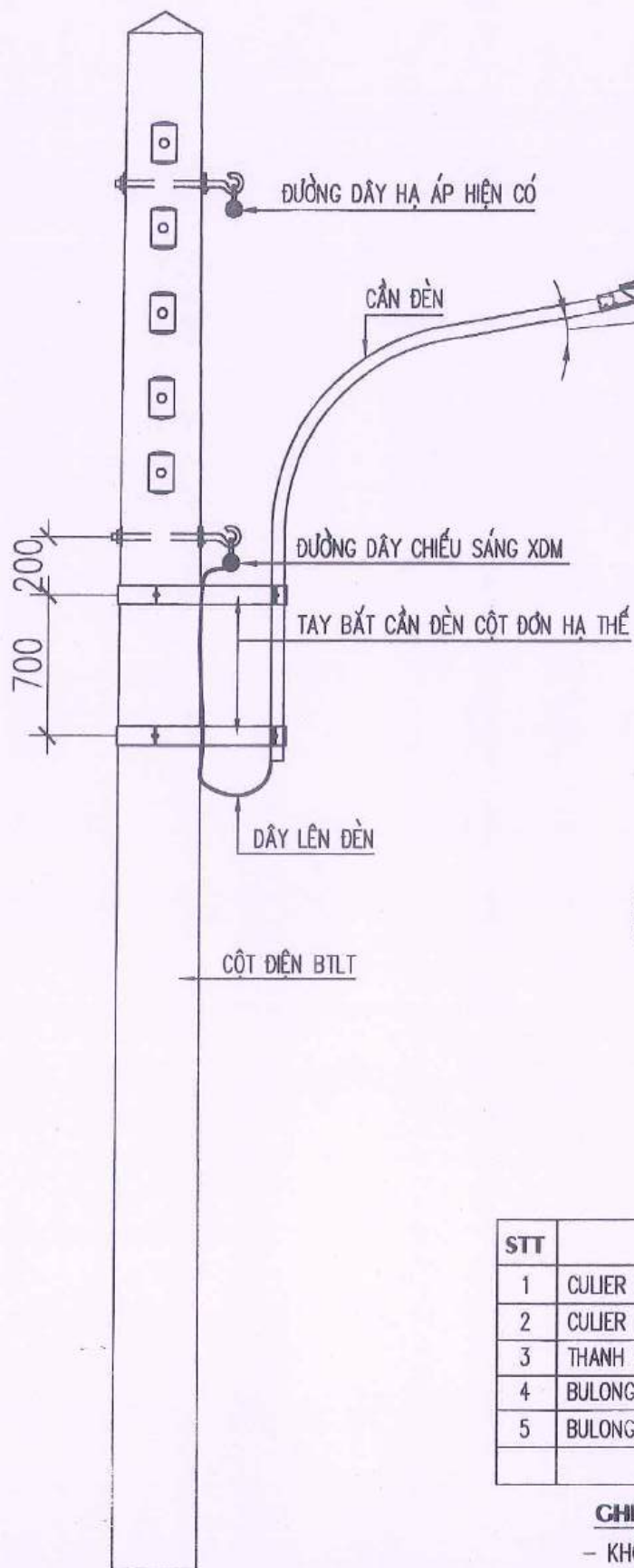
Kẹp nối
xuyên cách
điện

Dây đồng
tiếp địa

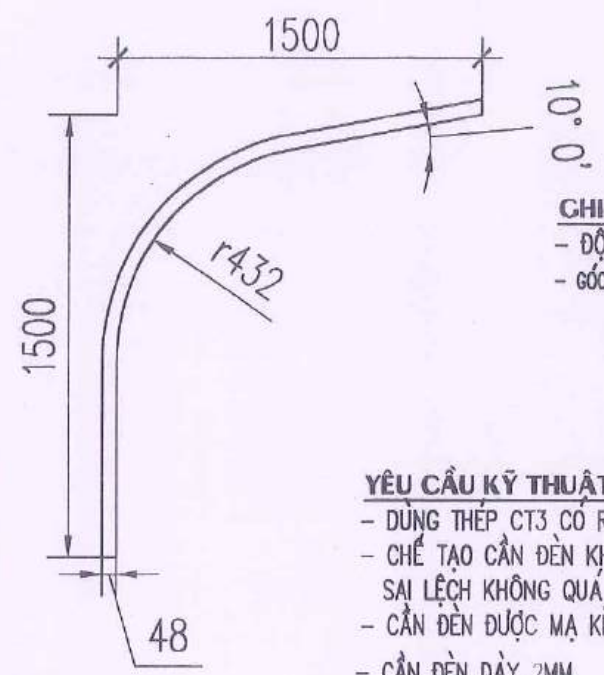
CÁCH NỐI KẸP NỐI XUYÊN CÁCH
ĐIỆN VỚI DÂY TIẾP ĐỊA

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LÊ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUẢN LÝ DỰNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	CHI TIẾT DÙNG CHO CÁP VẠN XOẮN THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A CHỦ TRÌ NHÓM THIẾT KẾ KIỂM TRA	BÙI MINH PHÚC KS. NGUYỄN VĂN LỘC KS. LÊ VĂN LƯƠNG KS. NGUYỄN VĂN HIỆP KS. NGUYỄN VĂN HIỆP	<i>(Signature)</i> <i>(Signature)</i> <i>(Signature)</i> <i>(Signature)</i>		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM XÂY DỰNG ĐÔNG NAM ĐỒNG HỜI - T. QUẢNG BÌNH <i>(Signature)</i>	/2026 KHBY : CD.24
---	---	---	---	--	---	---	---	---------------------------------------

BỐ TRÍ CẦN ĐÈN TRÊN CỘT ĐƠN BTLT HẠ THỂ 8,5M



CHI TIẾT CẦN ĐÈN CHỮ L CAO 1,5M VƯƠN 1,5M

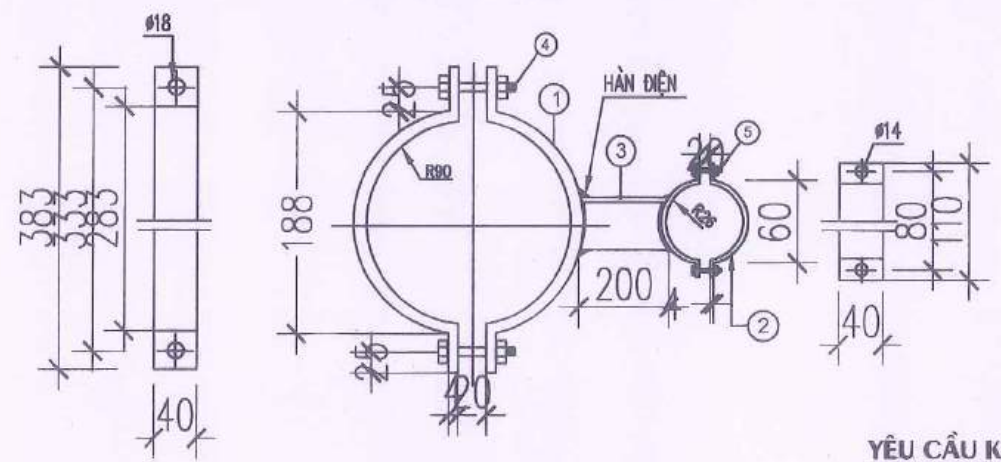


CHI CHÚ:
- ĐỘ TREO CAO ĐÈN TÙY THEO TỪNG LOẠI CỘT.
- GÓC NGHIÊNG ĐÈN 10°.

YÊU CẦU KỸ THUẬT:
- DÙNG THÉP CT3 CÓ $R_a = 2100 \text{ kg/cm}^2$ THEO TCVN 1565-1993.
- CHẾ TẠO CẦN ĐÈN KHÔNG ĐƯỢC VĨNH LỆCH, CÁC GÓC UỐN KHÔNG ĐƯỢC NHẤN BÉP, SAI LỆCH KHÔNG QUÁ 1,5°.
- CẦN ĐÈN ĐƯỢC MẠ KẼM NHÚNG NÓNG VỚI CHIỀU DÀY LỚP MẠ $\geq 80\mu\text{m}$
- CẦN ĐÈN DÀY 2MM

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXĐ - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

TAY BẮT CẦN ĐÈN CỘT ĐƠN HẠ THỂ (SL: 2 TAY)



BẢNG KÊ VẬT LIỆU

STT	TÊN CỤ - QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CULIER ÔM CỘT, THÉP DẪY 40x4 L=383	CÁI	4
2	CULIER ÔM CẦN, THÉP DẪY 40x4 L=110	CÁI	4
3	THANH NỐI, THÉP L40x40x4 L=100	CÁI	2
4	BULONG M16x50	BỘ	4
5	BULONG m12x40	BỘ	4
TỔNG CỘNG:			

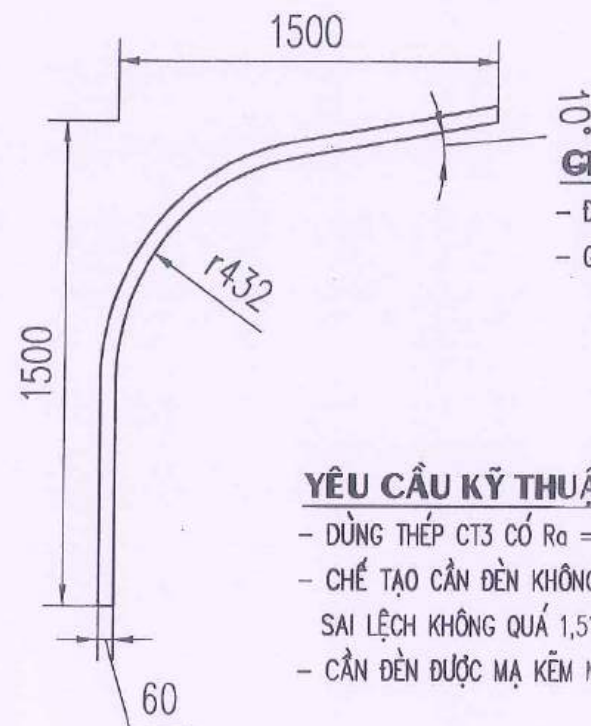
CHI CHÚ:
- KHỐI LƯỢNG TRÊN TÍNH CHO 2 TAY BẮT CẦN ĐÈN.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
THẨM TRA
Theo văn bản số...../
Ngày tháng năm
Chủ trì hồ sơ kỹ thuật

YÊU CẦU KỸ THUẬT:
- DÙNG THÉP CT3 CÓ $R_a = 2100 \text{ kg/cm}^2$ THEO TCVN 1565-1993.
- TOÀN BỘ CÁC CHI TIẾT ĐƯỢC MẠ KẼM NHÚNG NÓNG VỚI CHIỀU DÀY LỚP MẠ $\geq 80\mu\text{m}$
- TẮY SẠCH BAVIA SAU KHI GIA CÔNG.
- MỖI HÀN $\geq 6\text{mm}$.

CHỦ ĐẦU TƯ	DỰ ÁN	TAY BẮT CẦN ĐÈN TRÊN CỘT ĐƠN HẠ THỂ	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	/2026	
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC			CHẤM ĐỌC	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	KHVV - CD 25
	NHÓM THIẾT KẾ		KS. LÊ VĂN LƯƠNG						
	KIỂM TRA		KS. NGUYỄN VĂN HIỆP						

CHI TIẾT CẢN ĐÈN CHỮ L CAO 2M VƯƠN 1,5M



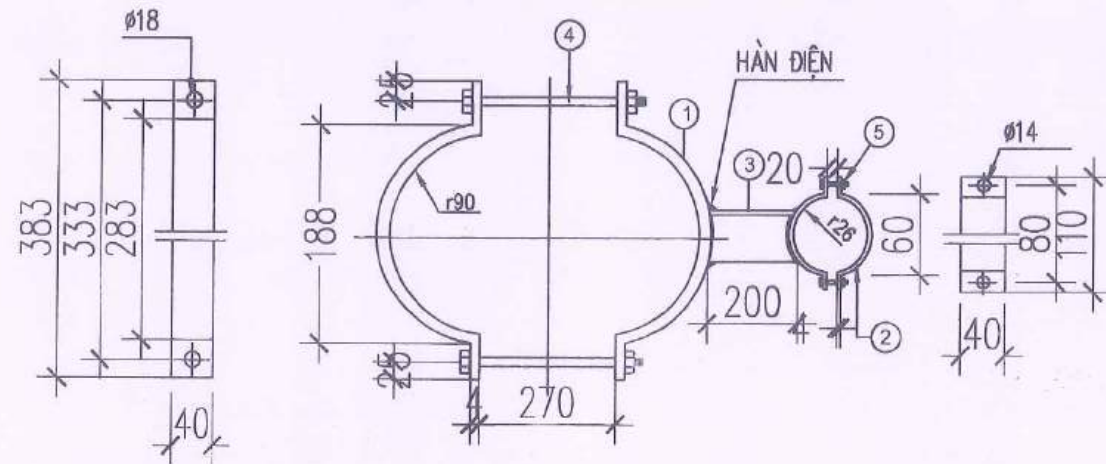
CHỈ CHÚ:

- ĐỘ TREO CAO ĐÈN TÙY THEO TỪNG LOẠI CỘT.
- GÓC NGHIÊNG ĐÈN 10°.

YÊU CẦU KỸ THUẬT:

- DÙNG THÉP CT3 CÓ $R_a = 2100 \text{ kg/cm}^2$ THEO TCVN 1565-1993.
- CHẾ TẠO CẢN ĐÈN KHÔNG ĐƯỢC VÊNH LỆCH, CÁC GÓC UỐN KHÔNG ĐƯỢC NHẤN BÉP, SAI LỆCH KHÔNG QUÁ 1,5°.
- CẢN ĐÈN ĐƯỢC MẠ KẼM NHÚNG NÓNG VỚI CHIỀU DÀY LỚP MẠ $\geq 80\mu\text{m}$

TAY BẮT CẢN ĐÈN CỘT ĐÔI NGANG TUYẾN (SL: 2 TAY)



YÊU CẦU KỸ THUẬT:

- DÙNG THÉP CT3 CÓ $R_a = 2100 \text{ kg/cm}^2$ THEO TCVN 1565-1993.
- TOÀN BỘ CÁC CHI TIẾT ĐƯỢC MẠ KẼM NHÚNG NÓNG VỚI CHIỀU DÀY LỚP MẠ $\geq 80\mu\text{m}$
- TẮY SẠCH BAVIA SAU KHI GIA CÔNG.
- MỖI HÀN $\geq 6\text{mm}$.

BỐ TRÍ CẢN ĐÈN TRÊN CỘT ĐÔI NGANG TUYẾN BTLT HẠ

THỂ 8,5M

BỘ ĐÈN CHIẾU SÁNG

ĐƯỜNG DÂY HẠ ÁP HIỆN CÓ

CẢN ĐÈN

Theo văn bản số: /SXD - HTKT

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ phận ký tên

ĐƯỜNG DÂY CHIẾU SÁNG XDM

TAY BẮT CẢN ĐÈN TRÊN CỘT ĐÔI NGANG TUYẾN

DÂY LÊN ĐÈN

CỘT ĐIỆN BTLT

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /SXD - HTKT

Ngày tháng năm 202.....

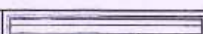
Ký tên:

BẢNG KÊ VẬT LIỆU

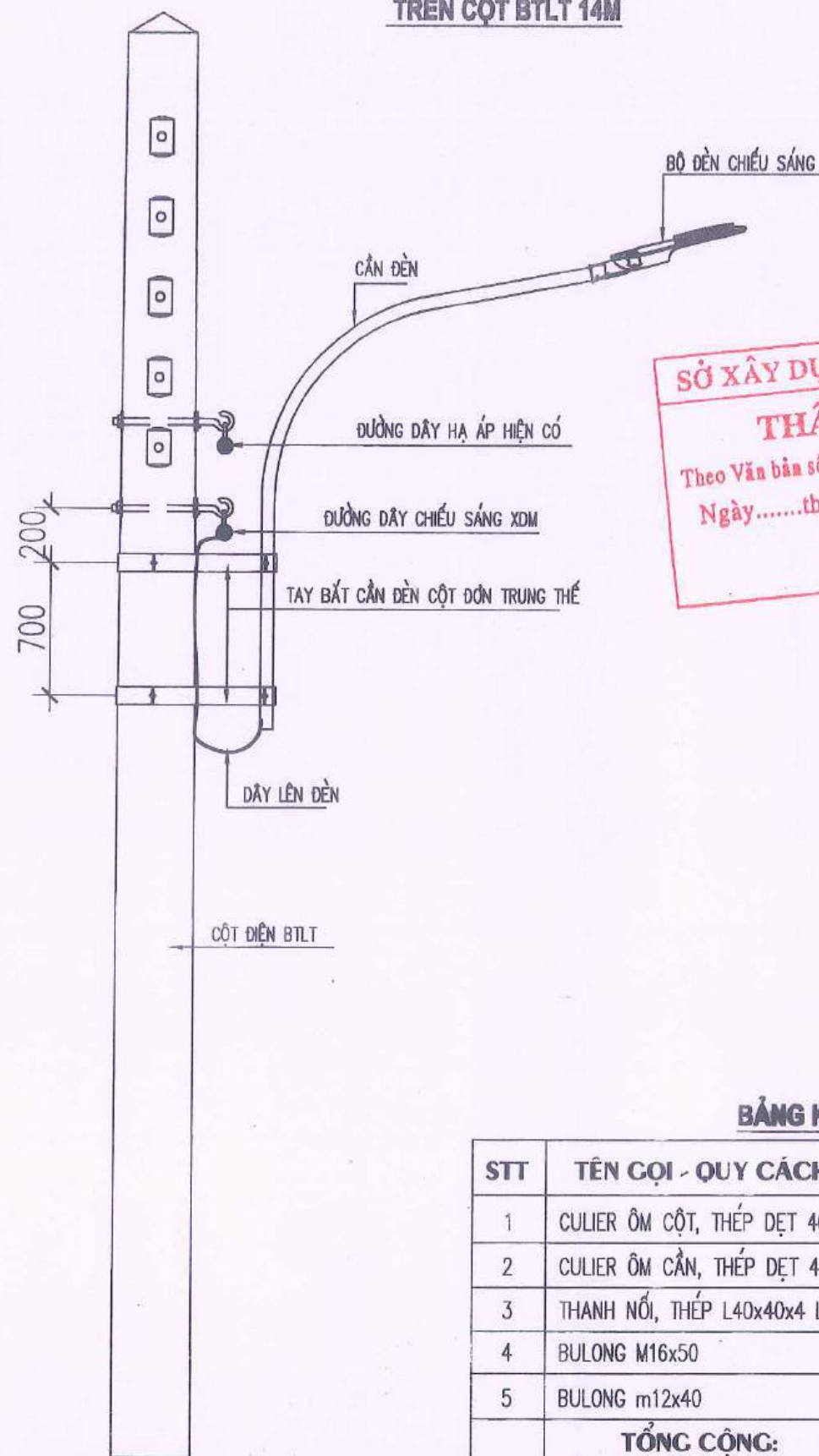
STT	TÊN GỌI - QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CULIER ÔM CỘT, THÉP DẸT 40x4 L=383	CÁI	4
2	CULIER ÔM CẢN, THÉP DẸT 40x4 L=110	CÁI	4
3	THANH NỐI, THÉP L40x40x4 L=100	CÁI	2
4	BULONG M16x300	BỘ	4
5	BULONG m12x40	BỘ	4
TỔNG CỘNG:			

GHI CHÚ:

- KHỐI LƯỢNG TRÊN TÍNH CHO 2 TAY BẮT CẢN ĐÈN.

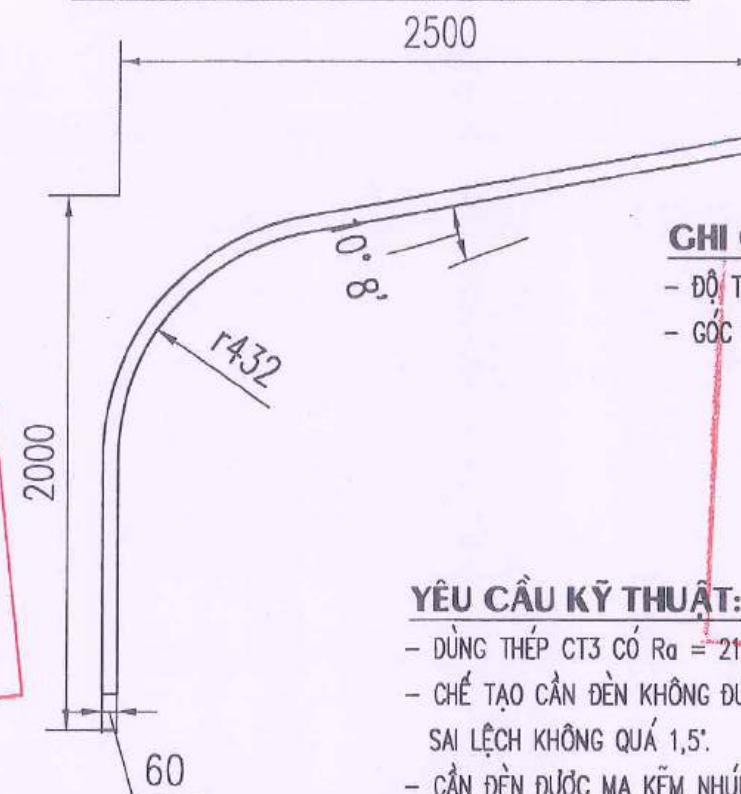
CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN	TAY BẮT CẢN ĐÈN TRÊN CỘT ĐÔI NGANG HẠ THỂ	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	/2026	
	PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC			GIÁM ĐỐC		
	ĐỊA ĐIỂM		NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG					
	XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG NINH		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP					
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP					
								KHBY: C/26	

**BỐ TRÍ CẢN ĐÈN ĐƠN - CAO 1M VƯỢN 2,5M
TRÊN CỘT BTLT 14M**



SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT
Ngày.....tháng.....năm 202.....
Ký tên:

CHI TIẾT CẢN ĐÈN CHỮ L CAO 1.5M VƯỢN 2,5M



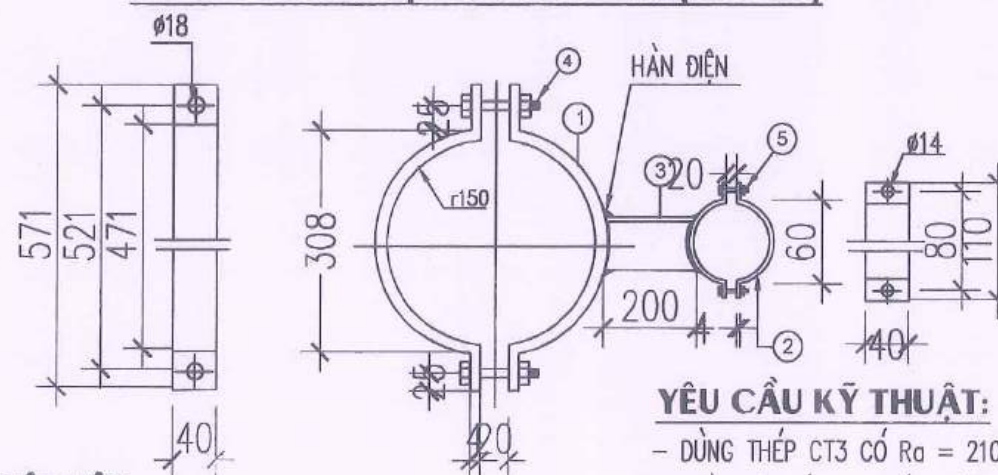
CHỈ CHỮ: TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG
- ĐỘ TREO CAO ĐÈN TUY THEO TUNG LOẠI CỘT.
- GÓC NGHIÊNG ĐÈN 10°.

THẨM TRA
Theo văn bản số:
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

YÊU CẦU KỸ THUẬT:

- DÙNG THÉP CT3 CÓ $R_a = 2100 \text{ kg/cm}^2$ THEO TCVN 1565-1993.
- CHẾ TẠO CẢN ĐÈN KHÔNG ĐƯỢC VÊNH LỆCH, CÁC GÓC UỐN KHÔNG ĐƯỢC NHẤN BÉP, SAI LỆCH KHÔNG QUÁ 1,5'.
- CẢN ĐÈN ĐƯỢC MẠ KẼM NHÚNG NÓNG VỚI CHIỀU DÀY LỚP MẠ $\geq 80\mu\text{m}$

TAY BẮT CẢN ĐÈN CỘT ĐƠN TRUNG THỂ (SL: 2 TAY)



BẢNG KÊ VẬT LIỆU

STT	TÊN GỌI - QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CULIER ÔM CỘT, THÉP DỆT 40x4 L=571	CÁI	4
2	CULIER ÔM CẢN, THÉP DỆT 40x4 L=110	CÁI	4
3	THANH NỐI, THÉP L40x40x4 L=100	CÁI	2
4	BULONG M16x50	BỘ	4
5	BULONG m12x40	BỘ	4
TỔNG CỘNG:			

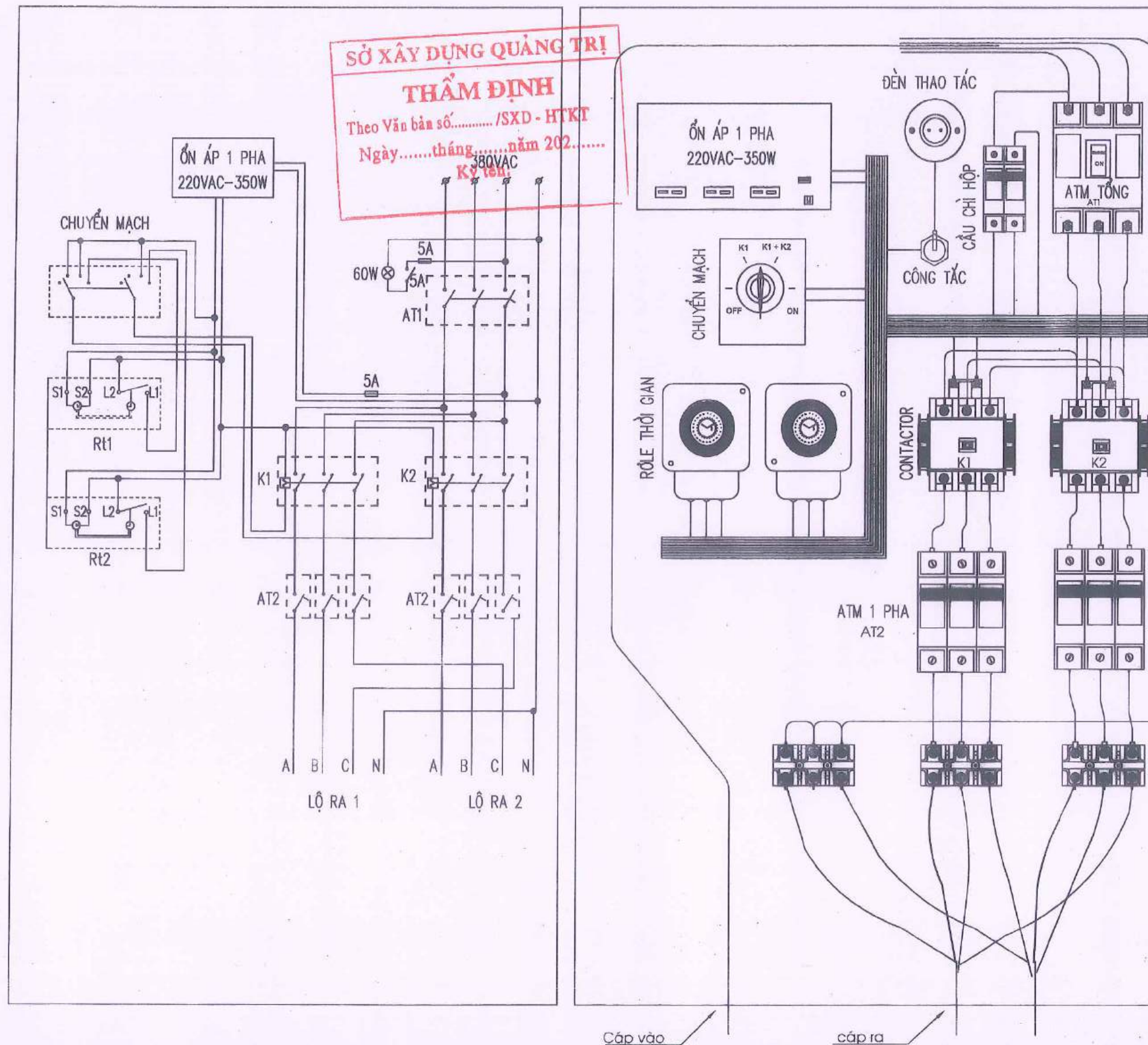
YÊU CẦU KỸ THUẬT:

- DÙNG THÉP CT3 CÓ $R_a = 2100 \text{ kg/cm}^2$ THEO TCVN 1565-1993.
- TOÀN BỘ CÁC CHI TIẾT ĐƯỢC MẠ KẼM NHÚNG NÓNG VỚI CHIỀU DÀY LỚP MẠ $\geq 80\mu\text{m}$
- TẮY SẠCH BAVIA SAU KHI GIA CÔNG.
- MỖI HÀN $\geq 6\text{mm}$.

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ DỰNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG NINH	TAY BẮT CẢN ĐÈN TRÊN CỘT ĐƠN TRUNG THỂ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A CHỦ TRÌ NHÓM THIẾT KẾ KIỂM TRA	BÙI MINH PHÚC KS. NGUYỄN VĂN LỘC KS. LÊ VĂN LƯƠNG KS. NGUYỄN VĂN HIỆP KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM GIÁM ĐỐC THK KS. Bùi Minh Phúc	/2026 KHBY: CQ.27
---	--	--	--	--	---	--	--------------------------------------

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ

BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRONG TỦ



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

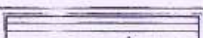
Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

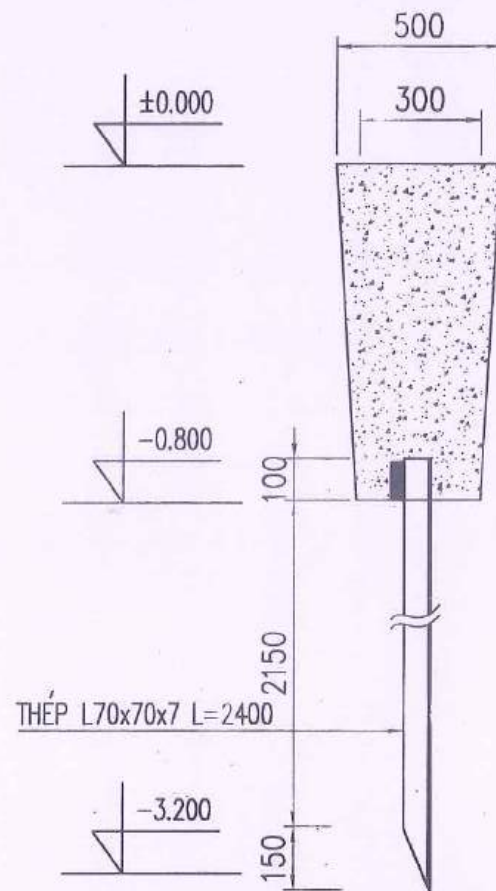
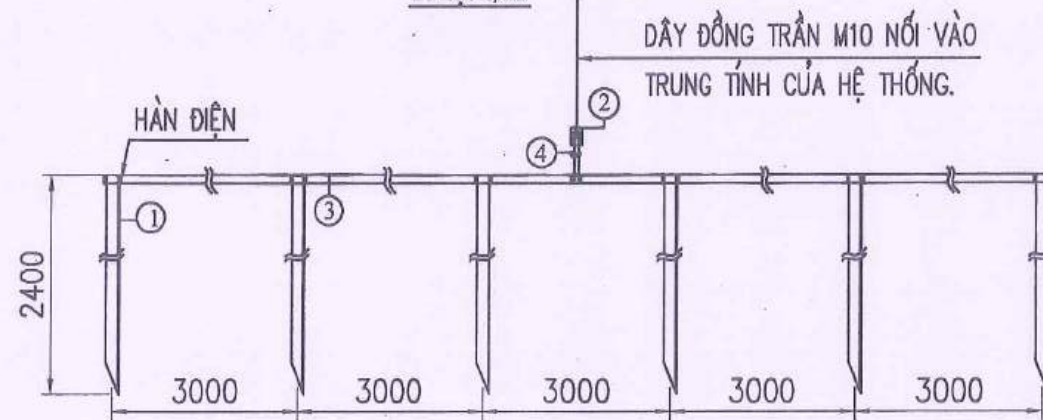
GHI CHÚ:

- Tủ điện được nối với hệ thống tiếp địa an toàn.
- Chế độ tự động (có thể thay đổi theo thực tế vận hành).
- + 18H-23H: HOẠT ĐỘNG TỐI ĐA CÔNG SUẤT, BẬT K1 VÀ K2
- + 23H-5H SÁNG HỒM SAU: HOẠT ĐỘNG GIẢM 1/3 CÔNG SUẤT, BẬT K1 TẮT K2

CHỦ ĐẦU TƯ	DỰ ÁN	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ ĐKCS	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	/2026	
ỦY BAN NHÂN DÂN	PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY		CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC			GIÁM ĐỐC		
HUYỆN LỆ THỦY	ĐỊA ĐIỂM		NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG			XÂY DỰNG ĐÔNG NAM		
	XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			Ths. Ks. Bùi Minh Phúc	KHBY: CD.29	

CHI TIẾT TIẾP ĐỊA LẮP LẠI RL-6

TỈ LỆ: 1/25



CHI TIẾT RĂNG TIẾP ĐỊA RL-6

TỈ LỆ: 1/25

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

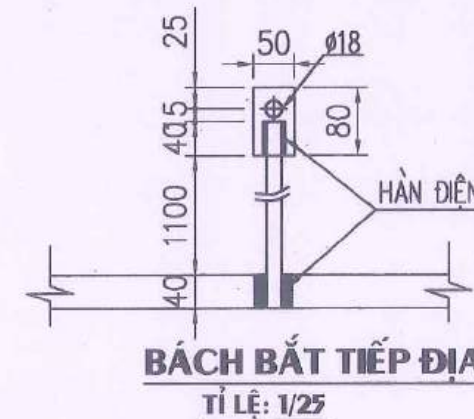
Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

BẢNG KÊ VẬT TƯ

STT	VẬT LIỆU - QUY CÁCH	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG (KG)	
			1 CÁI	TOÀN BỘ
1	THÉP L70x70x7 L=2400	6	14,78	88,68
2	BÁCH BẮT TIẾP ĐỊA THÉP DẪY 50x5 L=80	3	0,16	0,48
3	THÉP CT3 F12 L=15000	1	13,32	13,32
4	THÉP CT3 F12 L=1200	1	1,066	1,066
5	BULONG + ECU + LONG ĐEN M16x50	3	0,16	0,48
6	MỎI NỐI TIẾP ĐỊA (TIẾP ĐỊA NGỌN)	1		
CỘNG				104,03



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Chủ trì bộ môn ký tên

YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1. ĐIỆN TRỞ YÊU CẦU ≤ 10 Ohm
2. ĐẤT LẤP RẦNH PHẢI ĐƯỢC ĐẦM KỸ.
3. TẤT CẢ CÁC CHI TIẾT BẰNG KIM LOẠI PHẢI ĐƯỢC MẠ KẼM NHÚNG NÓNG THEO TCVN
4. HƯỚNG RẦNH TIẾP ĐỊA PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA HÌNH THI CÔNG.
5. TIẾP ĐỊA RL-6 ĐƯỢC NỐI VÀO DÂY TRUNG TÍNH CỦA HỆ THỐNG.

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY

DỰ ÁN

PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỀN SỬ
DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

ĐỊA ĐIỂM

XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ

CHI TIẾT TIẾP ĐỊA RL-6

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

C.N.Đ.A

CHỦ TRÌ

NHÓM

THIẾT KẾ

KIỂM TRA

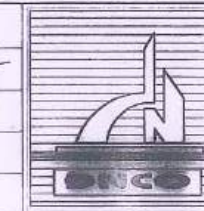
BÙI MINH PHÚC

KS. NGUYỄN VĂN LỘC

KS. LÊ VĂN LƯƠNG

KS. NGUYỄN VĂN HIỆP

KS. NGUYỄN VĂN HIỆP



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

CHỦ TRÌ BỘ MÔN KÝ TÊN

CHỦ TRÌ BỘ MÔN KÝ TÊN

CHỦ TRÌ BỘ MÔN KÝ TÊN

...../2026

KHBV: CĐ.30

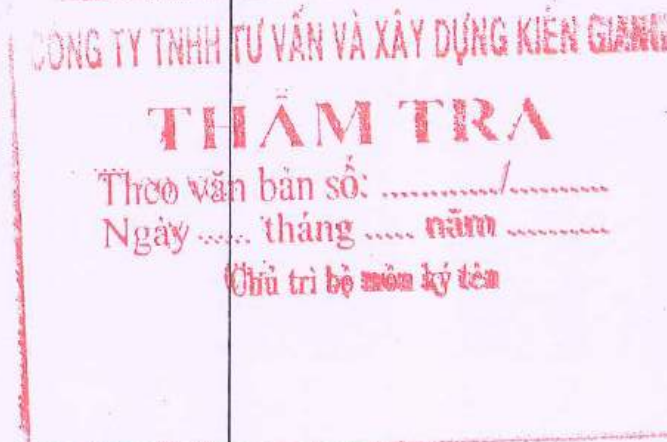
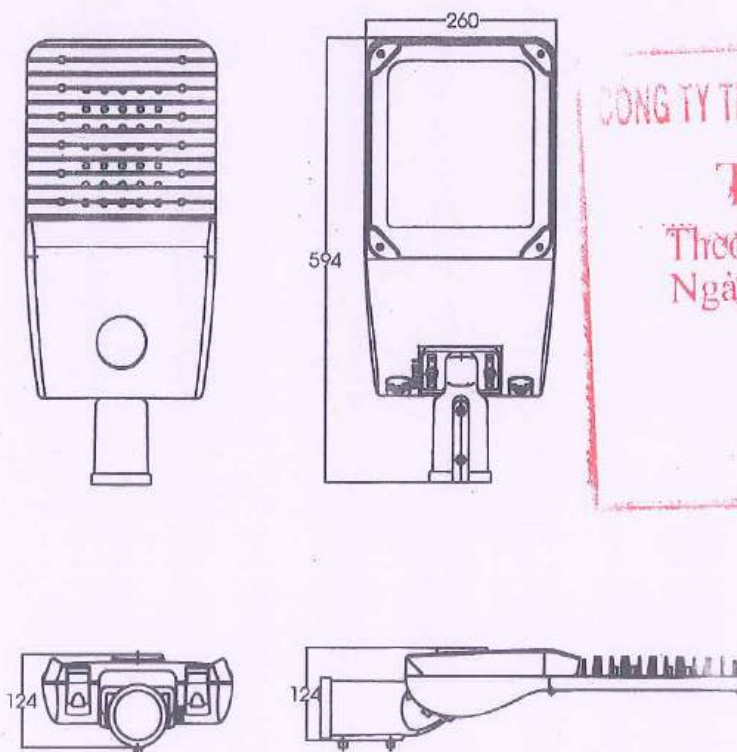
TECHNICAL CHARACTERISTICS

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

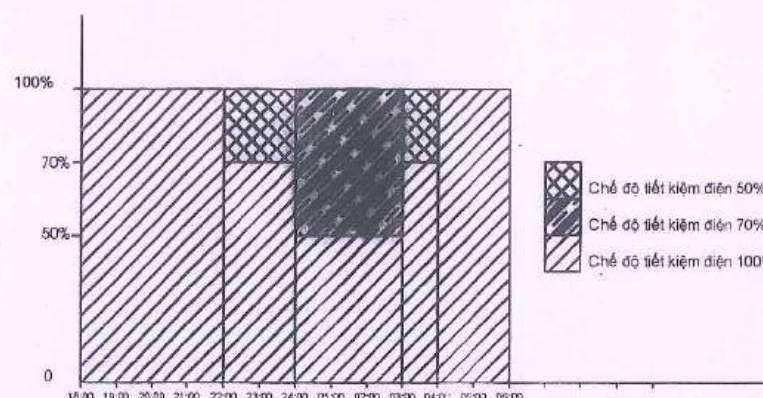
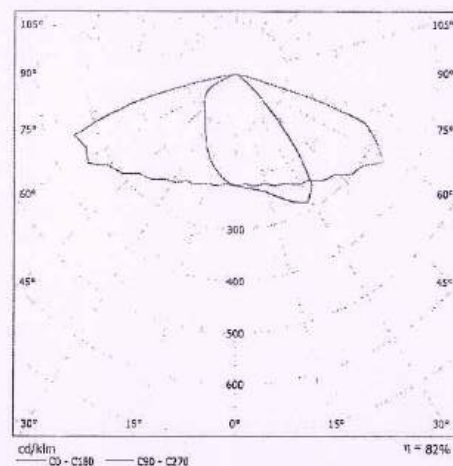
- Bộ đèn LED hiệu suất cao 120W
- Cấu tạo của vỏ đèn:
 - Bằng hợp kim nhôm đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất (Nhằm chống hàng nhái, hàng giả);
 - Ngăn chứa bộ điện có lấy khóa đóng mở bằng tay: thuận lợi cho việc lắp đặt, thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng (KQTN của Quatest);
 - Vỏ đèn có cơ cấu chỉnh góc lắp đặt từ -15 đến +15 độ (KQTN của Quatest).
- Tản nhiệt của bộ đèn: Tản nhiệt được đúc liền khối với vỏ đèn, tản nhiệt trực tiếp lên vỏ đèn: tăng khả năng giải nhiệt cho linh kiện(KQTN của Quatest);
- Cấp bảo vệ kín nước và bụi ngăn quang học: IP67 (TCVN 7722-1:2017) (KQTN của Quatest)
- Cấp bảo vệ chịu va đập toàn bộ đèn (kính và phần vỏ đèn): IK09 (TCVN 7722-1:2017) (KQTN của Quatest)
- Chip LED: Chuẩn LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ (Báo cáo kiểm định IES LM80)
- Nhiệt độ màu : 4000K +/- 5% (KQTN của Quatest)
- Chỉ số hiển thị màu > 70 (QCVN 07-7:2023/BXD) (KQTN của Quatest)
- Chất lượng bộ nguồn:
 - Sử dụng bộ nguồn thương hiệu EU nổi tiếng có tuổi thọ và chất lượng cao: Philips, Osram;
 - Có cổng 0/1-10V kết nối điều khiển trung tâm (KQTN của Quatest);
 - Có tích hợp chứng năng tiết giảm công suất tự động từ 2-5 cấp (KQTN của Quatest).
- Dải điện áp hoạt động tối thiểu: 185VAC - 265VAC, 50/60Hz (TCVN 7590-2-13:2013) (KQTN của Quatest)
- Quang thông bộ đèn (không phải của chip LED): ≥ 19.200 Lm (KQTN Quatest)
- Hiệu suất quang bộ đèn (không phải của chip LED) : ≥ 160 Lm/W (KQTN Quatest)
- Tuổi thọ của bộ đèn: ≥ 100.000 giờ (TCVN 10885-2-1:2015/IEC 62722-2-1:2014) (KQTN Quatest)
- Hệ số duy trì quang thông của bộ đèn: ≥ 0.95 (TCVN 10485:2015/IEC 62717:2014) (KQTN Quatest)
- Hệ số công suất bộ đèn: ≥ 0.97 (TCVN 10886:2015) (KQTN của Quatest)
- Bảo vệ xung sét lan truyền : 20kV - Thương hiệu EU (KQTN Quatest và tài liệu công bố của nhà sản xuất)
- Nhiệt độ môi trường vận hành: -40 C đến + 60 C (KQTN của Quatest)
- Cấp bảo vệ chống điện giật (Class) : Class I (TCVN 7722-1:2017) (KQTN của Quatest)
- Các giao thức điều khiển:
 - Tiết giảm công suất tự động 2-5 cấp (tùy chọn)
 - Tích hợp chân cắm NEMA 7 BIN đã được kết nối sẵn với cổng điều khiển 0/1-10V của bộ nguồn để kết nối thiết bị điều khiển điểm đèn.
- Chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng: ISO 50001:2018 áp dụng cho sản xuất đèn chiếu sáng (Kèm chứng nhận)
- Đèn có Giấy chứng nhận Hợp quy theo quy chuẩn Việt Nam theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ (danh mục có ghi rõ tên, mã hiệu và công suất của bộ đèn).
- Đèn có giấy chứng nhận hợp chuẩn Việt Nam theo TCVN 7722-1:2017 và TCVN 7722-2-3:2019 kèm Quyết định và danh mục sản phẩm chứng nhận phải thể hiện đầy đủ tên, mã hiệu và thông số kỹ thuật của bộ đèn.
- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 (Kèm Quyết định)
- Chứng nhận hệ thống quản lý bảo vệ môi trường ISO 14001:2015 (Kèm Quyết định)
- Đèn được dán nhãn tiết kiệm năng lượng và có Công văn chứng nhận do Bộ Công Thương cấp kèm theo danh mục sản phẩm thể hiện đầy đủ tên, mã hiệu và thông số kỹ thuật của bộ đèn.
- Xuất xứ và nhãn hiệu:
 - Sản phẩm phải được đăng ký nhãn hiệu hợp pháp tại Việt Nam do Cục Sở hữu trí tuệ cấp (nhằm tránh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ)
 - Các linh kiện của bộ đèn: Bộ nguồn, chip LED, bộ chống xung điện áp phải có đầy đủ chứng từ chứng nhận xuất xứ (CO) và chứng nhận chất lượng (CQ)
- Thời gian bảo hành bộ đèn LED, yêu cầu tối thiểu 05 năm.

DIMENSIONS

THAM KHẢO KÍCH THƯỚC BỘ ĐÈN



SƠ ĐỒ TIẾT GIẢM CÔNG SUẤT HỆ THỐNG ĐÈN CHIẾU SÁNG



- Ghi chú:
Chương trình 5 cấp chiếu sáng
- Bật sáng 100% công suất: 4 giờ
 - Bật sáng 70% công suất: 2 giờ
 - Bật sáng 50% công suất: 3 giờ
 - Bật sáng 70% công suất: 1 giờ
 - Bật sáng 100% công suất: thời gian còn lại đến lúc tắt

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ DUNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	CHI TIẾT ĐÈN ĐƯỜNG CÔNG SUẤT 120W THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM THANH GIA ĐỐC XÂY DỰNG ĐÔNG NAM MÃ SỐ: 3100421102 - C.T. KH. 1 T.P. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH	/2026
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC			
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG			
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		ThS. TS. Bùi Minh Phúc	KHVB: CQ.31

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIẢNG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG PHẦN ĐƯỜNG DÂY 22KV

TT	VẬT TƯ-THIẾT BỊ	QUY CÁCH MÃ HIỆU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	CHỈ CHỮ
A	PHẦN ĐƯỜNG DÂY 22KV				
1	Móng cột đỡ BTLT (cột 14m)	MT-4	Móng	2	Cả 3 pha
2	Móng cột néo BTLT (cột 14m)	MTĐ-4	Móng	1	
3	Cột điện BTLT	NPC.I.14-190-11	Cột	4	
4	Xà đỡ lệch kép 2 pha	XDDL2F-2L-1530	Bộ	2	
5	Xà đầu nối cột đôi dọc tuyến	XNLĐ(D)-2L-1530	Bộ	1	
6	Xà dao cách ly	XDCL	Bộ	1	
7	Dây nhôm bọc trung thế	AC-XLPE 70-12,7/24kV	m	333	
8	Sứ chuỗi Polimer 24kV		Chuỗi	3	
9	Sứ đứng Pinpost 24kV+ty		Bộ	16	
10	Khóa néo ép dây bọc trung thế	KN-XLPE/70-2,7/24kV	Cái	6	3 cái 1 pha
11	Kẹp đầu lèo dây bọc trung thế	KR XLPE/70-2,7/24kV	Cái	6	
12	Kẹp cáp	A-70	Cái	6	
13	Cụm đầu rẽ dây bọc	ĐR-70	Cái	3	
14	Tiếp địa đường dây	LR6	Bộ	3	
15	Dao cách ly đường dây LTD	LTD-24kV	Bộ	1	

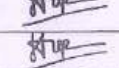
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/SXD - HTKT

Ngày tháng năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	THỐNG KÊ VẬT TƯ TRUNG THẾ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM XÂY DỰNG ĐÔNG NAM QUẢNG HỒI - T. QUẢNG BÌNH	/2026
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC				
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG				
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				

Ths Ks. Bùi Minh Phúc

KHBV: CD.32

BẢNG KÊ CHI TIẾT VÀ TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÁC TRẠM BIẾN ÁP

TT	VẬT TƯ-THIẾT BỊ	QUY CÁCH MÃ HIỆU	Đ.VỊ	KL	GHI CHÚ
A	PHẦN XÂY DỰNG				
I	Phần XDM TBA				
1	Dây đồng bọc trung thế CXV 1x35-12,7(24)kV		Mét	21	
2	Kẹp quai nhôm đồng AM70		Bộ	3	
3	Cụm đầu rẽ dây XLPE 70		Bộ	3	
4	Xà sứ đến cột thép		Bộ	2	
5	Xà sứ đỡ cột thép		Bộ	1	
6	xà đỡ MBA		Bộ	1	
7	Colier và tăng đỡ chống lật + thanh bắt CSV		Bộ	1	
8	Xà đỡ tủ điện		Bộ	1	
9	Thang sắt		Bộ	1	
10	Ghế thao tác		Bộ	1	
11	Sứ đứng polimer 24kV + ty + kẹp dây		Bộ	18	
12	Cầu chì tự rơi FCO-22		Bộ	1	
13	Dây cháy 10K		cái	3	
14	Cáp tụ bù CXV 1X150mm2-0.6/1kv		M	32	
15	Cáp tụ bù CXV 1X120mm2-0.6/1kv		M	15	
16					
17	Tiếp địa trạm		HT	1	
18	HT tiếp địa thông trên TBA		Bộ	1	
19	Dây tiếp địa Fi 12		m	12	
20	Kẹp bắt dây tiếp địa M38		cái	9	
21	Đầu cột đồng M35		cái	37	
22	Đầu cột đồng M150		cái	2	
23	Đầu cột đồng M195		cái	6	
24	Ống nhựa xoắn HDPE D130/110		m	20	
25	Đai thép buộc (20*0,4)mm		Bộ	12	
26	Khoá đai buộc		cái	12	
27	cột thép 12,1m treo trạm biến áp		cột	1	
28	Móng cột thép 12,1m treo trạm biến áp		móng	1	
29	Nền TBA (3,7*2,2*0,2)m3		nền	1	
30	Các phần khác (Ổ khóa, biển báo)		cái	1	
B	PHẦN THIẾT BỊ				
I	Thiết bị (mua mới)				
31	Máy biến áp	320kVA-22/0,4kV	Máy	1	
32	Tủ hạ thế trọn bộ	TĐ0,4kV-500A	Tủ	1	
33	Tủ tụ bù trọn bộ 120KVAR	TB0,4kV-12x10kVAr	Tủ	1	
34	Chống sét van (1 bộ = 3 pha)	LA-21	Bộ	1	3 pha
C	PHẦN THÍ NGHIỆM				
35	Máy biến áp	320kVA-22/0,4kV	Máy	1	
36	Tủ hạ thế trọn bộ	TĐ0,4kV-500A	Tủ	1	
37	Tủ tụ bù trọn bộ	TB0,4kV-12x10kVAr	Tủ	1	
38	Chống sét van (1 bộ = 3 pha)	LA-21	Bộ	1	
39	Cáp Trung thế CXV 1X35		SỢI	1	
40	Cáp hạ thế CXV 1x150,1x70		Sợi	3	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

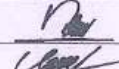
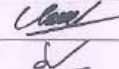
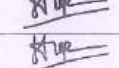
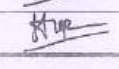
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ DỰNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG NINH	THỐNG KÊ VẬT TƯ TBA THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM/2026		
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC					
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG					
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP					
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP					

KHBY: CD.33

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ THỂ

TT	TÊN VẬT TƯ-THIẾT BỊ	QUI CÁCH- MÃ HIỆU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
I	PHẦN XÂY DỰNG MỚI				
1	Móng cột BTLT đơn		Móng	25	
2	Móng cột BTLT đôi		Móng	11	
3	Cột điện BTLT	NPC.I-8,5-160-3	Cột	47	
4	Cáp vặn xoắn ABC/A-4*120	ABC/A-4*120	m	1234	
5	Khóa néo 4*120	KN 4*120	Cái	26	
6	Khóa đỡ 4*120	KĐ 4*120	Cái	25	
7	Bulong móc	BLM 16*250	Cái	47	
8	Đai móc	ĐM	Cái	94	
9	Đai thép	ĐT	m	116	
10	Khóa đai thép	KĐ	Cái	116	
11	Kẹp răng 120	KR 35-120	Bộ	3	
12	Tiếp địa đường dây	LR-3	Bộ	13	
13	Cờ tiếp địa đầu cột	TN1	Cái	13	
14	Hộp đấu nối công tơ		Hộp	33	
16	Bịt đầu cáp dây 120	A120	Cái	36	
17	Cổ dè cột đôi		Bộ	11	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIANG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....
Ngày tháng năm
Chủ trì bộ môn ký tên

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/SXD - HTKT
Ngày tháng năm 202.....
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ	DỰ ÁN	THỐNG KÊ VẬT TƯ HẠ THỂ	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	/2026
ỦY BAN NHÂN DÂN	PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ QUYỂN SỬ		CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC				
HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG				
	XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH		THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP				
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP			CHỖ KÝ: Bùi Minh Phúc	KHBY: CD.34

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG KIẾN GIẢNG

THẨM TRA

Theo văn bản số:/.....

Ngày tháng năm

Chủ trì bộ môn ký tên

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ PHẦN CHIẾU SÁNG

TT	TÊN VẬT TƯ-THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
I	PHẦN XÂY DỰNG MỚI			
1	Cáp vặn xoắn ABC/ 4*35	m	1234.0	
2	Dây lên đèn CVV 3x2.5 mm2	m	190.0	
3	Cần đèn cao 1,5m vươn 2m gắn cột BTLT	bộ	38	
4	Đèn LED CS đường phố 120W-dimming 5 cấp cs Hiệu suất phát quang >=160LM/W, IP67,IK09, Tuổi thọ >= 100.000h	bộ	38	
5	Tủ điều khiển chiếu sáng 2 chế độ gắn cột	Cái	1	
6	Tiếp địa tủ điều khiển chiếu sáng (RL-6)	Cái	1	
7	Giá treo tủ ĐKCS	bộ	1	
8	KẸP CÁP 2 BULONG	Cái	114	
9	Đầu cos đồng M2.5	Cái	114	
10	Móc treo cáp	bộ	38	
11	Khóa néo cáp	bộ	15	
12	Đai thép	bộ	76	

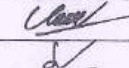
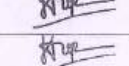
SỞ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../SXD - HTKT

Ngày.....tháng.....năm 202.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY	DỰ ÁN PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY ĐỊA ĐIỂM XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH	THỐNG KÊ VẬT TƯ CHIẾU SÁNG THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	C.N.Đ.A	BÙI MINH PHÚC			CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM XÂY DỰNG ĐÔNG NAM ĐƯỜNG HỒI-1, QUẢNG BÌNH	/2026	
			CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN VĂN LỘC					
			NHÓM	KS. LÊ VĂN LƯƠNG					
			THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP					
			KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP					
			Ths. KS. Bùi Minh Phúc			KHBY: CD.35			

DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁ QUẢN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

BÌNH ĐỒ GIAO THÔNG

TỶ LỆ: 1/500

MẶT CẮT 2-2

MẶT CẮT 1-1

MẶT CẮT 2A-2A

MẶT CẮT 3-3

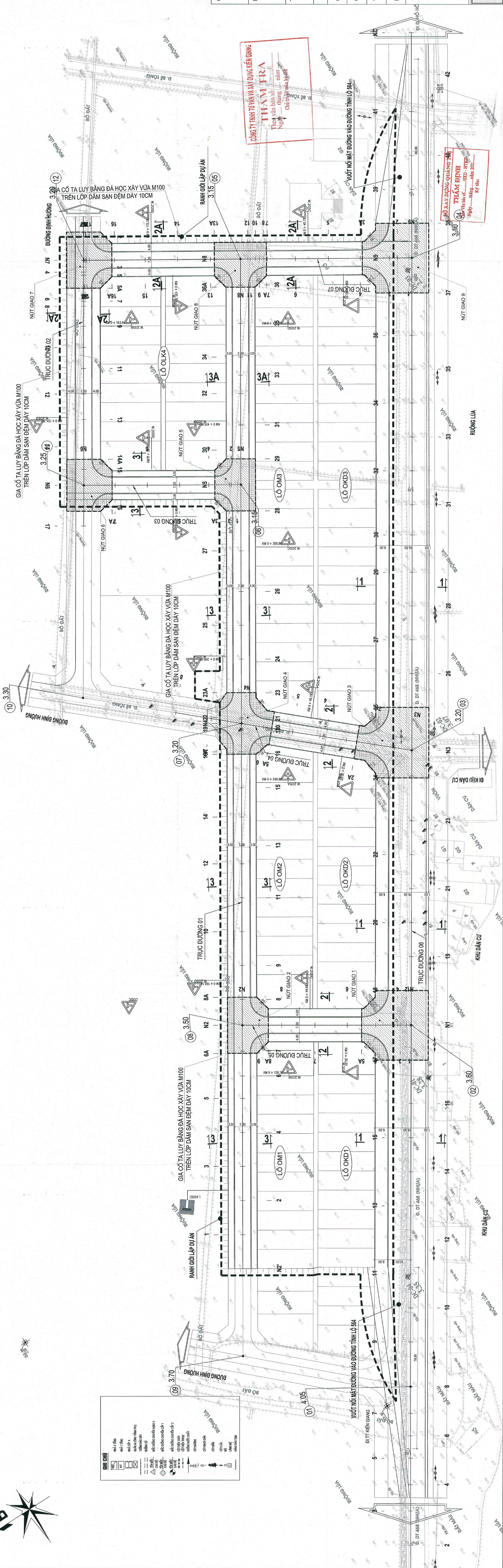
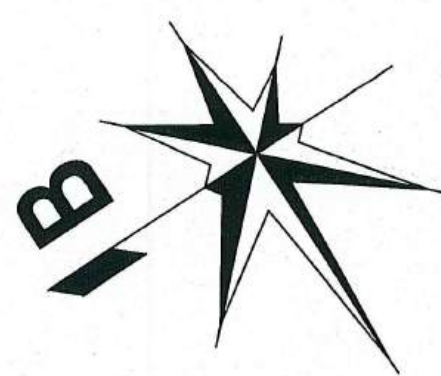
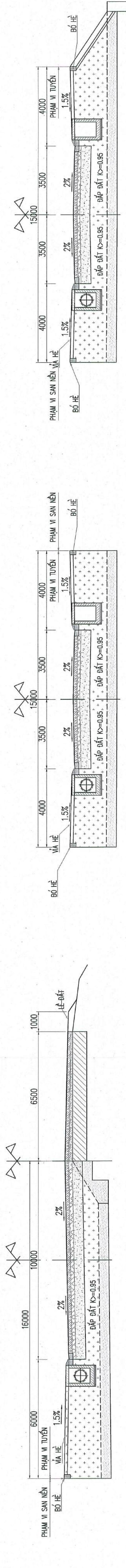
MẶT CẮT 3A-3A

BẢNG TỌA ĐỘ ĐƯỜNG CHUYỂN ĐC2

SỐ ĐƯỜNG	ĐIỂM	X	Y	Z
K200		194596.65	53116.67	1.68
K200		190335.59	54972.41	0.72
DC2-1		194001.11	53331.93	1.28
DC2-2		194111.69	53541.20	1.87
DC2-3		194022.81	53560.27	2.46
DC2-4		194252.76	53232.02	3.33

BẢNG TỌA ĐỘ ĐỈNH

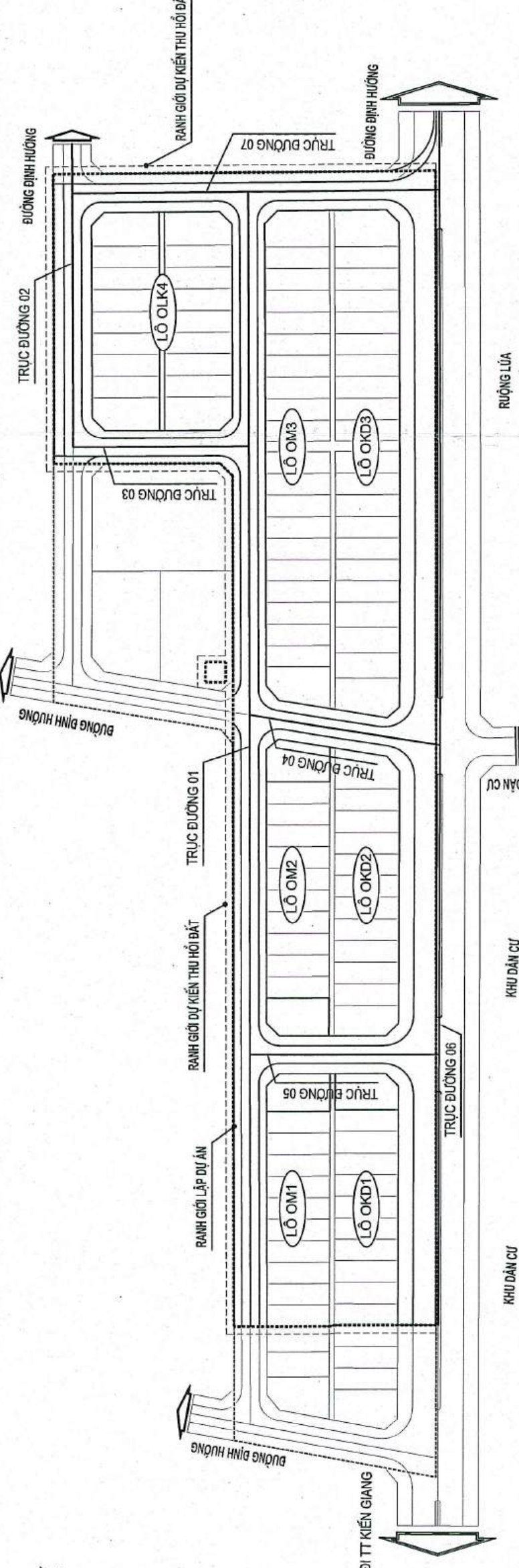
Tên đỉnh	X	Y	Z
Đ1	194242.14	53277.84	1.68
Đ2	194418.81	53277.85	1.68
Đ3	194127.70	53429.64	1.61
Đ4	194008.12	53691.81	1.81
Đ5	194071.82	53693.61	1.81
Đ6	194133.73	53642.63	1.81
Đ7	194426.39	53630.35	1.81
Đ8	194335.74	53545.47	1.81
Đ9	194184.55	53697.24	1.81
Đ10	194130.45	53691.07	1.81



CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT LỆ THỦY	
DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁ QUẢN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY	
TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ GIAO THÔNG	
BĐT-01	CHÉP TỪ: A1
TỶ LỆ: 1/500	
NGÀY: 10/02/2026	
CHỦ NHIỆM DA	BÙI MINH PHÚC
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA
THIẾT KẾ	TRẦN CHÍ HÒA
KIỂM TRA	HOÀNG CÔNG VŨ
GIÁM ĐỐC:	
BÙI MINH PHÚC	
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐÔNG NAM	
ĐỊA CHỈ: 12 TRẦN VĂN CHÁU, P. NAM LẠ, TP. ĐÔNG HỒ, TỈNH QUẢNG BÌNH	
ĐT: 84 - 3538-278578 - FAX: 84 - 0235-278578 EMAIL: DONGNAMDC@gmail.com	

BÌNH ĐỒ ỨNG DỤNG ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

TỶ LỆ 1/2000



TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

STT	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	M-1	1904200.139	595192.068
2	M-2	1904272.658	595247.843
3	M-3	1904290.292	595280.872
4	M-4	1904324.456	595280.872
5	M-5	1904278.951	595351.021
6	M-6	1904186.684	595351.021
7	M-7	1904194.996	595501.095
8	M-8	1904188.313	595501.095
9	M-9	1904179.050	595505.403
10	M-10	1904210.26	595517.94
11	M-11	1904142.055	595568.679
12	M-12	1904186.557	595605.127
13	M-13	1904133.579	595605.127
14	M-14	1904084.139	595661.051
15	M-15	1904271.433	595633.710
16	M-16	1903977.265	595672.447

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M-24	1904262.02	595267.57
M-25	1904268.67	595267.57
M-26	1904268.67	595267.57
M-27	1904268.67	595267.57
M-28	1904304.75	595261.62
M-29	1904304.75	595261.62
M-30	1904295.52	595261.62
M-31	1904295.52	595261.62
M-32	1904295.52	595261.62
M-33	1904281.67	595310.32
M-34	1904277.05	595324.44
M-35	1904277.05	595324.44
M-36	1904277.05	595324.44
M-37	1904277.05	595324.44
M-38	1904277.05	595324.44
M-39	1904277.05	595324.44
M-40	1904277.05	595324.44
M-41	1904277.05	595324.44
M-42	1904277.05	595324.44
M-43	1904277.05	595324.44
M-44	1904277.05	595324.44
M-45	1904277.05	595324.44
M-46	1904277.05	595324.44
M-47	1904277.05	595324.44

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M-48	1904274.72	595292.44
M-49	1904279.35	595292.44
M-50	1904284	595292.44
M-51	1904290.39	595346.82
M-52	1904294.49	595346.82
M-53	1904297.65	595366.72
M-54	1904297.65	595366.72
M-55	1904297.65	595366.72
M-56	1904297.65	595366.72
M-57	1904297.65	595366.72
M-58	1904297.65	595366.72
M-59	1904297.65	595366.72
M-60	1904297.65	595366.72
M-61	1904297.65	595366.72
M-62	1904297.65	595366.72
M-63	1904297.65	595366.72
M-64	1904297.65	595366.72
M-65	1904297.65	595366.72
M-66	1904297.65	595366.72
M-67	1904297.65	595366.72
M-68	1904297.65	595366.72
M-69	1904297.65	595366.72
M-70	1904297.65	595366.72
M-71	1904297.65	595366.72
M-72	1904297.65	595366.72
M-73	1904297.65	595366.72

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M-74	1904268.67	595311.24
M-75	1904268.67	595311.24
M-76	1904268.67	595311.24
M-77	1904268.67	595311.24
M-78	1904268.67	595311.24
M-79	1904268.67	595311.24
M-80	1904268.67	595311.24
M-81	1904268.67	595311.24
M-82	1904268.67	595311.24
M-83	1904268.67	595311.24
M-84	1904268.67	595311.24
M-85	1904268.67	595311.24
M-86	1904268.67	595311.24
M-87	1904268.67	595311.24
M-88	1904268.67	595311.24

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M-89	1904268.67	595311.24
M-90	1904268.67	595311.24
M-91	1904268.67	595311.24
M-92	1904268.67	595311.24
M-93	1904268.67	595311.24
M-94	1904268.67	595311.24
M-95	1904268.67	595311.24
M-96	1904268.67	595311.24
M-97	1904268.67	595311.24
M-98	1904268.67	595311.24
M-99	1904268.67	595311.24
M-100	1904268.67	595311.24
M-101	1904268.67	595311.24
M-102	1904268.67	595311.24
M-103	1904268.67	595311.24
M-104	1904268.67	595311.24
M-105	1904268.67	595311.24
M-106	1904268.67	595311.24
M-107	1904268.67	595311.24
M-108	1904268.67	595311.24

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M-109	1904268.67	595311.24
M-110	1904268.67	595311.24
M-111	1904268.67	595311.24
M-112	1904268.67	595311.24
M-113	1904268.67	595311.24
M-114	1904268.67	595311.24
M-115	1904268.67	595311.24
M-116	1904268.67	595311.24
M-117	1904268.67	595311.24
M-118	1904268.67	595311.24

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M-119	1904268.67	595311.24
M-120	1904268.67	595311.24
M-121	1904268.67	595311.24
M-122	1904268.67	595311.24
M-123	1904268.67	595311.24
M-124	1904268.67	595311.24
M-125	1904268.67	595311.24
M-126	1904268.67	595311.24
M-127	1904268.67	595311.24
M-128	1904268.67	595311.24
M-129	1904268.67	595311.24
M-130	1904268.67	595311.24
M-131	1904268.67	595311.24
M-132	1904268.67	595311.24
M-133	1904268.67	595311.24

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M-134	1904268.67	595311.24
M-135	1904268.67	595311.24
M-136	1904268.67	595311.24
M-137	1904268.67	595311.24
M-138	1904268.67	595311.24
M-139	1904268.67	595311.24
M-140	1904268.67	595311.24
M-141	1904268.67	595311.24
M-142	1904268.67	595311.24
M-143	1904268.67	595311.24
M-144	1904268.67	595311.24
M-145	1904268.67	595311.24
M-146	1904268.67	595311.24
M-147	1904268.67	595311.24
M-148	1904268.67	595311.24
M-149	1904268.67	595311.24

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M-150	1904268.67	595311.24
M-151	1904268.67	595311.24
M-152	1904268.67	595311.24
M-153	1904268.67	595311.24
M-154	1904268.67	595311.24
M-155	1904268.67	595311.24
M-156	1904268.67	595311.24
M-157	1904268.67	595311.24
M-158	1904268.67	595311.24
M-159	1904268.67	595311.24
M-160	1904268.67	595311.24
M-161	1904268.67	595311.24
M-162	1904268.67	595311.24
M-163	1904268.67	595311.24
M-164	1904268.67	595311.24
M-165	1904268.67	595311.24
M-166	1904268.67	595311.24
M-167	1904268.67	595311.24
M-168	1904268.67	595311.24
M-169	1904268.67	595311.24
M-170	1904268.67	595311.24
M-171	1904268.67	595311.24
M-172	1904268.67	595311.24
M-173	1904268.67	595311.24
M-174	1904268.67	595311.24
M-175	1904268.67	595311.24
M-176	1904268.67	595311.24
M-177	1904268.67	595311.24
M-178	1904268.67	595311.24
M-179	1904268.67	595311.24
M-180	1904268.67	595311.24
M-181	1904268.67	595311.24
M-182	1904268.67	595311.24
M-183	1904268.67	595311.24

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M-184	1904268.67	595311.24
M-185	1904268.67	595311.24
M-186	1904268.67	595311.24
M-187	1904268.67	595311.24
M-188	1904268.67	595311.24
M-189	1904268.67	595311.24
M-190	1904268.67	595311.24
M-191	1904268.67	595311.24
M-192	1904268.67	595311.24
M-193	1904268.67	595311.24
M-194	1904268.67	595311.24
M-195	1904268.67	595311.24
M-196	1904268.67	595311.24
M-197	1904268.67	595311.24
M-198	1904268.67	595311.24
M-199	1904268.67	595311.24
M-200	1904268.67	595311.24
M-201	1904268.67	595311.24
M-202	1904268.67	595311.24
M-203	1904268.67	595311.24
M-204	1904268.67	595311.24
M-205	1904268.67	595311.24
M-206	1904268.67	595311.24
M-207	1904268.67	595311.24
M-208	1904268.67	595311.24
M-209	1904268.67	595311.24
M-210	1904268.67	595311.24
M-211	1904268.67	595311.24
M-212	1904268.67	595311.24
M-213	1904268.67	595311.24
M-214	1904268.67	595311.24
M-215	1904268.67	595311.24
M-216	1904268.67	595311.24
M-217	1904268.67	595311.24
M-218	1904268.67	595311.24
M-219	1904268.67	595311.24
M-220	1904268.67	595311.24
M-221	1904268.67	595311.24
M-222	1904268.67	595311.24
M-223	1904268.67	595311.24
M-224	1904268.67	595311.24
M-225	1904268.67	595311.24
M-226	1904268.67	595311.24

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M-227	1904172	595812.96
M-228	1904167.62	595812.96
M-229	1904163.01	595826.87
M-230	1904158.39	595834.01
M-231	1904153.77	595841.15
M-232	1904148.16	595848.28
M-233	1904144.54	595855.42
M-234	1904139.92	595862.56
M-235	1904135.31	595869.69
M-236	1904130.9	595876.5
M-237	1904123.97	595883.01
M-238	1904118.65	595889.3
M-239	1904113.26	595895.17
M-240	1904107.49	595900.84
M-241	1904101.71	595906.51
M-242	1904095.93	595912.18
M-243	1904089.16	595917.85
M-244	1904083.38	595923.52
M-245	1904077.6	595929.19
M-246	1904071.82	595934.86

TỌA ĐỘ MỐC PHÂN LỎ

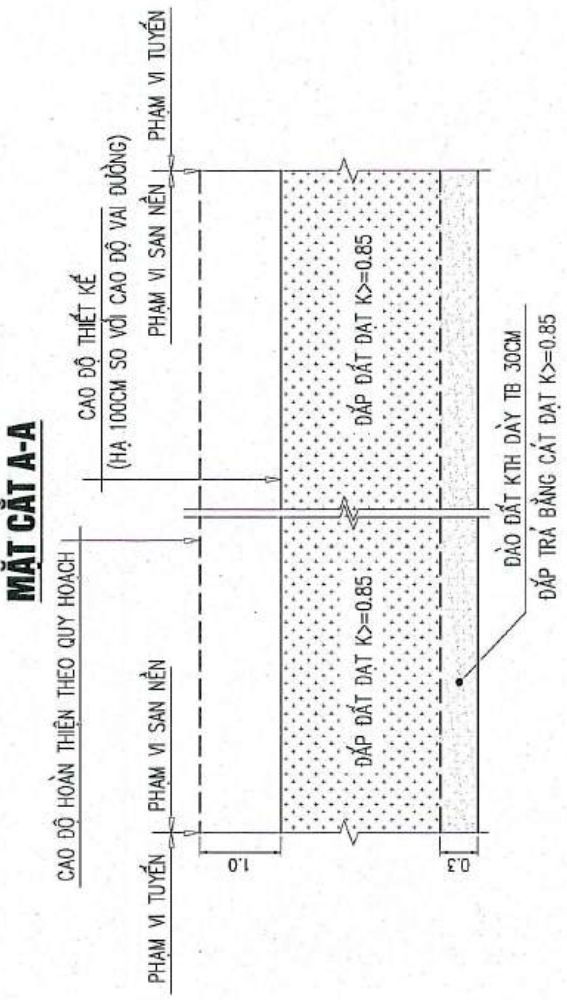
DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT LỆ THỦY
BÌNH ĐỒ SAN NỀN
TỶ LỆ: 1/500

KHOẢNG LƯỢNG THEO 0 LƯỚI TÍNH TOÀN

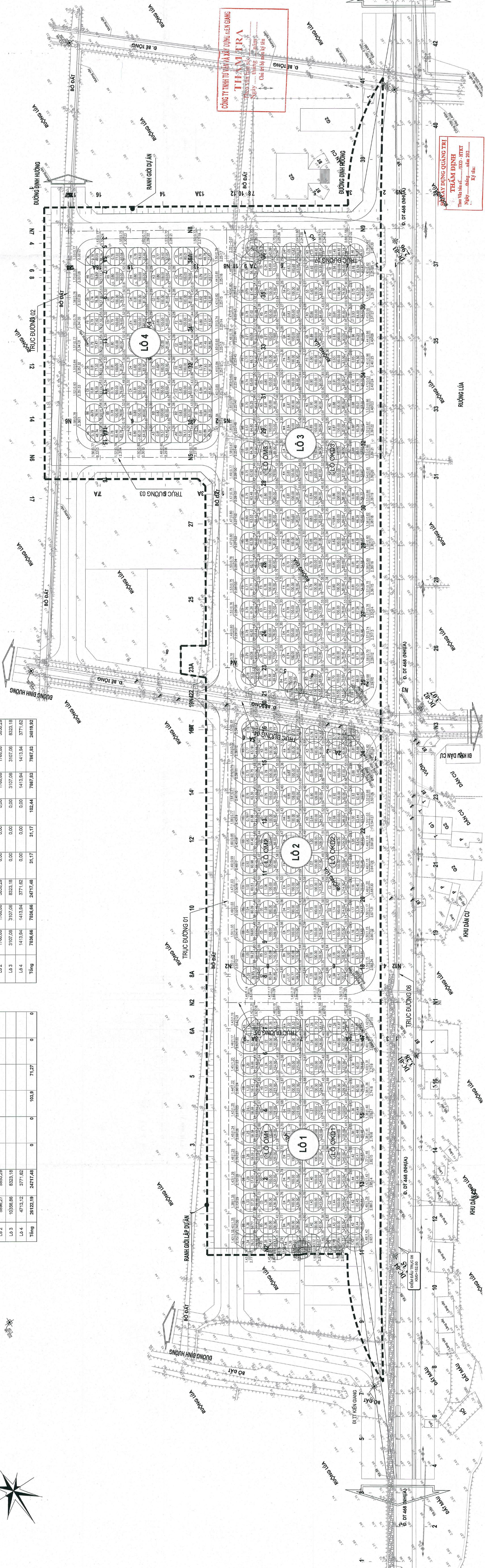
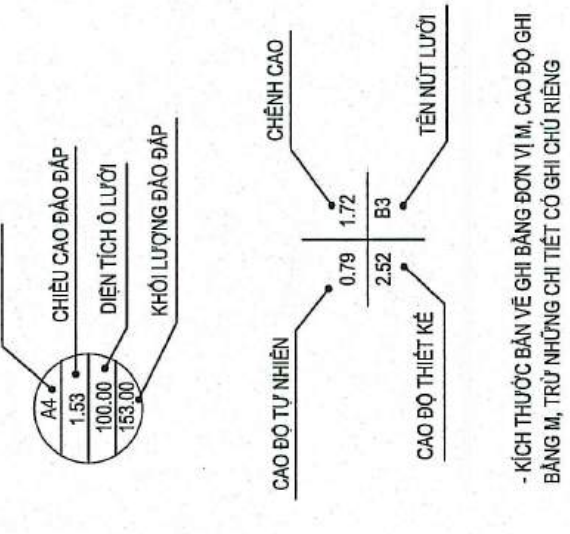
Table with 10 columns: Tên lô, Khối lượng trong lô, and 8 sub-columns for volume calculations (Đáp, Đr, Đr, Đr, Đr, Đr, Đr, Đr).

TỔNG HỢP KHOẢNG LƯỢNG SAN NỀN

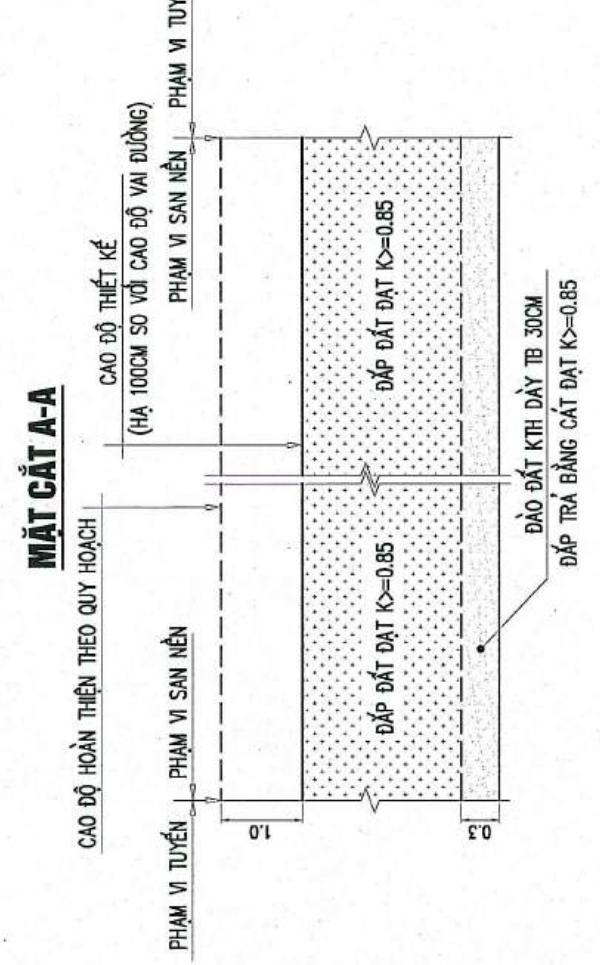
Table with 10 columns: Tên lô, Khối lượng trong lô, and 8 sub-columns for volume calculations (Đáp, Đr, Đr, Đr, Đr, Đr, Đr, Đr).



CHI CHỮ



CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT LỆ THỦY
DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT LỆ THỦY
TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ SAN NỀN
BDSN-02
CHỦ NHIỆM DA: BÙI MINH PHÚC
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: TRẦN CHÍ HÒA
THIẾT KẾ: TRẦN CHÍ HÒA
KIỂM TRA: HOÀNG CÔNG YU
NGÀY: 10/02/2026
CHỖ NHIỆM DA: BÙI MINH PHÚC
CHỖ TRÌ THIẾT KẾ: TRẦN CHÍ HÒA
CHỖ THIẾT KẾ: TRẦN CHÍ HÒA
CHỖ KIỂM TRA: HOÀNG CÔNG YU
CHỖ CHỮ: BÙI MINH PHÚC
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒNG NAM
Địa chỉ: 12 Trần Văn Chân - P. Nam Kỳ - TP. Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
ĐT: 84-5262.78878 - FAX: 84-5262.78878 - EMAIL: DONGNAMCO@GMAIL.COM



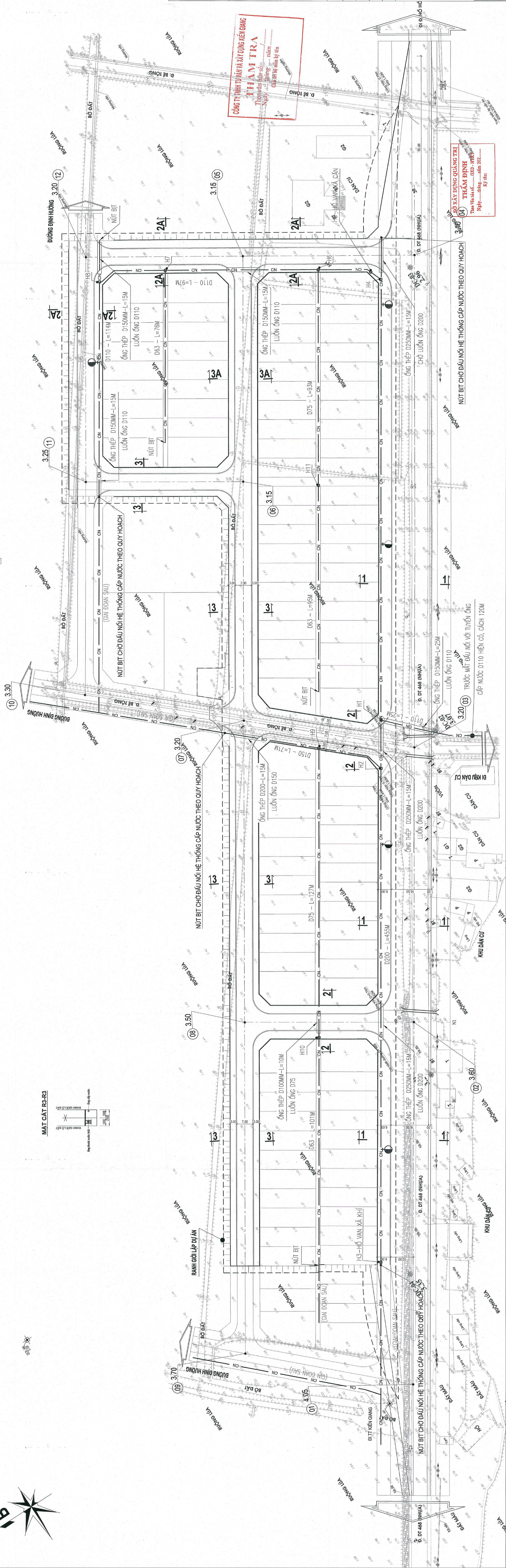
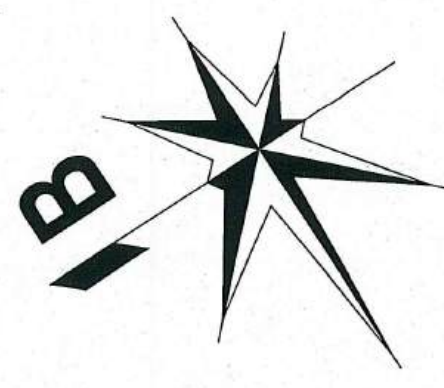
GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒNG NAM

ĐỊA CHỈ: 12 TRẦN VĂN CHUẨN - P. NAM LÝ - TP. ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH
ĐT: 84 - 0526.278678 - FAX: 84 - 02326.278678 EMAIL: DONGNAMCB@GMAIL.COM

BÌNH ĐỒ CẤP NƯỚC
DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIẢ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THUY
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ
TỶ LỆ: 1/500

BÌNH ĐỒ CẤP NƯỚC



CHÚ THÍCH:

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQĐ LỆ THUY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐẸ ĐÀU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LÊ THUY- TỈNH QUẢNG TRỊ

TÊN BẢN

BÌNH ĐỒ CẤP NƯỚC

ĐƠN 01	A1	TL. 1500	NGÀY: 10/2/2026
CHỦ NHÌM	THS. BUI MINH PHÚC		
CHỦ TRÌ	KS. TRINH THỊ HƯỜNG		
THIẾT KẾ			
Kiểm tra	KS. NGUYỄN CẨM HƯỜNG		

GIÁM ĐỐC

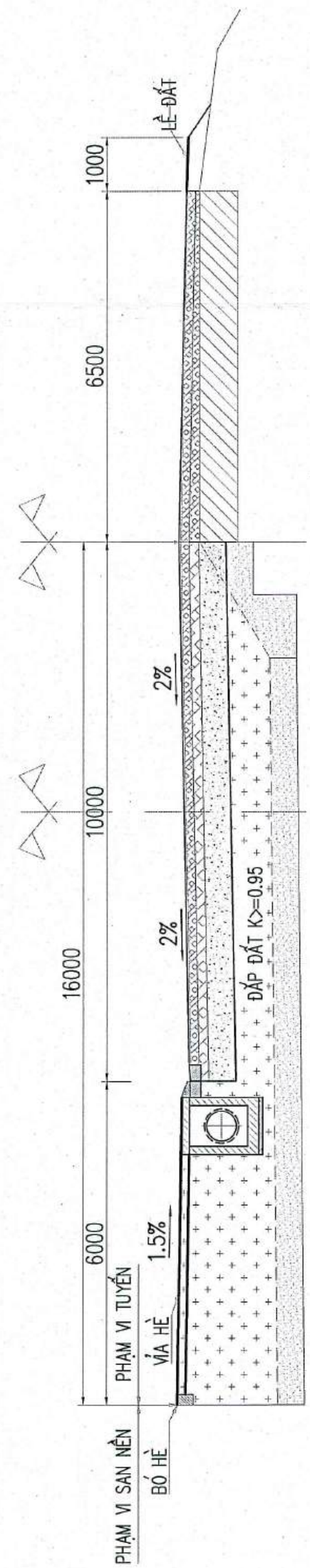
THS.KS. BÙI MINH PHÚC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒNG NAM

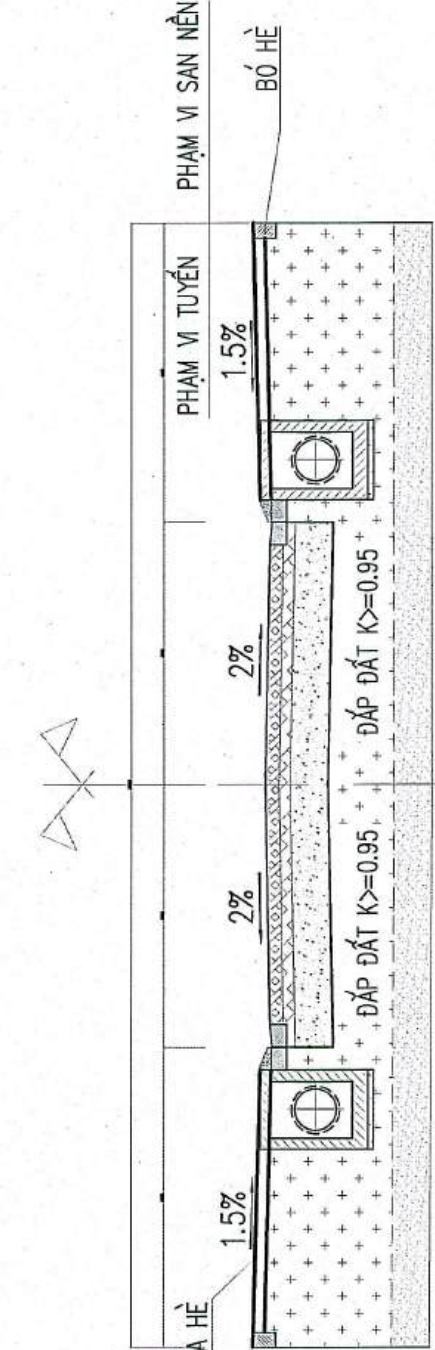
ĐỊA CHỈ: 12 TRẦN VĂN CHUẨN - NAM LÝ - P. ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐT: 84 - 0528 278678 - FAX: 84 - 02326 278678 EMAIL: DONGNAMOB@GMAIL

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA
 DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁ QUÝ SỬ DỤNG ĐẤT TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THUY
 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG TRỊ
 TỶ LỆ: 1/500

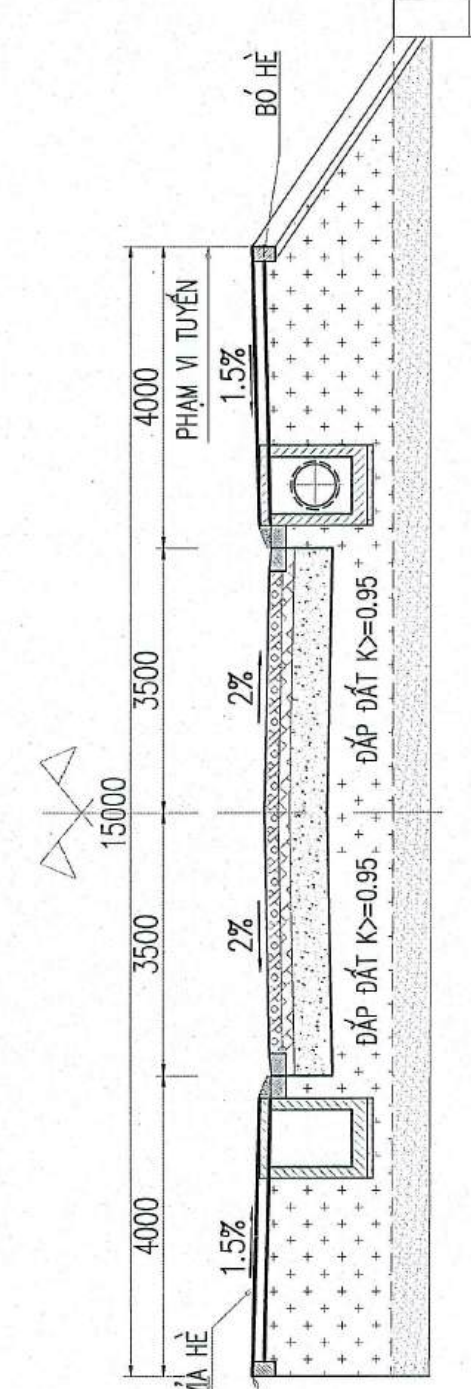
MẶT CẮT 1-1



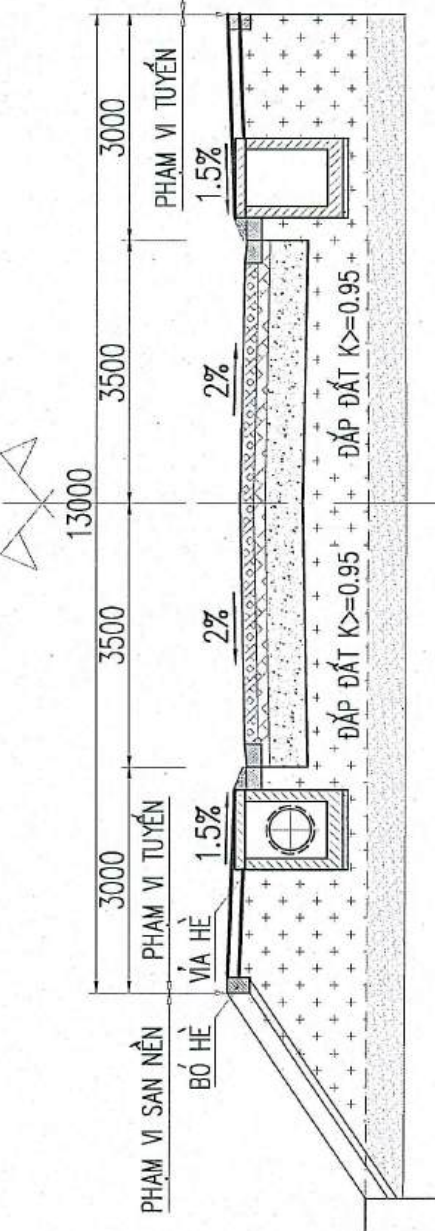
MẶT CẮT 2-2



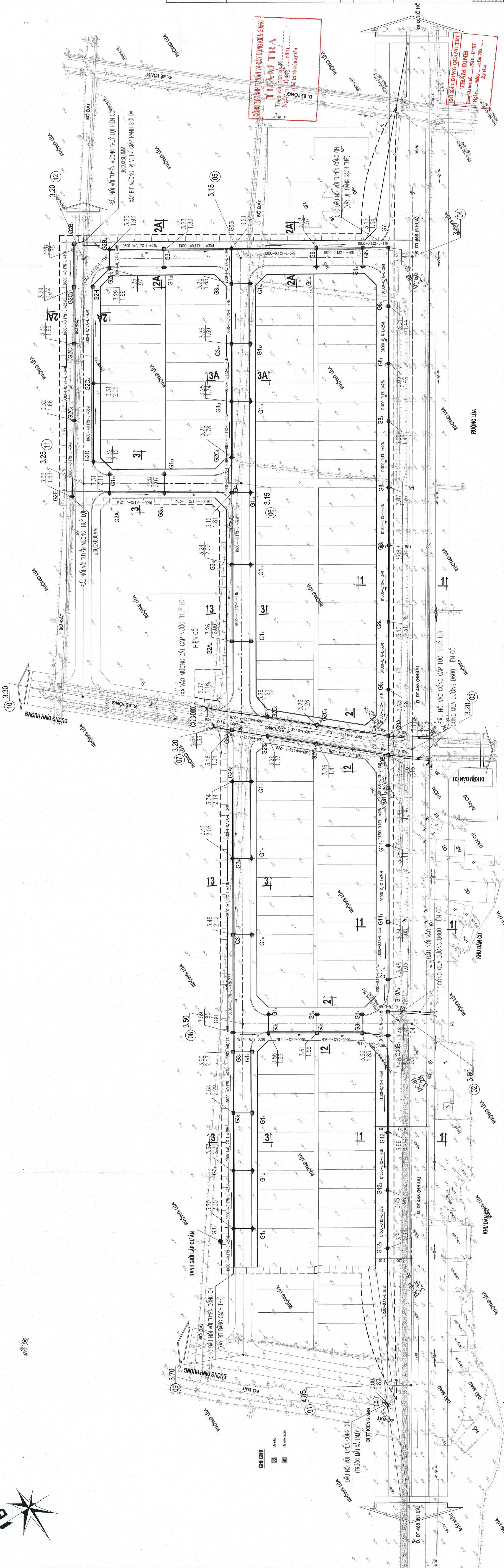
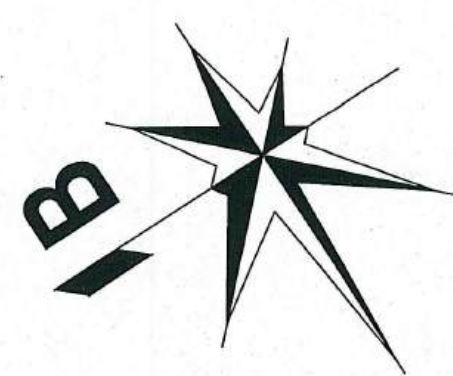
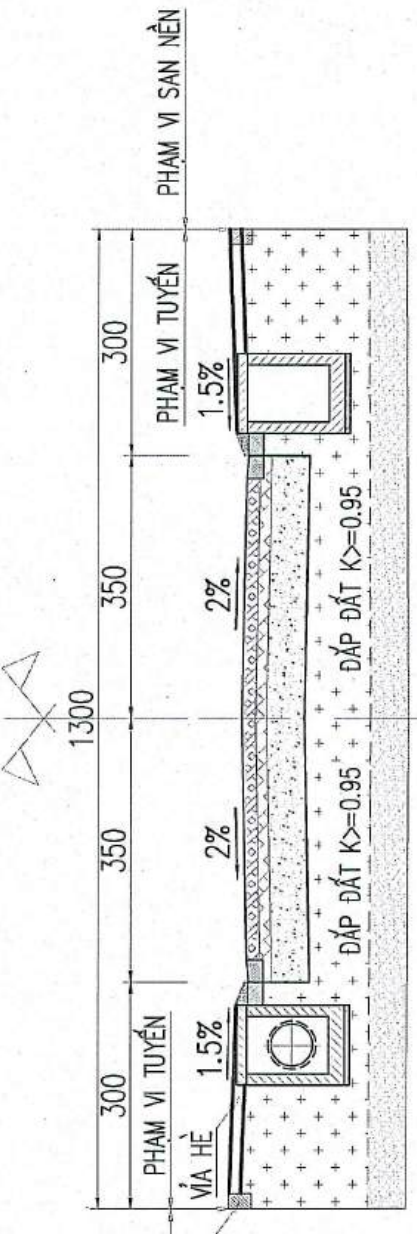
MẶT CẮT 2A-2A



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 3A-3A



CHÚ THÍCH:

D800-1=0.167167

CAO ĐỘ NÚP ĐÀN —————

CAO ĐỘ BẦY CỒNG CHIẾN —————

CHỦ ĐẤU TƯ:
BAN QLDA ĐTXD VÀ PTQĐ LỆ THỦY

CÔNG TRÌNH:
PHÁT TRIỂN QUY ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LÊ THỦY

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ LỆ THỦY- TỈNH QUẢNG TRỊ

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA

BDM: 01	A1	TL: 1500	NGÀY: 10/2/2026
CHỦ NHIỆM	THS. BÙI MINH PHÚC		
CHỦ TRÌ	KS. TRINH THỊ HUƠNG		
THIỆT KẾ			
Kiểm tra	KS. NGUYỄN CẨM HƯƠNG		

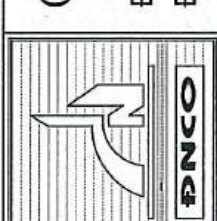
GIÁM ĐỐC



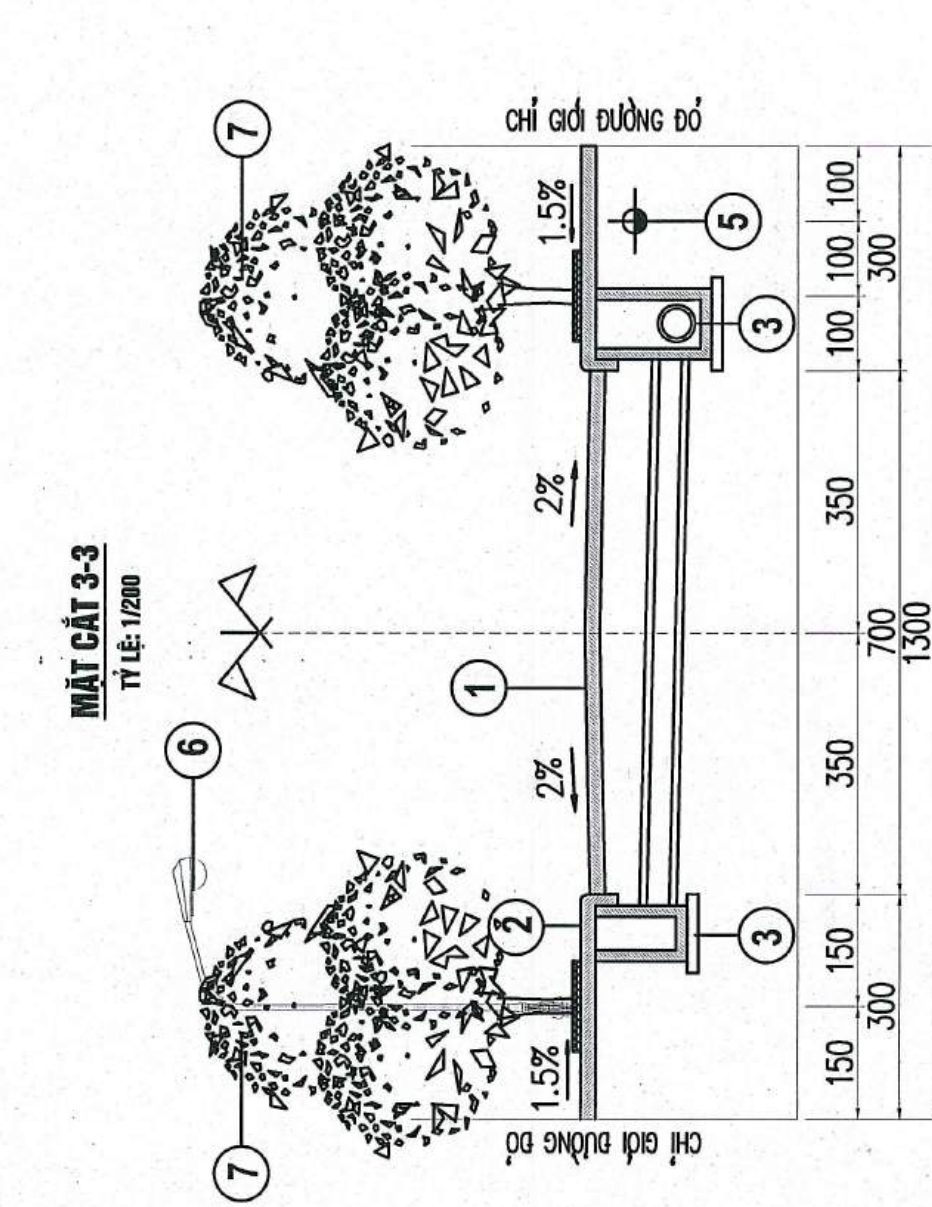
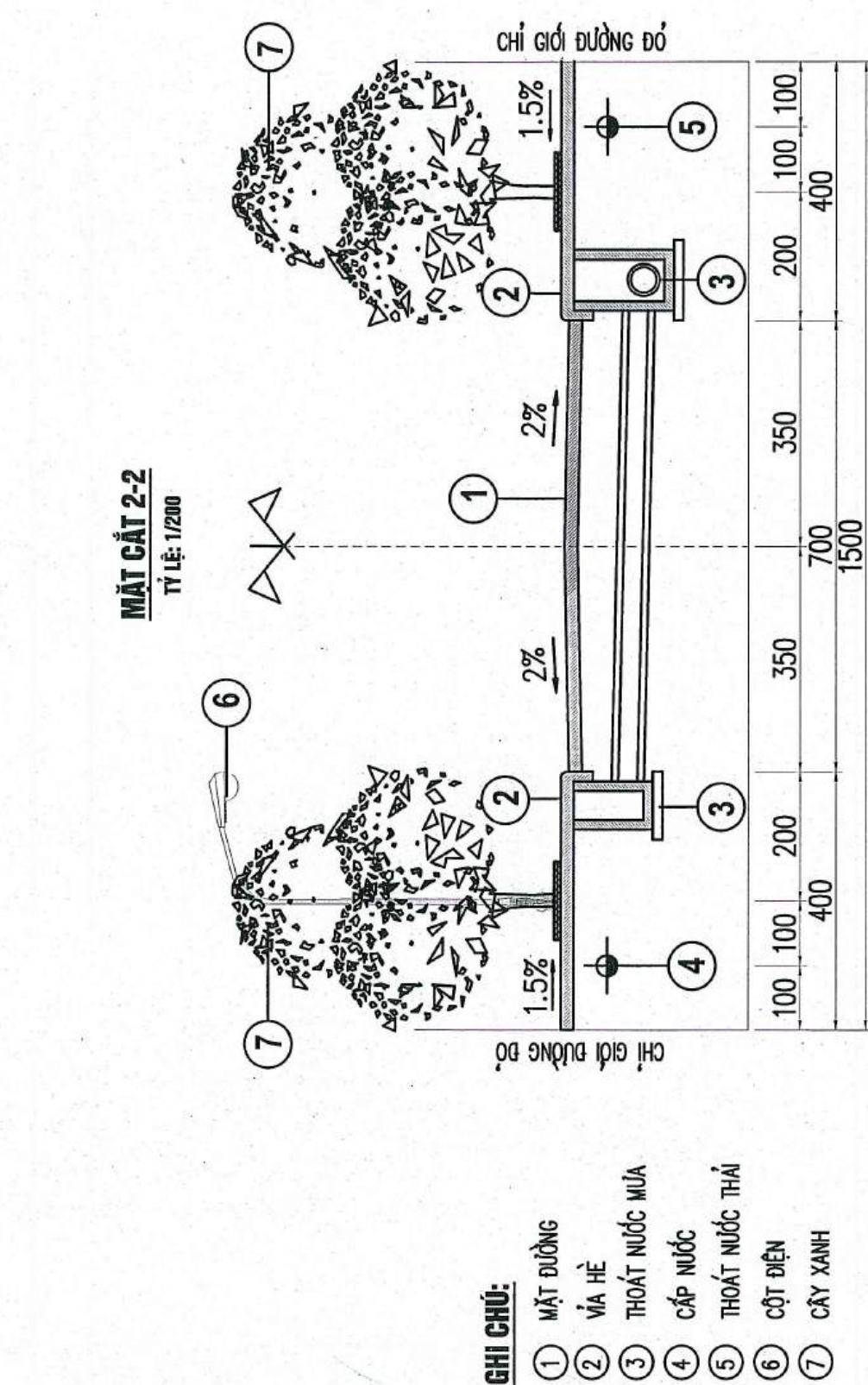
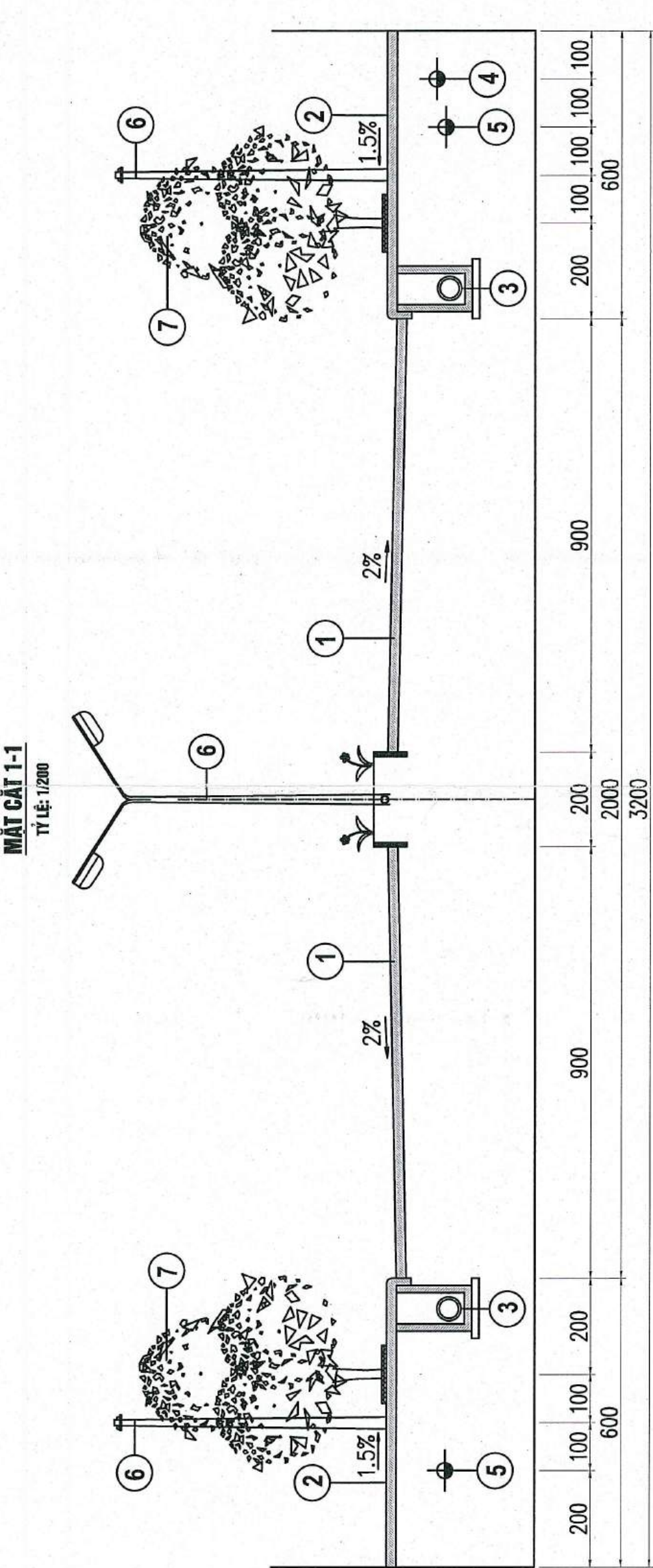
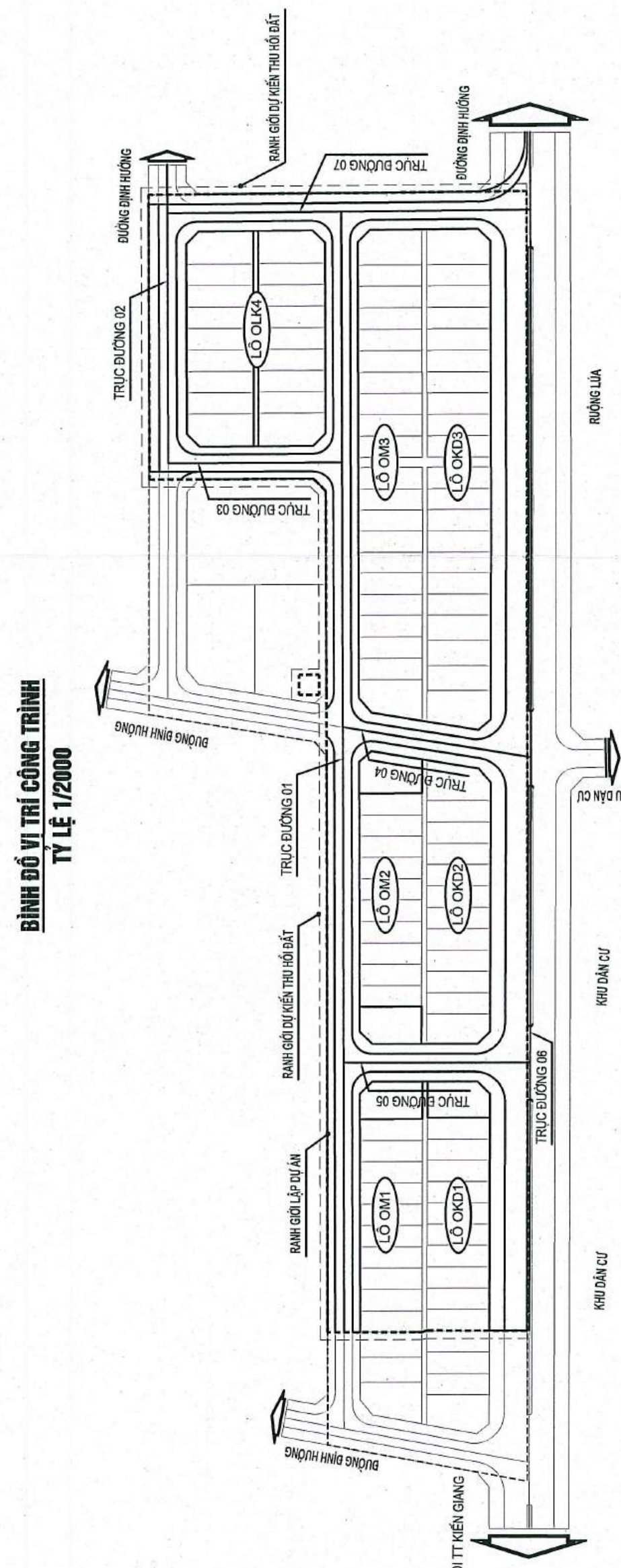
THS.KS. BÙI MINH PHÚC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒNG NAM

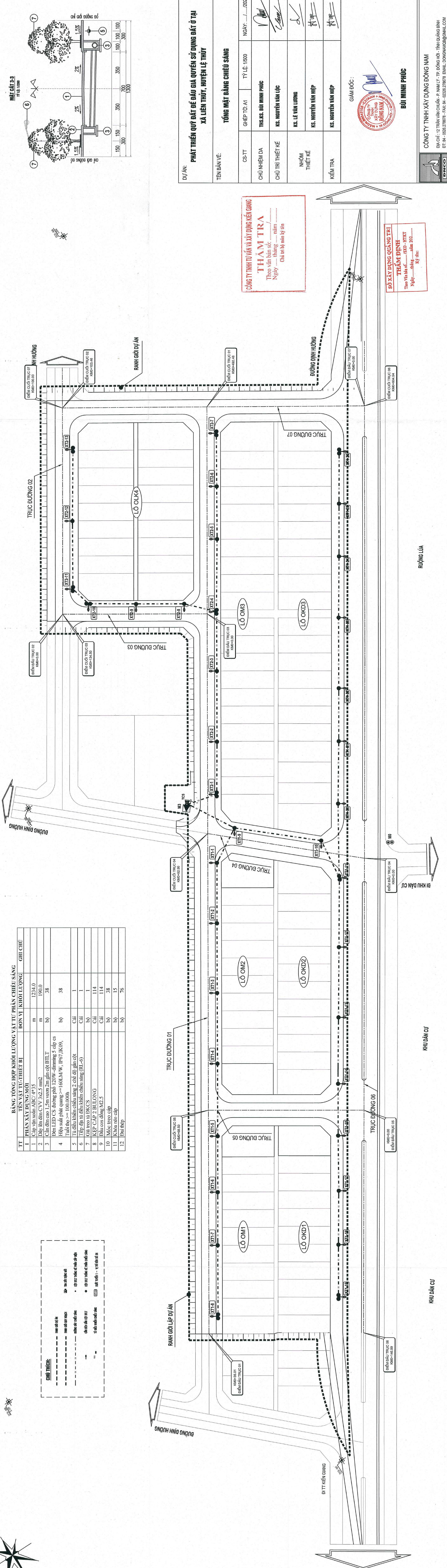
ĐỊA CHỈ: 12 TRẦN VĂN CHUẨN - NAM LÝ - P. ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐT: 84 - 0528 278678 - FAX: 84 - 02326 278678 EMAIL: DONGNAMOB@GMAIL



MẶT BẰNG TỔNG THỂ CHIẾU SÁNG
DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI XÃ LÊN THUY, HUYỆN LÊ THUY
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ LÊN THUY, HUYỆN LÊ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH
TỶ LỆ: 1/500



BẢNG TÍNH HỢP KỲ LƯỢNG VẬT VU PHÂN CHIỀU SÁNG			
TT	TÊN VẬT THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	GHỊ CHÚ
1	PHÂN XẠ ĐỒNG MỒI		
1	Củn viên sỏi B4 (4*5)	m	1234,0
2	Đặc liên CUV 3x2,5 mm2	m	190,0
3	Củn dĩa cỡ 1,5m vòng 2m gần cột BTLT	bộ	38
4	Đèn LED CS đường phố 120W-đường 5 cấp es hợp suất phát quang >= (60lm/W, IP67, IK09)	bộ	38
5	Tuốc tu >= 100,00h		
6	Tuốc tu gần chiều sáng 2 cột độ gần cột	Cái	1
7	Tuốc tu gần chiều sáng 2 cột độ gần cột	Cái	1
8	Tuốc tu gần chiều sáng 2 cột độ gần cột	bộ	1
9	Tuốc tu gần chiều sáng 2 cột độ gần cột	Cái	114
10	Tuốc tu gần chiều sáng 2 cột độ gần cột	Cái	114
11	Tuốc tu gần chiều sáng 2 cột độ gần cột	bộ	38
12	Tuốc tu gần chiều sáng 2 cột độ gần cột	bộ	15
13	Tuốc tu gần chiều sáng 2 cột độ gần cột	bộ	76



MÃN:

PHÁT THIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU GIỮA QUẬN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI

XÃ LIÊN THỦY, HUYỆN LỆ THỦY

ÊN BẢN VẼ:

CS/TT	GHEP TỜ A1	TỶ LỆ 1:500	NGÀY:/...../2002
CHỦ NHIỆM DA	TNS.KS. SỬ MINH PHÚC		
	KS. NGUYỄN VĂN LỘC		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. LÊ VĂN LƯƠNG		
	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		
NHÓM THIẾT KẾ			
KIỂM TRA	KS. NGUYỄN VĂN HIỆP		

GIÁM ĐỐC:



BUI MINH PHÚC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐỒNG NAM

ĐỊA CHỈ: 12 TRẦN VĂN GIUÂN - P. MÃI LỸ - TP. ĐỒNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH

ĐT: 053. 278671 - FAX: 053. 278678 EMAIL: DONGNAMCB@GMAIL.COM

